

ĐẶNG VĂN HÙNG

NHỮNG BÀI VIẾT VỀ ĐỒNG THÁP

TẬP 2:

- LÀNG NGHỀ - ẨM THỰC
- NHÀ CỔ



(Lưu hành nội bộ)

PHẦN 1. LÀNG NGHỀ - ẨM THỰC

MÓN DÂN DẪ NAM BỘ: CƠM GÓI MO CAU, CHUỘT XÀO SẢ ỚT VÀ CÁ LÓC NƯỚNG TRUI

Nam bộ - Vùng đất cực Nam của Tổ quốc, khi nói đến Nam Bộ là nói đến vùng đất được thiên nhiên dành nhiều ưu đãi cho cuộc sống của người dân nơi đây. Thời tiết thuận lợi, cây trái phát triển tươi tốt quanh năm. Sông rạch chằng chịt nguồn thủy sản sinh sôi dồi dào. Tính cách người Nam bộ chân thật hiền hòa, khoáng đạt, hiếu khách... Đặc biệt, có phong cách sống “Thoải mái, “xả láng”...

Ngày xưa, Nam bộ được mệnh danh là vùng đất “Trên cơm dưới cá”. Ở đây, người dân có cuộc sống an nhàn ít “Chật vật” với cái ăn, cái mặc. Đồng lúa luôn trù đầy mùa, cung cấp lương thực quanh năm, nguồn thủy sản đa dạng, phong phú như: rắn, rùa, ếch, nhái, cá, tôm, cua... là nguyên liệu để chế biến các món ăn từ “Bình dân” đến “Cao cấp”... Vì vậy, món ăn ở Nam bộ mang hương vị đồng quê đặc sắc và hấp dẫn.

Đến với vùng quê Đồng Tháp Mười thuộc Nam bộ, nơi có những người dân mộc mạc hiền lành. Cuộc sống “Thanh đạm” quanh mảnh vườn, thửa ruộng, ao cá của làng quê... Cảm nhận từ vùng đất trù phú của Nam bộ, nhạc sĩ Tô Thanh Tùng đã ngẫu hứng viết trong tác phẩm của mình, có đoạn sau thể hiện:

*“...Ô kìa! một đám rong rêu
Cỏ đầy chen chúc, lêu bêu rắn rùa
Mùa mưa, con nước ngang trời
Về đây cho biết, Tháp Mười quê tôi”*

Những loại thủy sản trên được đem chế biến thành những món ăn đặc sản như:

*Gỏi ngó sen trộn với thịt rắn hổ đất
Rắn nấu cháo với đậu xanh, cá rô kho tộ
Rùa rang muối, rùa hầm thuốc bắc
Tôm nướng, tôm luộc nước dừa tươi...*

Tuy nhiên, các món ăn này, ngày nay nó đã trở thành các món “Đặc sản cao cấp” đắt tiền ở các nhà hàng, các quán ăn sang trọng... và thường dành cho những cuộc chiêu đãi, ngoại giao của những người lắm của nhiều tiền... Còn những món ăn dành cho tầng lớp bình dân, người lao động thì vẫn có những món ăn rất “Độc chiêu”

bình dân mang hương vị của vùng quê Nam bộ vừa đơn giản vừa dễ chế biến ít tốn kém nhưng những ai có dịp thưởng thức thì khó quên như:

Canh chua cá linh “Bông điên điển”

Bông súng chấm mắm kho

Canh chua bông súng với cá rô đồng

Chuột luộc cơm mẻ hoặc chuột nướng tươi...

Những món này vừa ăn cơm vừa “Lai rai” thì có lẽ... quên thôi! Ở Nam bộ các món rất đa dạng phong phú không thể nào kể hết được. Và xin giới thiệu ba món ăn dân dã rất đặc trưng của người Nam bộ đó là: Cơm gói mo cau, chuột xào sả ớt và cá lóc nướng trui. Đây là những món ăn “Cây nhà lá vườn” trong văn hóa ẩm thực của người Nam bộ. Món ăn này đã có từ lâu và không ai còn nhớ rõ thời điểm xuất phát khi nào.

Ngày xưa, dân cư thưa thớt “Chợ búa” chưa phát triển, các loại “Thực phẩm chợ” còn khan hiếm. Đời sống sinh hoạt của người dân chủ yếu dựa vào những sản phẩm cây nhà lá vườn do tự mình làm ra để phục vụ nhu cầu cuộc sống là chủ yếu, vì vậy từ “Cây nhà lá vườn” là chỉ những sản phẩm do họ kiếm được mà không phải tốn tiền mua, tức là có chi dùng nấy theo cách nghĩ đơn giản của người dân nông thôn Nam bộ.

Cơm gói mo cau:



Cơm gói mo cau và cá lóc nướng

Đa số người dân nông thôn Nam bộ sống bằng nghề nông. Mỗi khi đi làm đồng (thường cách xa nơi ở), họ chọn tàu cau vừa rụng, hoặc đã khô, dùng dao, kéo cắt xén gọn gàng) đem ngâm nước cho nở mềm ra (để dễ gói, nhào nặn...), lau sạch, đem phơi sương trên chái bếp, đến khuya dậy nấu cơm thì lấy gói cơm mang theo làm đồng. Nấu cơm chín, cơm hơi nhao nhão, xúc cơm vào mo cau (loại gạo nàng hương,

nàng tri hơi đỏ đỏ, hương vị thơm ngọt) cơm được nhồi, ém chặt và gói vuông hoặc hình chữ nhật, lấy dây chuối khô cột lại, đến lúc ăn mở gói cơm trắng hồng, cạnh góc sắc nét trông rất đẹp mắt và hấp dẫn.

Trong chuyến đi làm đồng này, người ta còn mang theo một số phụ gia như: nước mắm, đường, ớt, rau thơm, me dốt (cũng là loại có sẵn trong vườn nhà) ...coi như họ đã chuẩn bị xong “Lương thực, thực phẩm” cho hành trình của một ngày lao động. Gọi là chuẩn bị xong nhưng chúng ta vẫn chưa thấy thức ăn đâu? chỉ có mớ gia vị. Hãy chờ đến trưa sẽ biết...

2. Chuột xào sả ớt:

Đến nơi làm việc, họ bắt tay ngay vào công việc đồng án và làm tất bật cốt cho mau chóng xong công việc mang lại hiệu suất một ngày làm việc cao nhất... Và tới giờ cơm trưa, họ chỉ cần nghỉ trước đó 20 – 30 phút để “Dậm cù”, vài người tìm cụm cỏ, hoặc đường mương cạn cỏ mọc tươi non, đất ẩm ướt, có nhiều dấu chân, vết cỏ bị chuột cắn là có thể dậm cù (dùng cỏ, hay chà lưới tấn, xung quanh cụm cỏ, đường mương...chừa đường cho chuột vào, ở chót đuôi có đào rọ, hoặc đặt một cái lợp, một người từ hướng miệng dậm cỏ lần vào, vừa dậm vừa gây tiếng động cho chuột sợ chạy vào rọ. Kết thúc cuộc dậm cù chớp nhoáng có thể bắt được số chuột khá khá, đôi khi vượt nhu cầu sử dụng phải thả bớt, vì ngày xưa chuột đồng nhiều vô kể (chuột ở đây từng được gọi là gà đồng).... bắt chuột lột da, chặt nhỏ vừa miếng ăn, đập tỏi, khử mỡ xào thịt chuột sẵn, để sả ớt vào thêm gia vị đường, nước mắm... tùy khẩu vị người ăn mà cho lượng nhiều hay ít, kho sền sệt làm món mặn ăn với cơm nóng thì rất tuyệt. Chuột, còn có thể chế biến hàng chục món bổ dưỡng khác!

3. Cá lóc nướng trui:



Cá lóc nướng trui

Để có món cá lóc nướng trui, bổ sung thực phẩm trong bữa cơm trưa của chuyên làm đồng này, xong việc, họ nhảy xuống rạch hoặc ao “Dậm dẫu” (lấy bàn chân ấn sâu xuống sinh) “Đập nước” (gây tiếng động

cho cá sợ nấp vào dẫu chân) chỉ cần dùng tay mò (không cần tát cạn nước) sau một hồi là họ có dăm ba con cá lóc hoặc nhiều hơn nữa, có thể dự trữ cho cả bữa chiều.

Đồng ruộng sẵn rơm (cây lúa đã tuốt hạt xong) vớ bẻ cành cây, đập đầu cho cá chết, xỏ trui (luồn cây từ miệng vào bụng cá), chừa một đầu cây để cắm xuống đất. Sau đó lựa chỗ đất còn ẩm cắm cá đã xỏ trui xuống đất, chất rơm xung quanh và đốt lửa chờ 10 - 15 phút sau cá chín. Lấy ra, gạt bỏ phần vảy cháy đen bên ngoài. Mang gói cơm “Mo cau” (đã chuẩn bị trước) đến ngắt vài tàu lá chuối xanh, lau sạch bụi và bày tất cả vào đó và xin mọi người cùng vào “Bàn ăn” đã chiến... (là nơi ngồi ăn trên mặt liếp, bờ nương có mặt tương đối bằng phẳng). Nhưng hãy khoan! Chờ cho vài phút nữa, vì chúng ta vẫn còn thiếu nước chấm, một phần không thể thiếu trong bữa ăn hôm nay. Đó là nước mắm me (me đã chuẩn bị trước) một vắt me, một ít nước mắm mặn, một vài trái ớt (dầm ra) một tí đường, pha chút nước ấm là ta có đĩa nước mắm chấm tuyệt vời! Bây giờ xin mọi người cùng “Nâng đĩa”. Dùng đĩa tách dọc lưng cá nướng lộ ra màu trắng ngà thơm phức của thịt cá. Mở gói cơm ra – Cơm đã nguội quyện chặt thành khối vuông có màu trắng hồng thơm lừng ngọt dịu¹. Dẽ hoặc cắt cơm thành miếng, gấp miếng cá thơm trắng ngọt còn nóng, bốc mùi thơm chấm với mắm me cho vào miệng kèm theo vài lá rau thơm. Ôi! Một cảm giác tuyệt vời khó tả, bởi vị thơm ngọt của cơm, vị bùi của cá nướng, vị chua ngọt của nước chấm hòa quyện với vị cay của rau và ớt, làm tan biến đi vẻ mệt mỏi của những giờ lao động mệt nhọc, càng ăn càng căng bụng nhưng vẫn muốn gấp thêm. Còn với món chuột kho mặn thì sao? Cũng thật tuyệt, thịt chuột săn chắc, béo ngậy, kho mặn, hương thơm dịu dịu nhai thấm vào từng kẽ răng. Bạn còn muốn ăn nữa? Xin bạn chớ nóng lòng! Hãy nằm nghỉ chốc lát dưới bóng cây để tận hưởng hương vị đậm đà của bữa ăn.

Sau buổi lao động chiều, ta vẫn còn dăm con cá lóc dự trữ của bữa trưa còn lại, hết giờ lao động, ta về nhà và mời vài người bạn láng giềng “Nướng trui” cá lóc nhằm nhì cùng vài xị để với “Chiến hữu” láng giềng chất men lã lã càng thêm đượm thêm tình làng nghĩa xóm, để niềm vui đi vào giấc ngủ và quên đi nỗi nhọc nhằn của cuộc sống.

¹ Cơm mo cau còn có thể ăn với món cá đồng, tép kho mặn, kèm với rau sống thì rất tuyệt vời.

Người dân Nam bộ là thế. Đơn giản, mộc mạc, bình dị, và món ăn của họ cũng vậy, nhưng đậm đà hương vị làng quê như tính cách của họ. Cho nên câu ca dao trong văn hóa ẩm thực người Nam bộ đã nói lên điều đó:

“Bắt con cá lóc nướng trui

Làm mâm rượu trắng đãi người bạn xa”

Ngày nay với nhiều lý do, món cá lóc “Nướng trui” và “Cơm gói mo cau” nó không chỉ là những món ăn ở làng quê mà nó còn có mặt ở nhà hàng quán ăn sang trọng. Cách ăn cũng được cải biến phong phú, có thêm rau hẹ, bánh tráng, bún v.v...nó đã trở thành món ăn “Đặc sản dân dã” ở nơi thành thị cho những ai chưa có dịp thưởng thức ở vùng quê.

NGHỀ CÂU TÔM Ở ĐỒNG THÁP

Xin mượn câu ca dao:

“ *Tàu Nam Vang chạy ngang cồn cát,
Xuồng câu tôm đậu sát mé nga.
Anh thấy em có một mẹ già,
Muốn vô hoạn dưỡng, biết màặng không?* ”

để ước đoán thời gian ra đời của nghề câu tôm ở Đồng Tháp.

Không biết câu ca dao trên xuất hiện từ khi nào, nhưng qua đó cho thấy nghề câu tôm ở Đồng Tháp đã có từ lâu.

Hình ảnh: “Chiếc tàu Nam Vang và xuồng câu tôm” trong câu ca dao là dấu mốc thời gian xa xưa của vùng đất mà trải qua các thời kỳ lịch sử, sự biến đổi địa danh, đến nay có tên gọi là Đồng Tháp. Nghề câu tôm đã hiện diện trong đời sống của người dân nơi đây từ khi đó, hoặc còn lâu hơn nữa...

Vùng Sa Đéc - nay thuộc Đồng Tháp, cho đến năm 1757 mới chánh thức thuộc chủ quyền người Việt, nhưng lưu dân người Việt đã đến đây sinh sống rất sớm, cùng với người Khmer và người Hoa lần lượt đến sau ra sức khai phá, biến nơi đây thành một khu vực trù phú, phố thị đông vui như Trịnh Hoài Đức mô tả trong Gia Định thành thông chí: “*Chợ ở phía Đông huyện Vĩnh An. Phố chợ ở ven sông, nhà phố nối liền nhau, san sát như vẩy cá, dặng dài năm dặm, bè tre ở dưới sông cũng dựng buồng san sát thành hàng. Chỗ thì bán lựa đoạn, đồ dùng nam bắc chỗ thì bán các thứ như dầu rái, than gỗ mây tre, muối mắm, trên bờ sông, hàng hóa choáng mắt say lòng, thật là đất phồn hoa*”².

Sự ra đời và phát triển của chợ Sa Đéc là một bước ngoặt quan trọng trong tiến trình kinh tế - xã hội khu vực. Nó đánh dấu sự thành công của công cuộc khai hoang lập ấp, mở ruộng lập vườn với lúa gạo, cây trái dồi dào, cá tôm phong phú; vừa là dấu hiệu cáo chung của nền kinh tế tự cung tự cấp, đồng thời là điều kiện thúc đẩy sự hình thành và phát triển nền kinh tế mới, nền kinh tế hàng hóa, dù hàng hóa chỉ là hàng hóa tiêu dùng, không tái sản xuất. Sa Đéc vừa là trung tâm sản xuất, vừa là trung tâm thu gom, tập kết lúa gạo, lâm thủy sản và hàng hóa khác của địa phương, rồi dùng phương tiện giao thông vận tải thủy, chuyên chở lên bán tận Sài Gòn, Nam Vang và nhiều nơi khác, rồi thu mua hàng hóa ở các nơi này, chở về bán cho địa phương nhà. Sa Đéc là chợ đầu mối ở đồng bằng sông Cửu Long³...

² Trịnh Hoài Đức, (2008), Gia Định thành thông chí, Nxb Giáo dục

³ Hội VHNT Đồng Tháp, (2005), Văn hóa dân gian Đồng Tháp, tập 1, Nxb Cần Thơ.

Lúc này, có rất nhiều người sinh sống bằng nghề câu tôm, cho nên “Tàu Nam Vang” chạy ngang qua cồn cát, ở khu vực này khách thương hồ có thể dễ dàng nhìn thấy “Xuồng câu tôm đậu sát mé nga” mà dấu tích là hiện nay, còn một cù lao có tên gọi Cồn cát, thuộc xã Tân Khánh Đông, thành phố Sa Đéc.

Cũng như bao cư dân ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, người dân đến định cư ở Đồng Tháp phát hoang mở mang ruộng đất, chăm lo sản xuất ổn định cuộc sống. Mặt khác, khai thác nguồn lợi thủy sản tự nhiên để cải thiện đời sống, tăng thu nhập phát triển kinh tế gia đình.

Với đặc điểm địa hình, sông ngòi chằng chịt, thời tiết, khí hậu thuận lợi của các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, sông nước trong lành yên ắng thuở hoang sơ, nơi đây là môi trường để các loài thủy sản nước ngọt sinh sản phát triển. Chính vì vậy nhiều nghề đánh bắt được hình thành như: Nghề chài lưới, đặt lờ lộp, dăng nò, đặt trúm, đóng đáy, nghề câu v.v...; trong đó có nghề câu tôm. Là loại tôm càng xanh sống ở môi trường nước ngọt, sinh sản tự nhiên, khi trưởng thành thịt thơm ngọt, chắc dai ăn rất ngon, có giá trị dinh dưỡng rất cao. Những con to có thể đạt trọng lượng đến 500gram, loại này rất hiếm, giá thị trường có khi lên đến hơn cả triệu đồng một ký lô gam.

Nghề câu tôm ở Đồng Tháp có hai hình thức câu : Câu cần và câu luồng. Người dân ở những địa phương nằm ở dọc sông Tiền, sông Hậu như: Cao Lãnh, Thanh Bình, Hồng Ngự, Châu Thành, Lai Vung, Lấp Vò v.v... sử dụng hình thức câu tôm này.

1. Câu cần: Đứng trên bến, cầu, bãi đất (cạnh sông, rạch ao hồ v.v) hoặc dùng xuồng neo đậu ở một điểm cố định để câu.

- **Đứng trên bến, cầu, bãi đất để câu:** Thường câu vào mùa nước lũ, hay lúc nước ròng hình thức này câu được ít tôm, chủ yếu để cải thiện bữa ăn hoặc là thú vui giải trí dành cho những người có nhiều thời giờ nhàn rỗi (có thể câu vào lúc chiều mát hay sáng sớm).

Người câu thường dùng những đọt trúc già, dài từ 2.5m đến 3m, róc bỏ nhánh con, gọt mất cho láng, hơi uốn thẳng ngọn hơi cong, cần thông, vót khi tôm ăn mới có độ quặt. Đây chính là cảm giác thú vị của người đi câu khi câu được tôm. Ngày nay, cần câu khỏi phải làm, vì đã có cần câu máy đủ loại, bán sẵn ở chợ phục vụ cho thú tiêu khiển này.

Khi đã chọn được cần câu ưng ý, mua dây gân (cước) mảnh, chắc tóm vào ngọn cần, độ dài khoảng 2/3 thân cần (còn nếu siêng hơn một chút, có thể chế trực quay như cần câu máy thì cho độ dài dây câu tùy thích), đầu dây còn lại luồn chì, cột phao, tóm lưỡi để móc mồi câu (lưỡi câu mua ở tiệm tạp hóa hoặc người rành nghề

thì tự uốn lấy), loại lưới mảnh, lưới nhằm dễ đánh lừa, tôm dạng ăn mồi. (Có khi không dùng lưới câu mà dùng dây chì, khoan vòng tròn nhỏ, đường kính khoảng 3cm, luồn con mồi vào buộc vào dây để câu) Chì câu, thường là miếng chì lưới, dẹp dùng kèm bóp chặt vào dây câu (có giai đoạn dùng chì đầu đạn R16, vùi đầu xuống đất cho có lỗ rỗng, dùng que tre nhỏ ghim chính giữa để có lỗ luồn dây câu) đun nóng chảy chì, đổ vào lỗ rỗng (như khuôn đúc) đã chuẩn bị sẵn, khi nguội sẽ có được viên chì câu xinh xắn. Phao là ruột đoạn cỏ mồm khô buộc vào, để khi con mồi ăn câu ta dễ dàng nhận biết.

Mồi câu thường là trùn cơm (trắng hồng), trùn quắn (nâu đen), ốc ma v.v..., về sau này người ta còn dùng nhiều loại mồi có tẩm thuốc dụ tôm lại. Chọn vị trí có vịnh nước lộn, sâu, nơi có trụ cầu, gốc cây lục... có nhiều tôm trú ngụ để câu. Khi tôm ăn mồi, chiếc phao đánh động, lúc di chuyển, lúc nhún chìm mất hút... người câu nhẹ kéo cần thu dây lên lưng chừng mặt nước và dùng vợt, có gọng đan lưới cước, (cán dài chừng 1,5m - 1,8m, bán kính gọng từ 0,5m - 0,7m) dứt nhẹ nhàng xuống xúc tôm để vào rộng (khi xưa, gặp con nước nhiều tôm bu lại ăn mồi, cùng lúc có thể xúc được từ hai ba con).

- Dùng xuống câu:

Câu vào ban đêm. Xuống câu nhỏ, phía sau đuôi xuống có gắn bánh lái bằng một tấm ván nhỏ, có gọng sắt gắn vào hai lỗ dùi thùng be sau lái xuống rất thuận tiện tháo ra, gắn vào hay bật lên để trên sạp lái. Xuống trang bị cả rèm để phòng khi trong đêm có mưa gió, tìm chỗ neo đậu trú ngụ tránh mưa và một cây sào dài bằng tầm vông để cắm neo cố định xuống khi cần thiết. Người câu thường ở tuổi trung niên có kinh nghiệm, biết luồng lạch, còn bãi có nhiều tôm, nhưng họ có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, ban ngày làm công việc đồng áng, đêm câu kiếm thêm để trang trải cuộc sống gia đình.

Cũng dùng dụng cụ giống như câu trên bến, cầu, bãi nhưng có thêm chiếc rộng tre, buộc neo cặp be xuống để rộng tôm, chiếc đèn lồng bằng gỗ, hình dáng như ngôi nhà vuông thu nhỏ, mỗi cạnh khoảng 18cm, cửa ở mặt chính khoét lỗ tròn trám kiếng, có gắn bản lề, mở ra đóng vào, để một đèn trứng vịt, tiêm đèn đốt dầu lửa, lấy ánh sáng để rọi khi câu tôm. Câu trên xuống sử dụng cần câu ngắn hơn (từ 1,2m - 1,5m), có thể câu cùng lúc nhiều cần (từ 3 đến 4 cần trở lên). Câu xuống cơ động hơn, có thể bơi xa chọn điểm có nhiều tôm để câu. Vì thế, câu xuống được nhiều tôm hơn.

2. Câu luồng:

Trang bị xuống câu như trên, nhưng có vài điểm khác biệt với câu cần, từ hình thức câu, địa hình, mồi, thời gian câu v.v.... Đó là: Sử dụng luồng câu dây ni lông

(loại dây thả điều bây giờ, nhưng to hơn). Đường câu to như cọng bún, độ dài đường câu có thể dài từ vài trăm đến cả ngàn mét, tùy theo địa hình đồng ruộng trồng hay bãi còn rộng lớn, nhợ tóm lưỡi nhỏ bằng $\frac{1}{2}$ đường câu, dài khoảng 40cm, lưỡi câu là cây đinh 2cm, khoảng cách mỗi lưỡi câu từ 1.2m – 1,5m, mỗi câu là những miếng com dừa khô, cắt vuông độ khoảng 2cm, ghim vào lưỡi câu (cây đinh) từ phía da com dừa (để phần trắng com dừa xuống nước cho tôm dễ thấy mồi).



Xuống câu tôm⁴

Mùa câu, vào lúc nước nổi, ngập sâu trên đồng ruộng và còn bãi. Thời gian câu khoảng tháng 8, tháng 9 đến tháng đầu 10 âm lịch. Để có luồng câu người thợ câu phải chọn địa hình, dùng hai cây tre dài cắm làm dấu (ngầm thông báo để bạn câu biết nơi này đã có người chọn rồi), chờ lúc nước ròng dọn luồng, bề ngang khoảng 3m, chiều dài tùy thuộc luồng câu của thợ câu đó sở hữu. Dùng phảng hoặc lưỡi hái dọn sạch cỏ, rong rêu, hay gốc rạ, khai thông những bờ ranh giữa các thửa đất (đổi với địa hình trên đồng ruộng); Ở còn bãi thì dọn sạch nga, sậy, đề, lục bình, cỏ xước, ngải, rau mát v.v... luồng câu thật trống trải, thông thoáng không để cỏ rác trôi vào khi câu sẽ bị vướng. Sau 5- 10 ngày, luồng câu ổn định (không còn hôi sinh, do lúc dọn luồng dẫm bậy, để tôm dạn ăn mồi). Đợi con nước rong thì tiến hành câu.

Lựa những ngày tốt, buổi chiều quang mây, gió êm sẽ “Xuống câu”, để mong mùa câu được thuận lợi.

Câu tôm thuộc “Nghề bà cậ” nên cũng có những kiêng kỵ nhất định như nghề cá.

Theo Nguyễn Hữu Hiếu, trong Nghề cá Đồng Tháp Mười năm xưa, có viết:

⁴ Nguyễn Hữu Hiếu, (2010), Nghề cá Đồng Tháp Mười năm xưa, Nxb văn học

“...Người làm nghề cá, từ lâu có tục cúng cầu ngư, thường được diễn ra vào lúc cao điểm của mùa cá tức là vào tháng 12 âm lịch.... Lễ cầu ngư phần lớn diễn ra ở đình làng, hình thức tế lễ mỗi nơi mỗi khác, nhưng tựu chung thể hiện ước vọng được thần cung cấp nhiều tôm cá...”⁵

Trời vừa sụp tối, khi mọi phương tiện, dụng cụ đã chuẩn bị xong thì tiến hành bủa câu. Màn đêm tối om, sóng vỗ lách tách mạn xuồng, cắm dãi câu vào giữa vị trí đầu luồng, người thợ câu buộc một đầu đường câu vào dãi, một tay quạt mái dầm, xuồng lướt êm trên mặt nước, một tay thoăn thoắt thả câu, dưới ánh sáng đèn lồng lơ mờ vừa rơi đủ để thả câu, đến cuối luồng lấy đầu đường câu còn lại cột chặt vào dãi câu, khi công việc bủa câu xong. Nghỉ tay, “Rít” hơi thuốc rê cho tinh thần sảng khoái, sau mười, mười lăm phút kiểm tra mọi thứ dụng cụ cần thiết sẽ tiến hành thăm câu (người câu luồng khi thăm câu sử dụng dầm, một đầu gắn gọng vợt xúc tôm, đầu kia là mái dầm), tay lần và mắt dõi theo đường câu, tay bơi xuồng lướt nhẹ (tránh khuấy động làm tôm buông môi), những lưỡi có tôm đeo ăn môi, cảm giác ghì nặng nặng, khi lưỡi còn cách mặt nước 20 phân có thể thấy râu tôm quơ dạng dạng trên mặt nước, người câu trở đầu vợt nhẹ nhàng xúc tôm để vào khoang xuồng, cứ thế, cứ thế...những chú tôm lên khỏi mặt nước nằm vào khoang xuồng búng lách chách, càng lúc càng nhiều, hết lượt thăm này đến lượt thăm khác. Âm thanh càng lúc càng rộn ràng của mấy “Chàng tôm đực” càng xanh mình to, càng như gọng vó lêu khêu, mắt lăm lăm nằm gọn trong vợt, những “Cô tôm cái” thon nhỏ bụng mang đầy trứng mắt thao láo, ngơ ngác được hất vào chung khoang xuồng với những “Chú” được xúc lên trước đã yên vị nằm chổng chơ, so râu vào nhau mà chẳng hiểu “Chuyện gì” sắp xảy ra với mình.

Sản phẩm câu luồng, ngoài những chú tôm xanh mượt, óng mượt trong như ngọc hay mồi thít, mình bắm đầy rong rêu... (đêm trúng cũng được năm bảy ký) còn có vô số là cua đồng được để vào một khoang riêng, cua cái đen nhẻm, nặng trĩch, bụng chứa gạch vàng ươm, cua kinh (cua đực) khệnh khạng quơ gọng càng to dùng bò lột cộp cùng chen lấn lên mình nhau tìm đường tẩu thoát...

Sau năm bảy lượt thăm câu, con nước nhóm rờn, xem chừng tôm hết ăn môi, tản đi trốn trước khi trời sáng, người câu bắt đầu thu dọn đường câu, mang tôm câu được về nhà cho vợ kịp ra buổi chợ bán.

Khi xưa, tôm cua phong phú, không hiếm và đắt như bây giờ. Số tôm câu được một phần để ăn hoặc rộng để dành đãi khách, một phần đem ra chợ bán lấy tiền trang trải gia đình; Số cua thường cho hàng xóm rang ăn chơi, hoặc đem ra nấu với mồng toi, rau vườn... làm món canh cho bữa ăn hàng ngày, số con bị gãy càng ngoe dưng

⁵ Nguyễn Hữu Hiếu, (2010), Nghề cá Đồng Tháp Mười năm xưa, Nxb văn học

làm mồi đặt trúm, lộp tộp... nếu như bây giờ, với số cua nhiều như vậy, mang ra chợ cũng kiếm được một khoản kha khá!

Người thợ câu trên xuồng (cả câu cần và câu luồng) cũng có nhiều thú vui, trong lúc chờ con nước lên, có thể tụ hội bạn câu neo đậu hay lúc tan tầm khi con nước ròng ra về xuồng bơi lội xuồng cùng nhau tán ngẫu, trò chuyện, hát hò đối đáp vui vẻ. Những bản vọng cổ, điệu hò Đồng Tháp được cất lên văng vẳng trong đêm thanh vắng nghe man mác, làm nao lòng người hai bên bờ sau giấc say nồng của vùng sông nước trước khi bình minh lộ dạng và càng làm phấn chấn lòng người thợ câu sau một đêm bội thu...

Tôm là thực phẩm ngon, bổ dưỡng dễ ăn, dễ chế biến và chế biến được nhiều món như: Kho tàu, nấu canh, nướng, ăn tái... đơn giản nhất là món luộc, luộc tôm cũng có chút bí quyết ăn mới ngon. Tôm luộc ngon nhất là nước dừa tươi. Nước dừa để chút muối vừa đủ ngập xấp số tôm cần luộc, như vậy nước ngọt của tôm không bị toát ra ngoài mà còn hấp thu được vị ngọt của nước dừa. Nước dừa nấu thật sôi cho tôm vào luộc, khi thấy tôm vừa đỏ thì vớt ra ngay. Tôm luộc đúng độ thịt mềm mà vẫn dai, nếu quá lửa tôm bị xám thịt và cứng, ăn tôm luộc chấm với muối tiêu chanh mới đúng gu.

Ngày xưa tôm nhiều, muốn ăn bao nhiêu thì cứ thỏa thích. Nhớ kỷ niệm xưa đến phát thèm, bây giờ đành chịu vậy thôi, chỉ tội nghiệp con cháu sau này biết có dịp thưởng thức không. Bởi, ngày nay tôm hiếm, tôm càng xanh loại I (cỡ 5 -7 con/kg) đánh bắt trong tự nhiên có giá bốn đến năm trăm ngàn đồng một kí lô, còn vào nhà hàng qua khâu chế biến, phục vụ thực khách có thể tiêu tốn bạc triệu trên ký lô. Tôm càng xanh giai đoạn những thập niên của thế kỷ trước là mặt hàng xuất khẩu mang lại nguồn ngoại tệ đáng kể cho nền kinh tế trong bước đầu của thời kỳ đổi mới.

Và một chút hoài niệm về nghề câu tôm, khi điền dã, tôi được người dân giới thiệu tìm đến xóm trước đây có nhiều người câu tôm và ông Đặng Văn Hoàng, (sinh năm 1960, ở ấp 1, xã Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh) là một người có nhiều kinh nghiệm trong nghề câu tôm cho biết: “Tôi cũng là thế hệ sau này thôi, cùng lứa ở xóm này có ông Tư Tùng, Tư Dũng, Út Thừa... và xóm Cái Kéo lân cận có Tư Chóp, Út Be, Bé Cụt.... cũng là những tay câu cự phách và ông Hoàng được nghe người lớn tuổi kể lại, lúc trước tôm còn rất nhiều, đến mùa nước nổi, trong xóm có nhiều người sắm sửa phương tiện để câu. Mà lúc đó tôm rẻ, chủ yếu câu để cải thiện bữa ăn của gia đình, nhưng được cái là đi câu tôm rất vui, chiều anh em hù hí nhau cùng xuất phát, hôm nào câu trúm thì về nhà cho kịp buổi ra chợ bán, gặp hôm giông gió câu được ít, chọn chỗ cắm sào, sẵn trên xuồng có bếp nôi, gia vị để sẵn, luộc tôm, ghé tiệm tạp hóa lấy vài xị, anh em cùng nhâm nhi, rượu vào cảm giác lâng lâng, anh nào có máu văn nghệ cất lên vài câu vọng cổ, hay điệu hò Đồng Tháp vang giữa không

gian bao la của đồng nước mênh mông nghe rất hữu tình...”, dứt lời kể, anh bồi hồi tiếc nuối: Từ năm 1980 trở về sau này thì sản lượng tôm ít dần, nên ít người câu và đến nay khu vực này không còn ai câu tôm. Một lý do nữa, ruộng, bãi câu ngày xưa, nay người dân lên liếp lập vườn, lên đê bao, đào ao nuôi cá không còn chỗ để câu. Vì vậy nghề câu tôm ở Đồng Tháp hiện nay chỉ còn trong ký ức của những bậc trung niên hay lão ngư tiền bối.

Nghề câu tôm, con tôm ngoài việc giúp tăng thu nhập kinh tế, còn góp thêm tình cảm thân thương đầm ấm trong gia đình, tôm là thức ăn thích hợp cho người già không xương dễ nhai dễ nuốt nên phận làm con nuôi cha mẹ bằng món ăn tôm là tốt nhất:

Tôm càng lột vỏ bỏ đuôi

Giã gạo cho trắng để nuôi mẹ già...

Trong đạo vợ chồng cũng có câu ca dao nói về hạnh phúc lứa đôi được thể hiện trong bữa ăn, câu ca dao mang ý nghĩa sâu sắc chỉ râu tôm nấu với ruột bầu đơn sơ nhưng nói lên lòng chung thủy:

Râu tôm nấu với ruột bầu

Chồng chan vợ húp gật đầu khen ngon.⁶

Ngày nay ra chợ, vẫn thấy nhiều bạn hàng tôm cá bá tôm càng xanh, nhưng đa phần là tôm nuôi (vùng nuôi ở các tỉnh Đồng Tháp, Long An, Tiền Giang Bến Tre v.v. cung cấp lượng lớn tôm ra thị trường) con không lớn, thịt đục ăn rất dở, ít có con to. Họa khi ở chợ quê miệt vườn sông nước Cửu Long thỉnh thoảng gặp được mớ tôm tự nhiên của ghe cào đem bán, những tay sành ăn, gặp được là mua ngay, dù giá cả có nhỉnh đôi chút vẫn mua, để hưởng lộc thiên nhiên hiếm khi gặp được.

Câu truyền khẩu trong dân gian Nam bộ là xứ sở trên cơm, dưới cá của thời quá khứ cho thật mộc mạc yên bình. Nay nguồn lợi thiên nhiên cạn dần, do dân số ngày càng tăng, sự khai thác vô kiểm soát, bằng các phương tiện xung điện, nguồn thuốc bảo vệ thực vật làm hạn chế sự sinh sản của các loài thủy sản tự nhiên, trong đó có loài tôm càng xanh, làm cho chúng ngày càng hiếm xuất trong thực đơn, bữa cơm gia đình của cư dân vùng nông thôn. Món ăn chế biến từ tôm càng xanh tự nhiên vẫn là món ăn được nhiều người ưa thích từ xưa đến nay. Nay do nguồn cung khan hiếm, đánh bắt trong tự nhiên ở hai nhánh sông Tiền và sông Hậu thuộc hạ lưu sông Mê Kông sản lượng ngày càng ít.

⁶ Huỳnh Phong Lưu. Nghề câu tôm và tôm luộc nước dừa.

NGHỀ DỆT CHIẾU ĐỊNH YÊN

« Định Yên có vừa chiếu to,

Lấy chồng xứ Định khỏi lo chiếu nằm »

Đó là câu ca dao truyền về làng nghề dệt chiếu Định Yên, sản phẩm của làng nghề từ lâu đã góp phần ổn định cuộc sống, tạo được niềm tin trong cộng đồng.

Thông qua hoạt động sản xuất, nghề dệt chiếu đã tạo nên những giá trị văn hóa vật chất và tinh thần đặc trưng của người dân địa phương nơi đây. Chính vì thế, nó trở thành nội dung hấp dẫn khi chúng ta có dịp nghiên cứu, tìm hiểu và khám phá...

MỞ ĐẦU

Tỉnh Đồng Tháp thuộc vùng đất Nam bộ của Tổ quốc, vùng đất vương quốc Phù Nam trị vì từ đầu Công nguyên đến thế kỷ thứ VII, tiếp nối là thời Thủy Chân Lạp, sau thời gian tồn tại và bị suy vong, nơi này rơi vào tình trạng hoang hóa một thời gian dài. Đến thế kỷ XVII, cư dân vùng Ngũ Quảng Nam tiến khai phá, định cư, tạo dựng cuộc sống và phát triển thành làng mạc đến nay. Trong quá trình chung sống với cư dân bản địa họ đã tạo ra nhiều sản phẩm để phục vụ cuộc sống, chính từ đó hình thành nên các làng nghề, trong số những làng nghề đó, tồn tại đến ngày nay đã trở thành làng nghề thủ công truyền thống, các sản phẩm đặc trưng cho một địa phương hay một vùng .

Trong quá trình lao động, con người đã tìm tòi sáng tạo tích lũy kinh nghiệm, họ đã làm ra những sản phẩm để phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày. Ở những nơi sẵn có nguồn liệu gì sẽ hình thành nên làng nghề tương ứng, hoặc vùng lân cận, giao thông thủy bộ, phương tiện vận chuyển thuận lợi, tạo điều kiện cho làng nghề phát triển. Và nghề dệt chiếu ở Định Yên cũng được hình thành trong điều kiện như vậy hơn một thế kỷ qua.

Chiếu nói chung, đa phần, được sản xuất ở làng quê, thôn xóm miền đồng bằng ven sông rạch, phù sa bãi bồi, đất còn phì nhiêu, màu mỡ v.v. nơi thích hợp với môi trường sinh trưởng của loài thực vật lá đơn, thân mềm là cây lác, nguyên liệu chính dùng để dệt chiếu. Bên cạnh đó, trong sản phẩm chiếu, sợi trăn được se từ vỏ lụa cây bô (vỏ dưới lớp da), cùng với những loại cây chiết xuất, pha chế ra phẩm màu để nhuộm lác dệt chiếu cũng phát triển tốt ở những vùng đất như kể trên.

Xã Định Yên (gồm cả Định An ngày nay), huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp có nghề dệt chiếu được hình thành và phát triển hơn một trăm năm qua. Sản phẩm làng nghề dệt chiếu Định Yên nổi tiếng, được người tiêu dùng trong nước và nhiều quốc gia như Lào, Thái Lan, Cam Pu Chia, Liên xô (cũ) biết đến và chuộng dụng.

Sản phẩm chiếu được sử dụng phổ biến trong cuộc sống của con người ở khắp mọi miền đất nước và nhiều nơi trên thế giới. Tính phổ quát của chiếu gắn liền với dòng đời con người từ lúc mở mắt chào đời, đến khi trưởng thành và nhắm mắt xuôi tay. Chiếu dùng trải nôi trẻ nằm, giường ngủ cho mọi người, chiếu cho đôi tân hôn gả nghĩa tào khang, mảnh chiếu bó thân đưa người về nơi vĩnh hằng... chiếu luôn hiện diện trong đời sống vật chất và tinh thần của con người. Chiếu được con người sử dụng trực tiếp để nằm, làm mùng ngủ, chiếu cho những mảnh đời chịu cảnh cơ hàn, cuộc sống khó khăn, cơ nhỡ đắp khi trời đông giá rét v.v. và hình ảnh chiếu còn đi vào những tác phẩm văn học nghệ thuật để nói lên tâm tư, tình cảm, hoàn cảnh sống của con người như: "Buồn ngủ mà gặp chiếu manh" là một ví dụ điển hình và có ý nghĩa rất thú vị trong cuộc sống.

Sản phẩm chiếu, lúc đầu được sản xuất riêng lẻ theo hộ gia đình, làm ra để phục vụ nhu cầu của những thành viên trong gia đình. Sau đó, những gia đình khi công việc đồng áng kết thúc, tận dụng thời gian nhàn rỗi, ngoài nhu cầu sử dụng của gia đình, họ còn làm thêm sản phẩm để cung cấp cho những người có nhu cầu sử dụng, nhưng họ không có thời gian dệt chiếu. Sản phẩm làm ra phong phú, đa dạng từ cao cấp đến bình dân, bền đẹp, giá cả phù hợp túi tiền cho mọi đối tượng. Do vậy, dần dần hình thành nên làng nghề dệt chiếu. Từ đó, có nhiều người chuyên sản xuất và sống bằng nghề dệt chiếu. Tên tuổi và sản phẩm chiếu Định Yên nổi tiếng, được nhiều người tiêu dùng khắp nơi biết đến.

Cũng như những làng nghề khác, qua từng thời kỳ, làng nghề và sản phẩm chiếu Định Yên còn chịu tác động chung của lịch sử phát triển xã hội và địa phương. Với lịch sử hình thành trên trăm năm, sản phẩm đa dạng phong phú, nổi tiếng nghề dệt chiếu Định Yên là nội dung nghiên cứu hấp dẫn đề thực hiện đề tài viết Văn nghệ dân gian; với lịch sử phát triển lâu đời, sự ứng dụng sản phẩm chiếu phong phú trong cuộc sống là điều kiện thuận lợi để tiếp cận nhiều nội dung liên quan đến nghề dệt chiếu và sản phẩm chiếu phản ánh qua dòng đời cuộc sống của con người: sinh, lão, bệnh, tử mà sản phẩm chiếu đã gắn bó với con người qua từng giai đoạn lịch sử trong một cộng đồng, một địa phương cụ thể, nơi có nghề dệt chiếu tồn tại. Sản phẩm chiếu được con người sử dụng để phục vụ cuộc sống và được xã hội tôn vinh.

Với mong muốn bảo tồn, gìn giữ vốn tư liệu về lịch sử, văn hóa dân gian của tỉnh Đồng Tháp nói chung và nghề dệt chiếu nói riêng, nên bản thân tôi chọn nội dung đề tài nghiên cứu, tìm hiểu về lịch sử tồn tại, phát triển và sản phẩm chiếu với cuộc sống con người thông qua Nghề dệt chiếu Định Yên.

Để thực hiện đề tài này, bản thân tôi trực tiếp nghiên cứu điền dã, quan sát thực địa tại làng nghề để nghiên cứu tìm hiểu lịch sử tồn tại và phát của làng nghề và ứng dụng sản phẩm vào cuộc sống con người qua từng giai đoạn phát triển của lịch sử.

Chương I: KHÁI QUÁT

I. Điều kiện tự nhiên



Đồng Tháp là một tỉnh miền Tây Nam bộ với địa hình sông nước, kênh rạch chằng chịt. Khoảng thế kỷ XVI, những lưu dân từ miền Bắc, miền Trung vào đây “Sinh cơ lập nghiệp”. Cùng với người Việt, Hoa, Khơ me bản địa, họ đã khai hoang, lập làng tạo dựng cuộc sống trên “Vùng đất mới”. Về lịch sử, Nam bộ thường được gọi là “Vùng đất mới”, điều đó không có nghĩa trước đây vùng đất này vô chủ. Vùng đất mới cũng có thể hiểu "mới" là đối với lưu dân rời quê hương bản quán đến một vùng đất khác khai khẩn, ở lại sinh sống định cư lâu dài.

Theo các nhà khảo cổ học đã ghi nhận được thì vào những thế kỷ đầu Công nguyên, ở đồng bằng sông Cửu Long có những vết cư trú nhà sàn trên cọc, kiểu kiến trúc trên gò nổi, những hệ thống thủy đạo, thành đất của một đô thị cổ ở vùng tứ giác Long Xuyên, vùng U Minh Thượng v.v. có lẽ đó là dấu vết cuộc sống của lớp người vốn là chủ nhân nền văn minh Óc Eo, Ba Thê. Nền văn minh ấy hưng thịnh một thời gian dài, rồi chìm đắm trong lòng đất miền Tây và chỉ còn lại hư ảo về một vương quốc Phù Nam hay một “Nước chí tôn” nào đó trong sử sách, bi ký cổ [8:413]. Theo các nhà Dân tộc học, văn hóa vật chất (cũng như văn hóa tinh thần, văn hóa xã hội v.v.) của các dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay đều được xây dựng trên một nền tảng lâu đời và vững chắc của nền văn minh Nam Á (civilisation Austro asiatique)⁷.

Trải qua quá trình khẩn hoang, lập làng ổn định cuộc sống, họ đã tạo nên những giá trị về văn hoá vật chất và tinh thần mang sắc thái riêng, phù hợp

⁷Phan Thị Yến Tuyết, Nhà ở trang phục ăn uống của các dân tộc vùng đồng bằng sông Cửu Long, 1993, Nxb Khoa học xã hội.

với yếu tố địa lý và môi trường trên vùng đất Nam bộ nói chung và Đồng Tháp nói riêng. Trong đó, nghề dệt chiếu Định Yên, sản phẩm chiếu là những yếu tố về văn hoá vật chất và tinh thần liên quan mang giá trị đặc trưng của vùng đất này.

II. Lịch sử hình thành

Ở Nam bộ nói chung, tỉnh Đồng Tháp nói riêng thời kỳ khẩn hoang mật độ dân cư thưa thớt, đất đai rừng rậm hoang vu. Những lưu dân đến đây sống tập trung thành từng chòm xóm có tính cách tự quản. Đến khoảng cuối thế kỷ XVII, vùng cư trú của người Việt phát triển nhanh chóng. Khi lưu dân Việt đến cư trú đông đúc thì nhà nước Phong kiến triều Nguyễn tìm cách đặt nền hành chính, tổ chức chính quyền quản lý nơi đó bằng những hoạt động quân sự cùng những cuộc can thiệp ngoại giao vào nội tình hoàng gia Chân Lạp (*lúc đó đang suy thoái do các phe nhóm hoàng tộc chia rẽ, tiêu diệt nhau để giành ngôi*). Năm 1698 chúa Nguyễn chính thức lập Phủ Gia Định (*theo Đại Nam thực lục tiền biên, tập 1, năm Mậu Dần 1698, tháng 2 bắt đầu đặt Phủ Gia Định, thiết lập xã, thôn, phường, ấp, chia cắt giới phận ... làm sổ đình điền*). Như vậy từ thời điểm này, địa vị của người Việt trên đất Thuỷ Chân Lạp đã bắt đầu vững chắc, phát triển và cuộc Nam tiến đến vùng Cà Mau đã được chúa Nguyễn hoàn tất vào năm 1757. Trong công cuộc mở đất lập làng của người Việt Đồng Bằng Sông Cửu Long đã diễn ra không hề thuận lợi.⁸ Vì lịch sử dựng làng, lập ấp ở vùng đất này gắn liền với thời kỳ khẩn hoang kéo dài đầy khó khăn, gian khổ bởi thiên nhiên hoang dã khắc nghiệt nhiều sơn lâm, chướng khí và giặc ngoại xâm triền miên.

Đồng Tháp là tỉnh nông nghiệp, nằm ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long có vị trí đặc biệt, có đường biên giới dài 52,5km. Phía Bắc giáp với tỉnh Prâyveng (Campuchia) và tỉnh Long An; phía Đông giáp một phần tỉnh Long An và Tiền Giang; phía Nam giáp tỉnh Vĩnh Long và thành phố Cần Thơ; phía Tây giáp thành phố Cần Thơ và An Giang. Vị trí, môi trường thuận lợi cho việc giao lưu, nên từ lâu nơi đây là một vùng tập trung của nhiều luồng sinh vật, hệ động thực vật đa dạng phong phú của vùng sinh thái ngập nước. Diện tích tự nhiên là 3275,8km², địa hình tương đối bằng phẳng. Rải rác ven sông Tiền, sông Hậu và trong Đồng Tháp Mười có những giồng và gò đất cao, song cũng có nhiều lung sinh, đất phèn hoang hóa với nhiều loại cây cỏ dại như cỏ mồm, cỏ lác, lau, sậy, đề, sen, súng, điền điền, lúa trời, rau muống, tràm, trâm bầu, gạo, ô môi v.v. Từ sau ngày giải phóng (30/ 04/1975) đến nay hầu hết diện tích đã được khai thác, chỉ còn một số khu vực được giữ lại để bảo tồn sinh thái như khu sinh thái Ramsar (Tràm Chim -Tam Nông được đón bằng công nhận vào ngày 25/5/2012), Khu sinh thái Gáo Giồng (huyện Cao Lãnh), khu di tích Gò Tháp

⁸ Phan Thị Yến Tuyết, Nhà ở trang phục ăn uống của các dân tộc vùng đồng bằng sông Cửu Long, 1993, Nxb Khoa học xã hội.

(huyện Tháp Mười): khu quy hoạch rừng tràm phòng hộ ở Trường Xuân, Hưng Thạnh huyện Tháp Mười v.v...

Các đơn vị hành chính của tỉnh phân bố rải rác dọc theo hai bờ sông Tiền. Phía tả ngạn gồm có 08 huyện, thị, thành phố: Tân Hồng, Hồng Ngự, thị xã Hồng Ngự, Thanh Bình, Tam Nông, Tháp Mười, Cao Lãnh và thành phố Cao Lãnh; phía hữu ngạn với 04 huyện, thị xã gồm: Lấp Vò, Lai Vung, Châu Thành và thành phố Sa Đéc.

Khí hậu, thủy văn điều hòa; giao thông thuận lợi cả về đường bộ lẫn đường thủy.

Sông Cửu Long gồm 02 nhánh sông Tiền và sông Hậu đều đi qua Đồng Tháp với chiều dài 159km (sông Tiền 129km, sông Hậu 30km). Ngoài ra còn có nhiều sông nhỏ và kênh, rạch chằng chịt.

Đường bộ có 03 quốc lộ: 30, 80, 54 đi qua và nhiều hương lộ, tỉnh lộ đã được cải tạo, nâng cấp và làm mới, nối liền các tỉnh miền Tây và thành phố Hồ Chí Minh và kể cả Campuchia. Góp phần quan trọng vào việc vận chuyển lưu thông hàng hóa phát triển kinh tế xã hội của Tỉnh.

Vị trí Đồng Tháp nằm ở đầu nguồn sông Cửu Long nên hàng năm (từ tháng 5 đến tháng 11) nước lũ tràn về gây ngập úng ở nhiều nơi làm ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt, sản xuất... song lụt về, cũng có nhiều thuận lợi về phát triển nuôi trồng thủy sản, phù sa tạo nên những bãi bồi, làm cho ruộng, vườn thêm màu mỡ. Người dân với lụt, khai thác nguồn lợi thủy sản thiên nhiên tạo thêm thu nhập ổn định đời sống và phát triển. Vì vậy mà chỉ sau ngày giải phóng đến nay, Đồng Tháp đã đạt được những thành tựu đáng kể trên các mặt nông nghiệp, công nghiệp và đời sống. Với 1.600.000 dân, hơn 200.000 ha đất canh tác, Đồng Tháp có tiềm năng lớn về sản xuất lương thực, thực phẩm, công nghệ chế biến và xuất khẩu...

Đồng Tháp không chỉ là quê hương của đồng lúa, vườn cây mà còn là nơi có nhiều làng nghề truyền thống. Đó là dấu ấn sản phẩm vật chất, tinh thần của lưu dân người Việt từ Đàng Ngoài vào khai hoang, lập nghiệp trên vùng đất phương Nam, tạo dựng cuộc sống mới.

Với nguồn lợi thiên nhiên động, thực vật phong phú, đất đai phì nhiêu lưu dân đi mở cõi đã biết tận dụng khai thác những sản vật sẵn có phục vụ cuộc sống. Với cây tre măng thì làm thức ăn, tre non thì làm lát lợp nhà, tre già làm ngư cụ, dụng cụ sinh hoạt gia đình: sàng nia, lò, lợp...; cây bàng (cỏ bàng) làm đệm, nóp; cây lác (cói) dệt chiếu. Nổi tiếng có chiếu Định Yên, Định An (Lấp Vò v.v

Như thế, từ những nhu cầu thiết yếu ban đầu, họ tận dụng nguyên liệu tại chỗ, tạo ra những sản phẩm đáp ứng nhu cầu của cuộc sống và dần dần hình thành nên các làng nghề truyền thống mang đậm giá trị văn hóa của nền văn minh lúa nước trên vùng đất mới.

Trong những làng nghề truyền thống đó, nghề dệt chiếu ở xã Định Yên, Định An huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp đã tồn tại và phát triển hơn 100 năm qua.

Làng nghề dệt chiếu thường nằm gần vùng nguyên liệu là cây lác. Cây lác trước mọc dại, lần hồi được cây trồng. Lác trồng có hai loại: lác bông trắng (lác voi), có hoa trắng, dài 3-3,5mm, chồi to có vảy nâu, thân cao từ 60cm-180cm, có ba cành nhọn và vách ngăn ngang, lá ngắn, gié dài, nhiều vây quả bế đen, dáng mọc nghiêng. Năng suất cao nên được trồng nhiều. Lác bông nâu có nhiều chồi và thân rể, lá dài bằng nửa thân cây, có bẹ dài, gié dài từ 15mm - 22mm, mang 20 - 40 hoa, quả bế màu nâu đen. Lác trồng thích hợp nhất là đất phù sa ven sông hay ven biển nước lợ.

Lấp vò ngày nay là một huyện phía Nam thuộc tỉnh Đồng Tháp, nằm ở giữa sông Tiền và sông Hậu có nhiều cồn, bãi bồi thuận lợi để cây lác phát triển cung cấp nguyên liệu cho nghề dệt chiếu.

Trước năm 1954, Lấp Vò là một quận của tỉnh Long Xuyên cũ. Cuối thập niên 50 (của thế kỷ 20), Lấp Vò nhập vô tỉnh Sa Đéc, đầu thập niên 60 (thế kỷ 20) Lấp Vò lại thuộc Sa Đéc khi tỉnh Sa Đéc tái lập lại. Tháng 12 năm 1976, Lấp Vò sáp nhập với huyện Lai Vung thành huyện Thạnh Hưng. Tháng 8 năm 1989 lại được tách ra thành 02 huyện có tên là Thạnh Hưng và Lai Vung. Tháng 12 năm 1996, Thạnh Hưng được đổi lại tên cũ là Lấp Vò.

Lấp Vò hiện nay có diện tích tự nhiên là 244 km², phía Đông giáp thành phố Sa Đéc, phía Tây giáp huyện Lai Vung và huyện Thốt Nốt tỉnh Cần Thơ qua sông Hậu, phía Bắc giáp thành phố Cao Lãnh qua sông Tiền. Lấp Vò là huyện có điều kiện thuận lợi để nuôi trồng thủy sản. Có vị trí thuận lợi về giao thông thủy và bộ. Huyện Lấp Vò cách thành phố Hồ Chí Minh khoảng 180 km đường bộ, 200km đường thủy; trên địa bàn huyện có quốc lộ 80 và 50 đi qua, có 04 tỉnh lộ xuyên qua địa bàn, nối liền các huyện, tỉnh bạn; phía Tây có phà Vàm Cống, phía Bắc có phà Cao Lãnh (Nhà nước đầu tư đang bắc cầu thay thế phà).

Huyện có 12 xã và 01 thị trấn : Mỹ An Hưng A (xã Tòng Sơn cũ), Mỹ An Hưng B, Vĩnh Thạnh Hội An Đông, Bình Thạnh Trung, Long Hưng A, Long Hưng B, Định Yên, Định An, Bình Thành, Tân Mỹ và thị trấn Lấp Vò. Hiện nay cơ sở hạ tầng điện nước, thông tin liên lạc khá hoàn chỉnh phục vụ tốt cho việc đầu tư và phát triển.

Xã Định Yên thuộc huyện Lập Vò nằm ở Tả ngạn sông Hậu theo hướng Đông Nam cách trung tâm huyện Lập Vò khoảng 7km. Theo truyền thuyết địa phương: ông Phan Văn An là người đầu tiên khai hoang lập ấp và chiêu dân an cư lạc nghiệp vùng này. Để ghi nhớ công ơn người đi trước, người dân nơi đây ghép tên của ông với chữ Định để đặt tên cho làng, vì kỵ húy nên đọc An thành Yên. Do đó làng có tên là Định Yên. Diện tích tự nhiên là 1.822 ha, trong đó đất sản xuất nông nghiệp là 1.029 ha, dân số 19.027 nhân khẩu với khoảng 4.321 hộ gia đình (theo số liệu tổng điều tra ngày 01/04/2009). Đa số người dân nơi đây sống bằng nghề sản xuất nông nghiệp và dệt chiếu truyền thống.

Cũng như những nơi khác, ở Đồng Tháp, nghề truyền thống nói chung, nghề dệt chiếu và sản phẩm chiếu nói riêng là những di sản của thời kỳ lịch sử khẩn hoang, ghi dấu về quá trình sinh sống của cư dân trên một vùng đất, phản ánh đời sống trình độ canh tác, sản xuất v.v. ở một giai đoạn sử nhất định. Vì vậy việc nghiên cứu để bảo tồn và gìn giữ những giá trị văn hoá làng nghề và sản phẩm chiếu truyền thống với cuộc sống nhằm góp phần làm giàu thêm kho tàng di sản của cả nước. Làm nền tảng văn hóa thúc đẩy xã hội phát triển trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hóa góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc.

Trong quá trình phát triển của xã hội, nhu cầu cuộc sống, các hoạt động sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng tâm linh v.v. nghề truyền thống và sản phẩm làng nghề cũng có sự thích nghi để phục vụ cuộc sống, theo xu thế phát triển của thời đại.

Theo dòng chảy của lịch sử, làng nghề truyền thống nói chung, nghề dệt chiếu Định Yên trở thành di sản, có giá trị lịch sử, văn hoá vật chất và tinh thần của cả cộng đồng xã hội. Tuy nhiên, việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa nói chung, làng nghề truyền thống nói riêng, còn nhiều hạn chế, nên những di sản của tiền nhân cũng có nguy cơ mai một, nguồn tư liệu nghiên cứu về nghề truyền thống nói chung và nghề dệt chiếu nói riêng cũng bị thu hẹp dần.

Do vậy, việc xây dựng đề cương và viết nội dung đề tài này, bản thân tôi hy vọng góp thêm tư liệu về làng nghề, giúp việc nghiên cứu, tìm hiểu, bảo tồn di sản nghề dệt chiếu Định Yên nhằm góp phần phát triển kinh tế, thông qua hoạt động du lịch nâng cao đời sống nhân dân địa phương.

III. Nghề dệt chiếu ở số địa phương trong tỉnh

Do điều kiện địa lý tự nhiên, khí hậu, thổ nhưỡng tương đồng của địa bàn tỉnh Đồng Tháp và nhu cầu tự cung tự cấp của người dân sử dụng sản phẩm chiếu trong cuộc sống; nghề dệt chiếu mang lại nguồn thu nhập đáng kể cho phát triển kinh tế gia đình, nên trước đây hầu hết các địa phương trong tỉnh đều có nghề dệt chiếu và một số nơi có nghề dệt chiếu khá nổi tiếng như: làng chiếu Bình Thạnh (huyện Cao

Lãnh), làng chiếu Tân Thạnh (huyện Thanh Bình), làng chiếu Tân Khánh Đông (thành phố Sa Đéc) v.v.

Trong số đó, làng chiếu Tân Khánh Đông, tác giả Nguyễn Nhất Thống đã viết: "Trăm năm chiếu chiếu Tân Khánh Đông" trong quyển Quê hương thương nhớ, như sau: Tân Khánh Đông, một xã thuộc vùng ven của thị xã Sa Đéc (nay là thành phố Sa Đéc). Nơi đây được xem là một vùng quê êm ả, thanh bình nằm nép mình bên bờ Tiền Giang trù phú, với những cồn nổi, bãi bồi, sông rạch chằng chịt xen lẫn khu vườn cây ăn trái, ruộng lúa hoa màu phì nhiêu. Người Tân Khánh Đông bao đời nay cần cù, chịu khó, khéo tay hay làm lại giàu lòng nhân ái...

Người xưa kể rằng: Vùng đất này thuở xưa hãy còn hoang vu, đế, lau, sậy, đưng, lác mọc um tùm. Rồi một ngày kia có một gia đình sống bồng bềnh trên một chiếc ghe đã cắm sào lại đây, già từ cuộc đời sông nước rày đây mai đó, bước lên mảnh đất này mà khai phá. Chủ gia đình là một người đàn ông còn trẻ, vạm vỡ và khỏe mạnh; bằng sức lao động của mình, ông đã cật lực với đất, với trời để tạo dựng cuộc sống. Đất đã không phụ lòng người, gia đình ông ngày một sung túc, một số người khác cũng đến với ông, kết bạn, rồi cùng nhau khai phá rồi định cư lạc nghiệp, hình thành nên làng xóm ngày một đông vui.

Nét độc đáo của làng quê này chính là nghề dệt chiếu truyền thống với nguyên liệu tại chỗ. Nghề này có ở đây (đặc biệt nhất là ấp Đông Quới và Đông Khánh) đã ngoài một trăm năm, khi những người nông dân chân lấm tay bùn, một nắng hai sương làm ra hạt lúa, củ khoai và trở nên "có của ăn của để" thì cũng là lúc bọn địa chủ, cường hào ác bá bóc lột, hà hiếp người nông dân đến tận cùng. Cuộc sống trở nên ngột ngạt, khó khăn đến túng quẫn, buộc họ phải bỏ cuộc cày tìm một việc làm khác, vừa che giấu bọn cường hào vừa có thể kiếm sống cho gia đình. Nghề dệt chiếu đến với người nông dân ở đây như một cứu cánh và cứ như thế mà lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác cho đến tận bây giờ...

Để có những chiếc chiếu xinh đẹp, người nông dân ở đây, đã phải trần lưng khổ nhọc. Nguyên liệu chính là lác được nhổ từ những cánh đồng hoang trên những cồn, bãi tại chỗ; rồi lâu dần, lác không còn, phải chèo ghe đi nhổ ở những vùng lân cận, vượt sông Tiền sang Cồn Trọi (huyện Cao Lãnh). Đến lúc không đâu có nữa thì cấy trồng tại chỗ, rồi phát triển lên, phải tổ chức đi thu mua ở những nơi khác, có khi lên tận Năng Gù (An Giang) mới đủ cung ứng. Cấy một công lác phải 4 - 5 tháng mới thu hoạch. Cắt lác phải lựa những đêm trăng sáng, cắt trong 3 - 4 đêm mới xong một công. Lác được đem về nhà từng bó, rồi lại xỏ ra, lựa chọn thật kỹ rồi mới chẻ từng cây, phơi, nhuộm, xong đâu đấy thì giao lại cho những người phụ nữ ngồi khuôn. Đó là chưa kể trông tới việc trồng cây bó (cây đay), lột vỏ, cạo da, phơi khô, xé nhỏ se làm dây trôn.

Để có được một chiếc phải trải qua nhiều công đoạn, từ chấp bố, quay xa, móc trần cho đến chuôi lác rồi mới dệt thành chiếu.

Để dệt được một đôi chiếu, ít nhất phải hai người làm cật lực từ sáng sớm đến trưa một người chuôi lác, một đập khuôn, bẻ bìa.

Chiếc chiếu Tân Khánh Đông được dệt với nhiều kiểu sắc sảo, nào là chiếu con cò bông, con cò trắng chiếu, vẩy ốc, chiếu trà niên, chiếu hoa văn, chiếu song hỷ, chiếu cồ, chiếu manh v.v. Có lẽ chiếu được làm công phu và vất vả mới được đẹp như vậy nên khi đi bán chiếu, bao giờ người ta cũng ôm nó trên tay một cách nâng niu, hoặc vác nó trên vai như trân trọng với sản phẩm do chính tay mình làm ra với bao khổ nhọc.

Từ làng quê xa xôi này, chiếc chiếu được bán đi khắp nơi, từ quê ra tỉnh, lên tận thành phố Hồ Chí Minh và xuất khẩu với nhiều phương thức, phương tiện khác nhau, nó đã tạo được tiếng tăm cho làng nghề truyền thống ở vùng đất được mệnh danh "văn minh miệt vườn" Sa Đéc. Hiện nay, chiếc chiếu Tân Khánh Đông có nguy cơ mai một vì sự cạnh tranh khốc liệt, hiệu quả mang lại chưa tương xứng với công sức lao động đã bỏ ra. Những cánh đồng lác trên vùng đất còn nổi, bãi bồi Tân Khánh Đông không còn sức hấp dẫn trước hiệu quả kinh tế của một số hoa màu khác. Hơn nữa chuột bọ thường ẩn náu trong cánh đồng lác này, chúng là hiểm họa của chuyện thất bát mùa màng ruộng rẫy của nông dân. Rồi đây hình ảnh những đêm cắt lác, những lúc bên khung dệt chiếu chỉ còn lại trong thăm sâu ký ức của các bậc "lão nông tri điền", hay những nông dân lên hàng "xưa nay hiếm".

Người miền Nam rất yêu thích bản vọng cổ "Tình anh bán chiếu" của soạn giả Viễn Châu qua tiếng ca của nghệ sĩ Út Trà Ôn. Có lẽ thấm được trong đó là tấm lòng; là nỗi niềm của người làm ra chiếc chiếu. Tân Khánh Đông bây giờ đã có nhiều nhà xây kiên cố, đó là thành quả từ những chiếc chiếu. Cũng chính từ nó đã hun đúc nên phẩm chất bền bỉ, kiên trung, chịu khó của người Tân Khánh Đông trong suốt chiều dài lịch sử từ khi khai mở đến nay.

Chương II: NGHỀ DỆT CHIẾU ĐỊNH YÊN

I. Nguồn nguyên liệu

Với địa hình thuận lợi nằm cặp sông Hậu có nhiều cồn, bãi bồi do phù sa bồi đắp, nên vùng đất Định Yên thích hợp cho cây lác phát triển. Khi xưa, các cồn trên sông Hậu như cồn bà Hòa, cồn Vàm Cống v.v. còn trồng lác gon, đến mùa cả xóm đi thu hoạch hoặc mua về chế, phơi khô rồi chia nhau dệt chiếu. Dần dần, nguồn lác ở các cồn này ngày một ít, người dân phải dùng ghe đi mua lác ở các cồn ở phía Sa Đéc (sông Tiền). Ngày nay nguồn lác mua từ các nơi, phần lớn từ Vũng Liêm (Vĩnh Long) để cung cấp cho làng nghề.

Cây lác, cây bô là nguyên liệu không thể thiếu cho nghề dệt chiếu, nên từ xưa đến nay, nhiều gia đình mơ ước có được một công lác, ½ công bô là có thể « sống khỏe » cả năm.

Những công đoạn trồng, thu hoạch, chế lác, phơi lác và dệt chiếu được người dân làng nghề truyền tụng, gói gọn trong nội dung bài ca dao truyền miệng ở làng chiếu Định Yên như sau:

Nhơn sâu thủy thổ sinh ra,

Lớp con khôn lớn, lớp cha lại tàn.

Có người hỗn độn hoang đàng (ngang tàng)

Chém chân, vết ốt dao liền đâm hông,

Đâm hông rồi lại bâng gan,

Đem ra phơi nắng lại toan cột chùm.

Tướng bay, những (như) tướng anh hùng,

Căng dây, cây đóng mình chàng lắm thay,

Trên thì thực nữ ngồi bàn (dệt),

Thị Lang ngồi dưới, đâm ngang mình chàng (chuỗi chiếu).

Ghi theo lời kể của ông Nguyễn Văn Lem (Út Lem), sinh năm 1956, vợ là bà Nguyễn Thị Nhuyễn sinh năm 1955 cùng ở ấp An Khương, xã Định Yên

1. Xưa

I.1. Lác

Về nguyên liệu cây lác, chủ yếu có các giống sau :

Lác voi: thứ mọc ngoài đồng, thân to có 03 khía bén, nhưng không cao ; thứ lác voi trồng ngoài bãi, thân tròn, cao từ 1,5m – 1,8 m.

Lác hên: cùng họ với u du, trồng hoặc mọc ngoài bãi, chỉ cao từ 0,6m – 1,2m.

Lác gon: cùng loại với lác hên nhưng thân mềm, cao hơn có thể dệt chiếu tốt.

Lác mùa: là vụ chính, thu hoạch khoảng sau Tết âm lịch (giữa tháng giêng). Lác lợi thu hoạch khoảng tháng tư, lác xô thu hoạch khoảng tháng chín, tháng mười.

Đất trồng lác là những bãi bồi đất cát giàu phù sa ven sông Tiền và sông Hậu. Người làm chiếu cấy lác vào mùa nước nhóm rút, khoảng tháng 9 - 10 âm lịch, sau 3 - 4 tháng thì thu hoạch (nếu lác tốt). Lác trồng (cây) từ những gié lác con (măng lác), búng

từ ruộng lác, lác trồng một lần có thể thu hoạch 10 năm. Khi lác cối mới cấy lại. Chăm sóc tốt có thể thu hoạch 03 mùa trong năm.

Khi lác cao, đúng độ thu hoạch, người ta tranh thủ những đêm có trăng, lúc nửa đêm về sáng, qui động nhân công, dụng cụ (phảng, cù nèo, lưỡi hái v.v.), phương tiện ghe, xuồng (chủ yếu) để phác và vận chuyển lác: phác, giữ ủ (bẹ lác), phân loại dài ngắn riêng biệt, bó thành những bó vừa sức người lớn vác, khi hừng nắng lên là chuyển xuống ghe xuồng, tập kết về địa điểm chẻ lác (thường là nơi có sân phơi rộng để sau khi chẻ, chuyển ra phơi cho tiện), nếu còn lác chưa phác xong thì đêm mai lại tiếp tục, chứ ít khi người ta phác lác khi trời nắng gắt, lác dễ héo, khó chẻ.

Lác thu hoạch về, từng nhóm năm ba nhà cùng nhau chẻ lác vằn công.



Thu hoạch lác

Ngày xưa, chẻ bằng dao, một người vẫn chẻ được dùng dao nhọn, lưỡi mỏng dài khoảng 15 -18 cm, bản nơi rộng nhất 2,5 - 3cm, cán dao bằng gỗ, thon gọn dài 35 - 40cm được bào láng. Khi chẻ lác dùng mũi dao xuyên qua phần gốc lác từng cây, khi đầy lưỡi dao từ 7 -10 cây, vừa đủ nằm trong lòng bàn tay duỗi rồi dùng mũi dao xước ra gốc, sau đó chia số lác làm hai, kéo hai lần dài đến cuối ngọn lác. Chẻ thủ công bằng dao, người chẻ giỏi cũng chỉ 3 - 4 bó lác/ngày. Tuy chậm nhưng lác chẻ ra đều, dẹt chiều mịn, đẹp, ít hao lác.

Ngày nay việc chẻ lác được cải tiến, dùng bàn chẻ lác, bàn bằng khung gỗ hay sắt, có lưỡi cố định chính giữa, hai trục cuốn vào phía lưỡi dao, nằm giữa khe hai trục nên chẻ lác được nhanh.



Dùng bàn chẻ lác

Mỗi bàn chẻ lác cần 02 người: một người đưa gốc lác vào, một người kéo dài từ gốc đến ngọn, cho thân lác tách ra làm hai phần đều nhau. Chẻ cách này nhanh hơn rất nhiều lần, suất tăng lên, tiết kiệm được nhiều thời gian, chi phí nhưng lác cũng hay bị lã, không đều.

Lác chẻ xong đem phơi từ 2- 3 nắng tốt gọi là trúng nắng « no nắng » thì lác khô, có màu trắng xanh, sáng đẹp dùng dệt chiếu trắng. Nếu không trúng nắng hoặc do lác xấu thì cọng lác có màu vàng sẫm, dùng nhuộm màu dệt chiếu bông.

Sau khi phơi lác xong, phân loại từng bó dùng dệt các cỡ chiếu khác nhau. Lác dài 1,6m dùng dệt chiếu nhứt (khổ dọi); dài 1,5m dùng dệt chiếu nhì; dài 1,4m dùng dệt chiếu ba đủ; dưới 1,4m dùng dệt chiếu ba bớt; còn lại thì dệt các loại chiếu lờ...

Nếu lác dùng dệt chiếu màu, chiếu hoa văn thì sau khi lác, chẻ phơi khô sẽ đem nhuộm màu, trong dệt chiếu có các màu chủ đạo: xanh, đỏ, tím, vàng rồi phơi khô trữ lại khi cần thì mang ra dệt chiếu.

Ngày nay, sản phẩm lác, ngoài việc dùng dệt các loại chiếu, trên thị trường còn thấy xuất hiện nhiều sản phẩm phục vụ du lịch như nón xếp, túi xách, dép, quạt tay v.v được làm từ lác kết hợp với một số vật liệu khác tạo nên những vật dụng xinh xắn, tiện ích, thân thiện với môi trường được trưng bày các dịp Hội chợ thương mại du lịch hoặc bán ở các điểm tham quan phục vụ khách du lịch.

I.1.2. Trân: bó (từ thu hoạch đến thành phẩm...)

Để có trân dệt chiếu thì phải trồng bó. Về sau, còn có thêm cây bồ, cùng họ và giống như bó, nhưng cây bồ có thân to hơn, trân không mịn như bó, nhưng năng suất thu hoạch cùng diện tích cao hơn.



Thu hoạch bó

Bó được gieo trồng trên những thửa ruộng gò, trồng lúa năng suất kém. Khoảng ba đến bốn tháng, khi bó già có hoa thì thu hoạch, thường vào mùa nước nổi (tháng 7 - 8 âm lịch). Khi bó đến độ tuổi thu hoạch, người ta qui động nhân công nhiều hay ít tùy theo diện tích bó cần thu hoạch. Họ dùng phảng phác, dùng cù ngoéo gom lại, sau bó thành từng bó lớn, vừa sức người lao động khỏe, vác chuyển đem về bến sông hay ao đìa gần sân nhà để cho người thợ cạo lấy da và phơi bó được tiện lợi.

Từ thân cây bó, người thợ cạo dùng tay bẻ một đoạn khoảng 20cm, thân bó mềm dễ bẻ, để tách da bó toi ra khỏi thân, nắm đầu da ở đoạn vừa tách lột vỏ dọc theo chiều từ gốc lên ngọn.

Láng bó (cạo lấy vỏ lụa) đem phơi trên giàn, thẳng tắp như sáo, mảnh buông phủ, gập nắng tốt, phơi vài nắng thì bó khô trắng ngà óng ả, phản phát mùi thơm mộc mạc từ vỏ lụa bó bóc ra. Bó khô, xé nhỏ, se, chấp trần.

Da bó không dùng chấp trần, mà sử dụng để làm dây buộc, bện thừng, đan võng v.v. thân bó ngâm, phơi khô làm mỗi nhúm lửa rất nhanh bén.

Trước khi chấp trần bó đã được phơi khô, xé nhỏ, dùng tay xé, buộc túm đầu từng lọn. Để khi chấp trần ta rút ra từng sợi được dễ dàng. Về sau cải tiến hơn, người ta chế ra bàn xé bó. Bàn gỗ, dài 30 cm, đầu rộng 7cm, đuôi 3cm. Lưỡi hình răng lược dựng đứng, khi xé, ta căng đầu sợi bó thẳng ra theo bản rộng, ấn vào lưỡi và kéo

Chấp trần bằng tay, người ta dùng một lóng tre lồ ô hay tre tàu, rỗng ruột hai đầu mắc vào hai thanh kẽm treo lên vách nhà hay song cửa, nơi thuận tiện để ngồi chấp trần, tiếng kéo trần thỉnh thoảng lại nghe âm thanh ro ... ro theo khoảng thời gian se từng sợi bó đã được xé nhỏ, se vào, nối dài nối thành sợi, khoanh tròn trong bội (đan bằng tre, trúc lồ thưa, như hình tổ ong). Còn se trần bằng sa thì: quấn vào sa. Dùng sa quay, sa khung gỗ dùng đập bàn đập, có chỗ mắc dây cua - ro với trục quay, có các thanh nang xếp hình tứ giác, người chấp trần vừa nối bó se, vừa đập bàn đập làm cho sa quay tít quấn trần vào khung nang sa quay đến khi nào trần đầy thì sang qua trục cuộn trần để mang đi mắc vào khung dệt chiếu. Trần được cuộn tròn thành từng bánh tròn, gọi là bánh trần đem bán cho người thợ dệt mua về mắc vào khung dệt chiếu.



Dùng sa chấp trần

Từ những những thập niên 50 - 60 của thế kỷ trước (thế kỷ XX), ở làng Định Yên, người ta đã biết chế tạo ra bàn chấp trần (sa chấp trần) đã có những lớp thợ hành nghề đóng bàn chấp trần cung cấp cho làng nghề dệt chiếu. Cụ thể như ông Mai Công Mách, sinh năm 1929 ngụ ấp An lạc, nay thuộc xã Định An, huyện Lấp Vò (trước kia xã Định An thuộc Định Yên), cùng xóm với ông có hơn 10 cơ sở đóng sa trần để cung ứng cho thị trường, lúc đầu là sa đập bằng chân, về này, khi lưới điện phủ về nông thôn, người ta dùng mô - tơ điện để quay sa, năng suất sản phẩm trần tăng lên rất nhiều lần.

Thông thường một bánh trần có trọng lượng khoảng 1 cân (600gram). Khi dệt chiếu, người thợ dệt sẽ lấy mỗi sợi trần luồn vào khung dệt, công đoạn này gọi là móc trần. Khoảng cách sợi trần đều nhau theo lỗ của bàn đập chiếu và số sợi trần được mắc vào khung dệt nhiều hay ít là tùy khung muốn dệt chiếu khổ lớn hay nhỏ.

Ngày trước se trần thủ công bằng tay hay bằng cái xa quay, mỗi người làm chừng hai ngày mới được một cân trần (600gr). Ngày nay dùng mô tơ điện se trần nên nhanh hơn gấp nhiều lần.

Trần se khéo chắc, nhuyễn sử dụng khoảng 200gr có thể dệt được một chiếc chiếu.

I.1.3. Phẩm màu

Theo các cụ cao niên ở phương kê, thời kỳ đầu của nghề dệt chiếu dùng lá thực vật chế ra phẩm màu vì phẩm màu công nghiệp, ở vùng nông thôn như Định Yên lúc bấy giờ chưa phổ biến.

Vợ chồng ông Nguyễn Văn Khiều sinh năm 1945 và bà Đoàn Thị Tựu sinh năm 1956 ở ấp An Khương, xã Định Yên, trước kia người dệt chiếu dùng màu tự

nhiên pha chế từ vỏ cây vang (còn gọi là cây Tô mộc), mọc nhiều ở vườn trong thôn xóm đó là loại cây thân gỗ: cao 7-10m, thân, cành có gai, hình nón ngắn. Lá rộng, kép 2 lần lông chim; cuống lá mang 9 đôi cuống lá phụ, mỗi đôi đó lại mang 12 đôi lá chét hoặc hơn, có gân chính chéo, lá kèm biến đổi thành gai hình nón. Hoa mọc thành chùy rộng ở ngọn, gồm nhiều chùm có lông màu gỉ sắt. Quả hóa gỗ, có sừng ở đầu, chứa 4 hạt dẹt.

Hoa tháng 4 - 6 quả tháng 7 - 9 .



Bộ phận dùng: Gỗ - *Lignum Sappan*, thường gọi là Tô mộc.

Nơi sống và thu hái: phân bố vùng Ấn Độ, Malaixia và các vùng nhiệt đới mọc hoang trên các nương rẫy, rừng thưa ở nhiều nơi; cũng được trồng nhiều để làm thuốc. Cây dễ trồng bằng hạt. Người ta thường thu hái gỗ vào mùa Thu - Đông chủ yếu lấy lõi gỗ chẻ nhỏ, phơi khô hay sấy khô.

Thành phần hóa học: Trong gỗ Vang có tanin, acid gallic, sappanin, brasilin, tinh dầu. Có tới 2% brasilin, đó là một hợp chất màu vàng nhuộm đỏ carmin trong môi trường kiềm, oxy hóa thành brasilein màu đỏ sẫm. Trong tinh dầu có phellandrene, ocimene.⁹

Bà Bùi Thị Diệp, sinh năm 1920, ấp An Khương xã Định Yên nhà có truyền thống theo nghề dệt chiếu. Bà cho biết nhà bà có 6 đời theo nghề dệt chiếu, từ đời ngoại, má, đến bà, con bà và cháu đã gắn bó với nghề dệt chiếu Định Yên.

Theo bà Diệp cho biết, trước màu đỏ chế từ cây vang núi, về qui trình ngâm ủ: cây mua về vạc, phơi khô, nấu lấy nước đổ vào lu (loại lu lớn), lác đã được cài vào lu trước khi đổ nước vang vào, ngâm nở ra, kế tiếp rải phèn chua vào (ngâm 02 ngày), vớt lác ra phơi khô lại mới đem dệt chiếu. Có thể tận dụng nước này ngâm lác thêm

⁹ Wikipedia

lần nữa. Qua lời kể của bà Diệp cho thấy, xưa, để có màu dệt chiếu cũng lắm công phu.

Sách Địa chí tỉnh An Giang: viết về nghề dệt thổ cẩm, người Chăm ở An Giang đã dùng các nguyên liệu các loại lá để chế tạo màu như sau: Dùng cơm nguội ngâm rã ra trộn phết lên mặt sợi, dùng chân đạp, vò thật nhuyễn cho cơm dính vào từng sợi bông rồi đem phơi khô để đánh thành ống sợi đó là công đoạn hồ vải; còn về màu thì: màu xanh (hajao) chế từ thân và lá cây chàm, màu đen (juh) tạo thành bởi cây muồng giã nhỏ trộn với nước vôi, màu vàng (kanhah) tìm thấy nhờ đem rễ cây jung ngâm với phen chua, màu đỏ thì chiết từ cây cánh kiến hay cây pan.

Theo đó, những màu, xanh, đỏ, tím, vàng là màu chủ đạo trong nghề dệt chiếu. Đồng Tháp với An Giang là vùng lân cận có thể những người dân làng nghề đã học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau để pha chế ra phẩm màu thực vật, sử dụng trong các làng nghề, trong điều kiện phẩm màu công nghiệp còn khan hiếm, chưa phổ biến rộng rãi. Do vậy, có thể khi xưa, người dệt chiếu cũng dùng những loại lá thực vật kể trên để chế biến ra màu dùng để dệt chiếu.

Khi dệt chiếu bông (có hai loại: bông in và bông dệt), những cọng lác phải qua khâu nhuộm phẩm màu. Tùy theo từng loại chiếu mà nhuộm màu cho từng bó lác, sau đó phải đem phơi cho khô rồi mới dệt. Có bốn màu chủ đạo là : đỏ, vàng, xanh (xanh két), tím. Lò nhuộm được xây như lò tráng bánh, nhưng ống khói cao để đứng nhuộm không bị khói cay mắt. Chảo nhuộm có đường kính từ 0,7m – 0,8m (gọi là chảo đun) khi nước đun sôi thì bắt đầu pha màu. Đây cũng là khâu cần kinh nghiệm khéo léo, sao cho có màu tươi đẹp, bền không phai.

Đỏ thì gọi là «màu sắt » hay màu Huê Kỳ. Màu xanh thì pha chút màu vàng cho tươi tắn. Màu vàng đậm thì cho thêm một chút « sắt ». Màu tím thì khi bắc nước lên phải khuấy cho thật đều... Nguyên liệu bột màu xưa, dùng các loại lá rừng ngâm, ủ rồi pha chế thành các loại màu theo yêu cầu sử dụng.

I.2. Nay

I.2.1. Lác:

Hiện nay, nguồn lợi từ việc canh tác, sản xuất các loại nông, thủy sản khác cho lợi nhuận cao, nên việc trồng lác, dệt chiếu không còn là nguồn thu nhập chính đối với cuộc sống của một số người dân địa phương. Một nguyên nhân khác quan trọng là do sự phát triển khoa học kỹ thuật ứng dụng vào cuộc sống, các ngành công nghiệp chế biến sản phẩm gia dụng ngày càng phát triển, sản xuất các sản phẩm thay chiếu bằng nhựa (chiếu nhựa), chiếu gỗ, chiếu trúc, nệm vải, nệm lò xo, nệm cao su v.v.) có rất nhiều loại thay chiếu nên đất trồng lác ngày càng bị thu hẹp. Nguồn nguyên liệu cung cấp cho làng nghề được mua từ các địa phương khác (Vĩnh Long, Cần Thơ),

vận chuyển về cung ứng cho làng chiếu Định Yên. Người dân làng nghề đỡ vất vả hơn trong khâu trồng, chế biến nguyên liệu, nhưng họ bị giảm đi một phần lợi nhuận đáng kể, vì phải đầu tư kinh phí mua và chi phí vận chuyển nguyên liệu từ nơi khác về.

I.2. 2. Trân:

Cũng chịu ảnh hưởng chung của xu thế phát triển xã hội, nông nghiệp nông thôn, công nghiệp dệt phát triển. Chỉ dệt đã thay thế trân bó hầu hết ở cỡ máy dệt công nghiệp tiên tiến và những khung dệt truyền thống, do sự tiện lợi, phổ biến, dễ mua, bền chắc, ít tốn thời gian như trồng bó, chế biến trân. Và cũng bởi trồng bó không mang lại lợi nhuận cao, nên nông dân chuyển sang trồng các loại hoa màu khác đáp ứng nhu cầu lương thực, thực phẩm cuộc sống và ít nhiều chiếu không còn được sử dụng rộng rãi như xưa, đã có nhiều sản phẩm bằng chất liệu khác thay thế đáp ứng nhu cầu cuộc sống hiện đại, ngày càng tân tiến.



Dùng chỉ thay trân (bó) dệt chiếu

II.2.3 Phẩm màu.

Màu nói chung, màu dệt chiếu nói riêng, ngày nay rất phong phú và rất phổ biến được bán hầu hết ở các chợ thành thị đến nông thôn, rất thuận tiện cho người sử dụng nói chung và người dân làng nghề nói riêng. Sự phát triển của công nghệ pha chế phẩm màu phần nào giúp người dân làng nghề đỡ vất vả thời gian pha chế. Giúp thời gian dệt chiếu dệt chiếu được nhanh hơn và giảm chi phí.

II. Dụng cụ dệt chiếu:

II.1. Dệt thủ công:

II.1.1 Khung dệt

Gồm 04 trụ (cắm xuống đất, mỗi đầu hai trụ) và hai thanh ngang buộc vào hai bên trụ để mắc trôn (thường được làm bằng tre hoặc gỗ)

Muốn dệt chiếu (thủ công) người ta dùng 04 cọc cắm xuống đất cố định, theo khổ chiếu, buộc 02 thanh ngang vào bốn đầu trụ, buộc đầu trôn vào thanh ngang, xuyên từng sợi trôn qua các lỗ khung đập đến khi hoàn tất, thì có thể dệt chiếu.

Dệt chiếu thủ công cần đến hai người. Khung dệt được mắc trôn dài ngắn khác nhau, tùy theo khổ chiếu muốn dệt. Khung dệt thường được làm trước sân nhà có mái che, bóng cây che mát, bên hiên nhà, hay tận dụng không gian sinh hoạt trong chính ngôi nhà ở để ngồi dệt chiếu để thời gian làm chiếu được xuyên suốt chuyên biệt, thường xuyên hay lúc nhàn rỗi; khi trời mưa giông hay nắng gắt đều có thể ngồi dệt chiếu để đáp ứng kịp thời nhu cầu thị trường tiêu dùng cần kíp. Và nhất thiết để chiếu không bị giòn gãy, phải bố trí dệt chiếu ở nơi có bóng mát, diện tích tối thiểu có thể sử dụng dệt chiếu là 2,5m x 4m đối với những hộ dệt đơn lẻ.

II.1.2. Bàn đập

Để có được chiếu chiếu chắc chắn, dễ dặt. Người thợ dệt dùng bàn đập (đã được luồn sẵn vào giàn trôn của khung dệt) đập mạnh những cọng lác do người thợ chuôi luồn vào giữa những sợi trôn. Chiếc chiếu có đẹp hay không là nhờ vào bàn đập thanh, đều, kết hợp sự khéo léo của người thợ đập kéo đều lực giữa hai cánh tay vào trong lòng người đập, tạo nên sản phẩm chắc sử dụng được đẹp và bền.

Chính vì thế mà ở làng chiếu Định Yên, ngoài sự nổi tiếng về sản phẩm chiếu, sự tài hoa của người thợ dệt; nơi đây còn có những người thợ làm bàn đập khéo léo, sản phẩm của họ được người dân làng nghề ưa chuộng và luôn đắt hàng. Đó phải kể đến ông Nguyễn Văn Lữ sinh năm 1938, ở ấp An Khương, xã Định Yên người thợ làm bàn đập lành nghề và nổi tiếng.

Ông kể: Ở đây có rất nhiều người làm bàn đập, người đến mua sản phẩm của ông, họ đem về xài, thấy tốt, dệt chiếu ít đứt trôn, thanh đòn đập thon gọn, nắm vừa tay, đập chiếu cả ngày ít mỏi tay, tối về không nhức vai ... người này đôn người nọ, lâu dần có nhiều người đến mua bàn đập của ông.

Về kinh nghiệm, ông nói: kích cỡ bàn đập thì ai cũng như ai, dài ngắn là do nhu cầu của người sử dụng muốn dệt chiếu khổ cỡ nào thì đặt mình làm cỡ ấy, nhưng theo ông, cái khéo là ở chỗ dùi lỗ thẽ tre luồn trôn, lỗ phải rong ra, lỗ tròn đều thì dệt

chiều mới ít đứt trôn; một bộ phận không kém phần quan trọng là thanh đòn của bàn đập bào phải lạng, thanh gọn, sử dụng gỗ tốt, nhẹ, thẽ dùng tre già sử dụng được bền. Một yếu tố nữa là vấn đề bảo hành cho người sử dụng, nếu có hư hỏng chút đỉnh đem lại ông sửa dùm không lấy tiền công.

Với ông Lữ, là người có thâm niên hơn 40 năm làm bàn đập, ông thường dùng gỗ thau lau (làm thanh đòn bàn đập và tre già làm thẽ bàn đập) thì người tiêu dùng rất ưa chuộng vì sản phẩm vừa đẹp lại bền, khi sử dụng lâu ngày lên nước bóng hời. Ông đã sản xuất ra vô số bàn đập để cung cấp cho bà con dệt chiếu, không chỉ ở Định Yên mà còn nhiều nơi khác nghe tiếng sản phẩm tốt cũng đến mua dùng. Các loại bàn đập: theo kích thước của khổ chiếu: từ những khổ chiếu dài thông dụng trải giường 1,65m; 1,5m; 1,4m; đến các khổ chiếu ngắn, chiều manh 1,3m; 1,2m; 1m; 0,9m; 0,8m; và chiều cỡ 0,5m. Tuy chiều dài của bàn đập dài ngắn có khác nhau, nhưng bề rộng đều sử dụng thẽ tre như nhau: dài 13cm.

Và để hoàn tất một bàn đập theo phương pháp thủ công, một người thợ giỏi có thể làm trong một ngày sẽ hoàn thiện một bàn đập khổ dài.

II.1.3. Cây chuối (con thoi dệt chiếu, con chuối)

Xưa kia làm bằng ngọn trúc già, đầu vạc nhọn, sử dụng chuối chiếu lâu ngày lên nước bóng hời. Về sau, người ta sử dụng những loại gỗ dai, nhẹ (như thau lau chẳng hạn) bào thành cây chuối, ở đầu có đóng đinh nhô ra để quán lác vào. Cây chuối dài, ngắn tùy theo kích thước chiều muốn dệt mà sử dụng cây chuối phù hợp (2m, 1,5m, 1,6m v.v.)

Em đang dệt chiếu hồi vẫn.

Nghe anh có vợ, vội quăng con chuối.¹⁰

Cây chuối cũng bị vạ lây, bởi tình cảm bốc đồng của người thợ dệt... đôi khi cũng bị quăng nằm chổng chơ...

II.1.4. Ghế dệt (ngựa)

Dưới giàn trôn được mắc vào khung dệt, người thợ dệt ngồi phía trên bề mặt lớp trôn đã được căng thẳng, để có thể ngồi được, phía dưới, người ta kê một chiếc ghế dài ngang bằng khổ chiếu, chiều cao bằng khoảng cách từ mặt đất đến đệm mặt dưới của trôn, bề rộng mặt ghế khoảng 25 cm - 30cm. Một người ngồi trên đó kéo bàn đập, vừa đập sát, vừa bẻ bìa từng cọng lác, do người thợ chuối ngồi ở dưới luôn vào khe kẻ trôn, cứ thế tiếp tục cho đến khi hoàn thành chiếc chiếu.

II.2. Máy dệt

¹⁰ Tự Điển Tiếng Việt

Dùng máy công nghiệp để dệt chiếu. Máy dệt chiếu là cỗ máy phức hợp bằng kim loại (sắt) gồm nhiều bộ phận cấu thành, vận hành nhờ vào xung lực điện, do motor cung ứng, chuyển động qua dây của ro kích lực vào hai thanh trục chính. Một thanh vận hành dàn các ống chỉ dệt, thanh kia vận hành khung dệt, đưa lác vào dệt thành chiếc chiếu. Chuyển động của máy có sự trợ lực quay của hai bánh trón kéo theo sự chuyển động chi tiết từng bộ phận của máy hoạt động theo từng công năng mà kỹ sư thiết kế đã tính toán để ứng dụng vận hành vào việc dệt ra chiếc chiếu thành phẩm.



Dệt chiếu bằng máy

Sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật, nhất là trong lĩnh vực chế tạo cơ khí, đã giúp cho những nhà sáng chế sản xuất ra nhiều loại máy móc áp dụng vào lao động sản xuất thay thế sức người. Tạo hiệu suất lao động xã hội vượt bậc, sản phẩm sử dụng máy móc sản xuất ra có nhiều tính ưu việt.

Trong nghề dệt chiếu ở Định Yên cũng vậy, ngày nay, máy móc đã thay hầu trên 80 % số khung dệt của làng nghề.

Hiện nay, ở làng nghề đã có một số cơ sở cơ khí có thể sản xuất được máy dệt chiếu để cung cấp cho người dân trong làng và khu vực.

Điểm nhấn quan trọng của làng nghề dệt chiếu Định Yên chính là đã có thể chủ động được công nghệ sản xuất máy dệt chiếu ngay tại địa phương.

Chủ cơ sở cơ khí Tuấn Anh cho biết, do thấy sự cần thiết của việc cơ khí hóa một số công đoạn trong hoạt động sản xuất của bà con ở làng nghề nên cơ sở đã tìm tòi, học hỏi và từng bước cải tiến thành công máy dệt chiếu để áp dụng vào sản xuất

tại làng nghề. Sau hơn 03 năm sản xuất máy dệt chiếu, cơ sở Tuấn Anh đã cung cấp cho bà con trong các làng nghề dệt chiếu trên 300 máy dệt.

Đến năm 2015, ở Định Yên đã có khoảng hơn 400 hộ dân được trang bị máy dệt chiếu.

III. Quy Trình

Từ những khâu chuẩn bị các loại nguyên liệu như: lác, trăn, phẩm màu trong qui trình dệt chiếu đã được nêu trên. Dệt chiếu là khâu cuối cùng để tạo ra sản phẩm từng chiếc chiếu. Tùy vào phương tiện dệt chiếu thủ công (dệt theo cách truyền thống) hay hiện đại (dệt máy) mà người thợ dệt thực hiện qui trình tạo ra sản phẩm chiếu theo công đoạn và cách thức tiến hành riêng.



Dệt chiếu thủ công

III.1. Dệt chiếu thủ công

Những hộ làm nghề dệt chiếu thủ công, thông thường họ chọn nơi thoáng mát quanh nhà để dệt chiếu, hoặc nơi làm mái che hắt hoi hay chính trong ngôi nhà của họ ở để mắc khung cố định dệt chiếu (cách mắc và kích thước khung dệt đã nêu ở nội dung trên). Mắc trăn vào khung dệt (chỉ hay bố), luồn qua các lỗ bàn đập xong đầu vào đáy, lác đã phơi khô, nhuộm màu (nếu là dệt chiếu phối màu theo hoa văn tùy thích) mang đến, sắp đặt vào nơi dệt. Thực hiện thao tác dệt chiếu, một người ngồi dưới ngang hông khung dệt, quán đầu lác vào cây chuối, luồn vào khoảng giữa các sợi trăn, lướt qua từng thanh khung dệt, đến cuối thanh khung gạt khế, nghe tiếng kêu: "chách" một cái cho sợi lác rời khỏi cây chuối, rồi rút cây chuối ra và tiếp tục quán lác chuối tiếp. Cứ thế, cứ thế liên tục, người ngồi trên vừa đập, vừa bẻ bìa, sau khi người chuối rút cây chuối ra, cho đến khi xong một khổ chiếu. Vì vậy, khi xưa đi

vào làng nào có nhiều khung đang dệt chiếu ta thường nghe âm thanh chuỗi chiếu: "rèng rẹt, rẹt rẹt, chách, chách..." râm rang khắp xóm.

Xong một chiếu chiếu, đổi đầu khung dệt, dệt chiếc thứ hai, khi kết thúc chiếc thứ hai tháo đầu trên, dùng kéo cắt rời hai chiếc chiếu ra mang chiếu làm lán (cắt lông, cắt bìa, se bìa) hoàn thành sản phẩm và có thể sử dụng được. Nếu để chiếu vào bờ vừa lại chờ được giá mới bán hay đợi làm được nhiều sản phẩm giao cho thương lái theo số lượng hợp đồng thì phải phơi sơ qua nắng râm, chiếu vừa khô độ ẩm thì mang vào, để ngoài cho "nguội" sau đó để chiếu vào bờ cho khỏi bị mốc.

Sản phẩm là chiếu trắng, muốn in hoa văn thì mang đến lò hấp và in hoa văn theo yêu cầu hay chủng loại đơn đặt hàng, sau đó phơi khô lại giao cho thương lái kinh doanh hay người tiêu dùng sử dụng.

III.2. Dệt máy

Khi bắt đầu công việc, các cuộn chỉ đã được lắp đặt sẵn sàng, lác cũng được mang lại đầu máy, chỉ cần một người là có thể dệt chiếu. Người thợ dệt bật công tắc điện nguồn điện cung ứng cho máy, ngồi vào ghế ở vị trí đầu máy, nơi đưa lác vào, cứ việc rút từng cọng lác đưa vào, liên tục, liên tục đến khi hoàn thành một hay nhiều chiếc chiếu. Dùng máy, có thể ngồi song dệt hay tận dụng những lúc nhàn rỗi, một người vẫn tiến hành dệt chiếu được. Việc dệt chiếu, người thợ dệt phải nắm được kỹ thuật phối màu xanh, đỏ, tím, vàng; số lượng lác màu hay lác trắng nhiều hay ít tùy theo hoa văn của loại chiếu cần dệt mà đưa vào máy cho phù hợp.

Chiếu dệt máy khỏi phải bẻ và se bìa. Chiếu dệt xong chuyển qua khâu may bìa (cũng dùng máy) sau đó vệ sinh chiếu cắt tia chỉ, các sợi tơ của lác, chỉ Cách đây khoảng 05 năm, làng nghề bắt đầu ứng dụng máy dệt vào hoạt động sản xuất. Đến nay, trong hơn 2.000 hộ sản xuất tại 04 làng nghề dệt chiếu ở xã Định Yên đã có khoảng 70% số hộ đã trang bị được máy dệt. Nếu như năm 2006, toàn làng nghề chỉ sản xuất được khoảng 800 ngàn chiếc chiếu, thì với việc đưa máy dệt vào sản xuất, năm 2106, sản lượng của làng nghề đã vượt con số 1,4 triệu sản phẩm.

Một người làm nghề dệt chiếu tại ấp An Khương, xã Định Yên, huyện Lập Vò cho biết, “Hồi mấy năm trước, dù cố gắng hết sức thì 02 người thợ với 01 khung dệt, mỗi ngày làm được tối đa là 06 chiếc chiếu, thu nhập chỉ 40 - 60 ngàn đồng. Hiện nay, 01 người thợ có thể điều khiển 01 máy dệt chiếu, mỗi ngày làm được hơn chục chiếc, thu nhập được khoảng 80 ngàn đồng trở lên. Cái tiện nhất chính là có thể tự thân điều khiển máy dệt bất cứ khi nào có thời gian rảnh mà không phải chờ đợi người dệt chung như trước kia...”

Vì vậy khi bước vào khu vực không gian làng nghề, những hộ gia đình đã trang bị máy dệt từ một đến nhiều máy, hay những Hợp tác xã dệt chiếu vào vụ sản xuất ta

nghe âm thanh lách cách râm rang, còn những lúc cao điểm cung ứng thị trường theo thời gian hợp đồng xuất khẩu hay dịp xuân về thì không khí rộn ràng, nhộn nhịp càng náo nhiệt. Đó còn tín hiệu vui, cho thấy sự hưng thịnh của làng nghề.

IV. Các loại chiếu

Sản phẩm của làng chiếu Định Yên thường có những loại :

Chiếu vảy ốc là loại chiếu dày, chắc, bền ngay trước ưa dùng.

Chiếu bông, gồm có bông in và bông dệt. *Chiếu bông in* là sau khi dệt xong dùng khuôn in thêm bông, hoa văn hay những hình ảnh nội dung câu từ, chúc phúc tốt lành... *Chiếu bông dệt* thì dùng từng cọng lác nhuộm màu theo ý muốn. Dệt từng cọng lác. Khi dệt dùng kỹ thuật « lẩy » sao cho thành hình, bông, hoa văn, chữ theo ý định...

Chiếu con cò có các ô hình vuông như bàn cờ, hoặc hình quả trám...

Chiếu trắng thường, là loại trơn, mỏng dùng thông dụng trong mọi gia đình.

Chiếu cổ, loại này thường có khổ 0,5m x 1,5m, in hoa văn khi dệt phải lẩy cho khéo. Chiếu này dùng trải trên bàn thờ hay đặt giữa bộ ván ngựa để dọn cỗ (bày mâm) cúng kiếng ông bà, tổ tiên trong ngày lễ, giỗ, tết v.v

IV.1. Chiếu trắng:

Chiếu trắng là loại thông dụng trong nhiều gia đình, có loại mỏng (dệt lác chiếc) và loại dày (lác đôi). Lác dùng dệt chiếu trắng thường sử dụng lác tốt, lác phơi trụng nắng, màu lác trắng xanh ngà rất đẹp, không bị mốc. Chiếu sử dụng rất bền.

Chiếu trắng có 02 loại: loại hoàn toàn không xen vài đường màu ở bìa chiếu và loại xen màu ở bìa chiếu. Những người kỹ tính, thường hay sử dụng loại chiếu trắng, vì khi sử dụng nằm không bị dính màu.

IV.2. Chiếu hoa

Chỉ tất các loại chiếu có lẩy hoa văn và in. Chiếu hoa rất đa dạng về chủng loại và kích cỡ theo yêu cầu người tiêu dùng. Người dệt chiếu hoa phải nắm được kỹ thuật dệt, hình thức, nội dung hoa văn theo yêu cầu của khách hàng. Chiếu hoa có loại dệt trực tiếp, lẩy thành hoa văn, có loại dệt xong đem lại lò hấp và in hoa văn, bướm hoa, dơi (phúc đáo) hay những câu chúc, nội dung tốt lành như: Trăm năm hạnh phúc, hong hỷ v.v.

IV. 3. Chiếu cổ

Như đã nêu ở trên, là loại chiếu dùng để thờ cúng, bài mâm cỗ. Ngày thường chiếu được cuộn cất trên gác, trong ngăn tủ thờ, ngăn cấm trẻ nhỏ không được mang

trái nầm, hay chơi nhà chòi là điều kiêng kỵ, bắt kính với tổ tiên, người đã khuất ... Xưa kia, ở nông thôn, nhà nào có thờ phượng, ít nhất cũng sắm vài đôi chiếu cổ trữ sẵn, phòng khi nhà có lễ bầy mâm cỗ mang ra sử dụng. Đôi khi hàng xóm, chưa có điều kiện mua sắm, có nhu cầu cần, cũng cho mượn thể hiện tình nghĩa "chòm xóm" với nhau thật chan hòa.

V. TIÊU THỤ

Xin mượn lời rao của những người bán chiếu dạo còn truyền tụng ở làng chiếu Định Yên, mà tôi ghi được khi điền dã, thực hiện đề tài này:

Chiếu bông, chiếu trắng,
Chiếu ngắn, chiếu dài.
Lông một, lông hai, con cò,
Chiếu lầy, chiếu trái bàn thờ,
Cà Mau, Rạch Giá mấy anh khá xúm lại mà mua.
Chiếu tôi là chiếu hiệu con rồng;
Mấy chị chưa chồng trái phòng cũng tốt,
Mấy anh chưa vợ nầm chiếu cũng sang.
Chiếu hôn...

Ghi theo lời kể của anh Nguyễn Văn Diễm, sinh năm 1966, ngụ ở ấp An Lợi B, xã Định Yên.

Đó là lời rao của những người bán chiếu dạo, có máu "văn nghệ", làm cho người nghe vui tai và cảm tình để bán chiếu được nhiều và mau hết chiếu.

V.1. Các hình thức vận chuyển, bán chiếu

V.1.1. Vận chuyển:

Xưa, đường xá không thông suốt như bây giờ, nên việc bán chiếu, lắm khi nhà gần chợ vác bộ ra chợ bán; dùng phương tiện xuồng, dầm, chèo bơi len lỏi vào sông, rạch nhỏ ở nông thôn bán chiếu ở những địa phương lân cận, quãng đường gần; ghe tàu có máy bán ở những địa phương xa, tỉnh này qua tỉnh nọ, hoặc lên tận Sài Gòn, Nam Vang (Cam pu chia), Lào v.v.

Nay, giao thông nối liền, thủy bộ thuận lợi. Việc vận chuyển hàng hóa có nhiều phương tiện lớn, nhỏ; xe, tàu cơ giới hóa đa dạng việc lưu thông được dễ dàng mọi lúc mọi nơi. Nên chiếu được vận chuyển đến vừa thương lái, người tiêu dùng cũng

được nhanh chóng. Thậm chí chiếu còn được "lên tàu viễn dương hay phi cơ" xuất khẩu và người Việt ở khắp Năm Châu lưu luyến tình cảm quê hương yêu mến chiếc chiếu mua, mang theo sử dụng.

V.1.2. Hình thức bán chiếu

Xưa, người dệt chiếu ngoài việc sản xuất để sử dụng trong gia đình, bán cho người hàng xóm, bà con quyến thuộc, đem bán dạo v.v. Rồi dần dần người bán chiếu cũng không phải là người trực tiếp sản xuất mà là những người làm nghề tự do, mua đi bán lại, rồi trở thành thương lái buôn chuyến đường dài đến tỉnh khác và có khi vượt ra ngoài vùng lãnh thổ quốc gia (nay gọi là xuất khẩu).

Phương thức thanh toán cũng đa dạng, thông thường việc mua bán, trao đổi hàng hóa đều thanh toán bằng tiền, chiếu cũng không ngoại lệ. Nhưng người nông xưa, rất linh hoạt và quý trọng tình làng nghĩa xóm, đôi khi nhà khá giả, cho tặng người quen khó, khổ lúc mưa giông, nhà đột ướn hết chiếu nằm là chuyện thường tình. Cần đôi chiếu nằm, nhưng gặp lúc "thất ngật", hay năm hết, tết đến muốn có đôi chiếu mới trải cho thơm mát trong nhà trong cửa đón rước ông bà, tiếp khách ba ngày xuân, mà không có điều kiện dệt, cứ lấy về xài, khi nào có, thì "hoàn" cũng được (trả tiền). Còn không thể "hoàn" bằng tiền thì làm công trừ cũng "vui vẻ cả làng". Hoặc lắm khi nhà cạnh nhau, người dệt có chiếu, nhà bên có nông sản gieo trồng được thì qui đổi cho nhau nếu có nhu cầu cũng tiện lợi v.v.

Còn nhớ, thời kỳ bao cấp, khoảng thập niên 80 - 90 của thế kỷ trước (thế kỷ XX) hàng hóa chưa lưu thông, còn khan hiếm, đời sống người dân khó khăn, ở nông thôn miền Tây hay bắt gặp hình trao đổi chiếu độc đáo, thông qua lời rao:

" Gà, chó, đổi chiếu bông ... hôn",

"Chiếu bánhôn" (mua chiếu)

hoặc " Gà, lúa, gạo đổi chiếu ... hôn",

Trong lời rao trên, nếu không trải nghiệm tận mắt thấy, thì mọi người đều nghĩ là chuyện mua bán, trao đổi bình thường thôi. Nhưng tôi được trải nghiệm và còn nhớ một điều rất thú vị: từ thực tế người rao trên, theo quan sát, thì có hai nhóm đối tượng mua bán, trao đổi chiếu riêng biệt. Với hai lời rao đầu: " Gà, chó, đổi chiếu bông ... hôn", (rao chỉ nêu chiếu bông, nhưng có cả chiếu trắng), "Chiếu bánhôn" (mua chiếu) đó là lời rao của người miền Trung, miền Bắc mới vào Nam sinh sống, (phân biệt qua giọng nói) giọng rao cứng, họ dùng đâm hay chèo, chèo ghe (loại nhỏ) có sạp rộng hay lòng (để nhốt chó). Họ đổi cả chó - món khoái khẩu của người dân miền ngoài, họ mang chó về bán lại cho những người cùng xứ vào mở quán bán thịt cầy (lúc này, đa số người miền ngoài vào mở quán bán thịt cầy, chứ tuyệt nhiên ở Đồng

Tháp không thấy người miền Nam bán quán nhậu thịt cày). Một điều dễ nhận biết nữa là, ở miền Nam nhà nào có cậu thanh niên tập tành nhậu nhẹt, làm chó nhậu, theo bạn rủ rê ăn thịt chó, cha mẹ, ông bà hay được sẽ la cho một trận toi bời (còn phụ nữ ăn thịt chó là điều tối kỵ, khó chấp nhận, chứ không như bây giờ vô quán thịt chó, gặp nữ giới ngồi nhâm nhi, "đưa cay" miếng thịt chó nấu lẩu hay chấy cạnh v.v. sành điệu chẳng khác nam giới, còn ra vẻ cao hứng như: "Nam vô tửu như kỳ vô phong", được dân nhậu dị bản đổi là: "Nữ nhập tửu thất thần chạy nông"). Xưa phụ nữ vào quán xá nhậu nhẹt la cà, thường bị xem là thành phần gia đình kém nề nếp!

Theo quan niệm người miền Nam lúc bấy giờ, con chó được xem là con vật trung thành, được nuôi để giữ nhà, săn chuột, nên được yêu mến. Có "túng mồi" cũng ít ai làm thịt chó để ăn (trừ những người theo đạo Công giáo thì họ không kiêng cử thịt chó).

Một yếu tố dễ nhận biết nữa là, do người miền Bắc miền Trung, họ chưa quen địa bàn nên vừa bán, trao đổi chiếu và mua chiếu, gặp đâu mua đó, chưa biết các làng nghề sản xuất chiếu tập trung (thời kỳ này trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp cũng rất nhiều làng dệt chiếu và có nhiều hộ sản xuất nhỏ lẻ có tiếng) nên họ vừa mua vừa bán, trao đổi để luôn có nguồn chiếu dự trữ trao đổi, bán kiếm lời trang trải gia đình khi mới vào định cư, kinh tế còn khó khăn.

Còn lời rao " Gà, lúa, gạo đổi chiếu ...hôn" thì rõ là của người địa phương miền Nam mua chiếu đi bán, đổi kiếm lời. Đơn thuần họ là người kinh doanh bán chiếu, đổi những nông sản, gà (là con vật giết thịt thông dụng) của bà con về dùng trong gia đình hay mang ra chợ bán kiếm lời. Với tập quán ăn uống của người miền Nam nói chung, ở miền Tây, trong đó có Đồng Tháp nói riêng thì họ không đổi chiếu lấy chó, vì như vậy họ xem là thất đức, gia đình sẽ làm ăn không khá lên được, hay công việc làm ăn gặp bất lợi, khó khăn, nặng hơn: họ còn nghĩ gia đình bị tàn mạt! Chứ không như bây giờ, chó bị giết thường xuyên trong các dịp lễ, tiệc tùng; quán thịt chó tràn lan, thực khách, chủ quán hỗn hợp: Bắc, Trung, Nam có cả. Và chó thì không ai dùng chiếu đổi nữa mà họ nuôi để giết thịt, mua bằng tiền để bán, thậm chí nạn trộm chó, bắt chó là những hành vi bất chính của một nhóm đối tượng vô công rồi nghề, sa vào con đường nghiện ngập, cờ bạc túng thiếu thực hiện bị bắt, ở nhiều địa phương mà ta thường thấy nêu trên các phương tiện thông tin đại chúng.

V. 2. 1. Chợ đêm (dân gian còn gọi là chợ ma):

Xưa, chợ chiếu nhóm ban đêm, nhóm chợ để mua bán nguyên liệu và sản phẩm chiếu. Nhóm chợ vào đêm khuya, người bán và thương lái gần xa tụ họp về, những ngọn đèn dầu cá, đèn Huê kỳ (dầu lửa) đủ sáng cho người mua, kẻ bán. Nhiều người quen gọi «chợ ma», gọi về một cái «chợ âm phủ» nào đó trong truyện huyền thoại

dân gian. Vì giữa không gian tĩnh mịch, tối đen của làng quê, đêm khuya, từ những mái nhà, mọi người lục đục vác chiếu, cụ bị phương tiện mua bán đi bộ, hay bơi chèo, xuống ghe đến địa điểm quen thuộc (trước sân đình Định Yên và sân chùa) gần Ủy ban nhân xã Định Yên mua bán nguyên liệu và sản phẩm chiếu. Trên đường đi đến chợ, họ đốt đèn dầu, những ánh đuốc lá dừa lập lòe, vừa đi vừa quơ lúc ẩn, lúc hiện, tia lửa tủa ra chẳng khác nào ma trôi xuất hiện giữa những con đường, sông rạch ngoằn ngoèo dày đặc bóng đêm, cho nên dân gian gọi "chợ ma" có thể hiểu đúng theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng.

Nhóm chợ theo con nước lớn, rồng vào ban đêm là tập quán sinh hoạt, điều kiện đặc thù của người dân trong nghề dệt chiếu tại địa phương. Ban ngày, mọi người, nhất là nữ giới đều bận rộn với công việc gia đình, se trôn, phơi lác, phơi bó, nhuộm lác, dệt chiếu v.v.

Điểm đặc biệt của chợ chiếu đêm là, người mua sản phẩm chiếu ngồi tại chỗ, còn người bán thì di chuyển, họ vác chiếu tay cầm đèn đến điểm những người thu mua, xem hàng, trao đổi ngã giá theo nguyên tắc: "thuận mua, vừa bán", cuộc mua bán diễn ra nhanh chóng, miễn sao đôi bên cùng có lợi.

Thời gian họp chợ từ lúc nửa đêm, (đêm sau trễ hơn đêm trước một giờ,- do theo con nước lớn, đêm sau con lớn trễ hơn một giờ so với đêm trước), chiếu dệt xong đem bán, đi chợ mua thức ăn, về đến nhà trời thì vừa hừng sáng, lại bắt đầu công việc cho một ngày mới.

Qua khảo con nước lớn rồng, mốc thời gian vào ngày 14, 15 tháng 4 âm lịch, tại một con rạch trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp vào lúc 17 giờ, ngày 14 thì nước lớn đầy sông, ngày hôm sau, ngày 15 (rằm), lúc nước đầy là lúc 18 giờ.

Như vậy, lời kể của người dân sống tại Định Yên về chợ chiếu đêm ở Định Yên, mỗi phiên trễ một giờ là chính xác.

Và chợ đêm thường nhóm bắt đầu từ lúc 2 giờ theo chu kỳ con nước trong tháng, tính lúc nước lớn đầy, không tính sông cạn, sâu; xuống, ghe; lớn, nhỏ có thể di chuyển sớm hay trễ khi nước vừa "những" lớn thì đến phiên chợ xóm hoặc muộn hơn.

Tham khảo theo cột đối chiếu sau để biết lúc 2 giờ sáng là nhằm ngày bao nhiêu:

- Giờ: 18 19 20 21 22 23 24 1 2
- Ngày âm lịch: 15 16 17 18 19 20 21 22 23¹¹

¹¹ Tác giả

Theo đó, thì vào lúc 2 giờ sáng là nhằm ngày 23 âm lịch, là thời gian cận chánh kém trong chu kỳ con nước (chánh kém là ngày 25).

Như vậy, để tận dụng thời gian bán sản phẩm vào phiên chợ đêm và dành thời gian ban ngày để dệt chiếu thì người dân làng nghề dệt chiếu Định Yên, lúc bấy giờ, có thể họ chỉ nhóm chợ chiếu trong tháng, khoảng 7 ngày (từ 23 - 29 âm lịch). Tương tự mốc trên, ta tính tiếp:

- Giờ: 2 3 4 5 6 7 8

- Ngày âm lịch: 23 24 25 26 27 28 29

Ngày cuối của mốc trên là vào ngày 29 nhằm lúc 8 giờ, họ tranh thủ theo con nước về đến nhà có muợn gì thì cũng tám, chín giờ, lo qua công việc nhà rồi lại tiếp tục công việc dệt chiếu, trữ sản phẩm đến gần cuối tháng, khi được kha khá thì đem bán, lấy tiền trang trải gia đình, mua nguyên liệu về sản xuất tiếp, để tháng sau theo con nước đến chợ đêm bán chiếu.

Quy trình này xem ra hợp lý, vừa đỡ mất thời gian ra chợ, tiết kiệm được chi phí, có thời gian lao động, mỗi đợt ra chợ bán được nhiều sản phẩm, thương lái cũng tiện thu mua và vận chuyển buôn chuyển khắp nơi xa gần.

Chợ này xuất hiện và duy trì thời gian dài vì nó phù hợp với công việc nghề dệt chiếu và điều kiện sinh hoạt ở nông thôn thời kỳ bấy giờ. Về sau cải tiến hơn, một số ít người sắm được đèn pin, rọi đi chợ cũng rất tiện và "sang". Về sau đèn pha, đèn điện có cả rất tiện ích cho việc đi lại vào ban đêm.

Cùng với sự phát triển kinh tế của xã hội ngày một đi lên, đời sống người dân ngày càng được cải tiến. Đường nông thôn hiện nay xã liền xã, ấp liền ấp.

Trong cả nước, đường thông suốt, ô tô đi từ tỉnh có thể đi về tận ấp; phương tiện cơ giới đa dạng: xe tải, xe ba gác, xe hon da, xe đạp, tàu, ghe trang bị máy móc mã lực lớn, nhỏ đều có v.v. đó là điều kiện vận chuyển nhanh, cơ động trong việc lưu thông hàng hóa nói chung, sản phẩm chiếu nói riêng.

Phương tiện thông tin liên lạc, điện thoại bàn, di động, internet kết nối liên lạc đa chiều giữa người sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chiếu nên tiết kiệm được thời gian, công sức, không phải thức khuya dậy sớm mang sản phẩm ra chợ bán như trước kia nữa, nên dần dần chợ chiếu đêm, (chợ ma) ngừng hoạt động.

Và vài ba chục năm trở lại đây, chợ đêm không còn nhóm họp nữa mà chỉ còn trong ký ức của những bậc cao niên.

Chợ chiếu đêm Định Yên là một điểm nhấn đặc biệt trong hoạt động làng nghề dệt chiếu xưa, nó sẽ còn mãi trong ký ức của nhiều người hiện nay và về sau. Nói đến

làng nghề dệt chiếu Định Yên không ai không biết đến "chợ ma", là một ngôi chợ đặc biệt, độc đáo của làng nghề này. Du khách sẽ rất thích thú nếu được trải nghiệm tham gia mua bán chiếu vào ban đêm như xưa.

Vì vậy, trong điều kiện Tỉnh đang chú trọng phát triển kinh tế thông qua du lịch, đã xây dựng Đề án phát triển du lịch giai đoạn 2015 - 2020, thì việc phục hồi chợ chiếu đêm của Định Yên để góp phần phát triển du lịch, làm phong phú thêm sản phẩm du lịch là một nhu cầu cần thiết. Đây sẽ là một trong những nhân tố lạ hấp dẫn, khác biệt với những sản phẩm du lịch của các tỉnh lân cận trong khu vực và cả nước, góp phần thu hút khách, tăng trưởng kinh tế thông qua khai thác dịch vụ du lịch.

Tuy nhiên, trên thực tế chợ chiếu đêm không còn phù hợp để mua bán chiếu (vì những lý do nêu trên). Vậy làm cách nào để chợ chiếu đêm hoạt động trở lại? Đây là vấn đề cần có chủ trương, của các ngành quản lý từ tỉnh đến huyện, xã có chính sách đầu tư kinh phí, thực hiện đồng bộ qui hoạch nguồn nguyên liệu, nơi sản xuất, liên kết hộ sản xuất, chợ, bao tiêu sản phẩm v.v. để khôi phục lại hoạt động chợ chiếu đêm Định Yên. Nhằm liên kết với các điểm tham quan trong huyện, tỉnh xây dựng tuyến tham quan đưa khách tham quan trải nghiệm chợ chiếu, cùng với việc khác thác các dịch vụ vui chơi giải trí, ăn uống, nghỉ đêm v.v. nhằm nâng cao đời sống của người dân địa phương nói chung và người dệt chiếu nói riêng. Có như thế, sẽ gắn kết được người dân làng nghề, sống được bằng nghề của họ, góp phần duy trì, phát triển làng nghề truyền thống của địa phương, thực hiện mục tiêu giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc trong thời đại hiện nay và lưu truyền về sau.

V. 2.2. Chợ chiếu

Hiện nay, nếu mọi người có dịp đến trung tâm xã Định Yên, huyện Lấp Vò sẽ thấy một ngôi chợ khang trang mang tên Chợ Chiếu Định Yên, được địa phương đầu tư kinh phí, làm nơi trao đổi mua bán chiếu và trao đổi hàng hóa. Điều này thể hiện phần nào sự quan tâm của chính quyền địa phương với làng nghề. với mong muốn người dân làng nghề có nơi mua bán, trao đổi nguyên liệu và sản phẩm chiếu. Để làng nghề hoạt động ổn định và phát triển. Tuy nghề dệt chiếu Định Yên vẫn hoạt động theo xu hướng phát triển, nhưng một nghịch lý xảy ra, người kinh doanh mua bán chiếu không vào chợ để mua bán, vì nhiều lý do (có thể do thói quen, điều kiện, phương thức mua bán thay đổi theo sự phát triển của xã hội v.v.) dù chợ ma không còn. Hiện nay, người làm nghề dệt chiếu vẫn mua bán ở bến lác bờ sông và một đoạn đường làng cạnh xã. Một hình thức khác tiện lợi là họ gọi điện thoại giao hàng tận nơi vừa thương lái, hay tại nhà người tiêu dùng. Các mặt hàng từ nguyên liệu: lác chỉ trâu, phẩm màu v.v đến sản phẩm chiếu thành phẩm đều có đủ.

V. 2.3. Hợp tác xã

Là nơi tập trung nhiều máy dệt, liên kết được nhiều hộ tham gia sản xuất, số lượng chiếu nhiều. Có hợp tác vừa là nơi sản xuất, vừa là nơi thu mua sản phẩm của bà con làng nghề để cung cấp cho thương lái hay xuất khẩu.

V.3. Sản xuất gìn giữ làng nghề truyền thống

Dù trải qua bao thăng trầm của lịch sử, xã hội ngày một phát triển đi lên, trước thách thức của nền kinh tế thời hội nhập, nhiều làng nghề truyền thống vẫn không đứng vững và có nguy cơ mai một hay đã mai một. Nghề dệt chiếu ở xã Định Yên đã tồn tại hơn 100 năm qua, dù đối mặt với không ít những khó khăn, nhưng đến nay vẫn đứng vững và từng bước phát triển trên con đường hội nhập. Hơn một thế kỷ qua, nghề dệt chiếu được xem là một nghề tay trái của người dân Định Yên nhưng lại là một kế mưu sinh khá hiệu quả trong lúc nông nhàn.

Hiện tại đã có 01 hợp tác xã sản xuất chiếu được hình thành ngay tại làng nghề - Hợp tác xã Sản xuất Kinh doanh chiếu Thanh Bình - mỗi năm sản xuất và cung cấp ra thị trường hàng chục ngàn chiếc chiếu. Ngoài ra, tại làng nghề còn có rất nhiều cơ sở kinh doanh tổ chức sản xuất, thu mua sản phẩm của các hộ dân chung quanh để cung cấp ra thị trường. Đây cũng được xem là những nhân tố quan trọng thúc đẩy hoạt động sản xuất của người dân trong làng nghề phát triển ngày càng mạnh hơn.

Điều đáng phấn khởi hơn là chất lượng chiếu được nâng lên rõ rệt. Người tiêu dùng rất ưa chuộng chiếu dệt bằng máy nên việc kinh doanh cũng ngày càng thuận lợi.

Tuy vậy, đến Định Yên, đi vào thôn xóm ta vẫn gặp hình ảnh của những cụ già, các bậc trung niên hay những thiếu niên ngồi chuôi, đập trên những khung chiếu truyền thống trước sân hay bên hiên nhà. Các người thợ dệt "không đồng trang lứa" là tín hiệu nối tiếp liên tục của nhiều thế hệ, sẽ là "mồi lửa" duy trì thấp sáng làng nghề.

Đặc biệt, dù máy dệt công nghiệp hiện đại nhưng bí quyết làng nghề, kỹ thuật dệt những loại chiếu "lấy" hoa văn phức tạp, chiếu cổ thì chỉ có những người dệt thủ công giàu kinh nghiệm, dệt bằng phương pháp thủ công mới thực hiện được. Và hy vọng trong tương lai, những thế hệ trẻ nối tiếp, sẽ tiếp cận, học hỏi được kỹ thuật từ những nghệ nhân lâu năm trao truyền.

V.4. Kinh doanh tạo thu nhập ổn định cuộc sống



Kinh doanh vật tư nghề dệt chiếu

Nghề dệt chiếu tạo ra nguồn thu nhập chính cho nhiều hộ gia đình. Giúp ổn định về mặt kinh tế, góp phần nâng cao đời sống của bà con ở nông thôn, giải quyết được nhu cầu lao động của địa phương.

Nghề dệt chiếu được truyền nghề trong các hộ gia đình, từ những người có kinh nghiệm thì hướng dẫn cho con cháu của họ. Nghề dệt chiếu tuy thăng trầm vất vả nhưng người dân Định Yên với nghề cha truyền con nối vẫn một lòng can đảm để tiếp tục duy trì và phát triển làng nghề truyền thống. Từ những năm 1920, nghề dệt chiếu ở Định Yên phát triển, nguyên liệu tại chỗ không đủ, phải mua thêm lác chẻ sẵn, phơi khô từ phía Sa Đéc và các nơi chở đến. cho đến trước 1954, chiếu Định Yên nhờ chất lượng cao, giá cả vừa phải nên ghe thương hồ chở bán khắp vùng đồng bằng sông Cửu Long, lên đến Nam Vang (Campuchia). Chính nhờ sự thịnh vượng của nghề dệt chiếu thời kỳ này mà chợ phiên mua bán chiếu xuất hiện và tồn tại trong một thời gian dài.

Nói tiếp sau này này chợ chiếu Định Yên hiện hữu, những hợp tác xã, cơ sở sản xuất mua bán chiếu, vật chứng của hoạt động làng nghề đi vào ổn định. Nghề chiếu dù không mang lại thu nhập cao như những hoạt động kinh doanh ngành nghề khác, những người dân làng nghề tận dụng thời gian nhàn rỗi, duy trì sản xuất, tạo công ăn việc làm, tạo thu nhập ổn định cho gia đình ở địa phương, cùng với những hoạt động sản xuất kinh tế khác làm cho đời sống nhân dân ngày một nâng lên rõ rệt. Nhiều nhà có con cái học hành tới nơi tới chốn, xây cất được nhà cửa khang trang tươi tắn.

Chương III: SẢN PHẨM CHIẾU VỚI CUỘC SỐNG

Thời xưa, có thể nói, sản phẩm chiếu được làm ra, là nhu cầu thiết yếu của mọi nhà. Với gia đình khá giả thì sắm chiếu bông, chiếu vẩy ốc, chiếu con cò, chiếu cổ... còn gia đình bình dân, thì chiếu trắng, chiếu thường... chiếu dùng để nằm, để bày mâm cỗ, chiếu để làm chăn (mền), màn (mùng), chiếu để trang bị cho phòng tân hôn, để các bậc cao niên ngồi bàn chuyện trong các cuộc lễ hội, đình đám của làng và đôi khi đến phút cuối cuộc đời con người chiếu vẫn gắn bó...

Vì vậy, nói về qui mô làng nghề dệt chiếu Định Yên đến nay vẫn còn truyền tụng câu ca dao :

« Định Yên có vựa chiếu to,

Lấy chồng xứ Định khỏi lo chiếu nằm »

Hay câu : *Giúp em đôi chiếu em nằm*

Đôi chăn em đắp, đôi trâm em đeo

Phải thế chẳng mà mặc nhiên chiếc chiếu đã trở thành nhân chứng cho bao cuộc tình trai gái nơi thôn dã nồng thắm đến ngày răng long đầu bạc. Còn những cặp chia Quyên, rẽ Thúy thì do tình đời đổi trắng, thay đen chớ nào phải tại chiếc chiếu...Chiếu là vật dụng rất đời thường, không thể thiếu trong đời sống con người, vì nó có mặt từ rất lâu đời. Tuy bây giờ chiếu ít còn được sử dụng trong những khung cảnh bày trí tân thời. Nhưng ở những vùng nông thôn hay những nơi gắn bó với nét sinh hoạt xưa, chiếc chiếu vẫn rất hữu dụng. Khoảng từ những năm 1980 trở lại đây, chiếc chiếu lác ít người sử dụng vì nhiều lý do, có nhiều vật dụng khác: chiếu tre, chiếu gỗ, chiếu nhựa, nệm...do tiện ích giặt giũ, dễ sắp xếp trong không gian sinh hoạt thu hẹp...

“Mảnh chiếu, chiếc chiếu, đôi chiếu” từ xa xưa đã gắn liền với đời sống con người. Hơn thế, nó còn trở thành một biểu tượng cho tình cảnh, tình cảm của bản thân, gia đình (mảnh chiếu bó thân, tình chăn chiếu), vị thế xã hội (chiếu trên , chiếu dưới).

I. Chiếu trong sinh hoạt

I.1. Chiếc chiếu trong nôi

Trẻ con từ khi cất tiếng khóc chào đời, trong những trưa hè oi bức hay đêm trường vắng lặng, đứa trẻ được mẹ đặt vào võng hay nôi đu đưa, ru lời êm ái cho con vào giấc ngủ say nồng, để hình hài lớn dần theo năm tháng. Mảnh chiếu nhỏ vừa vặn, lót lưng vừa ấm, vừa thông thoáng tránh muỗi cắn đốt sẽ là kỷ niệm khó quên một thời ấu thơ của từng cá nhân, gắn bó với vòng tay của mẹ, gia đình và quê hương.

Đến khi trưởng thành, cất bước trên hành trình cuộc đời, đương đầu với phong sương của kiếp nhân sinh, đôi lúc bắt gặp chiếc nôi xưa, làm gặp kỷ niệm ngày nào ulla về bỗng nhớ lại "tổ ấm cảnh xưa"

I.2. Làm mừng ngủ

Theo bà Huỳnh Thị Thiệp, sinh năm 1941, ngụ ấp I, xã Bình Hàng Trung huyện Cao Lãnh kể lại, thời gian khoảng nửa đầu thế kỷ XX, vải xô, mừng mền còn khan hiếm, nhiều nhà nghèo không sắm nổi mừng để ngủ, họ dùng chiếu (là sản phẩm phổ biến có ở địa phương, hoặc họ có thể tự dệt lấy) kết lại làm mừng để ngủ. Thông thường, một cái mừng có thể sử dụng cả thấy 6 chiếu chiếu (5 chiếu làm mừng, 01 chiếu trải), việc giăng mừng cũng công phu và tốn thời gian hơn giăng mừng vải, đôi khi cần phải 02 người thì công việc giăng mừng mới dễ dàng. Mừng chiếu ngủ thì hầm hơn mừng vải nhưng vì kho khăn nên cũng phải đành chịu, thời đó còn hoang vắng sậy đế um tùm, không giăng mừng ngủ muỗi cắn chết... bà Thiệp chia sẻ. Chiếu làm mừng thường là chiếu trắng, khổ 1,6 m hay 2 m, dệt khổ lớn để có mừng rộng.

I.3. Chiếu trải giường (gọi chung)

Nhà ở nông thôn, các vật dụng nằm nghỉ ngơi thường là chõng, bộ ngựa hay đi vắng v.v. Đi vắng và ngựa ngày thường ít khi trải chiếu (lau sạch nằm cho mát), lắm khi nhà có khách mới trải chiếu cho ra vẻ thơm mát, hiếu khách. Còn thường lệ, thì chõng mới hay trải chiếu vì chõng kê thưa, khó nằm nên phải trải chiếu. Chiếu là vật dụng phổ biến, nhà nào cũng có, một số để sử dụng thường xuyên, vài đôi chiếu mới để dành, phòng khi nhà có khách mang ra sử dụng cho được mới mẽ. Chiếu nằm tuy đơn sơ, mộc mạc nhưng mát và thoáng. Khi nằm trên những chiếu trải chõng hay bộ ngựa, mùi thơm của chiếu mới cho ta cảm giác dễ chịu dưới mái nhà lá dừa mát dịu. Xưa, đa số là nhà lợp lá dừa, trong xóm có ngôi nhà nào xây tường thì nhà đó được bọn con nít như tôi gọi là nhà giàu.

Thời đó, vào nhà ai thăm viếng hay đến dự đám tiệc, nhìn những đôi chiếu trải giường cũng có thể nhận xét sơ sơ, độ thơm mát của gia đình đó. Nhà trải chiếu bông, chiếu trắng đặt (dệt theo yêu cầu) được xem là nhà kỹ tính, kha khá, nhà giàu; nhà trải chiếu tênh toàng xộc xệch biểu hiện kinh tế gia chủ đang gặp khó khăn.

Chiếu còn là vật dụng tiện lợi trải sạp nằm nghỉ ngơi cho những đoàn xuồng chài lưới của ngư dân đánh bắt đồng xa của cư dân Nam bộ; những nghe, thương hồ buôn chuyến chở sản vật từ nơi này đến nơi khác lênh đênh trên sông nước; chiếu trải vật nơi chòi canh trông nông sản của nông dân rất phổ biến ở miệt vườn; chiếu trải giường sinh viên chôn giăng đường đại học; doanh trại quân đội, chiếu dễ cuộn, xếp

gọn gàng theo ba lô hành trang cá nhân của những anh lính hành quân, luyện tập nơi thao trường v.v.

Ngoài ra, ở nông thôn, chiếu còn đáp ứng rất nhiều công dụng của nhà nông, chiếu dùng phơi nông sản, manh chiếu che chắn nắng, gió, mưa tạt nhà tranh vách lá v.v.

Và còn một nét rất riêng, công dụng của chiếu mà ai ở miền Tây Nam bộ cũng có thể biết. Vào dịp gần tết, nhiều gia đình chuẩn bị sắm tết, mua thêm vài đôi chiếu mới, để trải sử dụng trong mấy ngày tết. Trước đó, khi quét bánh phồng, dùng chiếu mới cán bánh lên chiếu mang ra phơi nắng, bánh khô dễ gỡ sạch, đẹp, hợp vệ sinh. Khi sử dụng, nướng bánh phình to, thơm phức mùi nếp mới và ẩn hiện những đường cọng chiếu như hoa văn song song đều đặn trên mặt bánh, tạo cảm giác hấp dẫn tan biến, giòn rụm khi ta ném bánh vào đầu lưỡi...

I.4. Chiếu trên, chiếu dưới

Chỉ vị trí và địa vị xã hội, cao niên hay ít tuổi. Trong sinh hoạt, giỗ chạp, lễ bái trong gia đình nông thôn, nơi công cộng, ngoài những bậc trưởng thượng ngồi ở bàn khách trang trọng, những cuộc lễ đông người phải dùng chiếu trải trên những bộ ván dài, vị trí chiếu trên (tính ở đầu gần nơi bàn thờ) dành cho những bậc lớn tuổi, vai vế lớn trong gia tộc, có địa vị xã hội, kể đến là những người vai vế, địa vị thấp hơn cho có thứ bậc, ra nề nếp gia phong, có tôn ti trật tự.

Cũng có thể nói chiếu trên chiếu dưới là một ẩn ý, chiếu trên thuộc những người có quyền hành, lợi dụng vị thế của mình hay ra oai đe nẹt kẻ dưới, người yếu thế (chiếu dưới) và những người chiếu dưới thường bị lép vế hay bị kẻ khác bắt nạt.

I.5. Giỗ tổ nghề

Tìm hiểu về việc cúng tổ nghề, tuy cho biết nghề dệt chiếu ở Định Yên có từ lâu đời nhưng không ai biết vị tổ nghề là ai. Chỉ biết hàng năm vào 27, 28 tháng chạp âm lịch, các khung dệt chiếu được thu dọn gọn gàng, lau chùi sạch sẽ, thợ chiếu nghỉ ăn tết. Ra giêng, khoảng mùng 7, mùng 8 thì cúng ra nghề.

Còn qua tìm hiểu tư liệu thì từ xa xưa ở xã Tân Lễ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình) đã nổi tiếng trong và ngoài tỉnh với những sản phẩm chiếu Hới bóng bảy mượt mà. Sản phẩm chiếu dệt thủ công của làng Hới là niềm tự hào của người dân nơi đây.

Với câu phương ngôn: “Ăn cơm hom, nằm giường hòm, đắp chiếu Hới”; bởi chiếu Hới không chỉ bền, đẹp mà còn có thể đắp thay chăn vào mùa đông.

Theo những người cao tuổi trong làng kể lại, nghề dệt chiếu Hới có từ thời Tiền Lê (thế kỷ X-XI), rồi phát triển mạnh vào thời Hậu Lê (thế kỷ XV). Nghề dệt chiếu Hới thịnh đạt lúc bấy giờ là nhờ công lao của Trạng nguyên Phạm Đôn Lễ - Ông người làng Hải Triều, huyện Ngự Thiêm, phủ Tân Hưng (nay là huyện Hưng Hà).

Ông thi đỗ Trạng nguyên khoa thi Tân Sửu, niên hiệu Hồng Đức năm thứ 12, làm quan tới chức Thượng thư.

Khi ông lớn lên, làng Hới đã có nghề dệt chiếu từ lâu. Nhưng chiếu dệt khung đứng, không có ngựa đỡ sợi nên chiếu không đẹp. Đi sứ sang Trung Quốc, khi qua vùng Ngọc Hà, Châu Quế Lâm, tỉnh Quảng Tây, Phạm Đôn Lễ đã tìm hiểu và học được bí quyết kỹ thuật dệt chiếu của người Trung Quốc. Đó là kỹ thuật dệt khung nằm, có ngựa đỡ sợi dọc, làm cho sợi dầy căng, chuôi lác nhanh hơn và chiếu đẹp hơn. Ông đã phổ biến kinh nghiệm và kỹ thuật dệt mới cho nhân dân. Ông cho cải tiến khung dệt. Nhờ vậy, chiếu Hới đẹp hơn và nổi tiếng từ đó. Dân làng tôn ông là ông Tổ nghề dệt chiếu, gọi ông là “Trạng Chiếu” và lập đền thờ sau khi ông mất: đền thờ Phạm Trạng Nguyên.

Phải chăng tổ nghề dệt chiếu ở Xã Định Yên, Lấp Vò, Đồng Tháp cùng là Trạng Nguyên họ Phạm kia, và nghề dệt chiếu xuất phát từ Thái Bình do lưu dân mang theo trên đường khai hoang mở cõi đã truyền dạy cho người dân nơi đây?

I. 6. Vinh danh làng nghề

Với thời gian phát triển, tồn tại lâu đời, được hình thành từ thời kỳ đầu khi cư dân đến khẩn hoang và định cư trên vùng đất này. Nghề dệt chiếu Định Yên đã trở thành nghề truyền thống của địa phương, góp phần tạo dựng, ổn định cuộc sống của người dân địa phương nơi đây. Dù có lúc thăng trầm nhưng nó vẫn tồn tại và phát triển ngày một đi lên. Trong quá trình tồn tại, Nghề dệt chiếu Định Yên đã góp phần hình thành nên những giá trị văn hóa của địa phương.

Năm 2003, xã Định Yên được Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Đồng Tháp công nhận 4/4 ấp là làng nghề, với 3.000 hộ hoạt động có liên quan đến nghề dệt chiếu.

Từ khi có Luật di sản văn hóa ra đời (năm 2001) đến nay, công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá vật thể và phi vật thể trên địa bàn tỉnh được chú trọng. Trong đó, các làng nghề truyền thống được kiểm kê và lựa chọn làng nghề tiêu biểu về giá trị văn hóa vật chất và tinh thần lập hồ sơ, đề nghị, đưa vào Danh mục di sản quốc gia.



Nghề dệt chiếu Định Yên được đưa vào Danh mục di sản văn hóa quốc gia

Từ lợi ích giá trị về vật chất và tinh thần mang lại cho người dân địa phương, chính quyền và nhân dân Định Yên tự nguyện ký vào cam kết và đề cử di sản văn hóa phi vật thể nghệ dệt chiếu thủ công của địa phương vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

Và Nghệ dệt chiếu Định Yên đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia vào năm 2013.

II. Chiếu trong nghi thức

II.1. Trong cúng Đình

Trong các lệ cúng ở đình làng, những hương chức đình khi thực hiện các nghi thức cổ truyền cúng tế, với lễ phục trang nghiêm nơi các hương án, dâng các phẩm vật bài trí trên các bàn thờ, bàn Hội đồng trải chiếu, trang nghiêm xếp các thực phẩm cúng tế với nhiều món ngon, bài trí đẹp mắt, được chế biến từ các sản vật của địa phương do dân làng dâng cúng. Phần dâng hương dâng trà rượu, Chánh tế tiếp nhận từ Học trò lễ dâng, sau đó quỳ trên chiếu hoa trải trước bàn thờ thần nơi Chánh điện thực hiện nghi thức bái lạy mong thần chứng minh cho lòng thành của dân làng, mong được phù hộ trong năm mưa thuận gió hòa mùa màng tươi tốt, cuộc sống được an lành hạnh phúc. Chiếc chiếu trở thành vật dụng góp phần thực hiện thành công nghi thức cúng thần ở đình làng. Hay lúc dân làng dự tiệc nơi nhà trù, chiếu được trải trên những bộ ván dài ngay hàng thẳng lối, thức ăn được dọn lên, mọi người cùng ngồi xếp bằng đối diện nhau dự tiệc, góp thêm phần long trọng và nhộn nhịp trong các lệ cúng Kỳ yên nơi đình làng.

II.2. Trong lễ cưới

Những lễ cưới ở nhà hàng sa hoa, lầu vàng, nệm gấm cung son ít khi chiếu hiện hữu, còn ở miền quê, nơi thôn dã từ bậc phú hào, địa chủ đến bình dân chiếu luôn có mặt, góp phần cho buổi lễ và cuộc sống đôi tân hôn thêm trang trọng, ý nhị.

Trong các loại chiếu hoa, loại in hoa văn ta thấy có loại in chữ: Song hỷ, trăm năm hạnh phúc, tân hôn thường được các gia đình chuẩn bị cưới hỏi cho con cháu, sắm về sử dụng trong lễ cưới. Ngoài ra, các loại chiếu trắng cũng được trang bị thêm để đãi khách, nghỉ ngơi hàng ngày vì nhà sắp có thêm thành viên mới.

Từ cuộc ăn hỏi đến lễ cưới, chiếu được trải trên những bộ ngựa ở gian phòng khách của các gia đình hai bên thông gia cùng ngồi trò chuyện, chính giữa là bàn dài và ghế nghi để những bậc trưởng tộc, song thân đôi cho tân lang và tân nương ra mắt, thực hiện nghi thức trong lễ hỏi, cưới. Lúc lên đèn, vái lạy Cửu huyền thất tổ, trước bàn thờ cũng cần có chiếu trải, thể hiện sự trang nghiêm, để đôi uyên ương quỳ lạy được sạch sẽ. Đặc biệt, trong phòng đôi tân hôn cũng phải có một đôi chiếu mới.

Chiếu hoa, chiếu trắng thì tùy sở thích và khả năng của từng gia đình. Và bao giờ cũng phải là một đôi, dù giường chỉ trải một chiếc là đủ (trong bài "Tình anh bán chiếu" thì kích thước chiếu dài 2 mét), nhưng sẽ là kiêng kỵ không ai sắm một chiếc, như vậy mang điềm gở, đôi trẻ sống với không hạnh phúc, đến răng long, đầu bạc. Thể hiện sự ước mong tốt lành mang đến cho mọi người, nhưng trên thực tế, cuộc mưu cầu hạnh phúc lứa đôi cũng lắm cuộc bể dâu tang bồng... và những cuộc hôn nhân sớm "chia Quyên rẽ Thúy" như thế, dân gian gọi là "ở chưa nát chiếu".

II.3. Trong đám ma

Chiếu có thể coi là vật gắn bó xuyên suốt với dòng đời con người, từ lúc nằm nôi chiếu đã hiện hữu, chiếu trải giường, nơi trưa hè góc vườn hóng mát, ngủ trưa ở làng quê, chiếu chứng kiến bao kỷ niệm hạnh phúc lứa đôi, đến khi già nua, "chiếu trần trọc" thâm đậm thương thân phận hao mòn, gầy guộc bởi cuộc nhân sinh kiếp người theo qui luật sinh lão bệnh tử... Đến phút cuối đời người, nhà có tang, gia chủ cũng mua một đôi chiếu liệm người quá cố, tiễn người bạn trăm năm quá vãng về miền cực lạc theo nghiệp lành, hay đọa địa ngục theo nhân quả, mà khi sống, chưa kịp "giác ngộ" phạm điều tai ương nghiệp chướng.

Trước kia, chiếu là vật bao bọc thi thể trong lễ khâm liệm đưa người quá cố vào cỗ quan tài hay che chắn, "đắp chiếu" cho những mảnh đời kết thúc không may bởi tai nạn giao thông, "chết đuối vịn bờ", trong những uẩn khúc phi vụ, cướp bóc sát hại phi tang đưa đồng loại về nơi "chín suối" không kịp gặp mặt người thân đưa tiễn...

Rõ ràng, đời người là vô định, lại càng hẩm hiu hơn, khi phút cuối đời người được khâm liệm, được gặp mặt người thân trước lúc nhắm mắt xuôi tay nhưng lại rơi vào mùa lụt không nơi chôn cất ở vùng đồng bằng Nam bộ cách nay hơn thập niên về trước thì càng đau xót ...

Do vậy mà chuyện "Mùa Gác Chéo", tác giả Tùng Thiện có đoạn viết:

..."ông Tư gác chéo". Sở dĩ ông có cái tên lạ hoắc lạ hươ là vì ông thường làm cái việc xóc chéo nọc tre, hoặc bất cứ loại cây nào ở vùng lũ sẵn có, rồi buộc chặt lại như chiếc nạng thun trẻ con chơi.... Sau đó để cỗ quan người chết lên trên đó. Làm riết rồi tự nhiên ông dạn dĩ, ông thạo việc, ông kinh nghiệm... thành "nghề" lúc nào không biết... Đã là nghề thì làm bất cứ nghề gì cũng vậy, người có cái nghề phải được thuê mướn, phải trả công, nhưng với ông Tư thì khác, nghề của ông được hiểu là thạo việc, có kinh nghiệm và đặc biệt là sự nhiệt tình tự nguyện của ông mỗi khi nhà ai có người chết, nếu hay tin ông tự khắc sẽ đến. Và đôi lúc ông còn rất hãnh diện với công việc này. Đối với gia đình nào trả công là điều sỉ nhục! Tính ông là vậy đó, nóng giận như Trương Phi, không để bụng, ông thích giúp đỡ mọi người, hay làm phước và sĩ

diện - nó trở thành bản chất rồi - chả thể mà ông luôn nghèo, cô đơn và cực nhọc hơn mọi người.

... Mùa nước nổi, mùa lũ lụt đâu đâu cũng là trời với nước lấy đâu ra chỗ để mà chôn? Vậy là gác chéo - lâu dần trở thành tập quán của quê ông mỗi khi lũ về ... Chết là điều bất hạnh, chết trong mùa lũ lại càng bất hạnh hơn... còn ông, liệu những ngày cuối đời chết đi có trùng vào mùa nước nổi ... ai sẽ là người gác chéo cho ông?

Còn thông tin ngày 12/9/ 2016, trên mạng xã hội lan truyền hình ảnh người đàn ông đi xe máy chở thi thể được cuộn trong chiếc chiếu với đôi chân thò ra ngoài. Người đàn ông là Lò Văn Muôn chở thi thể em gái Lò Thị Phan (bản Ít B, xã Mường Sại, huyện Quỳnh Nhai) trên đường xuất viện. Nạn nhân trước đó điều trị tại Bệnh viện Lao và bệnh phổi Sơn La và được người nhà xin xuất viện đưa về gia đình.

Do nghèo túng, người nhà không thuê được ô tô chở tử thi về được làng hoang, trước sự thờ ơ của người trong cuộc...

Thông tin này dư luận rất bức xúc, cho thấy tình người đôi lúc rất lạnh lẽo hơn tấm chiếu. Chiếu vẫn che chắn bao bọc thi thể người xấu số... dù không được tươm tất, nhưng luôn xuất hiện kịp thời, đúng lúc, không phân biệt, hững hờ...

II.4. Trong đám giỗ

Ở Nam bộ ai cũng biết, nhà có đám giỗ, người lớn, trẻ nhỏ, thân tộc, hàng xóm được gia chủ mời (trừ những người trực hệ thì không mời mà tự đến dự) góp mặt đông vui, khách đông, gia chủ chuẩn bị mừng, mèn, chiếu gối cho bà con ở xa đến nghỉ đêm, khách dự ngồi trò chuyện...

Vào ngày chánh giỗ, thực phẩm chế biến xong (xưa, bà con họ hàng cùng chung nấu nướng chứ không thuê dịch vụ nấu ăn như bây giờ), cùng với bánh ít, bánh tét (khi xưa bánh tét nhà có phụ nữ giỏi nữ công gia chánh, khéo tay làm bánh tét tròn lớn như chũ, nhân màu cắt ra trông đẹp mắt mà ăn cũng ngon) dọn lên, dàn cỗ trên bộ ván rộng đã trải chiếu sẵn, thức nấu món nhiều hay ít tùy theo số lượng thực khách mà gia chủ chuẩn bị từ đủ tới dư. Có cả mâm hậu cúng lễ buổi chiều.

Mâm cỗ chuẩn bị xong đâu đấy, mọi người (đa số là thanh niên, phụ nữ) lấy mâm đến ván cỗ có người phân phối số lượng món đủ theo thùng mâm (mâm là một phần thức cúng gồm đầy đủ tất cả các món có trong đám giỗ, có thể mỗi thứ một đĩa, hoặc hai đĩa) dọn lên có người đại diện gia tộc (thường là người trong nhà, lớn tuổi) chỉ vị trí bày biện thức cúng theo từng đối tượng như: mâm cúng người được cúng giỗ, mâm cúng gia tiên, mâm cúng đất đai như trạch, những người quá cố, được thờ trong nhà, nếu nhà có nhiều bàn thờ (như nhà có nhiều thế hệ chung sống: tứ đại đồng đường chẳng hạn v.v.) các mâm cúng theo gọi là kiếng, nên dân gian có từ cúng kiếng.

Xưa, ở các bàn bày mâm cỗ cúng, trước khi dọn thực phẩm cúng, có trải chiếu cỡ (khô 0,5m x 1,5m, có hoa văn, khi dệt phải lấy cho khéo), tăng thêm phần trang trọng, cung kính của gia chủ đối với người đã khuất. Chiếu được trải dài thẳng tắp chính giữa các bàn cúng, thông thường, chén đĩa được xếp hai bên bìa chiếu cỡ và các chén nước chấm (nếu bàn rộng) còn hẹp thì thức ăn cũng được để xen vào, cốt yếu sao cho xếp được hết thức cúng trong mâm lên bàn, nhưng phải xếp cho khéo léo, đẹp mắt... hoàn tất, dùng chiếu trải phía dưới trước bàn thờ chủ nhà thấp nhang khăn vái mời người được cúng và ông bà tổ tiên về chứng minh lòng thành của con cháu và ngụy dùng. Sau đó, con cháu trong họ lần lượt, quỳ dưới chiếu vái lạy ông bà.

II.5. Chiếu với nghệ thuật

Với lịch sử tồn tại lâu dài, sản phẩm của nghề dệt chiếu Định Yên bền đẹp, được người tiêu dùng trong và ngoài nước tin cậy, chuộng sử dụng, tạo nên sự nổi tiếng của làng nghề từ xưa đến nay. Chiếu đi vào đời sống, gần gũi gắn bó qua nhiều cung bậc tình cảm của con người. Vì vậy chiếu đã trở thành đề tài sáng tác của giới văn nghệ sĩ và điện ảnh trong cả nước. Song song đó, chiếu Định Yên còn được các Đài truyền hình Trung ương và địa phương đưa tin, xây dựng phóng sự, phim tài liệu giới thiệu quảng bá về hình ảnh làng nghề dệt chiếu Định Yên trong nước và thế giới.

Nhiều nghệ sĩ nhiếp ảnh trong tỉnh và cả nước lấy cảm hứng sáng tác về nghề chiếu Định Yên, chụp được nhiều bức ảnh, ghi lại những khoảnh khắc tuyệt đẹp, tạo được dấu ấn nghệ thuật nhiếp ảnh thông qua hoạt động của làng nghề dệt chiếu Định Yên như hình ảnh về chợ đêm, dệt chiếu, phơi lác, nhuộm màu, về nguyên liệu lác, bó v.v. nhiều tác phẩm có giải thưởng và dự treo các cuộc triển lãm.

Vào tháng 4 năm 2015, Ban truyền hình đối ngoại Trung ương, Đài Truyền hình Việt Nam đã đến làng chiếu Định Yên ghi hình cho Phóng sự phim tài liệu: Chuyên mục: Tinh hoa nghề Việt phát sáng ra ngược ngoài phát sáng trên Kênh VTV4.

Hiện nay hình ảnh làng nghề dệt chiếu Định Yên trên các mạng xã hội rất phong phú, dễ dàng truy cập được.

Còn trước Ngày giải phóng, thống nhất đất nước, Nghệ sĩ Viễn Châu tên thật là Huỳnh Trí Bá, sinh năm 1924 tại Trà Vinh. Sinh thời, ông được xem là một danh cầm đàn tranh và là soạn giả cải lương nổi tiếng. Năm 2012 ông được trao tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân.

Ông và Nghệ sĩ Út Trà Ôn đã thổi hồn cho chiếu qua bài vọng cổ "Tình anh Bán chiếu" đi vào lòng người một cách sâu lắng, mỗi khi nghe giọng ca nghệ sĩ Út Trà Ôn cất lên thì nổi buồn man mác, vấn vương cho mỗi tình thâm lặng trước cửa loan phòng của một cô gái ở Phụng Hiệp Cần Thơ...

Ta có thể hiểu câu chuyện qua lời kể của tác giả cố soạn giả Viễn Châu do nhà báo Lê Phú Khải viết về xuất xứ "Tình anh bán chiếu" như sau:

Ông kể: ...Năm 1961, Giám đốc hãng đĩa nhạc Hồng Hoa bảo tôi, đệ nhất danh ca Út Trà Ôn đã ký với hãng của ông một hợp đồng làm việc, vì vậy tôi phải sáng tác ngay một bản vọng cổ để Út Trà Ôn ca bản đầu tiên thâu đĩa hát! Ngay sau đó tôi có công chuyện đi Bạc Liêu, về ngang Ngã Bảy Phụng Hiệp tôi vô quán cà phê nghỉ chân, thấy một anh bán chiếu trẻ đáng quê mùa hiền lành đang ngồi dưới một mái hiên nhà nghỉ chân, tay cầm nón lá quạt quạt...

Dưới sông ghe thuyền tấp nập, phía trong đồng lại có một đám cưới đang rước dâu trên đường... Thế là tôi nảy sinh một chủ đề. Anh bán chiếu có một mối tình thầm kín với cô gái đặt mua chiếu, năm sau đem chiếu lên bán thì cô đã đi lấy chồng... Anh ta vô cùng thất vọng và nỗi buồn của anh dâng trào như con sông “lai láng muôn dòng”... Trên đường từ Ngã Bảy về tới Sài Gòn đêm đó, tôi đã soạn xong “Tình anh bán chiếu” trên xe!¹²



*Nghệ sĩ Nhân dân Viễn Châu (1924-2/2016)
Nguồn: Internet: Ảnh Nhà báo Thanh Hiệp*

¹² SGGP online Xuất xứ "Tình anh bán chiếu" Lê Phú Khải, 2008

Nội dung bài Tình anh bán chiếu:

Hò ơi! Chiếu Cà Mau nhuộm màu tươi thắm
công tôi cực lắm mưa nắng dãi dầu
Chiếu này tôi chẳng bán đâu, tìm em không gặp
hò ơi... tìm em không gặp tôi gói đầu mỗi đêm.
(vọng cổ)
Ghe chiếu Cà Mau đã cắm sào trên bờ kinh Ngã Bảy
sao cô gái năm xưa chẳng thấy ra chào
Cửa vườn cô đã khoá kín tự hôm nào.
Tôi đã vác đôi chiếu bông từ dưới ghe lên xóm Rẫy
chiếc áo nhuộm bùn đã lấm tấm giọt mồ hôi.
Nhà của cô sau trước vắng tanh
trong gió lạnh chiều đông
bỗng có ai dạo lên tiếng nguyệt cầm
như gieo vào lòng tôi một nỗi buồn thê thảm.
Cô đã đặt đôi chiếu bông bề dài hai thước
có lẽ để điểm tô ở chốn loan phòng
Hôm nay cô đã quên tôi để cất bước theo chồng.
Cô ơi, đôi chiếu này tự tay tôi dệt lấy
tôi đã lựa từng cọng lác, sợi gai.
Nhưng khi tôi đến nơi thì
cô đã rời bỏ quê nhà qua xứ khác
Tôi đứng trước cổng vườn xưa với nỗi buồn man mác
còn đôi chiếu này tôi biết tặng cho ai.
Nhớ năm ngoái khi ghe vừa đậu tới vàm kinh Ngã Bảy
cô tươi cười mừng rỡ đón tôi.
Cô đưa tôi vào đến tận phòng riêng
để đo ni chiếc giường gỗ đỏ
Cô đặt làm đôi chiếu và hỏi qua giá cả
tôi trả lời lấy giá rẻ làm quen
Khi tôi sắp sửa lui ghe
cô còn ra đến bến dặn dò kỹ lưỡng.
Sau khi cô đã quay gót
chiếc áo bông hường khuất dạng sau mấy lùm tre.
Cô ơi, cô có biết đâu tôi đã lấy nón lá che ngang
để dấu đôi dòng nước mắt
vì tôi không muốn bàng quan thiên hạ
họ cười chê tôi là một kẻ si tình.

(nói lời)

Khi hỏi lại xóm giềng, tôi mới biết
cô theo chồng đã được bốn trắng qua
Mình dám đâu sai hẹn với người ta
mà họ đành đoạn bỏ nhà đi xứ khác.

(vọng cổ)

Tôi vác đôi chiếu bông mà cỗi lòng tan nát
bước chân đi như thể xác không hồn.
Nước mắt cứ tuôn rơi theo lá rụng trên đường
Gió đông vụt vù thổi mạnh lạnh đất trời
lạnh đến cả tâm can. Người ta đã có đôi rồi
chiếu chăn đâu ấm bằng người tình chung
để mình vác cặp chiếu bông
chờ đợi chi nữa cho uổng công đợi chờ.
Khuya đêm nay ngồi chờ nước lớn
nỗi buồn đau cứ canh cánh bên lòng
Tôi thấy đời tôi sao lạnh lẽo vô cùng.
Còn chi buồn hơn nghề bán chiếu
chỉ để tô điểm loan phòng cho những gái còn xuân.
Nhưng khi cất bước sang ngang
lại không một lời hỏi han từ giả
cho đến đôi chiếu bông tôi đã
uổng công ngồi dệt mấy ngày đêm ròng rã
mà nay vẫn còn nằm trơ ở dưới khoang thuyền.

(nói lời)

Gió đông ơi, đừng thổi nữa
lòng ta lạnh lắm gió đông ơi!
Tôi nhờ sào cho ghe chiếu trôi xuôi
lòng nặng trĩu một nỗi sầu tê tái
Tôi ngồi yên sau lái
mắt vẫn hướng nhìn nơi nẻo cũ vườn xưa.
Hỡi ôi, con sông Phụng Nghiệp nó chảy ra bảy ngã
mà sao lệ của tôi nó cũng lai láng muôn dòng.
Có ai hiểu được tấm lòng của tôi
với cô gái mỹ miều trên kinh Ngã Bảy.
Sông sâu bên lở, bên bồi
tình anh bán chiếu trọn đời không phai.

Chiếu là nơi bà kể cho cháu nghe câu chuyện cổ tích những buổi trưa hè dưới bóng cây, hay đêm trăng gió mát; chiếu là "sân khấu tài tử Nam bộ" cho những nam thanh nữ tú, những bậc lãnh tử yêu văn nghệ, ngồi với nhau gảy đàn, cất lên bài vọng cổ hay bản Dạ cổ hoài lang của cổ nhạc sĩ Cao Văn Lầu vang danh và những lớp, bài trong Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam bộ đã góp phần lưu truyền loại hình nghệ thuật này trở thành di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại được Unesco vinh danh thế giới, từ nơi miền thôn dã...

Và còn nhiều, nhiều nữa những hình ảnh của nghề chiếu Định Yên liên quan trong nhiều nội dung nghệ thuật khác mà không thể kể hết được.

KẾT LUẬN

Trải qua một chặng đường dài phát triển, làng nghề dệt chiếu Định Yên đã không ngừng thay đổi để tồn tại và phát triển đi lên. Trong giai đoạn phát triển mới thời hội nhập kinh tế quốc tế, chắc chắn làng nghề này sẽ không thể tránh khỏi sức ép cạnh tranh cũng như những khó khăn thách thức từ nhiều phía. Hiện tại, với chủ trương khôi phục chợ chiếu Định Yên, khôi phục nét văn hóa truyền thống của địa phương, đồng thời tích cực quan tâm đến việc cải tiến mẫu mã và nâng cao chất lượng sản phẩm, hy vọng trong tương lai, làng nghề chiếu Định Yên sẽ tiếp tục vươn xa trên con đường phát triển. Nghề dệt chiếu thủ công truyền thống Định Yên, tại đây có nhiều người đáng được tôn vinh là “nghệ nhân” vì họ có tay nghề khéo léo, tinh xảo. Làng chiếu Định Yên có khoảng 3.000 hộ tham gia sản xuất thường xuyên, lao động thời vụ, hoạt động liên quan đến nghề dệt chiếu. Mỗi năm các hộ sản xuất ở đây làm ra hàng triệu sản phẩm tiêu thụ khắp vùng đồng bằng sông Cửu Long và miền Đông Nam bộ. Sản phẩm chiếu nhuộm màu cũng được tiêu thụ qua nước Campuchia.

Sản phẩm chiếu Định Yên từ lâu đã nổi tiếng được người tiêu dùng yêu chuộng bởi chất lượng sản phẩm bền đẹp, giá cả vừa túi tiền của mọi đối người tiêu dùng. Sản phẩm phong phú đa dạng về chủng loại và kích thước. Sản phẩm thân thiện với môi trường đã giúp cho nghề dệt chiếu tồn tại lâu dài và ngày càng phát triển.

Chiếu đã gắn bó và có mặt trong nhiều hoạt động đời sống sinh hoạt văn hóa tâm linh của con người, là đề tài sáng tác thuộc nhiều lĩnh vực nghệ thuật.

Chiếu mang lại nhiều lợi ích kinh tế, tạo công ăn việc làm, giúp ổn định sống cho người dân địa phương. Nghề dệt chiếu Định Yên là nghề thủ công truyền thống có giá trị về vật chất và tinh thần được truyền qua nhiều thế hệ, có xu thế phát triển phù hợp với thời đại, thân thiện với môi trường sống, nên cần gìn giữ, bảo tồn phát huy giá trị của loại hình di sản này.

Nghiên cứu làng nghề dệt chiếu Định Yên để tìm ra phương hướng thích hợp gìn giữ và phát triển ngành nghề truyền thống của địa phương, góp phần thực hiện công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Thời gian qua, Định Yên đã tạo được sức hút mạnh mẽ để các đầu mối cung cấp nguyên liệu từ các nơi đổ về đây, trong đó đáng chú ý là sự quan tâm của đông đảo thương lái cung cấp lác nguyên liệu đến từ huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Mặc dù việc tổ chức cung ứng nguyên liệu vẫn còn mang nặng tính tự phát, nhưng nhìn chung, nguyên liệu cung cấp cho làng nghề vẫn ổn định và đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất của cả làng nghề.

Hiện tại, ngay bên cạnh chợ lác, chính quyền địa phương đã qui hoạch xây dựng chợ chiếu Định Yên - đây sẽ là nơi không chỉ để người dân trong làng nghề buôn bán sản phẩm mà còn là nơi tái hiện lại nét văn hóa truyền thống của chợ chiếu Định Yên ngày xưa (chợ đêm- chợ ma) để phục vụ khách du lịch tạo công ăn việc làm cho lao động địa phương, nâng cao đời sống, tạo thu nhập kinh tế cho người dân làng nghề, có thể sống được bằng thu nhập của nghề.

Ngoài việc đẩy mạnh công tác qui hoạch, bố trí sản xuất và tạo điều kiện ngày càng thuận lợi để người dân trong các làng nghề phát huy hiệu quả của hoạt động sản xuất chiếu truyền thống, chính quyền địa phương xã Định Yên cũng đang hướng đến việc tạo điều kiện tốt cho người dân trong các làng nghề đẩy mạnh hơn nữa việc ứng dụng máy vào hoạt động sản xuất.

Xuất phát từ định hướng, chủ trương đó, Huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp đã tổ chức tọa đàm lấy ý kiến nhân dân, các nhà nghiên cứu, khoa học... xây dựng khôi phục chợ chiếu Định Yên với quy mô hiện đại trên diện tích 1,5 ha ; trong đó, nhà lồng chợ và sân có diện tích khoảng 3.000m².

Ủy ban nhân dân xã Định Yên sẽ tạo điều kiện để hỗ trợ cho những hộ khó khăn có điều kiện mua sắm máy dệt chiếu thông qua những chính sách ưu đãi phù hợp. Quan trọng nhất hiện nay chính là nhanh chóng đăng ký thương hiệu độc quyền cho làng nghề truyền thống của địa phương. Do đó, Ủy ban nhân dân xã Định Yên đang phối hợp cùng với Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Lấp Vò lập hồ sơ, thủ tục đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ) công nhận thương hiệu chiếu Định Yên”

Quảng bá, giới thiệu rộng rãi hơn nữa làng nghề, từng bước làm cho nơi đây trở thành một trong những điểm thu hút khách tham quan, du lịch, đồng thời chuẩn bị cho công tác tiếp thị, thương hiệu chiếu Định Yên, mở thêm thị trường tiêu thụ sản phẩm, tăng thu nhập, tạo thêm công ăn việc làm cho người dân làng nghề nói riêng và nhân dân nói chung.

SÂN PHƠI, LẤM LÚA TRONG NẾP NHÀ XƯA Ở NAM BỘ



*Sân phơi trước nhà một hộ dân ở xã Tân Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp
(hiện nay phơi bột)*

Sân phơi

Thông thường, sân nhà (dùng phơi nông sản) là khoảng không gian trước nhà (nhưng cũng có khi được bố trí bên hông, hoặc sau nhà)

Xưa, đất rộng, nên nhà ở nông thôn thường dành một khoảng sân rộng, để phơi nông sản sau khi thu hoạch hoặc dùng làm nơi tổ chức cưới, giỗ... (xưa, ít khi đặt tiệc ở nhà hàng như ngày nay).

Xưa kia, Nam bộ đất rộng người thưa, đất phù sa màu mỡ những nhà có ruộng lúa nhiều (có nhà có đến hàng trăm, hàng ngàn mẫu là chuyện thường) những người nhiều ruộng đất được dân làng gọi là Phú ông, Hội đồng, bà hộ. Sân còn là nơi chứa lúa bông sau khi gặt (lúa mùa - một năm chỉ có một vụ), trâu cộ về chắt một bên, sau đó banh ra từng bả để trâu đập và phơi lúa. Có nhà còn dành thêm vài bãi đất trống có thể ở sau nhà hoặc bên hông, mới đủ chỗ chắt lúa trong mùa thu hoạch. Thậm chí sân còn có mái che, để phơi, đập nông sản khi vào mùa mưa bão.

Ở những nhà: hội đồng, địa chủ, bá hộ giàu có, sân rất rộng lớn, còn được gắn trụ đèn trang trí và thắp sáng để người ăn kẻ ở làm việc vào ban đêm khi vụ mùa thu hoạch cần kíp, hoặc dùng đèn ách – đa đốt dầu bơm lên tim là cái măng- son cháy sáng cả khúc đường làng như bóng điện ngày nay.

Nhớ thời đập lúa xưa, mỗi năm một vụ lúa mùa. Gieo mạ, sạ, cấy, dặm, gặt lúa đều dùng sức người với hình thức quen thuộc “Vạn vắn đôi công”. Thu hoạch xong, lúa chắt từng bó ngoài đồng cho khô, người nghèo thường căng mê bò trên mặt ruộng để đập lúa bằng tay. Người khá giả cộ lúa về nhà bằng trâu, bò, kẻ cả thuê người gánh lúa về bằng đòn gánh.

Lũ trẻ thường lân la quanh các bãi trâu, bò đập lúa để nghe chú nài tha hồ hò hét “... Ví, thá...”. Từng đôi trâu hay bò bị “Khóp” miệng bằng chiếc sọt tre để khỏi “tranh thủ” cúi xuống ăn rơm, rạ. Có nơi hiếm hơi thì chỉ dùng một con trâu, bò để đập lúa. Chúng to, khoẻ, khá nặng ký để đập lúa mau rồi khỏi bó lúa được chất hình tròn, đập từ ngoài vào trong. Khi nào thấy lúa không còn dính vào rơm thì người điều khiển cho dừng lại và thay vào những bó lúa mới. Lúc này trâu, bò được nghỉ “giải lao”. Khi hết mẻ lúa, người ta dừng lại để hốt lúa vào bao, sau đó mang ra nơi có gió mạnh để giê lấy lúa chắc. Rơm được chất thành cây cao nghêu, đẹp mắt, có khi phải dùng thang tre mới chất hết do lượng rơm khá nhiều. Sân để đập lúa thường làm bằng đất “thịt” được chủ nhà cào bằng bóng láng và nện rất chắc. Thường thì chủ nhà trả công cho người có trâu bò bằng lúa theo sự thỏa thuận của đôi bên.

Trẻ nhỏ thường tụ tập xung quanh bãi đập lúa để “mót” lúa lép về cho gà vịt ăn. Lũ trẻ cũng lấy nơi này làm chỗ chơi bắn cu li, nhảy lò cò, bông vụ, chơi banh chuyền đũa, đánh đáo, đánh “trông”... Vui nhất là những đêm trăng sáng, làng quê tôi đây rầy sân đập lúa thâu đêm. Khi ấy, người lớn tuổi uống trà hay khè khà ly rượu để kể chuyện đời xưa, hoặc đờn ca tài tử. Phụ nữ thì nấu bánh tét, bánh ú, bánh ít, bánh canh phục vụ cánh đàn ông đang say sưa làm việc.

Nay thời đại @ rồi, gieo sạ, cấy, gặt, suốt lúa đều được cơ giới hoá và làm ngay trên đồng ruộng. Có cả máy gặt đập liên hợp “Công suất” bằng cả trăm lao động sức người. Mừng. Nhưng cứ buồn buồn khi thoáng bắt chợt bắt gặp hình ảnh đập lúa xưa trên phim ảnh, trong sách vở, qua lời kể người xưa. Nhớ lắm những chú trâu, bò to mộng, hiền lành lao động giúp người làm nên hạt lúa. Nhớ tiếng hò “... Ví, thá...”, nhớ tiếng rống hừm hừm quen thuộc đượm chất hồn quê. Nhớ những đêm trăng huyền diệu chở đầy tuổi thơ trong trắng hồn nhiên”

Lẫm lúa



Lẫm lúa - trong di tích nhà Đốc Phủ Hải ở số 49, Hai Bà Trưng, thị xã Gò Công

Theo Từ điển Tiếng Việt, 2005, nhà xuất bản Văn hóa Thông tin từ: “Lẫm” có các nghĩa: Kho chứa lúa gạo, chứa đựng, cấp phát lương thực.

Nghĩa trong Từ điển, chúng ta biết được: “Lẫm” trong từ “Lẫm lúa” là ý chỉ nơi chứa lúa, kho lúa. Và trong vở cải lương: “Tiếng hò sông Hậu” nhân vật Thừa do cố nghệ sĩ Giang Châu thủ vai, có đoạn cao trào khi má Tư Hậu (mẹ Chơn – em kết nghĩa Thừa) bị bắt, thì Thừa xách mác đòi đi giết làng lính đốt: Nhà lầu - lẫm lúa của Hội đồng Dư (nhân vật trong vở diễn do Nghệ sĩ nhân dân Diệp Lang thủ vai) là một dẫn chứng cụ thể.

Như vậy, trong thực tế, ở Nam bộ nói chung, Đồng Tháp nói riêng, xưa kia là vùng đất phì nhiêu được mệnh danh: “Trên cơm, dưới cá”. Là vựa lúa của cả nước ở đồng bằng sông Cửu Long, nơi tập trung nhiều điền chủ, địa chủ lớn, Hội đồng... sở hữu trong tay hàng nghìn mẫu ruộng. Hàng năm đến mùa thu hoạch và tía điền nộp tô hàng vạn, hàng triệu gia lúa phải cắt lẫm lúa để trữ, chờ thương lái đến mua chở đi các nơi Sài Gòn, Nam Vang v.v.

Ở Đồng Tháp đa số các nhà giàu, những ngôi nhà cổ còn tồn tại đến nay, xưa kia đều có lẫm lúa, đến nay vẫn còn dấu vết như: nhà bà Nguyễn Thị Hai (hậu duệ Tuyên Trung Hầu), xã Tân Thuận Tây, thành phố Cao Lãnh, Lê Minh Tôn (nhà Hội đồng Mỹ), xã Tân Bình, huyện Châu Thành, Nguyễn Công Ích (chánh bái đình Định Yên), xã Định Yên, huyện Lấp Vò v.v. mỗi gia đình sở hữu từ một đến nhiều lẫm lúa.

Lẫm lúa cũng được cất kiên cố bằng gỗ chắc chắn, nền tôn cao như nền nhà, mái lợp ngói âm dương, bên ngoài có nhiều đồ ngang tạo thành khung sườn chắc chắn, vách đóng ván ngang (vách bồ kho) liên khít để giữ cho lẫm lúa khỏi bị bung sạt, đổ lúa ra ngoài. Tùy vào số lượng ruộng canh tác và số lúa thu vào hàng năm mà từng gia đình cất một hay nhiều lẫm lúa, có diện tích lớn hay nhỏ để chứa lúa cho phù hợp. Còn những nhà ít ruộng hơn thì chứa lúa ví bồ công đôi, công ba... và hiện nay, những cách trữ lúa này dần dần không còn nữa, vì lúa thu hoạch xong thương lái đến tận ruộng mua chở đến lò xay và xay sát ngay hoặc có trữ thì cũng dùng bao ni lông để tiện lợi trong việc vận chuyển, chất vào kho của những doanh nghiệp kinh doanh lúa, gạo lớn hơn ngày xưa gấp nhiều lần.

SEN ĐỒNG THÁP MƯỜI TRONG HÒN SEN VIỆT

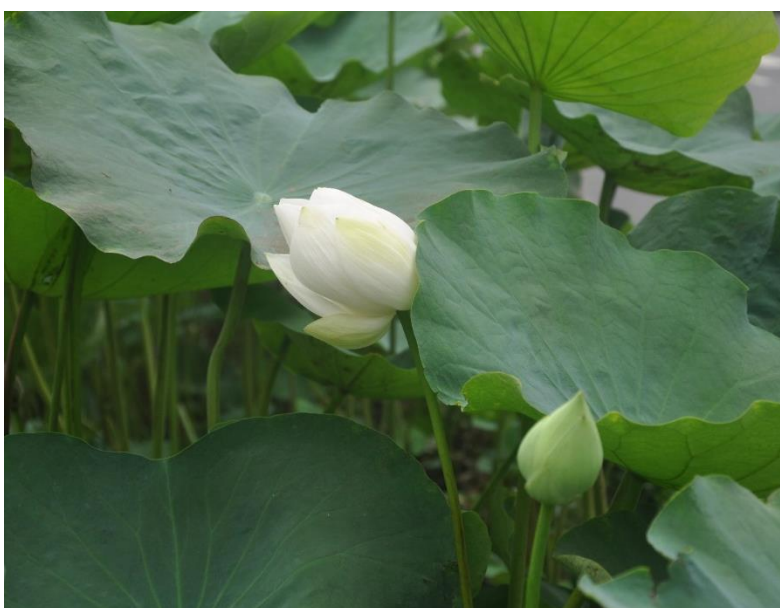


MỞ ĐẦU

Cùng với vạn vật, từ ngàn xưa, sen đã hiện diện trong đời sống con người. Sen gắn bó với các nền văn hóa trên thế giới, đặc biệt là nền văn hóa phương Đông. Sen thể hiện cốt cách thuần khiết, mộc mạc gần gũi; sen có mặt mọi khắp nơi, sen là biểu trưng văn hóa vật chất và tinh thần của nhiều cộng đồng dân cư trên thế giới.

Với tính chất mộc mạc, sen đã được dân tộc Việt từ xưa đúc kết và phản ánh qua ca dao:

*Trong đầm gì đẹp bằng sen,
Lá xanh bông trắng lại chen nhụy vàng.
Nhụy vàng bông trắng lá xanh,
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.*



Ở mỗi nơi sen hiện diện đều toát lên không gian thuần khiết và thơ mộng. Sen có tên khoa học: *Nelumbo nucifera*. Là loài cây thủy sinh, môi trường sống ở ao hồ, rễ ăn sâu xuống sinh bùn, lá xanh tròn to, hoa màu trắng hay hồng, hương thơm ngát, thường lấy nhụy hoa để ướp trà.¹³

Hiện nay sen có rất nhiều loại, tùy môi trường sống, môi trường lai tạo, không gian sống, màu sắc mà sen được đặt tên như: sen trắng, sen hồng; sen Đài Loan, sen Thái Lan; sen Đồng Tháp Mười, sen miền Nam, sen miền Trung, sen Hà Nội v.v. ở

¹³ Từ điển Tiếng Việt, NXB Văn hóa, Thông tin năm 2005, Ban biên soạn chuyên Từ điển: New Era

từng môi trường sinh trưởng, sen hòa nhập vào không gian văn hóa, thể hiện tính nổi bật bởi yếu tố thuần khiết cũng như công dụng đa dạng hữu ích với cuộc sống con người v.v.

Hai câu thơ của nhà thơ Bảo Định Giang là một ví dụ cụ thể về sự hòa nhập không gian văn hóa vùng Đồng Tháp Mười của miền Tây sông nước Nam bộ:

*Tháp Mười đẹp nhất bông sen
Nước Nam đẹp nhất có tên Cù Hồ¹⁴*



Và sen có mặt ở mọi lĩnh vực: văn hóa nghệ thuật, tín ngưỡng, ẩm thực, y dược v.v.

Sen là đề tài hiện diện trong tín ngưỡng của phật giáo từ sơ khai đến nay thông qua các hình ảnh: Tháp sen, bệ tượng, dụng cụ thờ cúng, hoa sen cúng phật v.v.

Điều này đã được chứng minh qua kết quả khai quật khảo cổ học trong nước và thế giới: từ xa xưa con người đã biết sử dụng sen làm biểu trưng văn hóa, nghệ thuật, sinh hoạt tín ngưỡng; và dùng sen trong ẩm thực, dược liệu trị bệnh chăm sóc sức khỏe cho con người. Có nhiều hiện vật được khai quật có hình sen hoặc liên quan đến sen được chạm khắc, đúc thành hình vật chất cụ thể nhất là lĩnh vực văn hóa, tín ngưỡng. Trong văn hóa Óc Eo của vương quốc cổ Phù Nam có sự giao lưu với các nước Đông Nam Á và trên thế giới lúc bấy giờ tồn tại ở các di chỉ khảo cổ học, ở khu vực Nam bộ nước ta, trong đó có Khu di tích quốc gia đặc biệt Gò Tháp.

Khu di tích Gò Tháp được Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt, theo loại hình di tích khảo cổ, kiến trúc nghệ thuật. Khu di tích Gò Tháp là một trong ba di tích khảo cổ, kiến trúc nghệ thuật quan trọng của cả nước (gồm khu trung tâm Hoàng Thành Thăng Long, di tích Óc Eo – An Giang và khu di tích Gò Tháp).

¹⁴ Tuyển tập Văn học Đồng Tháp thế kỷ XX Hội VHNT Đồng Tháp - Bảo Định Giang: giai đoạn 1900 – 1954

Về nội dung khảo cổ, khu di tích quốc gia đặc biệt Gò Tháp hội tụ 3 loại hình: di tích kiến trúc (Đền/Tháp), di tích cư trú Ao/Giếng Thần cùng với đó là những dấu vết quan trọng về các phương diện lịch sử, chính trị, kinh tế, nghệ thuật, tôn giáo của nền văn minh cổ xưa, một thời phát triển rực rỡ gắn với vương quốc Phù Nam từ hàng nghìn năm trước mà ngày nay chúng ta gọi là nền văn hóa Óc Eo.

Kết quả khai quật khảo cổ học, đã thu được nhiều hiện vật là vật dụng sinh hoạt, tôn giáo tín ngưỡng có liên quan đến sen như: Lá vàng, vật dụng sinh hoạt chạm hình sen, tượng phật trên tòa sen v.v

Ngoài ra, trong đời sống hằng ngày chúng ta cũng gặp rất nhiều hình ảnh sen được trang trí, tạo dáng trên kiến trúc nhà cửa, chùa chiền, vật dụng sinh hoạt v.v.

Hình ảnh Sen rất phổ biến, liên quan đến nhiều lĩnh vực trong cuộc sống từ quá khứ đến hiện tại. Sen là đối tượng nghiên cứu rất rộng được nhiều ngành, nhiều lĩnh vực quan tâm. Về mặt tinh thần: Sen là đối tượng nghiên cứu, sáng tác của nhiều lĩnh vực nghệ thuật (thơ ca, hội họa, điêu khắc, nhiếp ảnh v.v.), tôn giáo tâm linh; về vật chất: Sen là nguyên liệu chế biến trong văn hóa ẩm thực, dược liệu, dệt v.v. Đã có nhiều bậc tiền bối lão thành trong giới văn nghệ sĩ, nghệ nhân, nhà báo, tu sĩ nghiên cứu đúc kết thành nhiều công trình, tác phẩm phục vụ cuộc sống từ ngàn xưa đến nay. Với niềm cảm thụ về tính dân dã, thuần khiết của sen, nên tôi chọn sen là đề tài nghiên cứu Văn nghệ dân gian năm 2018 của mình, để thông qua đây bản thân có dịp tiếp cận, hiểu thêm đôi chút về tính mộc mạc, gần gũi của sen.

Tôi sinh ra và lớn lên nơi miền quê, gần với ruộng đồng trên quê hương Đồng Tháp thủ phủ Đất sen hồng. Từ nhỏ đã quen với cây, cỏ đồng ruộng Tháp Mười. Đã gặp sen, thấy sen, lấy lá sen làm nón đội đầu, gói bún, gói thịt v.v., lấy cọng sen khô đốt khói xông mũi khi chảy máu cam; hái bông sen chưng bàn thờ, lấy gương sen lấy hạt ăn, ở nhà được má nấu chè sen cho ăn, lớn lên đi làm được ăn gỏi ngó sen, lá sen non ăn với cá lóc nướng trui, củ sen nấu đồ món, uống trà lá sen, tim sen. Cho đến nay còn biết được ở Hà Nội thủ đô nước ta có người dùng tơ sen dệt lụa, gọi là lụa sen. Và một vài quốc gia ở Đông Nam Á (Myanmar, Campuchia) cũng có sản xuất lụa sen v.v. như vậy có thể nói các bộ phận của sen đã “thấm” vào trong tôi từ tấm bé đến trưởng thành. Với sự thuần khiết và hữu dụng của sen, một loại hoa đồng nội có mặt hầu hết trên mọi vùng miền của quê Việt Nam và nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ, trên thế giới. Điều này đã tạo nên sức hấp dẫn để thực hiện đề tài Văn nghệ dân gian nên đã thúc giục bản thân tôi nghiên cứu khám phá. Dẫu biết nội dung này có rất nhiều người, nhiều thế hệ đi trước nghiên cứu thực hiện nên cũng không phải là mảnh đất trống, đề tài không dễ dàng cho bản thân với khả năng còn hạn hẹp trong lĩnh vực nghiên cứu, nhưng tôi vẫn cố gắng “thử sức” trong khuôn khổ đề tài: *Sen Đồng Tháp Mười trong hồn sen Việt* bởi sự đam mê của những câu chuyện, tính chất hữu dụng,

giá trị thuần khiết, thanh cao của sen mà tôi rất ngưỡng mộ về một loài thực vật thủy sinh gần gũi, phổ biến có mặt khắp nơi từ thành thị đến chốn đồng quê Tháp Mười thân yêu của chúng ta.

Hiện nay cây sen là một trong những đối tượng được các ngành, các cấp ở tỉnh Đồng Tháp và nhiều nơi khác nữa chọn làm đề tài tổ chức hội thảo, nghiên cứu sản phẩm, lễ hội sen thúc đẩy phát triển du lịch từ lợi ích của sen đã thu hút hàng triệu lượt khách tham quan, nghiên cứu, chiêm ngưỡng, thưởng ngoạn sen tạo nên bức tranh phát triển du lịch chung của tỉnh Đồng Tháp trong thời gian qua, tạo nguồn thu đáng kể phục vụ nhu cầu an sinh xã hội, ổn định kinh tế, phát triển đất nước, thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân một cách bền vững.

Với mong muốn góp một phần nghiên cứu nhỏ bé, tập hợp những nội dung giá trị, công dụng hữu ích thuộc về sen khi thực hiện đề tài này để làm sáng tỏ thêm về sự thuần mỹ chất chứa vốn là phẩm chất của sen!

Xuất phát từ sự yêu mến loài sen đã hình thành nên ý tưởng thực hiện đề tài này, tôi đã tìm hiểu, tra cứu những tích lũy trong “hành trình cuộc sống” của bản thân như đã nói ở trên; cùng những chuyên rong rũi điền dã, trải nghiệm trên đường công tác; được đọc những nội dung liên quan đến sen qua nhiều năm đã thu thập, tích góp xây dựng đề cương thực hiện đề tài này. Ngoài phần mở đầu, kết luận, tác phẩm gồm những nội dung chính như: chương I: Khái quát; chương II: Sen Tháp Mười trong hồn sen Việt; chương III: Sen với cuộc sống.

Hy vọng với sự cố gắng hết khả năng của bản thân để nghiên cứu, tập hợp mô tả những câu chuyện, nội dung liên quan đến sen với cuộc sống con người từ xa xưa đến hiện tại và kết nối tương lai của Sen Tháp Mười hòa quyện trong hồn sen Việt theo sự tương quan của vạn vật sinh sôi, công trình ít nhiều sẽ mang lại những thông tin có ích cho độc giả yêu mến sen, dù ai đó chỉ một lần xúc động, rung cảm trước vẻ đẹp thuần khiết mộc mạc mà thanh cao được biểu hiện chính trong phẩm chất của sen được lưu truyền: *“ngàn năm sau hoa sen vẫn nở ...”*

Chương I: KHÁI QUÁT

I. Điều kiện tự nhiên

Trong sách Địa chí Đồng Tháp Mười, xuất bản năm 1996, của Hội đồng Khoa học Tp. Hồ Chí Minh có viết: Năm 1960, Moocman là tác giả đầu tiên mô tả đất đai, địa lý của Đồng Tháp Mười, trong một chương trình nghiên cứu phát triển của Liên Hợp Quốc. Nhưng mãi đến 6 năm sau, Moocman (1966) mới xác lập đây là một đồng lụt có phù sa bồi tích hàng năm. Tổng kết này cho thấy Đồng Tháp Mười, cũng như phần đối xứng của nó bên kia sông Hậu, tức tứ giác Long Xuyên, là một: cả hai đều là đồng lụt. Đến 1986, sau nhiều năm điều tra, trường Đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh xác lập Đồng Tháp Mười là một đồng lụt kín và tứ giác Long Xuyên là đồng lụt mở, cả hai có một nguồn phát sinh như nhau, nhưng đã phát triển theo hai hướng khác nhau vì vị trí địa lý khác hẳn nhau.

Thế nào là mở và thế nào là kín. Đồng lụt mở giao tiếp với biển bên ngoài, gần như không có gì ngăn cản. Đồng lụt kín không giao tiếp với biển, nên nước lũ gây ngập úng lâu và sâu, nhưng phù sa không thoát ra biển bồi tích chóng đầy, êm phèn ngày càng tốt hơn nếu không có tác động xáo trộn vô quy luật của con người.

Về mặt tài nguyên nước, ở đồng lụt mở, có bao nhiêu nước mưa, đều chảy ra biển bấy nhiêu. Vậy ở đây cần giữ nước chống hạn, và đưa thêm nước ở dòng lớn vào nội đồng. ở đồng lụt mở, nước mùa khô không hao hụt, nhưng cần chống lụt mùa mưa. Vậy ở đây cần xả bớt nước thừa dư nhưng không cho mất đất mới, và làm chua đất thuộc sẵn có (vì đào bới trên 2 mét có khả năng tạo phèn). Đây là các bài toán cơ bản của ngành thủy lợi, và cũng là những bài toán đầu đầu, vì không thể máy móc áp dụng mô hình thủy lợi từ nơi khác đến. Ở Đồng Tháp Mười, từng địa phương nhỏ phải có mô hình cân bằng nước như thế, gọi là mô hình Sôgrít (Sogreah) nhưng đến nay, chưa có chỉnh sửa nào đáng kể về mặt này.

Toàn cảnh đồng lụt của Đồng Tháp Mười là một túi nước tự nhiên của các cánh đồng phì nhiêu bên dưới, từ Mỹ Tho, Gò Công lên đến Cần Đước, Bến Thủ. Đặc biệt quan trọng là tầng nước ngầm bề mặt vươn lên sát mặt đất. Việc tiêu nước biển Đồng Tháp Mười thành nửa mở, nước mặt vắng bóng màu khô, nước ngầm tuột sâu mùa kiệt, *tính sa mạc hóa tăng dần*. Do chỗ đó ta mới lấy nước ngọt ở đầu nguồn vào để chế ngự tính sa mạc này. Kết quả làm cho mọi người phấn khởi: nước đến đâu chuyển vụ đến đó, nhà nông thu hoạch mấy lần trước. Thế nhưng bên dưới Đồng Tháp Mười, mặn đang xâm nhập vào, lúa mất trắng nhiều nơi và hiện tượng sa mạc xám đường như đang xảy ra với gió chướng. Từ một đồng lụt kín biến thành nửa mở, rồi thành một đồng lụt có nước vào quanh năm kể cả mùa kiệt. Đồng Tháp Mười đã và đang biến động dữ dội. hậu quả liệu có lường được không? Muốn nắm được cái giá phải trả của sự biến động đó, ta cần soát lại từng mặt tài nguyên của tiểu vùng trong một

mô hình động, gọi là *môi trường tự nhiên*, gồm có hệ thống mở của các tài nguyên đất nước, khí hậu liên hợp lại¹⁵

Tên gọi Đồng Tháp Mười được dùng phổ biến có lẽ bắt đầu từ cuộc kháng chiến chín năm (1945 – 1954) chống Pháp anh dũng của nhân dân Nam bộ. Vì lúc bấy giờ Đồng Tháp Mười là nơi tập trung nhiều cơ quan đầu não của Nam bộ và Khu VIII, đồng thời thực dân Pháp cũng tổ chức nhiều cuộc hành quân qui mô đánh vào với ý đồ tiêu diệt các cơ quan này. Nên trên hệ thống thông tin tuyên truyền của ta cũng như báo, đài của địch thường xuyên đề cập đến địa danh này. Địa danh Đồng Tháp Mười được nhiều người biết đến từ đó...

Dù tên gọi chính thức chỉ xuất hiện cách nay hơn nửa thế kỷ, nhưng lưu dân người Việt biết đến vùng đất này từ rất sớm, ngay từ buổi đầu khai hoang mở cõi và đặt cho nó nhiều cái tên, Chằm Măng Trạch, Pha Trạch, Lâm Tảo v.v. mà ngày nay còn thấy trong các thư tịch cổ. Đến cuộc kháng chiến của Thiên hộ Võ Duy Dương, tên Thập Tháp (dựa vào tên dân gian là Tháp Mười bắt đầu xuất hiện trên một số báo cáo của triều đình Huế và của cả thực dân Pháp, mặc dù họ đã chủ động áp đặt một cái tên cho vùng đất này “*Plaine inondée couverte d herbe*”, có nghĩa là: “Cánh đồng ngập nước đầy cỏ”, sau rút gọn lại là “*Plaine des Jone*” với nghĩa là “Cánh đồng cỏ lác”.

Mỗi yếu tố đều mang yếu tố chằm, trạch, cỏ lác, ngập nước. Điều đó cho thấy, tự cái tên thôi cũng phản ánh được ít nhiều đặc điểm tự nhiên của vùng. Điều kiện tự nhiên chẳng những góp phần hình thành nên tên gọi của vùng mà còn là một yếu tố tác động có tính quyết định đến tiến trình xã hội của cư dân trên địa bàn đó.¹⁶

Vùng Đồng Tháp Mười thời kỳ cổ xưa, đã có cư dân vương quốc Phù Nam định cư tạo nên nền văn hóa Óc Eo phát triển rực rỡ một thời đã để lại dấu ấn qua những di chỉ khảo cổ học mà các nhà khoa học đã khai quật chứng minh được trong thời gian qua. Sau đó, do biến cố xã hội và thiên nhiên vùng đất này trở nên hoang vu một thời gian dài.

Đến thời kỳ nhà Nguyễn, những cuộc lưu dân vào Nam khai phá, đến cuối thế kỷ XIX, công cuộc khai hoang của cư dân người Việt ở Nam bộ coi như hoàn tất, nhưng vùng Đồng Tháp Mười nằm ở khu vực Trung bộ của vùng đất này vẫn còn hoang hóa, con người chỉ định cư ở vùng ven, vùng rìa.

Trên đây là một số yếu tố góp phần hình thành nên đặc điểm văn hóa dân gian Đồng Tháp Mười. Bên cạnh những nét chung của văn hóa dân tộc, hoặc do quá trình giao lưu mang lại, văn hóa dân gian vùng này còn nhiều nét đặc thù do sự tác động của điều kiện thiên nhiên tại chỗ. Do đó, muốn tách bạch rạch ròi, cái nào của riêng

¹⁵ Hội đồng Khoa học Tp. Hồ Chí Minh, Địa chí Đồng Tháp Mười, Nxb Chính trị quốc gia, năm 1996

¹⁶ Nguyễn Hữu Hiếu, Văn hóa dân gian vùng Đồng Tháp Mười, Nxb Văn Nghệ, năm 2007

Đồng Tháp Mười, cái nào của Nam bộ là một việc làm rất khó, nhứt là trong lĩnh vực văn học.

Vùng Đồng Tháp Mười là khu vực trũng hay còn gọi là vùng lòng chảo có những giồng gò nổi chạy dài; nằm tiếp giáp ba tỉnh Long An, Tiền Giang và Đồng Tháp có diện tích chung là 5.440 km² (Long An 2610 km², Tiền Giang 920 km² và Đồng Tháp 2460 km²)¹⁷ có hệ thống kênh rạch chằng chịt thuộc hệ sinh thái rừng tràm phát triển mạnh.

Mùa khô, nước rút đi, đất đai khô cằn, trên các cánh đồng rộng lớn, tồn đọng nhiều bung, tráp, bầu, đũa, rọc, lung v.v. mọc toàn Sen, Súng, Năng, Lác, Đẻ và Cây bụi thấp. Vào mùa mưa, đặc biệt từ tháng 8 (âm lịch) hằng năm, khi nước Mê công đổ dồn về hạ lưu sông Cửu Long, khiến cho toàn bộ vùng đồng bằng chìm trong biển nước, trong vô số loài thực vật và động vật sinh trưởng ở đây đã dần thích nghi với môi trường thiên nhiên của vùng này. Trong đó, Sen là một loài thủy sinh có sức sống mãnh liệt chịu đựng với nắng hạn, đất phèn, ngập lụt, nước đọng ao tù v.v. đã tồn tại và phát triển thành nhiều quần xã đông đúc phân bố nhiều nơi trong khu vực.

II. Môi trường sinh trưởng

II.1. Sen trong tự nhiên

Trong tự nhiên, sen có thể mọc do hạt được phát tán (nhiều lý do) do chim, chuột (chim Trích rất thích ăn hạt sen) tha làm mồi rồi rơi vãi làm sen sinh sôi hay ai đó trồng rồi bỏ hoang lâu dần sen mọc lan ra khu vực xung quanh.

Vùng Đồng Tháp Mười, xưa kia các hệ sinh thái tự nhiên với tính đa dạng sinh học của vùng ngập nước. Những cánh rừng tràm có thể tìm thấy khá nhiều, đồng cỏ ngập nước theo mùa phổ biến và chiếm ưu thế, thảm thực vật với các quần xã thay đổi theo môi trường tự nhiên trong từng vùng.

Tài nguyên thực vật phần lớn và chủ yếu là rừng tràm, cây tràm (*melaleuca Cayuputi*) thuộc họ sim (*Myrtaceac*) là cây bản địa của vùng Đông Nam Á và được trồng chủ yếu do đặc tính thích nghi cao với điều kiện sinh thái tại nơi đây. Bên cạnh đó, nhiều loại cây gỗ tiêu biểu của vùng Đồng Tháp Mười và Đồng bằng sông Cửu Long cũng xuất hiện tại nơi đây như: Trâm (*Eugenia Jambolana*), Gừa (*Ficus microcarpa*), Gáo (*Anthce phalus Chineusis*), Bình Bát (*Anona glabara*), Bù (Ilex *thovelli*), Côm (*Eleocar pus griffthi*), Sộp (*Ficus Superba*), Cà Na (*Canarium album*), Mua (*Melastoma affine D. Dou*) ... và một số loài cây thân thảo như: Nghể (*Polygonum hydropiperl.*), Năng (*Eleo Charis dulcis*) (*burmf, Hensch*), Sen (*Nelumbium Nelumbo*), Rau Đắng (*Polygonum Aviculare L.*), Cỏ Mực (*Eclipta*

¹⁷ Hội KHLS Đồng Tháp, Từ điển Địa danh Đồng Tháp

Prostrata L.), Cỏ ống (Panicum Repens L.), Diên Điện (Saesbania Sesban L. Merr), Cỏ Long Tây (Brachiaria Mutica (Forsk.) Stapf), Bèo (Salvinia natans) v.v

Ngoài rừng tràm, các loài thân thảo đã tạo nên các hệ sinh thái đồng cỏ ngập nước theo mùa khá phổ biến và chiếm ưu thế trong vùng. Các quần xã sống đan xen nhau như: Nghê, Sen, Súng, Rau Dừa, Cỏ Bắc, Cỏ Ống, Năng, Cỏ Long Tây v.v Các quần xã này phân bố phụ thuộc vào độ ngập nước khác nhau, trong các bung trũng có quần xã Rau Dừa, Nghê; *nơi sâu còn có Bông Súng, Sen*. Những đồng cỏ thấp có Cỏ Mồm, Năng, Rau Muống, lúa ma hay lúa trời; các loài cỏ mọc ở địa hình cao hơn có Sậy, Đé, Cỏ Ống, Cỏ Long Tây v.v

II.2. Sen trồng trong ao, hồ v.v.

Sen ngoài mọc và sống ở môi trường tự nhiên, còn được trồng trong ao, hồ của những công viên, khuôn viên chùa, đình, đền, khu vui chơi giải trí, văn hóa du lịch, hàng quán, nhà ở, đến những cánh đồng quy hoạch trồng sen vì mục đích làm cảnh, hoa chưng cúng bái, trang trí, khai thác kinh tế du lịch, dịch vụ, dược liệu, nguyên liệu chế biến thức ăn, nước uống v.v ở khắp mọi nơi. Vì sen rất dễ trồng, phạm vi môi trường sống của sen rất dễ thích nghi, đã làm nên hình ảnh gần gũi, phổ biến rộng khắp của sen trong cuộc sống con người.

Khi trồng sen ở ao hồ người ta có thể ươm hạt cho nảy mầm (*người ta sẽ cà đầu vỏ hạt sen khô cho mỏng đi, gieo sẽ mau lên*) trong chậu, ao cạn, dưỡng cho cao khỏe mạnh, xanh tốt chia từng bụi rồi đem trồng, khoảng cách có thể 2 -3 mét/1 bụi tùy diện tích trồng rộng hay hẹp; còn một cách lấy giống nữa là vào khu vực đồng sen mọc tự nhiên chọn những bụi có lá xanh tốt, ngó khỏe đào từng bụi, sắp ngay ngắn, nhẹ tay mang đến nơi cần trồng, khoét sinh ra rồi đặt bụi sen xuống khỏa đất lại. Ao hồ trồng sen cần có mực nước vừa phải, giữ cho thân và lá nổi để sen ít bị héo, lá sen không bị dập. Trồng cách này sen hơi lâu phát triển, khoảng thời gian cả tháng sen mới phục hồi ra lá non và dần dần phát triển tươi tốt.

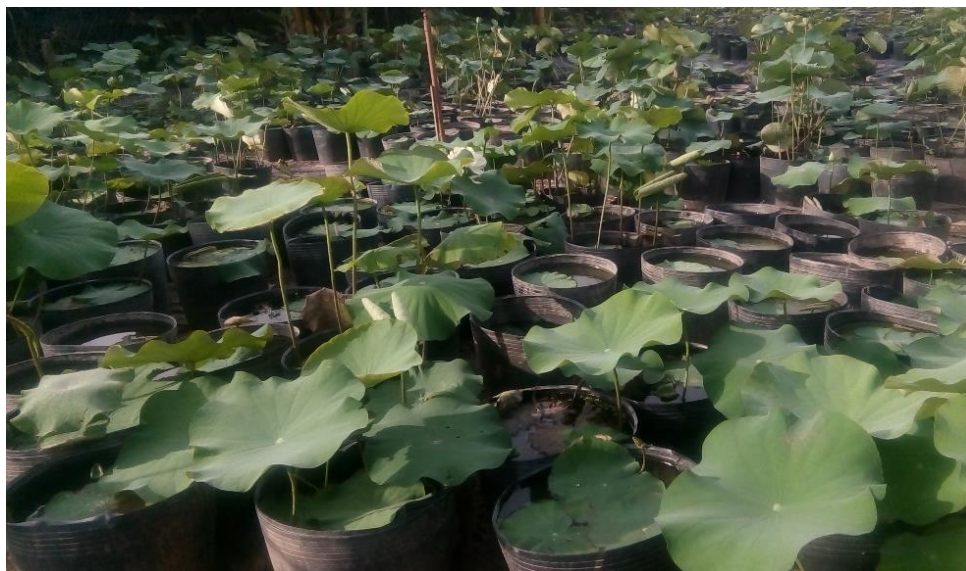
Còn một cách lấy giống nữa là mua từ cơ sở kinh doanh hoa kiểng để trồng, cây mau phát triển. Chọn giống cách này sẽ tiện lợi hơn trong việc lựa chọn những cây tươi tốt khỏe mạnh, màu sắc cũng như loại sen mà mình yêu thích để trồng cho phù hợp với ý tưởng cảnh quan chung tạo ra.

Sen trồng trong ao hồ nhân tạo tùy theo mục đích, ý tưởng trang trí tạo cảnh quan thưởng ngoạn, hay một giá trị kinh tế hữu dụng nào khác trong khuôn viên một công trình xây dựng phục vụ mục đích công cộng hay cá nhân cũng đều toát lên vẻ thanh cao, phản ánh trình độ thẩm mỹ, nét tao nhã của người nêu ý tưởng tạo cảnh quan trồng sen. Bởi “thưởng sen” sẽ không dành cho những ai thô kệch, dù sen rất mộc mạc, gần gũi. Sen không phân biệt đẳng cấp, sang hèn. Sen luôn dung dị hòa đồng với mọi đối tượng. Sen luôn thanh thản như tâm hồn trong trắng của con người,

không lay động, nao núng chọn lựa đục trong. Bình dị giữa chốn bùn nhơ để tỏa ngát hương thơm cho đời. Chính nét bình dị, gần gũi, mộc mạc lại càng làm cho loài sen có thêm phẩm chất thanh cao mà những ai suy ngẫm chưa thấu đáo sẽ không cảm nhận được tính chất thâm thúy đặc biệt mà ít có loại kỳ hoa dị thảo nào sánh bằng.

II.3. Sen trồng chậu làm hoa cảnh trang trí

Sen trồng chậu thì đơn giản hơn, cũng ương hay bứng những bụi sen tốt từ nơi khác cho vào chậu kín đáy, để sinh, đất và nước vào trồng dưỡng tốt rồi mang đi trồng. Thông thường, trước khi cho sen vào trồng chậu để nơi trang trí cố định, người ta chọn những chậu sen ương từ chậu nhựa, sành, xi măng v.v. nhỏ đem trồng sang chậu lớn cho sen nở con, cách thức trồng cũng như khi ương, nhưng phải cắm những cọc bằng sậy và buộc dây cho sen khỏi ngã siêu vẹo, vì lúc mới trồng sen chưa bắt rễ thân còn yếu. Môi trường sống của sen chủ yếu là thủy canh nên hút rất nhiều nước, do vậy trồng sen trong chậu ta phải canh mực nước để bơm vào và bón phân định kỳ thì sen mới phát triển và xanh tốt lâu bền, sen trồng lâu thì nên thay đất mới.



Nhân giống sen trong chậu nhựa ở xã Tân Khánh Đông Tp. Sa Đéc

Xưa kia, sen chỉ mọc và sinh sống tự nhiên trên những đồng bưng, trấp bàu, đìa, sông hồ v.v. Ngày nay, khi đô thị, kinh tế dần dần phát triển, đời sống con người từng bước nâng lên. Đường phố, nhà cửa được xây dựng khang trang, sạch đẹp nhu cầu trang trí tạo cảnh quan để tham quan, du lịch thường ngoạn cảnh đẹp ngày càng nhiều. Bên cạnh sự phát triển của các làng nghề truyền thống, nghề trồng hoa kiểng, hệ thống cửa hàng kinh doanh dịch vụ hoa kiểng cũng phát triển đáng kể. Trong muôn loài hoa kiểng, với chủng loại phong phú thì sen cũng được các cơ sở kinh doanh, nhân giống, lai tạo hay nhập khẩu trồng những giống mới vào chậu bán cho những người tiêu dùng có nhu cầu trang trí tạo cảnh đẹp. Hình ảnh sen vốn gần gũi nay lại càng gần hơn.

Đến bất cứ nơi đâu, từ nông thôn đến thành thị của nhiều vùng miền đất nước, nhà bình dân đến sang trọng, từ cơ quan đến đường phố hay khu du lịch nơi nào ta cũng dễ dàng nhìn thấy sen với những chậu, những ao, hồ sen v.v. lá xanh mượt, sáng sớm còn chứa những giọt sương long lanh hay trưa hè gió lao xao, lá phát phơ xấp ngữa xanh xám, đung đưa chen chút những bông sắc hồng, trắng hay vàng cùng với những nụ và gương lô nhô làm cho cảnh quan thêm dịu mát, nhuận sắc và tâm hồn con người thêm thư thái, sáng khoái du khách tham quan được chiêm ngưỡng cảnh trần gian mà ngỡ là đang lạc vào cõi bồng lai tiên cảnh.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp ở các khu trung tâm đô thị thành phố huyện, thị xã v.v hoa sen, cùng với nhiều loài hoa dùng làm biểu tượng, hộp đèn trang trí đường phố tăng thêm vẻ mỹ quan đô thị. Cụ thể, ở thành phố Cao Lãnh nhiều tuyến đường được trồng trang trí những khóm sen dọc theo dãy phân cách, hai bên vỉa hè, trước trụ sở cơ quan, trong đó nhiều nhất phải kể đến: đường Lý Thường Kiệt, đường Phạm Hữu Lầu (đoạn từ cầu Cái Sâu đến ngang khu di tích Nguyễn Sinh Sắc) nối dài Nguyễn Huệ, 30/4 (đoạn ngang công ty Sao Mai) v.v. Bởi Đồng Tháp không chỉ là Thủ phủ Đất sen hồng mà còn là nơi có làng hoa nổi tiếng ở Nam bộ và cả nước, được du khách trong nước và quốc tế biết đến. Sản phẩm làng hoa xuất khẩu nhiều nước trên thế giới. Đó là làng hoa Sa Đéc, hoạt động mua bán rất nhộn nhịp, tấp nập, trưng bày sản phẩm hoa, kiêng phục vụ các tour du lịch được khách trong nước và quốc tế tham quan thưởng ngoạn hàng ngày, các dịp lễ, tết rất đông.



Cổng hộp đèn hoa sen ở đường Nguyễn Huệ thành phố Cao Lãnh

Trên những tuyến đường giao thông, giữa dòng xe cộ chen chúc, trong hành trình dài, bất chợt tầm mắt ta lướt qua một khóm sen hay chỉ là một chậu nhỏ có vài hoa sen cũng làm cho ta có cảm giác nhẹ nhàng giảm bớt sự căng thẳng bởi gió bụi đường xa...; trước cảnh nhà, chùa chiền, cơ quan, xí nghiệp, trường học, bệnh viện

bên cạnh nhiều loại hoa kiểng, trang trí thêm những chậu hoa sen sẽ làm cho cảnh quan thêm nổi bật, hấp dẫn.

III. Đặc trưng sen ở vùng miền

Về cơ bản các loại sen là giống nhau, chỉ có phân biệt màu sắc trắng, hồng, và nên có tên gọi khác nhau. Tuy nhiên do ảnh hưởng thổ nhưỡng nên ở từng vùng miền, quan sát kỹ sen cũng có những đặc điểm khác nhau...

Về tính chất một loài cây, con của bất kỳ một loài động thực vật nào chỉ tạm phân biệt yếu tố sinh trưởng theo thổ nhưỡng vùng miền một cách tương đối chứ khó tách riêng biệt rạch ròi. Sen cũng vậy, chỉ tạm chia theo khu vực địa lý để quan sát, nghiên cứu tìm ra một vài yếu tố đặc trưng thì đã là hy hữu, chứ khó phân biệt sự khác biệt toàn diện các bản chất thuộc loài sen trong nội dung nghiên cứu này. Dù khó khăn, nhưng tôi cố gắng thể hiện yếu tố đặc trưng tôi đã nhằm làm cho công trình nêu bật được hình ảnh gần gũi, phong phú nhất của sen theo vùng miền trong khả năng có thể.

III.1. Sen ở Nam bộ (thuộc loại sen cổ)

Người ở tam giác Đồng Tháp Mười bạt ngàn suốt Tiền Giang – Đồng Tháp – Long An, lại tin rằng mọi nguồn cội tinh hoa của sen nước mình đều khởi thủy từ loài sen cổ thuần Việt mọc dài đến hai thước, cao quá đầu người. Búp sen cổ thuần dài, cả gương sen, cánh sen, hạt sen đều bung lớn, giàu sức sống.

Người ở vùng Tây Nam bộ, chỉ có loài sen cổ Đồng Tháp Mười mới thực sự là sen ngon nhất (theo phương diện ẩm thực)

Chủ yếu là sen hồng. Về đặc điểm, điều kiện sinh trưởng sen ở Nam bộ, trong đó cả sen Đồng Tháp Mười cho nên khó có thể mô tả sen Đồng Tháp Mười nằm ngoài đặc điểm sen Nam bộ. Và sen Nam bộ hay bất kỳ nơi đâu cũng chỉ mang đặc tính riêng biệt tương đối.

Do đó, theo quan sát của cá nhân tôi, do môi trường sinh trưởng sen Nam bộ có những đặc điểm như sau: sen mọc trong tự nhiên đa số là sen hồng, sức sống mạnh mẽ ở ao tù, nước phèn, nước lũ dâng cao dài hạn, hay nắng khô sen vẫn sinh sôi.

Sen hồng lá xanh vừa phải, to hay nhỏ tùy vào độ phì nhiêu của đất nơi sen sinh sống. Hoa sen Nam bộ (hay Đồng Tháp Mười), bông to vừa phải, cánh ít, đều nhau, sắc hoa không đậm lắm, hơi phớt hồng, ở đầu cánh hoa nhỏ, phát triển thon, hơi to ở chính giữa và nhỏ dần cho đến cuối cánh. Hoa sen mọc ra từ nách lá sen vừa trưởng thành, phần tiếp giáp với ngó dưới bùn, nụ sen nhỏ vươn thẳng lên mặt nước, vượt qua cả lá, đến ngày sen nở, hương thơm bay dịu dịu, những chú ong mật chui vào hút nhụy, phần bám vào tròn đầu những ngón chân như đầu những chiếc đinh cút. Khi trời sáng tỏ rõ, nụ hoa hé dần theo độ ấm của mặt trời và bung thẳng cánh hoa (khoảng

lúc 10 giờ) khi trời bắt đầu chuyển sang nắng gắt hoa khép lại. Quy trình này lặp lại sau hai ngày nữa (tức chu kỳ hoa nở được ba ngày). Ngày thứ ba thì có những cánh hoa bắt đầu rụng. Khi rụng, những cánh hoa nổi ngửa trên mặt nước, gặp cơn gió nhẹ lướt đi trông giống những con thuyền.... sau khi các cánh hoa rụng, gương sen phát triển dần, khoảng 12 -15 ngày thì tượng hạt to bằng đầu ngón tay út, lúc này tách ăn, cảm giác giòn ngọt mát. Còn muốn sử dụng hạt già hay khô thì chờ thêm một thời gian nữa sẽ thu hoạch theo mục đích sử dụng.

Vì khả năng chịu đựng cao, khi quan sát sen trong tự nhiên, gương sen cũng phát triển đều, gương to hay nhỏ do có nhiều hay ít hạt, ít khi lép hoàn toàn. Sen này đem trồng trong chậu hay ao hồ cũng cho gương tốt tương đương như trong tự nhiên. Bởi đã có thử nghiệm, trồng loại sen Nam bộ (Đồng Tháp Mười) với loại sen Thái, sen lai tạo vào trong chậu mức độ chăm bón, sinh trưởng như nhau nhưng sen Thái, sen lai tạo gương có hạt ít, thường gương lép nhiều, ít hạt hơn.

III.2. Sen miền Trung (có loài Sen Cát duy nhất đặc trưng - nhất ở đất Việt)

Sen tự nhiên cũng nhiều sen hồng, nhưng có thêm sen trắng, sen vàng (chẳng biết tên làng Kim Liên – âm Hán Việt là sen vàng, tên nôm là Làng Sen, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An thuộc khu vực miền Trung có mối liên hệ nào đến yếu tố sen vàng hay không?). Đặt giả thuyết, nếu theo tiêu chí đặt tên địa danh hiện nay, thì khu vực làng Kim Liên hiện nay có thể xưa kia sen mọc nhiều nên được chọn đặc điểm này để đặt tên cho làng Kim Liên chẳng?

Về đặc tính sinh trưởng, màu hoa, lá cũng không khác gì sen ở những nơi khác. Tuy nhiên, nếu quan sát kỹ, sen sinh sống ở khu vực miền Trung có những đặc điểm để nhận biết như: lá dày, xanh đậm, độ mịn màng ít; cọng sen cứng cao hơn; cánh hoa to, tròn bầu, sắc hồng đậm hơn.¹⁸ . Xem qua đặc điểm trên, loài sen cũng rất thích nghi với môi trường khí hậu khắc nghiệt của miền Trung: nắng, gió thất thường. Sự thích nghi vốn là bản năng của loài sen thì càng được phát huy ở môi trường khí hậu khắc nghiệt, cũng không làm ảnh hưởng đến quá trình sinh trưởng của sen.

Ở miền Trung còn sở hữu độc quyền loài sen cát duy nhất ở đất Việt (sen miền Nam và miền Bắc là sen bùn) pha cát ở đáy hồ Tịnh Tâm nuôi dưỡng một loại sen cát với đóa hoa nhỏ nhắn, hạt sen chắc, đặc và vì nhỏ, nên quện chặt cái thơm tho, bùi ngọt

Sen trong tự nhiên khu vực miền Trung, đặc điểm nhiều giống loài giống sen ở Nam bộ. Nhưng công dụng của sen, được người miền Trung vận dụng tài khéo léo nữ công gia chánh, tỉ mỉ của phụ nữ miền Trung thuộc vùng đất cổ đô kinh kỳ chế biến thành những món ăn, thức uống tinh tế như: chè sen, cơm lá sen, vệt gói lá sen, trà sen

¹⁸ Tác giả quan sát sen tại khu di tích Kim Liên (quê Bác Hồ) năm 2012 và một vài khu vực lân cận thuộc miền Trung
Trang || 71

v.v. đã làm say lòng du khách khi có dịp đến đây thưởng thức. Ví dụ: sau đây chúng ta có thể xem qua cách chế biến món của người miền Trung công phu và tỉ mỉ như thế nào qua món **Vịt gói lá sen**:

Nguyên liệu:

- Vịt: 1,2kg (chọn con béo, chéo cánh, non).
- Thịt lợn vai 100 g
- Cốm non 100 g
- Trứng gà 1 quả
- Nấm hương 4 cái
- Lạp sườn 1 cái
- Hạt sen 100 g
- Nhị sen 1 thìa

Gia vị: gừng, hành khô, muối, tiêu, rau mùi, nước chấm

Dụng cụ: 3 lá sen to giấy bạc, lạt buộc.

Cách làm:

- Vịt làm sạch lông, mổ moi, chặt bỏ đầu, cánh, chân qua với nước gừng, có bỏ một ít muối, để ráo, tắm muối tiêu.

- Thịt lợn băm nhỏ, lạp sườn thái lát, nấm hương thái nhỏ.

- Hạt sen luộc chín mềm, rau gia vị khác sơ chế.

- Cho thịt lợn, mỡ vịt, hành khô, cốm, *hạt sen*, nấm hương, lạp sườn, nhị sen, tỏi tây vào.

- Đập trứng, nêm gia vị, hạt tiêu vừa ăn; trộn đều, nhồi vào bụng vịt gài chặt.

Lấy giấy bạc trải ngoài, rồi đến 2 lần lá sen cho vịt nhồi vào gói tròn, kín, lấy lạt buộc, cho vào hấp 4 giờ. Khi vịt chín mềm để ra đĩa.

- Dùng nóng với xôi, rau mùi, chấm với nước mắm.

Chỉ nghe qua thôi, ta cũng có thể cảm nhận được sự hấp dẫn của món này ra sao, chứ đừng nói chi đến được cầm đĩa gắp một miếng nóng hổi, thơm lừng đưa vào miệng thì cảm giác tan biến chừng nào...

III.3. Sen miền Bắc (có loại Sen Quế cánh to chỉ trồng được ở Tây hồ, tự hào là "loại sen đậm hương nhất")

Tiêu đề III.3 được gọi là sen miền Bắc cho thống nhất theo địa lý vùng miền của nội dung bài viết. Hà Nội, thủ đô nước Việt, được xem là vị trí trung tâm địa lý, hành

chánh của khu vực phía Bắc. Cho nên nội dung này nằm trong giới hạn nghiên cứu, mô tả đặc tính chung, cũng như những hữu ích của sen ứng với cuộc sống gọi là sen khu vực Hà Nội, hay sen Hà Nội.¹⁹



20

Sen cung đình

Cũng với loài sen hoa sắc hồng, trắng hay vàng như những nơi khác và có nhiều đặc điểm chung, nhưng sen sinh trưởng ở khu vực Hà Nội do ảnh hưởng thổ nhưỡng, thích nghi khí hậu nên có những loại sen được trồng mang đặc điểm riêng: ngoài các yếu tố như: sắc hoa đậm, cọng lá to, cứng, lá dày cứng, dùm, gân lá to hơn v.v

Đặc biệt, ở Hà Nội có loại Sen Quế cánh to chỉ trồng được ở Tây hồ, với hàng trăm cánh nhỏ ôm vào gương sen, để tự hào là "loại sen đậm hương nhất" hoa rất nhiều cánh gần giống bông cúc (hiện nay cũng thấy được trồng ở nhiều nơi trên cả nước), những cánh hoa bên ngoài to như sen bình thường, cánh những lớp trong nhỏ dần đến gương, tỏa hương thơm dịu, trồng trang trí cảnh quan xem rất đẹp và lạ mắt.



Sen Quế dùng lấy nhụy ướp trà

¹⁹ Tác giả quan sát sen ở Hà Nội và một vài khu vực lân cận thuộc miền Bắc, năm 2012,

¹⁹ Wikipedia

Một loại sen khác nữa (sen trắng, sen hồng cùng có chung đặc điểm) là sen có búp hoa to, tròn. Cánh bao bên ngoài khoảng 7 đến 8 cánh. Mỗi cánh được xem như một túi hoa, bên trong những túi gồm nhiều túi nhỏ, chứa nhiều cánh và có cọng nhị đực nhô cao, trên đầu chứa phấn (sáp) màu trắng. Loại sen này dùng ướp trà sẽ cho nhiều phần hương. Với hình cánh bao ngoài lớn, khi hoa sen này vừa hé nở, người ta có thể thu hoạch lấy hương ướp trà, các cánh nhỏ dùng vào mục đích khác (có thể chế biến món ăn hiện nay cũng rất thông dụng), còn lại các cánh hoa lớn bên ngoài, sử dụng làm túi hoa sen cho trà vào cuộn lại, sấy khô thành sản phẩm trà hoa sen sấy khô cao cấp cung cấp cho những ai yêu thích thưởng trà. Tuy nhiên, theo quan sát, loại sen này khi hoa nở bung cánh sau một buổi, đến chiều là lúc những cánh hoa sẽ héo nhàu, dính lại với nhau trông được không đẹp lắm, có thể chủ đích trồng, thiên về sự dụng tính vật chất là chính chăng?

IV. Sen ở một số quốc gia trên thế giới

Hoa sen là loại hoa mang vẻ đẹp mộc mạc, bình dị và thuần khiết. Hoa sen có mặt ở nhiều nơi trên thế giới, đặc biệt là các nước Châu Á. Tuy nhiên, mỗi nơi lại có một câu chuyện riêng về loài hoa này.

IV.1. Sen ở Trung Quốc

Ở Trung Quốc có hàng trăm giống sen được trồng. Nhiều giống trong số đó được trồng từ hàng thế kỷ trước, nhưng cũng có một số giống mới. Hoa sen Trung Quốc có rất nhiều kích cỡ khác nhau. Có giống lùn mà có thể đưa nó vào một chiếc ly trên bệ cửa sổ, và có những giống cao hơn một thân người.

Ở miền bắc Trung Quốc có mùa đông rất lạnh. Do đó, có những cây hoa sen đã được trồng trong những container và sau đó có thể được trưng trong phòng. Hoa sen từ Trung Quốc không chỉ đẹp mà thậm chí cả tên của chúng thường cũng rất nên thơ như: “Bảy cầu vòng”, “Say một ít tình”, “Tuyệt trên sông” ... Những cái tên khiến chúng ta mê hoặc tưởng tượng đến một thế giới xa lạ!

IV.2. Sen ở Mỹ

Trong hơn hai thập kỷ qua, hoa sen là một cây vườn phổ biến ở Bắc Mỹ. Từ Canada xuống đến Texas chúng được tìm thấy trong nhiều khu vườn. Nhờ ông Perry D. Slocum, ông là người làm vườn đầu tiên ở phía tây đã phát triển mạnh mẽ các giống sen. Khu vườn của ông ấy có rất nhiều giống sen với rất nhiều màu sắc đẹp. Một phần trong dự án trang trại của ông là bảo vệ và nhân giống các giống sen từ vườn ươm riêng của mình.

IV.3. Sen Nhật Bản

Nhật Bản là một đất nước có truyền thống trồng sen lâu đời, người Nhật cũng rất yêu quý hoa sen nhưng Nhật bản không có những cách đồng sen rộng lớn. Điều

này là do địa lý của Nhật Bản. 75% của đất nước là miền núi và rừng rậm. Các vùng đất bằng phẳng 25% còn lại phải chia sẻ các thành phố lớn và nông nghiệp. Có một số khu vườn tư nhân khá sang trọng nhưng thường rất nhỏ. Nếu người Nhật Bản muốn chiêm ngưỡng hoa sen, thỏa mãn niềm đam mê thì họ thường đi vào những ngôi đền hoặc tu viện. Ở đó có những cái hồ nhỏ được phủ kín bằng hoa sen, và thường thì đó là nơi hoa sen tồn tại và không nơi nào khác có nữa, do đó giống Sen Nhật Bản nói chung dường như là loài quý hiếm nhất trên thế giới.

Hoa sen Nhật rất thanh lịch, chủ yếu là để ngắm. Với hình dạng đơn giản nhưng hoàn hảo về màu sắc. Cái tên phù hợp và sang trọng thường được gọi là “Shinnyoren” - hoa sen quả là đẹp trong sự dung dị.

IV.4. Hoa sen Hàn Quốc

Với các giống Hàn Quốc chúng ta chỉ có thể quan sát và biết thông tin từ những giống đang trồng và phát triển còn thông tin về các giống sen Hàn Quốc tại Đức hầu như không có. Có rất nhiều giống sen địa phương, nhưng chúng được miêu tả khác nhau theo địa danh và không có tên đồng nhất. Thường đặt tên chúng theo xuất xứ và đôi khi là theo màu sắc đặc trưng.

IV.5. Hoa sen châu Âu

Châu Âu không có tồn tại hoa sen. Các nhà nghiên cứu nói rằng, hoa sen đã bị tuyệt chủng trong thời kỳ băng hà cuối cùng và đã không phát triển trở lại sau giai đoạn ấm áp. Điều kiện ở châu Âu thích hợp cho hoa sen phát triển bây giờ chỉ có ở vùng hoang dã miền bắc Ý.

Cuối thế kỷ 19, một người Pháp có phát triển một giống sen mang tên ông là Marliac trong một thời gian ngắn. Hiện chưa rõ đây là giống sen ông tự phát triển hay giống sen nhập khẩu từ Trung Quốc và được đặt tên lại. Sau khi ông đã lai tạo một số ít các loại giống trên thị trường, ông đã chuyển quan tâm của mình trở lại hoàn toàn với giống hoa huệ. Hiện nay, tổ chức của ông vẫn còn tại Pháp và Ý.

IV.6. Hoa sen vùng Allgäu (nước Đức)

Từ trước đến nay đây là vùng lai tạo và có bộ sưu tập sen lớn nhất châu Âu. Có các giống: Elfenzauber Joseph Ernst Fürst Fugger Julchen Mindelperle Ruby Mindel Giấc mơ bướm Kirchheimerin. Đặc biệt, loài Rubin Mindel. Đây là giống hoa sen đầy mạnh mẽ với một màu đỏ gần như tươi, cách hoa không uốn cong ngay cả trong thời tiết mưa. Loại hoa tương tự như thế chưa thấy ở bất cứ nơi nào khác²¹.

²¹ Tìm hiểu thêm các sản phẩm từ Sen, Súng tại: www.senta.vn - Sen Ta-Dịch từ Nymphaion.de

Ngoài ra, hiện nay trên thị trường hoa kiểng cả nước, cũng như ở Đồng Tháp còn có các loại sen Thái Lan. Đài Loan v.v được lai tạo, nhập khẩu đáp ứng thị hiếu đa dạng của người tiêu dùng, thưởng ngoạn...

Chương II: SEN ĐỒNG THÁP MƯỜI TRONG HÒN SEN VIỆT

I. Sen Đồng Tháp Mười (là Sen cổ - đặc điểm sinh học theo nội dung: sen ở Nam bộ)

Sen Đồng Tháp Mười sinh trưởng trong tự nhiên thành những quần thể lớn, dọc theo lung, rộc, bung, trấp thuộc những cánh đồng bạt ngàn, thẳng cánh cò bay... của khu vực tiếp giáp ba tỉnh Long An, Tiền Giang và Đồng Tháp. Về sau, sen được trồng lấy hoa, lá, gương, ngó v.v phục vụ nhu cầu cuộc sống. Hiện nay sen cũng là giống cây được người nông dân trồng phổ biến nhiều nơi, vì nguồn lợi từ sen rất đa dạng, tạo ra nhiều sản phẩm phục vụ du lịch, kinh tế cho thu nhập cao.

Và sen Đồng Tháp Mười có sự tích rất thú vị, tác giả Nguyễn Hữu Hiếu đã viết trong sách Văn hóa dân gian Đồng Tháp Mười như sau: Ngày xưa, ngày xưa, ở vùng núi Nghê An, có đôi vợ chồng trẻ, vừa được cha mẹ cho ra riêng với mảnh đất ở ven rừng, người chồng tên là Sen, khỏe mạnh, người vợ rất xinh đẹp. Ngày ngày, chồng ra ruộng cày bừa, lúc vào rừng kiếm củi, săn bắn... người vợ ở nhà chăn nuôi gà vịt, lo cơm nước cho chồng.

Một hôm người vợ mang bầu, lạt miệng bỏ ăn, gầy ốm, thêm đồ chua. Anh Sen buồn bã vào rừng tìm trái cây. Mải lo tìm kiếm trái chua, anh lạc mất đường về. Một quá, anh ngồi nghỉ cạnh bờ đầm. Bỗng anh nhìn thấy dưới đầm có một loại cây lạ, lá xanh bông trắng. Lá rất to, có lá nổi trên mặt nước, có lá nhô lên trên, bông búp, bông nở tỏa hương ngào ngạt. Lại có trái nữa. Chàng liền lội xuống, hái trái lên ăn. Đang ăn chàng ngủ quên lúc nào không biết. Khi tỉnh dậy thấy khỏe khoắn trong người, vội hái một mớ trái, rồi tìm đường về nhà.

Nhờ ăn trái lạ, vợ Sen khỏe mạnh da dẻ hồng hào, sanh cho chàng một đứa con trai kháu khỉnh. Quả là cây tốt, chàng liền trồng xuống ao trước nhà. Bông nở hương thơm ngát cả vùng, trái ăn tốt cho sức khỏe, nên chẳng bao lâu xóm làng đều biết, đến xin giống mà trồng. Trong số đó có tên địa chủ giàu có, y thấy vợ Sen “gái một con trông mòn con mắt, xinh đẹp, liền nổi tà dâm. Một hôm, chờ Sen đi ra đồng, y đến giờ trò cường bức. Vợ Sen chống cự, kêu la cầu cứu. Nghe tiếng, Sen phóng chạy về, sẵn có cái rựa trên tay, anh chém một nhát. Không may, trúng vào chỗ ngiệt, tên địa chủ lăn ra chết.

Để tránh tù tội, anh giấu xác tên địa chủ, rồi từ biệt vợ con trốn vào Nam. Trước khi lên đường, anh không quên mang theo ít hạt giống của cây lạ, và dặn dò vợ, khi vào Nam bất kỳ sống ở đâu cũng có trồng cây lạ trước nhà để sau này con cháu biết chỗ mà tìm.

Anh đi thật xa, vào phương Nam, tìm đến nơi hoang vắng (sau này là Đồng Tháp Mười), phá rừng, cất nhà, khẩn ruộng, đồn cây, làm cá bán đổi gạo ăn sinh sống. Cuộc sống khá dần, anh không quên đào ao trồng cây lạ trước nhà. Do bông có mùi hương tỏa ra xa, nên chẳng bao lâu, lại có người tứ xứ đến cùng khai khẩn làm ăn với anh. Sợ bị phát hiện tông tích, anh nhường phần đất của mình khai phá được cho người mới đến, đi xa hơn nữa. Anh bỏ đi nhiều lần như thế, càng lúc càng sâu vào Đồng Tháp Mười và đến nơi đâu anh cũng trồng thứ cây lạ đó, để con cháu biết mà kiếm. Nhờ đó mà nhiều nơi trong Đồng Tháp Mười đều có cây này.

Nơi anh ở sau cùng cạnh một cái bàu, lúc đầu cũng chỉ có nhà anh, sau lại đông dần. Anh đã già yếu không còn sức trốn tránh. Ít lâu sau anh qua đời, được bà con chôn cất bên bờ bàu.

Tại quê nhà, vợ anh mòn mỏi trông tin chồng, ngày một héo hon, lâm bệnh qua đời. Trong lúc lâm chung, vợ anh truyền lại lời dặn dò, của anh trước lúc ra đi cho con. Con anh lớn lên lập gia đình, có con cái, sống trong sự tin yêu, biết ơn của chòm xóm, do anh có công mang thứ **cây** lạ về. Do đất đai xấu, lại bão lụt thường xuyên, đời sống quê anh rất khó khăn. Nhiều người đã vào Nam sinh sống, một ngày nọ một số dân làng cùng con cháu anh lên đường vào Nam.

Đoàn người do con anh dẫn đầu. Đến đâu con anh cũng hỏi thăm về thứ cây lạ ấy để tìm tông tích cha. Vào đến Đồng Tháp Mười, con anh gặp nhiều nơi có trồng thứ cây này và được biết là do cha anh trồng, nhưng cha anh đã bỏ đi nơi khác. Sau rốt, con anh cũng tìm ra nơi an nghỉ cuối cùng của anh. Đến lúc bấy giờ, con anh không còn gì lo sợ cho anh, nên nói rõ cho mọi người biết lai lịch của cha mình.

Cảm thương một con người vì chồng áp bức mà phải xa quê hương bản quán, sống lưu lạc xứ người suốt đời và có công mang giống cây quý vào trồng ở đây, vừa có bông làm đẹp cảnh quan Đồng Tháp Mười, vừa có ích trong cuộc sống hàng ngày, khi nói tới nó, người ta nói là “cây bông do ông Sen trồng“. Qua năm tháng tên đó rút ngắn dần thành “cây bông ông Sen“ rồi cuối cùng là “cây bông sen“ cho đến ngày nay.²²

II. Sen trong hồn sen Việt

II.1. 1. Sen trong văn hóa tín ngưỡng

²² Nguyễn Hữu Hiếu, Văn hóa dân gian vùng Đồng Tháp Mười, Nxb Văn Nghệ, năm 2007

Hoa sen gắn liền với hình ảnh của lịch sử Phật giáo, được tạo tác, in ấn thành tác phẩm liên quan đến sinh hoạt tôn giáo Phật giáo trên toàn thế giới và Việt Nam. Và lịch sử hình thành Phật giáo Việt Nam cũng xuất phát từ lịch sử Phật giáo của thế giới. Nên trong tín ngưỡng Phật giáo, đặc điểm màu hoa của sen được quy ước và có nội dung ý nghĩa nhất định:

Sen trắng: Sen trắng tượng trưng cho sự thuần hóa của nhân tính, bồ đề tâm hay còn gọi là giác tâm, thường có 8 cánh ứng với Bát chính đạo. Nó là đặc trưng của phái Mật tông và là đoá sen của các vị Phật.

Sen đỏ: Sen đỏ tượng trưng cho bản chất nguyên thủy của trái tim, là đoá hoa của tình yêu, đam mê và sự năng động. Đây là loại sen của Quan Thế Âm.

Sen xanh: Sen xanh là biểu tượng của trí tuệ, tri thức của chiến thắng của tinh thần đối với các cảm quan. Đây là loại sen của Văn Thù Sư Lợi, hiện thân của trí tuệ viên thành.

Sen hồng: Sen hồng là loại sen tối thượng, thường được dành cho các vị tối cao, là đoá sen của những vị tu theo giáo phái nguyên thủy.

Sen tím thẫm: Sen tím thẫm là đoá sen huyền diệu, biểu thị những ảnh tượng của phái Mật tông. Các đoá hoa có thể đang còn e ấp hoặc đã được nở bung hết. Chúng có thể được nâng đỡ bởi một cọng hay ba cọng hoa (tượng trưng cho ba phần của Garbhabatu: Vairocana, hoa sen và vajra) hoặc năm cánh hoa tượng trưng cho Năm tri thức của Vajradhatu.²³



*Cảnh sen quốc độ Tây Phương của Phật Adi Đà
Mỗi người có một hoa sen riêng, tùy theo đức hạnh tu tập mà có hoa sen to hay nhỏ.*

²³ Wikipedia

II.1.2. Xưa

Sen có mặt trái đất này không biết từ khi nào, nhưng hình ảnh xa xưa của loài sen, ở Việt Nam chúng ta thường gặp sen gắn liền với Phật giáo. Có lẽ hình ảnh minh họa đức Phật Đản sanh bảy bước đi, nở bảy đóa sen trong lịch sử Phật giáo Ấn Độ cách nay trên 25 thế kỷ là hình ảnh hoa sen chúng ta được thấy có lịch sử xa xưa nhất. Với hình ảnh đức Phật tay phải chỉ lên trời, tay trái xuống đất, với câu nói nổi tiếng:

*"Thiên thượng thiên hạ duy Ngã độc tôn
Nhứt thiết chúng sanh sinh, lão, bệnh, tử."*

Tạm dịch:

*Trên trời dưới đất chỉ có Ta là tôn quý nhất
Tất cả chúng sanh đều bị sinh, già, bệnh, chết.*



24

Hình ảnh Đức Phật sơ sinh bước trên bảy đóa sen hồng là một biểu tượng của mùa lễ Phật đản. Đó là Đức Phật lịch sử, Đức Phật ứng thân thị hiện. Vượt lên trên khả năng hiểu biết hạn hẹp của tri thức sông, Bắc tạng cho chúng ta hiểu rằng những đóa sen đỡ chân kia không phải là sản phẩm của tư duy thần thánh hóa Đức Phật mà là hiện thân tròn đầy của một tôn giáo vi diệu, chân chánh: đạo Hoa sen.

Cuộc đời Thế Tôn từ khi Đản sanh đến nhập diệt luôn gắn liền với hoa sen. Tất cả giáo lý Phật từ đầu đến cuối cũng đều lấy hoa sen làm biểu tượng. Là ví cho căn tánh lợi钝 của chúng sanh như bông sen dưới nước để Đức Phật quyết định hoằng

²⁴ Wikipedia

pháp, là nụ cười vì tiểu của ngài Ca Diếp trên hội Linh Sơn với cảnh hoa sen làm thính “thiên hà ngôn tai!”. Và khi ngoại đạo Dona hỏi phải hiểu Phật như thế nào thì Thế Tôn điềm tĩnh: “Cũng giống như hoa sen, Ta sinh ra trong đời, lớn lên trong đời mà không bị đời làm ô nhiễm. Như vậy Ta là Phật, Như Lai”.

Trong sách *Tính mệnh khuê chỉ* có bài viết về hoa sen:

*Hồng hồng bạch bạch, thủy trung liên,
Xuất ố, nê trung, sắc chuyển tiên;
Hành trực ngẫu không bông hựu thực,
Tu hành diệu lý khắp như nhiên.*

Dịch là:

*Sen nở trong đầm, đỏ trắng phơi,
Bùn như không nhiễm, sắc thêm tươi.
Thân ngay, ngó rộng, gương đầy hạt.
Diệu lý tu hành cũng thế thôi.*

“Ngó rộng” khác nào tánh không, khác nào vô ngã. Hoa sen to chừng nào thì quả và gương to chừng đó, nên “gương đầy hạt” là đại huệ bình đẳng, thật tướng bình đẳng, trong nhơn đã có quả, từ trong quả đã có nhơn, nhơn quả đồng thời. Động kinh niên tải, bậc liễu ngộ đến một ngày há chẳng “trường khiếu nhất thanh hàn thái hư” ru?

Đức Phật sinh ra giữ đời mà không nhiễm mùi đời, thoát lên tất cả những gì ô nhiễm của đời. Ngài là hoa sen không nhiễm mùi bùn mà còn tỏa hương cho đời. Hoa sen trong bùn là thế, Tuệ Trung thượng sĩ còn có hoa sen trong lửa:

*“Đi cũng thuyền, ngồi cũng thiền
Trong lò lửa rực nở cành sen”*

Hay như ngài Ngộ Ân, trái nghịch cuộc đời lại thêm bền gang thép:

*“Trên non ngọc đốt màu thêm nhuần
Sen nở trong lò sắc chẳng phai”*

Đời đỏ rực nhưng sen vẫn nở, bùn tanh hôi nhưng sen vẫn ngát mùi hương, giữ gian nguy khôn cùng, tâm hoa vẫn nở, “chúng sanh mỗi người mỗi có sen”, là Phật tánh chân như vốn tinh khiết, thường hằng.

Đức Phật sinh ra không hấn có sen đỡ chân như huyền thoại đã kể, Ngài đã mang hình người để đến với chúng ta. Nhưng Đức Phật vẫn còn đây chứ chẳng mất

đi đâu cả. Ngài ở cùng khắp, ở chung quanh chúng ta, ai cũng có thể thấy Ngài nếu tâm sáng. Tâm hoa ứng hiện là hoa sen trong tự tâm chúng ta ngày càng mọc lên tươi tốt và thanh tịnh. Tâm thanh tịnh và sáng chừng nào thì Phật rõ chừng đó.

Phật Đản về, xin nhỏ dòng nước Pháp thanh lương vào tâm hoa để sáng bừng lên Đức Phật trong lòng như nàng Tiểu Thánh từng nguyện:

“Nguyện vì nhất trích dương chi thủy

Sái tác nhân gian tịnh để liên”

(Xin làm giọt nước cành dương nhỏ

Sái rức đài sen sạch bụi đời).²⁵

Hình ảnh hoa sen gắn với Phật giáo còn được tìm thấy qua những cuộc khai quật khảo cổ ở khắp nơi trên thế giới. Ở Nam bộ Việt Nam cũng được phát hiện rất nhiều. Trong đó: ở Gò Tháp - Đồng Tháp; Long An, Tiền Giang và hầu hết các tỉnh ở Nam bộ đều có, thuộc nền văn hóa Óc Eo. Tượng Phật ngự trên đài sen, trên vật thờ và vật dụng sinh hoạt khác.

Với khu di tích quốc gia đặc biệt Gò Tháp thuộc tỉnh Đồng Tháp nằm ở trung tâm khu vực Đồng Tháp Mười (gồm ba tỉnh: Long An, Tiền Giang và Đồng Tháp) là một trung tâm tôn giáo: Với hai tôn giáo lớn, Phật giáo và Hindu giáo.

Di chỉ kiến trúc tôn giáo: Đã phát hiện được nhiều địa điểm: Gò Tháp Mười, chân Gò Tháp Mười, Gò Bà Chúa Xứ, Gò Minh Sư (2 điểm), cạnh Miếu Hoàng Cô, Tháp Mười Cổ Tự (Chùa Tháp Linh), Kiến trúc, Gò Đình (Đền thờ Thiên hộ Dương, Đốc binh Kiêu), đền thần Mặt trời cạnh chùa Tháp Linh, Ao thần, Giếng thần v.v

Những kiến trúc ở đây rất đa dạng, gồm kiến trúc đền, mộ, có bình đồ khép kín, tường vách bên trong xây giạt cấp, kiến trúc bình đồ chữ nhật bẻ góc đầu Đông- Tây, quanh tường có gờ cột giả, ở trung tâm có kiến trúc vuông, sâu từ bề mặt xuống tận đáy ...

Trải qua quá trình phát hiện, thám sát, khai quật từ trước giải phóng đến nay ở Khu di tích Gò Tháp đã thu được nhiều hiện vật có hình sen hoặc biểu tượng liên quan đến sen. như:

- Lá vàng:

Là những lá vàng chạm hình những bông hoa và búp hoa có cuống dài mọc thẳng từ dưới lên. Đặc biệt có nhiều lá vàng chạm hình bông sen đang nở, có nhụy,

²⁵ Thuần Chiếu, Tạp chí Giác Ngộ số 949 ngày 11/4 Mậu Tuất Sen

hạt sen rất rõ nét. Thuộc bộ sưu tập đồ vàng Gò Tháp, gồm 49 hiện vật, hiện đang lưu giữ tại bảo tàng Đồng Tháp.

+ Lá vàng chạm hình hoa sen: Lá vàng có hình tròn. Toàn bộ bề mặt lá vàng được chạm hình bông sen nở, có đủ cánh sen gương sen và bên trong có chấm nhỏ giống nhụy sen. Hoa sen là biểu tượng của thần Lakshmi (vợ của thần Vishnu). Ký hiệu: BTĐT. 301/KL.864, niên đại: thế kỷ III – IV sau Công nguyên, kích thước: đường kính 3,7cm, trọng lượng: 1 phân 4 ly 7, tình trạng hiện vật: rách xung quanh - Hiện vật gốc độc bản.



+ Lá vàng chạm hình hoa sen: ký hiệu BTĐT.122/KL.713, niên đại: thế kỷ III – IV sau Công nguyên, kích thước: 2,2cm x 2,4cm, trọng lượng: 6 ly, tình trạng hiện vật: rách xung quanh - Hiện vật gốc độc bản, tiêu biểu.



+ Lá vàng chạm hình hoa sen: ký hiệu BTĐT. 256/KL.818, niên đại: thế kỷ III – IV sau Công nguyên, kích thước 2,3cm x 2,0cm, trọng lượng: 1phân 0 ly 66, tình trạng hiện vật: Nguyên - Hiện vật gốc độc bản.



+ Lá vàng chạm hình hoa sen: ký hiệu BTĐT. 300/KL.863, niên đại: thế kỷ III – IV sau Công nguyên, kích thước: 3,4cm x 2,8cm, trọng lượng: 1 phân 3 ly 6, tình trạng hiện vật: rách xung quanh - Hiện vật gốc độc bản.



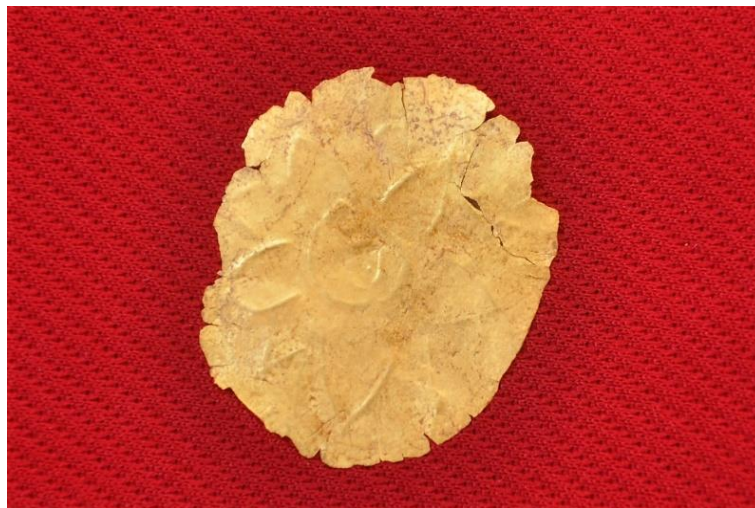
+ Lá vàng chạm hình hoa sen: ký hiệu BTĐT. 302/KL.865, niên đại: thế kỷ III – IV sau Công nguyên, kích thước: đường kính: 3,2cm, trọng lượng: 2 phân 0 ly 53, tình trạng hiện vật: rách xung quanh - Hiện vật gốc độc bản.



+ Lá vàng chạm hình hoa sen: ký hiệu BTĐT. 303/KL.866, niên đại: thế kỷ III – IV sau Công nguyên, kích thước: 3,4cm x 3,1cm, trọng lượng: 2 phân 2 ly 4, tình trạng hiện vật: rách xung quanh - Hiện vật gốc độc bản.



+ Lá vàng chạm hình hoa sen: ký hiệu BTĐT. 304/KL.867, niên đại: thế kỷ III – IV sau Công nguyên, kích thước: 2,7cm x 2,4cm, trọng lượng: 5 ly 86, tình trạng hiện vật: rách xung quanh - Hiện vật gốc độc bản.



- Tượng phật Văn hóa Óc Eo



Tượng phật đứng trên đài sen (bằng gỗ) hiện vật khai quật ở Đìa vàng, địa phận khu di tích Gò Tháp



- Đồ dùng sinh hoạt văn hóa Óc Eo



Nắp nồi đất nung khắc hoa sen



Phù điêu hoa sen bằng đất nung

Ngoài ra, trong cuộc sống thường ngày chúng ta còn được thấy hình ảnh hoa sen được chạm khắc, tạo hình, vẽ trên những công trình kiến trúc cổ: tượng phật, chùa, đình, đền và những cổ vật sử dụng trong sinh hoạt đời sống v.v



26

Chánh điện chùa Cái Cát (Bửu Hưng) huyện Lai Vung, Đồng Tháp có nhiều họa tiết chạm hoa sen cùng với tượng Phật chạm ngồi trên đài sen (trong đó có bức tượng Phật A Di Đà được tạc bằng gỗ nguyên khối do vua Minh Mạng tặng vào năm 1821)

Một bộ kiến trúc phụ ở công trình chùa Phật giáo, nhưng không kém phần đặc trưng khi được đến viếng chùa ta sẽ thấy ở mỗi đầu trụ hàng rào chùa đều có gắn búp hoa sen trang trí bằng gốm vuron lên thẳng tắp, như được ngầm hiểu rằng chỉ có sự thanh tịnh của loài sen mới có thể là hộ pháp bảo vệ Tam bảo trường tồn hóa độ chúng sanh ...



Búp sen trên hàng rào chùa Kim Quang phường 6, thành phố Cao Lãnh

Một vài vật dụng minh họa có trang trí hình hoa sen v.v



Tô đĩa in hình sen



Khay trà cốn hình sen



Liễn cổ hình lá sen

II.1.3. Nay

Hình ảnh hoa sen thiên nhiên trên đồng ruộng, ao hồ, đường phố, công trình chùa chiền, đình đền, khu vui chơi giải trí nhà cửa, bệnh viện trường học, nhà máy công ty, xí nghiệp v.v và v.v trên mọi vùng miền, đâu đâu cũng thấy sen được trồng trang trí làm đẹp cảnh quan.

Hình ảnh hoa sen, còn nổi bật trong các đêm lễ hội hoa đăng của mọi vùng miền. Trong tín ngưỡng phật giáo, Tháng bảy mùa Vu Lan báo hiếu, phật tử và nhân dân tham gia thả hoa đăng ở nhiều nơi, với ước nguyện cầu cha mẹ sống lâu, mạnh khỏe, đất nước thái bình v.v. . đó là điều mong mỏi, tấm lòng của mỗi người con hiếu thảo nào cũng muốn thể hiện. Bởi đây là truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, tấm lòng hiếu thảo đã được nâng lên thành Đạo Hiếu. Và được dân tộc

Việt Nam hình tượng hóa thành một trong những “Tứ bất tử” lưu truyền từ xưa đến nay, qua câu chuyện Chử Đồng Tử và nàng công chúa Tiên Dung con của vua Hùng Vương đời thứ 3, được truyền thuyết rằng:

Chử Đồng Tử sống cùng cha là Chử Cù Vân, hoặc Chử Vi Tử, tại thôn Chử Xá, xã Văn Đức (nay thuộc huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Chẳng may nhà cháy, mất hết của cải, hai cha con chỉ còn lại một chiếc khố phải thay nhau mà mặc. Lúc người cha lâm chung, ông gọi con lại bảo rằng hãy giữ chiếc khố lại cho bản thân. Thương cha nên Chử Đồng Tử liệm khố theo cha, mình thì chịu cảnh trần truồng khổ sở, kiếm sống bằng cách ban đêm câu cá, ban ngày dầm nửa người dưới nước, đến gần thuyền bán cá hoặc xin ăn.

Thời ấy, Hùng vương thứ 3 có cô con gái tên là Tiên Dung, đến tuổi cập kê mà vẫn chỉ thích ngao du sơn thủy, không chịu lấy chồng. Một hôm thuyền rồng của Tiên Dung đến thăm vùng Chử Xá. Nghe tiếng chuông trống, đàn sáo lại thấy nghi trượng, người hầu tập nập, Chử Đồng Tử hoảng sợ vội vùi mình vào cát lẩn tránh. Thuyền ghé vào bờ, Tiên Dung dạo chơi rồi sai người quây màn ở bụi lau để tắm, ngờ đâu đúng ngay chỗ của Chử Đồng Tử. Nước xối dần để lộ thân hình Chử Đồng Tử dưới cát. Tiên Dung kinh ngạc bèn hỏi han sự tình, nghĩ ngợi rồi xin được cùng nên duyên vợ chồng.

Hùng Vương nghe chuyện thì giận dữ vô cùng, không cho Tiên Dung về cung. Nàng biết ý nên cùng chồng mở chợ Hà Thám, đổi chác với dân gian. Buôn bán tấp nập, phồn thịnh, ai cũng kính thờ Tiên Dung và Chử Đồng Tử làm chúa. Một hôm, có người bày cho cách ra ngoài buôn bán nhiều lãi, Tiên Dung khuyên chồng nghe theo. Chử Đồng Tử bèn theo khách buôn đi khắp ngược xuôi. Một hôm qua ngọn núi giữa biển tên Quỳnh Viên sơn, Chử Đồng Tử trèo lên am trên núi và gặp một tăng sĩ tên Phật Quang. Chử Đồng Tử bèn giao tiền cho khách buôn đi mua hàng, còn mình thì ở lại học phép thuật. Sau thuyền quay lại đón, Phật Quang tặng Chử Đồng Tử một cây gậy và một chiếc nón lá, dụ rằng đây là vật thần thông.

Về nhà, Chử Đồng Tử truyền mọi sự lại cho vợ. Tiên Dung giác ngộ bèn bỏ việc buôn bán, cùng chồng chu du tìm thầy học đạo. Một hôm tối trời, đã mệt mà không có hàng quán ven đường, hai vợ chồng dừng lại cắm gậy úp nón lên trên cùng nghỉ. Bỗng nửa đêm, chỗ đó nổi dậy thành quách, cung vàng điện ngọc sung túc, người hầu lính tráng, văn võ bá quan lần tiên đồng ngọc nữ đều sẵn sàng để hầu hạ. Sáng hôm sau, dân chúng quanh vùng kinh ngạc bèn dâng hương hoa quả ngọt đến xin làm bày tôi. Từ đấy chỗ đó phồn thịnh, sung túc như một nước riêng.

Nghe tin, Hùng vương cho là có ý tạo phản, vội xuất binh đi đánh. Quân nhà vua đến, mọi người xin ra chống cự nhưng Tiên Dung chỉ cười và từ chối không kháng cự cha mình. Trời tối, quân nhà vua đóng ở bãi Tự Nhiên cách đó một con sông. Đến

nửa đêm bỗng nhiên bão to gió lớn nổi lên, thành trì, cung điện và cả bầy tôi của Tiên Dung-Chử Đồng Tử phút chốc bay lên trời. Chỗ nền đất cũ bỗng sụp xuống thành một cái đầm rất lớn.

Nhân dân cho đó là điều linh dị bèn lập miếu thờ, bốn mùa cúng tế, và gọi đầm đó là đầm Nhất Dạ Trạch (Đầm Một Đêm), bãi cát đó là Bãi Tự Nhiên hoặc *Bãi Màn Trù* và chợ đó là Hà Thị.²⁷



28

Hoa đăng hình hoa sen



Thả hoa đăng (đèn hình hoa sen) ở khu di tích Nguyễn Sinh Sắc

Tại Khu di quốc gia Nguyễn Sinh Sắc thuộc địa phận phường 4, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp, nhân dịp rằm Trung Nguyên vừa rồi (tháng bảy – Mậu Tuất), Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, chỉ đạo các đơn vị thuộc ngành phối hợp với Giáo hội phật giáo tỉnh Đồng Tháp, chùa Hòa Long liên kết với Khu di tích Nguyễn Sinh Sắc tổ chức nói chuyện chuyên đề (vào đêm 13 âm lịch) rằm Trung Nguyên - mối liên hệ giữa chùa Hòa Long hiện nay (xưa là miếu Trời sanh) với khu di tích Nguyễn Sinh

²⁷ Wikipedia

²⁸ Wikipedia

Sắc qua phẩm chất của nhà nho yêu nước khi cụ Nguyễn Sinh Sắc đến Cao Lãnh hoạt động. Thông qua buổi sinh hoạt làm cho nhân dân, phật tử, nhất là giới trẻ hiểu rõ hơn về giá trị lịch sử, mối liên hệ khăng khít giữa Khu di tích với chùa Hòa Long; hiểu rõ hơn về lòng hiếu thảo của con cháu đối với ông bà, cha mẹ để thể hiện tấm lòng hiếu thảo của mình theo truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc.

Hình ảnh hoa sen còn được chọn làm biểu trưng rộng khắp, đa dạng, phong phú trên mọi phương diện cuộc sống, nhất là trong lĩnh vực văn hóa, tín ngưỡng phật giáo và một số lĩnh vực khác của nhiều quốc gia trên thế giới, nhất là các nước Châu Á trong đó có Việt Nam. Tỉnh Đồng Tháp thủ phủ đất sen hồng thuộc dải đất hình chữ S của Việt Nam, hình ảnh sen còn phổ biến bao trùm lên cả lĩnh vực kinh tế, du lịch, môi trường sinh thái v.v. Hoa sen, màu sen hồng còn được chọn làm logo biểu trưng của tỉnh, màu nhận diện trong tạo dựng hình ảnh logo du lịch *Đồng Tháp thuần khiết như hồn sen* và rất nhiều logo, biểu trưng khác trong đề án tạo dựng hình ảnh của tỉnh Đồng Tháp.



29



Vài biểu tượng hoa sen tại khu di tích Nguyễn Sinh Sắc

²⁹ .wikipedia.org



Lễ sinh dân đèn hoa sen trong lễ giỗ lần thứ 87 cụ Nguyễn Sinh Sắc

Hoa sen, màu sen là hình ảnh được các nhà thiết kế, họa sĩ, điêu khắc lấy cảm hứng sáng tác làm biểu trưng cho cơ quan, xí nghiệp công ty, trường học, bảng chỉ dẫn, bảng tên đường phố, pa nô, áp phích trang trí ở thành thị đến nông thôn với hình thức đa dạng phong phú v.v. đâu đâu ta cũng dễ dàng tìm thấy biểu trưng của hoa sen trên quê hương Đồng Tháp hay khắp vùng miền trên cả nước đã tạo nên hình ảnh thân quen, gần gũi với người dân tại địa phương và du khách.

Hoa sen còn là loài hoa được đề cử vào danh sách để bình chọn là quốc hoa của Việt Nam, trải qua các cuộc bình chọn, hoa sen được bầu chọn với số ý kiến thống nhất cao nhất. Sau quá trình bầu chọn, lấy ý kiến rộng rãi trên toàn quốc, hoa sen hồng được bầu là ứng viên số 1 vào danh hiệu Quốc hoa của Việt Nam.

Tuy nhiên, hiện nay hoa sen vẫn chưa chính thức trở thành quốc hoa vì còn nhiều tổ khách quan cần phải bàn luận thấu đáo để đạt được sự đồng thuận của xã hội để quyết định.

Được biết, cuộc bầu chọn Quốc hoa được khởi động từ tháng 4/2010. Cuộc bầu chọn Quốc hoa Việt Nam. Hoa sen hồng đã giữ vị trí hàng đầu trong cuộc bầu chọn so với nhiều loài hoa khác như hoa đào, hoa mai, hoa lan, hoa cau, hoa gạo, hoa súng, cây lúa.

Trải qua nhiều cuộc hội thảo, lấy ý kiến người dân qua mạng internet, tại các trường đại học, cùng đông đảo người dân Thủ đô qua nhiều hình thức, hoa Sen là loại hoa nhận được nhiều phiếu bầu chọn nhất so với một số loại hoa cũng được coi là biểu tượng của Việt Nam như hoa Lúa, hoa Tre, hoa Mai, hoa Đào.



Tại triển lãm “*Lễ hội hoa Xuân và đồ uống Tết 2011*” đông đảo người dân Thủ đô và nhiều địa phương khác đã bầu chọn hoa sen hồng là Quốc hoa Việt Nam với tỷ lệ bình chọn là hơn 81%. Thực chất đây là cuộc vận động bỏ phiếu thăm dò để chọn sen hồng làm quốc hoa Việt Nam.

Phát biểu tại đêm nghệ thuật, Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Lê Tiến Thọ, cho biết: Trải qua nhiều thời kỳ lịch sử, Việt Nam đã chọn được Quốc huy, Quốc kỳ, Quốc ca. Trong thời kỳ hội nhập và phát triển quốc tế sâu rộng như hiện nay, dự án lấy ý kiến của đông đảo quần chúng nhân dân về Quốc hoa, quốc phục và quốc tửu nhằm gìn giữ, phát huy các nét đẹp văn hóa trong hoạt động ngoại giao cũng như quảng bá hình ảnh đất nước đến với bạn bè quốc tế.

Thứ trưởng cũng cho biết 06 tiêu chí để lựa chọn Quốc hoa Việt Nam: Loài hoa phải có nguồn gốc được trồng lâu đời ở Việt Nam; loại hoa tiêu biểu, dễ trồng, phát triển được ở hầu khắp các vùng miền đất nước; thể hiện được bản sắc văn hóa, cốt cách và tinh thần dân tộc, ý chí và nguyện vọng của nhân dân Việt Nam; hoa bền đẹp về hình thức và màu sắc, có hương thơm; có giá trị về mặt kinh tế, mang lại lợi ích cho nhiều người dân, thông dụng trong đời sống sinh hoạt, luôn có mặt trong sự kiện văn hóa ở trong nước và quốc tế; có giá trị văn học nghệ thuật và được đa số người dân yêu thích, chấp nhận và tôn vinh.

Kết quả bình chọn chỉ là bước đầu, ban tổ chức sẽ tiếp tục tổ chức các cuộc bình chọn trong thời gian tới và ra mắt trang web dành riêng để đông đảo nhân dân trong nước, người Việt Nam ở nước ngoài cùng tiếp tục bình chọn để lựa chọn loài hoa xứng đáng nhất làm quốc hoa.³⁰

Pháp luật Việt Nam không quy định loại hoa nào là quốc hoa của Việt Nam. Từng có một cuộc bầu chọn quốc hoa Việt Nam được tiến hành vào năm 2011 do Bộ Văn

³⁰ Theo *cinet.gov.vn* **VP**

hóa, Thể thao và Du lịch Việt Nam chủ trì. Theo kết quả của cuộc bầu chọn này thì hoa sen là loài hoa được nhiều người bầu chọn làm quốc hoa của Việt Nam nhất nhưng cuộc bầu chọn đã không khiến cho hoa sen trở thành quốc hoa chính thức của Việt Nam vì sau cuộc bầu chọn không có văn bản pháp quy nào của Việt Nam được ban hành quy định hoa sen là quốc hoa của Việt Nam.³¹

Một nội dung nữa về tính chất lịch sử của hoa sen, chúng ta có tìm hiểu qua bài viết của Kiến trúc sư Đoàn Đức Thành, nguyên Ủy viên Ban chấp hành Hội Kiến trúc sư Việt Nam khóa 5 và 6 có bài về hoa sen trong kiến trúc, điêu khắc cổ nước ta như sau:

Lịch sử đã chọn sen là “Quốc hoa”

Sen là loài hoa gắn bó với đời sống con người từ rất lâu đời, được nhân dân ta yêu chuộng bởi giá trị vật chất và tinh thần rất phong phú, đa dạng. Hầu như ở đâu có đất, có nước là có thể tạo thành đầm ao để trồng sen.

Thời kỳ đầu, chùa còn là thảo am thờ Thần, thờ Phật thì sen đã được trồng ở trước tam quan và hai bên cạnh chùa, tạo nên không gian và cảnh quan ngôi chùa nét tinh khiết, thanh tao, cao đẹp.

Trong quá trình phát triển, chùa tháp được người xưa từng bước xây dựng bằng những vật liệu kiên cố dần. Từ đấy, hoa sen không những trồng quanh không gian chùa mà còn được lồng vào trong các cấu kiện, chi tiết kiến trúc và điêu khắc chùa. Hình tượng hoa sen thể hiện tập trung trong các nơi thờ tự tiêu biểu của Phật giáo. Có những công trình còn thể hiện cả một tổng thể hình khối kiến trúc hình tượng hoa sen.

Từ những hình tượng hoa sen sớm nhất

Ở khu vực Nam bộ hình ảnh hoa sen được phát hiện rất nhiều thuộc văn hóa Óc Eo, khu vực miền Trung hình ảnh sớm nhất ngày nay ghi nhận được là viên gạch nung, trong đó có bức phù điêu ba vị Phật ngồi trên tòa sen tại tháp Nhạn, thôn Nhạn Tháp, Hồng Long, Nam Đàn, Nghệ An được xác nhận niên đại thuộc Tùy (603-617).

³¹ Wikipedia



Hoa sen hồng

Chùa Một Cột (Hà Nội) được xây dựng từ thời Lý. Năm 1105, vua Lý Nhân Tông cho tu bổ lại, minh văn trên bia tháp Sùng Thiện Diên Linh dựng năm 1122 còn ghi: “Đào ao thơm Linh Chiếu, giữa ao chồi lên một cột đá, trên cột có đóa sen nghìn cánh xòe ra. Trên hoa dựng một ngôi đền đỏ sẫm, trong đền đặt một pho tượng sắc vàng...”. Ngôi chùa hiện nay xây dựng vào thời Trần, năm 1249, tuy cũng thể hiện hình khối đường nét kiến trúc một tòa sen, song so với ngôi chùa thời Lý được miêu tả có khác biệt về quy mô và hình thức kiến trúc.

Chùa thời Lý, đặc biệt là trong nghệ thuật tạo hình kiến trúc và điêu khắc đá được phát triển hết sức hưng thịnh. Tiếc rằng hầu hết những công trình kiến trúc nguyên gốc đó đã bị thời gian và con người làm mai một, hư hỏng. Tuy vậy, những bộ phận cấu trúc bằng đá còn sót lại cũng thể hiện khá đậm đặc hình tượng hoa sen trong các cấu kiện kiến trúc và điêu khắc, nhất là những bộ phận trang trí như chân đá tảng đỡ cột nhà, nơi thờ tự.

Chùa Phật Tích (Tiên Sơn, Bắc Ninh - năm 1057), hiện nay còn sót lại nhiều điêu khắc bằng đá: Pho tượng Phật A Di Đà cao 270 cm, ngồi thiền định trên tòa sen, cùng với 10 tượng thú bằng đá ngồi trên bệ sen. Đây là kiệt tác quý báu cổ nhất thời Lý còn lưu giữ lại đến ngày nay, là minh chứng cho thấy đời sen đã gắn bó với đời sống tâm linh con người từ rất lâu đời.

Chùa Thầy (Quốc Oai, Hà Nội - năm 1090), thời vua Lý Nhân Tông (1072-1128), là nơi tu hành của Thiền sư Từ Đạo Hạnh. Kiến trúc hiện nay tuy xây dựng vào đời sau, song trong chùa vẫn còn một bệ tượng Phật Tam thế bằng đá thời Lý, phần trên chạm những cánh hoa sen cách điệu.

Bệ tháp Chương Sơn (Ý Yên, Nam Định - năm 1108), nay vẫn còn sót lại bệ đá có chạm khắc rồng và hoa sen.

Chùa Lạng (Mỹ Văn, Hưng Yên - năm 1115), còn lại bệ tượng bằng đá, hình vuông, có hình sư tử đội tòa sen.

Sợi chỉ đỏ xuyên suốt

Sen gắn với kiến trúc và điêu khắc cổ Việt Nam như một sợi chỉ đỏ xuyên suốt các thời đại, từ xa xưa đến ngày nay. Trên đây điểm qua những kiến trúc, điêu khắc chùa tháp xây dựng bằng đá tiêu biểu của thời Lý. Sang thời Trần, tuy kiến trúc không phát triển rực rỡ bằng, chuyển sang xây dựng bằng đất nung và gỗ là chủ yếu. Song cũng có những công trình bằng đá rất tinh xảo.



Từng cụm mái đao chùa Tây Phương có hình như nụ sen sắp nở

Chùa Phổ Minh (Nam Định - năm 1262), ngày nay còn nguyên vẹn tháp hình vuông, cao 14 tầng ở trước tòa tiền đường. Tháp Phổ Minh xây dựng vào năm 1305. Bệ tháp và tầng thứ nhất xây bằng đá, các tầng trên xây gạch. Bệ đá có hai lớp cánh sen, lớp dưới chúc xuống, lớp trên ngửa, tạo hình rất đẹp.

Chùa Yên Tử (Uông Bí, Quảng Ninh – năm 1687) có tháp Huệ Quang (tháp tổ Trần Nhân Tông) xây dựng bằng vật liệu đá gạch kết hợp. Phần đế tháp bằng đá có đài sen 102 cánh đỡ thân tháp hình vuông. Đỉnh tháp bằng đá tạo hình một búp sen.

Chùa Trăm Gian (Hoài Đức, Hà Nội) được khởi dựng đời Lý Cao Tông. Đến thời Trần có xây bệ tượng Phật Tam thế bằng đất nung, trên có đài sen tồn tại đến ngày nay. Thời Trần còn lưu giữ được những bức phù điêu bằng gỗ có hình em bé quỳ gối nâng hoa sen ở chùa Thái Lạc (Mỹ Văn, Hưng Yên - TK 14).

Từ thời Lê trở lại đây hầu như các chùa đều tạc tượng Phật bằng gỗ. Nhiều pho tượng Phật ngồi trên tòa hoa sen hình tròn cũng chạm bằng gỗ. Đó là tượng Phật: Quan Âm Nam Hải, Phật Bà nghìn mắt nghìn tay, Tam thế, Bồ Tát... Ở chùa Mật (Thanh Hóa) tượng vua Lê Thần Tông và tượng bà hoàng vợ vua cũng ngồi trên tòa sen.

Thế kỷ 17, hình tượng hoa sen gắn vào các cấu kiện kiến trúc chùa và đình làng nhiều hơn. Chùa Bút Tháp (Thuận Thành, Bắc Ninh - năm 1647) được coi là ngôi chùa khai thác hoa sen nhiều nhất. Hoa sen đã lồng vào công trình kiến trúc tòa thượng điện ở lan can đá bằng hình dáng thật, cuống và hoa mềm mại rất sinh động. Đặc biệt có tòa tháp Cửu Phẩm Liên Hoa bằng gỗ, 9 tầng, mỗi tầng có một đài sen nhiều cánh hoa bao xung quanh. Đài sen cao chừng 50 cm, gồm bốn lớp, lớp dưới cùng chúc xuống, ba lớp trên ngửa lên. Trong chùa rất nhiều tượng Phật ngồi trên tòa sen. Đẹp nhất là bộ ba lớp trên đỡ tượng Quan Âm nghìn mắt nghìn tay, rồi đến các tượng Phật Tam thế và Di Đà tam tôn.

Thời Tây Sơn (1788-1802) để lại hai ngôi chùa có giá trị nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc tuyệt vời. Đó là chùa Kim Liên (Nghị Tàm, Hà Nội - 1792) và chùa Tây Phương (Thạch Thất, Hà Nội - 1794). Chùa bố cục hình chữ “tam” gồm ba lớp lang. Các cụm mái đao vươn cao trông như hình tượng búp sen nở trong không gian xanh của cây cối xung quanh. Vào trong chùa, nhiều bộ phận trong bộ vì gỗ đã lồng hình tượng hoa sen. Hệ cột gỗ được kê trên những tảng đá chạm hình cánh sen đẹp nền nã.

Thời đại Hồ Chí Minh đã nâng vị thế hoa sen lên tầng cao mới, tiêu biểu là Lăng Bác Hồ mang hình tượng đóa hoa sen bằng đá, sáng đẹp tinh khôi, giàu nhạc điệu và chất thơ.

Với giá trị nhân văn mang tính truyền thống đó, hoa sen hồng xứng đáng là Quốc hoa Việt Nam.³²

II.1.4. Tiềm năng kinh tế, du lịch từ sen

Mô hình sản xuất của nông dân trên cả nước nói chung, Đồng Tháp nói riêng, thời gian gần đây thực hiện theo chủ trương định hướng Nhà nước, áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến, công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, phù hợp với điều kiện ứng phó biến đổi khí hậu, lai tạo cây con cho phù hợp với vùng, miền sản xuất theo nhu cầu trong nước và xuất khẩu nhằm hạn chế rủi ro, giá cả bấp bênh “tránh được mùa mất giá” ảnh hưởng đến sản xuất kinh tế, từng bước nâng cao đời sống của nhân dân, tích lũy ngân sách phát triển đất nước.

Trong xu thế chung đó, tỉnh Đồng Tháp cũng sáng tạo nhiều mô hình nuôi trồng phù hợp với đất đai, khí hậu, thổ nhưỡng của vùng đồng bằng sông Cửu Long. Nhiều

³²Wikipedia

nông sản, sản phẩm công nghiệp nông nghiệp tiêu biểu của Đồng Tháp được trưng bày giới thiệu sản phẩm liên kết sản xuất, tiêu thụ trong nước và xuất khẩu, có giá trị kinh tế cao, nổi tiếng trong nước và thế giới như: lúa gạo, cá da trơn, tôm, xoài cát hòa lộc v.v mặt trở thành hàng truyền thống của tỉnh và thương hiệu của cả nước trong chế biến xuất khẩu.

Những năm gần đây sen cũng là loại cây được chọn trồng và sản xuất, sản phẩm tiêu biểu của tỉnh. Vì sen là loại cây mang lại nhiều nguồn lợi phong phú từ từ tính hữu dụng của nó. Không chỉ ở yếu tố vật chất mà còn về yếu tố tinh thần, sen được nâng lên “như có hồn“ mà tỉnh Đồng Tháp sử dụng để quảng bá hình ảnh tỉnh nhà “*Đồng Tháp thuần khiết như hồn sen*“ phục nhu cầu phát triển kinh tế, du lịch, thông qua khai thác dịch vụ từ Đồng sen, ruộng sen, sản phẩm sen v.v. đã mang lại hiệu quả kinh tế quan trọng, đóng góp nguồn thu đáng kể cho tỉnh thông qua du lịch, tiến tới một nền kinh tế công nghiệp không khói, góp phần giảm thiểu hiệu ứng nhà kính, bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu, hạn chế thiên tai xảy ra liên miên như hiện nay.

Sen được trồng lấy ngó sen, củ sen, gương, hạt chế biến thực phẩm phong phú từ món bình dân đến cao cấp, chế biến rượu sen – hiện nay đã có sản phẩm Hồng sen tửu được người tiêu dùng ưa chuộng); hoa sen trang trí cảnh quan, hội trường hội nghị, cúng bái chùa chiền, làm trà, nước hoa v.v lá sen chế biến nước giải khát, làm trà lá sen.

Qua so sánh năng suất bình quân 1ha trồng sen, người dân vùng Đồng Tháp thu nhập 50 - 100 triệu đồng, gấp 3 - 4 lần trồng lúa. Ngoài việc trồng sen khai thác tính hữu dụng của nó, sen còn được trồng qui hoạch thành khu du lịch, kết hợp dịch vụ ăn uống, giải trí, tham quan thưởng ngoạn. Tiềm năng khai thác kinh tế theo hướng này còn mang lợi nhuận cao gấp nhiều lần. Sen còn là tiềm năng quảng bá du lịch thông qua mô hình tổ chức các sự kiện lễ hội sen, tạo dựng hình ảnh thân thiện, đối tác tin cậy để liên kết với đối tác trong nước và quốc tế nhằm mở rộng sản xuất, kinh doanh phát triển kinh tế địa phương với cả nước ổn định kinh tế, giữ vững an ninh quốc phòng, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ quốc gia.



Đông sen bạt ngàn

II.1.5 Lễ hội Sen

Thật hiếm hoi về một loại cây, một loại thực vật nào có hình ảnh phổ quát, gần gũi khắp nơi trên thế giới như hoa sen. Chẳng những thế, sen còn được con người tôn vinh về nhiều phương diện. Trong đó, tổ chức lễ hội sen là một hình thức tôn vinh tiêu biểu. Ở Việt Nam, hầu hết mọi vùng miền của Tổ quốc, các địa phương tỉnh, thành tùy theo sự kiện kinh tế, văn hóa, du lịch, nghệ thuật v.v. đều có chức lễ hội sen hoặc lấy hình ảnh sen làm biểu trưng cho mục đích tổ chức sự kiện đó. Lễ hội sen tuy chưa hội tụ đủ tiêu chí như một di sản văn hóa phi vật thể, nhưng nó thật sự là một di sản trong hồn của mỗi dân tộc, mỗi quốc gia. Bởi tiếp cận sen, thưởng sen là cả một nghệ thuật ứng xử tao nhã và thanh lịch. Dù cho đó là một cách tiếp cận về khía cạnh kinh tế, chính trị, văn hóa hay thưởng ngoạn tính hữu dụng vật chất của sen; khi đối tượng hiện diện bên sen thì được mọi người xung quanh có một cái nhìn khả ái, thiện cảm và gần gũi. Chính vì thế sen được chọn làm biểu trưng văn hóa, hình ảnh đại diện của nhiều quốc gia, dân tộc; hay chỉ đơn thuần là hình ảnh của một đơn vị, tổ chức, cá nhân sen cũng được chọn là biểu trưng riêng v.v. Thực tế đã chứng minh, trong hoạt động xã hội thời đại ngày nay, sen thường được dùng để tạo dựng hình ảnh trong các diễn đàn giao lưu văn hóa, hợp tác kinh tế, ngoại giao v.v để tạo sự tin cậy, hữu nghị, hòa ái cho đối tác.

Ở Việt Nam, thời gian gần đây các địa phương thường xuyên tổ chức lễ hội sen để quảng bá hình ảnh, tiềm năng kinh tế, giới thiệu sản phẩm, tìm đối tác hợp tác phát triển kinh tế, giao lưu văn hóa, thể thao, du lịch, thu hút khách tham quan tạo hình ảnh về một nước Việt Nam thân thiện, hòa hiếu mến khách trong ngoại giao và năng động, sáng tạo trong phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng, phòng thủ biên giới.

³³ Wikipedia



34

Lễ hội Sen tổ chức ở tỉnh Thừa Thiên Huế

Đồng Tháp là được mệnh danh là thủ phủ của Đất sen hồng, Chính quyền và nhân dân đã biết chọn lợi thế đặc trưng của địa phương, nắm bắt cơ hội tạo dựng hình ảnh. Chọn sen, sếu làm logo của tỉnh, sen làm đại sứ trên nhiều phương diện hợp tác phát triển kinh tế, văn hóa, du lịch v.v. chính quyền và nhân dân Đồng Tháp đồng lòng xây dựng hình ảnh thân thiện, mến khách trên mọi diễn đàn giao lưu hợp tác. Lấy biểu trưng sen làm hình ảnh đại diện tổ chức nhiều sự kiện, lễ hội trong đó có lễ hội sen đã phát huy hiệu quả sự gắn kết trong cộng đồng.



35

Riêng về lễ hội sen có thể nêu vài lễ hội tiêu biểu với chủ đề: “Hồn Sen” (năm 2017), năm 2018 với chủ đề: “Sen hồng tỏa sắc” sẽ diễn ra vào dịp cuối năm (lúc đầu

³⁴ Wikipedia

³⁵ Cổng Thông tin Điện tử Đồng Tháp

dự kiến từ ngày 18 đến ngày 20/5/2018, do nhiều yếu tố khách quan nên đã lùi thời gian) tại Công viên Văn Miếu, Khu Di tích Xẻo Quít, Khu Di tích Gò Tháp - Đồng Sen Tháp Mười.

Những dịp lễ hội sẽ là cơ hội để chúng ta quảng bá hình ảnh địa phương, tiềm năng kinh tế thông qua các hoạt động văn hóa nghệ thuật, trưng bày giới thiệu sản phẩm nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tiêu biểu đặc trưng do địa phương sản xuất tìm đối tác khai thác tiềm năng, tiêu thụ sản phẩm, thúc đẩy phát triển kinh tế tỉnh nhà.

II.2. Sen trong nghệ thuật

II.2.1. Sen trong tạo hình

Sen rất gần gũi với cuộc sống, nên sen cũng là đối tượng gây nhiều cảm hứng cho nghệ thuật tạo hình. Sen có thể được xem là đề tài chủ đạo trong nghệ thuật Phật giáo và cuộc sống. Từ xưa, đã có rất nhiều tác phẩm được các nghệ sĩ điêu khắc từ khắp nơi trên thế giới và trong nước sáng tác, tạo hình: từ tượng Phật đến công trình văn hóa, kiến trúc chùa chiền, đền đài v.v; từ những cấu trúc nhỏ đến những công trình có quy mô đồ sộ mang nhiều ý nghĩa triết lý nhân sinh qua nhiều thời đại hướng con người đến những giá trị tốt đẹp: chân thiện mỹ của cuộc sống. Nhiều nhất là tượng Phật ngự trên đài sen ở các chùa, mà đi đến bất cứ nơi đâu ta cũng dễ dàng tìm thấy với số lượng không thể liệt kê hết được. Điều này cũng thể hiện được sức lan tỏa của tín ngưỡng của Phật giáo trên toàn thế giới. Hoa sen gắn liền với Phật giáo, chính vì thế mà có nhiều ý kiến đề cập và gọi Đạo Phật là đạo Hoa sen. Hàm ý này không chỉ là sự phổ biến của các công trình Phật giáo có hình ảnh sen gắn liền mà còn ở nội dung gần gũi thuần khiết của sen không bị ô nhiễm bởi môi trường xung quanh như người con Phật thuần thành đi trên con đường chánh pháp không bị trần thế cám dỗ... làm ô uế đạo nhiệm mầu, giữ được chánh niệm mang lợi ích tu học, mang tâm nhân từ giáo độ chúng sanh thoát khỏi khổ ải luân hồi như hoa sen vươn lên khỏi chốn bùn nhơ tỏa ngát hương thơm cho đời.

Và dưới đây là một vài công trình minh chứng cho những mô tả trên.



*Tượng Quán thế âm bồ tát đứng trên đài sen
chùa Kim Quang phường 6, thành phố Cao Lãnh*



*Đài sen vòng xuyên đường Phạm Hữu Lầu – Thiên Hộ Dương,
phường 4, tp Cao Lãnh*



Đài nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Đồng Tháp hình hoa sen cách điệu



Công trình Bông sen nổi ở Hà Nội

Mẫu thiết kế công trình văn hóa Hoa sen do Công ty Decibel của Úc thực hiện, có cấu trúc một bông hoa sen thả nổi trên mặt nước. Lãnh đạo Hà Nội đồng ý chủ trương đầu tư công trình này - chính là trung tâm văn hóa và biểu diễn nghệ thuật, có khán phòng nhà hát sức chứa 2.000 chỗ, cửa hàng công nghệ, rạp chiếu phim, văn phòng và nhà hàng. “Bông sen nổi” này gồm cấu trúc lớn hình ống bầu ở giữa và năm cấu trúc nhỏ hơn bao quanh tạo nên các khối có hình dạng nụ hoa khép kín. Bao quanh bên ngoài là các vùng ngập nước hình bậc thang bao phủ mạng lưới đường hầm dẫn đến khu phức hợp này.



Một công trình ở Quảng Châu Trung Quốc

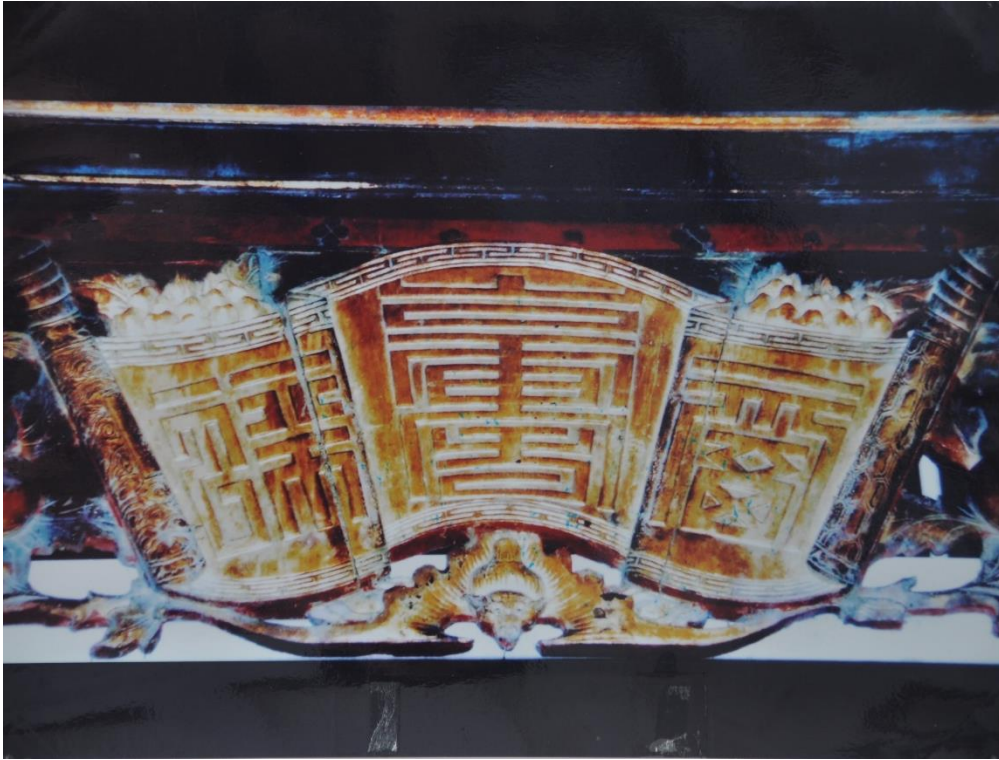
Sen trong tạo hình trang trí kiến trúc



Hoa sen với uyên ương



Đầu kèo chạm cánh sen cách điệu trong kiến trúc



Cuốn thư chạm hoa sen



Đèn hoa sen treo chùa Kim Quang, phường 6, Tp. Cao Lãnh

II.2.2. Sen với văn học, hội họa, nhiếp ảnh, trang phục

Văn học

Trong tuyển tập Văn học Đồng Tháp, thế kỷ XX³⁶ tác phẩm sáng tác về Đồng Tháp quy tụ hơn 150 tác giả là người Đồng Tháp và cả nước, công trình dày trên một ngàn trang (khổ 16x24). Trong cái hồn chung mệnh mông của Văn học Đồng Tháp, thì sen và sen Đồng Tháp cũng đã “đi vào” thể loại thơ và truyện ngắn với nhiều tác phẩm đáng kể (7 tác phẩm). Điều này cũng cho thấy, sen vẫn thu hút cảm hứng sáng tác cho nhà thơ, nhà văn. Đây mới chỉ là gói gọn trong văn học của một địa phương, ở thế kỷ XX của vùng đất Nam bộ.... còn trong kho tàng Văn học Nghệ thuật cả nước, từ xa xưa của giới văn nghệ sĩ để lại thì có lẽ nhiều vô số.

Trong tuyển tập trên, có câu hai thơ đã làm nên tên tuổi của nhà thơ Bảo Định Giang:

“Tháp Mười đẹp nhất bông sen

Nước Nam đẹp nhất có tên cụ Hồ“

Ngoài ra, quê hương Đồng Tháp còn là nơi sản sinh ra điệu hò Đồng Tháp trữ tình nổi tiếng khắp cả nước, cũng có những giai điệu về sen:

Ai về Đồng Tháp mà xem

Bông sen, bông súng nở chen lúa vàng

“ Hò ...ơ....ớ...ơ...Ai về Đồng Tháp mà nghe, hương sen trong gió...

Hò ...ơ....ớ...ơ... hương sen trong gió...ờ...lời ai trao tình“

Hay như câu thơ:

Tháp Mười danh thắng tuyệt vời

Đầm lầy muối đĩa, lưng trời hạc bay

Hoa sen nào của riêng ai

Quê hương chỉ một, không hai Tháp Mười.

³⁶ Hội văn học Nghệ thuật Đồng Tháp, xb năm 2002



37

Buổi giao lưu tuyên truyền tác phẩm Văn học tỉnh Đồng Tháp, phong sân khấu rất nhiều hình sen

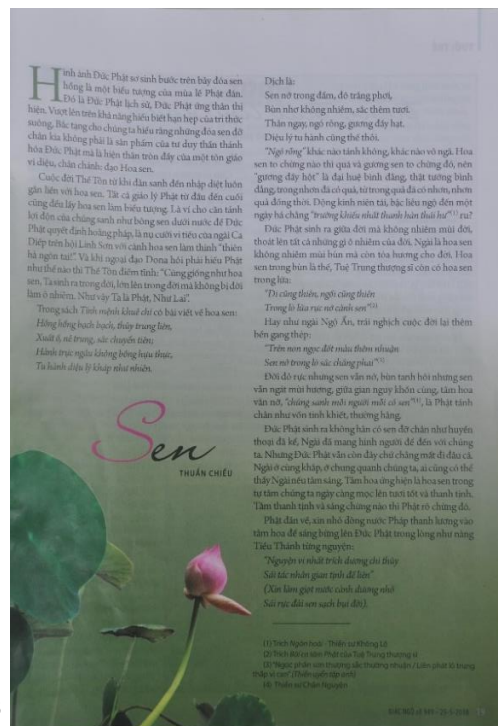


Tác phẩm Hương sen của hội viên Phân hội Mỹ thuật Hội Liên hiệp văn học Nghệ thuật Đồng Tháp

³⁷ Công thông Hội liên hiệp VHNT tỉnh Đồng Tháp



Thiếu nữ với hoa sen (hội họa)



Sen trong thơ (tạp chí Giác ngộ)

Hội họa

Thiếu nữ bên “hoa sen” được họa sĩ Tô Ngọc Vân vẽ năm 1944. Người mẫu cho bức tranh là cô Sáu - một người làm mẫu tranh nổi tiếng tại Hà Nội những năm 1940. Cô từng xuất hiện trong tranh nhiều họa sĩ nổi tiếng như: Trần Văn Cẩn, Nguyễn Gia Trí, Lương Xuân Nhị, Tô Ngọc Vân, Nguyễn Sáng v.v

Vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ Việt cũng ví như hoa sen từ sự lam lũ, nghị lực vươn lên trong mọi hoàn cảnh sống mà vẫn giữ được phẩm giá, đức hạnh.

Họa sĩ Đặng Phương Việt thì thể hiện sen theo cách riêng của mình, qua bài viết “Mật sen của Việt” của tác giả Lê Bảo Âu Long sẽ cho chúng ta biết: *Họa sĩ Đặng Phương Việt đã được định danh trong làng tranh Việt bằng cái tên Việt sen. Nhắc đến Đặng Phương Việt là người ta nhớ đến sen. Nghĩ về tranh sen là người ta liên tưởng đến những họa sĩ trong đó tất cả Đặng Phương Việt.*

Trong giới hội họa Việt Nam, Đặng Phương Việt và hoa sen dường như có tính tương liên mạnh mẽ. Khi cầm cọ, Việt với sen hòa làm một. Khi không vẽ, sen ở trong Việt và Việt ở trong sen. Để đạt được đến độ tương liên đó, Việt đã phải miệt mài trong lao động nghệ thuật như thế nào và có mối mặc duyên với sen đến thế nào?

Duyên kiếp với sen

Tôi định đem câu hỏi trên đến chính người họa sĩ, tác giả của những bức tranh sen để hỏi. Mỗi hữu duyên giữa Việt và sen đã hình thành từ bao giờ? Từ những ngày

được ngắm sen trong nắng sớm bên hồ Tây. Hay trong những chiều hoàng hôn ven hồ của Hà Nội những năm thập kỉ 80 thế kỉ trước. Hoặc từ ký ức những buổi uống trà sen theo nếp nhà vào mỗi sớm ban mai hay giữa những trưa mưa hạ. Hay phải cho tận đến cái ngày anh đem bức sen tham dự và đoạt giải tranh quốc tế tại Australia... Và chắc chắn, Việt đã vẽ sen từ khi sen chưa chính thức trở thành quốc hoa của Việt Nam. Mỗi hữu duyên ấy phải đến ngày anh thâm giáo lý nhà Phật sau khi trở thành Phật tử đạo tràng Tùng lâm Hương Tích mới thăng khởi một cách dư phiêu? Việt đã vẽ bao nhiêu bức tranh sen? Chính anh cũng không nhớ nữa nhưng tinh thần của mỗi bức tranh sen thì Việt vẫn hằng nhớ. Việt thường nói Việt đã chọn sen như một duyên nghiệp.

Hoa sen, loài hoa là nguồn cảm hứng vô tận cho các nghệ sĩ sáng tác. Thực ra, đã có rất nhiều nghệ sĩ vẽ sen và thực tế thì có rất người thành danh với sen. Sen dễ vẽ nhưng để vẽ sen toát lên được cái thần thái riêng thì thực khó. Tạo cho mình riêng một con đường đi chưa có dấu chân phía trước, một cái nhìn về nghệ thuật, cảm xúc về nghệ thuật mới lạ thì không phải ai cũng tạo được... Còn Đặng Phương Việt, được đánh giá là một trong số ít họa sĩ Việt Nam tạo dựng được phong cách riêng với hình tượng hoa sen. Bởi sen đã chọn Việt để tỏa vào đời sống một vẻ đẹp khác biệt, vừa ước lệ vừa sống động, vừa tịch mịch vừa xôn xao. Sen đã đánh thức con người nghệ sĩ trong Việt. Và sen đã tạo nên một cá tính nghệ thuật rất riêng ở anh.

Không phải thiên sen

Việt đã chọn sen để đi trên con đường nghệ thuật của mình. Việt đã yêu sen để đắm mê trong từng tác phẩm hội họa của mình. Nhưng điều đó chưa đủ để đưa được hồn sen vào tranh. Nghiên cứu sen trong cách thể hiện của các bậc tiền bối, rồi cách điệu trong một tinh thần thăng khởi để tìm ra lối riêng của mình, định hình một bút pháp riêng. Hoa sen mà Việt vẽ chỉ là sen trắng, bởi hoài niệm quá đắm phiêu về bông sen ở hồ Tây thuở bé. Nhưng là sen trắng được tái hiện giữa trập trùng sắc màu. Không chỉ là lá xanh, bông trắng nhị vàng như trong ca dao, như truyền thống mà là những tông màu nóng, dị, chẳng ai thấy trong đầm sen bao giờ. Đỏ ôi, tím đậm, xang acid, cam vàng, khói ngà, chàm biếc,... chưa ai dám dùng màu như thế để vẽ sen. Một dải cầu vồng của màu sắc. Lạ lùng. Rực rỡ. Đầy thách thức. Sen của Việt cho người xem một cảm giác hoàn toàn mới lạ. Bởi lối vẽ hoàn toàn phá cách. Bởi việc sử dụng những mảng màu được đẩy lên cao trào, hết biên độ. Sen của Việt có vẻ đẹp bất ngờ và đầy kỳ ngạc. Màu sắc trong sen Việt có cường độ cao, đường nét trong sen Việt có ấn lực mạnh, hình khối trong sen Việt dồi dào năng lượng, ắp tràn sinh cảm.

Và, không thể gọi đó là thiên sen được. Bởi thiên là tĩnh lặng. Còn sen của Việt quá dữ dội, gọi cho ta cảm giác quá nhiều đương đại, mang hơi hướng Âu châu song vẫn cho ta cái ấm áp mà thuần Việt. Sen của Việt không hề tĩnh lặng mà ủ nhiều quấy

đạp. Chỉ cần thêm một giọt màu nữa là sen trào ra ngoài khung. Chỉ cần vung thêm một nét vẽ nữa là sen tràn ra ngoài toan. Đó là cách Việt chọn để bung tỏa sức trẻ mình trong tranh, đó là Việt thỏa sức phiêu mình trong sen. Có thể mới thể hiện được hết cá tính của anh trong hội họa. Phải gọi những tranh sen của Việt vẽ là mật sen mới đúng. Bởi những họa tiết, hoa văn Mật tông trong mỹ thuật Phật giáo Tây Tạng đã ứng hiện trong tranh Việt. Bởi những Thangka, Mandala trong Phật giáo Đại thừa đã hiển thị trong sen Việt. Sầm đặc. Táo bạo. Ngợp choáng.

Mật sen của Việt

Hoa sen, loài hoa mang trong mình tâm Phật, đã dẫn Việt đến với đạo Phật. Trở thành Phật tử, quy y ở chùa Hương, được thầy trụ trì Thích Minh Hiền đặt tên với pháp danh Quảng Lưu, rồi gia nhập nhóm họa sĩ – Phật tử Mặc Hương. Việt từ có thời gian dài ở tại Tùng lâm Hương Tích, chuyên chú nghiên cứu kinh *Pháp hoa*, rồi từ đó mà anh đã có những chuyển biến rõ rệt trong tư tưởng, nhận thức sâu hơn về đời sống tinh thần, cảm thức đậm hơn về loài sen biểu tượng của Phật giáo và biết cách phả vào tranh sen cách chơi màu đậm hơi hướng Thangka, Mandala Tây Tạng.

Sen đã đưa Việt vững đi trên con đường đời nhiều gập ghềnh, khúc quanh và trắc trở. Sen đã đưa Việt từ triển lãm Sen đầu hạ (chung với nhóm Mặc Hương, mùa Phật đản 2007-2012, tại Trung tâm VietArt, Bảo tàng Mỹ thuật, chùa Hương, Biệt phủ Thành Chương, Liễu Quán Huế), Blossoming VietNam Padma – Sen Việt nở trên đất nước Sư tử biển (4 thành viên Mặc Hương, □uốc khánh 2009, Đại sứ quán Việt Nam tại Singapore tổ chức) đến các triển lãm Sen Việt trong đời sống người Việt (riêng, 2012, tại Hà Nội), Sen Việt (tại Trung tâm Văn hóa và Thương hiệu Ý trong khuôn khổ chương trình Năm Ý tại Việt Nam 2013), Sen trong Việt (triển lãm cá nhân, 2014, tại Heritage Place, Dolphin Plaza), Sen Việt 2016 (cá nhân, sơn mài)... Chính sen dẫn lối Việt đến được với cựu Đại sứ Việt Nam tại Singapore Nguyễn Trung Thành và Thượng tọa Thích Minh Hiền, như những nhân duyên trên hành trình vẽ sen của mình. Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam chỉ dạy cho anh những kỹ năng trong nghề vẽ, những tri thức về các trường phái mỹ thuật, những kiến thức về nền hội họa Việt Nam và thế giới... Và phải cho đến khi biết nhau trong một triển lãm tranh khoảng năm 2000, rồi quen, nhà ngoại giao Nguyễn Trung Thành đã động viên tinh thần Việt rất nhiều để anh vững tin vẽ. Còn Thượng tọa Thích Minh Hiền đã khai mở trong anh nhiều điều trong đạo Phật và hoa sen trong Phật pháp để Việt có được mật sen.

Mật sen của Việt đã biểu đạt trạng thái tâm thức gì? Lặng vào trong tranh Việt, ta thấy như một Thangka sen, như một Mandala sen, như một Pháp bảo cát tường sen. Nếu Thangka, Mandala với người Việt cho ta cảm giác thần bí, kỳ huyền và khó hiểu thì mật sen của Việt vẫn cho ta cái gần gũi, ấm áp mà thuần Việt. Mật sen của Việt như đang trì chú, như đang tụng kinh *Diệu pháp Liên hoa*...

Đặng Phương Việt cũng đã từ vẽ sen khóc, sen tàn...nhưng anh chưa công bố. Dự định là anh sẽ công bố trong triển lãm sắp tới vào tháng 6 tại L'Espace – Trung tâm Văn hóa Pháp, 24 Tràng Tiền, Hà Nội, cùng với một họa sĩ người nước ngoài, và cũng liên quan đến đạo Phật. Diễn tả một bông sen tàn, nhị rữa nhưng ta không có cảm giác của cái chết từ những cánh hoa rụng rơi mà lại cảm rõ cái luân hồi, sự hồi sinh. Vẽ sẽ khóc nhưng ta không thấy nỗi mà lại thấy sự lộng lẫy của những giọt lệ sen, tràn đầy hỷ lạc. Mật sen của Việt không thể buồn được cho dù có muôn đạo ngàn kiếm xông vào tranh chém toi tả. Bởi sen không chỉ là sen mà trong sen đó có mật pháp. Là sen đầy mà không thấy sen đâu. Đôi khi không có hình tượng sen nhưng lại rất sen. Mật sen của Việt đã đánh thức những cảm xúc của con người với thế giới xung quanh, với đời sống nhân sinh...³⁹

Nhiếp ảnh

Như hội họa, sen cũng là đề tài sáng tác hấp dẫn, giàu cảm xúc sâu lắng và thâm thúy, đã có rất nhiều nghệ sĩ trên cả nước chụp ảnh về sen, chuyên sáng tác sen, sen với thiếu nữ v.v gặt hái được nhiều thành công trong tư duy sáng tạo nghệ thuật nhiếp ảnh.

Đã có những tác phẩm triển lãm, dự thi trong nước và quốc tế đạt thứ hạng cao. Cũng có những bộ ảnh thiếu nữ với hoa sen độc đáo thể hiện được giá nghệ thuật, phẩm chất thuần khiết trong hồn sen hòa quyện với tâm hồn trong sáng người con gái Việt. Đơn cử về nghệ sĩ nhiếp ảnh, doanh nhân Trần Bích “mê sen” kể:



Ở tuổi gần 70, nhiếp ảnh gia Trần Bích vẫn sẵn sàng ngụp lặn tại các hồ sen để sáng tác nghệ thuật. Ảnh NVCC.⁴⁰

³⁹ Tạp chí Giác Ngộ số 950 ngày 14/4 Mậu Tuất

⁴⁰ Nguồn Internet

“Đầu tháng 3/2009 nhân dịp đi ngang qua mũi Kê Gà (Hải Đăng Kê Gà, Bình Thuận) gặp một ao sen dọc bên đường đẹp quá, tôi nhảy xuống chụp lia, chụp lia tôi về xem lại thấy đẹp quá, hôm sau lại đi tiếp và cứ thế cho đến bây giờ. Nghĩ lại mà giật mình, tôi đã yêu sen và có duyên với sen từ đó. Tôi không còn nghĩ gì về tiền bạc nữa, giao lại công ty cho hai con quản lý”, ông tâm sự.

Từ tháng 9/2009 đến nay, nhiếp ảnh gia Trần Bích đã tổ chức 19 triển lãm ảnh hoa sen với hơn 1.200 bức ảnh, số ảnh bán ra lên tới 830 tấm, trong đó có những ảnh được khách mua với giá rất cao như bức ảnh Bùng Sáng 250 triệu đồng, Đồi Sen 100 triệu đồng, Lòng Mẹ 70 triệu đồng và nhiều ảnh bán với giá 20 triệu đồng, còn lại giá trung bình là 3 triệu đồng/ tấm. Số tiền gần 3 tỷ thu về từ triển lãm được nhiếp ảnh gia dành toàn bộ để quyên góp từ thiện.



Với trang phục: sen là nguyên liệu dệt – tơ sen dệt thành lụa sen được nhiều quốc gia trên thế giới sản xuất thành công. Đây là mặt hàng cao cấp có giá trị văn hóa, kinh tế cao (thường gấp từ 7-10 lần so với sản phẩm tương tự làm từ lụa tơ tằm). Lụa sen được các nhà thiết kế, may thành những trang phục sang trọng mà giới thượng lưu rất yêu chuộng.

Ở Việt Nam một nghệ nhân tại Hà Nội (được nêu rõ ở nội dung Dệt lụa sen trong tác phẩm này) bước đầu cũng sản xuất thành công lụa sen, lấy từ tơ của cọng sen dệt thử nghiệm thành những vật dụng đơn giản như: khăn, hy vọng trong tương lai với nguồn nguyên liệu sen rất phong phú trên khắp Việt Nam mà Đồng Tháp là

⁴¹ wikipedia

một địa phương dồi dào nguồn nguyên liệu này sẽ thúc đẩy sản phẩm lụa sen Việt Nam phát triển phục tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Giúp ngành dệt may Việt Nam phát triển. Hay Đồng Tháp thử mạnh dạn là địa phương tiên phong trong nước nghiên cứu quy trình sản xuất lụa sen song song trên nền tảng dệt choàng huyện Hồng ngự có truyền thống lâu đời.

Thiếu nữ mặc áo dài kín đáo, nhưng vẫn lộ rõ đường cong cơ thể, gợi cảm hấp dẫn. Áo vẽ, thêu hoa văn sen càng thêm duyên dáng, yếu điệu thực nữ lại tăng thêm phần trang trọng, thuần khiết.



Thiếu nữ dâng phẩm vật trong lễ giỗ lần thứ 87 cụ Nguyễn Sinh Sắc

Họa tiết sen hay hoa sen trên trang phục, nhất là trang phục áo dài, là đại diện cho quốc phục Việt Nam càng làm tôn vinh giá trị quốc thể trong những diễn đàn hội nghị giao lưu văn hóa, kinh tế, chính trị, nghệ thuật trong nước và quốc tế v.v.

II.2.3. Sen Đồng Tháp với đồ thủ công mỹ nghệ

Trên cả nước, lĩnh vực này rất phong phú, nhưng trong giới hạn tác phẩm chỉ đề cập nội dung sen với đồ thủ công mỹ nghệ ở Đồng Tháp.

Đồng Tháp của Việt Nam “rũ bùn đứng dậy” với biểu tượng “Em bé Sen” vươn ra tầm quốc tế, đứng ngang hàng với Helsinki, The Hague, Great Britain... trong chung kết cuộc thi Thương hiệu địa phương của năm do báo *The New York Times* tài trợ khiến bao nhiêu người tự hào, trong đó có anh Lương Hà - “cha đẻ” của dự án. Là người có nhiều năm kinh nghiệm năm trong ngành tư vấn chiến lược thương hiệu cho nhiều công ty, các địa phương, mãi đến khi chiến lược Thương hiệu địa phương Đồng

Tháp cùng đứng ngang hàng với những địa danh nổi tiếng như Helsinki của Phần Lan, The Hague, Great Britain... lọt vào chung kết hạng mục Chiến lược thương hiệu địa phương của năm do báo *The New York Time* tài trợ, người ta mới hiểu hơn cái nghề mà anh Lương Hà theo đuổi.

Biểu tượng Bé sen được do Công ty Saycheese thiết kế được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp chọn làm biểu tượng quảng bá hình ảnh. Từ biểu tượng này các nhà thiết kế, quảng bá du lịch sáng tạo ra nhiều sản phẩm lưu niệm đặc trưng của Đồng Tháp để quảng bá hình ảnh chi tỉnh nhà.



Sản phẩm lưu niệm phong phú được sáng tạo từ cảm hứng hình ảnh Bé sen

Ở Đồng Tháp có Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại Dịch vụ Khởi Minh Thành Công (tọa lạc tại phường 4, thành phố Cao Lãnh) do anh Ngô Chí Công làm Giám đốc. Công ty đã tận dụng công nghệ tối đa để cho ra nhiều sản phẩm làm tăng giá trị cây sen Đồng Tháp, như: hoa sen ướp tươi, tranh hoa sen và tranh lá sen... Hiện Công ty đang nghiên cứu làm đèn cây sáp có màu và hương từ sen. Đã đóng góp làm phong phú sản phẩm từ sen chung của cả nước

⁴² Wikipedia



⁴³ Anh

Ngô Chí Công với sản phẩm hoa sen sấy khô



Một số sản phẩm sen khác trưng bày tại hội chợ sản phẩm công nghiệp nông nghiệp tiêu biểu khu vực phía Nam năm 2018 tại thành phố Cao Lãnh

Sen nói chung và sen Đồng Tháp nói riêng còn được sáng tạo, sản xuất thành những tặng phẩm là tranh ảnh, biểu tượng hình sen trong ngoại giao, giao lưu quốc tế.

III. Sen với tên gọi, địa danh

III.1. Sen với tên gọi:

Một cách đặt tên Sen trong dân gian, không phải dựa vào đặc điểm nơi đó có nhiều sen sinh trưởng. Trong cả nước và ở Đồng Tháp tên sen cũng được dùng để đặt tên cho người, đơn vị công tác, chim, dược liệu, vật dụng, chương trình v.v xin đơn cử một số trường hợp sau:

Tên người: cũng dùng đặt tên cho cả nam và nữ: anh sen, chị sen, em sen, con sen v.v.

Bé sen: biểu tượng “Bé Sen” do Công ty Saycheese thiết kế đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp chọn làm biểu tượng quảng bá hình ảnh.

⁴³ Wikipedia



44

Tên công ty, đơn vị: Thương hiệu tám lợp tôn Hoa sen nổi tiếng trong nước và thế giới của Tập đoàn Hoa sen.



(in trên bìa sau tạp chí Giác ngộ)

Tôn hoa sen: tám lợp mái nhà, công trình.

Tên một Chương trình: Hương sen Đồng Tháp, do Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Tháp sản xuất. Chuyên mục giới thiệu, quảng bá hình ảnh, nêu gương người tốt, việc tốt. Tạo sự lan tỏa trong cộng đồng làm cho cuộc sống con người, xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.

Đầm sen: Công viên văn hóa - Khu văn hóa du lịch vui chơi giải trí nổi tiếng cả nước thuộc quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sen đầm (P: Gendarme): Hiến binh thời Pháp thuộc. Binh sĩ phụ trách việc gìn giữ trật tự an ninh công cộng.

Chim sen: loài chim ngói lông màu xanh, có chỗ phơn phớt màu nâu nhạt.

⁴⁴ Wikipedia

Giang sen: loài chim sinh trưởng nhiều ở khu vực Nam bộ. Trong các khu bảo tồn thiên nhiên: Vườn quốc gia Tràm Chim, huyện Tam Nông; các rừng tràm ở Tháp Mười và khu di tích Xẻo Quýt huyện Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp đều có.

Sen vông: thuốc uống, dạng viên, dùng trong các trường hợp mất ngủ, không ngon giấc do những nguyên nhân về thần kinh.

Vòi sen: vòi nước sử dụng trong sinh hoạt v.v.

Con sen: nhân vật ta thường gặp trước đây, nhất là xem qua các vở tuồng cổ thời phong kiến, có nội dung liên quan đến “người ăn, kẻ ở” của xã hội phân biệt giai cấp, nô dịch. Tên Con sen: dùng để chỉ vai người hầu gái giúp việc trong nhà, gọi Con sen là gọi người ở đợ...

III.2. Sen với địa danh

Thời gian gần đây, tỉnh Đồng Tháp được biết đến với tên gọi: “Đồng Tháp Đất sen hồng, Đồng Tháp thuần khiết như hồn sen”, bởi không phải ngẫu nhiên mà tỉnh ta được gắn với cái tên như vậy, mà phải có yếu tố, đặc điểm địa danh gắn liền với vùng đất mới hình thành tên gọi theo nguyên tắc đặt tên địa danh.

Không chỉ ngày nay mà từ xa xưa, ông cha ta đã áp dụng nguyên tắc đặt tên dân gian này để gọi tên phân biệt giữa các nơi, địa phương này với địa phương khác.

Trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, tên sen cũng được dùng đặt tên cho ngọn hai con Rạch (sông nhỏ) ở ấp 4 xã An Hòa, huyện Tam Nông. Theo lý giải trong sách Từ Điển Địa danh tỉnh Đồng Tháp: xa xưa nơi đây có nhiều sen mọc nên có tên là Ngọn Cái Sen (Cái Sen lớn, cái Sen Bé), qua năm tháng nói trại thành Cả Sen và để phân biệt nên gọi là Cả sen lớn Cả sen bé.⁴⁵

Từ tỉnh Đồng Tháp có thể suy ra trên cả nước hay ở các quốc gia khác trên thế giới chắc hẳn rằng cũng có sử tên sen để đặt tên Địa danh ở những địa phương trong lãnh thổ của họ.

III.3. Chuyện về sen

Chuyện về sen trong đời sống nhiều vô số kể, từ Truyền thuyết đến Đời thực được lưu truyền những câu chuyện, phản ánh những tấm gương vượt khó của nhiều nhân vật, con người ở khắp nơi không sao nêu hết được, trong nội dung này chỉ xin đề cập Truyền thuyết và Đời thực như sau:

Truyền thuyết: Ngày xưa ngày xưa, ở một một ngôi làng nọ có hai cô bé mồ côi cha mẹ từ nhỏ. Một người hát xẩm nghèo thương tình đem hai chị em về nuôi và chăm sóc. Hàng ngày ông thường dạy cho cả hai cô bé những bài hát hay những điệu

⁴⁵ Hội KHLS tỉnh Đồng Tháp, Từ Điển địa danh tỉnh Đồng Tháp

múa đẹp. Bỗng một ngày nọ, cô em lâm bệnh, vì muốn em khỏi bệnh cô chị đã mang đốt chiếc nhẫn quý của mình để làm thuốc chữa trị cho em.

Thời gian dần trôi đi, hai chị em lớn lên ngày càng xinh đẹp, hơn nữa cả hai đều hát hay và múa giỏi nổi tiếng cả vùng ai ai cũng biết đến. Cùng lúc đó, trong vùng lúc bấy giờ có một tên công tử con nhà giàu và khét tiếng là độc ác và tàn bạo. Khi biết tin đồn về hai cô gái con hát xẩm, hắn liền âm mưu muốn bắt người về nhà làm vợ mình.

Một ngày kia, cha nuôi của hai người có việc phải đi xa. Trước lúc đi ông hứa với hai con rằng sẽ mua cho mỗi đứa một món đồ chúng thích. Cô chị nói với cha rằng mình muốn có một đôi hài màu trắng có thêu chỉ vàng. Cô em cũng xin cha mua cho mình một đôi hài nhưng màu hồng và có thêu chỉ vàng.

Lợi dụng cơ hội người cha đi vắng, tên công tử độc ác kia liền sai người hầu trong nhà đến nhà và bắt cóc cô chị về. Không muốn bị ép buộc và để giữ sự trong trắng của mình vì vậy cô lập tức gieo mình vào hồ nước. Biết chuyện, vì quá thương chị, cô em cũng theo chị lao đầu xuống hồ.

Mấy hôm sau khi người cha trở về nhà đã không thấy hai cô con gái đâu, ông đã đi tìm khắp nơi nhưng vẫn không thấy hai chị em đâu cả. Cuối cùng người cha nghe được tin dữ cả hai cô con gái của mình đều chết thảm ở hồ. Bỗng nhiên từ phía hồ có một mùi hương thơm ngào ngạt bay tới và khi ông nhìn ra, nơi mặt nước xuất hiện rất nhiều những bông hoa lạ có màu trắng và màu hồng. Cánh hoa nhìn xinh xinh hết như là dáng những đôi hài thiếu nữ, ở giữa những cánh hoa đó có nhụy màu vàng giống như bó chỉ thêu đẹp đẽ, còn những chiếc lá thì xòe to xanh mướt như chiếc nón quai thao mà các cô hay thường đội. Từ những bông hoa tỏa ra một thứ hương thơm nhẹ nhàng và tinh khiết y hệt tâm hồn trong sáng của hai cô con gái ông.

Nhìn những bông hoa kia, người cha buồn rầu vô cùng, ông khụy xuống cạnh hồ mà bật khóc nức nở. Tự dưng, từ dưới hồ xuất hiện hai người con gái, họ bước đến bên cạnh ông. Đó chính là hai cô con gái nuôi của ông.

Cô con gái cả liền kể lại mọi chuyện cho cha mình nghe: “Lúc hai chị em con cùng nhảy xuống dưới hồ, bà chúa hồ này vì thương tình mà dang rộng vòng tay đón lấy chúng con, nhờ vậy mà chúng con mới được cứu sống. Vì rất quý bọn con nên bà muốn giữ chúng con lại đó. Nhưng bọn con đã xin phép bà được quay trở lại đây để được phụng dưỡng cho cha. Và bà ấy đã bằng lòng, sau đó bà ấy còn tạo ra những bông hoa kia để tượng trưng cho chúng con để luôn cảm thấy có chúng con bên cạnh. Bà ấy đặt tên cho loài hoa đó là **“Hoa Sen”**.⁴⁶

⁴⁶ Wikipedia



47

Các cô dâu ưa thích cầm tay bó hoa sen tươi trong ngày cưới

Đời Thực:

Đó là những câu chuyện của những con người dám nghĩ, dám làm vì tình yêu quê hương, yêu mến sen... họ có thể từ bỏ cơ hội, quyền lợi cá nhân để chấp nhận thử thách, đương đầu với khó khăn để tìm vận hội mới bằng niềm tin, năng lực của mình đã tạo ra cho quê hương nhiều sản phẩm hữu ích cho cuộc sống giúp xã hội ngày càng phát triển. Chỉ trên lĩnh vực liên quan về chủ đề sen, đã có nhiều doanh nhân, nghệ nhân, những người con sinh ra và lớn lên trên quê hương Đồng Tháp đã làm được những điều như thế. Những sản phẩm rượu sen, tinh dầu sen, quà lưu niệm về sen v.v đã có mặt trên thị trường phục vụ nhu cầu tiêu thụ của xã hội được sản xuất, làm ra từ những suy nghĩ sáng tạo của khối óc, con tim đã góp phần làm giàu thêm cho mảnh đất sen hồng phát triển ngày một đi lên bền vững.

Và còn nhiều, nhiều những con người tâm huyết với quê hương hơn thế nữa... sau đây xin đơn cử về tinh thần của một người con thuộc thế hệ trẻ 8x của Đồng Tháp đó là anh Ngô Chí Công, tốt nghiệp thạc sĩ Công nghệ hóa ở Pháp, quyết định về Việt Nam lập nghiệp. Khởi nghiệp lần 1, lần 2 không như ý... Công quyết định “startup” lần nữa với hoa sen ướp tươi và đã thành công. Bằng sản phẩm này, anh giới thiệu Sen Việt đến bạn bè quốc tế...

⁴⁷ Wikipedia



Sản phẩm lưu niệm sen sấy khô của anh Ngô Chí Công

Bắt đầu hành trình khởi nghiệp, anh gom hết số tiền dành dụm khi đi du học (làm thêm) và hỏi thêm người thân bạn bè đầu tư kho bảo quản nguyên liệu, phòng thí nghiệm và lò sấy sen. Anh bắt tay vào làm, sản phẩm đầu tiên ra đời còn nhiều khiếm khuyết, như màu hoa sen bị sậm, cánh hoa khô cứng, “tuổi thọ” kém, chưa xử lý được hoa nở, lá sen... anh cùng nhóm bạn tiếp tục khắc phục các nhược điểm và cuối cùng Công có một công thức ướp hoa sen hoàn chỉnh, giúp sản phẩm “thọ” trên 1 năm, đặc biệt cánh hoa, nhụy hoa vẫn giữ được độ mềm, mịn và màu sắc gần giống với hoa thật đến 90%.

Năm 2015, anh chính thức tổ chức giới thiệu sản phẩm hoa sen ướp tươi của mình tại thành phố Cao Lãnh (tỉnh Đồng Tháp) và tiến hành thành lập Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại Dịch vụ Khởi Minh Thành Công (tọa lạc tại phường 4, thành phố Cao Lãnh). Sau đó, Công mở văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh, một gian trưng bày sản phẩm tại Pháp.

Anh cho biết do doanh nghiệp khởi nghiệp nên những năm đầu chưa có lãi nhiều vì phải đầu tư tiếp về công nghệ, hoàn thiện các sản phẩm nên hiện tại công ty chỉ cân bằng tài chính. Chí Công hy vọng, sau vài năm thâm nhập thị trường Đông Nam Á, tiến sang các thị trường khó tính, tiềm năng như Mỹ, Pháp, Nhật... công ty sẽ sinh lời nhiều hơn.

Chương III: SEN VỚI CUỘC SỐNG

I. Sen với văn hóa ẩm thực

Sen cũng là một loại nguyên liệu, thảo dược chế biến thức ăn, nước uống cung cấp dinh dưỡng, trị liệu, mỹ phẩm. Chế biến nhiều loại món ăn, thức uống hay là

hương liệu, mỹ phẩm làm đẹp cũng là ăn uống vì sức khỏe, làm đẹp nhưng theo cá nhân tôi “ăn sen“, “sen uống“, “dùng sen“ không đơn thuần là ăn uống, sử dụng cái vật chất hữu hình thuần túy mà phải nói rằng: ăn, uống, dùng sen là “thường“ cái hồn của sen. Mỗi vùng miền có nhiều bí quyết, phương pháp chế biến thành sản phẩm trong văn hóa ẩm thực từ sen mang tính đặc trưng riêng. Nội dung văn hóa ẩm thực sen trong tác phẩm này, chỉ nêu “*cái hồn tinh túy*“ của ba miền Bắc - Trung - Nam chứ không mô tả, kể xuyết món ăn của từng địa phương được. Bởi hiện nay mỗi địa phương có vô số món ăn, thức uống được chế biến từ sen. Do đó, những cách thức thưởng thức món ăn, thức uống từ sen trong nội dung này tạm gọi là đệ nhứt ẩm thực. Và ăn là ăn cái tinh túy của đất trời, của vũ trụ, đó là:

..... ăn

cái...

hư

không

có mầm xanh nào không sinh ra từ đất,
mà đất, ngấm kỹ là tiếng gọi của vô thường.
ăn cái hư không, cái vô thường, mới đúng
là tuyệt đỉnh ẩm thực, hình như chỉ có
thiền sư mới đụng được chiêu kỳ ảo đó?
thưa rằng, không cần phải nệ đến kinh mỗ,
mà lối vào là đây: tiệc sen ba miền! quốc hoa
của nước Việt đủ đãi người no đến... nức
niềng mà không chán. Ăn mà nghe thanh
tao phiêu hốt trong lòng, để rồi ngộ ra
rằng, từ đất, mọi thứ đều có thể chưng nấu
thành những món lung linh, hào sảng mà
diệu vợi, giản dị biết chừng nào...

“ đệ . nhất . sen ”. 3 miền

Bây giờ, người Việt ở mọi miền đều ăn sen, uống sen. Miền nào cũng có một “đệ nhất sen” để tự hào ghi vào tên món ăn xứ mình. Chưa chi, chuyên gia ẩm thực xứ Huế đã bắt đầu cuộc trò chuyện bằng lời quả quyết: “Phải là sen hồ Tịnh Tâm thì mới làm nên cơm sen Huế đúng điệu”. Còn với người ở vùng Tây Nam bộ, chỉ có

loài sen cổ Đồng Tháp Mười mới thực sự là sen ngon nhất. Cứ thế, mà từ cổ chí kim chẳng có một cuộc “tranh ngôi”, “phế truất” nào.

cái
thơm tho
thao
thức
ba miền

Đã đành, thói quen ăn uống của từng vùng miền được khu biệt trong nhưng ranh giới văn hóa tính vì đã cho dòng ẩm thực sen đất Việt này nhiều cái “nhất”. Nhưng ngay từ sự “nở hoa” hồn nhiên của loài sen ở ba vùng đất ấy, cũng đã mang trong nó những điểm khác biệt.

“Đất Bắc - *“chất chiu”*”

Người Hà Nội có loại sen quế cánh to chỉ trồng được ở Tây hồ, với hàng trăm cánh nhỏ ôm vào gương sen, để tự hào là “loại sen đậm hương nhất”. Người sứ Huế sở hữu độc quyền loài sen cát duy nhất ở đất Việt (các giống sen ở miền Nam và miền Bắc đều thuộc loại sen bùn). Đất bùn pha cát ở đáy hồ Tịnh Tâm nuôi dưỡng một loại sen cát với đóa hoa nhỏ nhắn, hạt sen chắc, đặc và vì nhỏ, nên quện chặt cái thơm tho, bùi ngọt. Người ở tam giác Đồng Tháp Mười bạt ngàn suốt Tiền Giang – Đồng Tháp – Long An, lại tin rằng mọi nguồn cội tinh hoa của sen nước mình đều khởi thủy từ loài sen cổ thuần Việt mọc dài đến hai thước, cáo quá đầu người. Búp sen cổ thuần dài, cả gương sen, cánh sen, hạt sen đều bung lớn, giàu sức sống. Rồi cũng là sen cả thôi, nhưng từng nên văn hóa lại cho sen mỗi bờ cõi ẩm thực khác. Ở bờ cõi nào cũng thấy sen thanh tao, diễm tuyệt nọ lại như có một “thân phận” khác. Nhìn sen, cùng những-thuộc-tính-không-thể-khác-được của nó trong ẩm thực từng miền, mới thấy hết sự thâm thấu tế vi của thiên nhiên, của lịch sử lên văn hóa và thẩm mỹ của con người.

Có một điều rất lạ, là cả rượu sen và trà sen, hai loại thức uống trứ danh là sen, đều xuất phát từ miền Bắc. Tinh thần ẩm thực sen của người Bắc như được thâm thái trọn vẹn trong hai loại thức uống này. Chè hạt sen nhãn lồng Hưng Yên, mứt hạt sen, nước lá sen/hạt sen/hoa sen tươi và cả những món ăn thanh đạm từ củ sen của người miền Bắc sau này cũng không đi khỏi cái tinh thần đã được đẩy đến mức toàn mỹ ở rượu và trà sen: giữ vị, lưu hương, chuộng tinh khiết. Từng món ăn, thức uống từ sen ở nơi này đều như một giai phẩm của sự chất chiu hương và vị tự nhiên của sen. Và câu chuyện của sen ở ẩm thực xứ này, nằm toàn bộ trong cái “chất chiu” ấy.

Công thức làm rượu xưa của người Hà Nội thuộc loại bí truyền, những ghi chép được lưu truyền đều nhiều phần thiếu sót. Nhưng, có một nguyên tắc không bao giờ “thất truyền” trong giới làm rượu và trà sen xứ Bắc, là “phải sử dụng sen Tây Hồ”. Những người phục chế rượu sen sau này chia sẻ thêm, để làm được rượu sen ngon, cơm rượu phải được nấu từ loại gạo nếp thượng hạng. Gạo sen phải được tách nhẹ nhàng giữa làn cánh sen mới hé nở lúc tờ mờ sáng, khi hoa đang tỏa hương mạnh nhất. Cũng những nguyên liệu đó, nhưng có nghệ nhân rải từng lớp gạo sen xen kẽ lên những tầng cơm trộn men để sẵn, ủ hương; có người dùng gạo nếp nấu thành rượu trắng, rồi dùng rượu ngâm với hạt sen tươi và gạo sen đã phơi qua một nắng. Rượu ngâm từ mùa hạ đến đầu đông là uống được. Rượu sen tháng Mười đã phát phơ màu nắng, dịu dịu hương sen.

Rượu sen xưa này luôn thuộc hàng quý hiếm. Bởi để ướp 10 lít rượu thì cần lượng gạo sen (*phấn hương trên đầu nhị sen*) hái từ một khoảng hồ rộng chừng nửa mẫu. Rượu sen ở phường Thụy Khuê xưa (còn có tên là Thụy Chương) chỉ làm để tiến vua. Vào thời Pháp thuộc, rượu sen Hà Nội cũng chỉ xuất hiện trong những chốn đài đẳng của giới trung, thượng lưu. Sau này, khi đã đi vào đời thường, rượu sen lại như trở thành một “gia bảo”, hầu như chỉ dùng trong dịp tết, riêng mời tri âm. Từ lúc đọc *Thăng Long tam thập vịnh* (chùm thơ viết về cảnh vật Thăng Long) của Đoàn Nguyễn Tuấn, người yêu văn hóa Nam bộ đã nôn nao muốn ra phương Bắc tìm uống “rượu sen tiến vua thơm ngát, chứa trong hàng ngàn chum vại ở phường Thụy Khuê bên cạnh hồ Tây”. Sách xưa còn ví von, rượu sen ở phường Thụy Khuê ngon đến mức đức Phật cũng không thể cưỡng lại được. Những giai thoại lẫn quá khứ danh giá ấy vẫn còn lưu lại ở mỗi cái nhấp rượu sen cái cảm giác thanh cao xưa cũ, day dứt ở đầu môi cái luyến tiếc theo từng giọt rượu quý đang trôi khỏi lưỡi. Nhưng, cảm giác trân quý của người xứ Bắc với rượu sen, còn vì cái khéo léo, kỳ công, và cả trần ai đã “chuyển” hương thơm mỏng manh, kiêu kỳ từ đóa hoa vừa hé, vào một thức quà quý lưu giữ mát mùa. Mà, ở cả Hà Nội và Huế, bản thân một tặng vật tươi sống từ sen đã là một thức quý – cái quý giá hân hữu của mùa hạ chỉ đến và đi trong 90 ngày. Đến tháng Sáu, sen tàn rũ rượi rồi mất hẳn dấu vết. Trong cái giá lạnh của mùa đông xứ Bắc, khi vạn vật tàn phai, cây trái khan hiếm; việc lấy từ ruộng đồ khô một xâu sen sấy từ mùa hạ để làm bếp, cũng đã là một việc vi diệu.

Đến lượt trà sen, người từng sống ở Hà Nội hầu hết đều biết nhiều giai thoại về việc chế biến thức uống này. Nếu từng tìm kiếm trà sen Tây Hồ, người ta sẽ bắt gặp một “hiện tượng” lạ lùng về sự xuất hiện đồng loạt của các “nghệ nhân duy nhất còn làm trà sen ở Hà Nội”. Mỗi lần có một nghệ nhân làm trà sen ở Hà Nội lên báo hoặc trang mạng nào đó, người viết lại như reo lên với tựa đề “nghệ nhân duy nhất làm trà sen...”. Bất luận thực hư thực, riêng cách dùng chữ “duy nhất” với mỗi nghệ nhân làm trà sen được phát hiện, đã thể hiện thứ quý hiếm của loại trà trứ danh này giữa

những xôn xao tìm kiếm của người yêu Hà Nội. Cách đây vài năm, tôi còn nghe kể về một cụ bà mấy mươi năm miệt mài làm trà sen ở cạnh Hồ Tây. Giá bán mỗi ký trà ướp sen là một lượng vàng. Khách đông đến nỗi, muốn mua trà, “khách trà” ở mọi miền cứ đầu năm lại “ký gửi” vàng ở nhà nghệ nhân, rồi cuối năm đến nhận trà. Câu chuyện về cụ bà thời đó lần đầu “công khai” một cách tử mỉ cái cầu kỳ, khe khắt của việc làm trà sen. Hình ảnh người nghệ nhân tỉ mẩn lấy một cái nồi gang to đựng nước, đun sôi giữa gian làm trà, rồi mang túi vải may dài hình ruột ngựa, đựng loại trà mạn ngược đã ướp bảy lần với gạo sen (cứ 1kg trà thì cần đến 2.000 hoa sen) quần quanh nồi, rồi sấy trong nhiều giờ liền – cứ như một thước phim rất cũ, quay vào một thời hoa mộng, yên ắng nào đó của phố phường miền Bắc.

Bên bờ Hồ Tây, vùng rượu và trà gắn với Tây hồ ngát thơm trên gương mặt của kinh thành xưa cũ, vẫn góp phần kể về từng loại thức uống ấy như một cội bờ hào hoa nhất của sen trong ẩm thực phương Bắc. Sau này, sen Tây hồ còn được người Hà Nội sử dụng cả hạt, lá, củ để làm các loại nước uống thanh mát, giải nhiệt. Hạt sen Tây hồ còn được kết hợp với lòng nhãn Hưng Yên để nấu một món chè vẫn làm náo nức lòng người xa Hà Nội. Nhưng, ở đây, mọi thức ngon chế biến đơn giản, hay một giai phẩm của sự cầu kỳ, đều đến từ cái thanh đạm, lịch lãm và tinh thần ẩm thực “vị hương thơm” của người Bắc bao đời.

Miền Trung- “Đệ nhất diễm lệ”

Vào đến Huế, lại thấy cái công phu, cầu kỳ trong việc giữ vị, lưu hương với sen còn được thêm vào cái điệu đà, chải chuốt. Nếu những thức ngon về sen Tây hồ tuyệt hảo đến mức trở thành một “vật được chọn” để tiến vua, thì phần lớn ẩm thực sen nổi danh ở hồ Tịnh Tâm. Lại trực tiếp “khai sinh” ở cung đình. Và, trong bốn tiêu chí thông thường của ẩm thực ngự thiện: sắc, hương, vị, lượng; ẩm thực sen xứ Huế đặc biệt chú trọng “sắc”. Các món sen nổi tiếng ở Huế đều được kỳ công trang trí một hình thức tinh tế, rực rỡ màu sắc. Món ăn lúc hoàn thành thường phải đạt đến hàng “đệ nhất diễm lệ”, có thể thưởng thức bằng mắt.

Cơm sen là một biểu tượng của chuẩn mực thẩm mỹ trong ẩm thực sen xứ này. Tự việc chọn gạo, chọn từng bông sen, hạt sen rồi tinh tuyển các loại tôm bạc, thịt heo, đậu que, cà rốt để làm hỗn hợp cơm chiên đa sắc, thơm ngon, bùi bở theo tiêu chí của từng nguyên liệu, đã tốn nhiều tâm sức. Đến phần pha mắm, người Huế cũng rất kỳ công với bao nhiêu công đoạn. Nước mắm phải pha cùng nước mắm lược tép lắng trong, sao cho có vị đậm ngọt tự nhiên, mà vẫn giữ được phong độ trong của nước mắm. Phần cơm hỗn hợp chiên xong lại khéo léo đặt vào mặt ngửa của lá sen. Lá sen gói cơm phải chọn loại không non, không già, sao cho vừa đủ độ dẻo dai, vừa không quá đậm màu và không có vị đắng. Mỗi lá sen chỉ gói đủ một phần ăn, cơm phải đặt sao cho cuống lá nằm ở trung tâm, gói thành hình vuông. Đến khi úp ngược gói cơm

lại, cuống lá nằm ở mặt trên được lấy làm trung điểm để rọc bốn đường, thành tám cánh lá bung xòe. Cơm sen “đẹp đúng chuẩn” khi có phần lá tỏa ra như một búp sen, “guồng sen” là phần cơm đủ màu bên dưới, được đặt vào giữa một chiếc đĩa sứ màu xanh ngọc.

Món ăn từ sen ở Huế là một “tập hợp các yêu cầu cầu kỳ, tỷ mỉ từng bước”. Mà món ăn nào cũng dày đặc công đoạn. Tôi đến... ngả mũ khi chứng kiến nghệ nhân Viên Trân tái hiện 15 bước làm bánh sen từ hạt sen hấp mềm, tán nhuyễn của người Huế. Rồi ngần ngừ khi nhìn thấy những củ sen thuần dài được cắt bỏ hai đầu, lấp đầy những ống rỗng trong thân củ bằng các loại nếp nhum, nếp cẩm, gạo lứt, nếp tú lệ... để làm món củ sen nhồi nếp. Củ sen nhồi nếp đủ màu hấp lên. Các loại gạo nếp khi chín nở tràn trong khoang củ. Hấp xong, từng củ sen lại được xắt thành những khoanh, nổi bật từng múi “múi màu” đỏ thắm, tím thắm, vàng mơ... như những miếng bánh thượng hạng tân thời. Với bánh sen tán, hạt sen sau hơn mười công đoạn thì trở thành một loại bột màu vàng nhẹ, chín mềm, mịn, được viên tròn như viên bi rồi sao cho khô giòn lớp ngoài mà vẫn giữ độ mềm bên trong. Từng viên sen lại được gói bằng giấy xuyên trắng để hút ẩm, rồi gói thêm một lớp giấy guồng đủ màu, cắt tua rua hai đầu. Hay như món chè hạt sen nhân lòng, người Huế cũng “không chịu” cách lồng nhân vào sen rồi đem luộc như người Hà Nội, mà phải luộc sen trước, rồi mới đem lòng nhân tươi, dội nước luộc sen nguội rồi mới rưới vào, sao cho chén chè thơm bùi phải trong mượt thịt nhân tươi, nhìn mê mắt. Nhìn từng nguyên liệu thân quen trên một đĩa củ sen nhồi nếp đủ màu, một nắm bánh sen tán với giấy guồng sắc sỡ, chén chè sen nhân lòng, mới thán phục cái tinh tường, khéo léo của người làm bếp Huế, và ngưỡng mộ phần kỷ ức rục rờ nơi người con lớn lên trong xứ sở ẩm thực duy mỹ này.

Nhưng, để nói về ẩm thực sen ở Huế thì câu chuyện chế biến hay thưởng thức vẫn chưa đủ, mà phải nói cả về “nghệ thức” trong từng khâu chế biến và thưởng thức. Mọi động tác liên quan đến cơm sen, trà sen, mút hạt sen, bánh sen tán, hay vệt hãm hoa sen(vệt liên áp)... ở Huế, đều như sẵn những chuẩn mực, để hòa cùng cái thanh cao, quyền quý của không gian ẩm thực từ sen. Người thưởng thức ẩm thực sen Huế xưa thường là người có gốc gác hoàng tộc, bước ra từ cung đình; nếp sống thanh cao, trọng lễ nghĩa, tác phong quyền quý. Điều này cũng bao phủ không gian ẩm thực cổ đô; đến mức, cư xử cẩn mật, cầu kỳ đôi lúc như đạt đến độ cung kính, tôn nghiêm. Theo cổ lệ ở Huế, suốt hành trình gian nan, cầu kỳ của việc làm trà sen, người làm trà phải giữ cho không gian làm nghề được thanh sạch. Phụ nữ có thai hay đến thời kỳ kinh nguyệt đều bị cấm kỵ đến khu vực làm trà. Người xứ này tin rằng, chỉ một lần phạm vào sự tôn nghiêm thì mẻ trà sẽ vĩnh viễn không “ngậm hương” được. Tất cả tạo ở sen một “cảm giác ẩm thực” có phần cao vợi và xa cách.

Ký ức của những người con trong gia đình bình dân với từng món ăn từ sen là một cảm giác thèm nhớ xa vời. Hồi đó, mỗi lần nghe bà nội chặc lưỡi nhắc đến “loại sen hồ Tịnh Tâm ngoài Huế ngon “trời thần”, tôi cứ cảm giác đó là một kiểu... “vật ngon trong truyền thuyết”. Rồi đến khi biết ở Huế, hồ Tịnh Tâm với bạt ngàn sen vẫn còn, mới phủ mặt cười mình. Khi ấy, sen với đám trẻ con ở xóm lao động nghèo là... một món hàng thủ công vẫn nhận về bóc vỏ, thông tâm, khâu thành chuỗi để kiếm tiền mua sách vở. Chắc một phần cũng vì là người làm thủ công, cứ làm mất một hạt là chịu phạt vài trăm đồng, nên tui sớm “biết mùi” xa xỉ của sen xứ mình. Mỗi lần đi “nhận hàng”, chủ hàng lại dùng cái bảng gỗ khoét trăm lỗ tròn, mỗi lỗ vừa đủ lọt một hạt sen, xúc vào một cái thúng sen đầy để “đếm”. Hai ngàn sen là hai mươi lần xúc, nếu nhận và giao đủ, sẽ được thù lao chừng 10.000 đồng (thời mười mấy năm trước). Nhưng chỉ cần vụng về làm bể, hoặc làm mất chừng 10 hạt trong số hai ngàn hạt sen đó, thì xem như “toi” công làm suốt buổi chiều của cả xóm. Hồi đó sợ nhất là nhập phải sen Huế, hạt sen nhỏ, vỏ bám, tim sen bé tẹo, rất khó thông tâm cho khỏi vỡ hạt. “Kinh nhất”, là chủ hàng mỗi lần giao sen Huế lại dọa “sen này mắc gấp đôi, làm mất thì đền đủ”. Mà mấy đứa “liều mạng” thì cứ thấy hạt sen bé xiu màu trắng ngà, mùi thơm bùi ngọt, lại thòm thềm “ăn bừa” vài hạt; đến lúc giao lại được chủ hàng xí xóa bằng... một trận mắng.

Bây giờ, một món ăn từ sen đã không còn quá tầm với phần đông người miền Trung. Nhưng ký ức tập thể từ nhiều đời vẫn khiến người xứ này thưởng thức trong món sen cả cái “cao vời” quá khứ của nó. Cứ là món ăn từ sen, thì phải bày trong chén xứ thật đẹp. Chén sen phải được ăn bằng chén muống đồng bộ. Cơm sen phải được bày trong đĩa màu xanh ngọc. Người phụ nữ nghèo yêu bếp núc ở đây, có thể dành dụm để mua về rồi... cất kỹ trong tủ bếp nhà mình một bộ sứ đẹp nhất, chỉ để đựng mấy món sang trọng một năm ăn một đôi lần. Trong đó, nhất định có món ăn từ sen.

Ăn

“cái

hư

không”

Nhưng, nếu chỉ nhìn sen trong một nền ẩm thực cung đình, diễm lệ, hay cái cần mật chắt chiu, diễm tô của người miền Trung, miền Bắc e là người ta sẽ bỏ sót phần đời cỏ cây sông nước, hoang dã đã nuôi sống trọng vẹn thân thái của sen.

Nam bộ - roi roi chân phương, dân dã và gần gũi

Người miền Nam không chọn sen để làm nên một món ăn thanh cao, mà họ chọn thưởng thức chính cái tao nhã, thanh mát tự nhiên nhất của loài hoa này. Nói tới

sen trong bữa cơm của người miền Nam, tôi hay nhớ cái rổ rau mà người chị miệt vườn bung lên từ phía chum nước, trước khi ngồi xuống bên bếp, kéo cái nồi mắm kho ra để đãi bọn sinh viên thành phố đói meo trong một bữa trưa muộn. Nồi mắm kho hôm ấy chia hai, người đàn ông của chị xuống ghe buổi sớm đã giở đi một nửa, rồi nhổ neo rong ruổi vào đồng sau giếng lưới. Để đến trưa, anh lại chèo kiếm một bầu sen dai, nhổ chừng dăm cọng ngó sen, ngồng sen, bút dăm cái bông súng lên lật, rồi nhúng rửa dưới mặt nước trong veo, lấy một phần làm thành một rổ rau sen tươi rói cho bữa trưa lang bạt kỳ hồ. Phần còn lại, anh em đem về cho bữa tối sum họp, với món gỏi hay canh chua ngó sen, tùy chị.

Đó là hình ảnh “Nam bộ” nhất của sen: roi rói chân phương, dân dã và gần gũi. Những món ăn sen “thuần Nam” nhất thường ít chế biến, mà tập trung vào độ tươi sống, thanh mát; như rau sen, gỏi ngó sen, canh chua ngó sen... Ngay cả trà ướp sen của người miền Nam cũng là trà ướp hoa sen tươi. Cái thanh tao của sen miền Nam là cái thanh tao hào sảng, phóng khoáng, như tặng phẩm cho mọi người con sông nước hay sống nhờ sông nước, bất kể giàu nghèo.

Nhìn cách chế biến đơn giản, dễ làm người làm bếp ở Nam bộ còn “bỡ ngỡ” với sen. Mấy trăm năm trước, sen đã xuất hiện trong bữa ăn của những người khẩn hoang đầu tiên ở cùng biên thùy phương Nam. Len lỏi giữa lung sen và lung tràm mênh mông bát ngát, cứ mặt trời lên, người khai hoang lại lấy mái chèo đập lúa ma (lúa mọc hoang) cho rụng xuống xuống, giã ra lấy gạo nấu cơm. Rồi cứ ngang qua một lung sen, họ lại với bút vài cọng làm thành một món tươi sống, thanh mát ăn kèm. Trong những ngày rong ruổi mở mang bờ cõi, người Nam xưa đã kịp bén vị, quen mùi và gắn bó với cái thanh mát tự nhiên của sen, trước khi có được một cuộc sống ổn định, lớp lang để mà cầu kỳ chế biến.

Và, “sự ít chế biến” về sau lại trở thành một nghệ thuật chế biến của người Nam bộ, để lưu giữ cái thanh mát tự nhiên của sen. Ngó sen, ngồng sen, củ sen chỉ chế biến đơn giản trong những món canh, món gỏi, hoặc làm sạch, cắt vừa miếng, rồi ăn sống. Chè hạt sen thuần túy, trong veo. Trà sen lại là một thức thơm thảo mà... dễ làm bật nhất, bởi chỉ cần ngắt một bông sen bỏ vào bình trà. Ngoài cái chi phối bởi nếp sống giản đơn của người vùng khẩn hoang, cái phóng khoáng của người miền Nam với sen cũng “đổ bóng” từ chính cái phóng khoáng của sen, với vùng đất này. Miền Nam không có mùa sen. Sen của tam giác Đồng Tháp Mười nở quanh năm, mùa nổi mùa bắt tận. Người miền Nam không có những ngày tàn cuối vụ để ngắt ngơ gom tìm bông sen, hay kỳ công gói ghém, chăm chút để đáp ứng cái thèm nhớ trong những mùa tàn. Cái tinh tế, khéo léo của người miệt vườn Nam bộ dành trọn để hiểu và sống trong thiên nhiên trong cái nở tàn miên man của sen. Nên chị, người dày dặn sông nước ở miệt Đồng Tháp có thể làm người am tường cỏ cây há hốc khi phát biểu: “Hái sen thì phải nhìn con trắng mà hái”. Ngó sen, củ sen phải nhổ vào nhưng

đêm tối trời, không trăng; còn hái lá, bứt ngồng vào những đêm trăng tròn. Vì cứ sáng trăng thì sen vút những bộ phận ở trên khỏi mặt nước. Còn lúc tối trời, thì những gì vốn mọc chìm dưới bùn sâu lại đâm xuống đất, lan rộng mạnh mẽ.

Và cũng vì phóng khoáng, ít nguyên tắc, nên sen trong ẩm thực miền Nam như một sinh thể, có đủ đầy những biến chuyển và giao thoa theo từng dòng người đến – đi, hoặc neo lại ở vùng đất này. Các món muối chua từ sen đang rất phổ biến ở các tỉnh Nam bộ, là một cuộc giao thoa giữa cách chế biến của người Ngũ Quảng và người Việt gốc Hoa, với cái hào phóng về sản vật của phương Nam. Món ngó sen muối chua trở thành đặc sản Nam bộ. Hay mới đây, trong một cuộc thi ẩm thực, có người con gái miệt Đồng Tháp giới thiệu món ngồng sen ngâm chua. “Ngồng” là phần thân sen cuộn chiếc lá non trong đó, hái lên, gọt vỏ, muối chua thành một món ngon có màu lục nhạt, đậm cái chua và ngọt của khẩu vị phương Nam.

Và hiện nay, khi đến các tỉnh, thành miền Tây, nhất là ở Đồng Tháp từ các quán cóc vỉa hè bình dân, đến các nhà hàng sang trọng, đầu bếp còn sáng tạo, chế biến nhiều món ăn, thức uống từ sen hay sen chỉ là một thành phần nguyên liệu đóng góp phần quan trọng tạo nên tên tuổi hay hương vị của cho món ăn đó đáp ứng nhu cầu thưởng thức cái hương vị bình dân, dân dã theo phong cách phóng khoáng của người dân miệt vườn Nam bộ. Nào là những món: hoa sen, gương sen non chiên giòn cho món chay, cá lóc nướng trui, nướng muối ăn với rau sống, lá sen non chấm mắm me, cơm gạo huyết rồng hạt sen, gỏi ngó sen trộn với thịt gà, tôm, canh chua ngó sen, củ sen nấu món xương, sườn.v.v rất thanh mát và bổ dưỡng. Và cũng không thể bỏ qua, sen với những món ăn vặt như: mứt sen, hạt sen già luộc nước dừa, hạt sen bóc vỏ sấy, chè sen, giữa trưa hè nắng gắt, có một chén chè sen với đậu xanh đường phèn thì còn gì tuyệt bằng... Thức uống từ sen cũng rất phong phú: nước lá sen, đường phèn đóng chai, sữa sen, trà sen hộp (lá sen, tim sen), trà sen sấy khô (hoa sen) v.v; đặc biệt rượu sen với thương hiệu nổi tiếng Hồng sen tửu được người tiêu dùng ưu chuộng mua làm quà biếu, đãi tiệc v.v.

Đôi khi, những sản phẩm của giao thoa văn hóa lại do chính những người con bản xứ học hỏi, mang về. Đến bây giờ, khi đã cất công phục chế thành công món trà ướp sen sấy khô ngay tại Sài Gòn từ những cách làm xa xưa nơi cung đình Huế, nghệ nhân trà Viên Trân kể về cái ngày mình “cắc có” đi làm một loại trà ướp sen có thể bảo quản hàng tháng, hàng năm; mới nhận ra, người Nam bộ chưa từng làm trà ướp sen khô. Chị lý giải: “Chắc một phần cũng vì cây trà ở Nam bộ còn “non trẻ”, mãi đến năm 1921, khi người Pháp mang cây trà đầu tiên đến trồng ở vùng Cầu Đất (Lâm Đồng), người Nam mới biết đến cây trà”. Rồi ngay khi đã có đủ cả trà và sen, người ta cũng cần đủ “bướng”, để vượt qua hàng chục lần vớt mất làn hương mỏng manh, giữa bao kỳ công khuya sớm. Tôi hỏi, vậy trà sen Viên Trân có được xem là một nét ẩm thực sen của người miền Nam không? Các anh em văn nghệ lại quả quyết théo cái

kiểu khái quát cao siêu: “Điều gì lưu lại ở vùng đất khẩn hoang này, thì cũng điều trở thành văn hóa của nó hết”. Trà sen khô của Viên Trân ở Sài Gòn sau này, cũng trở thành một phần của văn hóa phương Nam. Còn ẩm thực sen Nam bộ, sẽ còn chuyển động, còn tự khai mở trong những vùng trời khác.

Đi qua ba miền mới thấy sen như một cô gái đẹp và tinh tế trong từng tấm áo, lẫn cái thần thái hòa hợp với lai lịch và tính khí từng vùng. Sau này, dù cơ hội xê dịch có làm mất dần cảm giác xa vời với một món ăn địa phương nào đó, thì mỗi lần nghe nói đến “ẩm thực sen” tôi lại chết giấc trong một thế giới tưởng tượng của cái tinh túy, tao nhã rất riêng biệt; dù trong tưởng tượng ấy có mang tôi đi trên con thuyền tiêu dao của chúa Trịnh và cung nữ giữa hồ Tây đang “lễ hội ẩm thực sen” vẫn được kể *trong Đại Việt sử ký toàn biên*; ngỡ ngàng trước món củ sen lấp đầy màu sắc của người Huế, hay lừa vội cái thanh mát của mấy lát củ sen rỗng không mộc mạc của người Nam bộ trong một bữa trưa nắng. Diễn đạt nữa chừng cái “tưởng tượng” cuối cùng đó, tôi chợt nhớ mấy dòng thơ Haiku rất “thiền” của Nhật Bản: “*Khi tôi ăn củ sen/ Thì tôi ăn cả cái hư không trong nó*”. Dù là “vị mùi hương”, “trọng sắc”, hay là tự nhiên “ăn cả hư không”; thì với sen, người Việt vẫn thưởng thức trong từng nhả vị hiện hữu, và cả những cái vô hình từ trời đất, từ thời gian, từ những hiện ảnh xa xưa... chừng như chẳng thuộc về nó.⁴⁸

II. Sen với y dược

Sen là loài cây rất quen thuộc với người Việt, hoa sen không chỉ đẹp, thơm mà các bộ phận khác trên cây sen từ hạt, lá đến củ...đều có tác dụng chữa bệnh rất tốt.

Cánh sen

Cánh hoa sen thường có khá nhiều cánh, bất kể là sen trắng hay sen hồng đều được sử dụng để ngâm bồn (Spa trị liệu) rất hiệu quả trong thư giãn tinh thần, loại bỏ tế bào da chết trong cơ thể, tái tạo da giúp da tươi trẻ. Đặc biệt, tinh dầu được chiết xuất từ cánh hoa sen trắng còn được dùng dưỡng da và massage giúp lưu thông khí huyết

Ngoài ra, món cháo được nấu từ gạo tẻ và cánh hoa sen mới nở xắt nhỏ, phơi khô cũng có tác dụng làm trắng da, giúp da hồng nhuận, tóc đen mượt, làm chậm quá trình lão suy, chữa thiếu máu. Mỗi đợt sử dụng kéo dài từ 10-15 ngày.

Hạt sen

Trong hạt sen có chứa nhiều chất chống oxy hóa, ngăn ngừa tác động có hại của các gốc tự do trong cơ thể. Đặc biệt hạt sen còn có tác dụng hàn gắn, phục hồi protein trong cơ thể người bị tổn thương, giúp cho làn da luôn trẻ trung. Còn theo Đông y,

⁴⁸ Báo Phụ Nữ xuân 2018

hạt sen có vị ngọt, chát, tính bình, tác dụng hướng tâm an thần, ích thận, bổ tỳ, an thai.

Theo các nghiên cứu, trong 100g hạt sen tươi có 9,5g protit, 30g glucit, cung cấp cho cơ thể được 162 calo. Ngoài ra, còn có các vitamin B1, B2, PP, C, caroten... Trong 100g hạt sen khô có 20g protit, 2,4g lipit, 58g glucit, cung cấp cho cơ thể 342 calo cùng một số muối khoáng quan trọng như canxi, photpho và sắt.

Cách sử dụng hạt sen cũng rất đơn giản, có thể ăn sống với hạt sen tươi hoặc nấu cháo, nấu chè, làm mứt, hầm hạt sen kho với một số vị thuốc, thực phẩm khác.

Tâm sen

Tâm sen là chồi mầm nằm trong hai lá mầm của hạt sen, có màu xanh, tên thuốc y học cổ truyền gọi là liên tâm hay liên tử tâm. Tâm sen có vị đắng, tính hàn, không độc. Tâm sen có tác dụng an thần, dưỡng tâm, giúp điều trị chứng mất ngủ, hồi hộp, lo âu. Hỗ trợ điều trị tăng huyết áp, phòng chống rối loạn nhịp tim.

Tuy vậy, không nên dùng tâm sen trong suốt một thời gian dài vì nó có thể ảnh hưởng không tốt tới chức năng sinh lý, làm giảm ham muốn tình dục, mệt mỏi, đắng trí hay quên.

Lá sen

Lá sen có rất nhiều tác dụng, như chữa mất nước cho cơ thể khi bị tiêu chảy, giúp mang lại giấc ngủ cho những người khó ngủ, hay trằn trọc, phòng chống béo phì, uống thay trà để giải nhiệt, làm mát.

Để phòng chống béo phì, dùng một lá sen tươi nấu cháo cùng 100g gạo tẻ, đậu xanh. Nếu không có lá tươi, có thể dùng lá khô nhưng lá khô trước khi nấu phải ngâm cho mềm.

Nước mát được nấu từ lá sen cũng rất đơn giản, hầm hoặc nấu như cách làm với trà xanh là bạn đã có thức uống giải nhiệt, làm mát cơ thể trong những ngày nóng bức.

Tuy nhiên, chỉ nên dùng với liều lượng vừa phải. Nếu dùng quá nhiều, quá lạm dụng lá sen sẽ có tác dụng ngược lại, trở thành chất gây hại cho cơ thể.

Củ sen

Củ sen chứa nhiều khoáng chất quan trọng như kẽm, mangan, magie, sắt, đồng...có vai trò quan trọng trong hoạt động của các enzym, giúp tái sinh các tế bào máu, cải thiện chức năng miễn dịch. Cạnh đó, trong củ sen cũng có rất nhiều chất xơ tự nhiên, giúp giảm lượng cholesterol trong máu, giúp hỗ trợ tiêu hóa và giảm cân.

Ngoài ra, các món ăn được chế biến từ củ sen còn có tác dụng cung cấp năng lượng sạch cho cơ thể, bảo vệ tim, điều hòa huyết áp, kiểm soát chứng đau đầu, hay lo lắng.

Ngó sen

Ngó sen được sử dụng như một thực phẩm thông dụng trong chế biến các món gỏi, ăn lẩu, ăn sống, xào...

Theo Đông y, ngó sen tươi còn sống có tính hàn, ngọt mát, tác dụng tiêu ứ máu, thanh nhiệt, giúp hết cơn nôn ói, giã rượu. Đặc biệt, phụ nữ sau khi sinh vẫn có thể ăn những món chế biến từ ngó sen, rất bổ dưỡng.

Khi nấu chín, ngó sen có tính ấm, hỗ trợ trong chữa ho, bổ máu, dùng chữa các vết thương lở loét lâu ngày không kín miệng. Khi chín, tác dụng thanh nhiệt của ngó sen có giảm đi, nhưng bù lại, tính tự dưỡng và bổ âm lại tăng lên.⁴⁹

III. Sen với cuộc sống người nông thôn.

III.1. Lá sen là “bao bì xanh” thân thiện môi trường

Trước kia (đến khoảng năm 1990 người dân còn rất ích sử dụng bao bì nhựa) khi chưa dùng nhựa làm bao bì chưa tràn lan như bây giờ, những sản phẩm cây nhà lá vườn dùng để gói như lá chuối, lá sen được người nông thôn sử dụng phổ biến trong sinh hoạt gia đình, hàng quán, chợ búa. Từ những người mua gánh bán bung đến quầy sạp cố định ở chợ nông thôn mà người ta sử dụng lá gói khô hay tươi cho phù hợp. Đường, muối, thuốc rê v.v. thì dùng lá sen, lá chuối khô để gói.

Hàng bánh trái, bún thịt, cá thì dùng lá sen, lá chuối khô để gói v.v. còn nhiều thứ khác nữa cũng dùng lá để gói mà thôi.

Thậm chí như người bán thịt ngoài chợ, khi có người mua xong chỉ cần vài cọng lát khô họ mang theo sẵn, rút thoăn thoắt thuận thực, chỉ vài thao tác là buộc xong đưa cho người mua xách về. Ai có giỏ đệm thì để vào xách về, thời đó người ta chủ yếu dùng giỏ đệm (dệt bằng cây bàng) loại cỏ mọc ở vùng Đồng Tháp Mười rất nhiều.

Xưa, sử lá gói hàng có vẻ hơi bất tiện, nhưng cũng rất thân thiện, không gây ô nhiễm môi trường như bây giờ có hại cho sức khỏe và cuộc sống. Lá gói xong vắt sau vườn nhà vài bữa lá khô, mưa xuống mục nát làm phân hữu cơ tốt cho đất ung cấp dinh dưỡng cho cây trong vườn nhà.

III.2. Lá sen, ngó sen tạo thu nhập cho lao động nhàn rỗi

⁴⁹ Wikipedia

Lá sen, lá chuối còn là nguồn tạo ra thu nhập cho những người nhàn rỗi, em nhỏ, nhất là các cô thôn nữ khi rảnh việc nhà ra vườn, đồng hái, cắt rọc (đối với lá chuối) lau chùi sạch sẽ bó lại thành từng bó, óp. Mỗi bó là một chục (mười) có đầu khi thì 12, 14, 16, 18 tùy nơi mang ra chợ bán cho nhưng người tiểu thương mua bán nhỏ lẻ, sạp ở chợ mua lại để gói hàng.

Ngó sen là nguyên liệu giòn tan, ngọt, thanh mát để trộn gỏi gà, tôm, nấu canh chua v.v. được người sành điệu thành thị ưa thích, nhưng là món ăn tự cung tự cấp, dân dã thuộc cây nhà lá vườn ở nông thôn, lúc nhàn rỗi, chịu siêng đi mót một lát cả thúng, ăn không hết tiện lúc ra chợ mua hàng, thức ăn mang theo ghé qua mấy người mua đầu chợ, bán cuối chợ cũng được ít tiền mua quà bánh bèo, bánh chuối, bắp khoai cho trẻ nhỏ ở nhà đợi mẹ, chị, bà đi chợ về. Thấy bóng dáng mẹ, chị đi chợ về đầu xóm là co giò chạy vọt ra mừng rơn thế nào hôm nay cũng có bánh vì biết lúc mờ trời mẹ, chị mang ngó sen ra chợ bán... bù lại những hôm đi chợ về mẹ, chị mua vật dụng sinh hoạt thường ngày hết tiền, không mua bánh trái gì hết làm bọn nhỏ mặt buồn hiu, đành phải tản chỗ khác chơi, mặc cho ruột kêu ột ột ... cảm xúc trẻ con nông thôn ngày xưa là thế.

Những người nhàn rỗi hơn có thể đi cả buổi, cả ngày đi đến đồng xa, đồng lớn vừa hái lá sen, vừa mót ngó sen hoặc mang theo lò lạp, lưới câu sẵn kiếm thêm mớ cá cho thức ăn buổi chiều hay nhiều thì mang ra chợ bán tạo thêm khoản thu nhập kha khá trang trải cho sinh hoạt, mua gạo muối tiêu tỏi đường bột ngọt v.v. cuộc sống nông thôn cứ thế xoay dần diễn tiến trong khung cảnh làng quê yên bình không hời hả đua chen...

III.3. Sen với Mực đồng

Sen với Mực đồng, hình ảnh thân quen từ xưa được in đậm trong dân gian qua làng tranh nổi tiếng ở Đông Hồ hay tên đầy đủ là tranh khắc gỗ dân gian Đông Hồ, là một dòng tranh dân gian Việt Nam với xuất xứ từ làng Đông Hồ (xã Song Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh). Trước kia tranh được bán ra chủ yếu phục vụ cho dịp Tết Nguyên Đán, người dân nông thôn mua tranh về dán trên tường, hết năm lại lột bỏ, thay tranh mới.

Bức tranh vẽ một bé trai cỡi trâu, đóng khố, ngồi lưng trâu thổi sáo, lấy lá sen che đầu, chân xếp bằng, tay cầm ống sáo đưa vào miệng thổi, vẽ mặt bình thản và trâu thì vênh tay lên nghe tiếng sáo vi vu của cậu bé thể hiện cuộc sống nông thôn.

Sen với trẻ chăn trâu còn là hình ảnh thân quen trên những cánh đồng trải dài bạt ngàn của vùng Đồng Tháp Mười, xưa khoa khoa học kỹ thuật chưa phát triển, phương tiện cơ giới chưa sử dụng nhiều trong sản xuất nông nghiệp. Trâu vẫn là sức kéo chính, trâu là người bạn thân thiết của nhà nông. Trẻ em trai cỡ chín mười hay mười hai, mười ba tuổi được giao nhiệm vụ cắt cỏ chăn trâu hay nhà nghèo đi giữ

mướn. Những buổi trưa hè nắng gắt trẻ chăn đồng xa, những lúc đói cơm khát nước, bụng còn cào sắn sen đồng hái gương lót dạ, lá sen làm nón che nắng, hứng nước ao đĩa đỡ khát qua cơn... đời tuy cơ cực, nhưng trẻ nông thôn xưa được tính chân chất thật thà, không gian dối hay lười biếng, biết lao động, đỡ đần giúp gia đình ông bà, cha mẹ qua thời đói khổ.

Mục đồng hay trẻ chăn trâu là “Chúa tể cô hồn“. Ngày xưa, đứa nào bị ba má hay lối xóm chửi là “cô hồn“ tức là chỉ mấy đứa cứng đầu cứng cổ hay phá phách, phá làng phá xóm ... nhưng trong dân gian thì mục đồng được xem là chúa tể cô hồn bởi, đồ cúng cô hồn, tam tai, cúng đất, việc lễ... (bộ tam sên: ba con tôm lóng, ba miếng thịt ba rọi, ba miếng trứng vịt, lắm khi có cả nguyên gà thả trên bè chuối, trẻ chăn trâu lội xuống vớt lên chia nhau ăn ngon lành) để ở đường vắng nông thôn, ngã ba, ngã tư, góc chợ quê vào ngày mùng 2 và 16 âm lịch hàng tháng, nhất là dịp tháng bảy âm lịch trẻ trăn trâu cướp đồ cúng ăn vô tư mà không sợ cô hồn bắt, hay thần thánh khuất mặt khuất mày quở trách.



IV. Một số sản phẩm tiêu biểu chế biến từ sen

Sản phẩm từ sen trên mọi vùng miền của tổ quốc và thế giới rất đa dạng phong phú, từ ẩm thực đến tiêu dùng, lưu niệm phục vụ nhu cầu cuộc sống, trong nội dung không thể liệt kê hết được, nên chỉ nêu một vài sản phẩm để minh họa về tính hữu dụng của sen ...

IV.1. Rượu sen

Đồng Tháp Mười nổi tiếng có **rượu sen (hồng sen tửu)**. Nhờ được thiên nhiên ban tặng cho những cánh đồng sen bao la, bạt ngàn, người dân Đồng Tháp đã tận dụng để làm ra một loại rượu có hương vị đặc trưng, đó là **rượu sen (hồng sen tửu)**. Rượu sen tao nhã, vị êm nồng, mùi thơm lừng của nếp, uống ngon, nhắm nháp một chén đủ để say nồng. Rượu sen là đặc sản, một thứ quà tặng mỗi khi ai đó có dịp về miền Tây Nam bộ (Đồng Tháp) đều muốn mua về làm quà biếu tặng cho người thân, bạn bè.

Rượu Hồng Sen do Công ty Cổ phần đầu tư Thương mại Du lịch Đồng Tháp Mười sản xuất tại số 5/A Ấp 1, xã Mỹ Hòa, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp

Với 03 loại rượu đặc trưng: **Hồng Sen Tửu đặc biệt, Hồng Sen Tửu và Rượu Sen**. Quý khách có thể dùng làm quà tặng cho các cơ quan, đơn vị, người thân, bạn bè,... trong những chuyến tham quan vùng Đồng Tháp Mười.

Hồng Sen Tửu được chiết xuất từ hạt sen, tim sen, củ sen, nếp, men bột sen vừa đủ, đồng thời được nấu, ủ với công nghệ gia truyền trong thời gian 06 tháng. Vì vậy, Hồng Sen Tửu có mùi vị vừa đặc trưng của sen vừa đảm bảo sức khỏe cho người sử dụng và thích hợp cho tất cả các bữa tiệc.

Hồng Sen Tửu đặc biệt được ủ và nấu từ những tinh chất của hạt sen, tim sen, củ sen, nếp, men bột sen vừa đủ và được hạ thổ 12 tháng. Sau đó để những nhụy sen được thu hoạch từ sớm tinh mơ vào ủ. Vì vậy, Hồng Sen Tửu đặc biệt có mùi hương tự nhiên. Hồng Sen Tửu đặc biệt là sản phẩm rượu tinh túy để các lãnh đạo dùng khi chiêu đãi, tiếp khách,...

Rượu Sen được nấu từ hạt sen, tim sen, củ sen, gạo, men bột sen vừa đủ và được ủ trong thời gian 03 tháng, giúp an thần, ăn ngon ngủ được, thích hợp cho tất cả các buổi họp mặt.⁵⁰

Rượu sen (hồng sen tửu) được nấu theo cách truyền thống từ hạt sen, củ sen, tim sen, nếp và men bột sen vừa đủ. Rượu thường được ủ trong thời gian dài khoảng 6 tháng. Tuy nhiên nếu đã đủ độ thì có thể ủ trong vòng khoảng 3 tháng. **Rượu sen (hồng sen tửu)** có mùi vị vừa đặc trưng của sen vừa đảm bảo sức khỏe cho người sử dụng, rất thích hợp có mặt trong các bữa tiệc. Có dịp *du lịch Đồng Tháp*, du khách sẽ có cơ hội tìm hiểu “bí quyết” nấu rượu gia truyền của người dân trong vùng. Theo kinh nghiệm của những người nấu rượu vùng Đồng Tháp, cách nấu rượu sen cầu kỳ từ cách chọn nguyên liệu. Nhụy sen để làm nên loại rượu này phải được thu hoạch từ sớm, khi những hạt sương còn vương trên cây mới tạo được sự tinh túy và hương vị tự nhiên, tao nhã của sen.

⁵⁰ Wikipedia



Quy trình nấu rượu sen khá công phu và trải qua nhiều giai đoạn

Quy trình để nấu rượu sen rất công phu với công nghệ sản xuất gia truyền và hoàn toàn tuân theo một quy trình thủ công nghiêm ngặt. Các thành phần của sen như hạt, tim, củ... sau khi thu hoạch ở những cánh đồng sen về sẽ được làm sạch sẽ rồi ủ với men. Loại men này không giống với các loại men rượu bình thường mà được làm từ chính bột của hạt sen. Người ta thường ủ men kéo dài trong thời gian khoảng 7 ngày 7 đêm liên tục. Sau quá trình lên men, hỗn hợp này sẽ được cho vào lò trấu để nấu. Sau đó, tiếp tục được cho vào bình, chum đất hoặc sành đóng kín lại rồi chôn xuống đất. Tùy vào thời gian ủ dưới đất mà cho ra những giọt rượu mang đậm hương vị đặc biệt của sen.

IV.2. Nước hoa (tinh cất từ sen)

Là sản phẩm của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Tinh dầu Hương Đồng Tháp, cơ sở tại số 110 Nguyễn Thị Minh Khai, khóm 4, phường An Thạnh, Thị xã Hồng Ngự, Tỉnh Đồng Tháp.

Nước chưng là sản phẩm thu được trong quá trình chưng cất tinh dầu! Khi nung nấu nguyên liệu tinh dầu sẽ bốc hơi cùng nước, khi gặp lạnh tinh dầu và nước cất sẽ rơi xuống, tinh dầu sẽ nổi lên trên mặt nước và còn lại là phần nước chưng!

Nước chưng hoà lẫn một phần tinh dầu hoa Sen, do hoa Sen chứa hàm lượng tinh dầu cực kỳ thấp nên phần thu được qua quá trình chưng cất chủ yếu là nước chưng!



Nước chưng hoa Sen có mùi nhẹ nhẹ của cánh hoa của nhụy hoa! Cho ta cảm giác thoang thoang đâu đó cánh đồng hoa Sen với mùi hương len lõi nhẹ nhàng mà tinh tế!

Nước chưng hoa Sen với công dụng làm sạch da, tẩy tế bào chết, giúp căng da, mịn màng và chống lão hoá cho da, cho chúng ta có một làn da sáng mịn và khoẻ mạnh!

Cánh hoa Sen có mùi thơm dịu và được sử dụng nhiều trong spa thư giãn. Ngoài ra tinh dầu Sen còn được dùng rất hiệu quả trong việc loại bỏ tế bào chết, tái tạo da, đồng thời giúp da tươi trẻ.

Thả vào bồn nước tắm rồi ngâm mình trong đó. Hương thơm dịu nhẹ của tinh dầu Sen giúp thư giãn tinh thần, lấy đi các tế bào chết trên da và lưu thông khí huyết, trẻ hóa làn da. Ngoài ra có thể dùng trực tiếp lên da bằng cách xịt đều khắp vùng da (da mặt, cơ thể), vỗ nhẹ cho nước tinh dầu Sen thẩm thấu sâu vào da.

IV.3. Dệt Lụa sen

Ở Hà Nội

Một người phụ nữ ở Hà Nội mất gần hai năm mài mò nghiên cứu, tìm tòi, đã trở thành người đầu tiên ở Việt Nam sản xuất thành công vải lụa từ tơ sen. Đó là nghệ nhân Phan Thị Thuận (ở làng Phùng Xá, huyện Mỹ Đức, thủ đô Hà Nội)

Sinh ra ở một làng quê nổi tiếng với nghề dệt lụa tơ tằm, nghệ nhân Phan Thị Thuận luôn đau đầu trong lòng việc tìm hướng đi mới cho bản thân cũng như những người dân ở làng nghề truyền thống ở Phùng Xá.

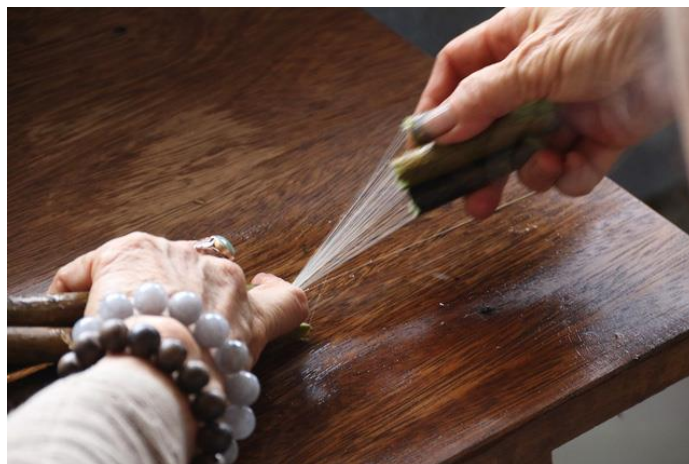
Ý tưởng sản xuất vải lụa từ tơ sen được nghệ nhân Thuận ấp ủ từ lâu, sau hai năm vừa nghiên cứu vừa thử nghiệm, nghệ nhân Thuận đã cho ra lò những chiếc khăn quàng cổ đầu tiên được sản xuất từ sợi tơ của sen.



Nghệ nhân Thuận cho biết tất cả các cuống sen phải được xử lý trong vòng 24 tiếng đồng hồ, bởi cuống bị khô lại, tơ sẽ hỏng hoàn toàn, phải mất 1.200 cuống sen mới dệt ra được 10.000 m sợi.



Sợi sen thu được bông, nhẹ và có mùi thơm tự nhiên. Sợi sen được tạo ra do nghệ nhân Thuận rất mảnh, săn, hình thức đẹp. Thử nghiệm cho thấy mô hình sản xuất rút sợi từ cọng sen thành công với kết quả đã rút được 350g sợi từ 4970 cọng sen.



Tất cả các công đoạn tạo ra sợi tơ sen đều được làm hoàn toàn thủ công rất cầu kỳ. Vì vậy, trong quá trình nghiên cứu, bà Thuận gặp không ít khó khăn.



Để lấy được tơ sen, nghệ nhân Thuận phải dùng dao khứa xung quanh cuống sen, sau đó dùng tay vặn và kéo tơ, đồng thời vê cho sợi tơ sen tròn lại.



Công việc này đòi hỏi tính kiên nhẫn cực cao.



Ngoài việc lấy tơ sen khác hẳn cách lấy tơ tằm, những công đoạn còn lại nghệ nhân Thuận đều dùng những dụng cụ khá thô sơ để dệt vải.

Trên thế giới Myanmar các nước đầu tiên có nghề vải lụa từ tơ cọng lá và cọng sen, từ khoảng năm 1910. Nghề dệt vải lụa thủ công từ sen của Myanmar được hình thành một cách tự phát, khởi nguồn từ ngôi làng KyaingKan (Chaing Kham) cực nam của hồ Inlay với sản phẩm ban đầu là tấm áo cà sa lên các nhà sư trụ trì trong vùng.



là
dệt
hoa

tơ

—
dân

Nghệ nhân Thuận kỳ vọng việc sản xuất sợi sen từ cọng lá và cọng hoa sen sẽ mở ra triển vọng nâng cao giá trị kinh tế của nghề trồng sen ở nước ta, làm nảy sinh một nghề mới cho nông dân các vùng có đất ngập nước, đồng thời tạo ra một nguồn sợi đặc sản với những sản phẩm có giá trị cao.⁵¹

Ở Myanmar



Một tấm vải từ sợi sen đang hình thành.

Những sợi tơ trong cuống của mỗi bông hoa sen được kéo ra, se lại và dệt nên loại lụa độc đáo nhất thế giới, đó là lụa sen. Tên tuổi của lụa sen giờ đây đã vượt ra khỏi biên giới Myanmar.

Loại lụa chỉ được dệt duy nhất ở ngôi làng In Paw Khon trên hồ Inle (Heho, Myanmar) này không chỉ là một sản phẩm thương mại đắt giá, mà còn giúp thu hút rất đông khách du lịch tới đây bất kể mùa nào.

In Paw Khon là ngôi làng độc đáo, với những căn nhà sàn nổi trên hồ. Đi thuyền từ ngoài hồ, qua con lạch nhỏ đầy bùn dẫn vào làng, nếu tắt máy thuyền, có thể nghe thấy tiếng thoi dệt lách cách rộn rã từ xa. Những ngôi nhà gỗ nổi trên mặt nước cao hai tầng, thậm chí ba tầng, mỗi tầng là một khu sản xuất riêng biệt nối với nhau. Ấn tượng xấu là con lạch dẫn thuyền đầy bùn, nhưng khi vào trong làng, ai nấy mới hiểu, bùn đó dành cho những đầm sen trắng thơm ngát giữa làng, nguồn nguyên liệu tuyệt vời cho những tấm lụa sen.

Mặc dù nhiều gia đình trong làng có trồng sen nguyên liệu cho nghề dệt lụa, tuy nhiên mùa sen chỉ kéo dài vài tháng trong năm, trong khi nhu cầu tơ sen của những

⁵¹ Trọng Trinh Báo Dân trí

xưởng dệt rất cao, cho nên mỗi ngày, hàng đoàn thuyền chở cọng sen từ nhiều nơi đổ đến In Paw Khon.

Nghề dệt lụa ở In Paw Khon đã có lịch sử tới 100 năm. Ban đầu, dân làng dệt vải từ sợi bông, sau đó chuyển sang lụa tơ tằm, và rồi tới lụa sen. Cho tới nay, In Paw Khon là ngôi làng duy nhất trên thế giới có nghề dệt lụa từ tơ sen độc đáo này.

Mỗi một hộ làm nghề này tạo ra việc làm cho hàng chục, có khi hàng trăm nhân công lao động qua các khâu hái sen, tách tơ, se sợi, dệt vải, nhuộm và cắt may.

Hầu hết các sản phẩm lụa trong làng đều được dệt ra từ sợi tơ của sen trắng. Một số nhà dệt tơ từ hoa súng nhưng không bền bằng sen. Sen trồng ở vùng nước càng sâu, cọng càng dài, càng nhiều tơ và sợi tơ cũng bền hơn. Cọng sen sau khi được hái về, sẽ được cắt thành nhiều đoạn ngắn chừng 3-4cm. Người thợ khéo léo dùng tay kéo các sợi tơ, miết qua một tấm bảng tấm nước, kéo dài và bện lại với nhau. Quy trình này lặp đi lặp lại khoảng ba lần để sợi tơ đủ dày. Những sợi tơ của các cọng sen sau đó được quấn tiếp vào sợi tơ trước, và cứ thế cho đến khi cọng sen hết nhẵn tơ. Tơ sau khi rút xong được bỏ vào một cái bát lớn và quấn vào một con suốt lớn. Cuộn tơ này đã sẵn sàng để được nhuộm, dệt và cắt may...

Tất cả các cọng sen phải được xử lý trong vòng 24 tiếng đồng hồ, nếu không cọng bị khô lại, tơ sẽ hỏng hoàn toàn. Người thợ lành nghề có thể một lúc cắt và tách khoảng 4-5 cọng sen để lấy tơ.

Điều đặc biệt là hầu hết những người tách sợi sen là đàn ông, trong khi những người làm công việc quay tơ se sợi lại là phụ nữ lớn tuổi. Khung cửi quay tơ được thiết kế đặc biệt để người phụ nữ không để lộ bàn chân của mình trước bất kỳ người nào đối diện, bởi theo người làng, việc chia bàn chân ra trước mặt người khác là rất thô lỗ.

Những phụ nữ lớn tuổi này thường là chuyên gia trong nghề dệt cửi. Ban đầu, bao giờ họ cũng khởi nghiệp bằng nghề dệt vải bông, sau đó đến lụa tơ tằm, và cuối cùng mới đến lụa sen. Người thợ dệt có thể ngồi khung cửi cho đến khi đã rất cao tuổi, và trước khi bà qua đời, tất cả những kỹ thuật đặc biệt, ngón nghề sẽ được truyền lại cho những phụ nữ khác trong làng để giữ nghề. Đó là một nét đặc biệt trong truyền thống của nghề dệt lụa sen ở In Paw Khon.

Du khách đến In Paw Khon có thể ngạc nhiên bởi không hề thấy một nông tằm hay một cây dâu nào, những dân làng vẫn dệt lụa tơ tằm. Điều này xuất phát từ việc người Myanmar theo đạo Phật và kiêng sát sinh, vì thế họ không thể thả kén tằm vào nước sôi để tách lấy sợi tơ như nghề dệt lụa tơ tằm truyền thống ở tất cả những nơi khác. Người In Paw Khon nhập tơ tằm đã tách sẵn từ Trung Quốc hoặc Thái-lan về và hoàn thành những khâu cuối là dệt và may...

Lụa tơ sen không được nhuộm nhiều mà thường hay để màu mộc, gồm hai màu ngà vàng và nâu. Khăn, áo... từ lụa tơ sen thường không mịn, nhẵn và đẹp mắt như lụa tơ tằm, nhưng khá nhẹ và xốp.

Phần lớn các sản phẩm từ lụa tơ tằm hay lụa sen của In Paw Khon là khăn quàng cổ, khăn che tóc, longi (một loại trang phục truyền thống của người Myanmar, giống như váy quần, dài đến mắt cá chân, dành cho cả đàn ông và phụ nữ).

Đối với các sản phẩm từ lụa sen, do làm thủ công hoàn toàn, mất nhiều công sức, cho nên giá khá cao, thường gấp từ 7-10 lần so với sản phẩm tương tự làm từ lụa tơ tằm. Một chiếc khăn quàng cổ khổ nhỏ từ lụa sen hoàn toàn có giá khoảng từ 75-100 USD. Do giá khá cao cho nên số lượng sản phẩm từ tơ sen hoàn toàn không nhiều, mà phần lớn là tơ sen được dệt chung với tơ tằm. Nhiều chiếc khăn từ tơ sen được người dân Myanmar bỏ tiền ra mua để dâng lên Phật trong những dịp đặc biệt.

Những xưởng dệt ở In Paw Khon được thiết kế khép kín, giống như một khu du lịch nho nhỏ. Khách đến được mời lên tham quan từ xưởng tách tơ sen đến xưởng dệt, ngắm đầm sen trắng muốt đựng đưa trong nắng, và được chiêm ngưỡng những sản phẩm dệt từ tơ sen qua lời thuyết minh trau chuốt của cô gái Myanmar xinh xắn quần Longi “nhà trồng được”. Nhiều xưởng còn có góc cà phê, cây cảnh để khách nghỉ chân thư giãn...

Lụa tơ sen hiện nay đang được giữ gìn và phát triển khá tốt ở In Paw Khon. Chính nghề dệt lụa độc đáo này đang góp phần thu hút ngày càng đông khách du lịch từ khắp nơi đến với ngôi làng nhỏ trên hồ này để tận mắt ngắm nhìn, nghe và tự tay chạm vào loại lụa độc nhất vô nhị trên thế giới này.



Một thợ thủ công đang tách tơ sen.

Se sợi sen.

Quay tơ.

Một thợ dệt lụa nam lâu năm ở In Paw Khon.

Sợi sen được nhuộm thủ công.

Đầm sen trong làng In Paw Khon.

Sợi sen dệt chung cùng tơ tằm.⁵²

Ở Campuchia

Nhờ sự phát hiện của một người Pháp tại Campuchia, chỉ từ cuống sen đã được dệt thành vải lụa, một loại vải lụa thiên nhiên độc đáo và chất lượng cao.

Anh Awen Delaval, một người Pháp đã thành lập Công ty thời trang có tên là Samamtoa ở tỉnh Siem Riệp, Campuchia, hồi năm 2009. Sản phẩm đặc biệt của công ty thời trang này là lụa làm từ sen.

Một cuống sen có khoảng 30 sợi chỉ nhỏ. Để dệt được 1m vải sen, cần khoảng 15.000 cuống sen để kéo được 3.000m sợi chỉ sen.

Khâu kéo chỉ cũng khá quan trọng. Cuống sen phải được rửa thật sạch, khi kéo chỉ phải sử dụng nước sạch để lau thì chỉ mới trắng và đẹp.

Mỗi một người có thể se được 250 - 300m chỉ sen mỗi ngày, thu nhập được bình quân từ 150 - 200 USD mỗi tháng.

Lụa sen được nhuộm hoàn toàn bằng các loại màu từ thực vật, không sử dụng chất hóa học để tạo sự gần gũi với thiên nhiên. Chỉ sen có kích thước nhỏ hơn sợi tóc 10 lần. Lụa sen có khả năng hút nước rất tốt.

Giá của những sản phẩm từ lụa sen độc đáo này không rẻ. Một chiếc áo làm từ lụa sen có giá gần 2.000 USD, còn một chiếc váy có giá lên tới gần 4.000 USD.

Hiện mỗi năm, Công ty thời trang Samatoa chỉ mới sản xuất được khoảng 600m lụa sen. Để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng trên thế giới, công ty này đã thành lập nông trại sen với diện tích 20ha, để chủ động nguyên liệu mở rộng sản xuất.⁵³

KẾT LUẬN

Với hình ảnh gần gũi, phẩm chất thuần khiết, sen là loài thực vật thủy sinh, sinh trưởng ở nhiều quốc gia trên thế giới. “Sen Đồng Tháp Mười trong hồn Sen Việt” cũng hòa cùng phẩm chất chung của sen được nhân loại yêu mến chiêm bái.

Với sen nói chung, Sen Đồng Tháp Mười là một nhân tố của sen Việt nói riêng, đã gắn liền với cuộc sống con người từ xa xưa đến nay, sen đã để lại dấu ấn trên mọi

⁵² Báo nhân dân điện tử Thứ Tư, 29/05/2013

mặt đời sống con người và xã hội như: kinh tế, văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng, văn học nghệ thuật, kiến trúc, ẩm thực, dược liệu, trang phục v.v. Trong mỗi phương diện tồn tại, thuộc yếu tố vật chất hay tinh thần, sen đều là “chất liệu” tinh túy, thuần mỹ làm thăng hoa các giá trị của sản phẩm sáng tạo đa dạng, phong phú của con người phục vụ cuộc sống.

Vẫn là hình ảnh gần gũi, dù trong hoàn cảnh nào hình ảnh sen là bất biến, nhất là trong tín ngưỡng tôn giáo Phật giáo, hình ảnh hoa sen gắn liền với Đức Phật với Tam bảo. Yếu tố bất biến còn là biểu hiện bản chất, sức sống mãnh liệt của sen trong mọi điều kiện sống, vẫn giữ và mãi giữ để “ngàn năm sau hoa sen vẫn nở” trường tồn với nhân loại.

Hình ảnh sen ngày nay thật sự lan tỏa, đó là sự lan tỏa “thanh tịnh” không ô nhiễm trên nhiều phương diện, trong sáng của trí tuệ và bao dung. Không kiêu sa, âm thầm nhưng mãnh liệt mang hương thơm lan tỏa khắp muôn nơi. Thể hiện một sự hy sinh thuần khiết như cốt cách được lưu truyền ngàn đời qua.

Con người thật may mắn song hành cùng loài hoa trường tồn, mang cảm giác an lành đến khắp nhân gian.

Sen hiện diện trong tâm linh Phật giáo là sự thuần khiết, sự vĩnh hằng, thoát tục, thoát khỏi mọi khổ đau qua quá trình phấn đấu tu luyện (mỗi người có một bông hoa nơi miền Tây phương di hành theo hành trạng khi đạt cảnh giới Niết bàn...)

Sen trong đời sống văn hóa tinh thần là sự gần gũi, bình dị trong sáng, thuần khiết và bao dung nên trở thành biểu tượng, hình ảnh được tôn vinh trân trọng.

Sen trong vật chất: được thể hiện trong không gian công trình kiến trúc, hình tượng nghệ thuật, hoạt động biểu trưng văn hóa.

Sen trong tính hữu dụng là sự an lành mang lợi ích cho khỏe cho con người. Dùng sen là “thương sen”, một cách thương thức tao nhã của những người thanh lịch và hào phóng trong sự khiêm nhường.

Trong phẩm chất bình dị, thuần khiết của sen ban tặng cho đời, tỉnh Đồng Tháp là thủ phủ của loài sen hồng cổ xưa, đặc trưng thuộc vùng Đồng Tháp Mười. Con người sinh sống nơi đây đã biết tận dụng cơ hội cho mình và cũng tạo điều kiện cơ hội cho người, tạo nên cảm xúc, làm thăng hoa các giá trị đặc hữu của sen trên quê hương mình thông qua các hoạt động giao lưu văn hóa, giáo dục, khoa học góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, giữ vững an ninh quốc phòng v.v. ổn định, mang lại lợi ích cho cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn.

Để giữ vững, bảo vệ hình ảnh đặc trưng của địa phương với cả nước và trong giao lưu hợp tác quốc tế, bên cạnh hình ảnh quốc gia, tỉnh Đồng Tháp cần xây dựng chiến lược phát triển bền vững về mọi mặt, trong đó, vận dụng lợi thế đặc trưng của

hình ảnh cây sen, biểu tượng hoa sen tổ chức nhiều sự kiện giao lưu hợp tác, quảng bá hình địa phương, đất nước. Tiến tới nâng tầm quy mô tổ chức Lễ hội sen trước mắt và lâu dài. Tạo ra đột biến phát triển về kinh tế, văn hóa, giáo dục, du lịch v.v.

Chẳng hạn như:

Về kinh tế: Đồng Tháp là một địa phương dồi dào nguồn nguyên liệu về sen, chúng ta thử mạnh dạn là địa phương tiên phong trong nước nghiên cứu quy trình sản xuất lụa sen song song trên nền tảng dệt choàng huyện Hồng Ngự có truyền thống lâu đời. Góp phần thúc đẩy sản phẩm lụa sen Việt Nam phát triển phục tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

Về văn hóa: Tỉnh ta có những khu du lịch sinh thái có nhiều sen, với cánh đồng sen mênh mông, kết hợp khoa học kỹ thuật, công nghệ hiện đại quy hoạch trồng lai tạo sen, ướp sấy, đầu tư nghiên cứu mô hình tạo nhiều sản phẩm sen v.v mà hiện nay trên địa bàn tỉnh có doanh nghiệp bước đầu thực hiện thành công. Từ đó tiến tới thành lập Bảo tàng thiên nhiên về sen của tỉnh làm nơi giáo dục văn hóa, lịch sử, thiên nhiên v.v. về mảnh đất quê hương nơi mình đang sinh sống v.v tạo thêm địa điểm tham quan du lịch mới, hấp dẫn của tỉnh, trong nước và nước ngoài để du khách đến tham quan tìm hiểu về di sản văn hóa, lịch sử, thiên nhiên, con người của Đồng Tháp thuần khiết như hồn sen.

THẦN ẲN CHAY VÀ NHỮNG GIAI THOẠI Ở ĐÌNH TÂN AN

Trong chương trình khảo sát di tích trên địa bàn thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp do Phòng Văn hóa và Thông tin thành phố Cao Lãnh phối hợp với các cơ quan: Ban Tuyên giáo, Chi hội khoa học lịch sử, Đài Truyền thanh thành phố Cao Lãnh; Hội Khoa học Lịch sử tỉnh, Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật tỉnh và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nhằm đánh giá hiện trạng di tích trên địa bàn thành phố để các cấp chính quyền xây dựng kế hoạch trùng tu, phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch trên địa bàn thành phố Cao Lãnh.

Đình Tân An tọa lạc tại phường 11 (xưa thuộc thôn Tân An) là di tích được tỉnh được xếp hạng năm 2014, qua tìm hiểu ngôi đình này có nội dung tín ngưỡng và nhiều giai thoại kỳ thú trong các di tích mà đoàn đã khảo sát qua.



Tác giả khảo sát tại đình Tân An

Thôn Tân An được thành lập vào đầu đời Gia Long, khi đó thuộc tổng Kiến Phong, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An. Chưa được biết chính xác đình Tân An được xây dựng từ lúc nào, tuy nhiên khi thôn được chính thức thành lập thì được công nhận về mặt nhà nước, tất cần có một ngôi đình để thờ thần Thành hoàng. Do đó, có thể ước đoán rằng, đình Tân An được xây dựng vào khoảng đời Gia Long.

Còn theo sắc phong của đình còn lưu giữ thì đạo sắc phong sớm nhất là sắc phong năm Thiệu Trị thứ năm (1845). Trong sắc có nhắc tới sự kiện vào dịp lễ Ngũ tuần đại khánh của đức Thánh tổ Nhân Hoàng Đế (tức vua Minh Mạng), dự định ban cho đình thần thôn Tân An chiếu bái, nâng bậc theo lễ. Lễ Ngũ tuần dự định tổ chức vào năm Minh Mạng thứ 21 (1840) nhưng chưa kịp tổ chức thì vua Minh Mạng băng

hà. Vậy có thể khẳng định rằng, Đình Tân An được xây cất trước năm 1840. Vị trí xây dựng Đình ban đầu nằm cách vị trí Đình hiện tại khoảng 5m về hướng Tây – Bắc, được dựng bằng tre lá đơn sơ.

Như bao ngôi đình khác ở Nam bộ, đình Tân An ra đời nhằm đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của cộng đồng cư dân làng xã trong thời kỳ mới khai hoang lập ấp của thôn Tân An vào đầu đời Gia Long.

Đình được hai triều vua Thiệu Trị và Tự Đức ban tặng cộng 8 đạo sắc phong cho thần Thành Hoàng bốn cảnh và Đại Càn Quốc gia Nam Hải tứ vị tôn thần. Hai đạo sắc phong đã bị thất lạc trong chiến tranh, hiện đình còn giữ sáu đạo sắc: ba đạo sắc phong cho thần Thành Hoàng và ba đạo sắc thần Đại Càn. Qua các đạo sắc phong của đình còn giữ được đến ngày nay, đặc biệt là sắc phong Đại Càn Quốc gia Nam Hải (vị thần bảo trợ nghề khai thác thủy sản). Trên bước đường Nam tiến, Tứ Vị Thánh Nương từ là phúc thần biển, theo chân những lưu dân vào khai phá vùng đồng trũng này, gặp những yếu tố sinh thái đặc thù, đã nhanh chóng thích nghi và biến đổi cho phù hợp với địa bàn nơi vùng đất mới. Qua đó chúng ta biết được rằng, nơi đây cũng là một trong những khu vực có nghề cá rất phát triển ở vùng Đồng Tháp Mười.

Các sắc phong đình lưu giữ còn nguyên vẹn là những tài sản vô giá. Ngoài thờ thần, đình Tân An cũng phối thờ các vị thần khác như: Bạch Mã Thái Giám, Táo Quân, Thổ Thần, Sơn Quân, Ngũ Hành, Hành binh Hành khiển, các vị Tiên hiền, Hậu hiền, Tiên Sư v.v là những vị có công khai cơ lập nghiệp, giáo dục dân sinh. Đây là một truyền thống tốt đẹp thể hiện tinh thần uống nước nhớ nguồn, tri ân các bậc tiền nhân.

Trải qua quá trình tồn tại, đình Tân An cũng là nơi tập hợp nhân dân, trú ẩn hoạt động của các lực lượng chống Pháp đầu thế kỷ XX. Hương chức đình tham cùng với nhân dân theo hiệu lệnh của Cách mạng đứng lên chống Pháp. Đình có lập bàn thờ anh hùng liệt sĩ rất trang trọng, nhiều câu đối ca ngợi công lao các anh hùng liệt sĩ, ca ngợi Đảng v.v do đó đây chính là nơi giáo dục truyền thống yêu nước cho các thế hệ trẻ hôm nay và mai sau.

Trải qua nhiều biến cố lịch sử, mặc dù bị thời gian và chiến tranh tàn phá bị hư hỏng nặng, phải xây dựng lại nhiều lần, nhưng nội thất vẫn còn giữ được các hiện vật gốc có niên đại từ đầu thế kỷ XX như: khánh thờ Thần, liễn đối, Long Đình v.v. đều được làm bằng gỗ tốt, sơn son thếp vàng lộng lẫy với những đồ án trang trí theo điển tích xưa. Đó là những tài sản quý báu cần được trân trọng gìn giữ.⁵⁴

⁵⁴ Lý lịch di tích đình Tân An

Chính lịch sử tồn tại lâu dài, song hành với những di sản xưa cũ của đình Tân An là những giai thoại được thêu dệt làm cho tín ngưỡng ở đây vốn kỳ bí lại càng kỳ bí hơn.

Trong lời góp chuyện của các chú, bác Ban tế tự đình Tân An tại buổi làm việc thì đình Tân An có rất nhiều giai thoại, trong đó:

Câu chuyện Thần ăn chay

Là một trong nhiều giai thoại hấp dẫn ở ngôi đình này.

Xưa nay ai cũng biết cúng phật thức chay, thần thức mặn. “Phật ăn chay” vì lòng từ bi, chuộc đức hiếu sanh của muôn loài. Thần do con người phong, ít nhiều mang âm hưởng của người trần tục, trừ số ít thần siêu nhiên, đa phần thần có đời sống như người nhân gian, do hiển linh được nên nhân dân tôn sùng. Và, thần thường “dùng thức mặn”, điều này được ghi nhận, lưu truyền trong dân gian và tường tích cổ qua câu nói hài: “...thần nấu ai ăn ăn, thần ăn mặn...”. Quả thật, trong cuộc sống chỉ nghe nói thần ăn mặn chứ mấy ai nghe nói thần ăn chay bao giờ. Tại các lễ cúng đình, đền, miếu phủ v.v. đa số đều cúng mặn, thức cúng từ các vật tế sanh là heo, bò, gà v.v cùng với các vật phẩm khác tùy theo sản vật và tập quán vùng miền.

Khi đến làm việc, lần đầu tiên nghe các bậc tiền bối ở đình Tân An nói thần ăn chay, Đoàn khảo sát di tích ai nấy đều ngạc nhiên cười ồ lên, tỏ ra thích thú... song không khỏi thắc mắc nên tò mò gạn hỏi thì được các vị ở đây giải đáp: vốn trước kia, thời Việt Nam Cộng hòa, khoảng năm 1968, đại tá Trần Cửu Thiên Chỉ huy trưởng Trung tâm huấn luyện quân sự nguy, tại quận Cao Lãnh cũng là người kính ngưỡng thần linh đình Tân An, các dịp lễ hội Kỳ yên, Hạ điền thường đến dự cùng với nhân dân nơi đây. Nhiều lần, ông còn hỗ trợ xe GMC để rước sắc. Có lẽ, do thần thấy ông cũng thành tâm tín ngưỡng cùng chung tay với nhân dân đóng góp phương tiện tổ chức lễ rước sắc thần được trang nghiêm nên thần “chọn” là người để thông tin điệp lành.⁵⁵ Hoặc do sự cảm ứng nhiệm màu nào đó nên được thần báo mộng rằng: “từ rày về sau, dân làng hãy dâng cúng thần bằng các món chay, thần sẽ độ cho nhân dân khu vực lân cận đình tránh được thảm họa bom đạn” và ông báo lại cho Ban tế tự đình biết tổ lễ cúng chay vào các lệ cúng sau đó, quả thật từ đó về sau, suốt trong thời kỳ chiến tranh khu vực này “không bị bom rơi, đạn lạc”. Cảm nhận sự linh ứng theo điệp báo mộng, cho đến nay, hàng năm đến lệ cúng, Ban tế tự đình chuẩn bị phẩm vật, thức cúng tất cả chế biến từ thực vật để cúng thần. Thật là một điều hy hữu và vi diệu cho một vị “thần ăn chay” có một không hai. Chính vì thế, trong đoàn khảo sát có thành viên cảm khái nói vui rằng, chắc ông thần ở đây được Phật cảm hóa, quy y làm “phật tử” nên mở rộng lòng từ bi, giữ giới “không sát sanh” thương đến muôn

Ghi theo lời kể của ông Đinh Văn Na, sinh năm 1939, Phó ban tế tự đình Tân An, ngụ tại khóm 5, phường 11, tp Cao Lãnh.

loài và báo để nhân dân biết không giết hại vật tế thần và dâng thức cúng mặn như thường lệ.

Tuy nhiên, trong thành phần thực khách đến dự cúng đình, cũng rất nhiều người ăn mặn nên trong tiệc đãi quan khách vẫn có mâm mặn, do lòng tùy tâm đóng góp sản vật cúng đình của bà con quanh vùng.

Câu chuyện thần ăn chay là giai thoại dân gian của người địa phương nơi đây, găm lại việc ăn chay cũng là xu thế vì sức khỏe theo khoa học, văn hóa ẩm thực hiện nay, hướng con người đến “cuộc sống xanh”, hạn chế tác động đến hệ động vật thiên nhiên đang tuyệt chủng dần do con người săn bắt, đôi khi cũng để mang tế thần (khi xưa, đa phần sử dụng nguồn thực phẩm săn bắt từ trong thiên nhiên, chưa sử dụng vật nuôi tràn lan như bây giờ), thần vì lợi ích cộng đồng, bảo vệ môi trường, hướng con người thực hành làm việc, thiện sống thiện v.v đó cũng là thể hiện “trách nhiệm của thần” bảo vệ môi trường sống của muôn loài và dân chúng trong vùng cai quản của mình.

Phạm Công Khanh bị cắt đầu ở đình Tân An

Cũng là giai thoại kỳ thú tại ngôi đình này.

Phạm Công Khanh là quan quản bộ đạo làm tay sai đắc lực cho bọn Tây, với thành tích chỉ điểm, đàn áp phong trào kháng Pháp của các sĩ phu yêu nước thời bấy giờ. Vì được lòng quan trên nên hắn rất hồng hách, ra oai vợ vét của cải, bắt nạt nhân dân nên mọi người vô cùng căm phẫn, may thời có ông Phòng Biểu là người có võ nghệ cao cường, đủ gan dạ trị tội hắn.

Phòng Biểu tức là Nguyễn Văn Biểu, sống tại làng Tân Phú, tổng Kiến Phong, huyện Kiến Đăng, tỉnh Định Tường nay thuộc huyện Thanh Bình tỉnh Đồng Tháp. Tương truyền ông là người có sức vóc to lớn khỏe mạnh, da đen, môi chì, bặm trợn, ăn rất khỏe, học chữ nho và võ nghệ nên trở thành người có võ nghệ cao cường. Lớn lên, hay tin Thiên hộ Dương kéo quân về lập căn cứ ở Đồng Tháp Mười, ông liền gia nhập nghĩa quân Thiên hộ Dương. Nhờ khỏe mạnh, gan dạ và giỏi võ nên được chọn làm chỉ huy đội Phòng vệ.

Trong suốt thời gian theo nghĩa quân, ông luôn có mặt bên cạnh chủ tướng, được Thiên hộ Dương trọng dụng. trải qua bao trận đụng độ đẫm máu với giặc, lúc nào ông cũng tỏ ra là người có tài, đốc lòng hy sinh cho đại cuộc. Qua chiến đấu tài nghệ của ông ngày một giỏi, nhất là tài sử dụng thước sắt.

Sau thực dân Pháp đánh chiếm đại đồn Tháp Mười thất thủ, Phòng Biểu dâng lĩnh Đốc Binh Kiều đưa một toán nghĩa quân đến đóng ở ngã ba Thông Bình (Tân

Thành) với ý đồ bảo tồn lực lượng và liên kết với nghĩa quân Campuchia chờ thời cơ khởi nghĩa.

Trong thời gian ẩn nấp, tránh tiếng, ông bảo gia đình loan tin ông đã chết để Phạm Công không đề phòng. An tâm vì đối thủ Phòng Biểu không còn, hắn càng lộ hàng bóc lột, sống phóng túng trên đồng tiền mồ hôi nước mắt của bà con. Một lần hắn đi thu thuế ở vùng Ba Sao, Cái Dừng (Nhị Mỹ) trên một chiếc ghe bầu có mui che và tùy tùng chèo, hắn nằm trong hút á phiện, đột ngột Phòng Biểu từ đâu xuất hiện, nghiêng mình lắc mấy cái, mấy tên chèo ghe té nhào xuống sông. Hắn thấy ghe lắc lên tiếng quát mắng tùy tùng và ra xem, trước mặt y là Phòng Biểu tay cầm thước bằng đứng oai phong, rụng rời chân tay, y quỳ lạy xin tha tội chết. Lần này, Phòng Biểu chỉ bắt Khanh và cho thuộc hạ mang đi mà không giết, chỉ là cảnh cáo để y phục thiện ăn năn, hối cải. Tuy nhiên, gia đình y phải đem số vàng bằng trọng lượng cơ thể của y để chuộc tại một địa điểm theo quy ước. Hắn đã làm thiệt hại cho nghĩa quân và nhân dân rất nhiều tiền của và số tiền chuộc mạng y cũng là tiền y vợ vét của nhân dân mà có được, thì việc mang để đền mạng, đem phục vụ đại cuộc cũng là hợp lẽ.

Sau thời gian được tha mạng, y co cụm, lâu ngày không thấy Phòng Biểu tái xuất, ngỡ rằng ông đã mất. Chứng nào tật nấy, tiếp tục trở thói vợ vét hà hiếp nhân dân như xưa, thấy không thể tha được nữa.

Năm ấy, đảo lệ Kỳ yên đình Tân An, cúng thần rất lớn có hát bội, được tin Ban tế tự đình có mời cả quan Tây và quan quân đạo bộ Phạm Công Khanh dự đánh trống lễ xây chầu để lấy lòng y. Phòng Biểu bí mật ẩn mình trong một nhà dân bên cạnh. Tối đến, sau khi hát xây chầu được một lúc, đột nhiên trên sân khấu xuất hiện một kép hát lạ thường, người cao lớn, vạm vỡ, oai phong như một vị tướng nhưng mặc thường phục, đầu chít khăn rìu, tay cầm thước bằng, nói tiếng sang sảng:

Ta là quan Phòng vệ Nguyễn Văn Biểu tới đây là để trị tội tên phản dân hại nước Phạm Công Khanh xin bà con xem hát hỷ yên lòng.

Nghe nói. Phạm Công Khanh rụng rời, buông dùi xuống luống cuống định tìm đường tẩu thoát. Nhưng Phòng Biểu đã nhanh tay chộp y cắt lấy đầu.

Sau đó bêu xác tại cây dương trước đình. Trước khi rút lui, Phòng Biểu dặn dân chúng: đúng ba ngày mới cho gia đình Phạm Công Khanh mang xác về chôn⁵⁶

Cây dương cổ thụ có người côi âm trú ngụ

Tạm gọi giai thoại này như thế, bởi câu chuyện là vậy, theo anh Nguyễn Thanh Thuận, công tác Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Đồng Tháp kể: “ Lúc còn công tác ở Bảo tàng tỉnh Đồng Tháp, khi khảo sát nghiên cứu lập hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di

⁵⁶ Nguyễn Hữu Hiếu, Giai dân gian Đồng Tháp Mười (1988) Phòng Biểu trị tội Phạm Công Khanh trang 84

tích cấp Tỉnh đối với đình Tân An, được các chú, bác trong Ban tế tự kể lại: các anh Dân phòng, mỗi đêm trăng sáng, sau phiên tuần tra, thấy sân đình thoáng rộng, dưới tán cây dương gió mát, âm thanh nghe vi vu bày ra làm vài xị đế, lắm khi mệt lẫn ra ngủ, trong giấc ngủ mơ màng nhiều anh cảm giác bị giật giò, lay người, còn nghe văng vẳng tiếng xua đuổi không được đến ngủ dưới gốc cây này v.v nhiều anh gan dạ, chẳng tin chuyện ma đè quỷ ám, sau lần tuần tra tiếp tục đến gốc dương ngủ thì bị đuổi như những lần trước.



Cây dương trước sân đình Tân An

Nhiều lần như vậy, anh này truyền tai anh kia, lâu dần không anh nào dám đến ngủ nữa...điều này đúng với truyền thuyết lời đồn dân gian, những cây cổ thụ thường có thần linh ngự, nên mọi người thường rất kiêng kỵ tụ tập vào giữa trưa đứng bóng hay về đêm, không được la ó om sòm làm kinh động quỷ thần quả trách gieo vạ tai ương... hơn nữa, cây ở đình chùa lại càng linh thiêng hơn. Còn đối với cây dương ở Tân An này, được truyền tụng là nơi từng bêu xác tên tay sai Phạm Công Khanh do Phòng Biểu cắt treo lên trệ tội hấn vì hà hiếp bóc lột vợ vệt của cải nhân dân như trên giai thoại Phạm Công Khanh bị cắt đầu ở đình Tân An đã kể trên. Bởi lẽ, do đương thời hấn làm nhiều chuyện thất đức, hại dân hại nước, nghiệp nặng, nên chưa siêu thoát được, linh hồn còn phảng phất vất vưởng ở cây dương?

Cặp đòn khiêng linh nghiệm



Thanh đòn và đầu xe rông

Ở đình có làm sẵn cặp đòn dài, bằng gỗ sao chắc chắn để khiêng kiệu long đình rước sắc thần vào mỗi lễ cúng, nặng khoảng hai người khỏe khoắn mới vác nổi. Ngoài ra, đình Tân An còn đóng một chiếc xe rông để làm từ thiện, gia đình nào gặp có chuyện hiếu hỷ, khó khăn về phương tiện khi có người thân quá cố, đình sẽ hỗ trợ cho mượn xe rông đưa tiễn người thân, sẵn tiện mượn cặp đòn khiêng làm dụng cụ khiêng quan tài khi hạ nguyệt, xong xuôi mang trả cặp đòn về để bên hông vỏ ca đình. Một điều lạ đã xảy ra là, cặp đòn nặng là thế, để nơi vững chãi mà lắm khi nhiều đêm thanh vắng, từ đình và những người nhà ở lân cận đang ngủ bỗng nghe tiếng khua lộp cộp rất lớn, tưởng chừng như có người chuẩn bị mang thanh đòn đi, tiếng va chạm vào nhau khua vang. Những lần nghe tiếng động như thế, có người bạo dạn mở cửa ra xem thì thấy hai thanh đòn khiêng vẫn nằm yên vị trí cũ, chẳng thấy xê dịch gì. Không biết do lâu ngày thanh đòn dùng khiêng quan tài người chết, linh hồn người hóa vãng có thâm nhập vào và ứng báo hay không, nhưng có trùng hợp là mỗi đêm khi nghe tiếng khua như thế thì y như rằng sáng hôm sau có gia đình đến đến mượn xe rông và cặp đòn khiêng để tiễn người xấu số. Lâu dần, câu chuyện về cặp đòn được truyền tụng trong dân gian quanh khu vực đình và nó trở thành một chuyện kiêng kỵ ở ngôi đình Tân An này. Các vị Từ trông coi đình, không để trẻ em đến gần nô đùa, đụng chạm, khua vào thanh đòn khiêng để xảy ra điều không may.

PHẦN 2. NHÀ CỎ

NHÀ CỎ ĐỒNG THÁP - DI SẢN VĂN HÓA THỜI KHẨN HOANG

Dưới triều Nguyễn (từ thế kỷ XVI đến cuối thế kỷ XVII) những cư dân từ miền Bắc, miền Trung đến vùng đất Nam bộ khẩn hoang mở đất canh tác, lao động sản xuất phát triển kinh tế gia đình, xây dựng nhà cửa định cư lâu dài, dần dần hình thành xóm ấp, làng mạc, những thiết chế văn hóa mang tính đặc trưng, phù hợp với môi trường tự nhiên của vùng đất Nam bộ và những dấu tích đó còn được lưu truyền đến ngày nay.

Nhà cỏ được coi là di sản đặc sắc về làng mạc xưa, thể hiện ý chí, thành quả lao động, cùng những chính sách khẩn hoang của triều Nguyễn về “Cuộc mở cõi” phương Nam, là một trong những di sản mang đậm dấu ấn thời khẩn hoang của vùng đất Nam bộ nói chung và Đồng Tháp nói riêng, chứa đựng nhiều thông điệp của quá khứ, có giá trị lịch sử, kiến trúc, văn hóa, nghệ thuật. Phản ánh đời sống, điều kiện ăn ở, sinh hoạt, đi lại và sự phát triển xã hội qua từng thời kỳ... ở mỗi địa phương.

Nhà cỏ Đồng Tháp mang nét kiến trúc dân gian truyền thống từ miền Bắc, miền Trung. Được kế thừa, cải biến để thích nghi với môi trường mới, tạo thêm không gian sinh hoạt thoáng đãng và thoải mái. Song, đó còn có sự dung hợp và giao thoa kiến trúc của nhiều dân tộc, quốc gia (Hoa – Việt), (Hoa – Pháp, Pháp - Việt, Việt – Pháp – Hoa) v.v, đánh dấu sự phát triển của lịch sử kiến trúc xây dựng nước nhà, thể hiện qua hình thức, kiểu dáng. Đặc biệt, mô típ phong cách kiến trúc phương Đông - Tây phát triển song hành cùng kiến trúc nhà truyền thống của người Việt ở Đồng Tháp nói chung và cả nước nói riêng. Những ngôi nhà xưa ở Đồng Tháp (từ 70 - 80 năm) và nhà cỏ từ trên 90 đến trên 100 năm còn khá nhiều. Kết cấu, kiểu dáng phong phú, đa dạng còn tương đối nguyên vẹn, gồm: nhà chữ đình, bát dền, xếp đội, biệt thự (kiến trúc Việt, Hoa, Pháp)



Nhà chữ đình trăm cột - Kiến trúc truyền thống người Việt



Nhà theo kiến trúc Việt – Pháp – Hoa



Nhà theo kiến trúc biệt thự Pháp

Nhà cổ ở Đồng Tháp được cất dọc hai bên bờ lộ, theo kênh rạch, yếu tố tiện lợi trong sinh hoạt “Nhất cận thị, nhị cận giang, tam cận điền, tứ cận lộ” được chú trọng hơn yếu tố phong thủy. Đây là cách ứng xử linh hoạt của tiền nhân trong việc dựng nhà. Cất trên nền đất đắp cao hơn mặt vườn, ruộng xung quanh, nền xây gạch hoặc ốp đá chẻ. Đối với những vùng nước ngập thì cất trên cọc, sàn lót ván.

Nhà được cất theo hai dạng chính là: nhà gỗ cột tròn, vách ván hay vách xây tường chịu lực bằng gạch, ô dước. Khung gỗ, kết cấu vì kèo “ăn mộng” âm dương, chốt gỗ tiện lợi trong việc tháo dỡ (không sử dụng đinh kim loại), sử dụng các loại gỗ quý như: cẩm xe, cà chát, kiền kiền, dền dền v.v. mái lợp ngói âm dương hay ngói móc.

Dạng thứ hai, đối với những gia đình giàu có sử dụng vật liệu hiện đại để xây cất. Vật liệu, gạch, ngói, ô dước, xi măng v.v. đôi khi được đặt mua từ bên Pháp.

Ở nhà cổ, bên trong đều có trang trí liễn đối, bao lam, hoành phi v.v. theo nội dung nho giáo khuyến nhủ, giáo dục đức hạnh con người, nuôi dạy con cháu ngoan hiền, giữ gìn lễ giáo gia phong, học hành đỗ đạt... hướng đến những giá trị chân, thiện, mỹ của cuộc sống.

Các đồ án trang trí theo phong cách nghệ thuật thời Nguyễn (từ thế kỷ XVIII đến thế kỷ XX) với các đề tài tứ thời: mai, lan, cúc, trúc; tùng, lộc, uyên ương, hoa dây, doi, lựu, tứ linh: long, lân, qui, phượng... chạm trổ tinh xảo, đường nét mềm mại, uyển chuyển đạt trình độ nghệ thuật cao, được thực hiện bởi đôi tay tài hoa của những người nghệ sĩ điêu khắc dân gian xưa.

Đến những ngôi nhà cổ ta thấy sự bài trí ở đây rất hài hòa, ngăn nắp, tỉ mỉ, tiện ích trong sinh hàng ngày của gia đình. Nhà thường được chia hai khu vực chính:

Nhà trên: phần trước căn nhà là nơi tiếp khách và thờ phụng tổ tiên. Chính giữa là nơi đặt bàn thờ và bàn đọc, hai bên phía trước là bộ trường kỷ, hai bên trường kỷ là hai bộ ngựa (có nơi gọi là bộ ván, bộ phản) phía trước hàng ba hay thảo bệ là nơi tiếp khách hay uống trà hàng ngày. Phía sau nhà trên, sau vách bàn thờ là nơi để những đồ đạc có giá trị hay buồng ngủ của những phụ nữ trong nhà.

Nhà dưới: nơi diễn ra sinh hoạt hàng ngày của gia đình, nấu nướng, ăn uống, may vá, để nông cụ sản xuất v.v.

Theo số liệu khảo sát, địa bàn tỉnh Đồng Tháp số lượng nhà cổ còn 66 nhà (trong đó có 22 nhà từ 90 năm đến 99 năm; 44 nhà từ 100 năm trở lên). Tập trung ở các địa phương như: thành phố Sa Đéc, thành phố Cao Lãnh, huyện Châu Thành, Lấp Vò, Thanh Bình, huyện Hồng Ngự, Lai Vung. Đặc biệt, Cù lao Long Khánh, huyện Hồng Ngự là địa phương có số lượng nhà cổ nhiều nhất: 24 nhà.

Những ngôi nhà cổ còn tồn tại đến ngày nay ở tỉnh Đồng Tháp là di sản văn hóa của tiền nhân thời khẩn hoang thực hiện ước vọng “An cư lạc nghiệp”. Nó là tổ ấm, nơi sinh hoạt và thờ cúng tổ tiên, ông bà qua nhiều thế hệ. Được kế thừa, gìn giữ, lưu truyền các giá trị về vật chất, tinh thần, kinh nghiệm lao động sản xuất, nuôi dạy con cái và nền nếp gia phong lễ giáo v.v. để giáo dục con cháu trở thành những công dân có ích cho xã hội.

NHÀ CỔ ĐỒNG THÁP VÀ NÉT SINH HOẠT TRUYỀN THỐNG

MỞ ĐẦU



Nhà ở của người dân Đồng Tháp nói chung, nhà cổ nói riêng, có lịch sử hình thành và phát triển gắn liền với thời kỳ khẩn hoang. Những ngôi nhà cổ tồn tại đến ngày nay, đó là di sản văn hoá của lớp cận hậu duệ người tiên phong từ miền Trung, miền Bắc đến đây lập nghiệp. Khi cuộc sống đã ổn định, kinh tế khá giả, họ dựng nhà kiên cố để ở lâu dài, dần dần phát triển thành làng mạc và hình thành nên các thiết chế văn hóa phục vụ cuộc sống trên vùng đất mới.

Trải qua quá trình tồn tại, nhà cổ ở Đồng Tháp có những tiếp biến về đặc điểm kiểu dáng kiến trúc và kết cấu. Lúc đầu, là sự kế thừa kiểu dáng nhà ở của miền Trung và miền Bắc. Tuy nhiên, qua từng giai đoạn phát triển lịch sử, nhà cổ ở Đồng Tháp có những cải biến về chi tiết kết cấu và ngày càng hoàn thiện về kiểu dáng để thích nghi với môi trường tự nhiên và điều kiện sinh hoạt nơi đây.

Thông qua trại sáng tác Văn nghệ dân gian, lựa chọn đề tài tham dự trại, tôi nhận thấy nội dung nghiên cứu về Nhà cổ Đồng Tháp và nếp sinh hoạt truyền thống rất hấp dẫn. Mảng đề tài còn khá mới mẻ, các tác giả nghiên cứu còn “Bỏ ngõ”. Như cơ may “Ưu tiên” dành phần “Đất trống” cho những người tập tành vào nghề nghiên cứu như tôi. Hơn thế nữa, đây là lĩnh vực phù hợp với chuyên môn mà trong quá trình công tác tôi đã có nhiều dịp tiếp cận. Có thể nói, đây là yếu tố thuận lợi để thực hiện đề tài này.

Tuy nhiên, đối tượng đề tài: “Nhà cổ Đồng Tháp và sinh hoạt truyền thống” cũng không phải là đề tài dễ dàng đối với những người mới vào “Nghề” như tôi, vì tài liệu nghiên cứu của những tiền bối đi trước không nhiều, kinh nghiệm bản thân còn hạn chế, địa bàn nghiên cứu rộng, ít cộng sự cộng tác...

Song, với sự đam mê lĩnh vực: “Nhà cổ Đồng Tháp và nếp sinh hoạt truyền thống” gắn liền với cuộc sống đã thu hút tôi phấn đấu cố gắng vượt qua những khó khăn trước mắt, tìm tòi nghiên cứu, khảo sát thực địa, đối chiếu kết quả nghiên cứu nhằm làm sáng tỏ mục tiêu đề tài đã đề ra, góp phần tìm hiểu lịch sử kiến trúc nhà cổ ở Đồng Tháp và Nếp sinh hoạt trong quá trình cộng cư của chủ nhân ở những ngôi nhà xưa, qua đó chiêm nghiệm về những di sản của tiền nhân để lại mang dấu ấn lịch sử của thời kỳ khai hoang. Những kỹ thuật liên kết khung, dựng nhà, những đồ án

trang trí, nội thất, đồ dùng sinh hoạt thể hiện sự tài hoa khéo léo của người nghệ nhân điêu khắc dân gian xưa; hay những tục lệ thói ăn, nếp ở; nghi thức thờ cúng, nền nếp gia phong lễ giáo truyền thống sinh hoạt gia đình của một thời kỳ lịch sử.

Thông qua đó, kế thừa những truyền thống đạo đức tốt đẹp để truyền dạy cho con cái, thế hệ trẻ hôm nay, đồng thời loại bỏ những mặt hạn chế lạc hậu, cổ hủ để góp phần củng cố, xây dựng cuộc sống con người và phát triển xã hội ngày càng văn minh, hiện đại.

Chương I: KHÁI QUÁT

I. Điều kiện tự nhiên



Bản đồ tỉnh Đồng Tháp

Đồng Tháp là một tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long với địa hình sông nước, kênh rạch chằng chịt. Khoảng thế kỷ XVI, những lưu dân từ miền Bắc, miền Trung vào đây “Sinh cơ lập nghiệp”. Cùng với người Việt, Hoa, Khơ me bản địa, họ đã khai hoang, lập làng tạo dựng cuộc sống trên “Vùng đất mới”. Về lịch sử, Nam bộ thường được gọi là “Vùng đất mới”, điều đó không có nghĩa trước đây vùng đất này vô chủ. Theo các nhà khảo cổ học đã ghi nhận được thì vào những thế kỷ đầu Công nguyên, ở đồng bằng sông Cửu Long có những vết cư trú nhà sàn trên cọc, kiểu kiến trúc trên gò nổi, những hệ

thống thủy đạo, thành đất của một đô thị cổ ở vùng tứ giác Long Xuyên, vùng U Minh Thượng v.v. có lẽ đó là dấu vết cuộc sống của lớp người vốn là chủ nhân nền văn minh Óc Eo, Ba Thê. Nền văn minh ấy hưng thịnh khoảng vài trăm năm rồi chìm đắm trong lòng đất miền Tây và chỉ còn lại hư ảo về một vương quốc Phù Nam hay một “Nước chí tôn” nào đó trong sử sách, bi ký cổ [8:413]. Theo các nhà Dân tộc học, văn hóa vật chất (cũng như văn hóa tinh thần, văn hóa xã hội v.v.) của các dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay đều được xây dựng trên một nền tảng lâu đời và vững chắc của nền văn minh Nam Á (civilisation Austro asiatique)⁵⁷.

Trải qua quá trình khẩn hoang, lập làng ổn định cuộc sống, họ đã tạo nên những giá trị về văn hoá vật chất và tinh thần mang sắc thái riêng, phù hợp

⁵⁷Phan Thị Yến Tuyết, Nhà ở trang phục ăn uống của các dân tộc vùng đồng bằng sông Cửu Long, 1993, Nxb Khoa học xã hội.

với yếu tố địa lý và môi trường trên vùng đất Nam bộ nói chung và Đồng Tháp nói riêng. Trong đó, nhà cổ là một yếu tố về văn hoá vật chất chứa đựng giá trị tinh thần mang tính đặc trưng.

II. Lịch sử hình thành

Ở Nam bộ nói chung, tỉnh Đồng Tháp nói riêng thời kỳ khẩn hoang mật độ dân cư thưa thớt, đất đai rừng rậm hoang vu. Những lưu dân đến đây sống tập trung thành từng chòm xóm có tính cách tự quản. Đến khoảng cuối thế kỷ XVII, vùng cư trú của người Việt phát triển nhanh chóng. Khi lưu dân Việt đến cư trú đông đúc thì nhà nước Phong kiến triều Nguyễn tìm cách đặt nền hành chính, tổ chức chính quyền quản lý nơi đó bằng những hoạt động quân sự cùng những cuộc can thiệp ngoại giao vào nội tình hoàng gia Chân Lạp (*lúc đó đang suy thoái do các phe nhóm hoàng tộc chia rẽ, tiêu diệt nhau để giành ngôi*). Năm 1698 chúa Nguyễn chính thức lập Phủ Gia Định (*theo Đại Nam thực lục tiền biên, tập 1, năm Mậu Dần 1698, tháng 2 bắt đầu đặt Phủ Gia Định, thiết lập xã, thôn, phường, ấp, chia cắt giới phận ... làm sổ đinh điền*). Như vậy từ thời điểm này, địa vị của người Việt trên đất Thủy Chân Lạp đã bắt đầu vững chắc, phát triển và cuộc Nam tiến đến vùng Cà Mau đã được chúa Nguyễn hoàn tất vào năm 1757. Trong công cuộc mở đất lập làng của người Việt Đồng Bằng Sông Cửu Long đã diễn ra không hề thuận lợi.⁵⁸ Vì lịch sử dựng làng, lập ấp ở vùng đất này gắn liền với thời kỳ khẩn hoang kéo dài đầy khó khăn, gian khổ bởi thiên nhiên hoang dã khắc nghiệt nhiều sơn lam, chướng khí và giặc ngoại xâm triền miên.

Theo dòng chảy của lịch sử, những ngôi nhà được sử dụng làm nơi cư trú của nhóm cư dân tiên phuông ban đầu khai phá vùng đất phương Nam đã trở thành những di sản quý báu, có ý nghĩa to lớn về giá trị lịch sử văn hoá vật chất và tinh thần của cá nhân, dòng tộc và của cả cộng đồng xã hội.

Cũng như những nơi khác, nhà cổ ở Đồng Tháp, là những di tích, những vật chứng về một thời kỳ lịch sử khẩn hoang, ghi dấu về quá trình hình thành nên làng mạc trên một vùng đất, phản ánh đời sống của cộng đồng dân cư ở mỗi địa phương về trình độ canh tác, kiến trúc, phân bố dân cư, văn hoá xã hội v.v. của một thời kỳ lịch sử nhất định. Vì vậy việc nghiên cứu để bảo tồn và gìn giữ những giá trị văn hoá truyền thống quý báu đó góp phần làm giàu thêm kho tàng di sản của dân tộc và nhân loại. Làm nền tảng văn hóa thúc đẩy xã hội phát triển trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, là động lực thúc đẩy vì sự tiến bộ của nhân loại.

⁵⁸ Phan Thị Yên Tuyết, Nhà ở trang phục ăn uống của các dân tộc vùng đồng bằng sông Cửu Long, 1993, Nxb Khoa học xã hội.

Trải qua thời kỳ dài của lịch sử chống chọi với thiên nhiên và trong các cuộc đấu tranh bảo vệ tổ quốc, Đồng Tháp là nơi bị tàn phá nặng nề bởi thiên tai và bom đạn của quân thù làm tổn hại đến nhiều cơ sở vật chất; nhà ở là tâm điểm của các cuộc càn quét, thực hiện ý đồ “*Tát nước bắt cá*” hòng khủng bố và cách ly quần chúng với cơ sở Cách mạng.... Vì vậy trong thời kỳ này, vô số nhà ở nhân dân đã bị bọn giặc đốt phá, cùng với thời gian và điều kiện môi trường thiên nhiên nơi đây nóng ẩm, mưa nhiều cũng góp phần làm hư hại nhiều ngôi nhà cổ, làm xoá dần đi những giá trị văn hoá, lịch sử của một thời kỳ khấn hoang trên vùng đất Nam bộ nói chung và Đồng Tháp nói riêng.

Xuất phát từ tình hình thực tế về công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá vật thể và phi vật thể trên địa bàn tỉnh của các cơ quan chuyên môn hiện nay còn nhiều hạn chế về kinh phí, nguồn nhân lực có chuyên môn sâu để thực hiện công tác bảo tồn, thì lẽ đương nhiên những di sản của tiền nhân cũng sẽ dần bị mai một theo năm tháng và “Nguồn tư liệu sống” để phục vụ công tác nghiên cứu về đối tượng này sẽ bị thu hẹp dần.

Nên việc điều tra nghiên cứu, tiến hành khảo sát, thống kê lập danh sách, số lượng nhà cổ ở các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh, lựa chọn trình bày nội dung lịch sử xây dựng, giá trị kiến trúc, giá trị lịch sử những ngôi nhà cổ tiêu biểu và tìm hiểu ghi chép văn hoá ứng xử của chủ nhân nhà cổ qua từng thời kỳ tập hợp thể hiện thành tác phẩm Văn nghệ Dân gian để lưu giữ vốn tư liệu về di sản văn hóa dân gian nhà ở trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, làm cơ sở dữ liệu để khi có điều kiện nghiên cứu sâu, mở rộng thêm đề tài ngày càng phong phú và sáng tỏ lịch sử kiến trúc nhà cổ, nếp sinh hoạt truyền thống và những vấn đề khác có liên quan...

Đề tài này cũng hy vọng cùng góp phần với những bài viết, công trình của những nhà nghiên cứu trước đây ở nhiều mức độ khác nhau cùng hướng đến mục đích tìm hiểu, bảo tồn di sản, gìn giữ nhà cổ đưa vào sử dụng, phục vụ nghiên cứu khoa học kiến trúc, du lịch...làm phong phú, đa dạng các loại hình di sản văn hóa phục vụ tham quan, nâng cao đời sống tinh thần của cộng đồng.

III. Sự giao thoa kiến trúc

Lịch sử phát triển kiến trúc Việt Nam trong thời kỳ cận đại trùng với thời kỳ thực dân Pháp đô hộ nước ta. Đó là thời kỳ chuyển tiếp hết sức quan trọng trong sự phát triển kiến trúc Việt Nam. Bởi vì từ cuối thế kỷ XIX trở về trước, kiến trúc Việt Nam là kiến trúc truyền thống, kiến trúc gỗ với nguyên vật liệu sẵn có.

Người phương Tây, cụ thể là người Pháp đã đưa vào Việt Nam một nền kiến trúc mới của Châu Âu tương ứng với công nghệ vật liệu và mỹ thuật Châu Âu. Như thế

tạo ra một thời kỳ chuyển tiếp giữa kiến trúc truyền thống sang kiến trúc hiện đại ngày nay. Đó là câu nổi lịch sử giữa kiến trúc truyền thống và hiện đại.

Và cũng chính ở thời kỳ này đã xuất hiện nhiều đô thị mới, đặc biệt nhiều thể loại kiến trúc mới chưa bao giờ có trong kiến trúc của người Việt cũng như nhiều dân tộc Á Đông khác như Nhà Thương (bệnh viện), Bưu Điện, Cầu Sắt, Bảo tàng, Viện Nghiên Cứu, Khách Sạn, Nhà Hát, thậm chí là nhà cho thuê (nhà sát vách nhau, đó là tiền thân của chung cư ngày nay).

Song song đó, kiến trúc nhà ở, cơ sở thờ tự tôn giáo, tín ngưỡng ở Đồng Tháp cũng có những biến cải nhất định qua từng thời kỳ thể hiện qua sự giao thoa kiến trúc giữa các địa phương trong nước và nước ngoài như: kiến trúc miền Trung, miền Bắc, kiến trúc Trung Hoa và kiến trúc Pháp v.v.

Sự giao thoa về kiến trúc Việt – Pháp còn thể hiện rõ nét qua những dạng như: thứ nhất, pha trộn hai kiểu kiến trúc truyền thống và kiến trúc thuộc địa nhằm tận dụng những ưu điểm của hai kiểu kiến trúc. Thứ hai, là một số nhà rường thuần Việt xây dựng từ trước, sau đó chủ nhân chịu ảnh hưởng của trào lưu kiến trúc mới, nên đã sửa chữa lại ngôi nhà của họ. Việc thay đổi mặt tiền, tường bao và trang trí kiến trúc của ngôi nhà, bên cạnh yếu tố thẩm mỹ còn có mục đích tăng cường độ an toàn chắc chắn, đảm bảo an ninh chống lại nạn trộm cắp cùng những bất ổn an ninh xã hội ở giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu XX⁵⁹.

Qui mô kiến trúc, kiểu dáng, vật liệu... từng ngôi nhà phản nào phản ánh trình độ thẩm mỹ, khả năng tài chính, quan hệ xã hội của chủ nhân ngôi nhà đó.

Hiện nay, trên cả nước nói chung, Đồng Tháp nói riêng, những ngôi nhà cổ còn giữ được những yếu tố gốc có giá trị lịch sử, văn hóa, nghệ thuật... được các cơ quan chuyên môn đề nghị và nhà nước xếp hạng di tích cấp tỉnh, cấp quốc gia, cụ thể ở Đồng Tháp có hai nhà được xếp hạng: Nhà cổ Huỳnh Cẩm Thuận (Huỳnh Thủy Lê, cấp quốc gia), nhà Trần Phú Cường (cấp tỉnh), cùng ở phường 2, thành phố Sa Đéc.

Chương II: KIỂU NHÀ

Theo quan niệm của người xưa: “Làm nhà” - Việc quan trọng thứ ba của đời người : “Tậu trâu, cưới vợ, làm nhà là ba việc quan trọng của đời người”.

Trong giai đoạn thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XX việc áp dụng cơ giới, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào lĩnh vực nông nghiệp ở Việt Nam còn hạn chế. Sức kéo, sức cày ở những vùng đồng bằng, chủ yếu đều trông cậy vào con trâu. Vì vậy con trâu được ví là “Đầu cơ nghiệp” do đó phải “Nhịn thuốc mua trâu, nhịn trâu mua đất” và khi có trâu rồi xem trâu như “Bạn cần lao”:

⁵⁹ Nguyễn Xuân Hoanh, 2011, Ngôi nhà gỗ dân gian truyền thống của người Việt ở Vĩnh Long, NXB Lao động.

“Trâu ơi ta bảo trâu này,
Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta,
Cấy cày vốn nghiệp nông gia,
Trâu đây ta đẩy ai mà quản công,
Chùng nào cây lúa còn bông,
Thì ngoài đồng còn ngọn cỏ trâu ăn...”

Qua câu ca dao trên, cho ta thấy con trâu đã trở thành “Người bạn chí thân của người nông dân xưa”. Cùng nhau san sẻ công việc và nguồn sống. Trâu giúp ích rất nhiều cho người nông dân trong việc tạo lập cuộc sống, phát triển kinh tế gia đình. Tạo nguồn lực “Tài chính” cho lớp lớp thanh niên trưởng thành lập nghiệp “Dựng vợ, gả chồng” để “Lo công việc làm ăn”, cất nhà xây tổ ấm làm nền tảng để “An cư, lạc nghiệp”, phát triển làng mạc. Những ngôi nhà xưa, nhà cổ còn tồn tại đến nay là vật chứng về điều đó.

Và trong việc cất nhà cũng như nề nếp sinh hoạt gia đình xưa có những qui định ràng buộc theo luật lệ: “Quốc có quốc pháp, gia có gia qui” đó là những Điều chế của xã hội qui định để thần dân trong nước thực hiện theo nhằm đảm bảo tôn ty trật tự xã hội; gia đình thì có nề nếp gia phong, lễ giáo buộc mọi thành viên trong dòng tộc đều phải tuân thủ để giữ gìn mối bản sắc truyền thống quốc gia dân tộc. Vì vậy mọi vật dụng sinh hoạt, tác phong của mọi người trong xã hội đều có qui ước theo khuôn phép thứ bậc để thực hiện.

Điều này chúng ta có thể nhận thấy qua qui định trong Luật Gia Long triều Nguyễn, ở Điều 156 như sau: “Tất cả nhà cửa, xe cộ, áo quần và tất cả mọi vật dụng của quan chức và thường dân phải phân biệt rõ rệt. Ai dùng trái phép thì bị tội. Nhà cửa thường dân không được dựng trên một bệ đôi lợp mái đôi và làm gác”.

Nhà dân cất trong phố thị, trên những con đường nhà vua vi hành qua, không được mở cửa sổ để tránh nhìn trộm vua. (Tại khu phố cổ ở thành phố Hà Nội ngày nay vẫn còn nhiều nhà không mở cửa sổ).

Trong nhà không được sơn phết trang hoàng. Mọi sự tô điểm đèn thượng lương (đèn đồng), nóc nhà, sườn nhà và trong nhà đều có sắc lệnh qui định.

Các quan đại thần nhất, nhị phẩm trang hoàng đèn thượng lương, nóc nhà, sườn nhà bằng hoa lá hoặc đầu thú loại bốn chân như: cọp, rùa, sư tử.

Từ tam phẩm đến ngũ phẩm chỉ được trang hoàng đèn tài thú vật bốn chân.

Từ lục phẩm trở xuống không được phép trang hoàng gì cả.”

Xem qua Điều Luật trên, chúng ta thấy rằng, về lĩnh vực xây cất nhà ở thời xưa đều có những qui định cụ thể theo thứ bậc cho mọi đối tượng từ quan lại đến thường dân.

I. Mặt bằng phân bố xây dựng.

Đồng Tháp với đặc điểm địa hình tự nhiên nhiều sông rạch, cư dân sống chủ yếu tập trung theo những bờ sông rạch để tiện việc sinh hoạt, đi lại canh tác ruộng vườn, vận chuyển nông sản bằng phương tiện thủy ... từ đó hình thành nên tính cách, nếp sinh hoạt mang phong cách đặc trưng của vùng sông nước miền Tây Nam bộ, địa bàn cư trú tự nhiên theo những con đường ven sông rạch và mặt bằng nhà ở thường phân bố theo hai hình thức chính như:

I.1. Địa bàn cư trú ven đường.

Đối với loại hình cư trú ven đường thường có sơ đồ cấu trúc như sau: Sân – Nhà - Vườn – Ao cá. Đây là cấu trúc đa phần, nhưng cũng có những trường hợp cá biệt. Mô hình cư trú này thường là những người sinh sống ở vùng ven đô, xa kinh rạch hoặc đôi khi là khu vực ở thành thị (như địa bàn đô thị Sa Đéc hình thành sớm nên có cơ cấu mặt bằng sinh hoạt này) gắn với nghề nghiệp kinh doanh, mua bán hay là công chức ăn lương, ít gắn với công việc đồng ruộng. Thời kỳ này, đất rộng người thưa, nên người sinh sống ở thành thị vẫn sở hữu diện tích đất rộng rãi để lập ao vườn, tạo môi trường sống thoáng đãng. Vườn ao của họ đôi khi chỉ để nuôi, trồng “Văn nghệ” tạo cây xanh bóng mát, dự trữ thực phẩm sử dụng trong gia đình là chính chứ ít chú trọng đến yếu tố kinh tế. Vì mặt bằng sinh hoạt có “Chất thành thị” nên nhà của họ có yếu tố giao thoa kiến trúc cao và khá phổ biến. Sử dụng vật liệu xây dựng hiện đại nhiều hơn vật liệu truyền thống (cụ thể như nhà ông Nguyễn Thành Giung ở Sa Đéc vật liệu xây dựng đặt mua tận bên Pháp, qua khảo sát ngôi có hiệu sản xuất ghi bằng tiếng Pháp).

I.2. Địa bàn cư trú ven sông rạch

Được cấu trúc theo hai dạng: Sân – Nhà - Bến nước và Bến nước – Sân – Nhà - Vườn (hoặc ruộng)

Nhìn vào hai cấu trúc mặt bằng cư trú này ta nhận thấy địa điểm sinh sống của những người theo mô hình này là ở nông thôn, gần với vườn ruộng và thông thường họ làm nghề nông, tập trung theo triền những con sông, rạch.

Nếu sông, rạch ở phía trước nhà thì theo cấu trúc Bến nước – Sân – Nhà - Vườn (hoặc ruộng) và ngược lại sông, rạch sau nhà thì theo cấu trúc Sân – Nhà - Bến nước.

Hai cấu trúc mặt bằng sinh hoạt trên phổ biến hầu khắp các địa phương nông thôn trong tỉnh Đồng Tháp.

Bến nước - cầu ao nơi có xuồng, ghe neo đậu, mảnh vườn, thửa ruộng đã trở thành hình ảnh thân quen, khắc sâu vào tiềm thức của từng người dân nơi đây. Nó trở thành kỷ niệm khó quên khi mỗi lần xa quê. Đây cũng là nét đặc trưng để hình thành nên tính cách mến khách, giàu tình cảm của người dân Đồng Tháp.

Nhà ở nói chung, nhà cổ nói riêng của những người dân nông thôn Đồng Tháp sống ở địa bàn cư trú này đa phần sử dụng vật liệu sẵn có ở địa phương để làm nhà (đối với những hộ trung nông và bình dân), nhưng cũng có những hộ khá giả phú hào, điền chủ... tài chánh dồi dào thì chọn mua vật liệu gỗ (ở Nam Vang), to, bền, chắc kết bè, đợi mùa nước đổ của nhánh sông Tiền (từ sau Mùng 5 tháng 5 đến khoảng giữa tháng 9 âm lịch) thả xuôi về hạ nguồn sử dụng làm nhà, ngói mua ở những nơi sản xuất nổi tiếng chuyển đến như: Sa Đéc⁶⁰, Vĩnh Long, Biên hòa hoặc cũng có người còn chọn vật liệu sản xuất từ Pháp quốc, Trung Hoa (nhà ông Huỳnh Thủy Lê mua vật liệu từ Trung Hoa) để làm nhà. Nhà xây gạch thường được kết lại bằng ô dước.

Từ thực tế cuộc sống, mặt bằng phân bố nhà ở của người dân Đồng Tháp nói riêng và đồng bằng sông Cửu Long nói chung, ít nặng về phong thủy, hướng phù hợp với tuổi tác gia chủ mà họ nhận thức rằng miễn cát nhà xoay mặt tiền ra đường lộ hoặc sông, rạch là hướng lý tưởng nhất, thuận tiện cho việc lưu thông buôn bán, làm ăn chứ không còn chỉ ưu tiên cho hướng Nam, hướng Đông.

II. Những kiểu nhà chính

II.1. Kiểu nhà phối hợp kiến trúc: Hoa - Việt – Pháp:

Là ngôi nhà này trước đây thuộc sở hữu của ông Huỳnh Cẩm Thuận (về sau ông Huỳnh Thủy Lê thừa kế), hiện nay thuộc quyền sở hữu của Nhà nước do Công ty cổ phần Du Lịch tỉnh Đồng Tháp quản lý, tọa lạc tại số 255A, khóm I, phường 2, thành phố Sa Đéc.

Địa danh phường 2, thành phố Sa Đéc hiện nay, trước đây là làng Tân Phú Đông, gắn liền với sự hình thành và phát triển của hai tỉnh An Giang và Đồng Tháp nên qua các giai đoạn lịch sử có sự thay đổi về tên địa danh.

Nhà ông Huỳnh Thủy Lê cất trên khu đất cao không ngập nước tại Chợ Sa Đéc, bên bờ sông Sa Đéc, thuộc loại nhà nền đất. Nhà cất theo kiểu biệt thự trệt, kiểu

⁶⁰ Gạch Sa Đéc nổi tiếng từ lâu do có đất sét tốt và kỹ thuật cao, đã được tặng Giấy khen tại cuộc đấu xảo năm 1923 tại Hà Nội.

ba gian, mặt trước xây kiểu cửa vòm kiến trúc La Mã thời phục hưng thế kỷ XVII, cột gỗ tròn, nền lát gạch bông, vách xây tường, mái lợp ngói âm dương.

Lịch sử xây dựng



Nhà cổ Huỳnh Thủy Lê

Lúc mới khai hoang làng Tân Phú Đông nói riêng, Sa Đéc nói chung là vùng đất trũng, nước ngập quanh năm, khí hậu ẩm ướt, rừng rậm hoang vu, có nhiều thú dữ, rắn độc v.v. . Dần dần được phù sa sông Tiền bồi đắp nên vùng đất này trở nên phì nhiêu trù phú cho những lưu dân vào đây lập nghiệp. Cư dân Sa Đéc xưa, phần lớn là những người dân từ miền Bắc, miền Trung (Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Ngãi) lưu tán hay muốn tránh cuộc phân tranh đẫm máu kéo dài giữa Chúa

Trịnh và Chúa Nguyễn từ đầu thế kỷ XVII nên đã theo gió mùa vào đây khai hoang lập nghiệp. Họ là những người tiên phong vũ trang bằng óc phiêu lưu mạo hiểm, bằng cây búa, lưỡi cày, tấm lưới v.v.

Một ít người Khơ me đã định cư tại đây từ lâu. Đặc biệt có số đông người Trung Hoa bất mãn với chính sách cai trị hà khắc của nhà Thanh đã đến đây với ý định lúc đầu là chờ thời cơ để kháng Thanh phục Minh. Dần về sau ý tưởng đó không còn nữa và đã định cư tại đây.

Khi xưa, Sa Đéc có một vị trí địa lý rất đặc biệt bên bờ sông Tiền, là thủy lộ quan trọng đi đến Nam Vang, Miến Điện thời kỳ đó. Các thương nhân Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha khi đi tìm kiếm đối tác, thị trường đã từng đi qua và ghé Sa Đéc. Vì thế nên Chợ Sa Đéc rất sầm uất nhộn nhịp trên bến dưới thuyền.

Buôn bán là một nghề rất hợp với cá tính của người Hoa lúc bấy giờ. Trong số người Hoa định cư ở Sa Đéc làm nghề buôn bán có ông Huỳnh Diệu Vĩnh quê ở tỉnh Phúc Kiến (Trung Quốc) làm ăn rất phát đạt. Ông Huỳnh Diệu Vĩnh có con là Huỳnh Thượng Thiết cũng nối tiếp nghề nghiệp của cha. Ông Huỳnh Thượng Thiết có người con trai là Huỳnh Vĩnh Thuận, sinh năm 1862 tại làng Tân Phú Đông, ông là người Hoa thành đạt nhất trong công việc kinh doanh mua bán tại vùng đất Sa Đéc miệt vườn này.

Năm 1895 ông có cất một ngôi nhà gỗ với kiến trúc đơn giản để ở, ngôi nhà có qui mô nhỏ, vách gỗ không có trang trí mỹ thuật gì nhiều.

Đến năm 1917 ông cho xây dựng lại khang trang bề thế như hiện nay. Toàn bộ nguyên vật liệu được mua từ Trung Quốc, ngôi nhà được xây dựng và trang trí là do các thợ chính người Hoa thực hiện. Công trình được thực hiện rất tỉ mỉ công phu và hoành tráng với thời hạn khoảng một năm.

Vị trí cất nhà là chọn đất được ông tuân thủ theo yếu tố phong thủy, hai yếu tố quan trọng nhất tạo thành vi khí hậu cho một ngôi nhà, phong là gió, động hơn thuộc về dương, không có gió thì hồng nhưng gió nhiều quá thì không tốt. Thủy là nước, tĩnh hơn thuộc về âm, trước nhà có nước sẽ cân bằng sinh thái cho ngôi nhà, nước động thì dơ bẩn mất vệ sinh không tốt, nước chảy mạnh thái quá thì không hay chỉ có nước chảy từ từ thì tốt nhất.

Ngoài việc chọn hướng và chọn đất còn một yếu tố vị trí nữa cũng rất quan trọng, thể hiện tính cộng đồng, vị trí mặt tiền gần chợ búa, vị trí giao thông đi lại thuận tiện đó là: nhất cận thị, nhị cận lân, tam cận giang, tứ cận lộ...

Nhà ông Huỳnh Cẩm Thuận đã đáp ứng các yếu tố ngay tại chợ Sa Đéc, cùng xóm với các người Hoa cổ quốc, phía trước có sông Sa Đéc, có đường Nguyễn Huệ trước mặt và Trần Hưng Đạo ở phía sau (ngày xưa phía sau nhà giáp với đường Trần Hưng Đạo).

Ông Huỳnh Cẩm Thuận là Trưởng ban trị sự Bang Phúc Kiến. Bang là tập hợp những người đồng hương ở tỉnh Phúc Kiến – Trung Quốc, ông là người có công trong việc xây dựng Kiến An Cung – Chùa Ông Quách từ năm 1924-1928, hiện là Di tích Lịch Sử Văn Hoá cấp Quốc gia.

Con trai út của ông Huỳnh Cẩm Thuận là ông Huỳnh Thuỷ Lê du học ở Pháp, đã thừa kế gia sản của ông cũng như chức vụ Trưởng ban trị sự Bang Phúc Kiến, Chánh tổng lý Chùa Kiến An Cung khi ông qua đời.

Khi ông Thuận mất, ông để lại khối tài sản đất đai, phố xá ở Sa Đéc rất nhiều, con trai lớn là ông Huỳnh Thoại Ngọc quản lý về đất đai, con trai út là Huỳnh Thuỷ Lê quản lý về phố xá (3/4 phố xá ở Sa Đéc là của ông Huỳnh Cẩm Thuận).

Hiện trạng ngôi nhà

Ngôi nhà được xây dựng trên diện tích đất 11,5 x 22,5m, cách bờ sông Sa Đéc 50m. Trước nhà có sân rộng trưng bày hoa kiểng, con lộ ngày xưa cặp bờ sông Sa Đéc nay là đường Nguyễn Huệ với bờ kè chắn sóng dọc theo sông.

Nhà được xây dựng theo kiến trúc Đông – Tây kết hợp, mặt tiền nhà xây dựng theo kiến trúc phương Tây là các kiến trúc cửa vòm, trụ cột hình vuông, các trụ cột cửa vòm hình tròn. Ngay chính giữa là lối ra vào có cửa vòm hình vòng cung lớn ở

giữa, hai bên là hình hai cửa vòng cung nhỏ, chỉ một lối đi ra vào rộng 1,77m ngay cửa vòm chính giữa sau khi bước lên bậc thêm tam cấp bằng đá.

Cửa vòm vòng cung theo kiểu La Mã, có hoa văn gạch bông làm phù điêu kiểu kiến trúc thời phục hưng vào thế kỷ XVII. Mặt trên của mặt tiền có ghép các mảnh sành, sứ, gạch bông và các khuôn bông để trang trí làm đẹp cho mặt tiền, mái nhà lợp ngói âm dương, trên nóc nhà, ở giữa hình tượng hai con rồng tranh trái châu gọi là lưỡng long tranh châu, ở hai đầu nóc nhà có hình hai đầu đao vuốt lên cao giống như hình con thuyền thể hiện đao ngọn sóng ngụ ý để vượt qua những thử thách.

Kể lối ra vào là khoảng hàng ba, đi vào nhà có ba cửa lớn, ba khung cửa phụ bên trái và bên phải bằng gỗ, mỗi khung có hai cánh cửa lá sách kiểu Pháp, cửa chính ở giữa có khung bao là nguyên khối đá xanh lớn, hai cánh cửa bằng gỗ gõ mật, trước là khung song cửa làm bằng 15 đoạn gỗ tròn. Khung song này khi đóng lại thì gió bên ngoài thổi vào được làm cho nhà được mát mẻ, thông thoáng, cửa vẫn mở mà không sợ kẻ trộm chui vào nhà, hai cánh cửa chính làm bằng gỗ (gỗ mật) cản ắc xì cừ nhiều hoa văn đẹp, cánh cửa bên phải có hai chữ Hán là:

Cảm Tình

Cánh cửa bên trái cũng có hai chữ Hán là:

Thuận Ý

Đại ý của hai câu này là tình cảm tốt đẹp hay vừa lòng toại ý. Ý muốn nói tình cảm của ông Huỳnh Thuận luôn luôn xứng ý, toại lòng với mọi người. Hai cánh cửa có nắm cửa hình đầu trâu có khoen tròn bằng đồng dùng để mở và đóng cửa.

Phía trên cửa chính có bức hoành phi chạm trổ hoa văn sơn son thếp vàng với 03 chữ Hán là:

Huỳnh Cẩm Thuận

Là tên chủ nhân ngôi nhà.

Phía trên trần nhà chính giữa có hình con rồng và bốn góc có hình bốn con dơi, ý muốn nói lên quyền huy và phước thọ, phía bên phải và bên trái trần nhà có hai chữ song hỷ, ý muốn nói lên sự hạnh phúc của gia đình.

Bao lam giữa nhà chạm trổ sơn son thếp vàng, hoa cúc, chim loan, chim phụng giao nhau, ý muốn nói là loan phụng hoà minh, sắc cầm hảo hiệp. Phía trên bao lam thành vòm này là hoành phi sơn son thếp vàng với bốn chữ Hán:

“Trung Tây Giao Hòa”

Sự giao hoà ở đây về mặt kiến trúc giữa Trung Hoa và phương Tây.

Hai bên là hai cây cột tròn bằng cây gỗ, có trên hai tấm liễn. Liễn bên phải với năm chữ:

“Cảm tâm Khôi Thế Nghiệp”

Liễn bên trái với năm chữ:

“Thuận Ý Cơ Cứu Nghĩa”

Hai câu trên có nghĩa là ông Huỳnh Cẩm Thuận luôn lo nghĩ trong tim mình bằng mọi cách để tạo dựng sự nghiệp to lớn với đời để vừa lòng vừa ý, muốn con cháu nối được sự nghiệp của ông cha. Ý của ông là có được sự nghiệp to lớn để truyền lại cho con cháu.

Ở mặt trước nhà này có tất cả ba bao lam thành vọng được chạm trổ công phu độc đáo sơn son thếp vàng hoa cúc, chim loan, chim phụng. Trên bao lam thành vọng phía bên phải có bốn chữ Hán đặt trong khung kính là:

“Vị Thiện Tồi Lạc”

Nghĩa là rất vui vẻ để làm việc thiện. Trên bao lam thành vọng phía bên trái cũng có bốn chữ Hán đặt trong khung kính là:

“TÍCH ĐỨC ĐANG ĐIỀN”

Nghĩa là việc đầu tiên là phải lo tích lũy công đức.

Ngay gian chính giữa nhà là bàn thờ Quan Công, bàn thờ Quan Công gồm có khánh thờ và bàn thờ. Khánh thờ được chạm trổ hoa cúc, chim công và rồng, phía trên có hai rồng hai bên tranh trái châu ở giữa, lưỡng long tranh châu. Bên trong có tranh chân dung Quan Công cao 1,63m; ngang 0,87m, với tư thế ngồi mặt đỏ, râu đen nghiêng về bên phải, tay trái đặt trên đùi, tay phải nâng đai ngọc. Hai bên có hai câu đối chữ Hán, bên phải có bảy chữ:

“Hương Yên Toại Lộ Tài Nguyên Tự”

Nghĩa là hương khói nghi ngút biểu lộ tài nguyên tự tại, bên trái có bảy chữ Hán là:

“Đăng Chúc Tường Huy Phúc Tấn Hưởng”

Nghĩa là đèn đuốc sáng toả có điềm lành phúc để tận hưởng. Ý nói của câu đối này là nhà cửa khói hương nghi ngút, đèn đuốc sáng trưng biểu hiện điềm lành trời ban tài lộc sẽ được tận hưởng.

Bàn thờ là một ghế nghi chân thẳng cao 1,07; ngang 1,19m; rộng 0,72m có chạm hoa văn hoa lá ở phía trước.

Đây là điểm khác biệt đối với các ngôi nhà thuần Việt của người Việt, ba gian hay ba gian hai chái bát dần, gian giữa là gian thờ cúng gia tiên, ông bà cha mẹ. Đối với người Hoa thì gian giữa thờ Quan Công, còn gọi là Quan Thánh Đế Quân, Quan Công Xích Đế, Đức Quan Đế, Quan Vân Trường hay Quan Vũ. Ông là một nhân vật lịch sử sống vào thời Tam quốc cuối đời nhà Hán, ông sinh năm 162 tại tỉnh Hà Đông (Trung Quốc) và mất năm 219. Dân gian người Hoa thờ ông vì cho rằng ông là tượng trưng cho danh dự, lòng chung thủy, sự hy sinh, độ lượng, can đảm tốt bụng, công minh chính trực, sự dũng cảm... Ngoài ra cũng vì ông đã hiển thánh và ông “độ” cho giới đàn ông.

Hai bên vách có hai tấm gương lớn, khung có chạm khắc sơn son thếp vàng cao 1,95m; ngang 0,91m.

Sau bàn thờ có hai cửa phòng thông ra sau có bao lam sơn son thếp vàng, có một đi - văng gỗ xưa có cấn xà cừ cao 0,64m; dài 2,05m; ngang 1,70m. Ở hai bên là hai phòng ngủ, ba mặt là vách gỗ, cửa vào ở bìa đối diện với đi - văng, ba mặt đều có trang trí chạm trổ sơn son thếp vàng hoa mẫu đơn, hoa cúc, cây trúc, phong lan. Ý muốn nói gia chủ là người quân tử nhưng cũng rất đam mê các loài hoa đẹp.

Kế đến là hai cây cột tròn bằng gỗ và tiếp theo là hai cây cột vuông bằng gỗ. Tại không gian này cũng có bao lam thành vòm cũng chạm trổ sơn son thếp vàng, hoa cúc, chim loan, chim phụng như các bao lam phía trước, kế đó là phòng ngủ của vợ chồng ông Huỳnh Thủy Lê ngày xưa, căn phòng đã được xây lại bằng gạch, lúc trước thì ba mặt bằng gỗ như hai phòng phía trước, đối diện với phòng ngủ vợ chồng ông Huỳnh Thủy Lê cũng là phòng ngủ nhưng bị tháo dỡ.

Phía sau là cửa cao 2,8m; ngang 1,7m cùng với các vòm cửa vòng cung xây bằng gạch.

Nền nhà được xây dựng bằng các khối đá xanh ghép liền kề với nhau tạo thành khung nền nhà. Nền nhà lát gạch bông, với độ men dày rất tốt và bóng láng (giống như nền gạch bông ở Cố Đô Huế).

Xung quanh vách nhà được xây tường (20cm) bao bọc, mỗi bên có năm khung cửa sổ bằng gỗ có khung bao, có song sắt, phía trên mỗi khung bao có mái che mưa nắng tạt vào.

Trần nhà phía trước đóng ván ép màu trắng có khung trang trí, phía sau đóng bằng ván gỗ sơn màu nâu.

Về kết cấu khác với các ngôi nhà truyền thống thuần Việt phương Đông, chịu lực theo chiều đứng là trọng lực ngôi nhà phân bổ đều vào các cột và dồn xuống các viên đá tảng kê chân cột, theo chiều ngang các cột được nối với nhau bằng các kẻ tạo

nên các vì kèo. Theo chiều dọc các vì kèo được nối với nhau bằng các xà (từ xà nóc đến chân) tạo thành bộ khung, không cần đến móng, tường để chịu lực.

Ngôi nhà này về phần chịu lực được phân bố đều ở các cột, vách, móng. Về phần mái, cùng với kết cấu lòng trính xuyên lòn ở trên để chịu lực mái nhà trên vách, các cột được nối với nhau bằng các thanh gỗ lớn để làm nền cho mái và làm móc để đóng và gắn trần nhà.

Ngôi nhà với lối kiến trúc Đông Tây kết hợp, loại nhà nền gạch, lại có 03 gian lợp ngói âm dương, mặt trước xây dựng theo kiến trúc La Mã với hệ thống các cửa vòm, bên trong nhà là các hoành phi, câu đối, bao lam thành vọng, bàn thờ Quan Công với sự bài trí hài hoà cân đối, các mảng chạm khắc độc đáo với vẻ đẹp sâu lắng đã làm cho ngôi nhà có vẻ trang nghiêm cổ kính. Đây là sự giao thoa về kiến trúc Á - Âu của người dân Sa Đéc vào đầu thế kỷ XX.

Tồn tại và sử dụng

Ngôi nhà là mái ấm của gia đình, gia đình là tế bào của xã hội, gia đình còn có chức năng duy trì nòi giống, gia đình còn là nơi giáo dục sự hình thành và phát triển nhân cách của một con người. Là thế hệ nối tiếp của những người Hoa rời Trung Quốc dưới thời nhà Thanh để dự định kháng Thanh phục Minh trên đất Nam Bộ, tại vùng Sa Đéc được mệnh danh là Sa Đéc miệt vườn. Ông Huỳnh Cẩm Thuận được xem là người thành đạt nhất trong số người Hoa đến cư ngụ tại đất Sa Đéc này. Từ trước những người Hoa đã có nghề buôn bán ở Phúc Kiến, định cư tại vùng trước đây là Đông Khẩu Đạo, Chợ Sắt... một thị tứ có khá nhiều thương nhân tới lui mua bán, ông cha ông đã tạo cho ông một tài sản lớn dựng nên cơ nghiệp tại Sa Đéc, cất ngôi nhà này để ở với ý định cư lâu dài với vùng đất mà ông đã tạo nên sự nghiệp.

Ông Huỳnh Cẩm Thuận có người vợ tên là Nguyễn Thị Kén, sinh năm 1866 tại làng Tân Phú Đông - Sa Đéc. Vợ chồng ông có tất cả là bốn người con:

- 1/ Huỳnh Thị Nã - chết lúc nhỏ
- 2/ Huỳnh Lưu Bình - chết lúc nhỏ
- 3/ Huỳnh Thoại Ngọc – 1901-1948
- 4/ Huỳnh Thuỷ Lê – 1906-1972

Ngoài việc cất nhà để ở ông còn nghĩ đến quê hương Trung Quốc của ông cũng như nhiều người Hoa khác là thờ Quan Thánh Đế Quân tượng trưng danh dự lòng chung thủy, sự hy sinh độ lượng, công minh chánh trực, sự dũng cảm.

Là người giàu có ông cũng thường xuyên dạy dỗ con cái chu đáo, cho con trai ông là Huỳnh Thuỷ Lê du học ở Pháp.

Vào năm 1927 ông Huỳnh Cẩm Thuận đã tổ chức lễ cưới cho con trai út là Huỳnh Thuỷ Lê vừa du học ở Pháp về. Đây là một đám cưới linh đình nhất tại Sa Đéc lúc bấy giờ.

Từ khi ông Huỳnh Cẩm Thuận cất ngôi nhà này đến năm 1917 đã có ba thế hệ sinh sống. Qua các thế hệ sử dụng nơi đây còn thể hiện những yếu tố truyền thống văn hoá của gia đình Việt Nam (gốc Hoa) mà mọi người đều phải tuân theo.

Con cháu của gia đình này đều thành đạt có người có trình độ học vấn rất cao là kỹ sư, bác sĩ, tiến sĩ, giáo sư đại học ở nước ngoài.

Ông Huỳnh Thoại Ngọc có vợ là bà Phan Thị Nay sinh được bốn người con:

1/ Huỳnh Thoại Châu – Sinh năm 1938

2/ Huỳnh Thoại Quan – Sinh năm 1942

3/ Huỳnh Thoại Chân – Sinh năm 1944

4/ Phan Thoại Trọng – Sinh năm 1946 (lấy họ Phan là họ mẹ vì lúc sinh ông Ngọc không có ở nhà đi khai sinh).

Sau khi du học ở Pháp về ông Huỳnh Thuỷ Lê có vợ là bà Nguyễn Thị Phụng, ông Huỳnh Thuỷ Lê và bà Nguyễn Thị Phụng có tất cả là năm người con ba trai, hai gái:

1/ Huỳnh Thuỷ Tiên - Tiến sĩ y khoa, giám đốc bệnh viện nhi California - Hoa Kỳ (đã nghỉ hưu)

2/ Huỳnh Thuỷ Hà – Giáo sư dạy đại học Sorbone – Pháp (đã nghỉ hưu)

3/ Huỳnh Thuỷ Anh – đang định cư ở Mỹ

4/ Huỳnh Thuỷ Tuấn – đang định cư ở Mỹ

5/ Huỳnh Thuỷ Tòng – đang định cư ở Mỹ

Các con ông Huỳnh Thuỷ Lê sinh ra và lớn lên tại ngôi nhà này, đến khi trưởng thành ông cho du học ở Pháp và Mỹ đều đã thành đạt.

Ông Huỳnh Thuỷ Lê mất năm 1972 các con của ông đều đang học tập và làm việc ở nước ngoài. Ngôi nhà này có con ông Huỳnh Thoại Ngọc và bà Phan Thị Nay ở. Đến năm 1975 Công an tỉnh quản lý ngôi nhà này. Bà Phan Thị Nay và con là Phan Ngọc Trọng cũng ở đó đến năm 1978 thì giao nhà cho cơ quan Công an tỉnh sử dụng, bà Nay và ông Trọng về ở tại chùa Kiến An Cung đến nay.

Đến tháng 6 năm 2006, ngành Công an đã giao lại ngôi nhà này cho ngành Du lịch quản lý cho đến nay.

Đài truyền hình Đồng Tháp đã phối hợp với Hội sử học Sa Đéc quay phim và giới thiệu ngôi nhà của ông Huỳnh Thủy Lê trên sóng truyền hình trong chuyên mục văn hoá xã hội hàng tuần. Vào tháng 5 năm 2007, Trung tâm truyền hình Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh đã phối hợp với Hội sử học thị xã Sa Đéc (nay là thành phố Sa Đéc) đã quay ngôi nhà này để giới thiệu trên sóng truyền hình Việt Nam trong chuyên mục Việt Nam - Đất nước – Con người.

Tình trạng bảo quản

Từ khi xây dựng lần đầu 1895 với ngôi nhà gỗ đến năm 1917 trùng tu lại bằng gạch với kiến trúc đông tây kết hợp, ngôi nhà vẫn ở nguyên chỗ cũ tất cả các hạng mục xây dựng vẫn giữ được nguyên trạng kiến trúc ban đầu.

Hiện nay ngành du lịch đang quản lý ngôi nhà, có 02 người trông nom với nhiệm vụ hướng dẫn khách tham quan, làm vệ sinh nhà, chăm sóc hoa kiểng hằng ngày.

Ngôi nhà cũng là điểm du lịch lữ hành có giới thiệu về nhà cổ của nhiều tour khách tham quan phần đông là khách nước ngoài, nhiều nhất là khách Pháp sau khi được xem tiểu thuyết và phim Người Tình.

Giá trị lịch sử, văn hóa, nghệ thuật

Nhà ở là loại hình kiến trúc xuất hiện sớm nhất so với các loại hình kiến trúc khác là không gian kiến trúc phục vụ cho đời sống sinh hoạt gia đình nhằm chống lại những bất lợi của điều kiện thiên nhiên, thời tiết khắc nghiệt như nắng, mưa, bão, lũ... để từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho con người chỗ nghỉ ngơi, tái tạo sức lao động, sinh con đẻ cái để duy trì nòi giống, để có thể làm kinh tế và phát triển tức là an cư lạc nghiệp.

Ngôi nhà của ông Huỳnh Thủy Lê ra đời với những lý do đó mà người có công xây cất là cha của ông là ông Huỳnh Cẩm Thuận. Đây là mốc đánh dấu sự thành đạt lớn của những cư dân trong cộng đồng làng xã ở thời kỳ khai hoang lập ấp tại làng Tân Phú Đông, Tổng An Trung, huyện Vĩnh An, tỉnh An Giang. Đặc biệt ông là người gốc Hoa, hậu duệ của những người Hoa tỉnh Phúc Kiến – Trung Quốc đã lánh nạn sang Việt Nam trong thời kỳ kháng Thanh phục Minh rồi định cư tại đây luôn.

Ngôi nhà có giá trị nhiều mặt về kiến trúc nhà Nam bộ vùng Sa Đéc xưa vào đầu thế kỷ XX, kiến trúc ngôi nhà là sự giao thoa của hai loại hình kiến trúc phương Đông và phương Tây. Mặt trước nhà là hệ thống cửa vòm vòng cung kiến trúc La Mã thời kỳ phục hưng, trên nóc nhà có hình hai con rồng tranh trái châu, hai đầu nóc mái hình đầu đao tượng trưng cho gợn sóng, mũi thuyền vùng sông nước của kiến trúc phương

Đông. Ý nghĩa này tự nó đã đem lại cho ngôi nhà một vị trí quan trọng trong kho tàng văn hoá địa phương.

Kiến trúc ngôi nhà có qui mô và điển hình của ngôi nhà ba gian của người Việt gốc Hoa ở Nam Bộ, trong nhà với nhiều mảng chạm khắc độc đáo các hoành phi, bao lam thành vọng sơn son thếp vàng với các đề tài chim loan, chim phụng, hoa cúc, cây trúc.... Ý muốn nói đến người quân tử trong nho giáo, loan phụng hoà minh sắc cảm hảo hiệp của cặp vợ chồng hạnh phúc, khác với người Việt, gian giữa họ thờ Quan Công với sự thành kính trang nghiêm, đây là một nét văn hoá đặc biệt của người Hoa, chiếc khánh thờ Quan Công với những hình ảnh rồng phụng, trái châu óng ánh cùng với các đồ thờ đã tạo nên nét uy nghi cổ kính cho ngôi nhà, bộ đi – văng cổ cẩn xà cừ, chiếc giường lớn với khung viền chạm trổ, chiếc tủ đứng cao, chiếc bàn trang điểm sang trọng... đã phản ánh cuộc sống vương giả của gia đình người gốc Hoa giàu có này.

Phần quan trọng tôn kính nhất đẹp đẽ nhất trong nhà là gian thờ Quan Công và ông bà cha mẹ. Đây là thể hiện sự kính trọng với bậc tiền nhân mà mọi người Hoa đều thờ cúng và tin tưởng vào sự phù hộ, ông bà cha mẹ là người đã có công sinh thành nuôi dạy tạo lập gia sản cho họ thừa kế và phát triển. Người đã tìm đến vùng đất mới giúp họ có cuộc sống tốt đẹp giàu sang hạnh phúc, họ luôn nghĩ rằng Quan Thánh Đế Quân, ông bà cha mẹ đã khuất luôn luôn chứng kiến mọi hoạt động trong đời sống sinh hoạt của mọi thành viên trong gia đình và bảo vệ phù hộ độ trì con cháu trong gia đình được an khang thịnh vượng trong đời sống tâm linh của họ.

Kiến trúc ngôi nhà là kiến trúc phương Đông và phương Tây kết hợp. Nhìn bên ngoài ta sẽ thấy rõ sự giao thoa của hai loại hình kiến trúc, vào trong nhà với các hoành phi, câu đối, bao lam thành vọng với rồng, chim loan, chim phụng, hoa cúc, hoa mai, cây trúc sơn son thếp vàng rực rỡ đặc sắc thể hiện đậm nét dấu ấn, kiến trúc phương Đông. Đặc biệt ngôi nhà người Hoa có khác với các ngôi nhà thuần Việt là lối ra vào nhà từ cổng đi thẳng vào cửa nhà ngay gian giữa, gian giữa nhà thờ Quan Thánh Đế Quân, Ông Bà, Cha Mẹ thờ ở hai gian bìa. Ngôi nhà người Việt thì cổng vào không đi thẳng vào cửa nhà mà thường nằm ở phía trái, gian giữa nhà thờ gia tiên, ông bà, cha mẹ, không thờ Quan Công.

Ngôi nhà là niềm tự hào của con cháu, của dòng họ, của những người Việt gốc Hoa ở Sa Đéc về sự thành đạt của họ tại mảnh đất này. Là nơi giới thiệu phát huy truyền thống lao động cần cù sáng tạo của các người thợ xây dựng ngày xưa với ngôi nhà này. Là một dấu xưa còn lại để góp phần quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy những giá trị truyền thống văn hoá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam ở từng địa phương.

Hướng bảo tồn

Ngôi nhà ông Huỳnh Thủy Lê rất có giá trị về nhiều mặt lịch sử văn hoá, kiến trúc nghệ thuật của kiến trúc nhà ở của người Việt gốc Hoa ở Nam bộ đầu thế kỷ XX. Để góp phần tích cực vào việc khôi phục các giá trị truyền thống, góp phần xây dựng một nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc văn hoá dân tộc, ngôi nhà ông Huỳnh Thủy Lê cần phải được bảo vệ nguyên trạng.

Mái nhà đã bị xuống cấp cần phải lợp ngói lại, ngôi nhà nằm trong khu vực chợ Sa Đéc trong điều kiện kinh tế thị trường nên có nhiều hoạt động làm ảnh hưởng đến tuổi thọ ngôi nhà. Hoạt động của cơ sở chế biến lương thực thực phẩm gây ra tiếng ồn chấn động làm rung chuyển mọi vật dụng trong nhà. Ngành du lịch và văn hoá sẽ phối hợp với chính quyền địa phương đề nghị di chuyển cơ sở này đi nơi khác.

Xuất phát từ những giá trị thực tiễn của nó nên việc nghiên cứu, trùng tu bảo quan nhà cổ này là nhiệm vụ cấp bách của các cơ quan chức năng phải vào cuộc thực hiện.

II.2. Kiểu nhà nền đất kiến trúc Pháp – Việt

Là nhà của ông Trần Phú Cường tạo dựng, sau khi ông qua đời, chuyển quyền thừa kế cho người cháu tên Trần Nguyễn Thanh Lym. Ngôi nhà tọa lạc tại địa chỉ số 49 - Đường Nguyễn Thái Học, khóm 2, phường 2, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Nhà ông Trần Phú Cường cất trên vùng đất cao ít ngập nước bên rạch Cần Thơ, nền đất. Nhà cất theo kiểu ba gian, mặt trước xây kiểu cửa vòm, kiến trúc phương Tây, chữ nhị, cột xi măng, vách tường gạch lợp ngói vảy cá.

Lịch sử xây dựng



Nhà ông Trần Phú Cường

Cùng với những người Hoa di dân đến khai khẩn Sa Đéc đầu tiên, ông Trần Công Lượng – sinh năm 1775 tại quận Phúc Châu, tỉnh Phước Kiến – Trung Hoa.

Ông Trần Công Lượng có vợ là người Việt là bà Nguyễn Thị Luận. Ông Trần Công Lượng và bà Nguyễn Thị Luận sinh người con trai là ông Trần Thoại Long năm 1803. Ông Lượng mất năm 1837 mộ phần chôn tại xã Tân Qui Tây, thành phố Sa Đéc. Ông Trần Thoại Long có vợ là bà Huỳnh Thị Đăng, cũng như cha mình ông Trần Thoại Long lúc đầu đến đây với nghề làm thuê, dần dần tích lũy có một số vốn ông chuyển sang nghề mua bán.

Ông Trần Thoại Long và Bà Huỳnh Thị Đăng có người con trai là ông Trần Hữu Đạo – sinh năm 1835 – 1894. Vợ ông Trần Hữu Đạo là bà Hà Thị Hên. Vợ chồng ông Trần Hữu Đạo và bà Hà Thị Hên có người con trai là ông Trần Văn Nhơn – sinh năm 1862. Ông Trần Văn Nhơn sinh sống bằng nghề buôn bán, tích lũy được nhiều vốn ông đã mua đất ở Bình Tiên, Tân Phú Trung rồi cho thuê đất tới mùa thu lúa ruộng.

Ông Trần Văn Nhơn có hai người vợ. Người vợ thứ nhất là bà Nguyễn Thị An (1864-1900), bà này sống với ông có bốn người con là:

- 1/ Trần Văn Quý (1887-1911)
- 2/ Trần Văn Hò (1895-1946)
- 3/ Trần Thị Búp (1897-1974)
- 4/ Trần Thị Nở (1900-1988)

Người vợ thứ hai là bà Lương Thị Thi (1867-1922), với bà này ông có hai người con là:

- 1/ Trần Thị Tốt (1907-1969)
- 2/ Trần Hữu Phước (1911-1966)

Ông Trần Văn Quý có hai người con là:

- 1/ Trần Văn Nho (1905-1947)
- 2/ Trần Văn Đất (1908-1995)

Do người con trai trưởng mất sớm vào năm 1911, để có nơi cư ngụ ổn định và có chỗ thờ cúng tổ tiên cha mẹ mình ông đã quyết định cất một ngôi nhà kiên cố ở phía trước, một lùm lúa (kho) ở phía sau cho cháu đích tôn của ông là ông Trần Văn Nho tự Hộ ở và thờ cúng ông bà tổ tiên. Ngôi nhà được cất vào năm 1921-1923.

Sau khi chọn được vị trí ưng thuận ông Trần Văn Nhơn viết đơn xin phép cất nhà gửi đến chính quyền sở tại cho phép cất nhà.

Nhà gần chợ Sa Đéc, cùng xóm với các người Hoa cùng cổ quốc, phía trước có sông là rạch Cần Thơ, có đường giao thông (nay là đường Nguyễn Huệ) ở phía trước.

Vật liệu xây dựng được ông chuẩn bị sẵn, gỗ được mua từ Lào, thả bè gỗ về theo mùa nước lũ năm 1920, gạch ngói mua từ Biên Hoà, dùng ô dước và xi măng để làm chất kết dính.

Ngôi nhà xây dựng trong thời gian ba năm từ 1921-1923 mới hoàn thành. Thợ chính là những người được mượn từ nơi khác đến, thợ phụ là dân ở địa phương. Số tiền xây dựng toàn bộ ngôi nhà, kho lúa và tường rào khoảng 30.000đ Đông Dương.

Hiện trạng ngôi nhà

Ngôi nhà được xây dựng trên diện tích đất 1.000m², cách bờ rạch Cần Thơ 30m. Trước nhà là một hàng rào xây gạch, trên song sắt, có cổng ra vào nhà ngay chính giữa. Cổng có hai cánh cửa bằng sắt kiểu thượng song hạ bản, có khung hoa văn sắt gắn ở trên với bảng số nhà 49 tại trụ cổng xây hình khối vuông, có đắp nổi hoa văn bằng xi măng trên đầu trụ có gắn lồng đèn có ghi năm 1923.

Từ cổng vào nhà có một khoảng sân rộng lát gạch để trưng bày hoa kiểng. Nhà được xây dựng theo kiến trúc Đông Tây kết hợp, mặt tiền nhà xây dựng theo kiến trúc phương Tây. Nhà có ba gian, gian giữa rộng hơn hai gian bên. Trước mỗi gian có ba lối đi, giữa hình chữ nhật, hai bên hình vòng cung. Cột chính nhà hình khối vuông, cột cổng hình tròn, tất cả đều xây bằng gạch, chỉ một lối ra vào ngay gian chính giữa, hai gian bên là bệ gạch có chân song bằng gạch. Từ sân trước vào nhà phải qua hai bậc thềm bằng gạch thứt.

Các cổng, cửa hình chữ nhật, cửa vòm theo kiểu Đông Tây kết hợp, cửa hình chữ nhật là cửa phương Đông, cửa vòm hình vòng cung theo kiểu La Mã thời phục hưng. Trên các cửa có gắn hoa văn gạch sơn màu xanh dương, trên mảng tường giáp với trần mái có gắn gạch bông trắng, đồ dọc theo chiều ngang, có bốn ê ke gạch để đỡ mái nhà từ trụ cột chính.

Hành lang trước nhà có hai lối vào ở hai bên hông, có năm bậc gạch bước lên từ phía trước, có lan can gạch xây hai bên. Trần hành lang chia làm ba khoảng tương ứng với hai gian có đắp hoa văn nổi ở bìa, vẽ trang trí ở phía trong, tại các đầu cột tiếp giáp với trần đều có ốp hoa văn bằng xi măng sơn màu xanh.

Ngay trên cửa vào nhà có một bức hoành phi gỗ cân ắc xì cù có hai chữ Hán cân xì cù (đã bị tróc) chữ: Thoại Hưng

Thoại Hưng là pháp danh của ông bà ông Trần Văn Nhơn. Trên cửa hông của hành lang bên trái bức hoành phi sơn son thếp vàng với hai chữ Hán:

Thiên Địa Trường Hưng

Có nghĩa là: Trời đất đều xuân mãi.

Trên cửa hông của hành lang bên phải có bức hoành phi sơn son thếp vàng với bốn chữ Hán: Phước Lộc Song Toàn

Có nghĩa là: Phước lộc đầy đủ.

Trên lối vào nhà đối diện với bảng Thoại Hưng là hoành phi sơn son thếp vàng với bốn chữ Hán: Phú Quý Vinh Hoa

Có ba cửa trước nhà thông ra hành lang bằng gỗ, cửa giữa khung bao cửa bằng gỗ hình vòng cung ở trên có chạm trổ hình hoa lá đối xứng nhau, cửa là loại cửa lá sách Pháp gồm bốn cánh. Hai cửa hai bên khung bao cửa bằng gỗ, phía trên hình chữ nhật, có ba mảng chạm trổ, mảng chạm trổ hình chữ nhật chạm hoa lá ở giữa, hai mảng chạm trổ hình vuông chạm hình cây trúc đối xứng nhau.

Gian trước nhà là gian quan trọng nhất được xây dựng trang trí rất đặc biệt vì đây là gian chính, gian thờ cúng Quan Công, ông bà tổ tiên của gia đình. Ngay gian giữa, trước là bộ bàn ghế để tiếp khách, bàn bằng gỗ hình chữ nhật dài 1,7m; ngang 0,7m có bốn ghế gỗ có dựa để hai bên. Phía trong vách giữa là bàn thờ phật và Quan Công, phía trên giáp với trần nhà là hoành phi sơn son thếp vàng với hai chữ Hán: Trọng Nghĩa

Bàn thờ gồm có tủ thờ và ghế thờ. Tủ thờ bằng gỗ cẩn ốc xà cừ với nhiều hoa văn thể hiện các đề tài về người quân tử với hình ảnh cây trúc, các loài chim nói về hạnh phúc như chim loan, chim phụng, chữ Phúc chữ Hỷ. Tủ thờ cao 1,26m; dài 0,65; ngang 1,21m, trên tủ thờ phía trước giữa có bát hương bằng gốm, hai bên có hai chân đèn bằng đồng, một lục bình cắm hoa bằng đồng. Phía trong là một khánh thờ Quan Công, ở trên có ảnh phật Thích Ca, khánh thờ Quan Công bằng gỗ hình khối chữ nhật, cao 0,65m; dài 0,63m; ngang 0,52m. Phía trong khánh có ba tượng Quan Công, Quan Bình và Châu Xương. Bên phải là chuông nhỏ có φ: 0,25m; cao 0,27m, bên trái là cái mõ với niên đại 1862 có kích thước 0,29m x 0,22m x 0,20m.

Tượng Quan Công bằng gỗ, mặt đỏ, râu đen, đội mão, mặc triều phục, mang hia với tư thế ngồi trên ngay, mắt nhìn thẳng về phía trước.

Phía hông bên phải là tượng Quan Bình con nuôi của Quan Công, tư thế đứng vẽ mặt thư sinh, áo khoác màu vàng, mang hia đội mũ hai tay cầm một cái hộp trong đó có đựng các ấn “Hán Thọ Đình Hầu” tước hiệu của Quan Công.

Phía hông bên trái là tượng Châu Xương cũng là con nuôi Quan Công, với tư thế đứng, vẽ mặt dữ tợn của một võ tướng, mặc áo giáp màu vàng, mang hia đội mũ tay phải cầm thanh long đao một vũ khí lừng danh của Quan Công.

Ghế thờ (trước gọi là giường thờ) bằng gỗ hình chữ nhật chân đứng cao 1,26m; ngang 1,55m; dài 0,67m.

Trên ghế thờ ngay vách, dưới hoành phi có hai chữ Trọng Nghĩa là một tấm gương lớn đứng hình chữ nhật có khung viền sơn son thếp vàng. Hai bên gương có một đôi câu đối chữ Hán chạm cẩn ốc xà cừ với các chữ Hán:

Giai Hưng Dư Nhon Đổng

Tĩnh Quán Giai Tự Đắc

Hai bên vách của bàn thờ có hai cửa phòng thông ra sau, có bao lam sơn son thếp vàng và rèm cửa.

Đây là điểm khác biệt với các ngôi nhà thuần việt của người Việt, hai gian hay ba gian hai chái bát dần, gian giữa thờ cúng gia tiên, ông bà, cha mẹ. Đối với người Hoa thì gian giữa thờ Quan Công (theo tín ngưỡng phổ biến của người Hoa), nếu có theo đạo Phật thì thờ Phật.

Thờ Quan Công cũng thờ luôn Quan Bình và Châu Xương. Vì Quan Bình và Châu Xương đều là con nuôi của Quan Công. Khi Quan Công bị bắt, Quan Bình cũng bị bắt và cùng chết với Quan Công, Châu Xương không bị bắt nhưng cũng tự thắt cổ chết theo Quan Công.

Phía sau cửa trước có bức hoành phi sơn son thếp vàng có bốn chữ Hán:

Tài Thượng Phân Minh.

Hai bên cửa có đôi câu đối bằng gỗ sơn son thếp vàng:

Đệ Trạch Khôi Hoàng Ly Thế Hanh

Do Nhon, Do Nghĩa Tồn Trung Chánh

Gian chính giữa nhà với hai gian bên được phân chia bởi mảng tường rộng dạng công tam sơn. Ở giữa mái hình vòng cung, cột bê tông tròn là lối qua lại, hai bên bìa hình chữ nhật dưới là lan can gạch có chấn song đá ở dưới. Gian phải của nhà trước là gian thờ tổ tiên ông bà (cửu huyền) gồm năm đời được thờ tại đây với năm bài vị bằng gỗ sơn son thếp vàng ghi bằng chữ Hán:

Phía trên giáp với trần nhà có hoành phi sơn son thếp vàng với hai chữ Hán: Xuân Sương

Có nghĩa là: Sương rơi vào mùa Xuân “Có hàm ý nói về những người đầu tiên và các thế hệ kế tiếp đã đến khai khẩn vùng đất này của gia đình”.

Dưới là một tranh sơn dầu vẽ phong cảnh đồng quê với những cây dừa, cây cổ thụ, núi non, mây nước. Hai bên bức tranh là đôi câu đối sơn son thếp vàng đặt bên cạnh đôi câu đối chạm cẩn ốc xà cừ với các đề tài nhị thập tứ hiếu có các chữ Hán là:

Mục Đồng Hoàng Hoa Thảo Tứ Thời Xuân

Hoài Hữu Tứ Văn Chương Thiên Cổ Tú

Bàn thờ cửu huyền cũng như bàn thờ quan công có tủ thờ và ghé thờ. Tủ thờ bằng gỗ cẩn ốc xà cừ cao 1,08m; ngang 1m; dài 0,55m. Trên tủ thờ có bộ lư và hai chân đèn, một bát hương bằng gốm, một đĩa quả tử, một bình bông bằng gốm sứ cổ có màu men xanh lam, một cái chò chưng đĩa quả tử.

Ghé thờ bằng gỗ hình chữ nhật chân đứng cao 1,03m; ngang 1,59m; dài 0,79m. Trên ghé thờ có để năm bài vị có ghi bằng chữ quốc ngữ bên cạnh chữ Hán các chú thích đơn giản như:

Đời thứ I:

Trần Công Lương (1775-1837)

Nguyễn Thị Luận

Đời thứ II:

Trần Thoại Long – 1803 – Canh Ngọ Đồng Khánh

Huỳnh Thị Đăng

Đời thứ III:

Trần Hữu Đạo (1835-1894)

Hà Thị Hên

Đời thứ IV:

Trần Văn Nhơn (1862-1948)

Lương Thị Thi (1866-1922)

Nguyễn Thị An (1863-1900)

Đời thứ V:

Trần Văn Quý (1887-1911)

Nguyễn Thị Trừ (1888-1932)

Ở vách hông bên phải có một tủ đứng cổ để đựng vật dụng trong nhà như tài liệu, văn bản của gia đình, các văn tự về đất đai nhà cửa. Hai bên có đôi câu đối bằng gỗ sơn son thếp vàng với các chữ Hán:

Lũ Kết Đồng Tâm Thả Hữu Dương Kim Đề Thế Nhị

Liên Thai Tinh Đế Phương Tri Phủ Độ Trạng Môn Ni

Ở vách trước đối diện với bàn thờ cửa huyền có ảnh chân dung ông Trần Văn Nhơn đặt trong khung kiếng với kích thước 50cm x 80cm.

Gian bên trái của nhà trước là gian thờ cha mẹ của ông Trần Phú Cường, cũng như bàn thờ cửa huyền ở phía trên cao trên vách có bức hoành phi sơn son thếp vàng với hai chữ Hán là: Thu Lộ

Có nghĩa là ơn vũ lộ vào mùa thu hàm ý nói về công lao của cha mẹ suốt đời đến khi chết đều lo cho con cái.

Dưới là một bức tranh sơn dầu hình chữ nhật đứng vẽ về phong cảnh làng quê với những ngôi nhà, cây cổ thụ, dòng sông nước chảy lững lờ qua các bến bờ quanh co với cảnh trời mây non nước. Hai bên bức tranh là đôi câu đối sơn son thếp vàng đặt cạnh đôi câu đối chạm, cẩn ốc xà cừ với các đề tài nhị thập tứ hiếu có các chữ Hán là:

Văn Chương Thế Nghiệp Bá Đại Thơ Hương

Hiếu Đề Thiên Luân Nhứt Đường Thoại Khí

Bàn thờ song thân ông Trần Phú Cường cũng như bàn thờ cửa huyền có tủ thờ và ghế thờ, tủ thờ được làm bằng gỗ cẩn ốc xà cừ cao 1,08m; ngang 1m; dài 0,55m. Trên tủ thờ có bộ lư đồng cổ và hai chân đèn, một bát hương bằng gốm cổ có màu men xanh lam.

Ghế thờ bằng gỗ hình chữ nhật, chân đứng có chiều cao 1,02m; ngang 1,51m; dài 0,78m. Trên ghế thờ có ảnh ông Trần Văn Nho (1905-1947) và bà Nguyễn Thị Điều (1910-1992) là cha, mẹ của ông Trần Phú Cường.

Vách hông trái có một ghế nghi cẩn rất đẹp cao 0,98m; dài 0,56m; ngang 1,26m. Hai bên có đôi tranh liễn cẩn ốc xà cừ với các bài thơ về nhị thập tứ hiếu, kế bên đôi tranh liễn là hai cửa sổ có song sắt bảo vệ. Đối xứng qua hai cửa sổ là đôi câu đối chữ Hán sơn son thếp vàng với các chữ như sau:

Tự Tử Tánh Ư Nhứt Đường Tự Chiêu Tự Mục

Tự Tổ Tông Ư Bá Đại Báo Đức Báo Công

Toàn bộ ba gian trước của nhà chính đều có trần được vẽ trang trí các hoa văn, trên trần có treo sáu lồng đèn bằng gỗ chạm trổ, kính có vẽ hoa văn rất đẹp. Đây là sáu lồng đèn mà ông Huỳnh Cẩm Thuận đã tặng ông Trần Văn Nhơn lúc tân gia nhà năm 1923 và nó cũng là chiếc lồng đèn trong bộ phim người tình của đạo diễn Annaux quay năm 1990.

Phía sau nhà trước, ngay gian giữa sau bàn thờ Quan Công có bộ ngựa gỗ cao 0,6m; dài 2,18m; ngang 1,55m; dày 7cm.

Phía sau gian phải và gian trái là các phòng ngủ một bên hai phòng. Một phòng ngủ có một cửa ra vào đối xứng với nhau, một cửa sổ ở bên tường hông nhà, cửa ra vào có chạm trổ hình hoa cúc, hoa mẫu đơn, hoa mai, chim loan, chim phụng sơn son thếp vàng. Bên trên cũng có các mảng chạm với các đề tài đặc sắc khác.

Cửa sau nhà thông với một hành lang xung quanh sân thiên tỉnh, có lối đi xuống sân thiên tỉnh, có chức năng thông thoáng không khí trong nhà, phía sau là nhà bếp tạo ra khói sẽ làm không khí bị ngột, sân thiên tỉnh làm cho khói mau thoát ra ngoài và gió bên ngoài sẽ thổi vào làm cho không khí trong nhà trở nên dễ chịu.

Nhà bếp ở phía sau, lối ra vào từ hành lang cặp hông sân thiên tỉnh có một bộ ngựa gỗ dùng để chuẩn bị nấu thức ăn hay chuẩn bị dọn thức ăn đã nấu xong, bộ ngựa gỗ dài 8cm; dài 2,55m; ngang 1,15m; cao 0,59m.

Đặc biệt nhà bếp vẫn còn giàn bếp từ lúc xây nhà đến nay vẫn còn sử dụng được. Bếp có chiều dài 1m; ngang 4m; cao 0,93m, có lò nướng ở ngay chính giữa cao 1,40m; ngang 0,86m; dài 0,85m.

Bếp được xây kế vách sau của nhà bếp, phía dưới có hốc hình vòm để chứa củi đốt, phía trên là lò nướng ngay chính giữa 02 bên có 03 chỗ để nấu. Hiện nay chỉ còn 03 chỗ nấu bếp bên trái còn bên phải đã phá đi để mặt bằng để bếp gas.

Nhà bếp nóc cũng lợp ngói, nhưng để thoáng khí, một phần nóc trên cách mái dưới một khoảng để thông gió và thoáng khói.

Cửa sau nhà bếp là loại cửa vách gỗ cài bằng then ngang.

Kho lúa cất cùng với nhà chính nay không còn nữa vì không còn sử dụng nên đã phá đi.

Tóm lại ngôi nhà ông Trần Phú Cường cất theo kiến trúc Đông Tây kết hợp, nhà 03 gian với tường gạch, mái lợp ngói, trần nhà trang trí kiểu phương Tây, nền lát gạch bông. Nóc nhà có gắn hoa văn bằng vữa vôi và ô dước hình mỏ neo, có hoa mai nở ở giữa, hai đầu nóc có hình quả bầu và mũi đao, tượng trưng cho sự đầy đủ sung túc và phát triển, hai đầu mái nhà có hình lượn sóng đặc trưng của vùng sông nước và

hàm ý hình ảnh cha ông đã vượt biển đến định cư vùng đất này. Do nhà tường gạch nên nhà có rất nhiều cửa sổ kể cả trên trần nhà. Cửa sổ được xây dựng mái che ở trên, có song sắt để không cho mưa nắng tạt vào cũng như kẻ trộm muốn vào nhà.

Tồn tại và sử dụng

Ngôi nhà nơi che mưa tránh nắng của mỗi hộ gia đình. Từ khi ông Trần Công Lượng – sinh năm 1775 tại Trung Quốc đến định cư tại Sa Đéc rồi sinh con tại đây là ông Trần Thoại Long – sinh năm 1803. Sau ông Trần Thoại Long có con là Trần Hữu Đạo – sinh năm 1835, con ông Trần Hữu Đạo là ông Trần Văn Nhơn – sinh năm 1862.

Ông Trần Văn Nhơn cũng được xem là người thành đạt trong số người Hoa đến định cư tại Sa Đéc này. Từ trước những người Hoa đã có nghề buôn bán ở Phúc Kiến nay định cư tại vùng đất có tên là Đông Khẩu Đạo, Chợ Sắt... một thị tứ sầm uất có khá nhiều thương nhân tới lui mua bán, nên từ ông cha của ông đến ông đã tạo dựng được một tài sản lớn, nên cơ nghiệp vững vàng tại Sa Đéc, cất ngôi nhà này để có chỗ ở ổn định, để an cư lạc nghiệp và là nơi thờ cúng các bậc tiền nhân của ông đã đến sinh cơ lập nghiệp tại đây.

Ông Trần Văn Nhơn có hai người vợ là:

1/ Bà Nguyễn Thị An (1864-1900)

2/ Bà Lương Thị Thi (1867-1922)

Ông Trần Văn Nhơn với bà Nguyễn Thị An có bốn người con là:

1/ Trần Văn Quý (1887-1911)

2/ Trần Văn Hò (1895-1946)

3/ Trần Thị Búp (1897-1974)

4/ Trần Thị Nở (1900-1988)

Ông Trần Văn Nhơn với bà Lương Thị Thi có hai người con là:

1/ Trần Văn Nho tự Hộ (1905-1947)

2/ Trần Văn Đất (1908-1995)

Ông Trần Văn Quý làm nghề thợ kim hoàn bị bệnh phổi nên mất sớm. Khi cất ngôi nhà này ông Trần Văn Nhơn giao cho cháu nội là ông Trần Văn Nho tự Hộ đứng đơn xin phép cất nhà để sau đó làm giấy chủ quyền nhà luôn, cất nhà để ở và cho cháu nội sử dụng để thờ cúng ông bà sau này. Đây cũng là điểm nổi bật của truyền thống

dân tộc Việt Nam, cộng đồng người Hoa định cư tại đây cũng như thế, là những dân tộc chịu ảnh hưởng tích cực của Nho giáo.

Ông Trần Văn Nho có tất cả năm người con là:

- 1/ Trần Phú Cường – sinh 1935
- 2/ Trần Lê Chi – sinh 1937
- 3/ Trần Phú Toàn – sinh 1940-1972
- 4/ Trần Phú Túc – sinh 1943
- 5/ Trần Lê Khanh – sinh 1947

Từ khi ông Trần Văn Nho cất ngôi nhà này đến nay đã có bốn thế hệ sinh ra và lớn lên tại nhà. Qua các thế hệ sử dụng nơi đây còn thể hiện các yếu tố truyền thống văn hoá gia đình Việt Nam nói chung, dân tộc Hoa nói riêng mà mọi người đều phải tuân theo.

Con cháu trong gia đình này đều được học hành tử tế, công việc làm ăn buôn bán cũng được phát đạt, có tham gia làm việc cho chính quyền, có người con thứ ba của ông Trần Văn Hồ làm thông ngôn cho chính quyền Pháp, con thứ tám là Trần Hữu Phước là kỹ sư của Bưu điện Cần Thơ. Cháu ông là Trần Phú Cường là công chức của Ty công vụ Sa Đéc trước năm 1975.

Ngôi nhà ông Trần Phú Cường được quay cảnh đám cưới của ông Huỳnh Thuỷ Lê là nhân vật chính của bộ phim Người Tình của đạo diễn Annaux thể hiện tác phẩm l'amant của nhà văn nữ Pháp Duras vào năm 1990. Qua sức hút của cuộc tình éo le trắc trở của Thuỷ Lê – Duras mà bộ phim đã chiếu rộng rãi ở Pháp và một số nước Châu Âu. Ngôi nhà ông Trần Phú Cường đã trở thành một điểm tham quan du lịch ở thành phố Sa Đéc. Có những đoàn đi theo tour, có những khách đi tự do lẻ tẻ. Họ đến để chiêm ngưỡng ngôi nhà về nét kiến trúc khá độc đáo của vùng miệt vườn Sa Đéc vào đầu thế kỷ XX.

Tình trạng bảo quản

Từ khi xây dựng vào năm 1922 với hai ngôi nhà, một ngôi nhà để ở và thờ cúng ông bà, một căn nhà làm kho chứa lúa đến nay chỉ còn lại ngôi nhà ở. Ngôi nhà chính với kiến trúc Đông Tây kết hợp vẫn ở nguyên vị trí cũ với nguyên dạng kiến trúc ban đầu.

Ông Trần Phú Cường và vợ ông là Thái Thị Liên là chủ sở hữu ngôi nhà từ năm 1960 - 2011. Do có ý thức về di sản của cha ông để lại, coi đó là một tài sản vật chất và tinh thần quý giá mà mình được vinh dự thừa kế nên ông Trần Phú Cường

(sau khi ông Cương qua đời cháu là ông Trần Nguyễn Thanh Lym) rất trân trọng gìn giữ và phát huy.

Năm 1993 do mái ngói bị bể, mưa dột vô nhà làm ẩm ướt sợ cây gỗ mục nát nên ông đã cho đảo ngói cho lợp lại nhà vẫn dùng ngói như cũ chỉ thay những miếng ngói bể không sử dụng được.

Giá trị lịch sử, văn hóa, nghệ thuật

Ngôi nhà của ông Trần Phú Cương là một trong những nhà cổ tiêu biểu ở Sa Đéc. Ngôi nhà có giá trị nhiều mặt về lịch sử văn hoá, kiến trúc nghệ thuật của kiến trúc nhà ở của người Việt gốc Hoa ở Nam bộ đầu thế kỷ XX. Để góp phần tích cực vào việc khôi phục các giá trị truyền thống, góp phần xây dựng một nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc văn hoá dân tộc, ngôi nhà của ông Trần Phú Cương cần phải được bảo vệ nguyên trạng.

Kiến trúc ngôi nhà có qui mô và điển hình của ngôi nhà ba gian của người Việt gốc Hoa ở Nam bộ. Trong nhà với nhiều hoa văn đắp nổi, các hoành phi sơn son thếp vàng, bao lam thành vọng, liễn đối, tủ thờ cẩn ốc xà cừ với nhiều đề tài nhị thập tứ hiếu, chim muông cây cảnh, hoa lá bốn mùa, các bức vẽ trang trí trên trần rất đặc sắc. Hình ảnh cây trúc, chim loan, chim phụng, hoa cúc, hoa mai muốn nói đến tính cách người quân tử trong nho giáo, loan phụng hoà minh, sắc cảm hảo hiệp của đôi vợ chồng hạnh phúc. Khác với người Việt, gian giữa họ thờ phật, thờ quan công với sự thành kính trang nghiêm, đây là một nét văn hoá đặc biệt của người Hoa. Bàn thờ Quan Công với hoành phi “Trọng Nghĩa” sơn son thếp vàng với các cột tượng Quan Công, Quan Bình và Châu Xương đặt trong khánh thờ trên một bàn thờ bằng tủ gỗ cẩn ốc xà cừ với nhiều đề tài phong phú đã tạo nên nét uy nghi cổ kính trang nghiêm cho gian nhà. Các bộ ghế xưa, ghế đai cẩn đá, bộ ván ngựa gỗ, các đồ thờ tự bằng đồng, bằng gốm sứ đã nói lên sự giàu có của gia đình. Đặc biệt với 06 chiếc lồng đèn cách tân của thương gia người Hoa Huỳnh Cẩm Thuận tặng trong ngày lễ tân gia đã biểu hiện sự giao lưu của tầng lớp giàu có trong các lễ lạc ngày xưa.

Ngôi nhà còn giữ lại gần như nguyên vẹn cái bếp nấu ăn của gia đình giàu có đầu thế kỷ XX. Bếp nấu được đốt bằng than hoặc củi và có hệ thống nướng ở trên. Loại bếp này hầu như không còn ở các nhà cổ của Việt Nam.

Phần quan trọng tôn kính nhất đẹp nhất trong ngôi nhà là trước nhà chính. Gian giữa thờ phật, thờ Quan Công, gian phải thờ cữu huyền, gian trái thờ cha mẹ. Đây là thể hiện sự kính trọng với bậc tiền nhân mà mọi người Hoa đều thờ cúng và tin tưởng vào sự phù hộ độ trì của ông bà cha mẹ là người đã có công sinh thành nuôi dạy tạo lập gia sản cho họ thừa kế và phát triển. Chứng kiến mọi hoạt động trong đời sống

sinh hoạt của mọi thành viên trong gia đình và bảo vệ phù hộ độ trì con cháu trong gia đình được an khang thịnh vượng trong đời sống tâm linh của họ.

Kiến trúc ngôi nhà là kiến trúc phương Đông - Tây kết hợp. Nhà xây bằng gạch, vôi, ô dước, có cả xi măng, phía trước là hệ thống cửa vòm có hoa văn trang trí. Bên trong nhà có kiến trúc gỗ với hoành phi, bao lam sơn son thếp vàng, câu đối cẩn ốc xà cừ với các đề tài chim muông, cây cảnh hoa lá bốn mùa đặc sắc thể hiện đậm nét kiến trúc phương Đông. Đặc biệt ngôi nhà người Việt gốc Hoa có khác với ngôi nhà thuần Việt là lối ra vào nhà từ cổng đi thẳng vào cửa nhà ngay gian chính giữa.

Gian giữa thờ phật, thờ Quan Công, ông bà cha mẹ thờ ở hai bên. Ngôi nhà thuần Việt thì cổng không đi thẳng vào cửa nhà mà thường nằm ở bên trái, vào nhà đi từ ngoài hành lang trước nhà chính. Gian giữa thờ phật, ông bà, cha mẹ không thờ Quan Thánh Đế Quân.

Ngôi nhà là niềm tự hào của con cháu dòng họ, của những người Việt gốc Hoa ở Sa Đéc về sự thành đạt của họ tại mảnh đất này. Với ngôi nhà này là một dấu xưa còn lại để góp phần quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống văn hoá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Hướng bảo tồn

Ngôi nhà đã gần trăm năm sử dụng, phần mái ngói đã trùng tu xong nhưng phần tường đã có hiện tượng bị thấm. Do thời tiết khắc nghiệt mưa nhiều, nắng nóng nên đã làm giảm sức bền của các vữa gạch. Cần có biện pháp xử lý chống thấm vách càng sớm càng tốt.

Nhà nằm ở một vị trí rất thuận lợi về giao thông và bộ tại thành phố Sa Đéc khách đến tham quan du lịch thường xuyên nên công việc chăm sóc và hướng dẫn khách là rất cần thiết. Vợ chồng ông Trần Phú Cường gìn giữ ngôi nhà rất chu đáo trong thời gian và dài cũng rất cần sự hỗ trợ của nhà nước để công việc bảo quản được tốt hơn. Ông bà Trần Phú Cường không có con, vì vậy đã giao quyền thừa kế lại cho cháu là ông Lym tiếp tục trông nom bảo quản gìn giữ ngôi nhà.

Xuất phát từ điều kiện thực tiễn đó nên việc nghiên cứu trùng tu bảo quản nhà cổ này cũng là trách nhiệm chung của chính quyền địa phương và nhân dân trong tỉnh.

II.3. Kiểu nhà biệt thự của Pháp

Biệt thự này trước đây của tiến sĩ Nguyễn Thành Giung, hiện nay giao Ủy ban nhân dân phường 4, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp quản lý.

Nhà ông Nguyễn Thành Giung cất theo kiểu biệt thự của Pháp. Biệt thự là loại nhà có 2,3 tầng có đầy đủ tiện nghi dùng riêng cho một gia đình, được xây dựng trên một khu đất riêng, tách rời khỏi các nhà bên cạnh, được bao quanh nhà là vườn cây.

Lịch sử xây dựng



Nhà ông Nguyễn Thành Giung

Cùng với những làng lân cận, Tân Hưng cũng chịu ảnh hưởng môi trường địa lý tự nhiên, khí hậu và dân cư chung của khu vực Sa Đéc. Chủ nhân của ngôi nhà này cũng là một trong số những di dân đến đây định cư, khai khẩn và trở nên giàu có. Đất đai hàng trăm mẫu, thóc lúa thu được hàng nghìn gạ mỗi mùa. Từ thế hệ những người tay trắng đi khai hoang nay đã trở thành những người giàu có, đầy đủ tiền tài và vật chất để cho con cái học hành và tạo lập cuộc sống sau này. Đó là trường hợp gia đình ông Nguyễn Thành Giung mà sau này ông là người được đứng tên sở hữu ngôi nhà.

Được gia đình cho đi du học ở Pháp, ông Nguyễn Thành Giung đã tốt nghiệp Tiến sĩ khoa học hạng tối ưu (Tres honorable).

Ông Nguyễn Thành Giung sinh năm 1894 tại làng Tân Đông, tỉnh Sa Đéc, lúc nhỏ học tại Trường Chasseloup laubat Sài Gòn rồi sang Pháp du học tại Trường Đại học Marseille.

Năm 1923 tốt nghiệp tiến sĩ khoa học ngành sinh học tại Đại học Marseille.

Năm 1926 về Việt Nam ông làm việc ở Phòng nghiên cứu Khoa học Thuộc địa.

Ông Nguyễn Thành Giung là con rể của nhà Duy Tân kiêm Tổng lý Công Ty Liên Thành Hồ Tá Bang ở Phan Thiết, Chợ Lớn.

Hồ Tá Bang (1875-1943) là một nhân sĩ yêu nước, quê làng Kế Môn, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên sau dời vào cư ngụ ở thị xã Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Lúc nhỏ theo học lối khoa cử, thông chữ quốc ngữ nhưng không đi thi. Năm 1889 làm ký lục tại Toà Sứ Phan Thiết, sau đổi về làm ở Toà Sứ Hội An. Ông là người chịu ảnh hưởng tư tưởng Duy Tân Nguyễn Lộ Trạch từ lúc còn ở quê (làng Kế Môn, tỉnh Thừa Thiên).

Năm 1905 khi làm việc tại Toà Sứ Phan Thiết, ông hưởng ứng phong trào Duy Tân do Phan Chu Trinh đề xướng. Hồ Tá Bang là một trong sáu nhân vật (Trần Lê Chất, Nguyễn Hiệt Chi, Ngô Văn Nhượng, Nguyễn Trọng Lô, Nguyễn Quý Anh) chủ chốt của Trường Dục Thanh và Công ty Liên Thành ở Phan Thiết.

Phong trào Duy Tân này nhằm phát triển kinh tế, giáo dục để hỗ trợ cho phong trào cách mạng trên đường duy tân cứu quốc. Khoảng tháng 8 năm 1910 ông cùng Trương Gia Mô đưa Nguyễn Tất Thành vào Sài Gòn tìm đường sang Pháp. Sau đó ông trở về Phan Thiết điều hành trường Dục Thanh và làm tổng lý Công ty Liên Thành gần 30 năm.

Tư cách và đức độ của ông được nhân dân và sĩ phu kính trọng. Con ông là bác sĩ Hồ Tá Khanh cũng là một nhân sĩ, chính khách (hồi năm 1945 có chân trong nội các Trần Trọng Kim).

Hồ Tá Bang có sáng tác văn học, thơ văn ông thấm đượm tinh thần yêu nước và cách mạng. Bài Tế Thủ Tiên Lỗ Văn (văn tế bọn lo bo gửi tiền) đăng trên báo Lục Tỉnh Tân Văn số ngày 24-3-1908 ở Sài Gòn đã nói lên rõ nét tư tưởng của ông.

Ông mất năm 1943 thọ 69 tuổi, phần mộ tại đồn điền của ông cách thị xã Phan Thiết hơn 10 cây số.

Năm 1927 sau khi du học ở Pháp về và lập gia đình, ông Nguyễn Thành Giung đã cất ngôi nhà này tại Sa Đéc, để mỗi dịp nghỉ hè, nghỉ lễ, ngày chủ nhật về quê nghỉ dưỡng.

Ngôi nhà được các kiến trúc sư người Pháp thiết kế và theo dõi thi công. Nguyên vật liệu xây dựng như cát, đá, gạch, gỗ là vật liệu ở trong nước, còn các loại vật liệu khác như gạch bông, khung bông sắt, ngói... được đặt mua từ Pháp.

Ông Nguyễn Thành Giung đã thuê kiến trúc sư người Pháp vẽ thiết kế ngôi nhà kiểu biệt thự Pháp. Sau khi làm đầy đủ các thủ tục về xây cất nhà, ngôi biệt thự đã được tiến hành xây dựng và hoàn thành vào năm 1928.

Là người du học ở phương Tây nhưng với nề nếp của gia đình, với truyền thống văn hoá phương Đông, ông cũng rất chú ý đến việc chọn hướng, chọn vị trí.

Việc đầu tiên trong công việc xây dựng biệt thự có lẽ luôn là công việc khảo sát địa hình, chọn cho nhà mình một hướng để mở cửa. Người xưa gọi công việc này là định sơn lập hướng. Ngày nay, nhất là tại các đô thị có lẽ do đất chật người đông, phần cũng do không nắm vững các kỹ thuật theo khoa phong thuỷ nên nhà cửa xoay tứ hướng, hỗn loạn. Còn cổ nhân khi định sơn lập hướng trọng nhất là lấy được chính khí (khí thuần thanh tức là hướng trường khí trong sạch không pha tạp), tức là khí chính của bốn hướng chính Đông, Tây, Nam, Bắc. Phần cũng vì một ngôi nhà thường là nơi ở của nhiều người, truyền qua nhiều đời nên không thể lấy theo mệnh trạch của gia chủ được. Khi nghiên cứu sách báo về kiến trúc, các kim tự tháp nổi tiếng của Ai Cập cổ đại cũng lấy hướng theo chính hướng. Tuy nhiên việc hướng khí thuần thanh thật không dễ và rất khó chọn, bởi nếu đặt chính xác một trăm phần trăm theo các hướng Đông, Tây, Nam, Bắc thì chẳng chóng thì chày nhà đó cũng bại tuyệt bởi lực xung động quá mạnh của trường khí với toàn bộ ngôi nhà. Còn nếu lấy quá lệch sang hai bên ngôi nhà sẽ dễ phạm phải các tuyến khí trường pha tạp (các cụ xưa gọi là “Tuyến không vong”). Ngoài ra còn phải kết hợp với thiên vận, địa hình khu vực khi bắt đầu khởi công. Qua thực tế tất cả các ngôi nhà xưa đều được các cụ lấy lệch sang hai bên khoảng 3 độ. Tất cả đều toạ Tây hướng Đông, hoặc toạ Bắc hướng Nam, không có nhà nào xoay hướng khác. Như vậy chúng ta có thể thấy người xưa đã khéo léo kết hợp mọi yếu tố ngay từ việc hoạch định căn nhà khi nó chưa ra đời. Căn cứ theo địa hình của khu vực thì có hai hướng gió chủ yếu là Tây Bắc và Đông Nam khi lựa chọn các hướng chính này nhà ở cũng tránh được các luồng gió trực tiếp thổi tới.

Biệt thự của ông Nguyễn Thành Giung quay mặt đúng hướng Đông Nam, đây là hướng tiêu biểu vì nằm trong khu vực gió mùa, hướng Đông Nam là hướng tối ưu nhất vừa tránh cái nóng từ phía Tây, gió lạnh thổi về vào mùa Đông từ phía Bắc (giá bắc), lại vừa tận dụng gió mát từ phía Nam thổi ngang sông vào mùa hè.

Ngoài việc chọn hướng và chọn đất còn một yếu tố vị trí nữa cũng rất quan trọng, thể hiện tính cộng đồng là chọn hàng xóm láng giềng. Đến thời kỳ kinh tế hàng hoá phát triển thì vị trí giao thông đi lại thuận tiện, vị trí mặt tiền gần chợ búa cho việc trao đổi mua bán rất được quan tâm.

Biệt thự của ông Nguyễn Thành Giung xây kiểu Tây nhưng ông Nguyễn Thành Giung vẫn đảm bảo các lễ theo nghi thức của người Việt khi làm nhà như: đào móng, thượng lương và nhập trạch.

Đào móng tức động thổ, khởi công công trình. Đây là phần quan trọng nhất vì biệt thự với kết cấu vật liệu nặng, sức chịu lực sẽ dồn xuống phần móng chịu sức nặng

từ các trụ cột và tất cả các mảng tường. Việc chỉ huy thi công là người Pháp, thợ phụ và nhân công là người địa phương tại chỗ một ít, còn thợ chính là người ở Sài Gòn đã có nhiều năm kinh nghiệm xây cất các công thự, dinh thự, biệt thự cho người Pháp.

Sau khi thi công phần móng, cột, vách, các sàn bê tông nhà, sàn, bê tông trần thì đến phần thi công mái biệt thự. Biệt thự có ba nóc, hai nóc mái hình bánh ú (hình chóp vuông tức đáy là hình vuông, bốn mái hình tam giác cân chung một đỉnh nóc), một nóc mái hình thang cân (đáy là hình chữ nhật, hai mái trước và sau có hình thang cân, hai mái bên có hình tam giác cân, cùng chung nóc trên cây đòn dông).

Cùng với xà chính (tức là đòn dông, thượng lương) các xà khác cũng rất quan trọng. Còn có năm thanh xà tượng trưng cho các chữ: Càn, Nguyên, Hạnh, Lợi, Trinh để trấn yểm. Nguyên những chữ này nằm trong kinh dịch thuộc quẻ Bát Thuần Càn, tượng trưng cho trời thiêng liêng đức lớn, nên người xưa muốn mượn những chữ ấy để trừ bỏ những điều không tốt. Phải chăng trong kiến trúc của Pháp khi sang Việt Nam có ảnh hưởng phần nào của kiến trúc cổ Việt Nam, vì người ta muốn dùng các chữ này để yên ổn đất đai sau một thời gian thi công đóng mạnh.

Sau khi hoàn tất công việc xây cất biệt thự là tổ chức lễ tân gia, tức mừng nhà mới, lễ nhập trạch khi xưa. Gia đình ông Nguyễn Thành Giung đã tổ chức yến tiệc linh đình để mời bà con, bạn bè gần xa, đặc biệt là ông có mời các quan Tây làm việc tại Dinh tham biện Sa Đéc và các sở ngành lúc đó.

Hiện trạng ngôi nhà

Biệt thự được xây dựng trên một khu đất cao ráo có diện tích là hơn 3000m², phía trên lộ làng Tân Hưng xưa nay là đường Trần Văn Voi cặp bờ sông Sa Đéc, thuộc phường 4, thành phố Sa Đéc.

Không giống như kết cấu kiến trúc khung chịu lực của ngôi nhà truyền thống, cốt lõi của ngôi nhà một bộ khung chịu lực được tạo nên bởi các bộ phận liên kết với nhau trong một không gian ba chiều theo chiều đứng, trong ngôi nhà phân bố đều vào các cột và dồn xuống các viên đá tảng kê chân cột. Theo chiều ngang các cột được nối với nhau bằng các kẻ mộng ở đầu các cột tạo nên dây kèo, theo chiều dọc các dây kèo được nối với nhau bằng các đòn tay, từ đòn tay chân (đòn tay ở dưới) đến đòn dông (đòn nóc) để tạo thành bộ khung, có dây xuyên luôn qua bốn cột cái trước và bốn cột cái sau, bốn cây trính luồng từng đôi cột cái trước sau tạo thành một bộ khung gọi là chuồng cối. Đây là bộ khung lòng trính xuyên lòn chịu lực toàn bộ ngôi nhà, không cần đến móng, vách, tường, tường vách chỉ che nắng, mưa và gió.

Ngược lại đối với biệt thự thì chịu lực chính là móng, tường, các cột theo tường, vách trong nhà, toàn bộ sức nặng của ngôi nhà sẽ đặt xuống các cột, vách xuống đến móng tiếp xúc với nền nhà. Đây là sức nặng rất lớn với khối nguyên vật liệu cát, đá, xi

măng, gỗ, bê tông cốt thép, ngói..., nên phần thi công móng nền được các kỹ sư thiết kế rất cẩn thận. Móng nền được đào sâu hơn 1m đất đến lớp đất ướt rồi cho đóng cọc gỗ làm cừ để chống chọi với độ lún. Công việc này làm bằng thủ công, thời đó chưa có sử dụng máy móc, không chỉ đóng ngay chân cột mà đóng toàn bộ tường vách của ngôi nhà. Do xử lý móng chắc chắn, nên biệt thự đã tồn tại gần trăm năm rồi nhưng không thấy hiện tượng nứt lún tường gì xảy ra.

Biệt thự này có hai tầng, tầng trệt và tầng lầu. Tầng trệt cao 4m, tầng lầu cao 4m (không tính nóc). Ở hai tầng đều có các phòng với các chức năng khác nhau như phòng khách, phòng ngủ, phòng thờ cúng gia tiên, phòng ăn, nhà tiêu, nhà tắm.

Từ ngoài cổng vào biệt thự, sẽ thấy rõ biệt thự được chia ra làm ba gian mà mặt trước không đều nhau. Gian bìa phải nhô ra phía trước, gian giữa giạt lùi ra sau và gian trái giạt lùi sau gian giữa tạo cảm giác mới lạ.

Cửa chính vào biệt thự đặt ngay gian giữa ở tầng trệt gồm có hai cánh cửa gỗ kiểu thượng song (song sắt có gắn kiềng) hạ bản. Bước vào trong là một cửa vòm lớn hình vòng cung cao gần sát sàn nhà, hai bên có trang trí hai trụ cột gạch hình khối vuông, kế bên là bệ gạch và trụ cột vách.

Thẳng vào trong có hai lối ra phía sau, một lối đi vào cầu thang để lên tầng trệt, một lối đi vào để sang phòng bìa trong của gian bên trái.

Hai bên hông của phòng này có các cửa để vào các phòng ở hai gian hai bên. Gian bên phải có ba phòng (một phòng nhỏ, hai phòng lớn), gian bên trái có ba phòng (ba phòng nhỏ). Các phòng này có cửa ra vào và cửa sổ rất cao, ở bên hông mỗi phòng là một cửa sổ kiểu lá sách, các phòng ngay đầu các gian ở phía trước thì có một cửa sổ đôi (hai cánh) và hai cửa sổ đơn (một cánh).

Cầu thang lên tầng lầu làm bằng gỗ ván dày 0,30m; có chiều ngang 1,20m, có tay vịn bằng gỗ đặt trên các thanh sắt được đúc sẵn làm song đứng cho cầu thang. Cầu thang có hình chữ U, tay vịn phía bên trái, phía bên phải là tường nhà của gian giữa. Phía trên tầng lầu là lan can tiếp giáp với vách hông.

Tầng trên ngay gian giữa là một phòng dài thông ra phía trước có bao lam đưa ra ngay trên cửa ra vào. Phía hông trái có hai cửa thông ra hai phòng bên gian trái. Phía hông phải có ba cửa thông ra ba phòng bên gian phải ở phía trước. Phía sau cầu thang có một hành lang nhỏ, có ba phòng nhỏ là nhà vệ sinh và nhà kho.

Ở trên trần là sàn bê tông cốt thép đà treo ở trên nên trông rất đẹp. Trang trí cũng có kẻ các viên xung quanh góc tường, ở giữa có hoa văn gạch gắn đèn chùm. Trên nóc biệt thự gồm có ba nóc. Một nóc hình bán nguyệt, hai nóc hình mái hình thang cân. Trên nóc mái có xây các con lươn gạch dọc theo các góc mái. Xung quanh mái là hệ thống

máng xối bằng tol chì để hứng nước mưa thoát vào ống thoát nước xuống dưới đất, không cho nước mưa chảy xuống mái xung quanh biệt thự.

Biệt thự được xây dựng trên một nền đất cao để tránh các luồng gió, tránh xa mặt đất để hạn chế nhiệt hắt từ đất lên. Phía trên là một dàn mái lợp ngói với trần cao giúp tạo ra một đệm không khí để ngăn nhiệt thâm nhập từ mái. Ở đây còn bố trí các cửa sổ mái để thông thoáng nhiệt cho khoảng không gian đệm giữa trần và mái.

Để chống nắng làm tăng nhiệt độ do mặt trời chiếu thẳng ở phía Đông (buổi sáng), ở phía Tây (buổi chiều) nên hướng nhà đã không quay về hai hướng đó mà lệch về hướng Đông Nam. Tường nhà xây dày 40cm ở tầng dưới, 20cm ở tầng trên để ngăn nhiệt xâm nhập. Xung quanh mái nhà được bao bọc bởi các cây niêm nên đã tạo ra khí hậu êm mát dễ chịu là một kỹ thuật được áp dụng trong các dinh thự Pháp.

Biệt thự này cũng rất hấp dẫn bởi các dàn cửa như cửa sổ, cửa ra vào, cửa mái. Được làm rất cầu kỳ với cửa lá sách bên ngoài, khuôn bông sắt bên trong với cửa kiếng, các tay nắm hột xoài được đúc rất đẹp bằng gỗ tốt. Được che riêng bằng một mái lợp để không cho nắng chiếu xuyên hay mưa tạt vào. Các cửa này được làm bằng gỗ tốt rất chắc chắn được sơn màu xanh đậm. Hệ thống cửa được chú ý không chỉ vì mỹ thuật mà bởi đây là toàn bộ hệ thống thông thoáng của toà nhà.

Biệt thự này rất hấp dẫn với các căn phòng có trần cao, ánh sáng tràn ngập khắp phòng, dưới nền lát gạch bông tinh xảo và mát lạnh chân. Bàn ghế đều bằng gỗ rất cổ kính, không có đồ dùng với trang thiết bị hiện đại như nệm mouse, máy điều hoà nhiệt độ. Đặc biệt tường biệt thự được quét vôi vừa vừa sát trùng vừa không có hoá chất độc hại.

Đây thật sự là một ngôi nhà lý tưởng để ở hoặc để nghỉ dưỡng sau thời gian làm việc hoặc công tác tại nơi xa quê về.

Tồn tại và sử dụng

Cũng như những ngôi nhà thuần Việt khác, biệt thự là một tổ ấm của gia đình, là tổ ấm để đối phó với thời tiết nóng, lạnh, nắng, mưa, gió bão là một trong những yếu tố quan trọng nhất đảm bảo cho họ một cuộc sống ổn định. Có an cư thì mới lạc nghiệp “Thứ nhất dương cơ, thứ nhì âm phần” (sống có cái nhà, chết có cái mồ).

Là người theo Tây học nhưng xuất phát từ ngành nông nghiệp truyền thống của Việt Nam. Với sự giàu có của gia đình, được đi du học tại Pháp và đạt được học vị khoa học cao nhất lúc bấy giờ. Tiến sĩ Nguyễn Thành Giung đã chọn cho mình kiểu nhà là biệt thự để ở, tiện ích trong sinh hoạt, phù hợp với nếp sống của tầng lớp trí thức Pháp phong lưu. Ngày xưa tục ngữ có câu: “Ăn cơm Tàu, ở nhà Tây, lấy vợ Nhật” là sung sướng nhất, đã nói lên phần nào sự tiện nghi của loại hình nhà ở cao cấp này.

Biệt thự là mô hình nhà ở đã có cách đây hàng trăm năm với những phong cách kiến trúc mang đậm dấu ấn văn hoá, khí hậu, địa lý từng vùng riêng biệt. Biệt thự là nhà ở cao cấp với không gian công cộng cho mỗi gia đình, không gian riêng cho mỗi thành viên gia đình với những khu vườn xung quanh đã giúp cho sự nghỉ ngơi, thư giãn được thoải mái.

Biệt thự là loại hình kiến trúc của phương Tây, nhưng biệt thự của ông Tiến sĩ Nguyễn Thành Giung cũng là nơi thờ cúng ông bà tổ tiên như các gia đình Việt Nam. Sự thành đạt của ông Nguyễn Thành Giung là do tự phấn đấu học tập của bản thân ông nhưng điều quan trọng đầu tiên là sự lo lắng, dành dụm tiền bạc chu cấp cho ông để ông được đi du học ngành hoàng. Khi đỗ đạt học vị cao nhất với tấm bằng hạng tối ưu ông đã được gia đình tặng thưởng tiền bạc để xây cất ngôi biệt thự này. Gian thờ được đặt ở vị trí trang trọng ở tầng trên ngôi biệt thự với đầy đủ những tủ thờ và các khí tự thờ cúng có giá trị. Đây là sự tri ân tưởng nhớ đến công sinh thành dạy dỗ của ông bà, cha mẹ cho ông nên người và được thừa kế tài sản lớn lao của gia đình, không phải ai muốn cũng có được.

Ông Nguyễn Thành Giung cũng ít ở biệt thự này vì ông làm việc ở Sài Gòn, Mỹ Tho và có thời kỳ ở Hà Nội. Ngôi biệt thự ông và gia đình ở vào mùa nghỉ hè, các ngày lễ tết, chủ nhật, đôi lúc đi công vụ ở các tỉnh lân cận hay tại Sa Đéc nhân tiện rồi về nghỉ.

Khi mới về nước được vài năm ông làm việc tại phòng nghiên cứu khoa học thuộc địa tại Sài Gòn. Sau đó làm giáo sư giảng dạy tại Trường sư phạm Normal, Trường Chasseloup Laubat (nay là Trường Lê Quý Đôn), Trường Pérlus ký (nay là Lê Hồng Phong). Đây là những trường trung học rất nổi tiếng thời Pháp thuộc có truyền thống đào tạo ra những người học rất giỏi và thành đạt (truyền thống này hiện nay vẫn còn, các trường này là các trường chuyên của Tp. Hồ Chí Minh).

Trong thời gian này ông tranh thủ về nhà lúc nghỉ hè để thư giãn sau thời gian dạy học mệt mỏi.

Sau một thời gian làm giáo sư trung học có uy tín, ông được bổ nhiệm Hiệu Trưởng Trường trung học Mỹ Tho tức Trường Nguyễn Đình Chiểu ngày nay. Đây là một ngôi trường trung học có tiếng của Nam bộ đã đào tạo cho đất nước một thế hệ tri thức lãnh đạo cho cách mạng Việt Nam như Phạm Hùng, Nguyễn Hữu Thọ, Phạm Ngọc Lễ, Huỳnh Tấn Phát.v.v...

Đến năm 1946 ông Nguyễn Thành Giung được giữ chức Vụ trưởng Bộ Quốc Gia Giáo dục trong Chính phủ Nguyễn Văn Thỉnh. Sau khi chính phủ này đổ, ông ra Hà Nội làm giáo sư giảng dạy tại Đại học Khoa học Hà Nội.

Năm 1952 ông được cử lại làm Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Thanh niên (ông được giữ chức Bộ trưởng Bộ Giáo dục tất cả ba lần), kiêm Phó Viện trưởng Viện Đại học Hà Nội. Trong thời gian giữ trọng trách Bộ trưởng Bộ Giáo dục, ông đã cho ban hành một Nghị định về cải tổ giáo dục bậc Trung học theo chương trình Việt Nam ngày 14/10/1953.

Sau năm 1955 ông về hưu và sống tại Sài Gòn. Biệt thự này tại Sa Đéc cũng là nơi lui tới thường xuyên, thời gian nghỉ lại lâu hơn lúc làm việc trước đây. Ông mất năm 1959 tại Sài Gòn, an táng tại Nghĩa trang đất Thánh Tây (ĐaKao) Sài Gòn. Năm 1982 phần mộ ông phải di dời, hài cốt ông được hoả táng, tro của ông được gửi qua Pháp nơi vợ con ông đang sinh sống.

Ông Nguyễn Thành Giung và vợ có được ba người con gồm hai con trai và một con gái. Các con của ông cũng đã từng sống tại ngôi biệt thự này, được sự giáo dục chăm sóc của ông nên cũng được học hành đến nơi đến chốn.

Khi ông qua đời thì ngôi biệt thự do các con ông sử dụng đến năm 1975. Khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, cả gia đình con cháu ông Nguyễn Thành Giung đều đi sang Pháp định cư. Ngôi nhà trở thành vắng chủ nên đã được Nhà nước quản lý cho đến nay.

Tình trạng bảo quản

Từ khi xây dựng đến nay biệt thự vẫn ở nguyên vị trí cũ với nguyên vẹn hình dáng kiến trúc ban đầu. Mái ngói lợp vẫn còn nguyên vẹn, các mảng tường, hoa văn sắt cửa sổ, các bức vẽ trang trí trong phòng bị thời gian trôi qua đã làm cho nó trở nên cổ kính. Các vật dụng trong nhà, khi chủ nhân không còn quản lý đã dần bị thất lạc.

Ngôi biệt thự được trùng tu hai lần, lần thứ nhất vào những năm 1990, tu sửa nhỏ và quét vôi lại, lần thứ hai đang tiến hành là quét vôi lại chứ không sơn P để bảo đảm nguyên trạng màu sắc của biệt thự, đồng thời chăm sóc lại mái ngói để biệt thự không bị mưa dột.

Có thời gian Biệt thự được giao cho Ủy ban nhân dân phường 4, thành phố Sa Đéc làm trụ sở. Do trụ sở không đủ chỗ để làm việc nên cất thêm một hội trường phía bên trái biệt thự, một nhà để xe phía bên phải. Một dãy nhà các ban, đoàn thể ở phía sau biệt thự, các công trình này đã làm choáng mất khoảng không gian của biệt thự trước năm 1975.

Biệt thự do Nhà nước quản lý từ sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng. Công việc tu bổ cũng được tiến hành thường xuyên để bảo quản tốt công trình được sử dụng lâu dài.

Giá trị lịch sử, văn hóa, nghệ thuật

Kiến trúc nhà ở là loại hình xuất hiện sớm nhất so với các loại hình kiến trúc khác, là không gian kiến trúc phục vụ cho đời sống sinh hoạt gia đình.

Biệt thự là điển hình của ngôi nhà có sự mát mẽ tự nhiên của nó, rất ích tiêu tốn năng lượng, vật liệu và phong cách được trích xuất từ tự nhiên và văn hoá địa phương nên rất gần gũi với người Việt.

Kiến trúc Pháp nói riêng, kiến trúc phương Tây nói chung là không phải phục vụ cho người Việt. Mà thật ra ngay từ đầu, các nhà thiết kế và kỹ sư Pháp đã phải tìm tòi để tạo ra một không gian sống thích ứng cho kiều dân của họ với khí hậu ở vùng đất này, cho đỡ nhớ quê hương khi đang đô hộ ở các thuộc địa. Và có thể nói đây là sự bành trướng của nước Pháp ở Đông Dương được thể hiện qua nơi cư trú.

Biệt thự mang phong cách cổ điển thường có đường nét cổ kính, vật liệu, phong cách trang trí mang dáng dấp những thập niên 20 của thế kỷ trước. Cách bố trí chức năng cho biệt thự cũng gọi lại nét sinh hoạt xa xưa. Biệt thự tạo cho người sử dụng cảm giác bề thế, ấm áp và cũng rất hào hoa. Hình thức thiết kế thiên về đăng đối, cân xứng (cân xứng chứ không phải là đối xứng). Màu sắc trong ngôi biệt thự không sặc sỡ loè loẹt như các biệt thự hiện nay, mà là màu nâu sậm, màu trầm, màu xanh rêu kết hợp các màu sáng như màu vàng đất, vàng kem dùng cho tường cột. Công trình thường có bắt đầu và kết thúc khoẻ khoắn bằng cách ốp chân và lợp mái theo tông màu đậm.

Các chi tiết kiến trúc của biệt thự mang phong cách cổ điển khá cầu kỳ và tinh xảo. Yêu cầu kiến trúc sư phải hiểu về tỉ lệ và phối hợp đường nét trong kiến trúc. Vì nếu không biết cách kết hợp chi tiết với nhau thì công trình khi nhìn bao quát sẽ thấy một sản phẩm rối rắm (dù chi tiết kiến trúc cổ rất chuẩn). Thiết kế công trình biệt thự này đã tạo được cảm giác khoẻ khoắn, hình khối khi nhìn từ xa rất rành mạch, rõ ràng nhưng khi đến gần thì các chi tiết lại tinh xảo, không thô hay khô cứng.

Biệt thự cổ này có thiết kế các phòng cao, cửa rộng. Tường xây bằng gạch chịu lực nên tường rất dày (tường trên 20cm, dưới 40cm), cửa thì kính phía trong, ngoài thì chớp nên sống ở trong biệt thự là rất thoải mái, mát mẽ về mùa hè, ấm áp về mùa đông.

Đây là ngôi biệt thự tiêu biểu cho kiến trúc Pháp vào đầu thế kỷ XX tại Sa Đéc. Đó là ngôi nhà Tây (nói theo dân gian) được người Việt xây cất để ở, để nghỉ hè, lễ.v.v... Lúc bấy giờ kiến trúc Pháp xây dựng chỉ để cho nhà công vụ, các cơ sở cai trị, cho các kiều dân Pháp ở để đỡ nhớ quê hương bên trời Tây.

Hướng bảo tồn

Biệt thự của Tiến sĩ Nguyễn Thành Giung rất có giá trị nhiều mặt về lịch sử - văn hoá, kiến trúc nghệ thuật của kiến trúc nhà ở vào đầu thế kỷ XX tại Sa Đéc. Góp

phân tích cực vào việc khôi phục các giá trị truyền thống, xây dựng một nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, biệt thự của ông Nguyễn Thành Giung cần phải được gìn giữ nguyên trạng.

Thành phố Sa Đéc trong điều kiện phát triển kinh tế xã hội và đời sống nhân dân từng bước được nâng cao, nhu cầu cải tạo nhà ở với các vật liệu trang thiết bị hiện đại là rất cấp thiết. Việc sử dụng biệt thự làm trụ sở cơ quan nhà nước cũng cần phải đảm bảo tính nguyên trạng trong mỗi lần trùng tu sửa chữa. Cần giữ gìn không gian xung quanh biệt thự để giữ gìn không gian thoáng đãng, cảnh quan đẹp để vốn có của nó. Không nên lắp đặt các trang thiết bị đồ dùng hiện đại trong biệt thự vì làm thế sẽ phá hỏng vốn hồn xưa nhà cổ.

II.4. Một số nhà theo kiến trúc Việt:

II.4.1. Nhà chữ đình ba gian hai chái bát dần

Nhà của ông Lê Minh Tồn ở địa chỉ số 377, tổ 16, ấp Tây, xã Tân Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, thuộc dạng nhà nền đất, có kết cấu mặt bằng sinh hoạt là nhà chữ đình ba gian hai chái bát dần.

Lịch sử xây dựng



Nhà ông Lê Minh Tồn

Tân Bình là một trong 12 xã, thị trấn của huyện Châu Thành. Phía Bắc giáp xã An Hiệp – Châu Thành, phía Nam giáp xã Phú Long – Châu Thành, phía Đông giáp xã Tân Nhuận Đông – Châu Thành, phía Tây giáp xã Tân Phú Trung – Châu Thành và thành phố Sa Đéc.

Châu Thành là vùng đất bằng phẳng, đồng ruộng phì nhiêu, nhiều kinh rạch bắt nguồn từ sông Tiền và sông Hậu, nước ngọt quanh năm. Cặp hữu ngạn sông Tiền có con sông Sa Đéc, cửa sông bắt nguồn từ phía trên cầu Mỹ Thuận (trước là phà Mỹ

Thuận), từ đây sông chảy qua thị trấn Cái Tàu Hạ, các xã An Nhơn, Tân Nhuận Đông, Tân Bình, ngang qua thành phố Sa Đéc, Lấp Vò tới sông Hậu.

Vì địa lý Tân Bình có quan hệ mật thiết với khu vực này nên có những lợi thế nhất định.

Từ các con sông nói trên tỏa ra rất nhiều con rạch nhỏ như chân rết, hợp lưu chằng chịt dẫn nguồn nước tưới tiêu cho trồng trọt và sinh hoạt cho cư dân sinh sống ở ven sông vùng này; đồng thời rất thuận lợi giao thông, giao lưu giữa nơi này với nơi khác.

Thời kỳ khẩn hoang khai phá vùng đất Nam bộ, đặt chân sớm đến miền đất này là những người nông dân áo vải từ miền Trung vào đây tìm đất sống, lúc mật độ dân cư ở vùng này còn thưa thớt, họ cùng với những người Khme, người Hoa định cư ở đây từ trước (hoặc mới đến) khai phá đất canh tác biến nơi hoang vu thành vùng đất “Trên cơm dưới cá”. Họ sống thành từng chòm, xóm có tính cách tự quản. Đến cuối thế kỷ XVII, vùng cư trú của người Việt phát triển nhanh chóng.

Vùng đất rộng lớn này tiềm ẩn nhiều nguồn lợi tự nhiên nhưng cũng đầy hiểm trở. Từ ven sông Tiền đi về phía Tây đến ven sông Hậu thời bấy giờ còn hoang vu cỏ dại, nhiều cụm rừng tràm, xa xa có những giồng đất cao mọc cây cổ thụ cao vút là nơi cư trú của nhiều loại động vật như: cọp, nai, voi, heo rừng, các loại khỉ, chồn, các loại chim cò trích diệc, le le, công cộc, gà nước, võ vẽ, óc cao... Đi theo các sông, rạch vào đồng sâu, có nhiều lung, trấp, ao, đầm mọc nhiều cây sen, bông súng... những đầm ao là vựa cá thiên nhiên và các loài động vật bò sát như: trăn, rắn, rùa, cua đinh..., còn có những cụm rừng có nhiều chim quý tự sinh sôi, gọi là vườn chim như: vườn công cộc Phú Thạnh, vườn cò ở Rạch Rau Cần, vườn dơi ở Giồng Nổi.

Với nguồn lợi tự nhiên phong phú đó, đã thu hút những người đi lập nghiệp đến định cư và sinh sống lâu dài ở vùng đất này. Theo dòng lưu dân đến đây có ông Lê Văn Bút (là ông sơ của chủ nhân ngôi nhà hiện nay), trước kia ông Bút khai hoang và sống ở huyện Vũng Liêm (tỉnh Vĩnh Long) nhưng do điều kiện làm ăn không thuận lợi nên ông chuyển sang vùng đất Tân Bình này lập nghiệp.

Trải qua quá trình định cư, với điều kiện môi trường tự nhiên – xã hội thuận lợi và ổn định, nguồn lợi thiên nhiên dồi dào, đời sống kinh tế gia đình bước đầu có nhiều thuận lợi và phát triển.

Với tinh thần tích cực, chịu khó hăng say lao động, khai phá đất đai, diện tích sản xuất ngày càng rộng mở. Thời tiết thuận lợi, đất đai màu mỡ, canh tác trúng mùa, nông sản thu hoạch dồi dào làm cho kinh tế ngày càng phát triển. Gia đình ông Bút trở nên khá giả. Cùng với thời gian tích lũy lâu dài, ông Bút đã tạo nền tảng kinh tế gia đình vững chắc, tạo tiền đề cho các con của ông phát triển kinh tế gia đình – mua

thêm đất đai, nông cụ sản xuất... dần dần gia đình ông trở thành là một trong những người giàu có nhất vùng. Và người con của ông là ông Lê Văn Nhẫn đã trở thành ông cả - danh gọi dành cho người giàu có nhất làng thời bấy giờ. Khi kinh tế ổn định, ông Nhẫn (con ông Bút) quyết định chọn vị trí thuận lợi để cất nhà, để làm nơi sinh hoạt gia đình lâu dài và thờ cúng tổ tiên. Vì là người giàu có nên ông muốn xây dựng ngôi nhà để sử dụng chúng phù hợp với hoàn cảnh của mình, ông chuẩn bị một cách sáng tạo những phần việc mang tính nguyên tắc theo qui định chung. Bắt đầu từ việc chọn đất, chọn hướng, chọn vật liệu, chọn ngày phát mộc, dựng nhà cho đến khi ngôi nhà hoàn thành, cách bài trí, sử dụng chúng đều phải cân nhắc rất kỹ. Vì theo quan niệm dân gian: quá trình làm nhà nếu thực hiện tùy tiện phá lễ, sẽ bị coi là hiện tượng báng bổ tới thần linh, bị cộng đồng dè bĩu và có nguy cơ không thể phát triển được lâu dài. Đó cũng là công việc chuẩn bị cần thiết cho bất cứ ai khi bắt tay vào việc làm nhà.

Việc chọn đất làm nhà, theo quan niệm truyền thống dân gian, được lý giải rằng: có được đất tốt “Cát trạch” thì gia chủ làm ăn mới thịnh vượng. Vì thế, khi có điều kiện, chủ nhà thường mời thầy địa lý (hoặc những người đã trải qua Hán học ở trong làng biết “Nho-y-lý-số”) tìm giúp những nơi đất sạch, cao ráo, phía trước có ao, đầm hoặc hai bên sông, rạch, khe lạch chảy qua ôm ấp, phía sau có đồi, cồn cao... để dựng nhà, họ cho rằng vị trí đất như vậy là nơi lý tưởng, tụ khí, hợp với phong thủy, gia chủ sẽ làm ăn phát triển. Ngược lại, dù nghèo bất đắc dĩ người dân cũng ít khi ưng chọn vị trí đất trũng, sâu, có mồ mả, nhà cửa bị đường đi chiếu vào hướng nhà, không được quay lưng với cửa đền, đình miếu của làng.

Phân tích ở góc độ thực tế, cách thức này có thể xem là có căn cứ, bởi nó được cha ông ta đúc rút, chọn lựa từ cuộc sống. Ai cũng biết rằng, làm nhà ở vị trí đất cao sẽ có sự thoáng đãng về môi trường, cảnh quan, về mùa mưa sẽ hạn chế được tác hại của lũ lụt. Nếu làm nhà ở những nơi đất trũng, thấp dễ bị ngập lụt con người có nguy cơ bị dịch bệnh nhiều hơn. Nhà có ao hồ phía trước hoặc được ôm ấp bởi sông, rạch vừa có tác dụng điều hòa khí hậu, vừa tiện lợi khi lấy nước để sản xuất làm ruộng, làm vườn, tưới tiêu. Chọn được thế đất cao, có nguồn nước trước nhà rất có lợi cho sức khỏe, môi trường sống của con người.

Như vậy, rõ ràng chúng ta thấy rằng việc cất nhà là vô cùng hệ trọng đối với đời sống con người, nên người xưa thường nhắc nhở con cháu “tậu trâu - lấy vợ - làm nhà !”. Tậu trâu có lẽ ngày nay tương đương với việc học hành để lo cho sự nghiệp; Lấy vợ là bước đầu xây dựng cho mình cái tổ ấm; Làm nhà chính là tổng hợp của hai việc trên, căn nhà nơi con người ta được che chở suốt cả cuộc đời. Vì thế đối với người xưa công việc xây nhà đặc biệt quan trọng, phải được làm với một tấm lòng tha thiết và một kiến thức rất tinh tế.

Ngoài ra, các khâu chuẩn bị về vật liệu, thợ xây cất cũng được chọn lựa kỹ càng.

Với hiện trạng ngôi nhà còn tồn tại đến ngày nay, cho thấy bộ khung của nó được cất tốn rất nhiều gỗ. Đây là bộ khung nhà 100 cột, nên vào thời kỳ đó, gia chủ phải sang tận Nam Vang mua gỗ kết bè thả xuôi theo dòng Mê Kông về vị trí dựng nhà, công việc này cũng tốn nhiều công sức và thời gian. Vì phương tiện vận chuyển lúc bấy giờ rất khó khăn. Các loại gạch, ngói được mua ở các lò sản xuất tại địa phương; đá mua từ các ghe khai thác ở An Giang, Đồng Nai...

Khi vật tư tập kết đầy đủ, công việc khởi công được xúc tiến ngay. Đội ngũ thợ xây cất nhà này là nhóm thợ người miền Trung, được chia ra làm nhiều tổ, mỗi tổ đảm nhận một công việc riêng biệt: như tổ làm khung, chế tác gỗ theo từng bộ phận công năng của vì kèo; tổ cưa đẽo, chạm lộng; thợ làm khuôn... và tất cả đều thực hiện theo sự chỉ huy của một người thợ cả. Ngoài tiền công thỏa thuận, gia chủ phải thanh toán, trong thời gian làm nhà, mọi sinh hoạt ăn ở của nhóm thợ này đều được gia chủ bao tiêu. Đó cũng là một thông lệ (bất thành văn) của thời xưa khi làm nhà.

Với sự cần mẫn, nhiệt tình, trải qua thời gian lao động miệt mài của những người thợ sau 04 năm xây dựng, ngôi nhà được hoàn thành và đưa vào sử dụng. Đó là ngôi nhà lợp ngói âm dương, 03 gian hai chái bát dần, khung gỗ, nền lát gạch tàu. Đến nay, ngôi nhà này đã tồn tại trên 100 năm.

Ngôi nhà này được coi là một tác phẩm kiến trúc nghệ thuật về nhà ở đặc sắc của địa phương còn tồn tại đến ngày nay. Nó được tạo dựng trong khung cảnh thiên nhiên hài hòa. Các mảng trang trí bên trong cũng được lắp ráp, bố trí cân đối, đẹp mắt... đây là di sản văn hoá có giá trị về vật chất và tinh thần của cha ông để lại. Nó là niềm tự hào không chỉ của những người trong gia tộc mà còn là niềm tự hào chung của nhân dân địa phương nơi nhà cổ tồn tại.

Trải qua thời gian tồn tại và sử dụng lâu dài, đến nay một số bộ phận của kiến trúc bị xuống cấp đã được cải tạo và tu sửa lại như: nền ở gian thờ nhà trên, toàn bộ nền nhà dưới được thay bằng gạch tráng men, vách xung quanh và buồng xây bằng tường gạch bê tông (vào năm 2002).

Hiện nay, ngôi nhà này là phủ thờ tộc họ do ông Lê Minh Tồn đứng tên chủ sở hữu – ông Tồn là thế hệ thứ tư ở trong ngôi nhà này, gọi ông Cả Nhẫn bằng cụ cố (người đứng ra cất ngôi nhà này).

Hiện trạng ngôi nhà

Nhà nằm cách lộ nông thôn khoảng 40m, phía trước là rạch Cầu Xây, thuộc ấp Tây, xã Tân Bình, chính diện quay về hướng Đông - Bắc, xung quanh là vườn trồng

nhiều loại cây ăn quả. Cảnh vật xanh tươi, môi trường không khí trong lành. Mặt bằng rộng rãi và thoáng đãng, mặt chính ngôi nhà quay ra hướng rạch Cầu Xây uốn khúc, chạy giữa hai con đường làng, cung cấp nước tưới ruộng vườn và sinh hoạt cho người dân nơi đây. Nhà cất thụt vào phía vườn tạo ra khoảng sân rộng dùng để phơi nông sản trong những vụ mùa thu hoạch hoặc làm nơi che rạp đãi khách trong những dịp cưới, hỏi, tiệc tùng...

Phía sau nhà có vườn ao rất tiện lợi cho việc canh tác sản xuất phát triển kinh tế gia đình.

Tổng thể ngôi nhà gồm có 02 bộ phận là nhà trên và nhà dưới. Toàn bộ mái lợp ngói âm dương, hàng hiên nối liền với nhau suốt dọc nhà trên và nhà dưới tạo thành một mảng dài ở mặt chính. Nóc của nhà trên và nhà dưới nằm vuông góc với nhau, bờ nóc của các mái ngói xây bê tông gạch trên gờ có trang trí hoa văn vừa có công dụng sắp nóc, vừa tạo sự thanh thoát cho mái nhà. Các đầu hồi và gờ mái xây gạch có tác dụng che nắng, cố định, tránh tốc mái khi trời giông bão...

Trải qua thời gian tồn tại lâu dài, mái ngói đã nhuốm màu rêu phong làm tăng thêm vẻ cổ kính của ngôi nhà. Bộ phận diềm mái bằng gỗ trước hiên đã không chịu nổi sự tàn phá của thiên nhiên nên xuống cấp và được chủ nhân của nó thay vào đó bằng tấm kim loại màu trắng (kẽm) dài dọc trước mái hiên. Vách ván bồ kho xung quanh cũng bị hư hỏng nên đã được xây bằng vách tường. Các bộ phận kết cấu và trang trí bằng gỗ ở mặt chính diện được bảo quản cẩn thận, hàng năm, gia đình đều tích lũy kinh phí thuê mướn thợ và nhân công lau chùi (quét dầu), kịp thời sửa chữa những chỗ hỏng hóc, mỗi một đục khoét. Vì vậy, khi có dịp đến ngôi nhà này ngoài vẻ trầm mặc cổ kính ta còn được chiêm ngưỡng những mảng trang trí, chạm lộng đặc sắc và hoành tráng rất có giá trị nghệ thuật đã được chủ nhân của nó chăm chút gìn giữ rất công phu.

Khi đến ngôi nhà cổ này, bước vào đứng dưới mái hiên ta đã có cảm giác rất mát mẻ bởi kích thước đồ sộ của nó đã che phủ chiếm một khoảng không gian rộng lớn, với những hàng cột nối nhau xếp ngang, dọc chạy dài thẳng tắp. Theo ông Lê Minh Tồn, chủ nhân hiện tại của ngôi nhà này cho biết, kiểu nhà của ông dân gian gọi là “Nhà trăm cột”, vì có đến một trăm cây cột lớn nhỏ để đỡ bộ phận mái ngói. Quan sát qua kết cấu bộ khung, ta có thể đón được nguồn lực kinh tế của người đứng ra xây cất ngôi nhà này là rất giàu có. Vì nó được cất lên tốn rất nhiều nguyên vật liệu (chủ yếu là gỗ) và công thợ.

Kết cấu bộ khung của ngôi nhà này rất vững chãi, chắc chắn. Kiểu dáng nhà này đã tạo được một cách thức khá chuẩn mực của kiểu nhà tiền trụ. Xét về mặt bằng sinh hoạt thì ta có thể gọi đây là nhà nền đất có dạng chữ đinh vì nó có hai bộ phận là nhà trên và nhà dưới. Nhìn trực tiếp từ ngoài cổng vào mặt chính của nhà – nhà trên bố trí

ngang, nhà dưới bố trí dọc, liền kề nhau, hai đòn dông (thượng lương) của hai nhà thẳng góc với nhau tạo thành dạng chữ đinh (J – Hán tự). Cũng có thể hiểu thêm chữ đinh dịch ra Nôm có nghĩa là “Đứa”, là “Dân”, là “Người dân đen”, nên nhà chữ đinh tức là loại nhà của người thường dân. Đặc điểm của nhà chữ đinh là cửa cái của nhà trên trổ ở cạnh dài, còn cửa cái của nhà dưới trổ ở cạnh ngắn (tức đòi hỏi nhà), nên cửa của hai nhà đều mở ra cùng một hướng. Trước hai nhà có mái hiên và hàng hiên chung này chạy liền suốt từ nhà trên đến nhà dưới, tạo vẻ đồng nhất cho kiến trúc nhà và có lẽ nhằm hạn chế bớt sự cách biệt về vị trí giữa nhà trên và nhà dưới. Thông thường, nhà trên được xây cất với kích thước to hơn nhà dưới (ở ngôi nhà này cũng vậy), vì nhà trên được quan niệm quan trọng hơn, có chức năng là nơi thờ cúng ông bà, tổ tiên, nơi để dành tiếp khách quý... Như vậy, quan hệ xã hội của nhà chữ đinh là thể hiện trật tự phong kiến phương Đông. Nhà trên biểu hiện vị trí quan trọng của ông chủ nhà, còn nhà dưới mới là nơi chôn dành cho phụ nữ trong nhà.

Với ngôi nhà này, nó là một căn nhà chữ đinh điển hình theo kiểu xưa là ba gian hai chái, còn hiện tại nó được xây dựng phổ biến là ba gian không có chái hiên, tức ba căn song. Vì nhà chữ đinh ba gian hai chái đòi hỏi kỹ thuật xây cất công phu, rườm rà tốn kém, chiếm nhiều diện tích nên hiện nay ít được xây dựng.

Với hiện trạng tồn tại rất qui mô của ngôi nhà này, cho thấy nó được xây cất với chi phí rất tốn kém. Chủ nhân của nó đã đầu tư bằng cả tâm huyết và sức lực của mình để tạo dựng nên một ngôi nhà vững chắc, đẹp đẽ; vừa để cư ngụ ổn định an nhàn, vừa để chiêm ngưỡng những tác phẩm kiến trúc chạm lọng trang trí rất công phu đẹp mắt của ngôi nhà.

Dù đã qua thời gian sử dụng lâu dài (trên 100 năm) nhưng bộ khung ngôi nhà này có rất vững chãi, đó cũng là nhờ vào ý thức bảo quản của những thành viên trong ngôi nhà này để mong gìn giữ kéo dài tuổi thọ di sản của ông bà để lại. Tất cả gần như được bảo vệ nguyên vẹn, từ những táng kê chân cột, thân cột, kèo đòn tay, rui mè... đều được lau chùi và đánh bóng cẩn thận. Vì vậy, tất cả các bộ phận được nhìn thấy đều rất bóng lộng.

Bên cạnh đó, bằng kỹ thuật tài hoa người thợ xây cất xưa còn để lại những tác phẩm trang trí kiến trúc dân gian được trình bày trên bộ phận của kiến trúc ngôi nhà này là những tác phẩm rất độc đáo và có giá trị nghệ thuật cao. Từ những đường nét chạm trổ đến kỹ thuật lắp ráp đều được thực hiện một cách tinh xảo theo cách thức “Ăn mộng khít khao” chắc chắn và rất tỉ mỉ. Các bộ phận đều được chế tác công phu, những thân cột được bào gọt thon gọn ở hai đầu vừa đảm bảo được yếu tố chịu lực lại có nét thẩm mỹ cao, thân kèo chế tác theo kiểu kèo tam đoạn, thanh thoát. Thân và bụng kèo có viền chỉ khắc chìm, chạm nổi hoa văn uyển chuyển đẹp mắt; ở mỗi đầu kèo là một đồ án thể hiện nội dung đề tài trang trí khác nhau, đầu kèo ở mặt dưới có dạng mái chèo, phía trên

có hình vót lên như đầu phượng (còn gọi là kèo vò đầu). Trên đó trang trí chạm nổi từng nội dung chim thú, hoa lá cân đối hài hoà... lồng ghép những ý tưởng, ước muốn an nhàn hạnh phúc của cư dân nông nghiệp nói chung và của gia chủ nói riêng.

Dù rất chú trọng đến hình thức, yếu tố nghệ thuật thẩm mỹ ... nhưng về công dụng, công năng của từng bộ phận cũng được chủ gia và nhóm thợ đặt lên hàng đầu. Với mong muốn ngôi nhà được tồn tại lâu dài để làm nơi sinh hoạt và thờ cúng tổ tiên. Các nghi lễ tín ngưỡng dân gian trong quá trình xây dựng cũng được thực hiện nghiêm túc. Vì rằng, trong tâm thức của gia chủ khi dựng lên ngôi nhà họ mong sao cho mọi người sống trong ngôi nhà được thuận hoà đầm ấm, sống vui vẻ hạnh phúc; làm ăn phát tài, con cái học hành đỗ đạt...

Với bộ khung vững chãi, các cột được làm bằng gỗ căm xe thân tròn to khoẻ, xếp hàng song song theo chiều dọc và chiều ngang đứng chịu lực, ráp ăn mộng với các đầu và thân kèo. Từng hàng cột liên kết với nhau bởi thanh xuyên và đòn tay. Tất cả được bố trí dàn đều từ mái hiên lên đỉnh nóc (thượng lương) đầu và thân thượng lương gối trên đầu tròng, tỳ lên thân đà dọc ở lòng căn giữa. Phía trên các đòn tay là lớp rui bản to, dày để đỡ ngói. Trọng lượng của mái ngói tải đều ra toàn bộ diện tích ngôi nhà và tỳ lên các đầu cột chuyển lực xuống các chân cột được cố định bởi các tảng kê trên mặt đất tạo thế chân trụ vững chãi cho toàn bộ ngôi nhà có thể chống đỡ với giông bão, gió mưa của thời tiết ở Nam bộ.

Bước qua bậc thềm ở mái hiên nhà, ta có thể quan sát toàn bộ nội thất bên trong của ngôi nhà này, nó có một không gian rộng rãi, thoáng mát đem đến cảm giác dễ chịu cho chúng ta khi có dịp đặt chân đến đây. Những mảng trang trí, dụng cụ sinh hoạt gia đình và đồ thờ cúng đều là những vật dụng có giá trị về kinh tế và lịch sử - văn hoá... Tất cả đều được sắp xếp và bố trí ngăn nắp, lau chùi sạch sẽ... điều đó thể hiện ý thức bảo quản gìn giữ của gia chủ rất cao.

Đây là ngôi nhà mà gia chủ còn giữ được tương đối đầy đủ các đồ dùng trang trí nội thất bên trong của ông bà để lại. Thể hiện tinh thần hoài cổ rất đáng trân trọng trong việc bảo quản tài sản của gia đình.

Sự lộng lẫy và hiện vật phong phú bên trong nội thất, làm cho những ai có dịp đến đây đều phải trầm trồ... vì vậy ngôi nhà này đã nhiều lần là nơi được chọn làm cảnh quay cho những vở tuồng nghệ thuật cải lương của nhiều đoàn nghệ thuật (trong số đó có nghệ sĩ Út Bạch Lan đã từng đến đây để ghi hình và ngủ lại căn nhà này qua đêm).

Trở lại với nội dung trang trí nội thất ở ngôi nhà này, đó là trình tự sắp xếp và bố trí các đồ dùng sinh hoạt từ ngoài vào trong. Đầu tiên là phần hiên nhà, khoảng giữa cột hàng ba gian bìa đặt hai bộ ngựa gỗ dày (mặt gồm hai tấm ván ghép lại (dày

11cm x 303cm x 192cm). Đây là nơi nghỉ ngơi và chuyện trò của những thành viên nam trong gia đình và láng giềng, vì theo tục lệ coi trọng nam của thời xưa thì phụ nữ không được lên nhà trên và ngồi trên bộ ngựa này.

Trên trần ở gian giữa treo bức hoành phi bằng gỗ nền thép nhũ vàng chạm chữ nổi bằng chữ Hán theo dạng đại tự, phiên âm là: Hòa Dong

Tạm dịch là:

Hoà hợp và khoan dung

Bên trái, phía trước nhà dưới đặt bộ trường kỷ để trà nước tiếp khách hàng ngày.

Bước qua ngạch cửa nối liền với phần hiên (từ cột hàng nhì trở vào) mặt tiền của nhà trên là nơi thờ cúng ông bà tổ tiên, nhà dưới dùng để bố trí phòng ngủ và vật dụng sinh hoạt của gia đình.

Mặt chính và cửa nhà trên và nhà dưới bằng gỗ, lắp đặt liền mí với nhau. Cửa thượng song hình con tiện, bản gỗ (thượng song hạ bản) viền ô chạm khắc hoa lá, dây leo, hoa quả... mang ý nghĩa sung túc và hạnh phúc.

Ở ngay mặt chính này, mỗi khung cửa và bao lam bố trí ở từng gian có nội dung trang trí và hình thức thể hiện phong phú riêng biệt.

Về khung cửa, khung ở ba gian chính có kích thước lớn hơn cửa ở hai chái (cửa ở hai chái có hình vòm uốn cong), cửa hai gian bìa của nhà trên có đỉnh vòm khép góc cạnh xiên, khung bao gian giữa uốn cong lơi liền mạch. Các đề khung cửa và xung quanh chạm nổi khắc chìm chỉ chít các đề tài trang trí uốn lượn uyển chuyển tựa hồ như là những nét vẽ phóng bút điêu luyện của một họa sĩ tài hoa... nội dung thể hiện trên các đề tài trang trí ở đây là những mảng về thiên nhiên gần gũi cuộc sống con người, những đề tài có tính triết lý của tư tưởng nho giáo và các nội dung tín ngưỡng dân gian khác như: cuốn thư, quạt vĩa, sách bút, long, lân, qui, phượng, mắt cửa, phúc đáo (dơi quay đầu xuống), đào, lựu, tùng lộc, mai, lan, cúc, trúc...

Liên trên khung cửa là bao lam được lắp đặt từng mảng nối liền tục với nhau đến tận trần nhà. Hình thức trang trí bao lam được thể hiện công phu, cân đối, hài hoà... không chỉ trong nội dung từng mảng mà cả tổng thể của nội dung trang trí ở mặt chính diện. Các đề tài thể hiện dưới dạng đồ án trang trí ô học, sử dụng kỹ thuật viền nổi chạm thủng, chạm nổi, chạm lóp hai, ba lớp... rất tinh tế và điêu luyện... tất cả được thể hiện dưới đôi tay của người “Nghệ sĩ dân gian” trong xây cất và trang trí nhà ở, những “Tác phẩm nghệ thuật” này mang phong cách kiến trúc điêu khắc gỗ thời Nguyễn giai đoạn cuối thế kỷ XIX. Những đề tài về phong cảnh thiên nhiên hoa, lá, chim thú... được họ thể hiện một cách uyển chuyển sinh động. Đó là nét đặc sắc

và tiêu biểu của nội dung trang trí ở ngôi nhà cổ này, nó không những có giá trị về nghệ thuật, mà còn phản phát chút ít tư tưởng tâm linh về đời sống tinh thần của người đi khai khẩn vùng đất phương Nam, mong cầu một cuộc sống yên bình và hạnh phúc trên vùng đất mới.

Tiếp đến vào bên trong nội thất ngôi nhà, không gian mặt tiền (từ cột hàng nhất mặt hậu trở ra) là nơi trang trọng nhất, ở đây được trang hoàng lộng lẫy với việc sắp đặt bài trí các nơi thờ phượng, bàn ghế, tranh liễn, đèn trang trí đều có thể xếp vào dạng cổ vật, được chạm khắc cẩn ốc xà cừ tinh tế lộng lẫy... có giá trị mỹ thuật và kinh tế cao. Có thể nói ngôi nhà này là Từ đường của tộc họ với sự qui tụ thờ cúng nhiều thành viên của tộc họ, không gian thờ cúng ở đây được bài trí khít khao nhưng không kém phần ngăn nắp và tôn nghiêm. Tùy vào thứ bậc giai cấp trong tộc họ mà bố trí nơi thờ, các dụng cụ thờ tự cũng có sự trân trọng ở cấp độ khác nhau. Và thứ tự như sau: từ ngoài vào, đầu tiên là bộ bàn ghế đặt ở phía gian bìa trái, là nơi để sắp lễ vật trước khi mang lên bàn thờ cúng. Ở sát 02 chân cột hàng nhất chính giữa, mỗi bên đặt 02 chiếc ghế (cổ) một là, ghế có dạng bành tượng (yên voi), hai bên tay chạm lộng chữ song hỷ, phía lưng tựa có hình dơi quay đầu xuống mang ý nghĩa mong những điều tốt lành sẽ đến. Hai là ghế day tay cuốn, mặt ghế tròn, lưng tựa hình rẽ quạt, toàn bộ cẩn ốc xà cừ rất đẹp và có giá trị thẩm mỹ. Trên mỗi cột hàng nhất đều có tranh liễn cẩn ốc xà cừ về các tích truyện (nhị thập tứ hiếu), thi, họa, chim, thú... trên trần nhà treo hai chiếc đèn trang trí, một là đèn chùm của Châu Âu sản xuất, hai là đèn lồng rất đẹp, chúng sẽ được thắp sáng mỗi khi gia đình có dịp tổ chức lễ bái, tiệc tùng...

Kế đến là vị trí sắp xếp các bàn thờ tộc họ (dụng cụ thờ tự mỗi người đã khuất đều có tử thờ và giường thờ, ở những bàn thờ của bậc trưởng thượng tôn kính còn có trang trí tranh sơn mài cẩn xà cừ về các đề tài tứ thời: xuân, hạ, thu, đông – mai, lan, cúc, trúc...) bố trí từ trái qua phải (hướng từ trong nhà nhìn ra). Các tử thờ đa số thuộc vào loại tử cổ (trừ một chiếc nằm ở góc phải) thân tử cẩn ốc xà cừ, có chiếc cẩn ở mặt chính, có chiếc cẩn cả 03 mặt, chân quỳ, hình thức trang trí trên thân tử theo dạng ô học, trình bày đối xứng, cân đối thể hiện các đề tài hoa lá, chim thú, tứ linh, phúc đáo... trên mỗi bàn thờ bài trí các dụng cụ thờ tự (bộ ngũ sự) gồm lư, chân đèn, hạc, đèn (bằng kim loại đồng thau) bình hoa (gốm), mâm bông (gốm) tất cả đều thuộc loại cổ. Đặc biệt lư trong bộ ngũ sự ở mỗi bàn thờ có hình dáng khác nhau như: lư mắt tre, lư lục giác, lư tròn, lư hộp vuông.

Như vậy, qua việc bài trí không gian thờ cúng ở gian mặt tiền của ngôi nhà này thể hiện tính trân trọng của gia chủ đối với ông bà tổ tiên

Tiếp tục quan sát trang trí nội thất của ngôi nhà này, qua khỏi gian thờ, đi ra gian mặt hậu bằng một lối đi ở gian bìa trái. Bên trong là nơi cất chứa vật dụng tài sản của gia đình. Ở đây đặt một số tủ có dạng cổ chứa đồ dùng sinh hoạt gia đình.

Sau cùng, là hàng hiên mặt hậu, nơi đây để các lu khạp hứng nước mưa dùng trong sinh hoạt hàng ngày của gia đình.

Tồn tại và sử dụng

Nhà ở đối với con người là một nhu cầu không thể thiếu. Tuy nhiên tùy thuộc vào môi trường cư trú, điều kiện kinh tế, trình độ nhận thức mà mỗi tộc người, mỗi ông Lê Văn Bút, rời nơi ở cũ, ở Vũng Liêm sang định cư và lập nghiệp trên đất Tân Bình, Châu Thành, Đồng Tháp. Khi kinh tế gia đình khá giả, người con của ông là Lê Văn Nhẫn đứng ra xây dựng ngôi nhà này, do ông có nhiều điền sản nên dân làng trong vùng gọi ông là Cả Nhẫn. Đến khi ông qua đời, trao quyền thừa kế lại cho người con tên là Lê Văn Mỹ có vợ là bà Lê Thị Khéo, do giỏi giang trong làm kinh tế, kinh tế điền sản gia đình ngày càng phát triển mua nhiều điền sản, trở nên rất giàu có được mọi người trong vùng gọi ông hội đồng Mỹ.

Vợ chồng ông Mỹ có 05 người con.

Và những thế hệ đã sinh sống qua ngôi nhà này như sau:

Gia đình Thạch

2/ Lê Thị Lợi

3/ Lê Thị Phuong

4/ Lê Minh Trị

5/ Lê Minh Phước

Những người con của ông nối nghiệp cha đều phát triển kinh tế gia đình khá giả đời sống ổn định.

Thế hệ thừa kế tiếp theo, ngôi nhà này thuộc quyền quản lý của người con cả là Lê Văn Thanh cùng vợ là bà Huỳnh Thị Ngọt, cùng ra sức lao động, tăng gia sản xuất duy trì phát triển kinh tế để gìn giữ di sản của ông bà để lại, nuôi dạy con cái học hành thành đạt. Vợ chồng ông có 09 người con:

1/ Lê Văn Vĩnh

2/ Lê Minh Tồn (chủ nhân hiện tại của ngôi nhà)

3/ Lê Thị Hiếu

4/ Lê Hữu Hạnh

5/ Lê Văn Nam

6/ Lê Thành Nguyên

7/ Lê Thành Đạm

8/ Lê Thành Trí

9/ Lê Thành Mậu

Đến khi ông Thanh qua đời để ngôi nhà lại cho người con trai thứ ba là ông Lê Minh Tồn thừa kế, tiếp tục truyền thống gia đình, ông Tồn chăm lo lao động sản xuất, lập vườn trồng cây kết hợp làm ruộng, mở thêm cơ sở sản xuất bột, chăn nuôi gia súc, gia cầm... tạo ra của cải nuôi dạy con cái ăn học, tiếp tục phát triển truyền thống lao động sản xuất ổn định kinh tế cho gia đình và con cái về sau. Các con ông là:

1/ Lê Thị Hữu Duyên

2/ Lê Thành Luân

3/ Lê Duy Lân

Tất cả họ đều đã trưởng thành có việc làm và kinh tế ổn định.

Như vậy, ngôi nhà cổ của ông Lê Minh Tồn đã có thời gian tồn tại hơn một thế kỷ qua và nhiều thế hệ sinh trưởng dưới mái ấm của ngôi nhà này. Họ được nuôi dưỡng và thừa hưởng những giá trị đạo đức tinh thần cũng như những kinh nghiệm hoạt động lao động sản xuất phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế ổn định cuộc sống.

Mỗi thành viên trong gia đình khi tham gia hoạt động tiếp tục với lòng giềng, xã hội bằng hành vi tác phong, lời nói thể hiện sự ảnh hưởng giáo huấn nề nếp của gia đình. Ngôi nhà cổ này hiện nay vừa là nơi sinh sống của gia đình ông Lê Minh Tồn, vừa là nơi thờ cúng tộc họ, nên mỗi khi có giỗ bái, con cháu tề tựu về đông đúc. Họ cùng nhau thắp hương tưởng nhớ về tổ tiên ông bà, khẩn cầu ông bà phù hộ gia đình khoẻ mạnh, hạnh phúc làm ăn phát tài... trong giây phút thành tâm khẩn nguyện ấy, họ cũng chiêm nghiệm về hành vi ứng xử của mình trong cuộc sống với họ hàng, đã có làm điều gì sai trái hay ngược lại với nề nếp gia phong truyền thống gia đình. Từ đó kịp thời uốn nắn sửa chữa để trở thành người tốt hơn và không phạm vào những điều răn dạy của ông bà tổ tiên.

Tình trạng bảo quản

Ngôi nhà này có thời gian tồn tại lâu dài, đã qua hơn một thế kỷ chịu sự tác động của thời tiết. Với khí hậu nóng ẩm mưa nhiều và thường có lũ lụt vào mùa mưa, dù đã được chủ nhân dựng lên nó tiên liệu và chọn những súc gỗ tốt để nó tồn tại được lâu bền. Nhưng ít nhiều nó vẫn bị ảnh hưởng bởi thời gian và khí hậu, làm một số bộ phận bị hư

hổng, mỗi một găm nhám, xuống cấp. Đó là những vách gỗ che xung quanh đã bị hư được thay thế, xây lại bằng tường gạch, những chỗ mỗi một thường xuyên được xịt thuốc diệt trừ. Gia đình rất quan tâm theo dõi, kịp thời xử lý những tác nhân gây hại đến những bộ phận kết cấu của ngôi nhà nhằm kéo dài tuổi thọ và sử dụng được lâu bền.

Khi đến khảo sát và thu thập tư liệu về ngôi nhà cổ này, qua trao đổi với chủ nhân, được biết họ hàng gia đình họ - những người đang sống trong ngôi nhà này, trong đó có em trai của ông Lê Minh Tồn là ông Lê Thành Mậu dành một khoảng kinh phí lớn duy tu bảo quản. Hàng năm, vào những dịp xuân về là lúc mọi người sửa sang nhà cửa để chuẩn bị vui xuân đón Tết. Dịp này, gia đình ông thuê thợ mộc, sửa chữa những chỗ hư hỏng. Xịt thuốc vào những chỗ bị mối mọt ăn, quét bụi bặm, lau dầu bóng những bộ phận trang trí và kết cấu bằng vật liệu gỗ như: cửa, bao lam, cột, kèo, đòn tay, rui, mè.... Chính vì thế mà tuổi thọ của nó cũng được kéo dài thêm.

Với ý thức và biện pháp bảo quản của gia đình đối với ngôi nhà cổ này, thật đáng khen ngợi. Trong suy nghĩ, họ chỉ mong sao cho ngôi nhà của mình tồn tại lâu dài để làm nơi sinh hoạt gia đình, thờ cúng tổ tiên và gìn giữ tài sản của ông bà để lại. Do đó, trong điều kiện kinh phí gia đình có thể, họ sẵn sàng đầu tư để bảo quản. Vì ngôi nhà họ đang sinh sống vừa là tổ ấm hạnh phúc gia đình, vừa là niềm tự hào của cả tộc họ.

Giá trị lịch sử, văn hóa, nghệ thuật

Đến thời Nguyễn, việc khai phá đồng bằng Nam bộ đã đem lại một khuôn mặt mới cho làng xã Việt Nam. Nông thôn Nam bộ, với những ngôi nhà mọc lên dọc theo đôi bờ kênh rạch đã hình thành nên một mẫu mới về thôn làng. Đó là sự phóng khoáng do môi trường thiên nhiên ban tặng cho làng mạc và con người làng Nam bộ không có lũy tre dày đặc như làng Bắc bộ. Người đến sinh sống ở vùng đất Nam bộ thường tập trung ở vùng đất cao gọi là Giồng, chỉ có bờ tre là biểu tượng đánh dấu ranh giới giữa các thôn ấp ở vùng sông nước gọi là (miệt sông) thôn ấp trải dài dọc theo kênh rạch, do vậy tính cách của họ cũng trở nên phóng khoáng, cùng với thời tiết ít khắc nghiệt hơn nên nhà ở của họ cũng có những thay đổi nhất định. Dần dần, trải qua thời gian sử dụng, thích nghi với điều kiện thời tiết ở vùng đất mới đã hình thành nên những kiểu nhà ở đặc trưng nơi đây như: nhà bè, nhà trên cọc... ngay cả kiểu nhà truyền thống như: nhà Rường, nhà Rội của miền Trung, miền Bắc cũng có một số bộ phận được cải tiến cho phù hợp và thuận lợi trong sinh hoạt.

Với ngôi nhà cổ này thì những giá trị cả yếu tố vật thể và phi vật thể. Đó là những giá trị về kiến trúc - kỹ thuật lắp ráp dựng nhà theo kiểu “Ăn mộng” âm – dương là sự thể hiện một trình độ tuyệt kỹ của nghệ nhân nghề mộc năm xưa. Các mảng trang trí không chỉ là những tác phẩm nghệ thuật, sử dụng nhiều kỹ thuật chế tác: chạm, khắc, thể hiện đường nét sinh động, uyển chuyển đã tạo cảm giác hấp dẫn cho người thưởng

ngoạn... là vì nó được gởi gắm tinh thần, tình cảm hay bí quyết của người “nghệ sĩ” dân gian tài hoa.

Mặt khác, về lịch sử - ngôi nhà còn có thể xem như một vật chứng chứa đựng thông tin xã hội quan trọng của một giai đoạn lịch sử nhất định về nhiều mặt như: tình hình dân cư, chế độ chính trị, môi trường cư trú, hoạt động giao thông, quản lý đất đai, lao động sản xuất...

Một yếu tố nữa không thể thiếu trong quá trình xây cất nhà của người xưa là yếu tố tâm linh mang màu sắc tín ngưỡng dân gian phổ biến. Đó là việc thực hiện các nghi lễ trong quá trình chuẩn bị dựng nhà đến khi hoàn thành vào ở. Các nghi lễ này, hiện nay trong dân gian người dân vẫn còn tiến hành khi làm nhà ở nhưng đã được đơn giản bớt.

Ngoài ra, đối với nhà người Việt bên cạnh tín ngưỡng thờ ông bà tổ tiên thể hiện đạo hiếu. Tín ngưỡng nhà ở có mặt các vị như: Thổ địa, Thần tài, Bà độ mạng, Ông độ mạng...

Hướng bảo tồn

Nhà ở là sở hữu thuộc quyền quản lý của cá nhân, của từng gia đình. Nhà cổ cũng vậy khu vực Nam bộ là vùng đất mới khai phá, nên cơ sở hạ tầng, thiết chế văn hoá, nhà cửa... đều có niên đại tương đối thấp so với những khu vực khác trong cả nước. Tuy vậy, do đặc thù khí hậu, ảnh hưởng của tự nhiên nên đại bộ phận người dân Nam bộ ít quan tâm đến việc cất nhà ở kiên cố như những nơi khác.

Chính vì thế số lượng nhà cổ Nam bộ nói chung và ở Đồng Tháp nói riêng, không nhiều. Một yếu tố khác là chiến tranh và lụt lội cũng ảnh hưởng làm hư hỏng thất thoát nhà cổ rất nhiều. Thời gian và thời tiết cũng góp phần giảm thiểu số lượng nhà cổ đáng kể, xu thế phát triển của xã hội ngày càng cao, nhu cầu sửa chữa nhà ở hay quá trình đô thị hoá nông thôn sẽ làm mất dần những ngôi nhà cổ. Do đó, rất những chính sách của nhà nước có chủ trương xã hội hóa trong việc gìn giữ những di sản văn hoá về kiến trúc nhà ở của ông cha để lại... mong các ngành các cấp hợp tác, thực hiện biện pháp bảo quản gìn giữ nhà cổ cho dân. Đồng thời đó cũng là sự gìn giữ bảo quản di sản văn hoá của cha ông để lại ở địa phương mình quản lý, góp thêm vào kho tàng văn hoá trên cả nước.

II.4.2. Nhà xuyên trính

Ngôi nhà này thuộc sở hữu bà Huỳnh Thị Liếng ở địa chỉ số 526, ấp Long Thái, xã Long Khánh B, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp

Lịch sử xây dựng



Nhà bà Huỳnh Thị Luyến

Xã Long Khánh B là một trong tổng số 15 xã và 01 thị trấn của huyện Hồng Ngự, nằm về phía Tây của thị

xã Hồng Ngự trên địa phận cù lao lớn ở giữa sông Tiền. Trước kia, thuộc xã Long Khánh, đến năm 1989

tách địa giới hành chính chia ra làm 02 xã: Long Khánh A và Long Khánh B.

Theo dòng lịch sử, cư dân đến vùng đất này sinh sống từ cuối thế kỷ XVI, đầu thế kỷ XVII. Phần lớn họ là những nông dân nghèo ở các tỉnh miền Trung và miền Bắc. Họ rời quê cũ vượt biển vào Nam khai hoang lập nghiệp, hy vọng có cuộc sống mới bình an và thịnh vượng...

Những người dân đến đây lập nghiệp đã tổ chức thành thôn xóm và làm nhiều nghề khác nhau: làm ruộng, làm vườn, trồng dâu nuôi tằm dệt vải, đánh cá... Với tinh thần cần cù, chịu thương, chịu khó họ vượt qua mọi hiểm họa thiên tai, thú dữ... tích góp của cải để xây dựng cuộc sống ấm no, phồn thịnh trên vùng đất mới. Cũng từ đây, trong những người cơ cực nghèo khó ban đầu họ đã có của ăn của để. Suy nghĩ đầu tiên của họ là xây dựng một ngôi nhà khang trang vững chãi để ổn định cuộc sống. Vì theo họ: “Có an cư thì mới lạc nghiệp”. Đó cũng là ước vọng, là hoài bão chính đáng của những người đi tha phương lập nghiệp.

Vì vậy, trên mảnh đất cù lao này dần dần hình thành nên thôn làng và được triều đình phong kiến nhà Nguyễn công nhận thông qua việc sắc phong đình làng (Đình Long Khánh) của vua Tự Đức vào ngày 29/11/1852, đó được xem như là một quyết định công nhận nhóm cư dân sống ổn định về tinh thần và xã hội thuộc quyền cai quản của chế độ Phong kiến nhà Nguyễn.

Họ không chỉ chăm lo cuộc sống gia đình mà còn chung tay góp sức xây dựng nên một thiết chế văn hoá tín ngưỡng truyền thống. Đó là Đình Long Khánh, để mọi người đến đây cầu nguyện, giải bày những ưu tư... đặc biệt, hàng năm vào những dịp hội hè tế lễ mọi người hội tụ về đây cùng tham gia tế lễ, vui chơi giải trí với ngày hội của làng.

Những ngôi nhà khang trang được xây cất lúc mới lập làng, dần dần, theo thời gian bị hư hao và xuống cấp do bị thiên tai và chiến tranh tàn phá làm hư hỏng... hoặc do một số người ăn nên làm ra muốn thay đổi kiểu nhà mới, họ đã tháo dỡ, hoặc bán đi, hay chia cho con cái... để xây dựng lại những ngôi nhà mới bằng vật liệu xi

măng cốt thép theo kiểu dáng đương thời... do vậy, số lượng nhà cổ trên địa bàn xã Long Khánh B hiện nay không còn nhiều.

Ngôi nhà này trước kia do ông Hồ Văn Lân (1820-1902) và bà Đặng Thị Vi (1818-1890) đứng ra xây cất.

Theo lời kể của bà Huỳnh Thị Liếng vợ của ông Hồ Thiện Dự (1948-1986) cháu gọi ông Hồ Văn Lân là “Cụ cố” thì: xưa kia, không rõ ông Lân là người ở đâu (do không có gia phả) chỉ nghe truyền rằng, ông là một trong những người từ miền Trung vào Nam lập nghiệp. Ban đầu đến ở Hoà An (Cao Lãnh) dần dần cùng với một nhóm người đến cù lao Long Khánh (Hồng Ngự) khai phá vùng đất này để canh tác nông nghiệp làm rẫy, trồng lúa và khai thác cá... Vùng đất cù lao phù sa màu mỡ, khí hậu trong lành, nguồn lợi thiên nhiên dồi dào... đã “Nú chân” người đi khai hoang. Và ông quyết định chọn mảnh đất này làm “Quê hương” thứ hai của mình để ổn định cuộc sống mới và cho con cháu sau này. Với tinh thần “Quyết chí lập nghiệp” cần cù chịu khó, ông cùng với vợ khai phá một vùng đất rộng lớn để canh tác nông nghiệp. Ngoài ra, ông còn tích lũy vốn mua thêm đất mở rộng diện tích sản xuất, nguồn lợi thu vào cho gia đình ông ngày càng khấm khá và trở thành người giàu có. Khi đã có của ăn của để ông xây dựng nhà chắc chắn để định cư lâu dài.

Việc xây dựng nhà để ở, tránh mưa, tránh nắng, gió bão... ngoài ra, nó còn là ước vọng của chủ nhân về sự phát triển phồn thịnh của gia đình và dòng về sau. Vì vậy đối với nhà ở truyền thống của người Việt xưa về kiểu dáng, vật liệu, thế đất... đều gắn liền và phù hợp môi trường nơi gia chủ cư trú. Cho nên, qua sự bàn bạc, chọn lựa kỹ càng của gia đình. Ông Lân quyết định chọn địa thế “Cận thị, cận lộ, cận giang, cận điền” dựng nhà để ở, sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp. Đó là ngôi nhà 03 gian, lợp ngói âm dương, nền đất, bộ khung gỗ cắm xe, cà chất... (cột gỗ tròn) kết cấu kỹ thuật theo hệ vì kèo xuyên trính.

Gỗ được ông Lân sang tận Campuchia tìm những chủ rừng khai thác gỗ lớn kết bè, đơi vào mùa nước đổ (khoảng tháng 7- 9 âm lịch hàng năm) thả xuôi theo dòng Mêkông về cù lao Long Khánh – vào mùa này, nước chỉ chảy xuôi một chiều từ thượng nguồn xuống hạ lưu. Thời kỳ này có nhiều người mua gỗ kết bè thả từ Campuchia về Việt Nam để sử dụng nên dân gian có từ: “Sao sông lớn, gỗ sông lớn”. Và ngôi lợp mái được mua từ Vĩnh Long.

Thời gian cất ngôi nhà của ông Lân kéo dài khoảng 02 năm (do mọi công đoạn đều thực hiện bằng thủ công).

Nhóm thợ xây cất nhà ông Lân là những người thợ mộc có tay nghề cao, có gốc gác từ miền Trung (Huế) vào Nam lập nghiệp, họ sinh sống bằng nghề truyền thống của mình được đào tạo nghề từ quê nhà. Sản phẩm của họ (những ngôi nhà và

đồ gỗ gia dụng) đạt trình độ mỹ thuật, chất lượng cao và có tuổi thọ bền bỉ với thời gian.

Riêng phần trang trí nội thất (liễn, bao lam, hoành phi...) ông Lân nhờ người đặt mua từ Huế chở vào (một ông thầy bán thuốc Cao đơn hoàn tán - người Huế).

Ông Lân và vợ là bà Đặng Thị Vị có 03 người con: 01 trai và 02 gái. Khi ông mất (1902 - hưởng thọ 82 tuổi) quyền thừa kế ngôi nhà thuộc về người con trai là ông Hồ Đăng Dinh.

Ông Hồ Đăng Dinh (1850-13/02/1942) có vợ là bà Trần Thị Sum (1854-20/5/1942), tiếp tục sinh sống trong ngôi nhà này để phát triển điền sản và dòng tộc. Trong thời của ông Dinh, ngôi nhà được trùng tu và di dời lui vào (so với lộ làng) do chính quyền địa phương yêu cầu để làm đường giao thông. Cũng vào dịp này, nền nhà được nâng lên thành nền sàn gỗ (trước là nền đất). Phần nền hiên nhà tráng xi măng và xung quanh ốp đá chẻ. Vật liệu trùng tu nhà: đá được mua ở An Giang, gỗ mua ở Campuchia.

Hiện trạng ngôi nhà

Vị trí ngôi nhà hiện nay chính diện quay về hướng Đông, nằm cách lộ liên xã một khoảng sân, phía trước là một nhánh của sông Tiền, phía sau là ao cá và đồng ruộng. Nhà lợp ngói âm dương. Trên bờ nóc ở 02 đầu kìm là 02 ngọn đèn toạ đăng bằng xi măng, chính giữa là nhiều đoá hoa hình tháp kéo dài liên tục có tác dụng cố định nóc. Hai bên bờ guột đắp đường viền bằng xi măng để giữ cho gió bão khỏi tốc mái, phía dưới mái ngói hiên có tàu mái (giọt gianh) bằng gỗ có tác dụng trang trí làm tăng vẻ đẹp cho ngôi nhà và phân tán nước mưa rơi xuống tránh xói mòn mặt sân. Vách xung quanh nhà làm bằng gỗ, phần ván vây (cánh én) lát ngang và hông lát dọc, vách hiên ở mặt chính lắp đặt theo kiểu thượng song hạ bản (song - sắt, bản - gỗ) có tác dụng đón ánh sáng và gió mát thổi từ hướng sông vào làm cho ngôi nhà thêm mát mẻ.

Nền nhà được cải tạo thành dạng: nền nửa sàn nửa đất. Phía trước hiên, nền được ốp đá hoa cương, mặt nền từ cột hàng ba trở ra tráng xi măng từ cột hàng ba vào nhà chính là nền sàn gỗ, trụ bê tông (bao gồm cả nhà bếp).

Nhà bà Huỳnh Thị Liếng cất theo kết cấu kỹ thuật nhà xuyên trính. Sườn bằng gỗ cắm xe, cà chất.

Bộ khung nhà chính gồm 32 cây cột (28 cột tròn và 04 cột vuông). Nhà bếp: 12 cây cột tròn. tất cả được liên kết với nhau bởi hệ thống vì kèo (cột, kèo, đòn tay, trính trồng, thượng lương...). Các cột xếp dọc và chia thành 03 gian. Các xuyên luồng trính và trồng liên kết nhau tạo thành bộ khung chịu lực đỡ thân kèo hợp nhau ở đỉnh

(giao kỹ) nâng thượng lương, đòn tay, rui tạo thành hệ thống chắc chắn đỡ toàn bộ mái ngói. Sự liên kết bộ khung nhà cổ được các nghệ nhân thể hiện trình độ tay nghề điêu luyện: áp dụng kỹ thuật lắp ráp mộng âm dương (mộng dưới và mộng trên khớp với nhau) ăn khít nhau và được giữ cố định bởi các con nêm, con xỏ (chốt dùng xỏ vào lỗ đục để làm các thanh gỗ liên kết lại với nhau) rất thuận tiện cho việc lắp ráp và tháo dỡ. Đồng thời tạo được vẻ thẩm mỹ cho bộ khung và sử dụng gỗ được lâu bền (do không sử dụng đinh kim loại, kim loại thường bị oxy hoá, rỉ sét dễ làm hư hỏng gỗ - kim khắc mộc). Thân các bộ phận cột kèo, đòn tay, xuyên, trính trổng, rui... có kích thước to lớn, được tạo tác dáng - vóc gồ nổi, chắc chắn, phù hợp với công năng, rất hài hoà và mang tính thẩm mỹ cao.

Bộ phận nâng các đầu kèo, thượng lương là cây trồng và con đỡ được xếp ở nách. Tạo thành cánh dơi, tất cả được tỳ lên thân trính (hình cánh cung) và đòn lực đè phân bổ đều xuống các thân cột theo phương thẳng đứng từ trên xuống dưới.

Kèo nhà có cấu trúc là những thanh gỗ hình chữ nhật to, dẻo cong gọi là kèo vồ đậu được làm từng đoạn và nhỏ dần theo từng hàng cột. Ở đầu các đoạn kèo được chế tác từ thô sắc xảo theo vị trí từ cao xuống thấp phù hợp tầm nhìn từ xa đến gần, nghĩa là: ở các đầu kèo gần dễ quan sát các nghệ nhân đã tạo dáng đầu rồng, đầu phụng, những đồ án, hoa văn trang trí rất phong phú: hoa dây, cuốn thư, bút lông, chim phượng... mang phong cách nghệ thuật chạm khắc thời Nguyễn (cuối thế kỷ XIX). Qua đó, thể hiện thị hiếu thẩm mỹ và ước vọng của chủ nhân ngôi nhà cầu mong cuộc sống phồn vinh, thịnh vượng và thành đạt cho dòng tộc, con cháu mai sau (chim phụng mang ý nghĩa thịnh vượng, sách bút lông mang ý nghĩa cầu học vấn thành đạt...).

Qua bậc tam cấp (nằm bên trái) vào bên trong ngôi nhà, cho ta cảm giác thoải mái và mát mẻ, vì mái được nối dài thêm một khoảng từ cột hàng ba ra cột hiên có tác dụng ngăn ánh nắng hắt vào bên trong. Nhìn bề ngoài, ngôi nhà có mái thấp nhưng khi vào bên trong vẫn cao ráo và thoáng mát, bởi khoảng cách từ mái hiên đến hàng nhì rất rộng rãi và hoàn toàn trống trải. Tiếp đến là phần nội thất chính: nền sàn gỗ được nâng cao hơn phần hiên và được chia thành 02 phần. Phần từ cột nhứt mặt hậu trở vào sử dụng cho sinh hoạt gia đình, từ cột hàng nhứt của mặt hậu trở ra cột hàng nhì của mặt tiền sử dụng vào việc thờ tự và tiếp khách.

Ở phần mặt tiền có 03 khoảng cửa vào có dạng panô bản gỗ xếp nguyên tấm lớn, rất đẹp và chắc chắn.

Cửa chính giữa khung bao lọng hình cánh cung, viền chỉ, chạm nổi hoa tinh xảo, thể hiện các đề tài hoà hợp với thiên nhiên hoa lá (mai, lan, cúc, trúc). Đặc biệt, trên thân ngưỡng cửa chạm hình con dơi trút đầu xuống mang ý nghĩa phúc đáo (phước vào nhà). Trên các khuôn cửa sát mái các pa nô và đồ án điêu khắc chia thành

nhiều ô học, thể hiện nội dung trang trí phong phú: trúc, mai, chim trĩ, hoa dây, con tiện, bình hoa...; bên cạnh đó, các nghệ nhân còn gắn đôi mắt cửa bằng gỗ hình hoa cúc mãn khai với ngụ ý cầu phúc và ngăn chặn tà ma nhằm tránh cho gia đình những tai họa.

Ở hai bên cửa chính có gắn đôi liễn gỗ khắc chìm, thép vàng, đôi câu đối bằng chữ Hán:

Phiên âm:

Hiếu tư duy tắc hà tu lễ bách nghi thiên

Đạo khởi viễn cầu bất ngoại cang thường ngũ

Cửa bên phải và bên có hình thức giống nhau: khung bao hình chữ nhật, nhưng được khếp ở 02 góc vuông phía trên nên có dạng như mũi kết bi; các đồ án trang trí cũng chia thành nhiều ô học, hình vuông, chữ nhật, chạm thủng, khảm xà cừ... với các đề tài quen thuộc như: chim trĩ, trúc, mai, hoa dây...

Qua khỏi cửa, vào không gian bên mặt chính gian nhà: chính giữa đặt bộ trường kỷ bằng gỗ dùng làm nơi tiếp khách.

Trường kỷ mặt bằng gỗ, chân lọng dạng chân quỳ, diềm và bẫy đỡ chạm thủng hoa dây chim thú, mây cuộn...Thành trường kỷ, chia nhiều ô học, khảm đá hoa cương, chạm thủng các đề tài tùng lộc, hươu, nai, dơi... Hai cột ở 02 bên trường kỷ có đôi câu đối viết bằng chữ Hán.

Bàn, chân lọng hình tròn, hình đĩa theo dạng đốt tre rất cầu kỳ và công phu.

Phía trên trần nhà đặt trang thờ phật, treo ảnh Đức Huỳnh Giáo Chủ (Huỳnh Phú Sổ) người sáng lập ra đạo phật giáo Hoà Hảo.

Bên trái bộ trường kỷ, đặt bộ ván ngựa làm nơi nghỉ ngơi cho khách và gia đình. Tiếp đến là khu vực trang trọng nhất của ngôi nhà. Đây là nơi tôn nghiêm, không chỉ đối với các thành viên trong gia đình mà ngay cả khách đến cũng phải giữ lễ và trân trọng. Vì đó là nơi thờ ông bà tổ tiên và những người thân trong dòng tộc đã qua đời. Ở vị trí này bố trí 03 bàn thờ, bên phải thờ ông Hồ Thiện Dự (chồng bà Huỳnh Thị Liếng), chính giữa là bàn thờ Cửu huyền thất tổ, bên trái là bàn thờ một người thân trong họ tộc. Bàn thờ 02 bên tả, hữu bài trí đơn giản. Riêng ở bàn thờ Cửu huyền thất tổ được trang trí đặc biệt (tủ càn xà cừ, tranh thờ (kiếng), đồ thờ tự, bình hoa (gốm, chân đèn, lư đồng...). Phía trên cây xuyên có treo bức hoành sơn son thép vàng, viết chữ Hán:

Hồ Phủ Đường

Ở hai bên, cả trước và sau bàn thờ có 04 biển đề các bài thơ bằng chữ Hán cẩn xà cừ và hoạ tiết trang trí là các đề tài về mùa xuân (bướm lượn, cành mai, phúc lộc (cành lựu) ước vọng con cháu sum vầy, đông đúc).

Bao lam phía trước bàn thờ cửu huyền thất tổ là một tác phẩm nghệ thuật điêu khắc gỗ đặc sắc, thể hiện đề tài: dây leo, hoa hướng dương và cảnh sinh hoạt của một đàn chim phượng cùng kéo một sợi dây được phân bố đối xứng nhau ở 02 bên, mỗi bên 03 con. Đề tài này có thể được hiểu: đây là sợi dây huyết thống, ràng buộc, đoàn kết mọi thành viên trong một tổ cùng nhau xây dựng tình thương yêu đùm bọc, chia sẻ lẫn nhau trong cuộc sống... Song, qua tác phẩm này, tài hoa của người thợ thủ công, có kỹ thuật chạm lộng điêu luyện, được thể hiện qua các đường nét uyển chuyển mềm mại, thướt tha, tác phẩm được thể hiện trên gỗ, nhưng ta có cảm giác như tác phẩm hội hoạ với những đường nét “Phóng bút” của một nghệ sĩ tài danh.

Qua khỏi gian thờ ở mặt tiền, vào bên trong mặt hậu là nơi chứa vật dụng sinh hoạt và buồng ngủ của các thành viên trong gia đình. Giữa mặt tiền, mặt hậu và các buồng ngủ có vách ngăn riêng biệt bằng gỗ. Ở phần này sự bố trí đơn giản như cảnh sinh hoạt của bao gia đình khác.

Sau cùng là nhà bếp (mái lợp ngói vẩy cá) cất nối liền với nhà chính, diện tích có phần thu hẹp hơn nhà chính nhưng không gian cũng tương đối rộng rãi thoáng mát, có thể vừa làm nơi nấu ăn, chứa vật dụng của gia đình và làm chỗ nghỉ ngơi.

Thông qua kết cấu và cách bố trí trong ngôi nhà này, phần nào phản ánh truyền thống thờ cúng tổ tiên và hiếu khách qua việc ưu tiên gian giữa cho hai mục đích này – phía trong là bàn thờ gia tiên, phía ngoài là bộ bàn ghế tiếp khách, có đến với nhà cổ xã Long Khánh B mới thấy hết giá trị nghệ thuật, giá trị văn hoá của ông bà ta để lại cho các thế hệ sau.

Ngôi nhà này tuy có tuổi thọ trên 100 năm nhưng nó tồn tại gần như nguyên vẹn, điều đó minh chứng cho tinh thần, ý thức trách nhiệm của các thế hệ sau đối với việc giữ gìn và bảo tồn di sản văn hoá của ông cha.

Tồn tại và sử dụng

Trong đời sống của mỗi con người, ai cũng có quê hương, họ sinh ra và lớn lên trên quê hương của mình. Nơi gắn bó với ngôi nhà. Ngôi nhà là tổ ấm, là sự chung sống gắn bó giữa những người thương yêu ruột thịt. Dù đó là nhà tranh tre nứa lá, là cái chòi gác, hay một chiếc xuồng lênh đênh trên mặt nước... dù hình thức như thế nào, miễn rằng đó là nhà của họ, thì họ cảm thấy quyến luyến và nhớ nhung:

“Không khỏi hoàng hôn cũng nhớ nhà...”

Đó là cảm xúc của nhà thơ Huy Cận nói về tình cảm của con người đối với ngôi nhà. Chúng ta thật sự đồng cảm với Nhà thơ: Không khói mà đã nhớ, có khói thì còn nhớ tới đường nào!

Ngôi nhà đã ấp ủ họ một thời trẻ dại với bao kỷ niệm thiết tha, nghèo thì ố rơm, lều cỏ. Khá một chút thì được vỗ về trong vũng, trong nôi. Cái mà họ tiếp xúc đầu tiên khi mới chào đời là dòng sữa mẹ ngọt ngào, tiếng ru hời êm ái và cái nhà núp nắng che mưa. Chữ “Nhà” nếu nói lên trống không đơn độc thì nghe như vô cảm nhưng nếu thêm sau nó chữ “Mình” thì, kỳ diệu thay, nó có truyền cảm lay động biết bao. “Mẹ ơi, con muốn về nhà mình”. Mình đây có nghĩa là một - tôi mà mình là chúng ta. Đứa con lưu lạc về “Nhà mình” may ra mới gặp được cái cảnh ông ngôi niệm phật, cha sữa bắp cày, mẹ kim chỉ vá may, chị nghiêng mình bên nông tằm, bà kể chuyện cho cháu nghe bên bếp lửa... cái cảnh ấy thật hiếm thấy tại các toà ngang, dãy dọc nơi đô thị.

Đó là cảnh sống êm đềm, bình dị nơi thôn làng mà đa số người dân Việt Nam đã được thụ hưởng.

Ngôi nhà được hình thành và tồn tại, mục đích đầu tiên là dùng để ở, để tránh nắng che mưa. Dần dần nó cũng được sử dụng vào mục đích phát triển theo qui luật sinh tồn của con người, của xã hội. Đó là sự giao tiếp, là thờ cúng tổ tiên... nối tiếp từ thế hệ này đến thế hệ khác (nếu ngôi nhà được gìn giữ và bền bỉ với thời gian). Ngôi nhà càng có tuổi thọ cao, các thế hệ sống trong ngôi nhà này càng gắn bó. Những giá trị văn hoá truyền thống: gia phong, lễ giáo... càng được gìn giữ bền chặt.

Với ngôi nhà của bà Huỳnh Thị Liếng – chủ nhân hiện tại, là thế hệ thứ tư đã và đang sinh sống trong ngôi nhà này. Nó là sự kế thừa qua nhiều thế hệ.

Từ thời ông Hồ Văn Lân (1820-1902) và bà Đặng Thị Vị (1818-1890) là người đứng ra xây dựng đã cùng chung sống với 03 người con. Đến khi qua đời, ông để lại cho con là ông Hồ Đăng Dinh (1850-1942), ông cùng vợ là bà Trần Thị Sum (1854-1942) có với nhau 06 người con sinh sống trong ngôi nhà này. Và đến khi tàn hơn khuất núi, ông nhường quyền làm chủ cho người con trai có tên là Hồ Quang Tuyền (1896-1967), ông này cùng vợ là bà Nguyễn Thị Vi (1904-1932) tiếp tục dòng đời, đến khi ông Tuyền mất, lại trao quyền thừa kế cho con là ông Hồ Thiện Dự (1948-1986) có vợ là bà Huỳnh Thị Liếng (sinh năm 1941). Hiện nay ngôi nhà do bà Huỳnh Thị Liếng đứng tên chủ sở hữu.

Với bề dày lịch sử của ngôi nhà, có nhiều thế hệ con cháu của tộc họ Hồ (khởi thủy từ ông Hồ Văn Lân) ở xã Long Khánh B đã sống trong căn nhà này. Những giá trị văn hoá truyền thống (văn hoá vật chất – văn hoá tinh thần) luôn được gìn giữ và kế thừa. Ngôi nhà hiện nay là nơi thờ tộc họ (tù đường). Cũng chính từ nơi này, nhiều

thế hệ cháu con được sinh trưởng và thành đạt (ông Hồ Đăng Dinh là hương sư, con ông Hồ Quang Tuyên có 02 người làm giáo viên và nhiều con cháu khác của dòng họ này hiện nay đang tham gia công tác trên nhiều lĩnh vực: giáo dục, kinh tế... Trong tâm thức của họ, dù bận nhiều công việc làm ăn, phát triển kinh tế gia đình, tham gia công tác xã hội... nhưng họ luôn nhớ về cội nguồn, mỗi khi có dịp giỗ bái, tết nhứt... mọi người tụ họp về nơi thờ cúng tổ tiên, thắp nén hương thành kính trước bàn thờ tổ tiên khẩn nguyện, cầu chúc những điều tốt lành cho gia đình an khang thịnh vượng, xã hội phát triển phồn vinh.

Tình trạng bảo quản

Tính đến nay, ngôi nhà này có lịch sử tồn tại trên 100 năm. Lúc đầu là loại nhà nền đất do ông Hồ Văn Lân (1820-1902) đứng ra xây cất. Cột kê trên tảng đá xanh. Sau khi ông Lân qua đời ông Hồ Đăng Dinh thừa kế, trùng tu lại căn nhà, nền đất được thay bằng nền sàn gỗ và vị trí ngôi nhà cũng được dời vào trong (so với lộ làng hiện nay).

Với vị trí hiện nay, ngôi nhà khỏi bị ngập lụt (do nền được tôn cao). Bộ khung nhà còn tương đối chắc chắn. Tuy nhiên, do ngôi nhà nằm ở vị trí đầu nguồn (huyện biên giới giáp Campuchia), khí hậu nóng ẩm, mưa nhiều, vào mùa mưa nước thường dâng cao gây ngập lụt... các yếu tố thời tiết dễ tác động đến tuổi thọ ngôi nhà, nhất là những bộ phận gỗ tiếp xúc trực tiếp với mưa nắng làm cho ngôi nhà thêm cũ kỹ. Do vậy, yêu cầu trước tiên gia đình cần có ý thức, nỗ lực gìn giữ, khắc phục những hư hại để kéo dài tuổi thọ cho ngôi nhà (tránh tháo dỡ và thay thế vật liệu, kiểu dáng mới). Bên cạnh đó, cũng cần sự hỗ trợ về tài chính của nhà nước vì kinh phí để trùng tu, tu bổ nhà cổ - bằng gỗ rất tốn kém. Nguồn kinh phí gia đình không thể đáp ứng được nên rất cần sự hỗ trợ và phối hợp giữa gia đình và xã hội để có thể gìn giữ được di sản về nhà cổ của cha ông để lại cho gia đình và xã hội.

Giá trị lịch sử, văn hóa, nghệ thuật

Nhà ở là phương tiện để che mưa, tránh nắng của từng gia đình.

Nhìn vào hình thức, kiểu dáng của ngôi nhà có thể cho chúng ta nhận biết về điều kiện kinh tế, hoàn cảnh xuất thân, trình độ thị hiếu thẩm mỹ... của chủ nhân trong ngôi nhà đó.

Ngôi nhà ngoài công dụng để ở, sinh hoạt, thờ cúng tổ tiên... nó còn phản ánh nhiều giá trị văn hoá truyền thống khác. Nhà cổ nói chung, ngôi nhà cổ ở Long Khánh B nói riêng, nó là di sản văn hoá của thế hệ trước để lại. Về kết cấu bộ khung nhà, kỹ thuật xây dựng, nghệ thuật trang trí, môi trường địa lý – xã hội...cho đến những phương thức làm ăn sinh sống, cách thức nuôi dưỡng giáo dục con cái. Truyền đạt những nghi thức, lễ giáo, gia phong; cách hành xử, ứng xử đối với thân tộc họ

hàng và láng giềng – xã hội. Nhằm giữ gìn truyền thống văn hoá lễ tục cổ truyền. Đúng với tinh thần đoàn kết, xây dựng, thương yêu “Lá lành đùm lá rách” của dân tộc Việt Nam.

Hướng bảo tồn

Nhà cổ - với hai từ này, đã phần nào nói lên những ngôi nhà còn tồn tại trên địa bàn tỉnh ta hiện nay là những ngôi nhà còn hội tụ tương đối đầy đủ những tiêu chí về nhà cổ. Ngôi nhà của bà Huỳnh Thị Liêng là ngôi nhà cổ duy nhất còn lại ở xã Long Khánh B. Bằng cố gắng nỗ lực tài chính của gia đình, họ đã gìn giữ được di sản văn hoá truyền thống của cha ông. Đó là sự thể hiện tinh thần, ý thức trách nhiệm của thế hệ ngày nay trong việc gìn giữ di sản của thế hệ đi trước. Tuy nhiên, để bảo tồn, gìn giữ và phát huy những giá trị văn hoá truyền thống về nhà cổ, rất cần sự chung tay góp sức của cộng đồng và xã hội, trùng tu, bảo vệ nhà cổ. Đặc biệt, các ngành chức năng ở Trung ương và địa phương, nên xây dựng kế hoạch và phương án đầu tư kinh phí, sớm bắt tay thực hiện chương trình bảo tồn nhà cổ trên địa bàn tỉnh nói riêng và cả nước nói chung. Nhằm để bảo tồn gìn giữ số lượng nhà cổ vốn còn rất ít ỏi ở mỗi địa phương, nhất là trong điều kiện phát triển kinh tế của xã hội hiện nay, nhu cầu cải tạo nâng cấp nhà ở của nhân dân trước xu thế đô thị hoá nông thôn ngày càng diễn ra mạnh mẽ, sẽ tạo nguy cơ mai một và thất thoát nhà cổ rất nhiều.

II.4.3. Nhà xếp đội (chỉ có mặt dựng theo phong kiến trúc phương Tây – toàn bộ kết cấu bộ khung gỗ, vật liệu (ngói vảy cá và mặt bằng sinh hoạt theo kiểu nhà truyền thống của người Việt)

Sở hữu ngôi nhà này là ông Hồ Văn Lọng (sinh năm 1933) thuộc địa chỉ 107, tổ 6, ấp Phú Lợi A, xã Phú Thuận B, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp

Lịch sử xây dựng

Xã Phú Thuận B được thành lập vào ngày 15/6/1989, nằm trên vùng đất cù lao Cái Vừng thuộc phía Nam huyện Hồng Ngự.



Nhà ông Hồ Văn Lọng

Nơi đây cũng như nhiều địa phương khác của tỉnh Đồng Tháp nói riêng, và vùng đất Nam Bộ nói chung, được mệnh danh là vùng đất mới, bởi vậy nó vừa lạ

lầm, xa vời, lại vừa thu hút, vẫy gọi con người. Đất mới, con người cũng mới, trên vai không trĩu nặng truyền thống hàng ngàn năm, con người mạnh bạo, năng động cởi mở...

Nơi đất mới là nói đến vùng đất những người Khome, Việt, Chăm, Hoa... hiện cùng đang chung sống, tiếp tục khai thác vùng đất Nam bộ này chứ không có nghĩa đây là mảnh đất vô chủ, mảnh đất không có lịch sử. Những gì ẩn chứa trong lòng đất, mấy thập kỷ qua được các nhà khảo cổ học đang tìm cách trả lời...

Thời đó, trong cảnh mênh mông trời đất của miền đất hoang vu, cây cỏ mọc thành rừng rậm là nơi trú chân của chim chóc, muông thú, tiếng kêu hót vang dội, trâu rừng hàng ngàn con sống thành từng bầy trên đồng cỏ (châu Đạt Quan).

Miền đất hoang vu này được khai thác thành miền đất trù phú chỉ từ khi người Việt đặt chân tới, sống xen cài cùng chung lưng đấu cật với người Khome và người Hoa, người Chăm khai khẩn, thuần hoá.

Miền đất mới giàu có, trù phú, nhưng cũng đầy thách thức đối với những người tới khai phá: được thể hiện qua câu ca dao:

*Ruộng đồng mặc sức chim bay
Biển hồ lai láng mặc bầy cá đua
Ai về Gia Định thì về
Nước trong gạo trắng dễ bề làm ăn*

Và:

*Xứ đâu có xứ lạ lùng
Con chim kêu cũng sợ, con cá vùng cũng kinh*

Hoặc:

*Muỗi kêu như sáo thổi
Đĩa lênh tựa bánh canh.*

Thiên nhiên ở đây vừa giàu có, vừa hoang dã, con người tới đây cũng là con người tứ xứ. Họ có thể là những tội đồ bị nhà nước Phong kiến phát vãng vào đây. Không ít người là những dân lưu tán, vì đói nghèo phải rời bỏ quê hương xứ sở để đi tìm đất nương thân. Số ít trong họ là các lưu quan, những kẻ giàu có nuôi hoài bão làm giàu, chiêu mộ người nghèo đi tìm đất khai phá làm ăn. Không như những người Việt tiền bối từ Bắc vào Trung Bộ thường di dân theo dòng họ, từng làng xóm, vào nơi đất mới chừng nào vẫn giữ truyền thống quê hương xưa, từ việc đặt tên làng, tên

xã đến các lễ tục mang đi từ quê cha, đất tổ; những người tới đất Nam bộ thường là đi riêng lẻ từng cá nhân, ra đi là vứt bỏ những lễ tục cũ xưa, nhất là những người bị tội đồ mà ra đi, vì nghèo đói mà lưu lạc. Bởi thế, buổi ban đầu, dân tứ xứ, dân tứ chiếng, từng cá nhân, từng nhóm nhỏ tập hợp lại, đùm bọc, nương tựa lẫn nhau để trụ lại nơi đất mới lạ lẫm đầy thử thách này.

Nhưng dầu sao những con người vẫn là con người, họ không thể từ trên trời rơi xuống, từ kẽ đất chui lên, mà đều phải từ một nơi gốc gác, từ một nơi chôn nhau, vẫn phải từ một truyền thống nào đó mà mình xuất thân, vẫn phải mang về đây dù là ít ỏi những cái gì mà họ đã từng có. Trong cái cộng đồng tứ xứ ấy người ta vẫn nhận ra những cái gì là riêng đã gộp chung lại nhưng nay dần dà đã được địa phương hoá.

Là miền đất mới tập hợp dân tứ xứ quy tụ về nên trong quá trình lịch sử đã diễn ra quá trình giao lưu văn hoá giữa các tộc người, các địa phương với nhau. Những giao lưu ảnh hưởng Việt, Khơme, Hoa, Chăm còn thể hiện qua nhiều sinh hoạt văn hoá và nếp sống khác, từ cách ăn mặc, xây cất cửa, Việt hoá địa danh cũ Khơme để gọi cho tiện, vay mượn tên các dòng họ, các ngày lễ hội...

Đến Nam bộ, cái gây ấn tượng đối với chúng ta không chỉ là khung cảnh thiên nhiên, sắc thái dân tộc, mà còn là nếp sống của con người qua cung cách làm ăn, sinh sống.

Đến nơi đây ta không thấy cái khung cảnh làng mạc quen thuộc của người Việt với lũy tre xanh bao bọc với cổng làng, cây đa, mái đình... Ở đây, người ta sống thành làng, ấp, nhà cửa tản mát theo bờ kinh theo ruộng lúa, mô hình ưa thích của khuôn viên của người Nam bộ là “Tiền Viên hậu điền” (trước có vườn sau có ruộng), tức nhà ở theo thế đất canh tác chứ không quy tụ theo kiểu mật tập của làng xóm ngoài Bắc. Nhà cửa của người nông dân, dù là Việt hay Khơme thì cũng đơn sơ, nhà ba gian hai chái bằng tre nứa, lợp lá dừa phen vách. Ở đây, người nông dân không có cái ước vọng tới “Nhà ngói, sân gạch, cây mít) như người dân đồng bằng Bắc bộ.

Ở Nam bộ, làng xóm cũng như cơ cấu xã hội nơi thôn dã cũng không lấy gì làm bền chắc và chặt chẽ, cột chặt người nông dân ở lại với quê cha đất tổ. Là vùng đất mới, lưu dân tứ xứ đến khai phá, hễ đất dễ sống thì họ trụ lại, khó sống thì ra đi, không có gì ràng buộc. Làng xã không có đất công để mà ban cấp, ai có sức khai phá thì biến thành của riêng, mua đi bán lại, người không có đất thì đi làm thuê, nay đây mai đó. Bởi thế, trong làng xóm quan hệ cộng đồng không mạnh mẽ, mà còn lại là quan hệ cá nhân, họ hợp nhau, tương trợ đùm bọc, nương tựa vào nhau mà sinh sống.

Ở đây, quan hệ cá nhân là mạnh mẽ, quan hệ cộng đồng huyết thống kiểu “*Một giọt máu đào hơn ao nước lã*” cũng không như ngoài Bắc. Nhiều người đâu còn nhớ

gốc tích, họ hàng quê hương, nên gia phả, lý lịch gốc gác xuất thân của mỗi người cũng không còn lấy làm trọng.

Nam bộ đất rộng người thưa thiên nhiên trù phú lắm cá nhiều tôm, chim muông, thú vật nên con người không đi theo hướng thâm canh, bắt đất quay vòng để sản ra thóc lúa nhiều nuôi sống mình, mà là khai hoang, quản canh cày phát năm, bảy hecta để rồi thu hoạch theo kiểu cầu may ba, bốn hecta, dân ở đây gọi là “Làm móc lồm”, như thế cũng dư thừa, làm một vụ sống cả năm. Rồi còn biết bao nguồn lợi thiên nhiên khác để nuôi sống con người: cá tôm dưới sông rạch, chim chóc trên các vườn chim, ông mật ở rừng... là những nguồn lợi thiên nhiên to lớn. Bởi thế, nơi đây vẫn truyền tụng mãi câu Nam bộ là “*Đất làm chơi ăn thiệt*”.

Trong bối cảnh đó, những người đi lập nghiệp qua thời gian vất vả ban đầu, dần dần họ cũng tìm được cho mình mảnh đất phù hợp để canh tác sản xuất phát triển kinh tế gia đình và ổn định cuộc sống.

Theo dòng lưu dân đó, gia đình ông Hồ Văn Huê (người đứng ra xây cất ngôi nhà cổ này). Khi định cư ở vùng đất Phú Thuận B này cũng trải qua thời gian dài, qua nhiều thế hệ như: Cao tổ (Cao tổ của ông Hồ Văn Lọng chủ nhân ngôi nhà hiện nay) là ông Hồ Văn Quỳnh từ miền Trung vào, đến Sơ tổ: Ông Hồ Văn Nguơn, người đã tìm đến mảnh đất Phú Thuận này để khai hoang và định cư, thế hệ tiếp nối là cố tổ: Hồ Văn Thái, phát triển sản xuất tích lũy kinh tế gia đình, đến thế hệ kế tiếp là nội tổ ông Hồ Văn Huê tiếp tục cơ nghiệp của tổ tiên, mở rộng diện tích canh tác nông nghiệp kết hợp tham gia sản xuất nuôi tằm dệt lụa (nghề truyền thống này, trước đây, rất thịnh hành ở địa phương này).

Với tinh thần cần cù, chịu khó lao động qua thời gian dài tích lũy, kinh tế gia đình trở nên khá giả, ông Huê cất được ngôi nhà khang trang.

Cũng nhiều người khác đến đây định cư. Ngôi nhà là thành quả lao động vất vả, cực nhọc lâu dài, thậm chí qua nhiều thế hệ. Vì vậy đối với họ, ngôi nhà là mong ước lớn lao để “An cư lạc nghiệp” cho nên mọi công việc phải được chuẩn bị và thực hiện một cách công phu, tỉ mỉ bằng mọi khả năng có thể, từ việc chọn vị trí mặt bằng, thế đất, vật liệu, thợ xây dựng... để có được ngôi nhà tốt đẹp theo mong muốn của mọi thành viên trong gia đình.

Nơi đây là mảnh đất cù lao, phương tiện đi lại khó khăn, chủ yếu bằng xuồng ghe (phương tiện thủy) cùng với nguồn nguyên vật liệu khan hiếm, phải qui tập từ nhiều nơi như: gỗ ông Huê phải sang tận Campuchia mua, kết bè thả xuôi theo con nước về nơi dựng nhà, gạch ngói mua ở Biên Hòa; các mẫu hoa văn trang trí mua ở Châu Đốc (An Giang)... Sau khi tập kết vật tư đầy đủ, ông tiến hành hợp đồng với thợ xây dựng, qua cân nhắc ông và gia đình thống nhất chọn nhóm thợ của ông Chệt

Xâu (người Hoa) là người cùng làng chịu trách nhiệm thi công. Vì nhóm thợ này là đội ngũ thợ lành nghề, vừa biết chế tác gỗ theo khung nhà truyền thống của người Việt (về lĩnh vực đồ mộc), vừa thực hiện công việc của người thợ nề (thợ hồ) theo lối kiến trúc hiện đại.

Thời gian thực hiện xây cất nhà, từ lúc khởi công đến khi hoàn thành là 03 năm. Theo lệ, khi dựng nhà ở thời kỳ này ngoài việc chi trả tiền công theo thỏa thuận, gia chủ còn phải trả một khoản “Tiền cơm”. Có nghĩa là chủ nhà phải bao toàn bộ chi phí ăn ở cho nhóm thợ trong thời gian xây dựng nhà (từ lúc khởi công đến khi hoàn thành).

Sau thời gian quyết tâm lao động cật lực của gia chủ và nhóm thợ thi công. Ngôi nhà mới khang trang lộng lẫy được dựng lên. Đó là ngôi nhà ba gian nền lát gạch tàu, mái lợp ngói móc (ngói vẩy cá) theo dạng nhà xếp đội (chữ Tam) có kết cấu kỹ thuật theo hệ vì kèo xuyên trính. Ngôi nhà được hoàn thành vào năm 1925. Từ đó đến nay, ngôi nhà này đã trở thành nơi sinh hoạt và thờ cúng tổ tiên của nhiều thế hệ tộc họ Hồ ở Phú Thuận B.

Để góp phần gìn giữ tôn tạo di sản của ông cha được tồn tại lâu dài, các thế hệ sau đã ý thức tu bổ, cũng như gìn giữ những vật dụng của ông cha để lại được trường tồn. Vì vậy, để tăng thêm vẻ mỹ quan cho ngôi nhà, năm 1982 ông Hồ Văn Lọng (chủ nhân hiện tại) đã đầu tư kinh phí làm cổng rào xung quanh, chỉnh trang khuôn viên trồng cây xanh hoa kiểng.v.v.. tạo bóng mát và cảnh đẹp cho ngôi nhà.

Hiện trạng ngôi nhà

Ngôi nhà này nằm gần trục lộ giao thông, xung quanh có nhiều cây xanh che phủ tạo khung cảnh mát mẻ. Mặt chính quay về hướng Đông, là hướng được nhiều người dân Nam bộ chọn dựng nhà có mặt chính diện về hướng này để hứng gió mát thổi vào. Phía trước có hàng rào, cây xanh hoa kiểng, khoảng sân trồng cỏ chỉ, bên trái là cổng vào bằng bê tông, lối đi lát gạch tàu hai bên trồng cau kiểng thẳng tắp trông rất đẹp mắt. Sau nhà là ao cá và đồng ruộng (ở địa phương này hầu như nhà nào cũng có ao cá để cải thiện kinh tế và cung cấp thực phẩm cho gia đình). Khung cảnh xanh tươi mát dịu của ngôi nhà, gợi cho cảnh làng quê êm ả và nhàn hạ. Thật đáng là nơi nghỉ dưỡng lý tưởng sau những giờ lao động cực nhọc ở chốn thôn quê.

Ngôi nhà cất theo dạng chữ Tam (Hán tự) có ba nóc liền nhau, hai nóc trước phần nhà chính có chiều ngang bằng nhau, nóc sau cùng (nhà chứa vật dụng và nấu ăn) được kéo dài nhô ra hai bên. Do bố trí mặt bằng sinh hoạt như vậy nên nhà này gọi là nhà xếp đội. Nhà sau có nền sàn, vách, chấn song bằng gỗ. Riêng nhà trước vách tường. Tất cả mái đều lợp bằng ngói móc (ngói vẩy cá).

Mặt chính diện (mặt dựng) sơn màu xanh nhạt, xây nhô cao hơn tàu mái hiên, mô phỏng theo lối kiến trúc phương Tây, bằng vật liệu gạch vữa ô được ta thường thấy ở các công trình kiến trúc thời kỳ này.

Mặt dựng chia ra ba khoảng đều nhau ở bìa và nơi giáp các khoảng là những trụ cột hình khối; thân cột đắp nổi ô tầng, trên đầu gắn các tượng hình đèn (toa đăng) tạo sự thanh thoát vút cao và cảm giác nhẹ nhàng khi ta nhìn vào đó. Ở mỗi khoảng của mặt dựng lại chia ba khoảng đều nhau; ở hai khoảng hai bên mỗi khoảng có một khoảng chính giữa và hai khoảng lớn ở hai bên; khoảng giữa chính chia ra ba khoảng nhỏ có khoảng lớn ở trung tâm, hai khoảng nhỏ ở hai bên. Tất cả trên đầu đắp hình vòm, liên kết nhau và chịu lực bằng các cột tròn trang trí hoa văn lòng máng. Khoảng giữa là lối đi thông ra bàn Thông thiên; hai khoảng hai bên, phía dưới xây song chắn hình con tiện. Trên các khoảng, viền chỉ nhiều lớp, nhiều tầng ở đường cong hình vòm; chỉ to, nhỏ xen kẽ, nhiều tầng nấc xuyên qua đầu vòm của các khoảng.

Đầu trên cùng của khoảng hai bên, đắp mảng phù điêu hình sóng cuộn; khoảng giữa trang trí chắn song hình con tiện. Ngay vị trí trung tâm đắp nổi biển số 1925 (là năm hoàn thành ngôi nhà) trên đầu biển này gắn phù điêu dây leo, quả nho...

Để tăng thêm phần sinh động của kiến trúc mặt dựng, nhất là trang trí các diềm đầu cột, đầu tường, lan can và các bệ chân cột... nghệ nhân đã vận dụng nghệ thuật tạo hình để tạo nên những đường gờ chỉ duyên dáng như các đường gờ vòng tròn, đường lòng máng, đường viền, gờ tường cổ điển kiểu vành khăn... Ngoài ra, còn có những trang trí đắp nổi xi măng, lan can kiểu hình con tiện và hình thức cột tròn và vuông theo phong cách cổ điển của Hy Lạp. Hình thức cửa vòm được tạo nên bởi những đường gờ cuốn nhỏ. Trên đỉnh vòm cuốn còn có những trang trí kiểu Huy chương (Mề đay) như một dạng phù điêu đắp nổi... là những nét trang trí phổ biến trong hoa văn phương Tây, có nguồn gốc từ sự kế thừa những mô típ trang trí kiến trúc thời phục hưng.

Những mô típ trang trí phương Tây phù điêu đắp nổi như đã trình bày trên, vốn là những vật dụng trang trí đắp sẵn để bán (khá phổ biến trong các cửa hàng vật liệu xây dựng). Tuỳ theo ý thích và thẩm mỹ, tư gia và các cơ sở tín ngưỡng đều có thể mua để sử dụng trong trang trí kiến trúc. Từ đó có thể nhận thấy, một yếu tố kiến trúc văn hoá phương Tây đã thâm nhập và có chỗ đứng trong xã hội Việt Nam.

Do đây là ngôi nhà có sự kết hợp giữa kiến trúc phương Tây và phương Đông trong loại hình kiến trúc nhà ở của người Việt nên chúng ta dễ nhận thấy rằng, nếu như bề ngoài là hình thức thể hiện kết cấu và vật liệu kiến trúc hiện đại như: bệ, tường, cột... được xây đúc, còn kết cấu bên trong lại mang dáng vóc kết cấu bộ khung nhà theo kiểu kiến trúc truyền thống của người Việt (phương Đông) với bộ

phần cột kèo (cột tròn, riêng nhà sau cột vuông) bằng vật liệu gỗ liên kết với nhau theo kỹ thuật nhà xuyên trính. Duy chỉ có điều khác biệt là vách tường chịu lực của ngôi nhà này (so với nhà trước; nhà sau vẫn bằng ván gỗ) bằng vật liệu vữa, gạch, ô dước... so với vách ngôi nhà truyền thống là bằng ván gỗ.

Do đó mà kết cấu bộ khung của nhà trên (nhà chính) và nhà dưới có những đặc điểm riêng biệt.

Bộ khung của nhà trên (gồm 2 căn tạm gọi là căn trước và căn sau) gồm có 02 hệ thống liên kết “Vì kèo” giống nhau theo dạng nhà xuyên trính. Nghĩa là ở mỗi lòng căn đều vắng bóng hàng cột cái ở giữa khoảng không gian ở dọc giữa nhà được nói rộng hơn nhờ hai hàng cột cái của nhà dời ra hai bên lòng nhà mà người ta gọi đó là cột hàng nhất trước và sau. Hai hàng cột cái này gồm 08 cột nên dạng sườn này còn được gọi là nhà bát trụ. Tuy nhiên, đặc điểm bộ khung từng căn (trước và sau) của ngôi nhà này tuy có dạng kết cấu kỹ thuật nhà xuyên trính nhưng hệ thống cột của chúng không đầy đủ như một kết cấu khung một ngôi nhà độc lập (mỗi căn thiếu hẳn hàng cột hàng ba trước và sau). Mỗi căn chỉ có 04 hàng cột (2 hàng nhất và 2 hàng nhì) vì vậy kèo mái sau của căn trước và kèo mái trước của căn sau cùng tỳ lực vào chung một hàng cột hàng nhì của mặt hậu căn trước. Vì vậy kèo của mỗi căn tương đối ngắn. Ngoài đặc điểm khác biệt này các kết cấu khác cũng giống như kỹ thuật kết cấu của nhiều ngôi nhà khác. Nghĩa là vẫn tuân thủ theo kỹ thuật kết cấu cơ bản của nhà xuyên trính. Đó là sự kết cấu “Vì kèo” (kèo, cột, xà) có cây xuyên luồng qua thân cột hàng nhất (cột cái) theo chiều ngang và chiều dọc. Ở chiều dọc có một bộ phận liên kết cột hàng nhất lại với nhau theo từng cặp gọi là cây trính. Giữa thân trính nối với đỉnh kèo đỡ thượng lương gọi là trồng. Các bộ phận của bộ khung được liên kết với nhau theo kỹ thuật ráp mộng âm dương nên rất chắc chắn và vững chải, vì vậy chịu lực được toàn bộ trọng lượng của mái ngói.

Tiếp theo là kết cấu của bộ khung nhà dưới, bộ khung này có chiều ngang dài hơn nhà chính và theo dạng nhà năm gian hai chái bát dền. tất cả các bộ phận của khung đều bằng gỗ, cột vuông tỳ lên trụ bê tông nền sàn gỗ.

Các bộ phận liên kết của khung nhà này, ngoài cột chính, nhà xuyên trính năm gian hai chái còn có thêm các cột phụ sau: 04 kèo quyết để đỡ kèo quyết của chái, bắt chéo từ đầu dây cột hàng nhất (cột chính) xuống cột ở góc chái, 04 cột đấm để đỡ kèo đấm. Còn “Cây đấm trính” từ cột chính thẳng góc xuống hàng ba (hay hàng tư). Song song với cây đấm trung là “Cây dĩa tay” là những cây rui, cây mè bắt ngang qua đòn tay để đỡ ngói... Dạng biến thể của nhà rường này là “Nhà 8 đấm 8 quyết” (còn gọi là nhà bát dền) được cất trên mặt bằng rộng lớn và rất tốn kém.

Về cách sắp xếp trang trí nội thất ở ngôi nhà này theo trình tự trước và sau toàn bộ căn nhà trước của nhà chính được sử dụng làm nơi tiếp khách và thờ tự. Đây là căn quan trọng của ngôi nhà được gia chủ trang hoàng, chăm sóc gìn giữ, lau chùi sạch sẽ... trần nhà đóng la phong bằng ván gỗ nên rất mát mẽ.

Những vật dụng bài trí ở đây đa số là di sản của ông bà để lại như: ván ngựa, ghế nghi, bàn xoay, tủ thờ, tủ để đồ gia dụng, liễn đối... tất cả đều được chăm chút lau chùi hàng ngày nên trông rất bóng và đẹp mắt.

Từ ngoài cửa bước vào, ở đầu gian giữa đặt bộ bàn tròn dùng để tiếp khách. Bàn tròn được làm bằng gỗ quý, mặt bàn đặt trên chân trụ ngay trung tâm trục xoay (bàn có 01 chân), thân chân chạm hình vuông, tròn, thắt eo nhiều tầng, nhiều nấc rất công phu... Các đế trụ lõng chân quỳ chạm nổi hoa lá mây cuộn... diềm bàn chạm thủng, chạm nổi trang trí các đề tài nho sóc, hoa, lá... đạt trình độ nghệ thuật và có giá trị thẩm mỹ cao.

Liên kề với bàn tròn là ghế nghi (thờ phật) cẩn xà cừ tinh vi sắc xảo thể hiện nội dung, hoa sen, dây leo, chim công, bướm hồi văn... sát với ghế nghi là trường kỷ và bàn dài tất cả đều được chạm trổ tinh vi nhiều dáng, nhiều hình rất có giá trị về kinh tế và nghệ thuật. Đặc biệt chân của bàn dài được trang trí thành một mảng chạm nổi liền từ trước đến sau, có thể được xem là một tác phẩm chạm khắc gỗ đặc sắc được thể hiện qua đôi tay tài hoa của người nghệ sĩ dân gian. Cũng tại đây, ở hai bên cột còn treo các liễn có khắc câu đối làm tăng thêm nét trang trọng và làm hài lòng những vị khách danh nho.

Ở giữa bên phải đặt bộ ván ngựa, bên trái là giường ngủ mắc màn là nơi kỷ niệm lúc qua đời của cha mẹ của gia chủ.

Vào tiếp bên trong nơi gần vách ngăn giữa căn trước và căn sau là nơi đặt các bàn thờ những vị quá cố của dòng tộc. Phần trang trọng chính giữa đặt bàn và giường thờ thất tổ nằm giữa hai lối đi thông ra căn sau. Phía trên vách tường (sát bàn thờ thất tổ) xây 03 tran thờ, chính giữa chung hoa, nhang, đèn; hai bên là ảnh Đức Huỳnh Giáo Chủ (người sáng lập ra đạo Phật giáo Hoà Hảo). Vì là nơi thờ tự trang trọng của gia chủ ngôi nhà này nên bàn thờ thất tổ được bài trí nghiêm trang và long lầy. Phía trước là bàn thờ (gỗ) có dạng ghế nghi, diềm và hông chạm thủng sơn son thếp vàng, hình thức đồ án ô học, liên mạch đối xứng... thể hiện nội dung phong phú: mai, đào, lựu, vòng tròn, dây leo, chim trĩ, cuốn thư... ngoài ra, phía trước có phủ màn đỏ, thêu long, lân, qui, phụng, hoa lá dây leo... mang ý nghĩa cầu mưa thuận gió hoà cuộc sống phồn thịnh và hạnh phúc. Trên bàn thờ bày bộ tam sự: lư, chân đèn (đồng), bát nhang (gỗ) long rất đẹp được đánh bóng và lau chùi kỹ lưỡng. Những đồ thờ này

được xem như là những phương tiện để gởi tâm nguyện, khẩn cầu của người sống đến người đã khuất trong tín ngưỡng truyền thống gia đình Việt Nam.

Phía trong sát với bàn thờ là giường thờ, nơi để dọn thức cúng trong những dịp giỗ bái... sau cùng là tranh kiếng vẽ rồng, phụng, hoa sen, viết Hán tự... treo sát vách làm tăng thêm phần trang trọng nơi thờ tự. Song song với tranh thờ, có treo đôi liễn gỗ cẩn ốc xà cừ. Trên đó viết các bài thi vịnh, minh họa cho các đề tài trang trí về tứ thời (xuân, hạ, thu, đông) tương ứng với nội dung: mai, lan, cúc, trúc. Liên tiếp ở gian thờ này, hai bên trái và phải của bàn thờ thất tổ là bàn thờ cửu huyền (bên phải), bàn thờ ông Hồ Văn Trọng và bà Nguyễn Thị Dân là song thân của chủ gia (bên trái). Trên các bàn thờ cũng bài các đồ thờ tự như bát nhang (gốm), chân đèn, tranh thờ, ảnh thờ... đặc biệt ở mỗi bàn thờ đều có đôi chân đèn lọng bằng gỗ, đánh bóng rất đẹp. Đó là những di vật do ông bà để lại. Cả hai bàn thờ được làm bằng gỗ quý cẩn xà cừ, hình thức trang trí phong phú: hình vuông, chữ nhật, ô van, hình tròn... nội dung cũng rất đa dạng: chim trĩ, tích Tào (Lưu Bị cầu Gia Cát Lượng), hoa sen, uyên ương, dây leo, đào, lựu... thể hiện ước vọng cuộc sống hạnh phúc, no đủ, chiêu hiền đãi sĩ, con cháu đông đúc, thành đạt...

Ngoài ra sự bài trí căn trước nhà chính phía vách hông còn đặt các tủ (gỗ) đựng vật dụng của gia đình, là những di sản của tiền nhân để lại tất cả đều có nét cổ xưa và được con cháu gìn giữ cẩn thận.

Qua khỏi không gian căn chính phía trước, kế tiếp là căn sau của nhà chính. Nơi đây, dùng làm buồng ngủ và cất chứa những tài sản của gia đình... các buồng ngủ được phân ra riêng biệt, nam bên trái, nữ bên phải. Vách ngăn cách làm bằng gỗ, cửa vào buồng ngủ có hình vòm, bao lam cửa trang trí hoa văn, công phu đẹp mắt... tạo sự trang nhã và thoáng mát cho buồng ngủ. Từ vách sau của nhà chính có một lối đi thông ra phía sau, đến căn cuối. Căn này có bề ngang dài hơn nhà chính nhưng lại hẹp chiều sâu, nơi đây được chia ra nhiều phần để chứa lúa, nông cụ và nơi nấu ăn, phòng ăn... Dù là nhà sau, nhưng căn này cũng rất rộng, có mặt bằng sinh hoạt là nhà năm gian hai chái nên có nhiều công dụng trong sinh hoạt gia đình. Cách bố trí của căn này được chia ra làm hai khu vực chính, được ngăn cách bằng vách gỗ. Khu vực bên phải (tính từ ngoài vào) và trên gác là kho chứa lúa, nông cụ và các vật dụng khác của gia đình. Ở khu vực bên trái, phía sau cùng đặt bếp nấu ăn, phía trước là phòng ăn... tất cả được sắp xếp ngăn nắp, gọn gàng, sạch sẽ... thể hiện sự nề nếp của gia chủ. Ngoài ra, nơi đây còn là chỗ nghỉ trưa lý tưởng cho các thành viên trong gia đình bởi không gian thoáng đãng mát mẽ cho dù là những buổi trưa hè oi bức.

Tồn tại và sử dụng

Chúng ta đều biết ngôi nhà là tổ ấm, là tế bào xã hội. Đây là nơi trú ngụ của từng hộ gia đình. Đối với nhà cổ, nó không chỉ có thể, mà còn là nơi sinh ra và lớn lên của nhiều thế hệ hoặc đôi khi cùng lúc là nơi nuôi dưỡng sinh hoạt của nhiều hộ, nhiều thế hệ (Tứ Đại Đồng Đường - bốn thế hệ cùng sống chung một mái nhà). Nó không chỉ đơn thuần là nơi trú ngụ “Sớm đi tối về”. Nếu chỉ có thể, thì ngôi nhà không trở thành “Nhà”, không thể gọi được hai tiếng “Nhà mình” mà nó sẽ bị hiểu lệch là nơi trọ, “Nhà trọ”. Bởi vai trò quan trọng như vậy nên “Ngôi nhà”, nó có ý nghĩa vô cùng lớn lao trong đời sống, trong nhận thức của từng thành viên trong gia đình. Vì nó không chỉ là sự cư ngụ cố định để làm ăn sinh sống như chúng ta thường nói: “Có an cư mới lạc nghiệp”, mà hình thức “An cư” ở đây còn được hiểu là sự ổn định và phát triển của đơn vị làng mạc của xã hội lúc bấy giờ.

Xuất phát từ nhu cầu đó, ngôi nhà của ông Hồ Văn Lọng đã được khởi dựng lên và tồn tại qua thời gian khá dài (gần trăm năm), nơi đây được dùng để tránh nắng che mưa sinh hoạt, thờ cúng tổ tiên của nhiều thế hệ cháu con tộc họ Hồ ở ấp Phú Lợi A, xã Phú Thuận B.

Con cháu tộc họ này sinh ra, lớn lên và trưởng thành dưới mái nhà này đều là những người con ngoan, hiếu thảo, lễ phép sống chan hoà thương yêu đùm bọc tương trợ lẫn nhau... luôn luôn gìn giữ truyền thống đạo đức gia đình và trật tự kỷ cương của xã hội. Theo đạo lý của người Việt Nam: “Uống nước nhớ nguồn” hay “Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ” hoặc “Lá lành đùm lá rách”... những điều răn dạy đó đã thấm nhuần từ “Cái nôi gia đình” truyền thống mà từng thành viên trong gia đình dân tộc Việt Nam đều rất thấu hiểu. Chính truyền thống văn hoá đạo đức gia đình ấy đã nuôi dưỡng những thành viên trong gia đình thành những công dân hữu ích cho xã hội.

Và với ngôi nhà của gia đình này đã tồn tại và duy trì qua nhiều thế hệ. Đó là, từ khi ông Hồ Văn Huệ (1868-1956) cùng vợ là bà Huỳnh Thị Lãnh (1867-1943) đứng ra xây dựng ngôi nhà này để làm nơi cư ngụ, tăng gia sản xuất phát triển kinh tế gia đình, con cháu sinh sôi nẩy nở ngày càng đông đúc và thịnh vượng.

Khi ông Huệ qua đời, cơ nghiệp gia đình được trao lại cho con là ông Hồ Văn Trong (1900-1974) kế tục quản lý và gìn giữ gia sản của dòng tộc. Ông Trong cùng với vợ là bà Nguyễn Thị Dần (1902-1993) sinh được 06 người con gồm năm người con gái và một người con trai, tất cả đều làm ăn phát triển kinh tế khá giả và thành đạt. Hiện nay ngôi nhà này thuộc quyền sở hữu người con trai là ông Hồ Văn Lọng (sinh năm 1933), sống trong ngôi nhà này còn có hai người chị gái và các con của ông, mọi người chung sống cùng nhau dưới một mái nhà rất hoàn thiện và đầm ấm, cùng nhau chung sức hăng say lao động, sản xuất phấn đấu vươn lên làm giàu chân chính. Đặc biệt, những di sản của tổ tiên để lại, từ đồ dùng sinh hoạt như: giường tủ, bàn ghế... đến những dụng cụ sản xuất - những nông cụ đã qua thời kỳ sử dụng như:

sa quạt tát nước, gàu vai, con thoi dệt vải (bằng sừng trâu)... tất cả đều được gìn giữ cẩn thận. Đây không chỉ là sự gìn giữ những kỷ vật của dòng tộc để lại mà còn là sự trân trọng “Tri ân” của con người đối với kỷ vật, những dụng cụ sản xuất đã góp phần gia tăng sản xuất mở rộng cơ nghiệp ổn định cuộc sống của gia tộc họ. Với góc độ Bảo tàng, những kỷ vật đó có thể là nguồn hiện vật tiềm năng cung cấp cho Bảo tàng trưng bày giới thiệu về những nông cụ sử dụng trong sản xuất nông nghiệp ở giai đoạn những thập niên đầu của thế kỷ XX.

Vì vậy, qua quá trình tồn tại có thể nói, nhà cổ là vật chứng sinh động, phản ánh nhiều mặt đời sống xã hội như: quá trình phát triển dân cư, làng mạc kiến trúc, hoạt động sản xuất... đến những sinh hoạt văn hoá tín ngưỡng, lễ giáo gia phong hay những kinh nghiệm nuôi dạy con cái được biểu hiện qua nề nếp sinh hoạt của gia đình và cách ứng xử với cộng đồng, với xã hội của các thành viên sống trong nhà cổ đó. Do đó, có thể nói môi trường tồn tại và cá nhân sống trong nhà cổ là những nguyên tố tích cực của xã hội cần được quan tâm gìn giữ và phát huy vốn di sản văn hoá vật chất và tinh thần góp phần xây dựng nền tảng xã hội trên đà phát triển bền vững. Trên cơ sở kết hợp giữa hai yếu tố truyền thống và hiện đại.

Tình trạng bảo quản

Nhà cổ là di sản thuộc về kiến trúc nhà ở, đã tồn tại qua nhiều năm tháng, chịu sự tác động của con người, của thời tiết rất dễ làm ảnh hưởng xấu đến loại hình di sản này. Ý thức được sự tác hại này, những năm qua, tất cả các thành viên sống trong ngôi nhà cổ này bên cạnh việc bảo vệ và gìn giữ những di sản (đồ trang trí nội thất và vật dụng sinh hoạt, có nhiều thứ đã trở thành cổ vật có giá trị kinh tế và nghệ thuật cao, được nhiều người đến gạ mua, trao đổi...) là đồ dùng sinh hoạt của tổ tiên để lại, còn chăm lo bảo dưỡng, trùng tu ngôi nhà được khang trang và bền vững. Tuy vậy, nguyện vọng của gia đình ông Hồ Văn Long mong muốn được sự quan tâm của chính quyền địa phương và cơ quan chức năng hỗ trợ kinh phí và biện pháp kỹ thuật để bảo vệ nhà cổ tồn tại lâu dài hơn. Đồng thời sớm có phương án đưa mô hình tham quan nhà cổ vào phục vụ khách du lịch kết hợp với hoạt động văn hoá khác hiện có ở địa phương. Nhằm giới di sản văn hoá kiến trúc nhà ở đến với công chúng để nhiều người được chiêm ngưỡng, thưởng thức những giá trị văn hoá vật chất và tinh thần của ông cha để lại.

Giá trị lịch sử, văn hóa, nghệ thuật

Nam bộ nói chung và và Đồng Tháp nói riêng vào những năm đầu thế kỷ XX, bên cạnh những yếu tố văn hoá Việt Nam, văn hoá phương Đông, văn hoá hương Tây đã xuất hiện trong nhiều lĩnh vực của cuộc sống, trong đó có lĩnh vực kiến trúc. Điều đó góp phần làm phong phú thêm diện mạo văn hoá của vùng đất Nam bộ. Và ngôi

nhà của ông Hồ Văn Lọng ở ấp Phú Lợi A, xã Phú Thuận B là một trong những kiến trúc về nhà ở có sự kết hợp giữa kiến trúc truyền thống Việt Nam (phương Đông) với kiến trúc Pháp (phương Tây).

Về kiến trúc ngôi nhà cổ này được dựng lên từ những thập niên đầu của thế kỷ XX, có sự giao thoa văn hoá trong kiến trúc xây dựng nhà ở. Bên cạnh mái ngói vẩy cá (ngói móc), kết cấu khung sườn bằng gỗ, vì kèo xuyên trính và những mô típ trang trí kiến trúc và điêu khắc đậm nét văn hoá phương Đông. Trong ngôi nhà này còn hiện diện của yếu tố văn hoá phương Tây biểu hiện qua việc sử dụng nguyên vật liệu và kỹ thuật như: xây tường chịu lực thay thế cho các hàng cột gỗ xưa, nổi bật nhất là những hình thức mô típ trang trí. Cho đến nay, ảnh hưởng của văn hoá phương Tây trong kiến trúc, trang trí những mô típ khắc hoạ ấy vẫn còn tồn tại. Điều này cũng có nghĩa là sự giao tiếp với văn hoá phương Tây và ảnh hưởng của nó có thể quan sát được ở nhiều công trình kiến trúc hiện nay. Có thể nói đây là tồn tại song song. Từ khi có sự du nhập kiến trúc và văn hoá phương Tây đã thúc đẩy sự phát triển đa dạng về mặt kiến trúc cũng như về mặt văn hoá, được nhân dân ta tiếp nhận một cách có chọn lọc và hài hoà; giữa kiến trúc truyền thống và hiện đại.

Về truyền thống sinh hoạt gia đình, trong bối cảnh nhịp sống tất bật hiện nay của xã hội phát triển, thành viên của nhiều gia đình phải cuốn theo công việc tìm kế sinh nhai... tình cảm quan hệ gia đình đôi lúc cũng bị nhạt nhòa; và vì điều kiện làm ăn kinh tế nhiều người thích cuộc sống độc lập để tự do hoạt động... điều này cũng là một biểu hiện tích cực, nhưng cũng thiếu đi hơi hướng tình cảm thân tộc ruột rà của gia đình truyền thống Việt Nam. Tuy nhiên, với nề nếp sinh hoạt của các thành viên trong ngôi nhà cổ này rất đặc biệt, từ cha mẹ, anh em, cô bác. Nhiều người sống chung với nhau rất hoà thuận. Mọi người vui vẻ làm việc, cùng chung tay vun đắp lợi ích cho một mái nhà. Đây thật sự là những giá trị đạo đức, tình cảm gia đình tốt đẹp để thúc đẩy sự tiến bộ yên vui phồn thịnh của xã hội. Chính những cá nhân sống trong căn nhà này đã góp thêm một nét đẹp về truyền thống văn hoá, đạo lý của dân tộc Việt Nam về tinh thần đoàn kết thương yêu đùm bọc lẫn nhau.

Hướng bảo tồn

Nhà cổ của ông Hồ Văn Lọng (chủ nhân hiện nay) được xây dựng và tồn tại gần trăm năm, kết cấu kiến trúc còn tương đối nguyên vẹn. Đây là dạng nhà ở có sự kết hợp giữa hai lối kiến trúc phương Đông và phương Tây, đánh dấu sự phát triển và giao thoa của kiến trúc Việt Nam với kiến trúc của thế giới, tạo nên sự đa dạng phong phú kết cấu và mô típ trang trí trong kiến trúc nhà ở của người Việt nói chung và ở Nam bộ nói riêng. Với thời gian tồn tại khá dài, ngôi nhà này ít nhiều chịu sự tác động của thời tiết, trong tương lai có thể xuống cấp và hư hỏng vì sự tồn tại của chất là có giới hạn. Do đó chúng ta cần có biện pháp khắc phục tu bổ và bảo tồn để gìn giữ

di sản vốn quý của ông cha để lại, nên rất cần đến sự quan tâm của các ngành, các cấp có liên quan hỗ trợ vận động đóng góp kinh phí và phương án bảo tồn để chủ nhân nó có điều kiện kinh phí cũng như kỹ thuật bảo dưỡng duy trì tuổi thọ ngôi nhà được lâu dài để làm nơi ở và thờ tự cho gia tộc. Sự tham gia đóng góp của xã hội vào việc bảo tồn nhà cổ là việc làm tích cực, góp phần gìn giữ vốn quý di sản của cha ông để lại cho địa phương phục vụ nhu cầu lợi ích của xã hội.

II.4.4. Loại hình nhà sàn gỗ (sàn cao), để tránh mùa lũ nước dâng cao và tiện dụng trong sinh hoạt (không gian sàn cao có thể dùng để ở. Khi nước rút, hoặc làm kho chứa vật dụng của gia đình), nên nó được xếp vào loại nhà sàn cao.

Chủ nhân ngôi nhà cổ này là của ông Võ Văn Út, ở ấp Long Thạnh B, xã Long Khánh A, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Nhà cổ của ông Võ Văn Út là loại nhà sàn gỗ, rất cao ráo và thoáng mát.

Lịch sử xây dựng



Nhà ông Võ Văn Út

Làng Long Khánh xưa kia (gồm Long Khánh A và Long Khánh B ngày nay) là một vùng cù lao đất hoang vu, rừng cây cỏ dại mọc um tùm, bốn mùa gió thổi rì rào. Hàng năm, vào mùa nước nổi, phù sa sông Mê Kông đổ về bồi đắp ngày một cao thêm, tạo nên vùng đất phì nhiêu màu mỡ làm cho cây cối thêm xanh tươi rậm rạp. Cùng với nguồn nước ngọt dồi dào, chứa đựng nguồn thủy sản đa dạng phong phú. Đây là môi trường thiên nhiên lý tưởng cho muôn loài vật sinh sôi và phát triển. Do vậy, nguồn thủy sản nước ngọt ở đây rất đa dạng về chủng loại và số lượng. Tuy nhiên, vào thời kỳ này, đất rộng người thưa, nên nguồn lợi to lớn mà thiên nhiên ban tặng chưa được con người biết đến và khai thác.

Mãi đến khi vùng đất Nam bộ có dấu chân của người Việt từ miền Trung, miền Bắc vào khai hoang lập nghiệp (khoảng cuối thế kỷ XVI đến cuối thế kỷ XVII) thì vùng

đất này mới được con người biết đến. Họ là người bốn phương đi mở cõi, mạo hiểm về đây khai hoang lập ấp, hàng ngày họ phải đấu tranh về thiên tai, thú rừng, bệnh tật để khai phá mở mang canh tác nên họ có tinh thần đoàn kết, thương yêu đùm bọc lẫn nhau, yêu tự do, gắn bó với mảnh đất mà họ đã đổ mồ hôi và xương máu để vun đắp xây dựng. Mảnh đất này còn là nơi dung thân của những người yêu nước, bất hợp tác với Triều đình nhà Nguyễn và thực dân Pháp, là nơi hội tụ những “Anh hùng hảo hán”. Huyện Hồng Ngự ngày nay, theo truyền thuyết, tên nguyên thủy là Hùng Ngự (nơi ngự trị các anh hùng hào kiệt).

Nhìn chung, cư dân đồng bằng sông Cửu Long ngày nay là một bộ phận lưu dân “Tứ xứ” gặp nhau. Vì nhiều lý do, họ rời bỏ quê hương tìm nơi “Đất lành chim đậu” ổn định cuộc sống mới. Trải qua quá trình trải nghiệm cuộc sống trên vùng đất mới, họ phải vượt qua nhiều gian lao thử thách, gặp địa phương làm ăn không khá thì ra đi, để thay đổi nơi cư ngụ, thậm chí sống lưu động. Thay đổi nghề nhanh chóng, nguồn lợi thiên nhiên dồi dào như bắt cá đồng, cá biển, ăn ong (mật, sáp), đốn củi, nghề câu cá sấu, làm nghề thầy thuốc rắn vẫn sống khỏe và thu lợi nhuận nhanh hơn làm ruộng. Nhờ dự trữ chút ít tiền bạc, ngồi không mà vẫn có ăn nên dư thì giờ để suy nghĩ, chờ đợi đôi ba tháng bắt tay vào nghề mới, hy vọng khá giả hơn. Ý lại vào sự ưu đãi của thiên nhiên, tin là mùa màng năm sau sẽ dồi dào hơn năm trước, xứ khác dễ làm ăn hơn xứ đang ở. Câu nói thường nhắc nhở, để ca ngợi vùng đồng bằng là “Trên bờ có lúa, dưới sông có cá”. Cá nhiều dưới sông, trên đồng, khỏi cần tốn thực phẩm để nuôi hoặc bỏ công săn sóc...

Với điều kiện thiên nhiên ưu đãi như thế, đã hình thành nên tính cách và nếp suy nghĩ đơn giản, thậm chí có phần ỷ lại của người Nam bộ. Vì vậy, trong số những người đi lập nghiệp, không ít những người phải trải qua một thời gian dài, có khi phải qua vài thế hệ, họ mới có thể định canh định cư.

Do điều kiện, đặc điểm hình thành nên làng xóm thời kỳ này như vậy, gia tộc họ Võ đến định cư ở làng Long Khánh A (trước đây là Long Khánh) cũng không ngoại lệ. Theo gia phả hiện còn lưu giữ tại nhà ông Võ Văn Út (sinh năm 1920) cháu đời thứ tư của gia tộc họ Võ. Lấy mốc từ thời ông Võ Thịnh Văn có vợ là bà Nguyễn Thị Thọ là thủy tổ họ Võ ở Long Khánh.

Theo tài liệu này, ông Võ Thịnh Văn là một trong số những người di dân đi lập nghiệp. Ban đầu vào làm ăn sinh sống ở Đồng Nai, Bến Nghé, gần khu vực chợ Mảnh Ma (Chợ họp vào ban đêm) (không rõ địa danh này hiện nay thuộc địa phương nào).

Do chạy giặc, di dời qua nhiều nơi và cuối cùng trụ lại nơi đây (Long Khánh) sanh cơ lập nghiệp, sinh sôi nảy nở đến ngày nay. Và hiện nay trong gánh họ này còn truyền khẩu câu cao dao:

Sài Gòn - Bến Nghé , mẹ đẻ con ra

Biết ăn biết nói, biết tính biết toán

Biết buôn biết bán, biết lỗ biết lời

Biết chèo ghe lớn, biết chèo ghe nhỏ

Biết ngỗ cây sung...

Qua câu ca dao có lẽ trước đây ông Thịnh là người buôn bán qua nhiều nơi. Khi đến Long Khánh định cư thì mới chuyển sang canh tác nông nghiệp và đến thế hệ con ông, là ông: Võ Văn Tàu (1836-1917), ông Tàu sinh ra và lớn lên trên mảnh đất Long Khánh, tiếp tục cơ nghiệp của cha, khai phá mở mang diện tích sản xuất nông nghiệp, khai thác cá (mua bầu đĩa, ao, hồ...) chở ghe (ghe rỗi - ghe đục) đi bán khắp các tỉnh miền Tây, Sài Gòn... qua thời gian tích lũy vốn, kinh tế gia đình khá giả, ông dựng nên ngôi nhà ở Long Khánh - Hồng Ngự còn tồn tại đến ngày nay.

Là thế hệ tiếp nối của những người đi khai hoang lập nghiệp, mong muốn có một chỗ ở để định cư và phát triển trên vùng đất mới. Vì vậy với nguyện vọng được sở hữu một căn nhà khang trang, bền vững để thờ cúng ông bà tổ tiên, làm tổ ấm sinh hoạt gia đình là mơ ước chung của nhiều người đến đây sinh sống. Song song với ước nguyện đó là sự chắt chiu gầy dựng tích cóp, chọn lựa một môi trường lý tưởng “Thiên thời, địa lợi, nhân hoà” để xây dựng ngôi nhà cho mình, để thuận lợi cho việc sinh hoạt, sản xuất phát triển kinh tế gia đình và cộng đồng. Vì vậy, yếu tố: “Nhất cận thị, nhị cận lân, tam cận giang, tứ cận lộ, ngũ cận điền”, thường được người xưa (cả thời nay cũng vậy) quan tâm đặc biệt. Bên cạnh đó, phong thủy là 02 yếu tố rất quan trọng, tạo thành vi khí hậu cho một ngôi nhà. Phong thủy bắt nguồn từ những nhu cầu tinh tế trong quá trình định cư và kinh nghiệm lao động phong phú của người nông nghiệp, chẳng hạn như: “Cưới vợ hiền hoà, làm nhà hướng Nam” hay “Cất nhà quay cửa vô Nam, quay lưng về chướng không làm mà cũng có ăn”... Tùy thuộc vào địa hình, địa vật xung quanh, vào sự có mặt của núi, của sông, của con đường... mà ảnh hưởng nắng gió... sẽ khác nhau cho nên, để giải quyết vấn đề này một cách triệt để hơn, truyền thống văn hoá nông nghiệp đã hình thành nên nghề chọn đất làm nhà, đặt mộ nên gọi là nghề phong thủy.

Ngoài việc chọn lựa địa thế (vị trí cất nhà), kiểu dáng ngôi nhà cũng là một yêu cầu quan trọng đối với chủ nhân.

Thông qua sự chọn lựa này, thiết nghĩ, chúng ta cũng nên tìm hiểu sơ lược qua về đặc điểm bộ khung nhà của cư dân người Việt ở miền Bắc, miền Trung, miền Nam. Để nhận thấy rằng, cũng là người từ miền Trung, miền Bắc, nhưng khi vào Nam, họ rất linh hoạt, thích ứng nhạy bén với môi trường thiên nhiên trên vùng đất mới trong việc dựng nhà ở. Qua đó, ta có thể thấy những yếu tố tương đồng, dị biệt.

Về yếu tố tương đồng, theo nhận định của các nhà chuyên môn, kết cấu truyền thống và phổ biến không riêng gì nhà ở Nam bộ mà cả Bắc và Trung bộ đều hệ khung sườn chịu lực. Sườn là một bộ phận cốt yếu nhất của nhà, trước hết là vì nó thể hiện kết cấu và trình độ kỹ thuật xây dựng nhà, nó là một tập hợp của nhiều “Vì” (“Vì” là một tế bào cơ bản của khung sườn nhà, tạo thành bởi kèo - cột - xà).

Còn yếu tố dị biệt giữa sườn nhà ở miền Bắc, Trung, Nam là các chi tiết của bộ sườn. Để thích nghi với điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt, thường xuyên có giông bão... kết cấu của người Việt ở đồng bằng sông Hồng phổ biến từ trước tới nay là loại “Vì kèo suốt – giá chiêng” và “vì chông rường – giá chiêng” vốn là chịu lực, chắc chắn. Đến miền Trung, nhất là vùng Thuận – Quảng cũ, nhà ở có kết cấu “Kèo chữ thập”, có một cái chông đỡ nóc mái (nhà rội) hoặc kiểu kèo bốn cột có cây trính câu kết hai cột cái và các cây “Xuyên” nối giữa các “Vì” lại với nhau (nhà rường), đây là một tổ hợp kết cấu vững chắc, có thể đương đầu với bão biển và những cơn lũ lụt lớn. Ngoài ra còn có kết cấu dạng ba hoặc bốn cột, có hai trụ đề lên quá giang, có thêm hiên trước bằng cách đặt thêm vào các vì kèo một cái “Kẻ” vắt qua chiều ngang của hiên với một đầu tỳ trên cái bẩy ở cột con (cột quân), một đầu ăn “Mộng” vào đầu cột hiên. Chỉ riêng dáng uốn cong của cây trính và “Kẻ” ăn “Mộng” vào cột cũng đã tạo nên phong cách riêng của kiến trúc Bình - Trị - Thiên.

Vào đến đồng bằng sông Cửu Long, nhà của người Việt phần lớn chịu ảnh hưởng đậm nét kiến trúc nhà của miền Trung hơn là miền Bắc, có lẽ do lưu dân trước khi vào Đồng Nai – Gia Định khẩn hoang lập nghiệp đa số là dân Thuận Quảng; hơn nữa, đó còn là dấu ấn lịch sử từ chính sách của chúa Nguyễn muốn văn hoá Đàng Trong phải mang sắc thái khác với văn hoá Đàng Ngoài. Như vậy, nhà của cư dân Việt ở đồng bằng sông Cửu Long vẫn thuộc kết cấu kỹ thuật nhà cột giữa (nhà rội) và nhà xuyên trính (nhà rường); đương nhiên có điều chỉnh một số chi tiết cho phù hợp với điều kiện sống tại chỗ.

Mỗi kết cấu bộ khung nhà (nhà rội, nhà rường – nhà xuyên trính) có ưu điểm khác nhau. Về nhà xuyên trính, vắng bóng hàng cột giữa nên không gian bên trong rộng hơn, thuận lợi cho việc bày trí, sinh hoạt của gia đình (do yếu tố thiên nhiên: gió bão không còn là mối quan tâm lớn như ở miền Trung, thời tiết ở Nam bộ có vẻ hiền hoà hơn) nên đã được ông Võ Văn Tàu chọn kiểu cho ngôi nhà của mình.

Ngôi nhà của ông được dựng lên vào năm 1876 là ngôi nhà lợp ngói âm dương ba gian, bộ khung nhà bằng gỗ căm xe, cột tròn kê tảng đá hoa cương trên nền đất.

Vật liệu gỗ được mua từ Campuchia kết bè vào mùa nước đỏ. Ngói được mua và vận chuyển từ Sài Gòn. Vì trong thời kỳ này nguồn nguyên vật liệu (ngói) tại chỗ chưa được sản xuất nhiều, gỗ ở vùng đồng bằng thì rất khan hiếm. Khi vật liệu tập kết đầy

đủ, ông thuê một nhóm thợ mộc lành nghề, chế tác gỗ nguyên thân thành những thanh, đoạn - cột kèo... theo từng công năng của bộ khung nhà. Các công đoạn cửa - xẻ, đục đẽo, ráp dựng... tất đều được làm bằng thủ công, dưới sự chỉ huy sáng tạo và đầy kinh nghiệm của thợ cả Hườn (một người miền Bắc vào Nam sinh sống và hành nghề mộc) đã cất và trang trí nên ngôi nhà gỗ khang trang, vững chãi tồn tại bền vững (đã một trăm năm).

Tuy nhiên, do điều kiện thời tiết ở vùng này những năm gần đây có nhiều thay đổi, vào mùa mưa lũ lụt thường xuyên xảy ra, nước dâng cao gây khó khăn cho sinh hoạt gia đình nên ông Võ Văn Út đã cho nâng ngôi nhà này lên trụ bê tông và lót sàn gỗ (vào năm 1986) rất cao ráo và chắc chắn. Đến năm 2004 ngôi nhà này được tu chỉnh lần thứ 2, xây chái bên hông phải (nhìn từ ngoài vào) và cầu thang lên nhà bằng vật liệu gạch, bê tông... Hiện ngôi nhà này được sử dụng làm từ đường thờ ông bà tổ tiên của tộc họ Võ ở xã Long Khánh A.

Hiện trạng ngôi nhà

Ngôi nhà tọa lạc trên cù lao Long Khánh có diện tích khoảng 13.000ha (bao gồm Long Khánh A và Long Khánh B) nằm giữa đôi bờ sông Tiền. Bốn mùa gió thổi rì rào, con nước sông hiền hoà quanh năm bồi đắp phù sa cho mảnh đất cù lao làm cho cảnh vật, cây trái thêm xanh tốt; con người nơi đây thêm cởi mở vui tươi....

Hiện nay, cảnh quan, làng mạc ngôi nhà cổ thật đông vui, náo nhiệt... nhà cửa mọc lên san sát do mật độ dân số ngày càng phát triển.

Bên phải, bên trái ngôi nhà này là những ngôi nhà sàn ngói đỏ (nhà mới cất gần đây) là láng giềng thân hữu của chủ nhân ngôi nhà cổ. Phía trước mặt chính (quay ra lộ giao thông liên xã, dọc theo nhánh sông Tiền) có khoảng sân rộng phủ một màu xanh um với nhiều loại cây ăn trái, hoa kiểng, trầu xanh leo phủ thân cây lồng mứt (một loại cây ăn quả rất thơm ngon của vùng đất Nam bộ) cổ thụ (thân cây một người ôm không giáp) vươn cao toả bóng mát xuống mặt sân. Trước đây có một cây lồng mứt tuổi thọ gần một trăm năm, nhưng đã chết vào năm 2000 hiện cây đã bị đốn, còn lại gốc rất to phía trước sân. Phía sau nhà cũng là vườn cây ăn trái, nơi đây đặt khu mộ với biển đề: - Thủy tổ - Võ tộc - Mộ (tức mộ của ông Võ Văn Tàu – như đã nói trên).

Ngôi nhà cổ của ông Nguyễn Văn Út với “mái” hình bánh ít (có gác đòn dông) lợp ngói âm dương, cột gỗ cắm xe tròn, vách ván, sàn gỗ, trụ bê tông đỡ các đầu cột, cầu thang (bê tông mới xây), bên phải (nhìn từ ngoài vào) đi lên nhà.

Nhà ở của người dân xung quanh đây, đa số là nhà kiên cố khang trang (nhà mới xây cất) vật liệu hiện đại, mái lợp ngói Biên Hoà nằm liền kề với ngôi nhà cổ rêu phong bạc phách với thời gian, như biểu thị một sức sống mới, đan xen, kế thừa và phát triển của một làng quê phồn thịnh, bền vững trên nền tảng vững chắc và trường tồn.

Đây là ngôi nhà có kết cấu theo dạng nhà xuyên trính. Bộ khung sườn nhà này vắng bóng hàng cột cái chính giữa. Khoảng không gian dọc giữa nhà được nói rộng hơn (từ dân gian gọi là “rộng lòng căn”) nhờ hai hàng cột cái của nhà dời ra hai bên lòng nhà mà người ta gọi đó là cột hàng nhất trước và sau (tiền - hậu). Hai hàng cột cái này gồm tám cột nên dạng sườn này còn được gọi là nhà bát trụ với vị trí các cột được định vị theo hướng Tây và Đông, tiền và hậu. Từng cặp cột cái được nối liền với nhau từng đôi theo chiều ngang gọi là cây trính (có dạng thẳng). Giữa cây trính được gắn thẳng góc với cây trụ ngắn gọi là cây trồng. Ở đầu trồng gắn liền với bộ phận “cánh dơi” (hay áp quả) để cây trồng đỡ đầu kèo và đòn dông ở nóc nhà (giao kỷ).

Nơi bộ phận tiếp giáp giữa cây trính và cây trồng người ta thường chạm bộ “Trồng cối” hay “Chày cối” (tượng trưng cho yếu tố âm dương hoà hợp) nên người ta còn gọi nhà này là nhà trính trồng hay nhà chày cối.

Hai hàng cột cái có 02 cây xuyên nối xuyên tâm dọc các cột cái lại với nhau để làm bộ khung chắc chắn hơn, trường hợp này gọi là nhà xuyên trính lãng. Ngoài ra, để khoảng không gian giữa căn nhà càng được rộng lớn.

Hai hàng cột hàng nhì và hai hàng cột hàng ba có chức năng để đỡ kèo và mái. Nhà trính có thể có đến hàng tư, trong khi nhà cột giữa chỉ có đến cột hàng ba.

Kết cấu bộ khung nhà là một hệ thống chịu lực liên hoàn. Lực đè (sức nặng) của mái được phân tán qua hệ thống rui mè tỳ lên các đòn tay, xuống các đầu cột từ cao đến thấp làm trọng lượng của mái dồn lên thân cột xuống trụ và tải đều lực ra các nơi nên bộ khung nhà rất vững chãi và giữ được thăng bằng. Ngoài ra, sự vững chãi này còn có mối liên kết giữa các bộ phận cột kèo được cố định bởi các chốt con xẻ, con niêm và kỹ thuật ráp “Mộng âm dương” (bên lồi, bên lõm) rất khít khao tạo nên bộ khung nhà rất chắc chắn.

Về hình thức bộ khung ngôi nhà có bốn dãy cột (mỗi dãy gồm: cột hàng ba, hàng nhì, cột cái (mặt tiền) cột cái, cột hàng nhì, cột hàng ba (mặt hậu), xếp song song nhau tạo nên 03 khoảng lòng căn bên trong ngôi nhà.

Các bộ phận cột, kèo, trính, xuyên, đòn tay... đều được làm rất to (cột tròn, các bộ phận khác là những thanh gỗ có bản vuông hay hình chữ nhật). Kèo nhà là loại kèo vò đậu được ráp nối từng đoạn từ trên giao kỷ (thượng lương) xuống mái hiên, thân kèo chế tác uốn lượn, kẻ chỉ rất uyển chuyển đẹp mắt.

Quan sát tổng thể không gian bên trong ngôi nhà, về trang trí nội thất được sắp xếp bài trí rất gọn gàng... cho thấy sự kỹ lưỡng và ý thức gìn giữ di sản của tổ tiên của chủ nhân ngôi nhà này là rất cao.

Bên trái (nhìn từ ngoài vào) nối tiếp với cầu thang là chái nhà xây liền vách với nhà chính (vật liệu gạch, xi măng cốt thép...) nền lát gạch men, vách trước có ô cửa sổ song sắt tạo sự thông thoáng cho không gian bên trong, chái được ngăn làm 02 phần, phía trước đặt 01 sập gỗ dùng làm nơi nghỉ ngơi của gia đình vào ban ngày; phía sau là bếp và bàn ăn.

Ở nhà chính, phía dưới trước cột hàng ba là lan can song gỗ cao bằng 1/3 chiều dài thân cột (phần trên để trống), chính giữa đặt bàn tròn gỗ dùng để tiếp khách, hai cột hàng ba giữa có treo hai tấm liễn (gỗ) có khắc câu đối chữ Hán: viền và chữ sơn nhũ vàng. Nội dung được phiên âm như sau:

Thủy quang sơn sắc tuý liên vân

Ngọc thọ kỳ hoa hương tác cảm

Kể đến là cửa vào gian chính, cửa có dạng panô rời (mỗi lòng căn là một khoảng cửa vào nhà chính, mỗi khoảng cửa có 03 tấm gỗ lớn) được chốt lại bởi các then gỗ.

Ở hai cột hàng nhì – chính giữa, treo đôi liễn gỗ, khắc đôi câu đối, phiên âm như sau:

Xuân huy hương ái hoa đường ánh (uông) nhật nhiều tường vân

Hoạ cảm huy hoàng hoa đống liên vân nghinh thoại khí

Khung bao cửa, gắn vào thân ngạch (gỗ) và ốp sát thân cột. Khoảng cửa giữa có hình vòm uốn cong, cửa hai bên, trên vòm khếp góc cạnh xiên; mỗi chân đế khung bao chạm nổi hoa dây, thân và góc vòm trang trí dây leo, dây hoá rồng.

Các đồ án trang trí phía trên khung bao được ghép từ hai mảng, một mảng từ khung bao thẳng lên, mảng kia áp từ trên mái ốp kèo hơi xiên góc với khung bao tạo thành một mảng trang trí tổng thể, hài hoà và phù hợp với tầm quan sát. Đây là dạng đồ án trang trí ô học theo phong cách nghệ thuật điêu khắc gỗ thời Nguyễn (cuối thế kỷ XIX), các khung đồ án được viền chỉ nhiều lớp, gò nổi, nội dung đề tài riêng lẻ như: ngũ quả, hoa hướng dương, con tiện, vòng tròn thái cực, sách bút, hoa dây... thể hiện ước vọng của cư dân nông nghiệp là cầu mưa thuận gió hoà, làm ăn phát đạt, cuộc sống ấm no hạnh phúc, con cháu sinh sôi nảy nở và thành đạt...

Qua khỏi cửa vào bên trong, đây là gian chính của nhà (từ cột cái mặt hậu ra cột cái mặt tiền đến cột hàng nhì) dùng làm nơi thờ cúng tổ tiên, ông bà và tiếp khách. Nơi đây, ngày thường cửa đóng kín, chỉ mở khi có giỗ bái lễ Tết hoặc có khách đến.

Vì là khu vực trang trọng của ngôi nhà nên việc sắp xếp và bài trí cũng có phần đặc biệt thể hiện lòng tôn kính của gia chủ. Do đó, nó được phân riêng biệt, giữa nơi

thờ tự và nơi sinh hoạt của gia đình (vách ngăn bằng ván (gỗ) phía sau bàn thờ chính) chỉ chứa hai lối đi nhỏ ở hai bên bàn thờ đi ra mặt hậu phía sau.

Ở hai bên vách của gian này mỗi bên có 02 ô cửa sổ để lấy ánh sáng và tạo sự thông thoáng cho ngôi nhà. Phía trước bàn thờ trên trần nhà có treo chùm đèn trang trí bằng thuỷ tinh, nhũ đồng rất đẹp và được thắp sáng lên vào những dịp lễ tết, tụ họp gia đình... kế bên chùm đèn là bản đại tự chữ Hán lồng khung gỗ có nội dung sau:

Tích Đức Đường

Dưới bản đại tự treo tấm màn chắn (vải) gọi là y môn nhằm ngụ ý phân biệt ranh giới giữa bên ngoài và bên trong. Ý nghĩa buông rủ y môn xuống là báo hiệu lúc tổ tiên hưởng thụ lễ vật cúng. Cần phải che màn để hương hồn các cụ được tự nhiên thoải mái, cũng như người đang sống vào lúc ăn không muốn kẻ khác, dù là con cháu đứng dòm miệng.

Trên cột ở gian này có trang trí liên gỗ khắc chìm câu đối chữ Hán (sơn nhũ vàng) như sau:

Câu đối ở 02 cột cái chính giữa mặt tiền, phiên âm:

Bàn đào hiển thoại tam thiên chân lý khách cao niên

Xuân thọ phu vinh nhất bách xuân thu sa thượng thọ

Câu đối ở 04 cột cái mặt hậu, phiên âm:

- Ở 02 cột giữa:

Phú nhuận cảm thơ thành ngữ sắc

Quý liên lan ngọc (wởng) ánh tam thai

- Ở 02 cột bìa:

Hồng huy sáng lập phụ từ tử hiếu cữ gia đình

Yến đức duy mưu thuỷ nhiều sơn hoà tân đại trạch...

Phía trước bàn thờ (bên phải) đặt bộ đi văng (gỗ) lưng chân quỳ (thay thế bộ ngựa) là vị trí dành riêng cho bậc trưởng thượng. Vị trí quan trọng nhất của bộ ngựa là ở phía đầu ngay từ ngoài cửa bước vào được dành cho những người lớn tuổi, có uy tín ngồi.

Bàn thờ chính được đặt ngay trung tâm, lưng quay vào vách buồng ở căn giữa.

Bàn thờ (tủ thờ) làm bằng gỗ quý, lưng chân quỳ, cẩn xà cừ trang trí đối xứng theo từng đồ án (ở hai bên), mặt chính dành một mảng lớn viền hình chữ nhật, bao

xung quanh một vòng tròn lớn. Tất cả thể hiện nội dung tài trang trí dây leo, trúc mai đào lựu, bình nước cam lồ... thể hiện ước vọng thanh cao, trong sáng hoà hợp...

Mặt hậu của ngôi nhà được tính từ hàng cột cái thứ hai phía cột hàng ba (phía sau). Nơi đây bố trí phòng ngủ cho các thành viên trong gia đình, mỗi buồng ngủ được ngăn bởi các bức vách bằng gỗ. Vách hông có 02 cửa sổ để đón ánh sáng và gió mát thổi vào.

Nhà tắm và khu vệ sinh bố trí (bên trái) phía sau cùng của vách nhà hậu.

Như vậy, thông qua kiểu dáng và nội dung trang trí ngôi nhà cổ này chúng ta có thể khái quát một số nhận xét như sau:

Kiểu nhà xuyên trính là kiểu nhà thông dụng của tầng lớp trung lưu và giàu có ở nông thôn Nam bộ từ xưa cho đến nay. Tuy nhiên, địa vị xã hội và sự giàu có của từng gia đình được thể hiện qua diện tích hình thức, trang trí nội thất của ngôi nhà. Nhà ông Võ Văn Út, cho thấy chủ nhân trước kia là một người giàu có.

Việc xây dựng ngôi nhà tốn kém rất nhiều công sức và tiền của vì dụng cụ chế tác, vận chuyển lúc ấy hoàn toàn thô sơ. Qua cách trang trí lắp ráp cho thấy thợ làm nhà là những người thợ ở miền Trung vốn nổi tiếng với nghề chạm khắc gỗ từ lâu đời.

Trang trí nội thất nhà ông Võ Văn Út là công trình nghệ thuật tập trung nhiều loại hình chạm khắc gỗ: chạm lõng, chạm hai lớp, chạm thủng, chạm chỉ, tiện, cùn và cườ... ở một trình độ nghệ thuật cao. Ngôi nhà này là một di sản văn hoá về kiến trúc nhà ở của người Việt ở Nam bộ cần được gìn giữ và bảo tồn.

Tồn tại và sử dụng

Ngôi nhà được dựng nên, dù lớn hay bé, đẹp hay xấu... đều do quan niệm thị hiếu thẩm mỹ, điều kiện kinh tế của chủ nhân. Tất cả đều được sử dụng vào mục đích để ở, sinh hoạt, sản xuất kinh tế gia đình và thờ cúng tổ tiên... Ngôi nhà là một trong những mục tiêu phấn đấu trong đời sống mỗi con người, có điều kiện kinh tế thì nhà lầu, xe hơi, biệt thự, villa, không thì vách lá tổ rơm... chỉ khi “Lực bất tòng tâm” thì chấp nhận cảnh “Vô gia cư” rày đây mai đó. Ngôi nhà còn là sự khẳng định chủ quyền “Tế bào xã hội” của mỗi cá nhân. Nói rộng ra, tất cả mọi người dân trên vùng một lãnh thổ đều có nhà, có thể gọi “Nhà mình” thì có thể hiểu xã hội đó rất ổn định (Đây còn là một trong những mục tiêu phấn đấu, ổn định và phát triển xã hội của Đảng và Nhà nước ta hiện nay là chăm lo nhà ở cho gia đình chính sách, những hộ dân nghèo thông qua các hoạt động của các tổ chức Đoàn thể: Mặt trận Tổ quốc, Công đoàn, Đoàn thanh niên và các mạnh thường quân...). Vì theo quan niệm của cư dân nông nghiệp phương Đông “Có an cư mới lạc nghiệp” và điều kiện đầu tiên đó là

ngôi nhà. Bởi thế mà xuyên suốt trong suy nghĩ của những người đi khai hoang lập đến hôm nay và mai sau con người trải qua nhiều khó khăn gian khổ, chịu cảnh “Tha phương cầu thực” cũng là mong có một ngày tìm được “Miền đất hứa”, lý tưởng để an cư lạc nghiệp.

Ngôi nhà của ông Võ Văn Út đã gắn bó kỷ niệm tuổi thơ đến lúc trưởng thành của nhiều thành viên trong gia đình, họ được sinh ra, lớn lên và nuôi dạy điều hay lẽ phải, cách “Đối nhân xử thế” với người thân, láng giềng và xã hội... từ những hành vi ứng xử thông thường đến những “Lễ giáo gia phong” của xã hội Phong kiến hay những ý thức chấp hành pháp luật, kỷ cương của xã hội hiện nay... đều được họ tuân thủ và chấp hành nghiêm chỉnh.

Cũng xuất phát từ câu cao dao:

Con người có tổ có tông

Như cây có cội, như sông có nguồn

Đó là nhận định về gốc gác con người. Nghĩ đến tổ tông, người ta đồng thời nghĩ đến dòng máu đã di truyền từ thời xa xưa, qua bao nhiêu thế hệ cho đến bây giờ, dù thời gian có xa xôi cũng vẫn còn thân tình, còn hơi hướng “Một giọt máu đào, hơn ao nước lã”, “Máu chảy ruột mềm”... là do nhận thức, do tình cảm ấy. Lời dặn dò: “Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau”, hoặc “Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn” vẫn là một tình cảm đáng quý.

Với thời gian tồn tại trên một thế kỷ ngôi nhà này đã dung dưỡng tình cảm, truyền thống văn hoá gia đình cho bao thế hệ con cháu tộc Võ Long Khánh A thành những con người hữu dụng cho xã hội.

Các thế hệ sống trong ngôi nhà này:

Ông Võ Văn Tàu (1836-1917) là người con thứ tư của ông Võ Thịnh Văn và bà Nguyễn Thị Thọ là người có uy tín trong họ tộc nên được giao phó trách nhiệm thờ phượng thủy tổ (ông Võ Thịnh Văn được xem là thủy tổ của gia tộc này tại xã Long Khánh A). Theo lời kể của ông Võ Văn Út (chủ nhân hiện nay – cháu nội ông Võ Văn Tàu), thì nội ông, tức ông Tàu đã có thời gian tham gia hoạt động xã hội 10 năm (làm xã Trưởng Long Khánh thời bấy giờ), sau đó chuyển qua làm Hương giáo của làng.

Ông Tàu và bà Hạc có 06 người con: 04 trai và 02 gái, tất cả đều chung sống trong căn nhà này, làm ăn kinh tế khá giả và thành đạt. Mọi người sống hoà thuận, thương yêu đùm bọc lẫn nhau dưới sự giáo huấn của gia đình. Riêng người con thứ 06 của ông làm hương sư làng.

Sau khi qua đời, ông trao quyền thừa kế cho người con trai có tên là Võ Văn Huát (1879-1950). Ông này có 03 người vợ là: Bà Đỗ Thị Lòng, Nguyễn Thị Tới, Nguyễn Thị Thêm, ông Võ Văn Út là con của bà Nguyễn Thị Thêm.

Ông Võ Văn Huát và bà vợ Nguyễn Thị Thêm có 07 người con, các con ai cũng làm ăn khá giả và thành đạt.

Ông Huát qua đời, để lại căn nhà cho con ông là Võ Văn Út (sinh 1920) hiện đang sinh sống và thờ tộc họ ở đây. Ông tham gia hoạt động cách mạng thời kỳ kháng chiến chống Pháp và giữ cương vị: Huyện đoàn trưởng, Tân Hồng, Phú Châu (từ năm 1945 về trước). Năm 1947 về công tác ở huyện Hồng Ngự. Hiện nay ông là cán bộ hưu trí, sinh hoạt đảng ở địa phương, các con trong gia đình ông có nhiều người tham gia hoạt động xã hội và đã vinh dự được đứng vào hàng ngũ của Đảng như: Bà Võ Cẩm Hương, ông Võ Tuấn Linh, ông Võ Minh Linh, ông Võ Văn Đĩnh.

Ngoài ra, hiện nay gia đình ông còn lưu truyền tập tục “Cúng việc lễ, cúng vật lễ, cúng lễ”, một dạng tín ngưỡng độc đáo mang đậm sắc thái bản địa, phổ biến ở nông thôn Nam bộ. Nó được hình thành trong thời lưu dân miền Bắc, miền Trung vào Nam khai hoang mở cõi (hiện nay rất ít gia đình ở nông thôn Nam bộ còn giữ tập tục này). Mỗi tộc họ có một thức cúng khác nhau như: cháo ám, cá lóc nướng trui, bộ tam sên, thịt phay, rắn luộc, gà luộc, gỏi cá... Qua đó, chúng ta đều thấy nổi bật lên trong tín ngưỡng cúng việc lễ là “Vật cúng” khác biệt giữa các kiến họ. Trong dân gian còn lưu truyền nhiều câu chuyện, nhờ vào các vật cúng riêng của từng họ như một ký hiệu đặc biệt mà người cùng họ có thể nhận ra nhau trên bước đường lưu lạc vì sinh kế, vì loạn lạc... phải chăng vì thế mà có người gọi cúng việc lễ là cúng vật lễ. Vật cúng đã trở thành thói quen, thành lệ, thành lệ, thói riêng của từng dòng họ, mang dấu ấn đặc biệt nào đó liên quan đến ông tổ trong thời mới vào Nam tạo dựng cuộc sống trên vùng đất mới mà người ngoài ít khi biết được. Bên cạnh vật cúng, cách cúng của mỗi họ cũng khác nhau. Mỗi họ đều có qui ước riêng về ngày cúng và cách cúng. Về vật cúng lễ của gia tộc ông Võ Văn Út là món ghém bắp chuối - nước lèo và cúng thường lệ vào lệ cúng tất của mỗi cái tết hàng năm (mùng 7 tháng giêng âm lịch). Đây là dịp mọi người trong gia tộc sum họp đoàn tụ về nơi thờ cúng tổ tiên, hàn gắn tình thân quyến thuộc thắt chặt tình cảm họ hàng với nhau.

Tình trạng bảo quản

Ngôi nhà được xây dựng cách đây trên 100 năm (cất năm 1876). Từ ngôi nhà nền đất cột kê táng đá ban đầu, đến nay đã được tôn lên thành nền sàn (gỗ). Do địa hình nơi đây thường bị ngập lụt do nước lũ dâng cao, trải qua 02 lần trùng tu (lần thứ nhất vào năm 1986, lần thứ hai vào năm 2004), nhưng vẫn còn giữ được nét kiến trúc cổ tương đối hoàn chỉnh. Bởi vì trong những lần trùng tu, chủ nhân ngôi nhà luôn có

ý thức giữ gìn nguyên dạng ban đầu của kiến trúc. Đây cũng là sự may mắn của địa phương trong việc bảo tồn tôn tạo di sản nhà cổ trên địa bàn tỉnh, vì không phải ai cũng có ý thức và điều kiện tài chính để tu sửa nhà cổ như vậy.

Tuy nhiên, sự tồn tại của vật liệu thì có giới hạn, nhất là đối với gỗ (vì vật liệu chính chủ yếu là gỗ - trừ mái ngói). Yếu tố thời tiết lũ lụt thường hay xảy ra, cùng với khí hậu nóng ẩm mưa nhiều... là tác nhân ảnh hưởng trực tiếp đến sự xuống cấp của nhà cổ. Ngoài ra, việc bảo tồn nhà cổ cần sự đầu tư về vật lực – tài lực rất lớn. Nguồn kinh phí của mỗi gia đình rất hạn chế, khó đáp ứng được yêu cầu bảo tồn nhà cổ lâu dài. Do đó, rất cần sự đầu tư của Nhà nước và chung tay góp sức của xã hội trong việc bảo tồn nhà cổ của địa phương vốn còn rất ít ỏi.

Giá trị lịch sử, văn hóa, nghệ thuật

Nhà cổ của ông Võ Văn Út ở Long Khánh A hiện nay là một trong những dạng kiến trúc nhà ở truyền thống của người Việt ở Nam bộ. Nó được hình thành và phát triển ở đồng bằng Bắc bộ và miền Trung, đã được những lưu dân đi khai hoang mở cõi dựng lên trên vùng đất mới ở vùng đồng bằng sông Cửu Long. Nó được kế tục và phổ biến không chỉ đối với nhà ở của lớp người đi trước (nhà cổ) mà hiện nay kiểu nhà ở này được đa số người dân nơi đây sử dụng, vì nó rất tiện ích trong sinh hoạt gia đình (phổ biến là loại nhà xuyên trính) do giảm bớt hàng cột giữa (nhà rội – nhà nọc ngựa) nên diện tích sử dụng có phần rộng rãi hơn.

Kiểu nhà ở này, thể hiện hoà hợp với môi trường tự nhiên và xã hội của cư dân đến sinh sống trên vùng đất mới. Có thể nó đã được gia giảm hoặc thay thế một số bộ phận của kiến trúc để ứng phó linh hoạt và phù hợp với thời tiết (vì thời tiết ở Nam bộ có vẻ hiền hoà hơn ở miền Trung, miền Bắc nên yếu tố chằng néo chắc chắn không còn quan trọng nữa). Qua đó, tạo nên sự đa dạng phong phú kiểu dáng loại hình nhà, ở khu vực Nam bộ.

Về trang trí, những bức bao lam, hoành phi, các vật dụng trang trí trong nhà như: tủ thờ, ghế nghi... đều được chạm trổ, cẩn ốc cầu kỳ, tinh xảo thể hiện sự khéo léo và hoạ tiết của người nghệ sĩ dân gian khi trình bày các mảng trang trí về các đề tài chim muông, hoa lá... rất gần gũi với đời sống con người, gửi gắm ước nguyện, mong muốn của họ có một cuộc sống yên vui và lạc nghiệp.

Về tín ngưỡng nhà ở, vào các dịp tết Nguyên đán, người Việt ở nông thôn vùng đồng bằng sông Cửu Long rất xem trọng tục “Tết nhà”. Khuya mùng ba, rạng mùng bốn tết, người ta cúng tạ lễ thần bản gia và thổ thần, cầu khẩn âm trạch phù hộ cho khoẻ mạnh, bình yên, làm ăn thuận lợi bằng một mâm trà, nước, bánh trái cây.

Ngoài ra, khi cất nhà còn lưu truyền yếu tố tín ngưỡng từ Bắc và Trung bộ qua các nghi lễ tiến hành khi cất nhà như lễ “Bình cơ” là cúng đất đai, thổ thần trên mảnh

đất dự định cất nhà. Trong dịp này, người ta thường cúng bà Chúa Tiên, Chúa Ngọc (với những món ăn) và cúng bà Cửu Thiên Huyền Nữ - được xem là tổ thợ mộc, “Lễ phạt mộc” do người thợ cả tiến hành, mục đích ngăn ngừa thợ ếm và khấn vái cho việc cất nhà được tốt đẹp, yên ổn, “Lễ giao nguyên” (lễ lên đòn dông) được xem là nghi thức quan trọng nhất trong quá trình dựng nhà. Thường người ta chọn lúc thủy triều ở sông dâng lên mới làm lễ thượng lương, vì tin rằng nhờ yếu tố đó mà nhà cửa và công việc làm ăn sẽ được tốt đẹp.

Đó là một số nghi lễ truyền thống khi dựng nhà ở thời kỳ này, người dân thường áp dụng. Tuy nhiên, theo thời gian và sự phát triển của xã hội những nghi lễ này đã được giản lược đi rất nhiều, chỉ còn lưu lại những nghi thức cơ bản mà thôi.

Ngôi nhà cổ của ông Võ Văn Ứt ở Long Khánh A là một di sản văn hoá vật chất lẫn tinh thần của tộc Võ còn lưu truyền lại cho con cháu. Đây là niềm tự hào của thế hệ ngày nay về ông cha đã dày công xây dựng gìn giữ để họ được thừa hưởng một công trình kiến trúc và chiêm ngưỡng những giá trị nghệ thuật điêu khắc tài hoa của người nghệ sĩ dân gian trong việc trang trí nhà ở. Qua di sản này còn phản ánh tấm gương phấn đấu nỗ lực làm ăn chân chính, từ “Bàn tay trắng”, đi khai hoang, trở nên khá giả gây dựng được cơ nghiệp của ông cha cho con cháu noi theo.

Thông qua ngôi nhà cổ này, nó còn phản ánh bề dày quá trình hình thành và phát triển của lịch sử địa phương có thể nói trong thời kỳ khẩn hoang, nơi đây có thể là một môi trường tự nhiên – xã hội lý tưởng, là nơi “Đất lành chim đậu”, điều kiện thiên nhiên ưu đãi đã thu hút và giữ chân những người đi mở cõi, làm ăn sinh sống phát đạt, định canh, định cư phát triển làng mạc... đó là dấu ấn góp phần khẳng định chủ nhân trên vùng đất mới.

Hướng bảo tồn

Kiến trúc nhà cổ là một trong những di sản văn hoá vật thể và phi vật thể của cha ông để lại, việc bảo tồn gìn giữ loại hình di sản này nhằm góp phần làm đa dạng phong phú loại hình văn hoá truyền thống của địa phương.

Ngôi nhà của ông Võ Văn Ứt đã tồn tại trên một trăm năm (cất năm 1876), đó là dấu ấn lịch sử phát triển của vùng đất cù lao này. Rất cần được sự quan tâm của xã hội để bảo tồn gìn giữ ngôi nhà này, có thể coi đây là một trong những yếu tố của bản sắc văn hoá truyền thống của Việt Nam. Chính vì thế, rất mong các ngành chức năng cũng như chính quyền địa phương có kế hoạch xây dựng dự án bảo tồn nhà cổ trên địa bàn tỉnh tiến hành lập hồ sơ khoa học cụ thể cho từng ngôi nhà để có những đánh giá nhận xét về hiện trạng của chúng, có mức độ đầu tư kinh phí hợp lý để bảo tồn gìn giữ di sản văn hoá của cha ông để lại. Đồng thời có phương án khai thác, liên kết

với các loại hình sinh hoạt văn hoá truyền thống khác như: lễ hội đình làng, làng nghề truyền thống... đưa vào phục vụ nhu cầu hưởng thụ văn hoá của nhân dân

II.4.5 Nhà sàn nhà sàn thấp

Chủ nhân hiện tại là bà: Nguyễn Thị Lợi, ngôi nhà thuộc địa chỉ số 173, tổ 5, ấp Long Thạnh B, xã Long Khánh A, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Lịch sử xây dựng



Nhà bà Nguyễn Thị Lợi

Ở khu vực Nam bộ nói chung và tỉnh Đồng Tháp nói riêng. Hồng Ngự (trước kia gọi là Hùng Ngự) là một trong những địa phương (của tỉnh Đồng Tháp), có lưu dân tập trung khai hoang làm ruộng, lập vườn trồng cau, khai thác lâm thủy sản....

Họ là những người nghèo khổ từ Đàng ngoài vào, rời bỏ miền quê sỏi đá, tìm về nơi đất mới mà họ đặt vào đó cả một niềm khao khát: được sống, theo nghĩa thật sự của từ này và ước mơ tìm thấy một chân trời tự do, khoáng đạt, có đất để cày cấy, không bị áp chế. May thay thiên nhiên nơi đây không phụ công người. Đồng đất phẳng lặng đầy cỏ lác vậ chớ có bao ưu vật tìm tòi, dành sẵn cho những ai cần cù, chịu thương, chịu khó. Cây lúa nước là báu vật hàng đầu cung cấp nguồn lương thực giữa mùa nước nổi, là yếu tố quyết định cuộc định cư. Kế đó là bao thứ khác, bề ngoài mộc mạc đơn sơ nhưng bên trong dư thừa mọi chất dinh dưỡng có thể đảm bảo nuôi sống con người, chẳng những không thua kém bất cứ chốn nào mà còn có mặt vượt trội. Từ con cá, con tôm, con lươn, con ếch. Từ con rùa đến chuột đồng. Từ ngọn rau mác tới bông súng, ngó sen. Bông hoa đại vừa trang điểm cho cánh đồng lại vừa là món ăn như bông điên điển rực màu hoàng yến kia là những chùm bông so đũa trắng tinh vốn không thể thiếu vắng trong bữa cơm có mắm kho, có canh chua cá lóc. Những buổi chiều sắp sa mưa, đây đó rền vang tiếng sấm đất ấy là mùa đốt đồng, mùa của những áng khói lan toả khắp nơi hương nồng ấm. Người lớn trẻ con hân hoan đứng đón dưới gió khói để lượm rùa bị con lửa đuổi, nên mùa ấy cũng là mùa hót rùa cạn. Ở đây có nhiều rùa như thế không chỉ là mùa của thời tiết mà là mùa của sản vật. Ví dụ như mùa cá sau Tết Nguyên đán, đó là

mùa đĩa đã rớt và trên đồng con cá mãi mê kiếm ăn không kịp vọt đĩa hoặc tháo chạy ra sông, bị kẹt cạn vô số nơi bùn lầy đang sền sệt khô lại. Lại còn có mùa len trâu, mùa chim và cả mùa gió nữa.

Ông cha ta đã trải qua những năm tháng gian khổ, nhưng thanh bình. Thời các chúa Nguyễn đã có những chính sách kinh tế lớn: khuyến khích khai hoang. Ai khẩn được miếng đất nào thì miếng đất ấy là của họ. Nhiều năm đầu, người khẩn đất làm ruộng được miễn thuế. Cuộc sống của người nông dân lúc này được coi là nhẹ thở. Ông cha ta tuy cơ khổ nhọc nhằn, nhưng đã có lúc được tự do, khoáng đạt tự con cá nước, con chim trời. Tính cách con người trước kia sống trên những thửa ruộng hẹp bắt đầu có những thay đổi. Giữa cánh đồng mênh mông bát ngát, con người quen dần với đất rộng trời cao. Làm ra hạt lúa tuy có nổi vất vả, nhưng vẫn không vất vả bằng ở chôn xưa phải đất sỏi đá biến thành cơm gạo. Và hạt lúa nơi đây đẻ ra nhiều hơn gấp bội, và con cá đồng da thịt thơm ngon như rộng sẵn bên nhà, chỉ cần thả vài đường câu, suốt đêm đã không kịp gỏi.

Vẫn là từ một nguồn cội sinh ra, vẫn là những con người từ bốn ngàn năm ở đất phong châu cổ này, nhưng con người Việt Nam đi tới cõi Nam. Đi tới cánh đồng Nam to rộng này bắt đầu nhập vào cuộc sống mới xuất hiện khả năng đẩy lùi nỗi ám ảnh về cái chết vì đói bao đời gieo kinh hải, đẩy lùi hình ảnh con cá gỏi, đẩy lùi cái bữa ăn gọi là bữa lưng – nghĩa là bữa ăn bị bỏ lưng, dứt quãng từ ngày trước – Và từ đó biến đổi dần nếp nghĩ, nếp làm, nếp sống – đưa tính cách con người từ eo hẹp đến rộng mở, từ sự chấp bóp chi li đến hào phóng, hào sảng. Suy từ nguồn con ấy, ta thấy con người có thể khác đi trong một môi sinh mới, cảnh đời mới, trở nên ngang tàng hơn, khí phách hơn, trọng nghĩa khinh tài, gặp cảnh bất bình thường không chịu bỏ qua. Tất cả mọi chuyển động này sẽ được nhìn thấy qua thơ văn, từ một câu ca dao dân dã tới những sáng tác thành văn, cất lên từ cánh đồng, nơi cửa miệng của những người vô danh cho tới những tác giả tên tuổi của cả nước, được biểu hiện qua:

Anh em tứ hải giao tình

Tuy rằng bốn bể nhưng sinh một nhà

Trước khi huê lợi ruộng vườn là nguồn thu nhập chính, đã có một thời kỳ khá dài lưu dân sống bằng nghề khai thác cá. Xuất phát từ thực tiễn cuộc sống trên môi trường sông nước dần dắt họ đến sáng tạo ra ngôi nhà sàn và đánh bắt cá bằng chài lưới, đăng đó, lợp lờ... Vào mùa nước lên và khai thác đĩa bào khi mùa nước kiệt. Sự hiện diện của khó trường ở đây chứng tỏ công cuộc khai thác bước đầu có kết quả. Lưu dân vượt biết bao nhiêu gian khổ do thiên tai, bệnh tật, thú dữ... biến những vùng đất hoang thành những vương ruộng... mảnh vườn màu mỡ. Tình cảm của họ ngày càng gắn bó với ruộng vườn xanh tốt, mái nhà ấm cúng, xóm làng sung túc mà họ đã phải đổ mồ hôi,

nước mắt, có khi cả máu để tạo dựng nên. Từ thế hệ này sang thế hệ khác, tình cảm đó ngày một nâng lên, kết hợp với tinh thần, truyền thống yêu quê hương, tổ quốc vốn có của dân tộc mà họ mang theo trên đường tha phương tìm cuộc sống mới trở thành một thứ tình cảm đặc biệt cao quý. Họ sẵn sàng đổ máu, sẵn sàng hy sinh, một khi giá trị đó bị xúc phạm.

Lược qua vài nét về quá trình di dân, trải nghiệm cuộc sống đã hình thành nên đặc tính của cư dân đi khẩn hoang, thích ứng môi trường tự nhiên xã hội, cùng nhau gây dựng cuộc sống trên vùng đất mới. Dần dần sự hy sinh gian khổ đã được bù đắp. Bởi vì trong số họ, ai cũng tìm được cho mình một vùng đất màu mỡ để định canh định cư phát triển dòng dõi, làng mạc... Và nơi đây đã trở thành quê hương gắn bó cuộc đời của họ với vùng đất mới khai khẩn này.

Trong số đó, có rất nhiều người làm ăn phát đạt. Từ những mảnh đất khai khẩn ban đầu, qua quá trình canh tác, sản xuất... kinh tế gia đình phát triển. Họ tích lũy vốn, mua thêm phương tiện sản xuất nông cụ, trâu bò, đất đai... mở rộng qui mô sản xuất. Có người đã trở nên giàu có, dư ăn dư để, hoặc trở thành chủ điền. Khi đời sống vật chất dư giả, tinh thần phấn chấn, suy nghĩ trong họ không gì khác hơn là cất một cái nhà khang trang để ở. Thực hiện ước mơ bấy lâu trên đường lập nghiệp. Và ông Nguyễn Văn Mạnh (1852-1952) ở làng Long Khánh, Hồng Ngự cũng không ngoại lệ.

Ngoài việc canh tác sản xuất nông nghiệp như bao gia đình khác, gia đình ông Mạnh còn làm thêm các nghề khác như: Nghề “Ghe rôi” – Nghĩa là khi công việc đồng áng rảnh rang. Vào mùa nước cạn đồng cá tụ về ao đìa nơi đồng ruộng, ông mua lại tát, bắt cá chở đi bán các nơi khác. Song đó, trồng dâu nuôi tằm, ươm tơ cũng là nghề mang lại nguồn thu nhập lớn cho gia đình... chính từ những công việc này, đã giúp gia đình ông trở nên giàu có, ông tìm thợ cất lên cho mình một ngôi nhà sàn gỗ, lợp ngói âm dương, để làm nơi cư ngụ và sinh sống. Ngôi nhà ấy, trải qua thời gian phong sương tuế nguyệt đến nay vẫn còn tồn tại và hiện thuộc quyền sở hữu của người cháu nội là bà Nguyễn Thị Lợi (sinh năm 1942) ở ấp Long Thạnh, xã Long Khánh A ngày nay (ngôi nhà được cất vào khoảng năm 1886)

Khi bắt đầu công việc chuẩn bị dựng nhà, thường như bao người khác ở làng này, đầu tiên ông tìm và chọn lựa mảnh đất tốt để dựng nhà. Vị trí tọa lạc của ngôi nhà, thích hợp với điều kiện sinh hoạt của gia đình. Nghĩa là nó phải đảm bảo các yếu tố cần thiết về: địa thế như: (gần chợ, gần sông, gần đường giao thông, gần đồng (ruộng) canh tác; Về thổ nhưỡng: khí hậu, đất đai nền móng, hướng gió... phù hợp với căn mệnh của gia chủ cầu mong dựng nên nhà được nhiều “Cát lợi” (tốt lành) làm ăn phát tài phát lộc, con cái sinh sôi nẩy nở và thành đạt... Điều đặc biệt nữa là ngôi nhà phải được cất bằng vật liệu gỗ tốt, chắc chắn bền bỉ với thời gian. Chính vì thế mà ông không ngại đường xá xa xôi sang tận Campuchia (vì cây gỗ ở vùng đồng bằng sông Cửu Long rất hiếm, đa số là

cây tạp) chọn mua những súc gỗ tốt (một dạng mua mao – mua nguyên cây, nguyên nhóm, ...) kết bè, đơi con nước đổ thuận tiện thả trôi trên dòng Mêkông xuống hạ lưu về Việt Nam để thợ mộc chế tác thành những bộ phận kết cấu theo từng công dụng của ngôi nhà. Và ngôi lợp (ngói âm dương) cũng được mua từ khác chỗ đến (Vĩnh Long). Nhóm thợ được ông Mạnh thuê để cất ngôi nhà mình là một đội ngũ thợ có tay nghề điêu luyện, bằng những dụng cụ thủ công: đục, búa, cưa, bào, rìu... gỗ là những thân cây to, việc chế tác tốn rất nhiều công sức, vì chỉ toàn dùng bằng sức người (lúc này chưa có sự trợ giúp của máy móc) với sự khéo léo, những cây gỗ đốn từ rừng về, qua đôi tay của người thợ đã trở nên những cột kèo..., dài ngắn theo công năng của ngôi nhà, có kích thước và dáng vóc bóng láng và có tính thẩm mỹ cao. Đây là nhóm thợ mộc được thực hiện dưới sự chỉ dẫn của người thợ cả tên Hườn. Nhóm thợ này, được rất nhiều người dân ở làng Long Khánh tin tưởng vì tay nghề của họ rất cao và tinh thần làm việc siêng năng tận tụy.. nên được nhiều người chọn thuê cất nhà.

Ngôi nhà của ông Nguyễn Văn Mạnh được dựng lên vào năm 1886 theo kiểu nhà sàn gỗ (sàn thấp) cột gỗ (cắm xe) tròn, vách ván, ba gian. Mái lợp ngói âm dương tại ấp Long Thạnh B, xã Long Khánh (nay là Long Khánh A), huyện Hồng Ngự.

Thời gian từ lúc khởi công đến khi hoàn thành mất khoảng thực hiện hai năm. Trong khoảng thời gian này, ngoài chi phí chi trả tiền công thợ theo thoả thuận giữa gia chủ và nhóm thợ, chủ nhà còn phải lo chỗ ăn, chỗ nghỉ cho họ đến khi nào ngôi nhà hoàn thành. Đây cũng là một lệ của thời bấy giờ khi thuê thợ dựng nhà. Và sau hoàn thành đưa vào sử dụng, ngôi nhà này đã trở thành nơi ăn ở, sinh hoạt, thờ cúng tổ tiên của nhiều thế hệ tộc họ Nguyễn này. Trải qua thời gian, chịu sự tác động của thời tiết, ngôi nhà cũng đã có nhiều dấu hiệu xuống cấp. Với tình trạng như vậy nó rất cần được bảo vệ trùng tu kịp thời để ngăn sự hư hỏng xuống cấp thêm.

Hiện trạng ngôi nhà

Không gian thoáng đãng, sông nước hiền hoà chở nặng phù sa, vun bồi cho mảnh đất cù lao (Long Khánh) ngày càng thêm màu mỡ tạo nên sức sống cho con người và cảnh vật nơi đây thêm xanh tươi và dễ gần gũi.

Trong khung cảnh yên bình đó, là vị trí tọa lạc của ngôi nhà cổ (hiện nay) thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị Lợi. Phía trước nhà là đường làng và sông lớn; phía sau là đồng ruộng phì nhiêu. Đây đích thực là mô hình cư trú lý tưởng của người dân Nam bộ nói chung và của ngôi nhà nơi đất nói riêng. Vì không khí mát mẻ trong lành, giao thông thủy bộ tiện lợi, có nguồn nước tưới tiêu, sinh hoạt và nguồn thực phẩm tôm cá dồi dào.

Vị trí ngôi nhà vòm ộ làng cách nhau một khoảng sân rộng, xung quanh trồng nhiều loại cây ăn trái: lựu, mận, chuối... vừa là nguồn nông sản của gia đình và tạo bóng mát cho trẻ con nô đùa... chính giữa sân sát lối đi từ cổng vào là bàn Thông thiên (Ông

Thiên...), phía dưới có lát nền bằng gạch men làm nơi khăn vải. Nhìn bên ngoài ta thấy mái ngói (âm dương) thấp bậc phếch, phủ lớp rêu phong thời gian có vẻ rất cũ kỹ. Trên bờ nóc là những viên gạch thẻ (to bản) được xếp xen kẽ nối liền nhau, có tác dụng giữ cố định và che nước mưa dột nơi tiếp giáp giữa mái tiền và mái hậu. Vách ván che xung quanh ngôi nhà, nhiều nơi bong sứt, bị mối mọt ăn rất nhiều (hàng cột hiên phía trước và sau cũng chịu chung tình trạng này).

Về kết cấu kỹ thuật ngôi nhà này cất theo kết cấu bộ khung nhà rường hay còn gọi là nhà xuyên trính, đâm trính, trính trồng, nhà chày cối có hai hàng cột cái (cột hàng nhất) bố trí ở trước và sau đòn dông tạo một không gian giữa nhà dọc theo chiều ngang, kể đến hai hàng cột hàng nhì và hàng ba phía trước, phía sau có thêm hàng cột hiên. Với kết cấu hiện trạng, ngôi nhà này có 32 cây cột, tất cả đều có hình thức là cột tròn, gỗ căm xe). Như vậy, bộ khung nhà này có sáu hàng cột chính và hai hàng cột hiên (trước và sau). Từng cặp cột cái tiền, hậu được nối liền nhau bằng một đoạn gỗ xuyên ngang qua gọi là trính. Một trụ gỗ được gắn ở mặt trên cây trính và chống thẳng lên tới điểm giao nhau của hai đoạn kèo cuối ngay dưới đòn dông được gọi là cây trồng. Cây trồng có hình dáng nằm rượ hay hình dáng cái chày và được đặt trên cột cái đầu gỗ hay còn gọi là cái cối. Cũng chính vì hình dạng như vậy nên được gọi là kết cấu chày cối. Phải chăng ở đây muốn mượn hình dáng “Chày cối” để thể hiện yếu tố âm dương hoà hợp như tín ngưỡng thờ “Sinh thực khí” Linga và Yoni.

Kết cấu xuyên trính làm cho bộ khung nhà cứng cáp, chắc chắn và tạo không gian giữa nhà trở nên rộng thoáng. Nhưng kết cấu này đòi hỏi kỹ thuật thi công phức tạp, tinh vi, dụng cụ tốt, một đội ngũ thợ có tay nghề cao mới ráp nối được cột, kèo, trính, trồng với nhau một cách khít khao theo dạng liên kết mộng âm dương. Dạng liên kết này rất tiện dụng và linh hoạt trong việc lắp ráp, tháo dỡ. Vì toàn bộ khung nhà hay cả các mảng trang trí đều không sử dụng đinh kim loại mà chỉ sử dụng mộng và chốt gỗ để liên kết.

Các bộ phận đỡ mái như: mè, đòn tay, kèo, trồng... đều được làm từ thanh, đoạn, bản gỗ to khoẻ chắc chắn. Tất cả liên kết với nhau tạo thành bộ phận hai mái xiên nối với nhau nhô lên ở đỉnh, nâng toàn bộ ngói lợp bên trên. Sức nặng (trọng lực) được phân bố đều, tỳ lên các đầu cột, từ cao xuống thấp. Các thân cột to khoẻ chịu lực đỡ mái rất vững chãi. Các thân kèo cũng rất to được làm theo dạng kèo vỏ đậu, chia nhiều đoạn ráp khít lại với nhau, đầu kèo ở gần mái hiên chạm khắc dây leo, hoa cúc, viền chỉ, lọng nhiều tầng, nhiều nấc... rất đẹp mắt.

Quan sát từ ngoài vào, nền sàn kê từ cột hàng nhì (mặt tiền) trở ra sau mặt hậu. Từ cột hàng nhì ra đến cột hiên là nền đất, phía trước hiên và bên hông để trống. Khoảng giữa ngang nhà giữa cột hàng ba và hàng nhì đặt ba bộ ngựa (mỗi bộ ba tám ván gỗ).

Sàn của ngôi nhà này là dạng liền cột – nghĩa là cột nhà từ nóc thẳng xuống đà kê chân cột (đà là những thanh gỗ to bản, dày, liền thân xếp dọc trên mặt đất theo hàng cột từ trước ra phía sau).

Mặt chính diện nhà, có ba lối vào, lắp đặt cửa gỗ dạng panô xếp. Các khung bao cửa được gắn vào chân để ốp sát cột và đà ngang của sàn nhà. Phía trên khung bao cửa đến nóc chia làm 02 mảng rời, một mảng từ dưới thẳng lên, một mảng hơi xiên ra ốp sát từ kèo nóc xuống. Trên các mảng gồm nhiều ô trang trí hình vuông, hình chữ nhật ghép lại với nhau, nội dung thể hiện cũng khác như: bánh xe, con tiện, bản gỗ... mỗi ô viền nổi nhiều lớp, nhiều tầng rất hài hoà đẹp mắt.

Lối đi chính giữa, phía trên lõng hình vòm uốn cong. Trên đó có treo ảnh Bác Hồ, khung vòm trang trí dơi, dây leo, hoa lá... lối đi ở hai bên vòm khép góc hơi xiên.

Nội dung các đề tài trang trí nơi đây, vừa làm tăng thêm tính thẩm mỹ, vừa thể hiện ước vọng của gia chủ cầu mong những điều tốt lành sẽ đến với gia đình họ.

Bước vào không gian bên trong của mặt tiền là khu vực trang trọng của ngôi nhà, dùng làm nơi thờ cúng tổ tiên ông bà... và tiếp khách.

Hai bên vách hông có hai ô cửa sổ để đón ánh sáng và gió mát vào. Bên trái (nhìn từ ngoài vào) đặt một bộ đi vắng bằng gỗ làm nơi tiếp khách của gia đình.

Sát vách buồng, chính giữa đặt bàn thờ gia tiên và giường thờ, phía trên vách treo tranh thờ kiếng lồng khung gỗ có viết đại tự bằng chữ Hán, phiên âm:

Phúc Đường

Phía trên tranh thờ, gần với cây xiềng đặt trang thờ phật và ảnh của Đức Huỳnh Giáo Chủ (ông Huỳnh Phú Sổ - người sáng lập ra đạo phật giáo Hoà Hảo). Bên phải nhà là bàn thờ của chồng bà Nguyễn Thị Lợi. Trên mỗi bàn thờ đều có đặt bộ Tam Sự. Tuy nhiên, theo quan sát thì bàn thờ gia tiên được sắp xếp và bài trí trang trọng hơn. Bàn thờ được làm theo dạng ghế nghi, nhưng cao hơn, lõng chân quỳ, cẩn ốc xà cừ với kỹ thuật điêu luyện, đường nét uyển chuyển sinh động thể hiện trình độ nghệ thuật và tính thẩm mỹ cao. Nội dung đề tài thể hiện phong phú, đa dạng như: trúc, mai, tùng điểu (chim trĩ), dây leo, mây cuộn, đào, lựu, dơi... mang ý nghĩa cuộc sống trong sáng, thanh cao, thanh bình, sinh sôi nảy nở...

Tiếp theo, phần không gian bên trong, tính từ cột cái mặt hậu trở ra phía sau là căn buồng của gia đình, được ngăn riêng biệt với mặt tiền bởi bức tranh bằng gỗ có hai cửa ở bên trái và bên phải bàn thờ gia tiên nối thông giữa mặt hậu. Bên trong là buồng và chứa vật dụng sinh hoạt gia đình (nơi tiếp giáp với vách ngăn) là gác buồng, có cầu thang đi lên bên phải.

Ở cuối vách hông phía bên trái bố trí một lối thông ra bên ngoài.

Thông qua nghiên cứu ngôi nhà này, cho thấy đây cũng là một trong những dạng nhà xuyên trính có những nét tương đồng với những ngôi nhà cổ khác ở Long Khánh A - Hồng Ngự. Hiện nay, còn tồn tại nhiều ngôi nhà được dựng lên cùng thời với ngôi nhà của bà Nguyễn Thị Lợi, nhưng do chỉnh trang hoặc hư hỏng không còn giữ được nguyên dạng kiến trúc ban đầu. Tuy nhiên, về cơ bản những ngôi nhà này vẫn còn những dấu ấn thời gian thể hiện nét kiến trúc nhà ở xưa của những cư dân thời kỳ đầu đến đây lập nghiệp.

Ngôi nhà của bà Nguyễn Thị Lợi (chủ nhân hiện nay) là di sản của gia tộc họ Nguyễn, được khởi dựng từ ông Nguyễn Văn Mạnh (1852-1932), là một trong những lưu dân đến đây trong thời khẩn hoang đã cùng với bao người khác gây dựng cuộc sống, mở rộng làng nghề, canh tác sản xuất nông nghiệp... phát triển làng mạc, đã để lại cho con cháu những kinh nghiệm quý báu trong cuộc sống, những kinh nghiệm nỗ lực lao động sản xuất vươn lên làm giàu chính đáng. Những giá trị về tinh thần và vật chất của thế hệ đi trước là những tài sản vô giá không chỉ đối với gia tộc mà còn của cả cộng đồng. Vì vậy, chúng ta cần có trách nhiệm bảo vệ gìn giữ những di sản đó, như gìn giữ những “Kỷ vật” thời gian của quá khứ. Để không phụ những công sức của tiền nhân đã dày công gây dựng cho chúng ta.

Tồn tại và sử dụng

Chúng ta đều biết, mục đích dựng nhà của con người là để ở, dùng làm nơi sinh hoạt, tổ chức các hoạt động của gia đình. Là cái nôi sinh ra và lớn lên của từng con người. Nơi gắn bó con người với mọi ràng buộc quan hệ họ hàng thân tộc. Từ đây con người chập chững vào đời, mở rộng quan hệ ra xã hội, tầm nhìn về thế giới quan, nhân sinh quan... cũng được hình thành trên cơ sở tế bào xã hội. Đó là “Gia đình”, là “Ngôi nhà” nơi mình đã cất tiếng khóc chào đời, bên dòng sữa mẹ ngọt ngào nuôi ta khôn lớn nên người.

Tuy nhiên, con người dù có đi đâu, làm việc gì, dù ở chốn nào vẫn nhớ về nơi sinh ra và lớn lên, về ngôi nhà thân yêu của mình. Vì ngôi nhà không chỉ là nơi sinh sống, mà còn là nơi thờ cúng tổ tiên ông bà. Đó là mối ràng buộc đạo lý truyền thống của dân tộc Việt Nam ta. Vì thờ phụng ông bà là một bổn phận, một nhiệm vụ trọng đại đặc thù của người Việt Nam.

Vì vậy, ngôi nhà bà Nguyễn Thị Lợi ở ấp Long Thạnh B, xã Long Khánh A hiện nay, ngoài mục đích sử dụng làm nơi ở của gia đình còn là nơi thờ phụng tổ tiên. Cũng như bao người dân Việt Nam khác.

Trong quảng đại quần chúng xưa nay, người ta thường nói “Đạo thờ ông bà” là một tín ngưỡng sâu sắc, nhưng không phải là tôn giáo. “Đạo” nói ở đây phải hiểu là đường lối.

Thờ ông bà là một trách nhiệm có tính tâm lý, sự phát lộ tình cảm và lòng tin huyết thống được thể hiện trong môi trường gia tộc, không có tính cách thần thánh hoá, nhất là không có trụ sở như đền chùa hay nhà thờ (Thiên Chúa giáo) và cũng không cần có người giảng thuyết làm gạch nối liên giữa đạo và đời. Thờ ông bà xuất phát từ tâm thành của người sống, thế hệ sau, đối với người chết, thế hệ trước. Thờ thì phải có lễ và cúng bái, hành động biểu tỏ lòng tôn kính và nhớ thương.

Dân tộc Việt Nam chủ trương thờ ông bà là vì đã từ lâu hiểu rằng “Cây có cội, nước có nguồn”, ai ai cũng tưởng nhớ tới nguồn gốc sinh thành ra mình.

Cái “Tinh thần uống nước nhớ nguồn” đã khai triển sớm sủa trong một cửa bài học đầu tiên về “Học làm người, mở đầu cho những bài học giáo khoa luân lý và công dân giáo dục, được các học trò nhỏ đọc ra rả nơi lớp vở lòng dưới các mái trường xưa:

“Cây có gốc mới nở ngành xanh ngọn,

Nước có nguồn mới bể rộng sông sâu

Người ta có nguồn gốc từ đâu ?

Có cha mẹ rồi sau có mình”.

“Xét cái tục phụng tổ tiên của ta là rất thành kính, ấy cũng là một lòng bất vong bản, ấy cũng là nghĩa cử của con người” (theo Phan Kế Bính).

Vì là cây có gốc mới có ngành xanh ngọn, nước có nguồn mới bể rộng sông sâu, thì con người ta phải có tổ tiên mới có thể có mình được. Bỏ tổ tiên không thờ phụng tức là quên nguồn gốc, hướng chi ông bà là những người đã sinh dưỡng cha mẹ và là những người đã sinh dưỡng mình.

Những người theo đạo Thiên Chúa giáo, tuy không lập bàn thờ tổ tiên, nhưng không phải là những người không thờ phụng tổ tiên. Những ngày giỗ chạp họ vẫn làm cỗ và cầu nguyện cho người khuất, và việc không có bàn thờ tổ tiên chỉ là việc chuyển đổi bàn thờ tổ tiên đến bàn thờ Chúa, như vậy nghĩa là vẫn có sự thờ phụng tổ tiên qua bàn thờ Chúa.

Qua việc thờ phụng tổ tiên, tại Việt Nam, người khuất và người còn sống luôn luôn như có sự liên lạc mật thiết. Sự thờ cúng chính là môi trường gặp gỡ của thế giới hữu hình và vũ trụ linh thiêng.

Đối với người Việt Nam, chết chưa phải là hết hẳn, thể xác tuy chết nhưng linh hồn vẫn còn và vẫn hằng lui tới gia đình. Thể xác tiêu tan nhưng linh hồn bất diệt. Tục ta từ xưa lại tin rằng dương sao âm vậy, người sống cần gì, sống làm sao thì người chết cũng như vậy và cũng có một cuộc “Sống” ở cõi âm như cuộc sống của người trần trên dương thế. Nói khác đi, người chết cũng cần ăn uống tiêu pha, có nhà như người sống.

Tin như vậy, việc cúng lễ là cần thiết và việc thờ phụng tổ tiên không thể không có được.

Cổ tục cũng lại còn tin rằng vong hồn các người khuất thường luôn ngự trên bàn thờ để gần gũi con cháu, theo dõi con cháu trong công việc hàng ngày và giúp đỡ con cháu trong những trường hợp cần thiết.

Sự tin tưởng vong hồn ông bà cha mẹ ngự trên bàn thờ có ảnh hưởng nhiều đến hành động của người sống. Nhiều người vì sợ vong hồn cha mẹ buồn đã tránh những hành vi xấu xa, và đôi khi định làm một công việc gì cũng suy tính kỹ lưỡng, xem công việc đó lúc sinh thời cha mẹ có chấp nhận hay không. Người ta sợ mang tội bất hiếu nếu làm cho vong hồn cha mẹ phải tủi hổ qua hành động của mình.

Như vậy, ngôi nhà trong quá trình tồn tại ngoài công dụng làm nơi để ở, tiếp khách, thờ cúng tổ tiên và các sinh hoạt khác của gia đình... nó còn là nơi nuôi dưỡng tình cảm cá nhân của từng thành viên trong gia đình, dòng tộc. Giúp cho người có suy nghĩ và hành vi ứng xử tốt hơn với mọi người, làm cho quan hệ và trật tự xã hội ngày càng trở nên tốt đẹp hơn.

Vì vậy, đối với ngôi nhà cổ này (thuộc sở hữu bà Nguyễn Thị Lợi) tồn tại trên 100 năm, đã sử dụng qua nhiều thế hệ. Từ thời ông Nguyễn Văn Mạnh (1852-1932) là người đi lập nghiệp đã có công khởi dựng nên trên mảnh đất cù lao Long Khánh (nay thuộc xã Long Khánh A). Ông Mạnh và vợ là bà Võ Thị Kỳ (1855-1827) có với nhau 09 người con, tất cả đều có cuộc sống ổn định và kinh tế khá giả. Sau khi qua đời, ông để lại ngôi nhà này cho người con trai tên là Nguyễn Văn Chưởng (1904-1979) trông coi gìn giữ làm nơi sinh hoạt và thờ phụng. Kế tiếp, đến lượt ông Chưởng mất lại giao quyền thừa kế cho người con gái là bà Nguyễn Thị Lợi (chủ nhân hiện tại). Vì ông Chưởng và vợ là bà Trần Thị Niêm (1915-1996) chỉ có 02 người con, nhưng là gái. Do đó, quyền sở hữu thuộc về con gái. Hiện nay, ngôi nhà này là nơi thờ cúng tổ tiên và cư ngụ của bà Lợi cùng con trai là Nguyễn Văn Minh (sinh năm 1973).

Trải qua quá trình tồn tại lâu dài, ngôi nhà này đã là nơi sinh trưởng của nhiều thế hệ của tộc họ Nguyễn ở Long Khánh A. Họ cùng sinh ra và lớn lên dưới một mái nhà, nối tiếp thế hệ này đến thế hệ khác. Họ được nuôi dưỡng và giáo dục cùng một nếp từ cách thức ứng xử, tình cảm, nghi lễ truyền thống... đến những hoạt động sản xuất, phát triển kinh tế gia đình, đều được thế hệ đi trước truyền đạt lại cho thế hệ sau. Tiếp nối

truyền thống đạo lý gia đình của dân tộc Việt Nam góp phần gìn giữ những giá trị văn hoá tốt đẹp của ông cha.

Tình trạng bảo quản

Trải qua hàng trăm năm gió bão, nắng mưa, lũ lụt... ngôi nhà vẫn “Trơ gan cùng tuế nguyệt” và tồn tại với thời gian. Những thế hệ con cháu sống trong ngôi nhà này luôn có ý thức gìn giữ di sản của ông cha để lại, góp phần làm phong phú thêm những giá trị văn hoá truyền thống cho địa phương và cộng đồng. Kiến trúc nhà cổ là một trong những dấu tích để khẳng định lịch sử phát triển làng mạc và đời sống dân cư ở khu vực Nam bộ nói chung và ở tỉnh Đồng Tháp nói riêng.

Vật liệu của ngôi nhà này chủ yếu bằng gỗ, với yếu tố thời tiết có nhiều mưa lũ dễ làm cho chúng chóng hư hỏng. Vì thế rất nhiều nhà ở của dân cư nơi đây đã bị xuống cấp, hoặc cùng với những nguyên nhân khác mà những ngôi nhà ở thời kỳ này thất thoát rất nhiều.

Những ngôi nhà cổ còn lại trên địa bàn ta cũng như ngôi nhà cổ của bà Nguyễn Thị Lợi ở Long Khánh A là những di tích quý giá về kiến trúc nhà ở của lớp người tiên phong từ nhiều nơi đến đây lập nghiệp.

Với thời gian tồn tại khá dài, sự ảnh hưởng của thời tiết đã tác hại đến tuổi thọ của ngôi nhà. Một số bộ phận ở vách xung quanh, ván gỗ đã bị mối mọt đục khoét và nước mưa ngấm vào nên có dấu hiệu xuống cấp. Ngoài ra, ở rải rác một số bộ phận khác cũng có chung tình trạng như vậy, bộ phận đã chịu lực và chống lún ở các đầu cột, phần tiếp xúc với mặt đất cũng bị hư hỏng; các đồ án trang trí ở thành vòm nhiều chỗ đã bị bong sút, và mái ngói xiêu lệch. Đó là những biểu hiện của sự xuống cấp của ngôi nhà, nên rất cần sự quan tâm tu sửa của gia đình và xã hội để chung tay gìn giữ và bảo vệ ngôi nhà cổ này.

Giá trị lịch sử, văn hóa, nghệ thuật

Nhà cổ là một trong những di sản văn hoá về kiến trúc của cha ông để lại cho chúng ta, ngoài trách nhiệm gìn giữ, chúng ta cần nghiên cứu tìm hiểu những biểu hiện về lịch sử văn hoá nghệ thuật, tín ngưỡng... đã tồn tại song hành với di sản đó.

Theo đó, kiến trúc nhà ở được người xưa quan tâm về nhiều mặt, từ vị trí, luật phong thủy, tuổi tác... đến những nghi lễ truyền thống khi dựng nhà nhằm thể hiện ước vọng bình an, no đủ và hạnh phúc.

Ngày nay, những nghi lễ và tập tục này đã được đơn giản hoá để tiết kiệm thời giờ và hạn chế chi tiêu lãng phí.

Bên cạnh những nghi thức tồn tại trong khi dựng nhà của người xưa, mỗi ngôi nhà được dựng nên đều phản ánh nét kiến trúc, những giá trị về văn hoá, thị hiếu thẩm mỹ của chủ nhân ngôi nhà đó ở một thời điểm lịch sử nhất định.

Về kiến trúc ngôi nhà của bà Nguyễn Thị Lợi được cất theo dạng nhà xuyên trính, đó là một kiểu kết cấu nhà ở truyền thống của người Việt được lưu truyền theo cư dân đi khẩn hoang từ miền Trung vào. Kiểu kết cấu này có nhiều tính ưu việt, chắc chắn và vững chãi chịu đựng gió bão rất an toàn, diện tích sử dụng rộng rãi tiện ích trong sinh hoạt... đã nhanh chóng được cư dân vùng đồng bằng sông Cửu Long tiếp nhận và ứng dụng linh hoạt vào việc xây dựng nhà ở.

Những nét trang trí ở ngôi nhà này rất tỉ mỉ, tinh xảo được thực hiện bởi đôi tay người nghệ sĩ dân gian tài hoa, dùng kỹ thuật chạm nổi, chạm lõng thể hiện các đề tài thiên nhiên gần gũi với cuộc sống con người. Qua đó, chủ gia muốn gửi gắm tâm tư nguyện vọng của mình cầu mong phúc lộc vào nhà, cuộc sống an lành và thịnh vượng. Đồng thời, với các đồ án trang trí ở ngôi nhà này cho chúng ta hiểu biết thêm về lịch sử phát triển của mỹ thuật điêu khắc gỗ thời Nguyễn với phong cách thể hiện đề tài trang trí theo hình thức ô học, dùng kỹ thuật chạm lõng, chạm bông kênh...

Ngôi nhà của bà Nguyễn Thị Lợi còn là niềm tự hào của con cháu trong dòng tộc về thế hệ ông cha những người tiên phong đi khẩn hoang dựng nên cơ nghiệp, giúp cho họ có nơi ăn chốn ở, cuộc sống ổn định. Ngôi nhà hiện nay được dùng làm nơi thờ cúng tổ tiên, con cháu hội tụ sum họp hàn gắn tình thân tộc mỗi khi có dịp lễ bái của gia tộc. Mọi người đoàn kết thương yêu đùm bọc lẫn nhau góp phần gìn giữ truyền thống đạo lý gia đình của dân tộc.

Hướng bảo tồn

Long Khánh là vùng đất thiên nhiên ưu đãi, khí hậu hiền hoà, cảnh vật xanh tươi... đời sống con người yên vui thoải mái. Mọi người cùng chung tay lao động sản xuất tạo ra sản phẩm cho cuộc sống no đủ và xã hội phát triển. Kế tục truyền thống xây dựng và gìn giữ những giá trị văn hoá vật chất và tinh thần của lớp người đi trước để lại, phát triển làng nghề truyền thống (nghề ương nuôi cá da trơn ở đây rất phát triển, có thể hiểu đó là sự kế tục và phát triển của nghề “Ghe rôi” – khai thác cá tự nhiên của lớp người đầu tiên đến đây sinh sống); văn hoá tín ngưỡng lành mạnh (sinh hoạt lễ hội đình làng); thờ cúng tổ tiên. Đó là những hoạt động gắn liền với đời sống của cư dân nơi đây. Bên cạnh đó, những ngôi nhà đầu tiên họ dựng lên được xem là “Cái nôi” đánh dấu sự ổn định và phát triển của lớp cư dân đi lập nghiệp. Tuy nhiên, trong quá trình tồn tại, những ngôi nhà này (trong đó có ngôi nhà của bà Nguyễn Thị Lợi) ngoài yếu tố thời gian, môi trường, khí hậu và con người cũng là hai tác nhân khách quan và chủ quan dẫn đến sự xuống cấp và thất thoát nhà cổ. Ngôi nhà của bà

Nguyễn Thị Lợi là một trong số ít ngôi nhà ở Long Khánh A còn sót lại cho đến ngày hôm nay, một di sản của tiền nhân để lại, nó không chỉ có ý nghĩa đối với những người trong gia tộc, mà còn là tài sản chung của cộng đồng. Chủ nhân ngôi nhà này là người có trách nhiệm thờ cúng tổ tiên. Thế nhưng trong lòng họ canh cánh nỗi lo. Để giữ được ngôi nhà cổ này, không chỉ cần sự tuyên truyền, vận động của các cấp chính quyền mà nên chăng, Nhà nước cần hỗ trợ một phần kinh phí giúp dân trùng tu, bảo quản để giữ được nếp nhà, giữ được lối kiến trúc độc đáo, giữ được hồn quê.

III. Một số công trình phụ trợ

III.1. Bến sông (bến và cầu)

Trước đây, ở những thập niên đầu thế kỷ XX, chúng ta nghe những cụ cao niên thường nói đến cụm từ “Trăm ngang, ngàn dọc” là nói đến kích thước một “Dây đất” mà lệ làng qui định cho những người đến sau khẩn đất hoang. Tính từ bờ sông (rạch) kéo dài ra phía sau ở khu vực khai khẩn đó. Như vậy, một hộ nhà xưa có bến sông dài chỉ ít cũng là 100m, chưa kể những nhà giàu, sang nhượng được nhiều dây đất liền kề, có khi họ sở hữu chiều dọc bến sông dài hàng mấy cây số. Do vậy, ở khu vực bờ sông phía trước nhà, họ xây bờ kè và làm cầu bến rất rộng rãi tương xứng với bề thế gia đình họ. Mặt khác, vì ngày xưa, đường vận chuyển chủ yếu là đường thủy, nên những điền chủ có nhiều ruộng lúa, sử dụng bến sông rộng, cũng nhằm để thuận tiện cho việc vận chuyển lúa các nơi về nhà neo đậu vào mùa thu hoạch mà không làm cản trở lưu thông của người khác.

III.2. Nhà mát



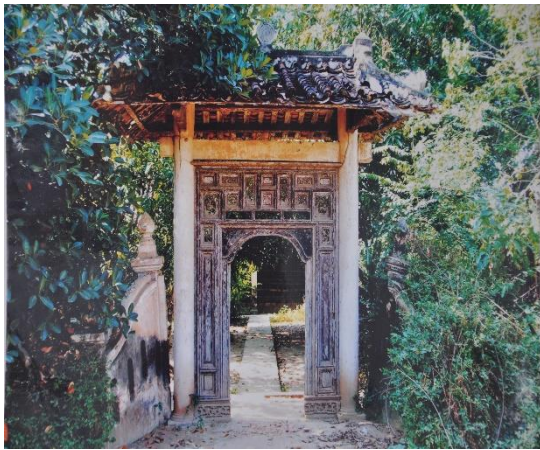
Nhà mát, còn gọi là nhà thủy tạ, cất trên bến sông trước cửa nhà. Được cất gie ra phía sông, bắc cầu nối có mái che dẫn ra, cầu có lan can song chắn hai bên. Nhà cất trên những cọc gỗ cắm xe, hình chữ nhật, hình vuông, hay lục giác ... vách để trống, mái lợp ngói âm dương (đối với những nhà xưa, còn với những nhà cất

gần cuối thế kỷ XX thì lợp ngói vảy cá (ngói móc), ngói Biên Hòa hay đồ nóc bằng

xây cột bê tông v.v). Nhà mát chỉ có ở một số nhà giàu, có “Thanh thế” trong vùng. Nhà mát để hóng gió vào trưa hè oi bức, hay ngồi thư giãn những lúc chiều tà, đàm đạo với những “Đồng liêu” đón gió, khi con nước lớn ròng... hoặc để đứng điều động chỉ huy người làm khuôn vác, vận chuyển, kiểm, điểm hàng hóa khi lên, xuống bến v.v.

Khi xưa, việc đi lại chủ yếu chủ yếu bằng phương tiện thủy, những chủ nhà giàu, trong nhà thường có người “Ở đợ”, khi gia chủ đi công việc, quần áo chỉnh tề, tay tráp, tay gậy xuống bến sông đợi ở nhà mát, chờ người ăn kẻ ở, tùy từng mang phương tiện ghe, tàu đến rước... và đó còn là hình thức “Khoe mẽ” sự sang trọng của mình với hàng xóm láng giềng...theo kiểu “Trưởng giả học làm sang”...

III.3.Cổng và hàng rào



Cổng nhà kiến trúc Việt



Cổng nhà kiến trúc Pháp

Qua khảo sát nhà trên đại bàn tỉnh Đồng Tháp thấy đa số cổng nhà có vẻ tạm bợ, chỉ là hai trụ bằng cây gòn, tre gai, một số ít là trụ bê tông v.v. không lấy gì làm chắc chắn và thường không có cánh cửa, cổng chỉ mang tính đại khái như là một lối đi, vì hàng rào chỉ là những bờ dâm bụt, xương rồng, mai chiếu thủy, mai vàng, rặng tre, cây lữ hùm, rào vĩ tre v.v. cổng và rào mang tính hình thức, trang trí làm đẹp thêm khuôn viên ngôi nhà chứ ít chú trọng tác dụng ngăn trộm cắp. Qua đó, cho thấy thời xưa, tình láng giềng rất chan hòa, thắm đậm, đùm bọc lẫn nhau...

Tuy nhiên, đối với một số nhà giàu, “Kính cổng cao tường” cũng có cổng và rào kiên cố, chắc chắn và cầu kỳ.

Ở những ngôi nhà cổ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp hiện nay còn tồn tại một số hình thức cổng sau:

Cổng có mái che lợp ngói âm dương, mang phong cách truyền thống (nhà bà Nguyễn Thị Kính, xã Định Yên, huyện Lấp Vò): khung gỗ lọng hình vòm, trang trí theo hình thức ô hộc cân đối. Hai trụ đỡ và cánh gà hai bên bằng bê tông, trên gờ nóc mái của

cổng có gắn hình bát quái ngậm ý trấn yểm, ngăn chặn những ô uế hoặc điều xấu vào nhà làm ảnh hưởng không tốt đến cuộc sống của họ.

Cổng nhà kiểu biệt thự (nhà ông Nguyễn Thành Giung (phường 4, thành phố Sa Đéc): mang phong cách kiến trúc phương Tây, hiện đại, vật liệu bằng bê tông, cốt thép. Trụ cửa chính xây cao to hình khối vuông, trên đầu trụ hơi vuốt nhọn góc, cạnh, phía trên cùng gắn đèn hình trái châu; cửa có dạng thượng song hạ bản, những thanh sắt to, đặc, bền, chắc. Khung chắn phía trên cửa hoa văn bằng những thanh sắt lá uốn lượn hình sóng cuộn từ thấp lên cao, tạo cảm giác thanh thoát vút lên cao cho cổng nhà.

Hàng rào thưa, được liên kết bằng nhiều vòng tròn xây bê tông, chính giữa vòng tròn có một thanh song mảnh, đứng nhô lên. Rào chia nhiều khoảng, xây dọc theo lộ, ngăn cách sân và lộ, rào bố trí cân đối hai bên trụ cổng chính, mỗi khoảng xây một trụ bê tông nhỏ, trên đầu trụ trang trí đèn nhằm để tăng thêm vẻ đẹp hơn là công dụng thấp sáng...

Và một dạng cổng rào khác, cũng bằng vật liệu hiện đại (nhà ông Trần Phú Cường, phường 2, thành phố Sa Đéc), đây là một dạng cổng – rào có sự giao thoa về phong cách kiến trúc Đông – Tây, có dạng thượng song hạ bản.

Cổng theo phong cách phương Tây, trụ cổng (theo phong cách Pháp – Hoa) xây cao, mặt ngoài trụ đắp nhiều mảng phù điêu nhô ra, trên đầu trụ gắn đèn lồng kiếng viết chữ Hán. Cửa sắt, vẫn là kiểu thượng song hạ bản, trên đầu mỗi cánh và khung cửa (hình vòm) kiểu hoa văn uốn lượn theo phong cách phương Tây.

Rào tuy dùng vật liệu kiên cố, hiện đại, nhưng được thực hiện theo phong cách truyền thống, thượng song hạ bản (bản - xây gạch, song - sắt tròn, đặc). Song rào có kích thước cao, được liên kết hai đoạn thanh sắt ngang trên và dưới để giữ rào chắc chắn, trên đầu rào, mỗi khoản song hàn thêm vòng chữ C nhọn, ngược lên để phòng người bên ngoài leo trèo vào. Cổng và rào ngôi nhà này dù tồn tại gần một trăm năm (xây dựng năm 1921) nhưng vẫn còn rất chắc chắn.

III.4.Sân nhà

Là khoảng không gian trước nhà. Xưa, đất rộng, nên nhà ở nông thôn thường dành một khoảng sân rộng, để phơi nông sản sau khi thu hoạch hoặc dùng làm nơi tổ chức cưới, giỗ... (xưa, ít khi đặt tiệc ở nhà hàng như ngày nay).

Đặc biệt, những nhà nhà có ruộng lúa nhiều, sân còn nơi chứa lúa bông sau khi gặt (lúa mùa - một năm chỉ có một vụ), trâu cộ về chắt một bên, sau đó banh ra từng bả để trâu đập và phơi lúa. Có nhà còn dành thêm vài bãi đất trống có thể ở sau nhà hoặc bên hông, mới đủ chỗ chắt lúa trong mùa thu hoạch. Thậm chí sân còn có mái che, để phơi, đập nông sản khi vào mùa mưa bão.

Ở những nhà như: hội đồng, địa chủ, bá hộ giàu có, sân rất rộng lớn, còn được gắn trụ đèn trang trí và thắp sáng để người ăn kẻ ở làm việc vào ban đêm khi vụ mùa thu hoạch cần kíp. Ở những nhà như: hội đồng, địa chủ, bá hộ giàu có, sân rất rộng lớn, còn được gắn trụ đèn trang trí và thắp sáng để người ăn kẻ ở làm việc vào ban đêm khi vụ mùa thu hoạch cần kíp.

Tác giả Tô Phục Hưng đã nhớ về ký ức Nhớ thời đập lúa xưa: “Đã hơn bốn mươi năm rồi mà hình ảnh đập lúa ngày xưa vẫn đeo đẳng trong ký ức của tôi. Hồi đó quê tôi (Bến Tre) chỉ làm mỗi năm một vụ lúa mùa. Gieo mạ, sạ, cấy, dặm, gặt lúa đều dùng sức người với hình thức quen thuộc “Vạn vắn đôi công”. Thu hoạch xong, lúa chất từng bó ngoài đồng cho khô, người nghèo thường căng manh bò trên mặt ruộng để đập lúa bằng tay. Người khá giả cộ lúa về nhà bằng trâu, bò, kẻ cả thuê người gánh lúa về bằng đòn xóc

Lũ trẻ chúng tôi thường lân la quanh các bãi trâu, bò đập lúa để nghe chú nài tha hồ hò hét “... Ví, thá...”. Từng đôi trâu hay bò bị “Khớp” miệng bằng chiếc sọt tre để khỏi “tranh thủ” cúi xuống ăn rom, rạ. Có nơi hiếm hơi thì chỉ dùng một con trâu, bò để đập lúa. Chúng to, khỏe, khá nặng ký để đập lúa mau rồi khỏi bó lúa được chất hình tròn, đập từ ngoài vào trong. Khi nào thấy lúa không còn dính vào rom thì người điều khiển cho dừng lại và thay vào những bó lúa mới. Lúc này trâu, bò được nghỉ “giải lao”. Khi hết mẻ lúa, người ta dừng lại để hốt lúa vào bao, sau đó mang ra nơi có gió mạnh để giê lấy lúa chắc. Rom được chất thành cây cao nghệu, đẹp mắt, có khi phải dùng thang tre mới chất hết do lượng rom khá nhiều. Sân để đập lúa thường làm bằng đất “thịt” được chủ nhà cào bằng bóng láng và nện rất chắc. Thường thì chủ nhà trả công cho người có trâu bò bằng lúa theo sự thỏa thuận của đôi bên.

Chúng tôi lúc nhỏ thường tụ tập xung quanh bãi đập lúa để “mót” lúa lép về cho gà vịt ăn. Lũ trẻ cũng lấy nơi này làm chỗ chơi bắn cu li, nhảy lò cò, bông vụ, chơi banh chuyền dừa, đánh đáo, đánh “trông”... Vui nhất là những đêm trăng sáng, làng quê tôi đầy rẫy sân đập lúa thâu đêm. Khi ấy, người lớn tuổi uống trà hay khè khà ly rượu để kể chuyện đời xưa, hoặc đờn ca tài tử. Phụ nữ thì nấu bánh tét, bánh ú, bánh ít, bánh canh phục vụ cánh đàn ông đang say sưa làm việc.

Thời đại @ rồi. Bây giờ gieo sạ, cấy, gặt, suốt lúa đều được cơ giới hoá và làm ngay trên đồng ruộng. Có cả máy gặt đập liên hợp “Công suất” bằng cả trăm lao động sức người. Mừng. Nhưng cứ buồn buồn khi thoáng bắt chợt bắt gặp hình ảnh đập lúa xưa trên phim ảnh, trong sách vở, qua lời kể người xưa. Nhớ lắm những chú trâu, bò to mòng, hiền lành lao động giúp người làm nên hạt lúa. Nhớ tiếng hò “... Ví, thá...”,

nhớ tiếng rống hừm hừm quen thuộc đượm chất hồn quê. Nhớ những đêm trăng huyền diệu chờ đầy tuổi thơ trong trăng hồn nhiên”⁶¹

III.5.Lẫm lúa:

Theo Từ điển Tiếng Việt, 2005, nhà xuất Văn hóa Thông tin⁶² từ: “Lẫm” có các nghĩa: Kho chứa lúa gạo, chứa đựng, cấp phát lương thực.

Qua nghĩa trong Từ điển, chúng ta biết được rằng, “Lẫm” trong từ “Lẫm lúa” là ý chỉ nơi chứa lúa, kho lúa. Và chúng ta cũng biết được rằng trong vở tuồng cải lương: “Tiếng hò sông Hậu” nhân vật Thừa do nghệ sĩ Giang Châu thủ vai, có đoạn cao trào khi má Tư Hậu (mẹ Chơn – em kết nghĩa Thừa) bị bắt, thì Thừa xách mác đòi đi giết làng lính đốt: Nhà lầu - lẫm lúa của Hội đồng Dư (nhân vật trong vở diễn do Nghệ sĩ nhân dân Diệp Lang đóng) là một dẫn chứng cụ thể.

Như vậy, trong thực tế, ở Nam bộ nói chung, Đồng Tháp nói riêng, xưa kia là vùng đất phì nhiêu được mệnh danh: “Trên cơm, dưới cá”. Là vựa lúa của cả nước ở đồng bằng sông Cửu Long, nơi tập trung nhiều điền chủ, địa chủ lớn, Hội đồng... sở hữu trong tay hàng nghìn mẫu ruộng. Hàng năm đến mùa thu hoạch và tía điền nộp tô hàng vạn, hàng triệu gia lúa phải cắt lẫm lúa để trữ, chờ thương lái đến mua chở đi các nơi Sài Gòn, Nam Vang v.v.

Ở Đồng Tháp đa số các nhà giàu, những ngôi nhà cổ còn tồn tại đến nay, xưa kia đều có lẫm lúa, đến nay vẫn còn dấu vết như: nhà bà Nguyễn Thị Hai (hậu duệ Tuyên Trung Hầu), xã Tân Thuận Tây, thành phố Cao Lãnh, Lê Minh Tôn (nhà Hội đồng Mỹ), xã Tân Bình, huyện Châu Thành, Nguyễn Công Ích (chánh bái đình Định Yên), xã Định Yên, huyện Lấp Vò v.v. mỗi gia đình sở hữu từ một đến nhiều lẫm lúa.

Lẫm lúa cũng được cất kiên cố bằng gỗ chắc chắn, nền tôn cao như nền nhà, mái lợp ngói âm dương, bên ngoài có nhiều đồ ngang tạo thành khung sườn chắc chắn, vách đóng ván ngang (vách bồ kho) liền khít để giữ cho lẫm lúa khỏi bị bung sạt, đổ lúa ra ngoài. Tùy vào số lượng ruộng canh tác và số lúa thu vào hàng năm mà từng gia đình cất một hay nhiều lẫm lúa, có diện tích lớn hay nhỏ để chứa lúa cho phù hợp. Còn những nhà ít ruộng hơn thì chứa lúa ví bò công đôi công ba... và hiện nay, những cách trữ lúa này dần dần không còn nữa, vì lúa thu hoạch xong thương lái đến tận ruộng mua chở đến lò xay và xay sát ngay hoặc có trữ thì cũng dùng bao bì để tiện lợi trong việc vận chuyển, chất vào những kho của doanh nghiệp kinh doanh lúa, gạo lớn hơn ngày xưa gấp nhiều lần.

III.6.Bình phong

⁶¹ Tô Phục Hưng, Nhớ thời đập lúa xưa

⁶²Ban biên soạn Từ Điển: NEW ERA,Từ điển Tiếng Việt, 2005, Nxb Văn hóa Thông tin⁶²

Trong không gian kiến trúc ngôi nhà truyền thống Việt thường ít khi thiếu vắng chiếc bình phong. Di vật này được dựng ngoài sân ở phía trước nhà với đủ kiểu dáng, có khi được đặt trong nhà với kích thước vừa phải, ngay sau cửa chính, hoặc có khi kết hợp cả hai, nó rất gần gũi nhưng từ trước đến nay chưa được tìm hiểu thấu đáo.

Nguồn gốc bình phong có từ bao giờ? Thật khó trả lời chính xác, chỉ biết rằng, ở phương Đông, từ khi con người biết xây dựng nhà cửa thì các quan niệm về phong thủy cũng dần dần xuất hiện và từng bước hoàn thiện; chiếc bình phong ra đời cũng từ các nguyên lý của phong thủy học.

Theo các nhà nghiên cứu phong thủy học Trung Quốc, việc sử dụng bình phong cho gia trạch cũng như mộ phần bắt nguồn từ lý thuyết triều và án.

Triều có nghĩa là “Hướng về, quay về” viết tắt của chữ triều sơn, tức chỉ núi quay về, châu về nhà cửa hay mộ phần – tựa như sự đối ứng giữa chủ và khách. Núi châu về trong nghĩa triều sơn chỉ những ngọn núi ở phía xa và trước mặt. Triều sơn có nhiều loại, có loại đỉnh nhọn, đỉnh tròn, đỉnh bằng... trong phong thủy chỉ chọn loại tròn đều hay bằng phẳng, bởi rằng những núi nhọn, hay có góc cạnh thường phát ra khí chẳng lành.

Còn án vốn nguyên có nghĩa gốc là cái bàn, bàn đương nhiên là đặt trước mặt người ngồi. Án sơn là để chỉ ngọn núi nhỏ ở phía trước gia trạch hay mộ phần.

Nói chung triều và án hết sức cần thiết cho gia trạch và mộ phần. Tác dụng của nó là ngăn cản những ảnh hưởng xấu (theo quan niệm dân gian) hay hỏa khí (theo thuyết âm dương ngũ hành) xâm nhập trực diện từ phía trước. Nhưng không phải lúc nào triều và án cũng mang lại những điều tốt lành mà đòi hỏi có sự lựa chọn phù hợp nhưng việc lựa chọn này hoàn toàn không dễ dàng.

Thuở ban đầu, bình phong được làm rất đơn giản, bằng các vật liệu dễ kiếm như tre, gỗ, phiến đá, thậm chí bụi cây cũng được. Nhưng càng về sau, bình phong ngày càng được chú trọng làm bằng vật liệu bền vững như xây gạch, đắp đá; hình thức của bình phong cũng ngày càng kỳ và phong phú.

Lĩnh vực này, người Việt vốn chịu ảnh hưởng của văn hóa và học thuyết phong thủy Trung Hoa, nên cũng từ rất sớm, chiếc bình phong đã trở thành một bộ phận trong ngôi nhà của họ. Người Việt đã phát triển quan niệm về chiếc bình phong để nó trở nên phong phú, đa dạng lên nhiều theo phong cách của mình.

Và bình phong có hai loại: ngoại án và nội án.

III.6.1.Ngoại án



Ngoại án

Khi nói về ngoại án thường là chỉ những ngọn núi tự nhiên hoặc nhân tạo đối với những công trình lớn. Còn những cụm công trình hoặc công trình nhỏ thường được dựng bằng một bức bình phong bằng gạch, đá, hoặc có thể là một bờ rào, hàng cây v.v

Đối với loại bình phong được xây cẩn thận bằng gạch đá, ngoài yếu tố phong thủy, còn là công trình mang ý nghĩa trang trí thật sự, tuy chỉ là một bức tường xây ngang, nhưng kiểu dáng và trang trí vô cùng phong phú và phổ biến nhất là kiểu cuốn thư, nhưng cũng có rất nhiều biến thể. Các đề tài trang trí bình phong cũng đa dạng, phổ biến nhất vẫn là những con vật trong tứ linh như: long, lân, qui, phụng. Tại các bình phong đình làng, am, miếu còn có các hình tượng long mã hay hổ cũng được sử dụng rất nhiều.⁶³

Còn qua khảo sát thực tế ngoại án nhà cổ Đồng Tháp, chỉ thấy những dạng biến thể đơn giản ít trang trí, ở những nhà xây tường, mở cửa chính ở giữa, phía trước đó người ta xây chắn ngang một lối đi rộng khoảng 2m, có bậc tam cấp hai bên, phía ngoài gắn hàng song con tiện, hạn chế tầm nhìn trực tiếp từ ngoài vào trong nhà. Đôi khi có nhà còn xây phía trước ngoại án hồ phun nước hoặc đặt bàn thông thiên, hay trồng hoa kiểng để che tầm nhìn từ bên ngoài vào.

III.6.2. Nội án

Nội án chiếc bình phong đặt bên trong công trình, sau cửa chính. Dù có kiểu dáng, hình thức rất phong phú nhưng chúng thường là loại bình phong có thể di chuyển được. Chất liệu làm các loại bình phong này cũng rất đa dạng: Bằng gỗ, mây, tre, bằng đá hoặc kết hợp với gỗ, bằng đồng, bạc v.v nhưng có thể nói chất liệu gỗ là loại được sử dụng phổ biến hơn cả. Hầu hết bình phong nội án đều được trang trí công

⁶³ Cục Di sản văn hóa, 2005, Một con đường tiếp cận di sản văn hóa, Nxb Thế giới.

phu và có giá trị nghệ thuật cao. Bình phong nội án cũng được chia làm hai loại: Loại bình phong một tấm có chân cố định và loại bình phong nhiều tấm rời ghép thành.

Loại bình phong một tấm cố định phổ biến là kiểu cuốn thư, được làm chắc chắn có chân cố định, khi di chuyển phải di chuyển nguyên tấm, còn loại bình phong ghép nhiều tấm rời thường có hình chữ nhật hoặc vuông do 6, 8 hay 10 tấm ghép lại với nhau bằng bản lề.

Theo phong thủy, về tác dụng của bình phong (kể cả nội án và ngoại án) đều nhằm cản bớt hỏa khí quá mạnh vào nhà gây hại đến chủ nhân. Phong thủy căn cứ vào thuyết ngũ hành

cho rằng, phía trước công trình thuộc Hỏa (phía Nam); bên phải công trình là Kim (phía Tây), tượng trưng cho chủ nhân; bên trái thuộc Mộc (phía Đông), tượng trưng thế, tài (vợ, tiền *Nội án*



tài); phía sau thuộc Thủy (phía Bắc), tượng trưng tử, tôn (con, cháu); còn trung ương thuộc Thổ. Qui định này cũng dễ hiểu vì vốn xưa, nhà được đắp bằng đất (Thổ); mà sinh ra chủ (Kim), chủ sinh ra con cháu (Thủy) và điều khiển vợ, người làm (Mộc). Ngũ hành tương sinh hay tương khắc tùy thuộc khi ta đặt công trình vào các hướng cụ thể của thiên nhiên. Nếu mặt trước công trình về hướng Nam (đây là hướng được người Việt yêu thích nhất khi làm nhà: “Lấy vợ hiền hòa, làm nhà hướng Nam” thì hỏa khí càng thêm vượng, dễ gây tổn hại cho chủ nhân nên mới đặt bình phong để ngăn chặn.⁶⁴

⁶⁴⁶⁴ Cục Di sản văn hóa, 2005, Một con đường tiếp cận di sản văn hóa, Nxb Thế giới.

IV. Số liệu điều tra: Thực hiện ở những địa phương còn nhà cổ tồn tại (chỉ thống kê nhà có niên đại từ 90 năm trở lên)

IV.1. Huyện Châu Thành

ST T	Chủ hộ	Địa chỉ	Niên đại	Loại nhà	Kiểu nhà	Ghi chú
01	Nguyễn Thị Đức	637, tổ 5, ấp An Thạnh, xã An Hiệp	Trên 90 năm	Nền gạch	Chữ đình	
02	Huỳnh Ngọc Lê	787, tổ 5, ấp An Thạnh, xã An Hiệp	1825	Nền gạch	Ba gian, chữ nhị	
03	Khúc Văn Thêm	794, ấp An Thạnh, xã An Hiệp	Trên 100 năm	Nền gạch	Ba gian, chữ đình	
04	Trương Văn Giàu	159, tổ 14, ấp An Thạnh, xã An Hiệp	1923	Nền gạch	Ba gian	
05	Võ Văn Hùng	140, tổ 16, ấp An Thạnh, xã An Hiệp	Trên 100 năm	Nền gạch, gác gỗ	Biệt thự	
06	Lê Minh Tồn	377, tổ 16, ấp Tây, xã Tân Bình	Trên 100 năm	Nền gạch	Ba gian, 2 chái bát dền, chữ đình	
07	Lê Quang Hành	21, tổ 1 ấp Tây, xã Tân Bình	Trên 100 năm	Nền gạch	Chái chữ đình	
08	Huỳnh Công Nguyễn	124, ấp Phú An, xã Tân Bình	Trên 100 năm	Nền gạch	Ba gian	
09	Lưu Tuyết Nga	158 ấp Phú Mỹ Hiệp, thị trấn Cái Tàu Hạ	Trên 100 năm	Nền gạch, gác	Biệt thự	
10	Dương Quang Đức	138 ấp Phú Mỹ Hiệp, thị trấn Cái Tàu Hạ	1926	Nền gạch	Ba gian	
11	Phạm Thị	78 Trần Trung Sĩ, ấp Phú Mỹ, thị trấn	1915	Nền	Ba gian, 2 chái bát	

	Thơ	Cái Tàu Hạ		gạch	dần	
12	Tạ Văn Trường	310, tổ 11, ấp Phú Hoà, thị trấn Cái Tàu Hạ	1913	Nền gạch	Ba gian, 2 chái bát dần	

IV.2. Huyện Lấp Vò

STT	Chủ hộ	Địa chỉ	Niên đại	Loại nhà	Kiểu nhà
01	Huỳnh Phước Dũng	51 ấp An Khương, xã Định Yên	Trên 90 năm	Nền gạch	Ba gian, 2 chái
02	Nguyễn Thị Kinh	90, ấp An Khương, xã Định yên	Trên 100 năm	Nền gạch	Ba gian, 2 chái chữ đình
03	Nguyễn Công Ích	236, ấp An Lợi B, xã Định Yên	Trên 100 năm	Nền gạch	Ba gian, 2 chái chữ đình
04	Phạm Thị Ngọc	237 ấp An Lợi B, xã Định Yên	Trên 90 năm	Nền gạch	Ba gian, 2 chái
05	Nguyễn Chánh Tâm	346, ấp An Ninh, xã Định An	1926	Nền gạch	Ba gian, 2 chái
06	Nguyễn Kim Sơn	703, ấp An Hoà, xã Định An	Trên 90 năm	Nền gạch	Ba gian, 2 chái
07	Lê Tấn Nhã	16, ấp Bình An, xã Bình Thành	1895	Nền gạch	Ba gian, 2 chái

IV.3. Huyện Hồng Ngự

ST T	Chủ hộ	Địa chỉ	Niên đại	Loại nhà	Kiểu nhà	Ghi chú
01	Huỳnh Thị Liếng	256, tổ 9, ấp Long Thái, xã Long Khánh B	1919	Nền gạch	Ba gian	
02	Võ Văn Tầng	322, tổ 8, ấp Long Châu, xã Long Khánh B	90 năm	Nền gạch	Ba gian	

03	Võ Văn Út	205, tổ 6, ấp Long Thạnh B, xã Long Khánh A	Khoảng 100 năm	Nhà sàn	Ba gian	
04	Nguyễn Thị Lợi	173, tổ 5, ấp Long Thạnh B, xã Long Khánh A	110 năm	Nhà sàn, nền gạch	Ba gian	
05	Bùi Thiện Võ	170, tổ 5 ấp Long Thạnh B, xã Long Khánh A	Trên 90 năm	Nền gạch	Ba gian, 2 chái	
06	Lê Phát Vĩnh	52, tổ 2, ấp Long Thạnh B, xã Long Khánh A	90 năm	Nền gạch, nhà sàn	Ba gian, chữ nhị	
07	Võ Thị Miếng	51, tổ 2, ấp Long Thạnh B, xã Long Khánh A	1924	Nền gạch, ván gỗ	Ba gian, chữ nhị	
08	Lê Văn Mềm	210, tổ 7, ấp Long Thạnh B, xã Long Khánh A	1928	Nền gạch	Ba gian, chữ nhị	
09	Nguyễn Văn Út	273, tổ 7, ấp Long Phước, xã Long Khánh A	1914	Nền gạch	Ba gian, chữ nhị	
10	Phan Khắc Vũ	274, tổ 10, ấp Long Hậu, xã Long Khánh A	90 năm	Nền gạch	Ba gian	
11	Nguyễn Văn My	339, tổ 10, ấp Long Thạnh B, xã Long Khánh A	1924	Nền gạch, sàn gỗ	Ba gian, 2 chái chữ nhị	
12	Lê Thị Kiệt	165, tổ 6, ấp Long Hữu, xã Long Khánh A	1915	Nền gạch	Ba gian, 2 chái	
13	Nguyễn Tấn Tài	477, tổ 12, ấp Long Hữu, xã Long Khánh A	1920	Nền gạch	Ba gian	

14	Khuong Thị Tuyết Nga	777, tổ 32, ấp Long Hưng, xã Long Thuận	1908	Nền gạch	Ba gian, 2 chái	
15	Nguyễn Văn Hon	637, tổ 26, ấp Long Hưng, xã Long Thuận	Trên 100 năm	Nền gạch, sàn gỗ	Ba gian	
16	Trần Thị Lê	639, tổ 26, ấp Long Hưng, xã Long Thuận	1926	Nền gạch	Ba gian, 2 chái	
17	Lê Thành kiệt	542, ấp Phú Hoà B, xã Phú Thuận A	Trên 90 năm	Nền gạch	Ba gian, chữ đình	
18	Trịnh Văn Hoàng	527, tổ 18, ấp Phú Thạnh A, xã Phú Thuận A	1926	Nền gạch	Ba gian, chữ nhị	
19	Nguyễn Văn Nhĩ	559, tổ 19, ấp Phú Thạnh A, xã Phú Thuận A	Trên 90 năm	Nền gạch	Ba gian, 2 chái bát dền	
20	Lê Văn Ghi	619, tổ 20, ấp Phú Thạnh A, xã Phú Thuận A	Trên 90 năm	Nền đất	Ba gian, chữ đình	
21	Đỗ Văn Dận	365, tổ 13, ấp Phú Thạnh B, xã Phú Thuận A	Trên 90 năm	Nhà sàn	Ba gian, 2 chái bát dền	Quy ền 2
22	Nguyễn Bạch Nhựt	616, tổ 21, ấp Phú Thạnh B, xã Phú Thuận A	1928	Nền gạch	Ba gian, 2 chái chữ đình	
23	Hồ Văn Lọng	107, tổ 6, ấp Phú Lợi A, xã Phú Thuận B	1925	Nền gạch	Ba gian	
24	Bùi Văn Nghiêm	1114, tổ 56, ấp Phú Lợi B, xã Phú Thuận B	Trên 90 năm	Nền gạch, sàn gỗ	Ba gian	

IV.4. Huyện Lai Vung

STT	Chủ hộ	Địa chỉ	Niên đại	Loại nhà	Kiểu nhà	Ghi chú
01	Võ Văn Thưởng	29/5, ấp Hoà Khánh, xã Vĩnh Thới	Trên 100 năm	Nền gạch	Ba gian, chữ nhị	
02	Nguyễn Văn Phương	312, ấp Hoà Khánh, xã Vĩnh Thới	1925	Nền gạch	Ba gian	
03	Lê Hoàng Long	349, ấp Hoà Khánh, xã Vĩnh Thới	1925	Nền gạch	Ba gian, 2 chái nát dần	
04	Dương Hữu Học	475/5, ấp Hoà Khánh, xã Vĩnh Thới	Trên 100 năm	Nền gạch	Ba gian, 2 chái nát dần	
05	Nguyễn Văn Út	388, ấp Long Khánh, xã Long Hậu	100 năm	Nền gạch	Ba gian, 2 chái nát dần	
06	Phan Thanh Huy	Ấp Long Hưng 2, xã Long Hậu	Trên 100 năm	Nền gạch	Ba gian	
07	Trần Văn Lù	95 ấp Tân Khánh, xã Tân Thành	100 năm	Nền gạch	Ba gian	
08	Nguyễn Văn Hiếu	614, ấp Tân An, xã Tân Thành	Trên 100 năm	Nền gạch	Ba gian	
09	Nguyễn Thị Ba	464/1, ấp Tân Lợi, xã Phong Hoà	Trên 100 năm	Nền gạch	Ba gian, 2 chái chữ nhị	
10	Lê Quang Hồng	458/1, Tổ 14, ấp Tân Lợi, xã Phong Hoà	Trên 100 năm	Nền gạch	Ba gian chữ đỉnh	

IV.5. Thành phố Cao Lãnh

STT	Chủ hộ	Địa chỉ	Niên đại	Loại nhà	Kiểu nhà	Ghi chú
01	Nguyễn Quốc Khương	524, ấp Tịnh Mỹ, xã Tịnh Thới	100 năm	Nhà sàn	Ba gian, 2 chái bát dần	
02	Lê Hữu Hưởng	781/13 Phạm Hữu Lầu, tổ 9 K1, phường 6	Trên 100 năm	Nền gạch	Ba gian, 2 chái	
03	Phạm Đình Chung	73 Mai Văn Khải, xã Mỹ Tân	Trên 100 năm	Nền gạch, sàn gỗ	Ba gian	
04	Phạm Thị Lộc	162 Trần Hưng Đạo, phường 1	Trên 100 năm	Nền gạch, sàn gỗ	Ba gian	

IV.6. Huyện Thanh Bình

STT	Chủ hộ	Địa chỉ	Niên đại	Loại nhà	Kiểu nhà	Ghi chú
01	Nguyễn Anh Dũng	291 A, ấp Hoà Long, xã Hoà An	1919	Nền gạch, sàn gỗ	Ba gian	
02	Nguyễn Quốc Khương	524, ấp Tịnh Mỹ, xã Tịnh Thới	100 năm	Nhà sàn	Ba gian, 2 chái bát dần	
03	Lê Hữu Hưởng	781/13 Phạm Hữu Lầu, tổ 9 K1, phường 6	Trên 100 năm	Nền gạch	Ba gian, 2 chái	
04	Phạm Đình Chung	73 Mai Văn Khải, xã Mỹ Tân	Trên 100 năm	Nền gạch, sàn gỗ	Ba gian	
05	Phạm Thị Lộc	162 Trần Hưng Đạo, phường 1	Trên 100 năm	Nền gạch, sàn gỗ	Ba gian	

IV.7. Thành phố Sa Đéc

STT	Chủ hộ	Địa chỉ	Niên đại	Loại nhà	Kiểu nhà	Ghi chú
01	Nguyễn Văn Thường	388, ấp Phú Hoà, xã Tân Phú Đông	1907	Nền gạch	Ba gian, 2 chái bát dầm	
02	Trụ sở Phòng Giáo dục thị xã	Khóm I, phường	1917	Nền gạch	Biệt thự	
03	Hồ Thị Nguyệt	121 Trần Hưng Đạo, khóm I, phường 1	1890	Nền gạch	Ba gian, 2 chái	
04	Dương Thị Nương	473 Nguyễn Huệ, khóm I, phường 1	1877	Nền gạch	Ba gian	
05	Lê Minh Chánh	513 Nguyễn Huệ, khóm I, phường 1	1916	Nền gạch	Ba gian	
06	Võ Thành Trung	517 Nguyễn Huệ, khóm I, phường 1	1892	Nền gạch	Ba gian	
07	Hồng Phú Vĩnh	475 Trần Hưng Đạo, khóm III, phường 1	1894	Nền gạch	Ba gian	
08	Trụ sở UBND phường 4	Khóm I, phường 4	1925	Nền gạch, gác gỗ	Dinh thự	
9	Phan Thị Thanh Hoa	420, khóm II, phường 4	1924	Nền gạch	Ba gian	
10	Hồ Thị Xuân	196 A, khóm I, phường 4	1924	Nền gạch, gác bê tông	Dinh thự	
11	Lê Thị Khoa	106, khóm I, phường 3	1906	Nền gạch	Ba gian chữ nhị	

12	Nguyễn Viết Hiền	204, khóm I, phường 3	1916	Nền gạch	Ba gian	
13	Phan Văn Ngôn	306, khóm III, phường 3	Trên 100 năm	Nền gạch	Ba gian, 2 chái	
14	Nguyễn Thị Quế Lan	110, khóm I, phường 3	Trên 100 năm	Nền gạch	Ba gian, 2 chái	
15	Huỳnh Thuỷ Lê	255A, khóm I, phường 3	1895	Nền gạch	Ba gian	
16	Trần Phú Cương	49 Nguyễn Huệ, phường 2	1920	Nền gạch	Ba gian	

- Tổng số nhà cổ trong tỉnh hiện nay : 77

- Nhà từ 100 năm trở lên: 45

- Nhà từ 90 năm đến 99 năm: 22

V. Các lễ tiêu biểu khi làm nhà

Theo tác giả Trần Mạnh Đạt trong bài “ Nguyên tắc làm nhà của người kinh Việt Nam” ở tạp chí “Mỹ thuật thời nay” số 30, 1993, trang 40 – 42 thì ở Việt Nam từng có 10 nghi thức liên quan đến việc làm nhà mà đến nay dần dà không còn đủ, đó là:

- Lễ mượn tuổi (trong trường hợp năm làm nhà khắc với tuổi của gia chủ): chủ nhân cùng với người cho mượn tuổi cúng gia tiên và thổ thần;

- Lễ động thổ: lễ này quan trọng. chủ nhân làm cỗ mặn, cúng tam sinh, trầu cau và rượu trắng, xin phép thổ thần làm nhà mới. Có khi gia chủ mời thầy cúng (còn gọi là pháp sư hay thầy đồng) là người có điện thờ Đức thánh Trần hoặc Thái thượng Lão quân;

- Lễ phạt mộc: lễ cáo cho thổ thần biết việc làm nhà được tiến hành. Thợ mộc làm nhà cũng cúng tổ, sau đó dùng rìu đẽo mấy nhát vào một cây gỗ để làm phép;

- Lễ in táng: lễ đặt các viên đá táng dưới chân cột;

- Lễ cất nóc: tức lễ thượng lương. Theo cụ Phan Đức Hình (chánh quản trị đền thờ đức thánh Trần thành phố Hồ Chí Minh) cho rằng bàn thờ để làm lễ này phải đặt cùng với hướng nhà và ở chính gian giữa, nơi sau này đặt bàn thờ của gia đình;

- Lễ cài sào: là lễ mừng làm xong nhà mới. Chủ nhân cúng trình báo gia tiên và mời họ hàng, láng giềng đến dự;

- Lễ trả công thợ;

- Lễ an thổ: cúng thổ thần với gạo trộn nước lã. Cúng xong lấy gạo đó rắc vào bốn góc nhà, có ý cầu cho đất liền trở lại như cũ và nhà cửa được bền vững;

- Lễ động sào: là lễ xin phép dọn đồ đạc vào nhà mới (theo chỉ dẫn của sư cụ trụ trì chùa Hưng Long, đường Ngô Gia Tự, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh – lễ này cúng Phật, các vị thần linh, thổ chủ thổ trạch, âm binh, cô hồn...) người ta kê giường, tủ quần áo, kệ gạo... vào đúng vị trí trong nhà, xong nhóm bếp đun nước, bày bàn thờ và cúng;

- Lễ an cư: như lễ tân gia, tiến hành sau khi đã vào ở trong nhà mới, cúng xin cho được sinh sống, làm ăn yên ổn, thịnh vượng.⁶⁵

Sau đây nội dung chi tiết 03 lễ chính, quan trọng mà hiện nay khi làm nhà ở thành thị hay nông thôn vẫn còn thực hiện:

V.1. Lễ động thổ

Nguồn gốc lễ động thổ là nghi thức trình báo xin phép thổ thần bắt đầu động đất cho năm mới. Có từ thời Hán Vũ Đế, gọi là xā tế.

Ở Việt Nam triều đình tế thần đất trong dịp tế Nam giao Nam giao đầu năm.

Mùng ba Tết làng xã làm lễ động thổ, các bậc kỳ lão và quan viên được cử ra làm chủ tế và bồi tế; lễ vật là đèn hương, trầu rước, đồ vàng mã... chủ tế mặc áo thụng xanh cuốc mấy nhát xuống đất để lấy một cục đất đặt lên bàn thờ, xin thổ thần cho dân làng được động thổ. Khi hành lễ thổi tù và, gõ trống, khăn mặt hướng về phía đông. Xong buổi lễ hóa vàng mã; sau đó dân làng có thể đào xới đất. Trước đó, nếu có người trong làng qua đời, thì phải quàn quan tài trong nhà, đợi lễ động thổ xong mới đào huyệt an táng. Trước khi xây nhà cũng làm lễ động thổ⁶⁶

Lễ động thổ làm nhà:

Sau khi công việc chuẩn bị tập kết vật tư hoàn tất là lúc tiến hành khởi công động thổ để dựng nhà, phải chọn được ngày giờ đẹp hợp với gia chủ. Theo kinh nghiệm, ngày tốt phải là ngày nắng đẹp trời trong, hoặc có mưa bay nhẹ nhẹ, gia chủ phải nhờ các thầy địa lý, người có hiểu biết về Hán học chọn năm, chọn tháng, chọn giờ cho phù hợp; thông thường, khi xem xét gia cảnh, đối chiếu tuổi tác của chủ nhà,

⁶⁵ Phan Thị Yến Tuyết, Nhà ở trang phục ăn uống của các dân tộc vùng đồng bằng sông Cửu Long, 1993, Nxb Khoa học xã hội.

⁶⁶ Hữu Ngọc, Từ điển văn hóa cổ truyền Việt Nam, 2002, Nxb Thế giới.

người ta ưa chọn vào các ngày Hoàng đạo, có nhiều sao tốt chiếu mệnh. Tránh gặp các ngày Nguyệt kỵ, Tam nường hoặc có hung tinh chiếu vào bản thân và con cháu của mình, sẽ không phát tài thịnh vượng. Người ta tin rằng, về mặt tinh thần, nếu chọn được ngày tốt làm nhà gia chủ sẽ yên tâm, phấn khởi hơn khi tiến hành các công việc. Kinh nghiệm xem Thiên văn địa lý của cha ông ta đã giúp con người tìm hiểu, khám phá được những qui luật của tự nhiên, của thời tiết. Những ngày tốt trong năm, trong tháng là những ngày nắng ráo, ít mưa. Công việc làm nhà, cưới hỏi...nếu được tiến hành sẽ gặp được nhiều thuận lợi. Phong tục bắt thành văn ở rất nhiều làng xã ven sông cho thấy làm nhà là thực hiện một trong những việc lớn của đời người, nên phải có lễ vật báo cáo với tổ tiên, trời đất. Gia chủ khi làm nhà muốn cho mọi việc được hanh thông phải tiến hành một số lễ.

V.2. Lễ gác đòn dông (thượng lương)

Đòn dông là cây xà bắc trên đầu các cột cái giữa nóc nhà⁶⁷

Đòn dông là một bộ phận quan trọng trong bộ khung ngôi nhà cho nên câu ca dao rằng:

“Nhịn cho nên cửa, nên nhà.

Nên kèo, nên cột, nên xà đòn dông”

Lễ thượng lương còn gọi là lễ gác đòn dông được coi là quan trọng nhất. Vì nóc là phần quan trọng nhất của ngôi nhà, vừa có chức năng che mưa, che nắng mà còn chức năng thẩm mỹ của toà nhà. Các cụ xưa có câu *“Con không cha như nhà không nóc”*, nhà không có nóc thì không thể gọi là nhà, cũng như con không có cha giáo dục thì nhất định không thành người tử tế. Khi người thợ chính chọn thanh gỗ làm cây lương (đòn dông), sau khi đẽo, bào xong thì người ta chọn một chỗ trang trọng làm chỗ gác lương, chỗ đó cấm đàn bà qua lại, chó mèo đến gần vì sợ ô uế. Lễ thượng lương được tiến hành rất nghiêm trang, người thợ chính là thầy cúng. Đứng tế là chủ nhân ngôi nhà với y phục chỉnh tề. Sau các thủ tục cúng lễ cây đòn dông được đưa lên vị trí của nó.

Lễ thượng lương thường kén chọn ngày giờ tốt, đến người đứng lễ, cùng nhiều kiêng kỵ khác. Khi ngày giờ tốt đến mà chưa đến giai đoạn đặt nóc thì người xưa chọn một chỗ trang trọng làm một chỗ gác lương, chỗ đó đặc biệt cấm đàn bà qua lại, cấm chó mèo đến gần vì sợ ô uế. Lễ thượng lương cúng tế rất nghiêm trang. Thầy cúng thường là thợ cả (xưa kia thợ cả kiêm luôn pháp sư), đứng tế là nam chủ nhân. Sau các phép điểm lương, tế lương người ta trên lên đầu lương một cành thiên tuế,

⁶⁷ Ban biên soạn chuyên Từ điển: New ERA, Từ điển Tiếng Việt, 2005, Nxb Văn hóa Thông tin.

một lá bùa bát quái và một cuốn lịch vạn niên, với ngẫm ý mong muốn ngôi nhà trường tồn thịnh vượng.

Cùng với nhà chính (lương) các xà cũng rất quan trọng và đều được thi công theo số đo có quy chuẩn nhất định. tại các thanh xà này thường ghi rõ ngày khởi công xây dựng, ngày tu sửa, đối với một số căn nhà trong khi làm, hoặc sau khi làm mà có xảy ra một số sự cố bất thường không hay các cụ thường chạm 05 chữ: Càn, Nguyên, Hạnh, Lợi, Trinh lên xà ngang để trấn yểm. Nguyên những chữ này nằm trong kinh dịch thuộc quẻ Bát Thuần Can là tượng trưng cho trời thiêng liêng, đức lớn nên người xưa muốn mượn những chữ ấy mà trừ bỏ những điều không tốt. Ngoài ra tại một số vùng quê ở đồng bằng Bắc bộ khi xây dựng các căn nhà theo lời cổ người ta vẫn đưa 05 chữ này lên. Theo khảo cứu thì 05 chữ này cũng có trong câu thần chú Yên Thổ Địa Thần của đạo giáo Trung Hoa. Phải chăng người xưa cũng muốn dùng câu này để yên ổn đất đai sau một thời gian thi công động mạnh. Có một số căn nhà khi đổi chiều các chữ thấy chỉ sau 12 năm tu sửa. Thật khó nghĩ là những căn nhà được xây với toàn bộ cột to lớn như vậy mà chỉ sau 12 năm đã xuống cấp (sau đó thì tồn tại hàng trăm năm). Rất có thể những ngôi nhà này sau 12 năm thì vận khí (theo khoa Phong thủy) đã suy yếu nên người ta dùng phương pháp này để cải vận (tháp khí) để đón nhận thịnh khí của vận hội mới.

- Lễ thượng lương (lễ lên đòn dông): được xem là nghi thức quan trọng nhất trong quá trình dựng nhà. Ở đồng bằng sông Cửu Long người ta chọn lúc thủy triều ở sông dâng lên mới làm lễ thượng lương, vì tin rằng nhờ yếu tố đó nhà cửa và công việc làm ăn của họ sẽ được tốt đẹp.

Việc mua sắm các lễ vật tiến hành cúng không câu nệ ít hay nhiều, mà tùy thuộc vào sự thành tâm của gia chủ (nhà khá giả có thể soạn đủ cỗ chay, cỗ mặn, hương, đăng, trà, tửu; người nghèo khó chỉ cần có nén hương, cốc rượu, miếng trầu chín chén nước lá được...).

Khi tiến hành làm nhà, nếu gia chủ không có lễ, dễ bị hàng xóm chê cười, hoặc tổ tiên, trời đất không biết trước dễ bị thần linh quở trách.

V.3. Lễ Nhập trạch (vào nhà mới)

Lễ nhập trạch được hiểu là lễ dọn vào nhà mới, áp dụng cả nhà mới xây, mới mua. Đây là một nghi lễ cổ truyền, quan trọng bên cạnh lễ động thổ, cất nóc. Làm lễ nhập trạch tức là đăng ký hộ khẩu với thần linh, thổ địa nơi ngôi nhà đã tọa lạc. Bởi vậy khi dọn về nhà mới gia chủ nên lưu ý:

Vật dụng mang vào hay cần hoàn thiện trước khi làm lễ nhập trạch:

- Bếp (nên hoàn thiện trước).

- Bàn thờ: Bao gồm các đồ bày trí như bát hương (thường tự bốc bát hương 1-2 tiếng trước khi làm lễ) hay đồ cúng (hoa tươi, quả tươi, nước). Đồ cúng không cần cầu kỳ.

- Gạo, nước (thường tự lấy ở nhà mới).

- Đồ dùng tượng trưng (bàn ghế, chổi, chiếu...).

Khi vào nhà mới, không quan trọng là ai trong gia đình phải cầm vật dụng gì nhưng ai cũng nên có đồ mang vào, không nên đi tay không. Người trong gia đình bất cứ tuổi nào đều có thể vào, không phải kiêng kỵ.

Hướng bàn thờ: Điều quan tâm là "Nhất vị nhị hướng", tức là vị trí bàn thờ đặt ở đâu theo bảng hướng dẫn trên, chứ không phải hướng ra đâu. Chỉ lưu ý hướng bàn thờ không quay thẳng ra cửa, cũng như những nơi mất vệ sinh như nhà kho, wc là được.

Đúng giờ đã chọn thì đun nước để kích hoạt trường khí tốt tại khu bếp. Thắp hương và cắm vào các bát hương, ưu tiên bát thần linh ở giữa cắm trước.

Văn khấn lễ nhập trạch:

Đây là bài văn chung cho thần linh và gia tiên khi nhập trạch. Nội dung như sau:

Con kính lạy chín phương Trời, mười phương Chư Phật. Con kính lạy thần linh thổ địa cai quản ở trong khu vực này.

Hôm nay ngày..... tháng..... năm Con là: ...ngụ tại..... Thành tâm sửa biện hương hoa, dâng lên trước án, kính cẩn tâu trình. Nay gia đình hoàn tất công trình, chọn ngày lành dọn về, cầu xin chư vị minh thần cho chúng con được nhập vào nhà mới tại..... và cho phép rước vong linh gia tiên về nơi ở mới này để gia đình thờ phụng. Xin chư vị minh thần độ cho gia quyến chúng con khỏe mạnh, làm ăn tiến tới, tài lộc dồi dào, vạn điều tốt lành. Cả nhà đều bình an, sức khỏe dồi dào, thịnh vượng an khang. Chúng con lễ bạc tâm thành, trước án kính lễ, mong được phù hộ độ trì.⁶⁸

Theo Thượng toạ Thích Thanh Duệ, Tuệ Nhã thì việc chuyển đến chỗ ở mới thì không thể không chú ý một số vấn đề dưới đây:

Phải chọn ngày tốt, giờ tốt để dọn đến nhà mới. Khi chuyển nhà mọi chuyện chuyển đồ của mình đến nhà mới dứt khoát phải do tay mình hoặc người của gia đình chuyển, toàn gia đình không thể tay không đến ở nhà mới.

⁶⁸ Theo Nguyễn Mạnh Linh, *Trưởng Phòng Phong thủy Kiến trúc Viện Quy hoạch & Kiến trúc Đô thị - ĐHXD*

Bài vị cúng cúng tổ tiên, các thần phải được làm trước và phải do gia chủ tự tay cầm đến nhà mới. Những người khác trong gia đình đi theo sau vào, mỗi người phải cầm trong tay tiền tài của cải.

Thời gian vào nhà phải là buổi sáng sớm, buổi giữa trưa hoặc trước lúc mặt trời lặn, tránh đến nhà mới vào buổi tối.

Thủ tục nhập trạch:

Khi vào nhà mới vật đầu tiên mang vào là cái chiếu (hoặc đệm) đang sử dụng, sau đó là bếp lửa (bếp ga, bếp dầu), không nên mang bếp điện vì bếp điện có tinh mà không có tướng (tức chỉ có nhiệt mà không có ngọn lửa), chổi quét nhà, gạo nước v.v. phải đem theo lễ vật cúng thần linh đặt để xin nhập trạch và xin phép thần linh rước vong linh gia tiên vào nơi ở mới để thờ phụng.

Lễ vật được đặt lên bàn hoặc mâm kê vào chỗ nào đó có hướng đẹp với gia chủ, tự tay gia chủ thắp nhang vào một bát nhang tạm thời. Thắp nhang và khăn lễ, tiếp ngay sau đó gia chủ châm bếp và đun nước, khấn thần linh theo nội dung sau:

- Xin nhập vào nhà mới.
- Xin lập bát nhang thờ thần linh.
- Xin phép thần linh cho rước vong linh gia tiên nhà mình về nơi ở mới này để thờ phụng.

Chú ý:

Đun nước lần đầu tiên ở nhà mới phải để cho sôi năm đến mười phút, lâu hơn càng tốt, mới tắt lửa. Đun nước mục đích là để khai bếp, pha trà dâng thần linh và gia tiên. Nếu có khách có thể lấy nước đó pha trà mời khách.

Nếu nhập trạch chỉ lấy ngày tốt chưa có nhu cầu ở ngay thì gia chủ phải ngủ qua một đêm ở nhà mới.

Sau khấn thần linh xong, để cầu bình yên, toàn gia phải tổ chức lễ bái tạ các tổ tiên và thần phật.

Có người chữa, mang thai thì tốt nhất không nên dọn nhà. Trong trường hợp cấp bách không thể không dời nhà, nên mua một cái chổi mới tinh, để đích thân người chữa quét qua đồ đạc một lượt rồi mới chuyển như vậy mới không phạm tội “Thần thai”

Những người giúp dọn nhà không được là người cầm tinh con hổ, còn lại phải lo bàn gì nữa.

Trên đây là một số phép tắc giữ gìn sự hanh thông, bình an cho mọi nhà, bách bệnh không phát sinh, tài vận tiến đến, cả nhà vui vẻ.⁶⁹

⁶⁹ Thượng tọa Thích Thanh Duệ, Tuệ Nhã, Tập tục nghi lễ và dâng hương, 2004, Nxb Văn hóa Dân tộc

*** Những truyền tích về thợ làm nhà**

Trong dân gian chúng ta thường nghe mọi người truyền tai nhau rằng, những thợ làm nhà có tay nghề cao, hay còn gọi là thợ “Cao tay ẩn” thường có những chiêu trò “Yểm bùa lỗ ban” tùy theo đức độ và lương tâm của người thợ khi được gia chủ đối đãi tốt hay xấu trong quá trình làm nhà mà có sự phản ứng bằng cách “Yểm” có lợi hay bất lợi ít nhiều ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất, kinh doanh v.v. phát triển kinh tế sau khi gia chủ hoàn thành ngôi nhà v.v.

Và xưa, ở Sa Đéc còn truyền tích về một người thợ mộc tên Đức dùng bùa lỗ ban ứng phó “Sự đời” như là một trường hợp cụ thể:

“... mấy mươi năm trước, Sa Đéc có người thợ mộc tên Đức, tài nghệ khéo léo ngang với pháp thuật lỗ ban xuất sắc. Đồng bào Sa Đéc hầu hết đều mến phục tài khéo của ông. Có điều, ông dùng bùa lỗ ban làm nhiều việc lạ thường khiến người ta ngán sợ và đôi khi ông cũng giở trò phá phách làm cho người ta ghê tởm, chớ sự thật ông cũng không hại ai, giúp đời rất nhiều. Nay ông mất đã lâu mà tiếng tăm ở Sa Đéc hãy còn nhắc đến.

Ông thợ Đức, lúc thiếu thời là người khỏe mạnh, khá về chữ nho. Ông thường mặc áo vạt mề, đầu thường bịt khăn đầu rìu đỏ. Nghe nói thuở trẻ ông có qua Tàu, giang hồ trôi nổi một thời gian, được vị danh sư nào đó truyền thợ pháp thuật cho. Khi về, ông đem sở học ra áp dụng, làm nhiều việc kinh thiêng, ai ai cũng đều khâm phục, kiêng nể...”⁷⁰

Sau đây là một số truyền tích về hành trạng của ông:

- Có lần, đình Hòa An, ở quận Cao Lãnh, cạnh bên có cây da rất lớn ngả ngọn gie tàn lên nóc đình: Hương chức hội tề trong làng ấy nấy không yên, tìm cách triệt hạ ngọn da ấy đi. Ngặt không ai lãnh việc đốn phá, vì thuở ấy còn lắm người nặng thành kiến rằng ngọn da lâu năm có thần thánh ngự trị oai linh, xúc phạm e không khỏi lâm họa hoạn hiểm nghèo. Bởi thế, không ai chịu ra tay đốn phá. Nhưng sức nhớ tới ông thợ Đức tài quái dị, ắt có thể làm cách lạ sao cho ngọn da vệt khỏi nóc đình. Quý vị hương chức bèn mời ông thợ Đức đến, hỏi ý kiến phải làm thế nào?

Ông thợ Đức đến quan sát sân đình, nhìn ngắm ngọn da giây lâu, khẽ gật đầu nói:

- Được tôi sẽ giúp cho an toàn.

⁷⁰ Huỳnh Minh, Sa Đéc Xưa và Nay, 1971, Nxb Cảnh Bằng.

Rồi ông bảo Hương chức lập bàn hương án trước sân. Khói hương nghi ngút trong bầu không khí huyền ảo tôn nghiêm, ông họa phù tróc quỷ hô thần, lâm thâm niệm chú, vẽ xong lá bùa, ông đem dán trên cây da, ung dung cười nói:

- Chư quý vị yên lòng, mãnh lực huyền bí hiển linh, sẽ giúp chúng ta toại nguyện trong đêm nay.

Quả nhiên, nửa đêm hôm đó, trời đang phẳng lặng bỗng nổi cuồng giông to, xoáy tròn như con trốt, bề gãy nhánh da gie tàn ấy lia khỏi nóc đình, mâu nhiệm hiển nhiên như có bàn tay vô hình nào trong cõi hư linh ra oai thần giúp nhân dân toại nguyện cầu. Danh tiếng ông thợ Đức từ đó càng tăng cao, ai cũng ngưỡng mộ, xem con người ông như một dị nhân. Bao nhiêu huyền thoại thêu dệt khoác cho ông càng ngày càng nhiều xa gần đồn đãi tiếng tăm.

Còn chuyện nữa, ngày xưa tại vịnh Tòng Sơn có ba mũi nước từ Phong Mỹ và Cái Tàu Thượng đổ lên, tốc độ hung hăng đáng ngại. Ghe tàu đi qua khó tránh tai nạn, bị nước xoáy nhận chìm. Thiên hạ đồn xôn xao, cho rằng tại vàm đó có con tinh xuất hiện quấy phá, nhiều hại dân lành. Người ta nghĩ ngay đến ông thợ Đức, cậy ông trấn áp dùm xem sao.

Ông nhận lời, ông nhìn qua địa hình địa vật chỗ ấy, ông niệm chú hô bùa trong một tấm thẻ, trấn yểm điều tai quái đang hoành hành. Không bao lâu, chỗ vùng nước xoáy ấy trở nên yên tĩnh. Đồng bào quanh đó càng đồn vang rằng ông thợ Đức đã trừ con tinh đi mất. Người ta càng thêm trọng tài năng huyền diệu của ông.

Việc làm của ông thợ Đức càng gây lắm tiếng vang khắp nơi, nhưng ông cũng có những tánh nghịch ngợm hay phá chơi, mà sự thật không hại ai. Người nào bị ông thư phù niệm chú khuấy phá, biết ông giỡn chơi để răn trị, đến năn nỉ ông thì hết:

Có lần, gánh hát bội đến hát cúng đình, đào kép sửa soạn trong buồng, ông lên vô hậu tổ lúc nào không hay. Rồi chẳng biết ông đã làm gì, mà khi đào kép ra sân khấu, múa giáo, quơ gươm, đứng sững mở miệng không ra tiếng. Ai nấy kinh ngạc. Giữa lúc xôn xao, có người hô nghi lên tiếng hỏi:

- Vụ này ắt có bàn tay ông thợ Đức rồi. Hồi sớm tới giờ, bà con có thấy ông già nào bịt khăn đỏ vô buồng hát không?

- Nhiều người sức nhớ ra, nhao nhao nói:

Quả thật có ông già bịt khăn đỏ lảng vảng trong buồng trò, nhưng không ai biết ông đã làm gì.

Ông Bái cười xòa, mười phần đã chắc ông thợ Đức phá chơi, hỏi dân làng mau mau chạy đi tìm ông thợ Đức mà hỏi ông có phá gánh hát bội không, tại sao đào kép ra sân khấu không hát được? ông thần nhiên bảo;

- Tôi có phá gì đâu, thôi về cứ hát đi.

- Người trở về phi báo, nói như lời ông đã bảo. Tự nhiên đào kép hoạt động trở lại bình thường.

Một ngày kia, ông đi ngang qua cổng làng. Thấy hai người thợ cưa có vẻ khinh khỉnh với ông, khiến ông có ý phật lòng. Ông đi khỏi rồi, hai ông hì hục mãi mà cưa chẳng được gì, càng lúc càng luýnh quýnh như kẻ mất hồn. Hỏi ra biết chuyện, lối xóm chạy kiếm ông thợ Đức mà xin lỗi, nhờ ông xả phép giúp ông vẫn cười nói:

- Tôi có làm gì đâu. Cứ về cưa đi.

- Lời ông đã thốt, tự nhiên hai người thợ cưa hoạt động lại được. Người ta càng tin chắc ông thợ Đức có mãnh lực thần bí.

Lại có lần, ghe cá ở xa đến đậu ở bến chợ Sa Đéc. Ông xuống ghe mua cá. Người chủ thấy ăn mặc lôi thôi, thì khinh rẻ. Ông hỏi mua cá rồi trả giỏ trả tiền luôn. Lái cá khoác tay, không bán, ông cười khà:

Quí hóa lắm. Tốt! Tốt! Không bán thì thôi.

Ông lên bờ, về nhà. Bảy giờ dưới ghe cá, xảy ra chuyện rắc rối: Cá đầu trên chạy xuống đầu dưới xáo trộn, nhảy lung tung. Thấy cá tự nhiên bị động, chủ ghe đổ nước trấn áp. Nhưng càng đổ nước nhiều chừng nào, đàn cá càng quậy mạnh đập phá lung tung chừng nấy. Thiên hạ trên bờ xúm lại xem, chỉ trỏ cười rân, ai cũng xâm xì:

- Thôi chết rồi gặp tay ông già bịt khăn đỏ rồi đa.

Chủ ghe được, hoảng hốt nói:

- Ông già bịt khăn đỏ! Hồi nãy có ông già bịt khăn đỏ, trạc lổi 50 tuổi, xuống đây mua cá, tôi làm mặt giận không bán,

Bạn hàng thương hại báo cho chủ ghe biết:

- Chú ở xa đến nên không rõ, nè trêu tay tổ bùa lổi ban rồi đó. Mau đi kiếm năn nỉ, kéo bầy cá nhảy hết xuống sông thì sạt nghiệp.

- Tình thế quá găng. Không dám chần chừ gì nữa, chủ ghe cá nhờ bạn hàng hướng dẫn đến nhà ông thợ Đức mà xin lỗi. Ông cười như mấy lần trước.

- Tôi có làm gì đâu, về cứ tưới thêm chút nước thì hết.

Chủ ghe cá về làm y theo lời. Cá hết nhảy.

Những chuyện lạ thường do ông thợ Đức làm ra, đến nay các vị bô lão ở Sa Đéc hầy còn nhắc lại. Nhưng có điều, ông vẫn nghèo, hẳn vì luật nhân quả của trời đất. Trong đời, ông đã làm những chuyện kinh thiên động địa, đôi khi chẳng khỏi thất đức. Chẳng hạn như cái nhà nào ông lãnh làm, chủ nhà đối xử không tử tế, ông yếm một cái thì suốt đời ở không được, chủ nhà thường gặp họa hoạn. Bởi không bình tâm nhẫn khí, thiếu độ lượng bao dung, hay giận hờn, cậy phép linh thiêng mà hiên lộng, cho nên cái nghèo của ông, âu cũng là chuyện quả báo.

Tuy nhiên, ông thợ Đức ở Sa Đéc thật là danh sư lổ ban khét tiếng, có một không hai⁷¹.

Thật ra về từ lổ ban, khi tìm hiểu, được biết lổ ban là tên người chứ không phải là một loại bùa chú nào. Lổ Ban – Tên Người thầy vĩ đại về kiến trúc và nghề thủ công rất đức độ, ngược lại với hành trạng của ông thợ Đức trong tích trong truyền tích ở Sa Đéc vừa kể.

Lổ Ban - Ông sinh ra ở nước Lỗ. Tên thật là Công Du Ban, cũng còn gọi là Công Du Tử. Tên cách điệu (đồng âm) là Ban Ban, nhưng ông được nhắc thường nhất (như) là Lổ Ban.

Lổ Ban sinh vào buổi chiều ngày 7 tháng 5 năm 507 trước Công nguyên. Ông là một kỹ sư xây dựng nổi tiếng và thợ thủ công trong lịch sử Trung Quốc và từng một lần làm quan trong lĩnh vực xây dựng.

Trong số những bậc thầy kiến trúc, người nổi tiếng nhất là Lổ Ban thời Xuân Thu. Nghề thủ công của ông đã lưu truyền qua hàng nghìn năm, nhận được sự kính trọng của mọi người. Thợ mộc, thợ xây, thợ nề, các nhà chế tạo công nghệ xây dựng và nội thất tất cả đều suy tôn Lổ Ban như là ông tổ của nghề này.

Ông là bậc “Tổ sư” có nhiều phát kiến nhiều nổi tiếng xây nên chuẩn mực đạo đức và công thức thực hành kiến trúc và nghề thủ công siêu phàm. Ông đã sáng tạo ra nhiều công cụ kỳ diệu (trong đó có thước mộc còn là thước Lổ Ban) và dạy nhiều học trò .

Theo suốt thời gian, những thợ thủ công đã kế thừa lại những lời dạy của Lổ Ban. Vào lúc sơ khai của việc đào tạo những người tập sự, ông chủ trương rằng việc quan trọng nhất không phải là làm sao để học cách sử dụng các công cụ, thay vào đó, học những tiêu chuẩn đạo đức để cư xử đúng đắn, học cách đối xử tốt với người khác và nghiêm khắc với bản thân. Hơn nữa, một người nên học cách tập trung, học cách tu luyện lý trí của mình, để hài hòa trí của người đó với tâm của họ. Những yêu cầu cho tâm và trí sẽ giúp một người đạt được tư tưởng trong sạch và tinh khiết. Với một tư tưởng như thế, khi một người làm một dự án, anh ta có thể quên chính mình và tập

⁷¹ Huỳnh Minh, Sa Đéc Xưa và Nay, 1971, Nxb Cảnh Bằng.

trung vào công việc, hợp nhất công việc với Đạo. Dưới những nguyên lý chỉ đạo này, qua thời gian đã xuất hiện nhiều thợ thủ công nổi tiếng.

Lỗ Ban đã ảnh hưởng đến cuộc sống của mỗi người, và công cụ của ông vẫn còn được sử dụng ngay cả đến ngày hôm nay. Trong các triều đại sau thời của Lỗ Ban, các thành phố, nhà, cửa chính, cửa sổ tất cả đều “Đúng trật tự”. Lỗ Ban giúp chúng ta sống an toàn và thoải mái. Hơn nữa ông thông qua hoàn cảnh sống như vậy để truyền đạt lại tiêu chuẩn và cách cư xử cho người dân Trung Quốc. Điều này giúp giữ được chuẩn mực đạo đức cho dân tộc Trung Hoa hơn năm nghìn năm.⁷²

VI. Một số di sản văn hóa liên quan đến nhà cổ

IV.1. Nơi lưu giữ di sản có giá trị lịch sử, nghệ thuật, kinh tế tiêu biểu.

Trong số đồ dùng sinh hoạt, thờ cúng ở những ngôi nhà cổ mà chủ nhân của nó còn lưu giữ đến ngày nay, có rất nhiều hiện vật có giá trị về vật chất và tinh thần.

Trong số đó phải kể đến những vật dụng quan trọng bày trí trong nhà được người Việt ở nông thôn Nam bộ dù giàu hay nghèo cũng đều quan tâm, mong muốn là cái tủ thờ rồi đến bộ ván, vì hai vật này bộc lộ sự ổn định về mặt tinh thần và vật chất.

Để nói về vật dụng quan trọng cái tủ thờ, xin nêu nơi thờ tự ở một ngôi nhà cổ mà trong quá trình khảo sát bản thân được trải nghiệm về sự bài trí, chăm chút không gian thờ tự để cảm nhận sự trang trọng đó:

Nhà ông Lê Minh Tồn, Xã Tân Bình, huyện Châu Thành, không gian mặt tiền gian nhà chính là nơi trang trọng nhất, ở đây được trang hoàng với việc sắp đặt bài trí các nơi thờ phượng, bàn ghế, tranh liễn, đèn trang trí đều xếp vào dạng cổ vật, được chạm khắc cẩn ốc, xà cừ tinh tế lộng lẫy... có giá trị mỹ thuật và kinh tế cao. Ngôi nhà này là Từ đường, với sự qui tụ thờ cúng nhiều thành viên của tộc họ, không gian thờ cúng ở đây được bài trí khít khao nhưng không kém phần ngăn nắp và tôn nghiêm. Tùy vào thứ bậc giai cấp trong tộc họ mà bố trí nơi thờ, các dụng cụ thờ tự cũng có sự trân trọng ở cấp độ khác nhau.

⁷²<http://www.zhengjian.org/zj/articles/2008/9/22/54955.html>
<http://www.pureinsight.org/node/5577>



Không gian thờ cúng ông bà tổ tiên

Mỗi bàn thờ đều gồm tủ thờ và giường thờ, ở những bàn thờ của bậc trưởng thượng tôn kính còn có trang trí tranh chạm khắc gỗ cảnh xa cừ về các đề tài tứ thời, tứ quý: xuân, hạ, thu, đông – mai, lan, cúc, trúc.... Sự bố trí từ trái qua phải (hướng từ trong nhà nhìn ra). Các tủ thờ đa số thuộc vào loại tủ cổ (trừ một chiếc nằm ở góc phải) thân tủ cân ộc xa cừ, có chiếc cân ở mặt chính, có chiếc cân cả 03 mặt, chân quỳ, hình thức trang trí trên thân tủ theo dạng ô học, trình bày đối xứng, cân đối thể hiện các đề tài hoa lá, chim thú, tứ linh, phúc đáo... trên mỗi bàn thờ bài trí các dụng cụ thờ tự (bộ ngũ sự) gồm lư, chân đèn, hạc, đèn (bằng kim loại đồng thau) bình hoa (gốm), mâm bồng (gốm) tất cả đều thuộc loại cổ. Đặc biệt lư trong bộ ngũ sự ở mỗi bàn thờ có hình dáng khác nhau như: lư mắt tre, lư lục giác, lư tròn, lư hộp vuông v.v.



Đây cũng là một nếp thờ truyền thống của người Việt ở đồng bằng sông Cửu Long.

Bộ tam sự, ngũ sự hay thất sự. Mỗi khí tự đều mang ý nghĩa riêng do người xưa đặt cho “Bát hương, lư hương thuộc hành Thổ. Cây đèn, nến thuộc hành Hoả, lọ độc bình cắm hoa thuộc hành Mộc, mang tính chất là khai hoa. Mâm bông nếp ngũ quả thuộc hành Kim. Bộ đài đặt chén nước, hoặc rượu thuộc hành Thủy. Mâm bông ngũ quả đặt bên phải, thể hiện phương Tây, mang tính chất kết quả. Còn theo sự giải thích của nhà nghiên cứu Toan Ánh thì “... Cái lư tròn tượng trưng cho bàn Thái cực. Hương được thắp lên tượng trưng cho vì Tinh Tú. Đèn tượng trưng cho Nhật - Nguyệt quang minh. Lọ hoa thường là lọ lục bình tượng trưng cho tâm không, tức là lục căn thanh tịnh”. Các yếu tố cấu thành nên vũ trụ “Kim, Mộc, Thủy, Hoả, Thổ” được cụ thể hoá qua các khí tự trên bàn thờ, làm cho học thuyết về sự hình thành vũ trụ triết học phương Đông cổ đại trở nên dễ hiểu, gần gũi với người Việt.

Như vậy, qua việc bài trí không gian thờ cúng và vật thờ của một ngôi nhà để giúp ta hiểu thêm về trân trọng của gia chủ đối với ông bà tổ tiên và giữ gìn truyền thống đạo lý: “Uống nước nhớ nguồn” của dân tộc.

*** Bộ Ngựa:**

“Bộ ngựa” là từ ở Nam chỉ bộ ván gỗ dày và tốt, có kích thước to. Xưa kia, ở đồng bằng sông Cửu Long không bán quan tài ở các cửa hiệu nên người dân có lệ mua sẵn bộ ngựa trong nhà để nếu có thân nhân qua đời, bộ ngựa ấy sẽ được tháo rời ra dùng đóng quan tài. Về sau không còn tục này nữa nên người dân rất kiêng mua bộ ngựa ráp bằng bốn mảnh gỗ về làm ván nằm.



Xưa kia, cách bày trí trong phòng khách của người Việt ở đồng bằng sông Cửu Long nói chung và Đồng Tháp nói riêng là đặt ba bộ ngựa ở ba gian phía trước gian thờ.

Phía trước nhà trên kê hai bộ ngựa

Bộ ngựa đặt ngay gian giữa là vị trí dành riêng cho bậc trưởng thượng, theo phong tục cổ truyền ở miền Trung đem vào. Trước bộ ngựa có đặt “Ghế nghi”, trên bày khay trà, hộp thuốc... vị trí quan trọng nhất của bộ ngựa là ở phía đầu ngay từ ngoài cửa bước vào được dành cho những người lớn tuổi, có uy tín. Hai bộ ngựa ở hai bên dùng làm nơi

ngủ ngơi cho nam giới trong nhà, nhất là khi đi làm ruộng về. Về sau, bộ ngựa đặt ở gian giữa, phía trước bàn thờ được thay bằng bộ trường kỷ. Nó được làm bằng gỗ quý, chạm trổ công phu, cân ắc tinh xảo – trong trường hợp nhà giàu – còn nếu nhà nghèo thì chỉ có bộ bàn ghế đơn sơ gồm cái bàn gỗ rộng và một số ghế đầu. Vị trí của hai bộ ngựa ở hai bên gian giữa vẫn còn được duy trì cho đến ngày nay.

Ngoài ra, ở nhiều ngôi nhà cổ Đồng Tháp còn lưu giữ các vật dụng sinh hoạt trong gia đình như: ghế bành tượng, sập gỗ, tủ, những bức hoành, những bao lam, liễn đối cân ắc xà cừ miêu tả cảnh mùa xuân: trúc, mai, chim én, bướm hoa... rất vui tươi và sinh động tất cả đều được làm bằng gỗ quý, cân ắc xà cừ trang trí công phu, tinh xảo rất có giá trị nghệ thuật và kinh tế.



Hoành phi – Đại tự (Hòa Đông)

Ở ngôi nhà ông Nguyễn Công Ích xã Định Yên huyện Lấp Vò, có chiếc bình phong thuộc loại nội án - đặt ngay sau cửa chính, bằng gỗ, di chuyển được. Nó gồm 03 tấm ghép lại trên cùng chân đế. Hình dáng bình phong rất cân đối, chính giữa hơn nhô lên uốn lượn (dạng cuốn thư) hài hoà như 03 ngọn núi đứng liền kề nhau. Mặt chính trang trí rất đẹp, chạm lọng viền nổi công phu. Có thể nói, ngoài tác dụng chính của bình phong là ngăn chặn những điều xấu, hoả khí vào nội thất ngôi nhà... với bức bình phong này nếu ai có dịp làm khách ngôi nhà này, có thể vừa tiếp chuyện với gia chủ, vừa thưởng lãm rất thú vị.



Tranh mai lan cúc trúc, bình phong nội án, ghế bành tượng chạm cẩn xà cừ



Ghế bành tượng ghế day tay cuốn chạm, cẩn xà cừ

Ở những ngôi nhà khác cũng có những di sản rất có giá trị như: nhà ông Khúc Văn Thêm xã An Hiệp, huyện Châu Thành) có bộ lư mắc tre quý hiếm; nhà ông Hồ Văn Lọng (xã Phú Thuận B, huyện Hồng Ngự) có chân đèn, bằng gỗ hình con tiện,

bộ trường kỷ và bàn xoay chạm lộng rất tinh xảo có giá trị kinh tế, mỹ thuật cao; nhà bà Khương Thị Tuyết Nga (xã Long Thuận, huyện Hồng Ngự) có giường thờ được chạm trổ hoa văn, sơn son thếp vàng, lọng chân quỳ... rất có giá trị về văn hóa, nghệ thuật.



Về các đề tài trang trí có mặt hầu hết các nhà cổ nói chung và ở Đồng Tháp nói riêng:

- Dùng chữ trang trí thường có: Thọ, phúc, hỷ. Đề tài “Bát bửu”, tượng trưng cho sự bất tử, được thông dụng, hình ảnh về các vật như: quạt, thanh gươm, cây lá, cảnh tre, các loại hoa, bầu rượu, phách, sáo v.v . được khai thác. Hoa sen là biểu tượng trang trí được ưa chuộng gần như khắp mọi nhà.

- Các đề tài trang trí xưa còn có:

Tứ linh: Long, lân, qui, phượng,

Tứ bửu, tứ thời: Mai, lan, cúc, trúc hoặc tùng, cúc, trúc, mai

Tam đa: Phúc, lộc, thọ (tượng trưng bằng con dơi, con nai, (con hươu) và cây tùng.

- Đề tài thảo mộc với hoa. Lá, cây, quả. Mỗi loại cây có tính cách tượng trưng riêng.

- Các đề tài khác: cọp, sư tử, mây, lửa

Ý nghĩa:

Cây trúc: tượng trưng cho người quân tử, sự tiết độ khôn ngoan.

Cây tùng tượng trưng cho sự trường thọ

Hoa cúc tượng trưng cho hạnh phúc

Hoa sen tượng trưng cho sự thanh khiết

Hoa vạn thọ tượng trưng cho sống lâu

Để tăng thêm sự sinh động trong trang hoàng, những cây cảnh được nghệ nhân bào chuốt sửa chữa, chạm trổ biến thành những giống vật:

Trúc thành công

Mai thành phượng

Hoa sen thành rùa

Hoa cúc thành kỳ lân v.v

Đến những chữ “Phúc, lộc, thọ” cũng được biến hóa thành mặt rồng, đầu phượng

Tại các ngôi nhà cổ này, còn có những bức hoành phi (Đại tự), câu đối (liễn). thường nói lên tính cách của tổ tiên, nội dung giáo dục con cháu sùng kính tổ tiên, sự nghiệp ông cha và hướng thiện theo gương những người đi trước.

Đôi khi trước nhà chủ nhân còn đắp hòn non bộ. Hòn non đặt trong bể với những cảnh giúp cho chủ nhân tìm được dự nhẹ nhàng, thanh tao và dịu dàng v.v. trong cuộc sống.

** Những dụng cụ quan trọng trong việc làm nhà khi xưa:*

- Về thước Lỗ Ban – thước Ấp Bạch Xích - thước gang tay



Cũng lại chuyện kích thước, cây thước khi làm nhà, theo một số học giả nghiên cứu về kiến trúc cổ thì số đo cơ sở của cây thước này là lấy chính theo số gang tay của chủ nhân khi xây dựng. Sau khi chia làm tám cung gọi tên bằng các vì tinh tú trong chòm sao Thất tinh: Tham Lang, Cự Môn, Lộc Tồn, Văn Xương, Vũ Khúc, Phá Quân, Phu Bật. những sao này còn gọi là hệ thống sao Tử Bạch nên thước này có tên là Ấp Bạch Xích. Tất cả các số đo của ngôi nhà cũng như vật dụng đều lấy theo cung tốt. Nếu không được cung tốt họ sẽ lấy tiếp thốn (tấc) . Thốn cơ sở là đốt giữa của ngón giữa (tay trái cho nam, tay phải cho nữ). Các số đo này cũng dùng cho chủ nhân lúc vãng bóng để xây kim tĩnh, mộ phần (tất nhiên sẽ khác với số đo của nhà ở). Người xưa nếu không may bị sa sút nếu phải bán nhà thì người chủ phải bàn giao cả cây thước cho chủ mới của ngôi nhà

Thước gang tay chủ nhà sau khi làm nhà xong gác lên xà nhà

Thước Lỗ Ban chỉ dẫn từng kích thước tương ứng với các điều cát, hung để giới thợ mộc tính toán khi làm nhà. Trong thực tế, áp dụng thước Lỗ Ban cũng có cơ sở khá khoa học và hợp lý về mặt kết cấu kỹ thuật.⁷³

Khi xưa, điều kiện máy móc còn lạc hậu, mọi lĩnh vực nghề nghiệp phục vụ đời sống con người đều được thực hiện bằng lao động thủ công, thông qua đôi tay của mình.

Trong nghề cưa xẻ gỗ nói chung và nghề mộc nói riêng cũng không ngoại lệ. Do vậy, mọi công đoạn cưa xẻ gỗ để làm nhà, người thợ xưa phải vất vả hơn nhiều so với nay. Bởi ngày nay được hỗ trợ của phương tiện máy móc hiện đại. Vì thế những dụng cụ thô sơ quan trọng một thời nay đã thật sự vắng bóng, thế hệ hôm nay và ngày sau không còn dịp thấy những người thợ mộc sử dụng những dụng cụ xưa như:

- Cưa lú: Khúc gỗ được đặt nằm nghiêng trên giàn nề. Hai người thợ: Người đứng trên thân gỗ, người ngồi dưới đất cùng cưa, kẻ đẩy người kéo. Lưỡi cưa lên xuống rọc vào thân gỗ đã búng mực, dày mỏng theo công năng sử dụng.

- Cưa quảng: Chỉ có một người cưa, thợ cưa đứng trên thân gỗ đẩy lưỡi cưa xuống rồi kéo lên. Cưa theo cách này chỉ tốn một công, nhưng lâu và không chính xác như cưa lú.

Khi cưa (đặc biệt là cưa lú), theo chiều thuận, mặt cưa rơi nhiều trên mặt đất, phía dưới khúc gỗ. Trên thân gỗ chỉ đọng lại những hạt nhỏ như tàn tro. “Trên tàn, dưới mặt” câu nói về nghề cưa xẻ gỗ thủ công cũng nói lên đời sống của những người thợ thường gặp khó khăn...⁷⁴

Điềm qua một số dụng cụ thô sơ, nhưng quan trọng của nghề mộc xưa, dù hiệu suất lao động không cao như những dụng cụ hiện đại của thời nay nhưng những dụng cụ đó là dấu ấn thể hiện óc sáng tạo, khoa học của người xưa, cùng với sự lao động cần cù đã góp phần tạo ra sản phẩm đồ dùng trong sinh hoạt và những ngôi nhà cổ hoàn hảo mang tính nghệ thuật cao còn tồn tại đến ngày nay.

IV.2. Ghi dấu danh nhân, văn học nghệ thuật:

**Chuyện về ông Huỳnh Thủy Lê*: chủ nhân nhà cổ Huỳnh Thủy Lê, là nhân vật chính của tiểu thuyết có tên “Người Tình” (l’amant) của nhà văn nữ người Pháp tên Manguerite Duras được nhà xuất bản Les Editions De Minuit Paris ấn hành năm

⁷³ Phan Thị Yến Tuyết, Nhà ở trang phục ăn uống của các dân tộc vùng đồng bằng sông Cửu Long, 1993, Nxb Khoa học xã hội.

⁷⁴ Ngô Văn Bé, 2008, Làng nghề đóng xuống, ghe Bà Đài-Long Hậu, GPXB Sở Thông tin và Truyền thông.

1984. Cuốn sách được công chúng Pháp dành nhiều thiện cảm và được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới. *L'amant* được trao giải thưởng Goncourt ngay năm đó.

Marguerite Duras sinh tại Sài Gòn vào ngày 04/4/1911, cha mẹ là giáo viên dạy học ở Trường Hà Nội sau vào Sài Gòn. Bà có 01 anh trai và 01 em trai, với đồng lương ít ỏi không đủ trang trải cho gia đình 05 miệng ăn. Cha bà bỏ nghề dạy học đi khản hoang lập đồn điền ở Kampot (thuộc Cambốt gần giáp Hà Tiên). Do không có kinh nghiệm, thiếu phương tiện và bị cường hào chèn ép gia đình Marie Donnadieu phá sản, khánh kiệt. Người cha buồn bã, lâm bệnh chết. Một năch 03 con bà Marie Donnadieu trở lại Sài Gòn xin dạy học, số phận đẩy đưa bà về Sa Đéc dạy Trường Nữ Tiểu Học của tỉnh rồi về làm hiệu trưởng. Cuộc sống vẫn không thoát khỏi khó khăn với đồng lương giáo viên lại phải sinh hoạt theo cung cách “Trí thức phương Tây” ở tỉnh lẻ. Hai người con trai phải thất học, đứa lớn hư thân nghiện ngập, thương con bà giáo đã nghĩ đến việc đưa cậu con trai về Pháp, còn Marguerite Duras phải vào học nội trú ở Sài Gòn. Năm ấy cô tròn mười sáu tuổi.

Hành trình lĩnh kính, ngồi xe đò cũ kỹ, cộc cạch về Sài Gòn, cô gái Pháp tự ái vì sĩ diện khi xe qua phà Mỹ Thuận, cô đứng lơ đễnh nhìn những đám lục bình trôi tản mạn trên sông. Định mệnh đã xuôi khiến cô gặp chàng trai người Hoa giàu có tên là Huỳnh Thủy Lê đi chung một chuyến phà. Cô gái trẻ Pháp xinh đẹp đã làm xao lòng người thanh niên hào hoa phong độ này. Đứng bên chiếc xe hơi lộng lẫy của mình, chàng mở lời làm quen Marguerite Duras bằng tiếng Pháp ngôn ngữ mẹ đẻ của cô. Điều đó đã làm cô thú vị lạ thường, chàng cũng bộc bạch thân thế của mình, là con của một người Hoa giàu có ở Sa Đéc được du học ở Pháp nhưng không thành về nước chờ thừa kế gia tài của cha. Tiện dịp, Thủy Lê mời Duras lên xe mình về Sài Gòn. Đoạn đường hơn trăm cây số, xuyên qua các cánh đồng xanh tươi thơ mộng đã dệt nên tình khúc yêu đương của hai người, Sài Gòn hoa lệ ngày ấy đã khắc ghi những trang tình sử của hai người, chàng đã mượn cho nàng một căn nhà phố nhỏ xây tổ uyên ương, thỉnh thoảng lại lái xe nhà về đây cùng nàng ái ân, đưa nhau dạo phố Sài Gòn - Chợ Lớn, ăn cao lầu, uống trà tàu, lã lướt các điệu Valse. Từ ấy nàng xao lãng việc học, giám thị nhà trường đã gọi điện tín xuống Sa Đéc cho bà giáo để tham phiên về Marguerite Duras. Bà thắc mắc khi thấy con gái có tiền về thăm nhà và tỏ ra biết cách trang điểm. Sự việc đã không giấu giếm được, Thủy Lê đã mời gia đình bà giáo lên Sài Gòn chơi và thuê khách sạn sang trọng cho bà nghỉ. Những ngày lưu lại Sài Gòn, bà và các con được chàng mời dạo khắp Sài Gòn - Chợ Lớn vào những nhà hàng sang trọng bậc nhất thời đó, phong cách ứng xử và chi tiêu của chàng trai người Hoa Sa Đéc nói được tiếng Pháp đã làm bà giáo có thiện cảm đặc biệt.

Thời gian dần trôi... gia đình bà giáo càng thêm túng bần, Duras thật lòng kể hết gia cảnh của mình cho Thuỷ Lê, nàng cũng kể về dự định của mẹ mình là trở về Pháp tìm kế sinh sống. Thuỷ Lê đã không ngần ngại tặng nàng một chiếc nhẫn hột xoàn giá trị và một số tiền lớn, chàng cũng thú thật với cha mình về tình yêu với cô gái Pháp và xin được cưới làm vợ. Ông Huỳnh Thuận cự tuyệt và còn cho biết lễ cưới giữa Thuỷ Lê với một cô gái người Hoa giàu có đã hứa hôn từ trước và sẽ được tổ chức trong một ngày gần nhất. Sa Đéc những ngày này với Thuỷ Lê là u sầu, ảm đạm... chàng về Sài Gòn rồi cùng Duras đi chơi biển Hà Tiên. Trên bãi biển mơ mộng tình tứ này nàng đã kể về sự phá sản của cha mình. Đó là bất hạnh của gia đình và của nàng, rồi giờ đây thêm một bất hạnh nữa là phải vĩnh viễn chia tay người yêu đầu đời.

Tất cả không qua được mắt bà Marie Donnadieu, bà đã chủ trương đưa con gái của mình một cách thậm tệ và quyết định đưa cậu con trai lớn về Pháp trước. Trong khi ấy lễ cưới của Thuỷ Lê được tổ chức linh đình chưa từng có ở Sa Đéc từ trước tới giờ. Manguerite Duras lén mẹ đạp xe đến một góc phố âm thầm ứa nước mắt tiễn biệt người tình trong trang phục xúng xính cổ truyền bên cạnh cô dâu xa lạ. Không còn gì để nuôi tiếc mảnh đất nghèo khó này, Duras cùng mẹ và em trai giã biệt Sa Đéc lên Sài Gòn chờ tàu về Pháp. Nàng tìm cách hẹn chàng lần cuối trong ngôi nhà nhiều kỷ niệm. Chờ mãi bóng chàng biệt tăm, đau buồn trở về khách sạn cùng gia đình chuẩn bị hành lý xuống tàu.

Cảng Sài Gòn một sáng mùa thu tiền gia đình bà giáo Tây sóng nước reo vui mà lòng Duras thì tan tác. Nhìn lên bờ với rất đông người đưa tiễn, chợt nàng nhận ra người đang đứng cạnh chiếc xe hơi vẫy khăn vĩnh biệt một cuộc tình.

Giữa trùng dương mênh mông, Duras buồn đau nhớ lại những ngày ái ân bên Thuỷ Lê. Khi ấy nàng đã nhận ra trái tim mình thuộc về chàng. Còn giờ đây tình yêu ấy phải chăng là bất tử trong nàng, giữa lúc cõi lòng nàng đang đau xé thì mẹ nàng đang tìm quên bằng giấc ngủ chập chờn, còn cậu con trai đang tíu tít bên cô bạn gái mới quen trên tàu. Tàu xa dần, xa dần trong nắng ban mai...

Thời gian trôi đi với bao biến cố thăng trầm, cô gái Duras năm xưa đã trở thành bà lão ngồi cặm cụi bên bàn viết sách, rồi một chiều mùa đông giá lạnh, chuông điện thoại reo vang trong căn phòng vắng lặng của bà. Duras sững sốt nhận ra giọng nói của người xưa không cảm được xúc động, những giọt nước mắt lăn dài nóng hổi trên đôi má nhăn nheo của bà. Người tình năm xưa nay đã già, đang đưa vợ con đi du lịch nước Pháp. Từ đầu dây bên kia ông vẫn nói rành rọt tôi vẫn yêu cô như thuở nào, rồi điện thoại im bật.

Trong dòng hồi tưởng của mình, Manguerite Duras đã viết nên tiểu thuyết có tên là L'amant (Người Tình) để kể về cuộc tình trắc trở của mình.

Dựa trên tiểu thuyết L'amant đạo diễn Jean Jacques Annaud đã dàn dựng bộ phim Người Tình được quay vào năm 1990 do hãng phim Renn Production của Pháp, phim lấy bối cảnh Sa Đéc, Đồng Tháp Mười, Sài Gòn, Hà Tiên, sông Lòng tàu và cả miền Đông những năm 1927... (cố nhà văn Sơn Nam được mời làm cố vấn đạo diễn về lịch sử và phong tục của phim này. Đây là bộ phim với chi phí tốn kém, công phu và mất nhiều thời gian để tái hiện lại thiên tình sử Thủy Lê – Duras tại mảnh đất Sa Đéc giàu đẹp này và nơi đây ông Huỳnh Thủy Lê đã an giấc nghìn thu sau chuyến đi Pháp cuối đời, mãn nguyện vì đã nói lời sau cùng với người yêu mấy mươi năm trước, cũng là tiếng nói ăn năn dù đã muộn. Bà Duras ở chốn trời Tây tuyết phủ, từng giờ từng phút theo dõi đoàn làm phim bằng trái tim xúc động thổn thức cho đến khi phim được trình chiếu rộng rãi ở Pháp, Việt Nam và một số nước khác, có lẽ bà đã mãn nguyện và thanh thản ra đi về với vĩnh hằng (03/3/1996).

Qua bộ phim này, ngôi nhà của ông Huỳnh Thủy Lê được nhiều khách trong nước và nước ngoài đến tham quan di tích với thiên tình sử Thủy Lê – Duras.

**Cảnh quay trong phim Người tình:*

- Nhà ông Trần Phú Cường ở Sa Đéc:

Marguerite Duras kể về cuộc tình trắc trở của mình, hãng phim Renn Productions của Pháp đã cử một đoàn làm phim sang Việt Nam để quay bộ phim Người Tình.

Nội dung của nó dựa theo tiểu thuyết L'amant do đạo diễn Jean Jacques Annaud dàn dựng, phim lấy bối cảnh Sa Đéc, Đồng Tháp Mười, Hà Tiên, Sài Gòn, Sông Lòng tàu và cả miền Đông những năm 1927. Cố nhà văn Sơn Nam được mời làm cố vấn về lịch sử và phong tục của phim này. Một bộ phim với chi phí tốn kém công phu và mất nhiều thời gian để tái hiện lại thiên tình sử Thủy Lê – Duras tại mảnh đất Sa Đéc này. Vì nhà ông Huỳnh Cẩm Thuận ngành Công an đang quản lý nên đoàn làm phim không được phép quay, cho nên nhà ông Trần Văn Nhơn được chọn để quay một trong những cảnh của bộ phim Người Tình. Cảnh quay tại nhà ông Trần Văn Nhơn là tái hiện lại lễ cưới của ông Huỳnh Thủy Lê với người con gái người Hoa giàu có, trong khi đó nàng Duras lén mẹ ra góc phố đứng nhìn người yêu mình xúng xính trong bộ quần áo cổ truyền với người con gái Hoa.

Khi bộ phim quay các cảnh tại Sài Gòn, đoàn làm phim đã mượn sáu cái lồng đèn mà trước đây ông Huỳnh Cẩm Thuận đã tặng ông Trần Văn Nhơn trong ngày lễ tân gia năm 1923 (Khi ngôi nhà được hoàn thành ông Trần Văn Nhơn có tổ chức lễ khánh thành hay còn gọi là lễ hoàn thành, lễ lạc thành, lễ cài sào. Ông Trần Văn Nhơn làm lễ cúng gia tiên rồi gác thước tằm lên đầu cột cái của gian chính giữa. Lễ

này tổ chức ăn uống linh đình mời bà con họ hàng, bạn bè, khách quan đến dự. Những người được mời đem tiền, câu đối hoành phi, quà đến chúc mừng gia chủ. Trong lễ này ông Huỳnh Cẩm Thuận bạn của ông Trần Văn Nhơn đã tặng 06 lồng đèn cổ cách tân treo ở gian chính của nhà. Đến nay 06 lồng đèn này vẫn còn giữ y chỗ cũ)

- Nhà ông Nguyễn Thành Giung ở Sa Đéc:

Cũng trong “Người Tình” (L’amant) của Maguerite Duras đạo diễn người Pháp Tean Jacques Annaud đã dàn dựng quay bộ phim Người Tình. Phim lấy bối cảnh Sa Đéc, Đồng Tháp Mười, Sài Gòn, Hà Tiên, Sông Lòng Tàu và cả miền Đông Nam bộ những năm 1927.

Ngôi biệt thự của ông Nguyễn Thành Giung cũng được chọn làm bối cảnh lịch sử của bộ phim đó.

Là một trong những biệt thự cổ tiêu biểu cho kiến trúc Pháp ở Sa Đéc. Hội sử học thị xã Sa Đéc đã phối hợp với Đài Truyền hình Đồng Tháp quay và giới thiệu ngôi biệt thự của ông Nguyễn Thành Giung trên sóng truyền hình trong chuyên mục văn hoá xã hội hàng tuần vào tháng 5/2007, Trung tâm Truyền hình Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh đã phối hợp với Hội Khoa học lịch sử Sa Đéc đã quay ngôi nhà này để giới thiệu trên sóng truyền hình Việt Nam trong chuyên mục Việt Nam - Đất nước – Con người.

Và nhà cổ của ông Lê Minh Tồn ở Châu Thành cũng là một nơi được các đạo diễn chọn quay cảnh của nhiều vở tuồng cải lương về cảnh nhà của Hội đồng. Trong số đó có nghệ sĩ Út Bạch Lan – một nghệ sĩ cải lương Nam bộ nổi tiếng từng đến đây quay cảnh và có lần nghỉ lại qua đêm ở ngôi nhà này v.v.

Chương III: NẾP SINH HOẠT TRUYỀN THỐNG

Nhà ở nói chung, của người dân Nam bộ nói riêng, đó là kết quả của quá trình phân đấu lao động, tăng gia sản xuất tạo dựng cuộc sống, xây dựng mái ấm cho từng thành viên trong gia đình có nơi ở ổn định, để thờ cúng ông bà, nuôi dạy con cái. Từ đó tạo ra mối quan hệ và nhận thức ruột rà ở mỗi gia đình, gia tộc. Hình thành nên nếp nghĩ, tình cảm gắn bó giữa mọi người với nhau. Làm cho từng thành viên trong gia tộc cảm thấy quý mến, yêu thương quyến luyến đùm bọc lẫn nhau. Những ngôi nhà cổ có niên đại cao, thông thường thì mối quan hệ họ hàng của chủ nhân càng rộng. Đặc biệt như ở các đại gia đình truyền thống (Tứ đại đồng đường). Những ngôi nhà cổ ở Đồng Tháp được nhiều thế hệ đã sinh sống và có quan hệ tộc họ càng rộng mở. Nhiều ngôi nhà đã trở thành từ đường thờ cúng tổ tiên họ hàng trong tộc họ.

Nếp sinh hoạt truyền thống được thể hiện qua các sinh hoạt lễ nghi, cúng bái hội họp của dòng họ hoặc của những người thân trong gia đình. Các ngày lễ Tết, giỗ kỵ, ngày hội họ, tang ma, cưới hỏi, mừng thọ v.v là dịp để nhắc nhở cội nguồn, đề tri ân tổ tiên; để tạo sự gắn kết, quen biết giữa nhiều thế hệ trong cùng một tộc họ, một gia đình. Qua đó thắt chặt tình thân, tạo sự đoàn kết, chăm lo và chia sẻ những buồn vui, khó khăn trong cuộc sống cũng như nhắc nhở động viên nhau sống sao cho xứng với truyền thống của tộc họ, gia đình⁷⁵.

Xuất phát từ quan niệm: Ngôi nhà không chỉ là nơi che mưa, tránh nắng cho con người trong một đời hay nhiều đời, mà nó còn có tác dụng như một nơi gắn kết tình cảm, suy nghĩ, hành động của các thành viên trong nhà, để có thể phát triển nòi giống trường tồn với dân tộc và những thế hệ tiếp nối ra sức bảo vệ quê hương, xây dựng đất nước ngày càng phát triển. Song song đó, ngôi nhà còn là nơi con người thể hiện đạo đức, sự tôn kính đối với bậc tiền nhân, những người có công dưỡng dục sinh thành và đôi khi chính nơi đây còn là nơi con người soi rọi lại bản thân, thành kính trước bàn thờ gia tiên mà nguyện sẽ không làm những chuyện trái nết nếp gia phong, luân thường đạo lý của dân tộc.

Nhà – không chỉ để ở sinh hoạt mà còn là nơi thờ tự. Không gian trang trọng ở mỗi nhà thường được dùng làm nơi thờ cúng. Đó là sự thể hiện tấm lòng tôn kính của người còn sống đối với người đã khuất hay là sự tri ân của con cháu đối với tổ tiên.

I.Không gian sinh hoạt

Nhà cửa ngày xưa không được tự do xây cất, bày trí như ngày nay. Thể thức phải theo tục lệ khuôn khổ và hạn chế trong đời sống. Tuy vậy công việc trang trí có rất nhiều ý nghĩa, theo xu hướng tín ngưỡng, tôn giáo mà cũng theo nguyên tắc giáo dục truyền thống, phát huy đạo đức tinh thần gia tộc. Cũng có thể nói thể thức đó bao gồm khoa học kỹ thuật theo từng thời kỳ và cũng là nghệ thuật. Mỹ thuật nước ta bao giờ cũng đặc trưng. Nghệ thuật bao giờ cũng có tính cách biểu trưng, hàm ý trên từng nét hoa văn, trên từng đại tự, cho dù theo thể cách khải thư hay viết thảo, hoặc cải tiến giả hình⁷⁶.

Ngày nay thợ nề được coi là thợ chủ yếu trong xây dựng. Xưa, thợ mộc là chính. Thợ mộc còn là nhà điêu khắc dân gian, một nghệ nhân có kỹ xảo, kinh nghiệm truyền thống. Thợ mộc không chỉ dựng cột bắc kèo mà còn phải biết rành kỹ thuật ráp nối chắc chắn, không cần đinh, ốc như ngày nay. Thợ mộc còn có khả năng biến một khúc gỗ, thân cây nặng nề thành một vật có hồn và thanh thoát, biểu lộ sự

⁷⁵ Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn thành phố Hồ Chí Minh, Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa phi vật thể trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, 2002, Nxb Trẻ, [Tiền si Quách Thu Nguyệt. Nếp nhà – Một yếu tố văn hóa phi vật thể cần gìn giữ và huy]

⁷⁶ Khai thư: Lối viết thuận trình bày theo khuôn khổ ấn định, khá cứng chặc, lối viết thảo là viết phóng khoáng lược nét chữ.cải biến giả hình là chữ viết ngày nay được thể hiện bố cục theo thể cách Hán tự. Đại tự là chữ lớn.

thoải mái, uốn lượn nhẹ nhàng tạo cảm giác cho người sống trong ngôi nhà thêm thoải mái và tự hào.

Ngày nay, bất cứ ai có tiền nhiều muốn xây dựng nhà lớn theo kiểu nào cũng được. Ngày xưa, việc này bị chi phối theo luật lệ, ấn định nguyên tắc theo từng giai cấp, địa vị xã hội của gia chủ. Vua quan có thể cách riêng. Dân có giới hạn, không được quyền trang trí theo, nếu không sẽ bị ghép vào tội “Tiếm vị”.

Muốn cất nhà, trang trí ra sao, ngày xưa người ta phải vừa tuân theo luật lệ của nhà vua, vừa tuân theo lệ làng và còn phải tùy thuộc vào tín ngưỡng, phải cầu xin thánh thần phải chọn ngày tốt xấu, phải coi tuổi, có lắm việc nhiều khê phải làm.

Mọi việc trang hoàng bài trí bên trong nhà cũng có luật lệ qui định. Đó là việc chưa nói đến “Làm cách sao cho người đời khỏi có tiếng chê bai mà ngược lại, được tiếng khen là nhà có qui cũ, nề nếp, nhất là có... Văn học”

I.1.Nơi sinh hoạt các thành viên trong gia đình

Nam nữ, dù ở chung nhà nhưng vẫn có sự khác biệt, bởi vậy, buồng trai gái ở riêng, nhà chính thường hướng Nam, buồng con trai ở phía Tây gọi là tây phòng, buồng con gái ở phía Đông gọi là đông phòng. Nếu nhà không làm theo hướng Nam thì phòng con trai ở bên tay phải bàn thờ gọi là hữu phòng, phòng các con gái ở bên tay trái gọi là tả phòng. Nếu nhà đông người con gái phải ở căn nhà phụ, nhưng trai gái vẫn riêng phòng. Việc phân biệt phòng tả hữu hiện nay không còn nữa. dù sao trai gái vẫn tránh sự chung đụng. Trường hợp ở các đô thị vì quá chật chội, không có phòng riêng cho các con, người ta cho trai gái ngủ phòng riêng biệt⁷⁷.

Sự phân biệt không gian sinh hoạt còn được biểu hiện qua kiến trúc nhà chữ đình:

Đặc điểm của nhà chữ đình cửa cái ở nhà trên trổ ở cạnh dài, còn cửa cái của nhà dưới trổ ở cạnh ngắn (tức ở đầu hồi nhà) nên cửa của hai nhà mở ra cùng một hướng. Trước hai nhà có mái hiên và hàng hiên chung liền chạy suốt từ nhà trên đến nhà dưới tạo đồng nhất cho ngôi nhà và có lẽ nhằm hạn chế bớt sự cách biệt giữa nhà trên và nhà dưới. Vì nhà trên được xem quan trọng hơn, có chức năng thờ cúng tổ tiên, ông bà, nơi dành để tiếp khách quý.... Như vậy quan hệ xã hội của nhà chữ đình là thể hiện trật tự Phong kiến phương Đông. Nhà trên biểu hiện vị trí của ông chủ nhà, còn nhà dưới mới là chốn giành cho phụ nữ trong nhà.

I.2.Nhà trên – Nơi thờ cúng (thể hiện đạo hiếu của dân tộc) và tiếp khách

⁷⁷ Phạm Côn Sơn, Văn hóa Lễ tục ABC, 2006. Nxb Văn hóa Dân tộc

Theo quan niệm của người xưa, nghi thức lập bàn thờ ở tại nhà và lễ bái tổ tiên trong những ngày giỗ, Tết, sóc vọng (ông bà, cha mẹ đã chết, nhưng hồn vẫn về ngự trị trên bàn thờ theo dõi công việc hàng ngày, giúp đỡ con cháu). Người sống làm việc gì cũng phải xem tổ tiên có chấp nhận hay không. Lúc gia đình có việc vui mừng (vợ sinh con, con đầy cữ, đầy tháng, đầy năm, con đi học, đi thi, thi đỗ, dựng vợ gả chồng, lập công danh, thưởng phẩm hàm, khao vọng, dựng nhà v.v.) đều có lễ cáo gia tiên. Những biến cố buồn (người chết, ốm đau, gặp chuyện không may, có người đi xa, thua lỗ v.v.) cũng trình với tổ tiên để được phù hộ. Lễ tổ tiên thường có lễ cáo và lễ tạ thường do con trưởng làm chủ lễ. Đặt đồ lễ trên bàn thờ, gia trưởng mũ áo chỉnh tề thắp hương đứng trước bàn thờ, vái ba vái, rồi khăn, tiếp đó lễ bốn lễ thêm ba vái. Sau khi tàn tuần nhang, gia trưởng làm lễ tạ, đem hóa vàng mã, hạ đồ cúng xuống để tổ tiên hưởng đồ lễ. Lễ tạ xong, y môn lại được vén lên⁷⁸

Thờ tổ tiên, ông bà cha mẹ là đạo hiếu của người Việt Nam. Nói tóm gọn là đạo hiếu. Có chỗ thờ kính riêng, dành ở một nơi quan trọng nhất trong nhà, hoặc ở chỗ nào thuận tiện nhất, nếu gia đình ở vào hoàn cảnh eo hẹp.

Thôn quê đất thừa nhà rộng, cuộc mưu sinh ổn định dài lâu, chỗ cư trú khang trang, người ta thờ ở giữa nhà, hoặc là ở gian giữa nếu nhà bao gồm nhiều gian, nhiều chái, hậu đường. Ở chỗ thị tứ có khi cuộc sống khó khăn, chật chội người ta thờ ở một chỗ đơn giản, sơ sài, trên một cái tran đóng vào vách tường, hoặc trên mặt một tủ đứng cho tiện việc cúng lễ cũng được coi là tươm tất.

Đạo hiếu do tâm thành, không căn cứ ở vật chất hay sự bày vẽ, trang trí có tính cách trình diễn.

Bàn thờ gia tiên thờ những người trên trước trong gia đình, nói tóm gọn là tổ tiên, ông bà. Cha mẹ cũng đặt thờ ở đó.

Thờ, trong ý niệm coi người đã khuất vẫn còn chung sống với gia đình con cháu để chú tâm tưởng nhớ, chăm sóc, kính thương và tri ân mãi mãi. Có nhà chỉ đặt một bàn thờ gia tiên, nhưng nhiều gia đình khác lại có lắm bàn thờ dành cho thánh thần, tùy theo quan niệm tín ngưỡng đa thần hay không. Thế nhưng bàn thờ gia tiên bao giờ cũng đặt một vị trí quan trọng nhất ở nhà trên, cũng là nhà chính.

Các bàn thờ khác trong nhà (tùy theo mỗi gia đình) là: bàn thờ Thổ công (ông Địa, ông Táo), bàn thờ thánh sư (các vị được tôn hàng Thánh), bàn thờ nghệ sư (Tổ nghề, thầy nghề v.v. Những gia đình phật giáo có bàn thờ phật.

⁷⁸ Hữu Ngọc, 2002, Từ điển văn hóa cổ truyền Việt Nam, Nxb Thế giới.

Trong nếp sinh truyền thống gia đình đối với lớp người di dân đi khai phá vùng đất phương Nam còn phải kể đến một loại tín ngưỡng dân gian khác, được gọi theo nhiều cách như sau: Cúng việc lễ, cúng vật lễ hay cúng lễ.

“Cúng việc lễ” là nghi thức cúng truyền thống theo việc đã thành lễ thói được hình thành trong quá trình khẩn hoang vùng đất Nam bộ của người Việt. Tín ngưỡng này không có ở miền Bắc và không rõ ràng ở miền Trung. Chỉ được biểu hiện rõ ràng trên vùng đất Nam bộ. Theo ông Lê Minh Tồn, chủ nhân nhà cổ kể rằng, gia đình ông hàng năm vào dịp tết có tổ chức cúng lễ Thiết thực (một cách gọi tên khác trong dân gian của cúng việc lễ). Thức cúng của gia tộc ông là món cháo trắng, bày cúng ở ngoài sân vào đêm ba mươi tết, trước khi cúng, lấy thanh củi gõ vào chiếc miếng dừa khô ba tiếng, rồi thắp nhang khấn nguyện...⁷⁹; còn ông Võ Văn Út ở Long Khánh A, huyện Hồng Ngự kể, vật cúng lễ của gia tộc ông là món ghém bắp chuối - nước lèo và cúng thường lệ vào lễ cúng tất của mỗi cái Tết hàng năm (mùng 7 tháng giêng âm lịch). Đây là dịp mọi người trong gia tộc sum họp đoàn tụ về nơi thờ cúng tổ tiên, hàn gắn tình thân quyến thuộc thắt chặt tình cảm họ hàng với nhau.

Theo tài liệu của: Nguyễn Hữu Hiếu, Phan Thị Yến Tuyết... thì nội dung tín ngưỡng này rất đa dạng: cháo ám, cá lóc nướng trui, gỏi cá, mắm sống, rắn nướng mọi, bắp chuối đập đập...

“Cúng việc lễ” khá phức tạp, đa dạng ở Nam bộ, tín ngưỡng này bao hàm nhiều nội dung được đan ghép vào nhau. Người dân Nam bộ quan niệm tín ngưỡng này khá rõ ràng, rạch ròi như một công thức: “Trước cúng việc lễ, sau cúng đất, cúng cô hồn, cầu an cho dòng họ”⁸⁰.

Tựu chung lại: vật cúng cũng như nghi thức cúng hoàn toàn mang tính cách riêng tư của nhiều kiến họ, nên mỗi họ đều có qui ước riêng về vật cúng, ngày cúng và cách cúng. Nên dù có lưu lạc xa quê hương bản quán đến đâu thì cũng đến ngày đó tháng đó, vật đó mà cúng y như trước, không thay đổi.

Qua hình thức và nội dung của cúng việc lễ, ta thấy cúng việc lễ như nhằm diễn lại cuộc sống thiếu thốn gian khổ của tổ tiên trong buổi đầu khai hoang; như nhắc lại, như nhắn nhủ với con cháu đời sau có cuộc sống sung túc đầy đủ, không nên quên công lao khó nhọc của tiền nhân bao năm trước, phải sống cho xứng đáng với sự hy sinh đó.

Tín ngưỡng “Cúng việc lễ” đã tồn tại trên dưới ba trăm năm, là tín ngưỡng đặc ở vùng đất Nam bộ. Hiện nay tín ngưỡng này còn tồn tại ở rất nhiều địa phương như: Đồng Tháp, Bến Tre, Tiền Giang, thành phố Hồ Chí Minh... Và tín ngưỡng này ở tỉnh

⁷⁹ Ông Lê Minh Tồn, sinh năm 1942, xã Tân Bình, huyện Châu Thành

⁸⁰ Phan Thị Yến Tuyết, xuân Kỷ Mão 1999, Ngày Xuân nói chuyện tín ngưỡng ở Nam bộ, Tạp chí Xưa và Nay, Hội KHLN Việt Nam

Long An đã được cơ quan chức năng lập hồ sơ khoa học, đề nghị và được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục di sản văn hóa Phi vật thể quốc gia năm 2015.

Về bàn thờ được trang trí hình thức, màu sắc, dáng vẻ khác nhau tùy theo quan niệm và ý thích khác nhau của từng người, từng nhà. Tuy nhiên, về những vật thờ phụng có điểm giống nhau là phải có bài vị, bình hay lọ cắm nhang, đèn nến, chò đỡ đĩa trái cây, bình bông v.v.

Trình bày, xếp đặt bàn thờ gia tiên.

Người xưa, thờ trên một cái bàn dành riêng, thường thiết lập ở:

- Gian nhà chính giữa.

- Nhà trên, nếu không có nhà riêng để thờ (từ đường).

Ở Nam bộ đa số thờ trên một cái tủ, gọi là tủ thờ, vì lẽ:

- Đặt để trên cao.

- Cho ra vẻ uy nghi.

- Thu xếp gọn gàng, có chỗ đặt để nhiều tủ thờ (bên nội, bên ngoại) ở hai bên tả, hữu.

Tủ thờ có cấu trúc thẩm mỹ, chạm khắc tỉ mỉ, tinh tế, vừa sang trọng, vừa đĩnh đạc, biểu lộ trang nghiêm.

Theo xưa bàn thờ kê làm hai lớp.

Lớp trong (kê sát tường hậu) gồm:

Bên trong cùng lớp thứ nhất là thần chủ (bài vị) đựng trong khám được kê trên một cái bệ. tại những gia đình không có bài vị, người ta chỉ kê ở đây một cái y hoặc cái ngai tượng trưng cho ngôi vị Tổ tiên.

Những gia đình khá giả thích dùng đồ vật thờ sơn son thếp vàng lộng lẫy, biểu hiện kiêu sa, hào nhoáng và quý phái.

Cái ngai rất đặc biệt, được làm bằng gỗ quý (cẩm lai) được sơn son thếp vàng, hai tay ngai được chạm khắc hình đầu rồng, một con thú huyền thoại đứng đầu trong tứ linh, thường được kiến trúc điêu khắc cổ chú trọng dùng trang hoàng, cho nên ở đây người ta cũng đặc biệt làm cho các đồ tự khí.

Trước thần chủ đặt kỷ tam sơn, là một loại đồ thờ nhỏ gồm ba phần. Phần giữa cao hơn hai bên, dùng để đặt đĩa trầu, chén hoặc ly nước... vào những ngày cúng. Ở miền Nam trên bàn thờ không có y môn, hoặc có mà khoảng không gian trên bàn thờ rộng, cao có khi người ta chưng rất nhiều trái cây, bông mua hoặc hái quanh vườn

nhà. Vì thế, cần đến bình cầm cao lớn. Về quả trái cũng vậy. nhờ địa phương phong phú nhiều loại trái cây nhiều màu sắc và trái thường to, người ta phải dùng đến một đĩa lớn bằng gần cái mâm đồng, gọi là đĩa quả tử. Khi đĩa này đựng hàng chục loại trái cây (có khi trên đó gồm dưa hấu, dưa, khóm, măng cầu...) khá nặng, muốn chưng đưa lên cao, người ta phải dùng đến cái chò, độ bốn tám tây bằng gỗ đánh véc ni hoặc sơn đen bóng, có khi chạm hình ba con rồng tung mây, ngẩng mặt lên trời ở ba cạnh để đĩa trái cây lên.

Ở đây, cần phải nói sơ qua nghệ thuật chưng trái cây ở Nam bộ từ hơn 60 mươi năm qua (trong trường hợp không có y môn). Những nghệ nhân khéo tay có thể dùng các loại trái cây có màu sắc và hình dáng khác nhau để tạo hình “Lưỡng long châu nguyệt” chiếm cả không gian rộng cả một mét ở phía sau sát vách ngăn bàn thờ rất sinh động giống y như thật. Từ khi điện quang được dùng phổ biến rộng rãi, nghệ nhân kết hợp với kỹ thuật cơ điện tạo nên những tác phẩm đặc sắc. Hai con rồng bằng trái cây có thể lay động được và đèn màu chớp tắt khiến cho bàn thờ thêm hấp dẫn ngoạn mục, ban đêm tăng vẻ u linh, ban ngày cũng khá sinh động.

Thực hiện chưng trái cây này cũng khá tốn kém, đến nhiều triệu đồng. Chỉ những gia đình nào khá giả, tên tuổi, có nhà rộng rãi, bàn hay tủ thờ lộng lẫy, ở thôn quê mà có khiếu thẩm mỹ và chuộng nghệ thuật tạo hình mới thích thú cho tạo hình trong những dịp đặc biệt như lễ cưới, Tết và giỗ lớn có đông đảo con cháu qui tụ về...

Lớp trong bàn thờ được thực hiện như vậy. Lớp này được ngăn với lớp ngoài bằng một y môn (theo xưa), tức là chiếc màn thờ, thường bằng the nhiễu hay vảimàu đỏ.

Y môn treo trên cao buông thông xuống. Khi buông thì che khuất lớp trong bàn thờ. Lúc vén cũng đủ ngăn ra hai lớp trong và ngoài của bàn thờ.

Ý nghĩa buồn rủ y môn xuống là báo hiệu lúc tổ tiên hưởng thụ lễ vật cúng. Cần phải che màn để hương hồn các cụ được tự nhiên, thoải mái, cũng như người đang sống vào lúc ăn không muốn kẻ khác, dù là con cháu đứng dòm miệng.

Lớp ngoài. Được kể từ y môn trở ra, thứ tự có:

Trước hết là một hương án cao, trên hương án, chính giữa có một bát nhang, phía sau bát nhang là một chiếc kỷ nhỏ, giống như cái mâm kê trước thần chủ (ở lớp trong). Trên kỷ để ba cái đài có nắp, bên trong kỷ để ba chung nhỏ dùng để rót rượu cúng vào dịp giỗ, Tết sóc vọng. Hai bên bình hương để đôi chân đèn con tiện để thắp đèn cây thực hiện nghi lễ trong những dịp giỗ, lễ, Tết của gia đình. Ngày xưa khi, trong những ngày giỗ, người ta đặt trên hai chân đèn hai đĩa dầu lạc, dùng bấc đốt, về

sau có khi là dùng hai đèn đốt dầu hỏa...và nay có nhiều gia đình dùng bóng điện luồn vào thắp sáng thay thế dầu.

Chính giữa hai cân đèn là lư hương, đa dạng, về kiểu dáng, hình thức, có loại vuông, tròn chạm khắc hoa văn công phu tỉ mỉ, có loại cũng để đơn giản.

Lư hương được làm bằng đồng (hoặc thau) qua nhiều thời kỳ đã thay đổi cải biến. Bộ phận hoặc tròn bầu, hoặc hình vuông được đặt trên đế có ba chân chạm khắc hình đầu lân, có hai tay bên hông chạm khắc hình rồng bay, hoặc vân (mây) tỏa lên, do đầu lân (cũng có thể là đầu rồng) phun ra hoặc là gốc tre đầy mắc, nhưng thanh thoát. Trên có nắp tròn, hoặc vuông thích ứng khuôn khổ phần chính. Trên nắp có hình con lân ngồi vẩy đuôi đặt chân lên một vật tròn như là quả địa cầu. Lư rồng, người ta dùng để đốt trầm hoặc nhang vòng trong thời gian dài.

Xưa kia, ngoài hai chân đèn còn có hai con hạc châu ở hai bên tả, hữu. Trên đầu hai con hạc cũng có chỗ thắp nến gọi là hạc đội đèn. Phía ngoài có ống để nhang (hương), có miệng loa, chân con tiện.

Ngoài ra, nhiều nhà còn có một, hoặc đôi lục bình để trên bàn thờ dùng để cắm hoa hoặc cành mai (miền Bắc là cành đào) vào dịp Tết.

Trong trường hợp chỉ có độc bình, thì đối diện với lục bình là mâm bồng đựng trái cây, cũng có khi là một chiếc mâm chân quỳ. Nam bộ đặt độc bình và mâm hay đĩa trái cây theo nguyên tắc Đông bình Tây quả, nghĩa là bình ở phía Đông và trái cây ở phía Tây.

Những gia đình khá giả, trên bàn thờ sử dụng đồ thờ sang trọng bằng đồng gọi là bộ tam sự, ngũ sự hay thất sự.. Nhiều nhà dùng toàn bằng đồ gốm sứ, kể cả sứ Tàu ở Giang Tây được coi là quý báu.

Trong bộ tam sự có chiếc đỉnh đồng thay thế cho bình hương. Hai bên đỉnh (lư hương) là hai con hạc đồng (có khi là hạc đứng trên lưng quỳ) trên mỏ ngậm hai bông hoa là nơi để cắm nhang.

Nếu là bộ ngũ sự, cũng là bộ tam sự gia thêm hai ống nhang, và bộ thất sự chính là bộ ngũ sự kèm với đôi đèn nữa.

Hiện nay những ngôi nhà cổ Đồng Tháp, có niên đại từ 100 năm trở, qua nhiều thế hệ đã sinh sống nơi này, đến nay nhiều nhà được sử dụng làm từ đường thờ tộc, họ nên có những nhà có rất nhiều bàn thờ: thờ tổ tiên, tộc họ nội, họ ngoại... có tủ (bàn) thờ xưa chạm khắc công phu tỉ mỉ, cẩn ốc xà cừ lồng lẩy và cổ kính, trên bàn thờ bày trí những vật dụng thờ bằng đồng, bằng sứ sang trọng xưa, hiếm trên các bàn thờ có đủ các bộ tam sự, ngũ sự, thất sự.

Không gian trang trọng ở nhà trên, phía trước bàn thờ gia tiên còn là nơi gia trưởng tiếp khách, hoặc hàng ngày uống trà, ngâm thơ. Nhiều nhà có đặt trước bàn (tủ) thờ một cái bàn dài có nhiều ghế gọi là bàn gia tiên hay bàn trưởng thượng.

Ở hai bên kê bộ ghế ngựa hay phản. Con cháu tiếp khách ở hai bên này. Ở căn nhà chính này trừ ngày giỗ Tết, đàn bà con gái không được bén mảng tới. Đàn bà tiếp khách ở nhà ngang hoặc buồng riêng.

Ngày nay ở thôn quê, việc giữ gìn nếp cũ vẫn được bảo tồn và các bà tránh tiếp khách ở gian nhà thờ. Tục này do ở việc phụ nữ không được phép ở nơi tế tự, từ xưa.

I.3.Nhà dưới – Nơi diễn ra sinh hoạt thường nhật của các thành viên trong gia đình và phụ nữ tiếp khách.

Nơi nhà dưới cũng có bộ ván đặt gần cửa ra vào để bà chủ nhà ngồi tiếp chuyện khách quen. Bên trong nhà là chỗ của lẫm lúa cùng các loại nông cụ. Thông thường, nhà dưới ở đâu là nhà bếp ở đó. Hoặc có khi nhà bếp được nói rộng thêm ở phía sau nhà dưới và thường được dựng theo hình thức lớp chái. Nơi đây cũng đặt bộ ván để nằm nghỉ, ngồi chơi và chủ yếu dùng để ăn cơm. Nông dân đồng bằng sông Cửu Long vẫn còn giữ thói quen ngồi xếp bằng ăn cơm trên bộ ván. Nhiều gia đình giữ lệ cũ, cho tới nay vẫn không có thói quen dùng tủ đựng thức ăn, chén bát mà họ chỉ quen dùng bộ ván đơn sơ kê trong góc, trên đó chất đủ thứ nồi chén, bát đồ gia dụng nhà bếp thúng rổ... còn bếp lò xây theo kiểu xưa là cái bàn gỗ vừa tầm đứng, trên đó lớp đất nện chắc và kỹ, đặt lên đó ba bốn lò đất nung chụm bằng củi hoặc than và một lò chụm bằng trấu.

Nhà dưới, tuy không được xếp quan trọng như nhà trên, nhưng là nơi diễn ra mọi sinh hoạt hàng ngày của gia đình: từ công việc chế biến, nấu nướng bữa ăn cho gia đình đến may vá, sửa chữa nông cụ, trò chuyện thư giãn giữa các thành viên trong gia đình với nhau sau bữa cơm chiều hoặc sau khi công việc đồng áng thanh thoi.

Tuy không phải là nơi trang nghiêm nhà trên, nhưng nhà dưới cũng có một vị trí quan trọng, là nơi biểu lộ tình cảm của mọi thành viên trong gia đình hoặc bà con họ hàng, láng giềng thân thích khi có dịp quây quần bên nhau giúp cho tình cảm của họ thêm gắn bó và đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau. Vì vậy nhà dưới cũng là một bộ phận kiến trúc quan trọng trong sinh của người Việt.

II.Những lễ, tục

Trong đời sống của dân tộc Việt (mỗi dân tộc đều có tập tục riêng) ở cộng đồng dân cư ở làng, xã mỗi nơi đều có quan hệ ràng buộc của phong tục, tập quán và những nghi lễ, nghi thức gắn với “Vòng” đời con người. Đó là quan, hôn, tang tế, nền

nếp gia giáo v.v. của mỗi gia đình, mỗi dân tộc mang tính đặc trưng riêng và được biểu hiện qua một số nội dung cơ bản sau:

Về lễ:

- Gia đạo: đạo lý trong nhà như làm con phải hiếu, làm anh phải nhường. (Điện hình nhất là ông Huỳnh Thuỷ Lê phải nghe lời cha mẹ để cưới vợ là người không quen biết, bỏ rơi người tình cũ – Chủ nhân nhà cổ ở Sa đéc)

- Gia giáo: sự giáo dục của gia đình.

- Gia lễ: cách thức sinh hoạt trong nhà theo đúng phép tắc, có lễ nghĩa phân minh, lễ thường diễn ra mấy hình thức như: quan, hôn, tang, tế.

+ Quan: có nghĩa là đội mũ, là cái tế để trân trọng sự ra đời và trưởng thành của đứa bé.

+ Hôn: là tổ chức cưới vợ gã chồng cho con cái

+ Tang: là việc ma chay

+ Tế: là việc cúng bái trong nhà như thờ cúng gia tiên, ông bà, cha mẹ, lễ tết, giỗ chạp hàng năm.

- Gia phong: phong cách của gia đình là điều con cái luôn luôn giữ gìn, không được làm nhục gia phong, vì làm nhục gia phong sẽ phạm vào gia pháp và phải bị trừng phạt nặng nề là có thể bị xoá tên không công nhận là người trong nhà, trong tộc họ.

v.v.

Về tục:

Một số tục trong đời sống sinh hoạt:

Có tục rước ông bà vào ngày ngày Ba mươi Tết, tục chưng Mai (miền Nam, Đào miền Bắc) vào ngày Tết, đưa ông Táo vào Ngày 23 Tháng Chạp, tục xông đất vào ngày Mừng Một Tết, tục hút thuốc, phụ nữ ăn trầu (ở Nam bộ hiện nay còn rất ít người ăn trầu), tục đốt pháo vào ngày lễ (gồm lễ cưới), Tết (nay nhà nước đã cấm) v.v.

Còn rất nhiều những lễ tục liên quan đến cuộc sống con người và mỗi nơi lại có những lễ tục khác nhau, tính từ khi con người mở mắt chào đời đến khi nhắm mắt chui vào đất mộ...

Với người phương Đông nói chung và dân tộc Việt ở khắp mọi miền đất nước nói riêng đều coi chuyện “Sinh và tử” là đứng đầu, và “Nghĩa tử là nghĩa tận” bởi

“Sinh ký tử qui” chết là hết. Mọi người đều vì nghĩa, khi có người lâm chung, khi sống đôi khi không phải lòng nhau, nhưng đến khi nhắm mắt xuôi tay dù có thù hằn cũng được “Xí xóa”. Đó là đạo lý, tính nhân từ và lòng vị tha theo truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt.

Do vậy, nội dung này nêu về một số tục khi con người mới chào đời và chết, thường thấy thực hiện ở Nam bộ cũng như ở Đồng Tháp.

Mới chào đời:

Trong khi có mang, váng đầu đau mình gọi là ốm ghen; hay thèm ăn chua chát gọi là ăn dở. Đến lúc sinh sản mời bà mẹ đến đỡ, trẻ sinh ra và cắt rốn chôn nhau. Chôn phải sâu, tránh chỗ giọt gianh kéo về sau con tróc đầu loét mắt⁸¹.

Tục treo vỏ ốc bươu trét vôi và xương rồng:

Ở cửa và các góc buồng người nằm cũ nhằm ý trấn yểm tà ma, khí độc làm ảnh hưởng đến bà mẹ và trẻ em (người đàn bà mới sanh con), thời gian ở cũ là 7 ngày (đối với bé trai) và 9 ngày (ngày đối với bé gái) và chùm xương rồng và vỏ ốc treo đến khi nào xương rồng khô thì mới gỡ bỏ.

Thường thấy ở nông thôn Nam bộ, trong thời gian ở cũ, người mẹ phải kiêng cử, kiêng khem gió máy, phải nằm than, ăn cơm với muối tiêu hay thịt sườn kho mặn, chuối xiêm (không ăn chuối dả) để tiêu cho cay, ít dùng canh hay dùng nước cơm (khi xưa ăn gạo lúa mùa, xay nhà máy nhỏ, gạo còn lớp bao cám nên nấu cơm xôi hơi lâu, chất lấy nước cơm hơi sệt, beo béo rất thơm ngon và bổ dưỡng).

Tục tránh người nặng bóng vía đến thăm:

Thông thường phụ nữ thăm nhau khi sanh nở, tuy nhiên những người có tướng mạo dữ dằn, ăn nói bậm trợn, thô lỗ v.v. đến thăm thì người thân trong nhà đón ở cửa và tìm lý do hợp lý, không phiền lòng, nói tránh để người khách đến thăm, ở ngoài không vào buồng bà mẹ và bé, hỏi thăm chuyện vãn qua lo chốc lát rồi về, để tránh cho bé không khóc thét và giật mình. Người xưa tin như thế.

Sau thời gian ở cũ, người phụ nữ mới được ra khỏi buồng, để dọn dẹp buồng ở cũ gọi là “Hốt bếp”. Khi đó người thì người mẹ được tới lui trong nhà mình, khi em bé ngủ...

Tục xin phép Ông Táo:

Sau thời gian ở cũ và nằm xó một thời gian dài, khi muốn đi xa thăm họ hàng, quyến thuộc, thăm mẹ đẻ ... sau khi chuẩn bị mọi thứ xong, trước khi ra khỏi nhà

⁸¹ Phan Kế Bính, 1990, Việt Nam Phong tục, Nxb Tổng hợp Đồng Tháp

người mẹ lấy lọ nôi, lọ cháo quệt lên trán đứa bé trước lúc khởi hành, để đứa bé theo mẹ đến ngủ qua đêm nhà người lạ không giật mình vì bị bà mụ quở trách

V.v.

Khi chết:

Tục ngậm hàm:

Khi người tắt hơi, chết. Người thân lau chùi thi thể sạch sẽ, thay đổi quần áo thơm mát, lấy chiếc đĩa để ngang hàm, bỏ một vốc gạo và ba đồng tiền vào miệng hoặc ba miếng vàng, nhằm ý cho người chết về cõi âm được no đủ, có chi phí tiêu sài? Gọi là lễ ngậm hàm.

Tục cưới chạy tang:

Mấy hôm nhà có người chết, mới nhập quan, con cháu còn được phép cưới, còn là cưới chạy tang.

Tục rải giấy vàng bạc:

Là tục cho rằng có quỷ vịn vào quan tài, phải rải tiền vàng hối lộ tổng quỷ, kéo quan tài nặng khó đi.

Tục gà kéo mả:

Trong lễ mở cửa mả (lễ khai mộ), ở Nam bộ, đa phần có thực hiện tục này. Sau gia đình thực hiện lễ cúng tạ người chết. Dùng con gà mái tơ cột chân vào ngọn mía lau (chuẩn bị sẵn), con cháu chịu tang người chết, một người bịt khăn tang đi trước rải đậu xanh và gạo, một người đi sau dắt con gà kéo đi quanh mộ ba vòng, làm cho gà kêu oang oác, nhằm đánh thức gọi vong hồn người chết, sau khi kết thúc mở cửa mả, nương theo linh vị, người thân đưa về nhà tỵ vị trên bàn thờ để người thân thờ cúng.

Sau khi kết thúc lễ mở cửa mả, ngọn mía lau được cắm ở đầu mộ, sau đó phát triển thành bụi um tum, xanh mướt; còn gà được thả tự do, trường hợp mộ xa nhà gà sống hoang, hoặc bị trẻ lang thang bắt giết thịt, nếu mộ gần nhà thì gà trở vào nhà, dân gian cho rằng gà kéo mả đẻ rất sai, chủ nhà nuôi, chứ ít giết thịt vì gà đẻ trứng rất sai, đã gặp trường hợp gà kéo mả đẻ đến 30, 40 trứng, hoặc hơn. Có phải đây là sự trùng hợp, thật khó giải thích?

V.v.

III. Truyền thống gia đình

III.1. Nuôi dạy con cái học hành thành đạt nên người, có nhiều đóng góp cho xã hội.

Dân tộc Việt Nam có truyền thống hiếu học từ ngàn đời. Từ xa xưa, nhiều gia đình dù nghèo túng cũng tìm cách cho con học tập để giúp ích cho đời. Chính truyền thống hiếu học của các gia đình Việt Nam đã hun đúc và góp phần đào tạo nên nhân tài cho đất nước. Tục ngữ ta có câu: “Con nhà tông không lông cũng giống cánh” chính là để nói về truyền thống học tập trong gia đình đã ảnh hưởng lớn đến các thế hệ trong học tập để vươn lên thành những tài năng có ích cho đất nước. Xét về phương diện khoa học, truyền thống gia đình chính là môi trường, điều kiện, phương tiện, không khí sinh hoạt, việc rèn luyện thường xuyên, sự kích thích, nêu gương tốt giúp cho các thành viên từ thuở ấu thơ đến khi trưởng thành tiếp thu thuận lợi các kiến thức giáo dục. Một nhân tố nữa của truyền thống mà chúng ta phải kể đến là yếu tố di truyền của những gien trội trong học tập đã được sàng tuyển qua nhiều đời đối với các thế hệ con cháu được thừa hưởng.⁸²

Vì thế, qua khảo sát ở những ngôi nhà cổ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, loại hình di sản nhà ở của tiền nhân để lại. Những người chủ khi xưa dựng nên những ngôi nhà này, hẳn có rất nhiều hăng sản, nguồn lực kinh tế dồi dào, cuộc sống của họ đã ổn định và sung túc, họ đầu tư nhiều tiền của để xây nên ngôi nhà chắc chắn, khang trang để ở lâu dài và để lại cho con cháu sau này. Có thể nói khi nhìn qua ngôi nhà, chúng ta dễ dàng nhận biết nguồn tài lực, điền sản (vì xưa kia của chủ nhân những ngôi nhà này giàu lên nhờ vào sản xuất nông nghiệp là chính) có thể hậu thuẫn bền vững cho nhiều thế hệ con cháu học hành, làm ăn nối tiếp truyền thống lao động sản xuất phát triển kinh tế gia đình ngày càng hưng thịnh. Chỉ trừ phi gia đình gặp cảnh “Hết thời làm ăn”, bất hạnh hoặc gặp phải một vài “Phá gia chi tử” chơi bời, hút chích, nghiện ngập v.v. thì gia đình mới suy kiệt, hoặc “Tán gia bại sản” mà thôi.

Còn thực tế, đa số những ngôi nhà này là nơi nuôi dưỡng, sử dụng qua thế hệ trong gia đình. Con, cháu học hành thành đạt. Có nhiều cống hiến, đóng góp công sức, trí tuệ, tiền của cho quê hương góp phần xây dựng và bảo vệ tổ quốc phát triển bền vững, phồn vinh.

Hầu hết ở những ngôi nhà cổ còn tồn tại, đến khảo sát, qua lời kể của chủ sở hữu hiện tại của mỗi ngôi nhà, hay tìm hiểu qua lịch sử gia tộc, chứng minh rằng con cháu họ đều được ăn học đàng hoàng, có công việc xã hội hoặc cơ sở lao động sản xuất, kinh doanh ổn định. Bởi vì ít nhiều, họ được thừa hưởng tài sản, kinh nghiệm lao động sản xuất truyền qua nhiều thế hệ. Đó là nền mà mỗi thành viên trong gia đình họ được nuôi dạy, học hành và trợ lực tài chánh vững vàng khi con cháu họ ra đời lập thân, lập nghiệp. Vì vậy, họ có điều kiện để tiến thân và phát triển công danh sự nghiệp. Và sau đây là ví dụ vài trường hợp về sự thành đạt của con cháu sống ở những ngôi nhà cổ Đồng Tháp. Đó là trường hợp: của ông Nguyễn Thành Giung (nhà cổ Nguyễn Thành

⁸² Nguyễn Thế Long, 1999, Gia đình và Dân tộc, Nxb Lao động

Giung) được đào tạo du học, trở về nước công tác, có nhiều đóng góp cho sự phát triển của nền giáo dục trong nước trong quá khứ.

.....Khi mới về nước được vài năm, ông làm việc tại phòng nghiên cứu khoa học thuộc địa tại Sài Gòn. Sau đó làm giáo sư giảng dạy tại Trường sư phạm Normal, Trường Chasseloup Laubat (nay là Trường Lê Quý Đôn), Trường Pérlus ký (nay là Lê Hồng Phong). Đây là những trường trung học rất nổi tiếng thời Pháp thuộc có truyền thống đào tạo ra những người học rất giỏi và thành đạt (truyền thống này hiện nay vẫn còn, các trường này là các trường chuyên của Tp. Hồ Chí Minh).

Trong thời gian này ông tranh thủ về nhà lúc nghỉ hè để thư giãn sau thời gian công tác.

Sau một thời gian làm giáo sư trung học có uy tín, ông được bổ nhiệm Hiệu Trưởng Trường trung học Mỹ Tho tức Trường Nguyễn Đình Chiểu ngày nay. Đây là một ngôi trường trung học có tiếng của Nam bộ đã đào tạo cho đất nước một thế hệ tri thức lãnh đạo cho cách mạng Việt Nam như Phạm Hùng, Nguyễn Hữu Thọ, Phạm Ngọc Lễ, Huỳnh Tấn Phát.v.v...

Đến năm 1946 ông Nguyễn Thành Giung được giữ chức Vụ trưởng Bộ Quốc Gia Giáo dục trong Chính phủ Nguyễn Văn Thỉnh. Sau khi chính phủ này đổ, ông ra Hà Nội làm giáo sư giảng dạy tại Đại học Khoa học Hà Nội.

Năm 1952 ông được cử lại làm Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Thanh niên (ông được giữ chức Bộ trưởng Bộ Giáo dục tất cả ba lần), kiêm Phó Viện trưởng Viện Đại học Hà Nội. Trong thời gian giữ trọng trách Bộ trưởng Bộ Giáo dục, ông đã cho ban hành một Nghị định về cải tổ giáo dục bậc Trung học theo chương trình Việt Nam ngày 14/10/1953.

Và gương về một vài doanh nhân kinh doanh thành đạt trong gia đình nhà cổ Huỳnh Thủy Lê đã để lại cho hậu thế của gia tộc nhiều điền, sản:

Ông Huỳnh Cẩm Thuận là Trưởng ban trị sự Bang Phúc Kiến. Bang là tập hợp những người đồng hương ở tỉnh Phúc Kiến – Trung Quốc, ông là người có công trong việc xây dựng Kiến An Cung – Chùa Ông Quách từ năm 1924-1928 (hiện là Di tích Lịch Sử Văn Hoá cấp Quốc gia).

Con trai út của ông Huỳnh Cẩm Thuận là ông Huỳnh Thủy Lê du học ở Pháp, đã thừa kế gia sản của ông cũng như chức vụ trưởng ban trị sự Bang Phúc Kiến, Chánh tổng lý Chùa Kiến An Cung khi ông qua đời.

Khi ông Thuận mất, ông để lại khối tài sản đất đai, phố xá ở Sa Đéc rất nhiều, con trai lớn là ông Huỳnh Thoại Ngọc quản lý về đất đai, con trai út là Huỳnh Thủy Lê quản lý về phố xá (3/4 phố xá ở Sa Đéc là của ông Huỳnh Cẩm Thuận) v.v.

Con cháu của gia đình này đều thành đạt có người có trình độ học vấn rất cao là kỹ sư, bác sĩ, tiến sĩ, giáo sư đại học ở nước ngoài.

Ông Huỳnh Thoại Ngọc có vợ là bà Phan Thị Nay sinh được bốn người con:

1/ Huỳnh Thoại Châu – Sinh năm 1938

2/ Huỳnh Thoại Quan – Sinh năm 1942

3/ Huỳnh Thoại Chân – Sinh năm 1944

4/ Phan Thoại Trọng – Sinh năm 1946 (lấy họ Phan là họ mẹ vì lúc sinh ông Ngọc không có ở nhà đi khai sinh).

Sau khi du học ở Pháp về ông Huỳnh Thuỷ Lê có vợ là bà Nguyễn Thị Phụng, ông Huỳnh Thuỷ Lê và bà Nguyễn Thị Phụng có tất cả là năm người con ba trai, hai gái:

1/ Huỳnh Thuỷ Tiên - Tiến sĩ y khoa, giám đốc bệnh viện nhi California - Hoa Kỳ (đã nghỉ hưu)

2/ Huỳnh Thuỷ Hà – Giáo sư dạy đại học Sorbone – Pháp (đã nghỉ hưu)

3/ Huỳnh Thuỷ Anh – đang định cư ở Mỹ

4/ Huỳnh Thuỷ Tuấn – đang định cư ở Mỹ

5/ Huỳnh Thuỷ Tòng – đang định cư ở Mỹ

III.2. Sản xuất, kinh doanh gìn giữ làng nghề truyền thống

Chủ nhân những ngôi nhà cổ xưa kia ở Đồng Tháp, lấy nghề nông làm đầu “Cơ nghiệp”(một số ít theo nghề kinh doanh, thương mại như người Hoa), dần dần qua lao động sáng tạo, phát triển của lịch sử, các làng nghề thủ công hình thành và trở thành làng nghề thống đặc trưng của địa phương.

Những người sinh sống trong một nhà đình nói chung, ở nhà cổ nói riêng qua nhiều thế hệ, đã hình thành nên nếp nhà, được biểu hiện qua việc gìn giữ lưu truyền, phát huy, tôn vinh nghề truyền thống của gia đình. Nhiều gia đình, trải qua nhiều đời, nhiều thế hệ vẫn sống chết với nghề gia truyền, hoặc nối nghiệp theo kiểu cha truyền con nối. Những tinh hoa, bí quyết nghề nghiệp của gia đình được gìn giữ và lưu truyền từ đời này sang đời khác, thậm chí được giữ gìn tôn vinh như đạo nghề. Nếu như nhiều nghề truyền thống của làng, tộc họ do tác động bởi sự phát triển của xã hội hiện đại có bị mai một thì nghề truyền thống của từng gia đình vẫn được bảo lưu, gìn giữ bền vững. Có nhiều gia đình sống căn cơ vững vàng với nghề truyền thống của gia đình. Sự tinh xảo, khéo léo, độc đáo của sản phẩm được làm ra từ bàn tay tài hoa và độ dày dặn kinh nghiệm của nghề đều được tích lũy và truyền dạy từ nhiều đời. Và

nhiều sản phẩm được làm ra từ nghề truyền thống gia đình ngày nay đã trở thành những thương hiệu riêng của gia đình hay thương hiệu chung của cộng đồng làng, xã như: con cháu ở nhà cô Nguyễn Thị Kính, xã Định Yên cùng góp chung nên thương hiệu làng nghề dệt chiếu cổ truyền Định Yên; nhà ông Lê Minh Tồn xã Tân Bình, huyện Châu Thành, cạnh làng Tân Phú Đông, Sa Đéc sống nghề truyền thống làm bột; nhà ông Võ Văn Út làng Long Khánh, Hồng Ngự với nghề ương cá bột và nuôi cá bẹ đặc trưng trên vùng thượng nguồn của sông Tiền; nhà Nguyễn Thị Lợi cũng có con cháu tham gia nghề truyền thống dệt khăn choàng Hồng Ngự; hay truyền thống kinh doanh của người Hoa được con cháu gia đình nhà cô Huỳnh Thủy Lê, Trần Phú Cương ở Sa Đéc; hoặc kinh nghiệm dày dặn trong làm nông truyền đời của nhiều gia đình có nhà cổ, theo nghề nông nói riêng và đa số nông dân Đồng Tháp nói chung.

Xã hội phát triển cùng với sự phân công lao động của xã hội đã làm xuất hiện nhiều ngành nghề, phong phú sự lựa chọn. Bên cạnh xu hướng chạy theo các ngành nghề thời thượng, có thu nhập cao, nhiều gia đình vẫn khuyến khích con cái chọn nghề theo nối nghiệp ông cha. Có những gia đình từ nhiều đời, qua nhiều thế hệ vẫn theo một nghề như nghề nhà giáo: nhà ông Nguyễn Công Ích, Nguyễn Chánh Tâm ở xã Định Yên; con cháu nhà cô bà Nguyễn Thị Kính theo nghề dệt chiếu Định Yên v.v. và sự nối nghề kế nghiệp hình thành nên tâm lý tự hào, yêu quý, tôn vinh và coi trọng nghề truyền thống của gia đình. Ý thức xem việc không ngừng rèn luyện, vun bồi phát triển nghề nghiệp truyền thống của gia đình như là trách nhiệm, như là đạo hiếu, là nghĩa vụ vinh dự của con cháu đối với tổ tiên và với ý thức ấy càng làm cho nghề nghiệp của gia đình được tôn vinh, được thăng hoa, đóng góp thêm nhiều tài năng, tinh hoa, của cải cho xã hội.

III.3. Ý thức giữ gìn nề nếp gia phong, di sản nhà cổ

III.3.1. Giữ gìn nề nếp gia phong

Đối với những thế hệ con cháu qua nhiều thế hệ sống trong gia đình nhà cổ trên địa tỉnh Đồng Tháp nói chung nói riêng và cư dân cộng đồng dân tộc Việt nói chung. Nếp sinh hoạt truyền thống còn biểu hiện bằng những qui tắc, kỷ cương, lễ thói, cách ứng xử mà các thành viên trong gia đình phải tuân theo. Người xưa thường nói: “Quốc có quốc pháp, gia có gia qui” và cái gia qui đã hình thành nên những đặc thù văn hóa ứng xử của từng gia đình. Đó là cái tôn ti trật tự cần có trong mỗi gia đình; trên kính, dưới nhường, con cháu phải hiếu thảo để tôn kính và lễ phép với ông bà, cha mẹ; vợ chồng phải tôn trọng, thủy chung lẫn nhau; anh chị em phải thương yêu đùm bọc, chở che cho nhau, “Chị ngã em nâng” và bà con họ hàng phải giúp đỡ tương trợ lẫn nhau trong lúc ngặt nghèo, khốn khó, vì : “Một giọt máu đào hơn ao nước lã” v.v.

Trong lịch sử, người Việt ta thường sống trong một gia đình lớn, gia đình mở rộng theo kiểu “Tứ đại đồng đường”. Trong các gia đình này, ông bà, cha mẹ, con cái, cháu chắt sống quây quần bên nhau. Và các gia đình truyền thống này luôn lấy luân thường đạo lý làm đầu. Mọi người phải tuân thủ chặt chẽ các nguyên tắc vô hình để gìn giữ gia phong, nếp nhà.

Ngày nay do yếu tố văn hóa xã hội hiện đại, đại gia đình đã trở thành gia đình hạt nhân, những gia đình nhỏ chỉ có vợ chồng, con cái, song nhiều gia đình hạt nhân vẫn giữ gìn gia qui, truyền thống tốt đẹp của tộc họ, của đại gia đình khi xưa. Mặt khác bên cạnh việc bảo tồn các văn hóa ứng xử phương Đông, họ còn tiếp thu văn hóa ứng xử phương Tây, nên trong gia đình mọi người đều bình đẳng và tôn trọng nhau. Mọi quyết định có liên quan gia đình hoặc từng thành viên đều được trao đổi bàn bạc trên tinh thần dân chủ, tôn trọng nhau. Và các cuộc thảo luận “Hội nghị gia đình” thường được tổ chức trong các bữa ăn gia đình hay trong giờ thư giãn sau buổi cơm chiều, xem như một cách giữ lửa, giữ giềng mối và mái ấm của gia đình thời hiện đại.

Ngày nay, trong xu thế phát triển của xã hội, việc tiếp cận lối sống hiện đại giữa nông thôn và thành thị ngày càng được rút ngắn khoảng cách. Do vậy, dù môi trường sống người dân Đồng Tháp nói chung, và con cháu cư ngụ ở nhà cổ nói riêng. Trong cuộc sống hối hả, con người luôn phải đối phó với những vấn đề căng thẳng thì hơn bao giờ hết việc xây dựng nếp nhà là quan trọng, để nếp nhà bảo vệ họ, là chỗ an toàn khi họ về, trang bị cho họ những vũ khí cần thiết chống lại những vật chất cám dỗ xa hoa khi ra ngoài xã hội. Nếp nhà qui định thái độ ứng xử, qui định bước đi, hướng phát triển của từng thành viên trong gia đình đồng thời giúp cho mỗi thành viên vượt qua những trở ngại, những bất cập trong cuộc sống.

Trong thời đại ngày nay nếu trên qui mô quốc gia phải giữ gìn kỷ cương, phép nước thì ở mỗi gia đình cần phải được giữ gìn được nếp nhà. Ở Đồng Tháp cũng như trên toàn quốc đang thực hiện cuộc vận động xây dựng gia đình văn hóa mới, xây dựng cuộc sống mới ở nơi dân cư. Sáu tiêu chuẩn của gia đình văn hóa mới mà hầu như ai cũng biết thì đây là tiêu chuẩn, nghĩa vụ, bổn phận mà các gia đình này phải thực hiện đối với xã hội. Song thiết tưởng cần bổ sung thêm nội dung nghĩa vụ của mỗi gia đình trong việc gìn giữ và phát huy truyền thống, danh giá mà mỗi tộc họ, gia đình đã vun đắp qua nhiều đời, nhiều thế hệ.

Một xã hội mạnh trên cơ sở những gia đình giàu mạnh, một gia đình muốn giàu mạnh thì phải đoàn kết thương yêu nhau và có hướng phát triển tốt. Đây là cái nếp nhà mà chúng ta cần xây dựng. Nếp nhà là yếu tố văn hóa phi vật thể, cái tinh thần bàng bạc thể hiện trong sự giàu mạnh, tiến bộ và từ sự phát triển đúng hướng của từng thành viên trong gia đình. Trong bối cảnh hiện nay khi mà tệ nạn xì ke, ma túy

tội phạm rình rập gõ từng mái nhà. Thách thức từng con người thì nếp nhà là rường cột, là sợi dây gắn bó vô hình trách nhiệm, nghĩa vụ thiêng liêng giữa cá nhân đối với gia đình, giữa từng thành viên trong gia đình đối với tộc họ; nếp nhà là một đề kháng vững chắc, giúp con người biết dừng lại, biết nói không trước những cám dỗ vì danh dự truyền thống gia phong, nếp nhà.

III.3.2. Giữ gìn di sản ông cha

Nhà cổ là di sản có giá trị về lịch sử, văn hóa, kiến trúc, nghệ thuật v.v. vừa là tài sản chung của cộng đồng và là tài sản thuộc sở hữu trực tiếp của các thế hệ con cháu của từng gia tộc sống trong những ngôi nhà cổ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Những ngôi nhà cổ Đồng Tháp, là đối tượng trong nội dung nghiên cứu này được giới hạn niên đại từ 90 năm trở lên. Với thời gian tồn tại trên dưới một thế kỷ, trong môi trường khí hậu ẩm ướt, trên địa bàn đồng bằng thường xuyên có lụt lội xảy ra, điều này chứng tỏ ông cha đã lựa chọn và sử dụng vật liệu, kết cấu kỹ thuật rất vững chắc. Bên cạnh đó, còn phải kể đến ý thức gìn giữ của các thế hệ sinh sống trong những ngôi nhà này đã có công bảo quản, tu bổ kiến trúc ngôi nhà cũng như gìn giữ những tài sản, vật dụng sinh hoạt, thờ cúng, những di sản hán nôm (liễn đối, hoành phi), các đồ án kiến trúc trang trí v.v. một cách rất trân quý. Đến những ngôi nhà cổ này hầu hết ta thấy choáng ngợp trước những bộ khung nhà uy nghi, bóng lộng, được lau chùi, chăm chút cẩn thận, đơn cử như nhà ông Lê Minh Tồn, ở Châu Thành từ cột, kèo, rui đỡ ngói đều được sơn PU rất bóng láng và chắc chắn làm cho ngôi nhà tồn tại bền bỉ với thời gian.

Những di sản là đồ dùng sinh hoạt từ tử, hương án thờ, bàn xoay, ghế, trường kỷ, ngựa gỗ..., nhiều vật dụng được cẩn xà cừ đẹp mắt, quý hiếm; đến những vật dụng như lư, đèn (đèn lồng, đèn chùm Châu Âu sản xuất), lục bình, tô, chén gốm, sứ rất có giá trị mỹ thuật và kinh tế còn lưu giữ trong những ngôi nhà cổ này rất phong phú, được con cháu họ kiên trì gìn giữ qua nhiều thế hệ, dù lịch sử có thăng trầm hay kinh tế trong gia tộc, gia đình có lúc suy, lúc thịnh.

Đặc biệt, ở những ngôi nhà cổ còn là nơi lưu giữ nhiều di sản hán nôm, là những bức hoành phi, liễn đối có nội dung thể hiện ước nguyện mong cầu cuộc sống tốt đẹp, hạnh phúc hay những nội dung giáo dục con cháu giữ gìn nề nếp, gia phong, mỹ tục gia đình để khuyên dạy con cháu hướng đến những điều chân thiện mỹ của cuộc sống.

Ngày nay, trong xu thế kinh tế xã hội phát triển, nảy sinh nhiều thú chơi thời thượng của những người lắm bạc nhiều tiền, từ chim hoa, cá cảnh, đá quý... đến cổ vật từ ghế, tủ bàn cản, đồ gốm sứ, đồ thờ cúng lư đồng, chân đèn, thậm chí những bộ khung nhà cổ bằng gỗ cũng là đối tượng săn lùng của những đại gia v.v. hoặc giới

chơi ngâm, nhắm đến địa chỉ là những ngôi nhà cổ nơi còn lưu giữ nhiều món cổ vật, với nhiều chiêu trò lừa, dụ thậm chí gặt gẫm để đạt mục đích có được những món đồ mà bọn chúng muốn. Chính vì vậy, hiện nay có nhiều “Đội quân” săn lùng cổ vật trá hình, là khách hành hương viếng thăm chùa chiền, đình miếu... hay bọn xấu móc nối “Chân rết” là những người hành nghề lạt son, hoặc một số con cháu hư hỏng, chơi bời lêu lổng, túng thiếu của gia đình có cổ vật để tìm mua, hoặc lợi dụng sự sơ hở của gia chủ để trộm cắp những món đồ cổ có giá trị mà họ muốn có. Song đó, nạn buôn bán đồ cổ vật trong nước và ra nước ngoài rất phổ biến. Trong thời gian qua, từng ngày từng giờ lực lượng công an và các ngành chức năng đã phát hiện bắt nhiều đối tượng vận chuyển, buôn bán trái phép cổ vật trong nước và ra nước ngoài đã thu hồi nhiều cổ vật, tuy nhiên, trên thực tế vẫn có những vụ bọn trộm cắp buôn bán trót lọt cũng đã làm thất thoát, chảy máu nhiều cổ vật ra nước ngoài, làm vơi dần vốn quý di sản của tiền nhân để lại.

Trên thực tế điền dã, những chủ nhân, hoặc con cháu những ngôi nhà cổ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp còn lưu giữ nhiều cổ vật, đa dạng chủng loại, được lau chùi, để vào nơi an toàn, cất giữ cẩn thận. Đặc biệt ở những nhà thờ (tù đường) nơi chung những vật dụng thờ: lư đồng, chân đèn, lục bình hương án thờ...ngày thường bao giờ cửa cũng được khóa cẩn thận, chỉ khi có giỗ, cúng lễ, Tết sóc vọng hoặc tiếp khách mới được mở ra. Mọi thành viên trong nhà ai cũng có ý thức cảnh giác với những người lạ mặt, hay có những biểu hiện khả nghi thì liền có cách đề phòng, bảo vệ, gìn giữ những cổ vật cũng như tài sản của gia đình kịp thời nên không bị thất thoát. Chính nhờ ý thức bảo vệ tài sản của ông bà để lại, của các thế hệ con cháu sống trong nhà cổ tỉnh Đồng Tháp, đã góp phần bảo tồn gìn giữ được vốn di sản cổ xưa của ông bà tổ tiên để lại, cho con cháu thế hệ mai sau còn có cơ hội chiêm ngưỡng và thưởng lãm nghệ thuật tạo tác tinh xảo trên những di sản cổ xưa mang dấu ấn của thời kỳ khẩn hoang ở Nam bộ nói chung và Đồng Tháp nói riêng.

KẾT LUẬN

Qua điều tra điền dã, được biết số lượng nhà cổ đạt niên đại từ 90 năm trở lên, tồn tại trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp không nhiều, phân bố rải rác hầu hết các huyện, thị xã và thành phố trong tỉnh. Chỉ có huyện Hồng Ngự số lượng nhiều hơn chút ít so với những địa phương khác trong tỉnh (nêu ở bảng thống kê).

Bởi do ảnh hưởng các yếu tố: môi trường tự nhiên, thời tiết nóng ẩm, lụt lội thường xuyên xảy ra, trong lịch sử chiến tranh triền miên với bọn ngoại xâm và tốc độ đô thị hóa nông thôn ngày nay v.v. đã làm hư hao, thất thoát nhiều ngôi nhà cổ, xưa trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Nhưng với số lượng còn tồn tại đến ngày nay, dù không nhiều như xưa, cũng có thể cho ta cảm nhận được những giá trị lịch sử văn hóa, nghệ thuật chạm khắc, trang trí, kỹ thuật kinh nghiệm xưa trong việc dựng nhà cửa; điều kiện và

môi trường sinh sống, lao động, học tập phát triển sự nghiệp, làng nghề, xây dựng gia đình, làng mạc nuôi dạy con cái; cùng với những tập tục lễ nghi, thực hiện phong tục tín ngưỡng, lễ nghi, thờ cúng ông bà tổ tiên trong căn nhà do họ tạo dựng, tốn nhiều tài lực và tâm huyết trên vùng đất mới, mang dấu ấn lịch của thời kỳ khai hoang lập ấp, mở làng của vùng đất Đồng Tháp xưa và đó cũng là thông điệp quá khứ của cả vùng đất Nam bộ do ông cha để lại.

Song đó, trong quá trình tồn tại, nhà cổ ở Đồng Tháp còn để lại những dấu ấn nhất định về lịch sử phát triển kiến trúc xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp cũng như trong cả nước. Đó là những tiếp biến kiểu dáng nhà truyền thống của miền Trung, miền Bắc như nhà rường, nhà nóc ngựa... thành những kiểu nhà phù hợp với mặt bằng xây dựng, điều kiện sinh hoạt sản xuất, có không gian sinh hoạt rộng rãi nơi môi trường khí hậu tương đối ôn hòa và mát mẻ trên vùng đất mới.

Về hình thức kết cấu, vật liệu xây dựng, phong cách kiến trúc cũng được dung hợp hài hòa và phong phú. Cho nên, trong số nhà cổ ở Đồng Tháp hiện nay ta vẫn thấy nhiều ngôi nhà có sự giao thoa kiến trúc theo phong cách Đông – Tây (Pháp - Việt, Pháp – Hoa, Việt – Pháp - Hoa); hay giao thoa kiến trúc nội tại trong nước và khu vực (Pháp, Việt – Hoa,) v.v.. những ngôi nhà này kiểu dáng cũng đa dạng, được xây dựng trên nhiều địa hình sinh hoạt theo điều kiện sinh sống và sản xuất của chủ nhà. Những ngôi nhà cổ còn đến nay đều rất qui mô, dù thời gian tồn tại dài trên dưới trăm năm nhưng còn tương đối chắc chắn, không gian rộng rãi, trang trí lộng lẫy đẹp mắt. Điều này chứng tỏ chủ nhân rất có trình độ thẩm mỹ, dành nhiều tài lực, tìm những nhóm thợ mộc, thợ nề có kinh nghiệm, tay nghề cao để xây dựng nên ngôi nhà theo sở thích và ý nguyện của mình.

Căn nhà là ước vọng về mái ấm gia đình, là thành quả của mỗi cá nhân trong quá trình lao động phấn đấu không mệt mỏi để thực hiện ước mong “An cư lạc nghiệp”. Do vậy, ngôi nhà rất đổi thân thương và gắn bó sâu thẳm trong tình cảm và đời sống con người.

Và xin mượn hai câu thơ của nữ thi nhân (Huyện Thanh Quan) để nói về sự gắn bó và cần thiết của ngôi nhà đối với mỗi cá nhân:

“Gác mái ngư ông về viễn phố,

Gõ sừng mục tử lại cô thôn”

Lão chài buổi chiều gác mái về nơi bến xa, chú chăn trâu gõ cái mõ bằng sừng giục trâu về xóm quạnh, bến dù xa, xóm dù quạnh vẫn là nơi họ có một mái nhà. Không vì xa, vì quạnh, vì nghèo mà dễ dàng bỏ nơi đó ra đi.

Thật vậy, trong đời sống con người ai cũng cần một mái ấm gia đình để trú ngụ, sống gần gũi bên người thân ruột thịt. Vì vậy, ngôi nhà rất cần thiết và có ý nghĩa không chỉ để che mưa tránh nắng, làm nơi sinh hoạt cho các thành viên trong gia đình, mà còn là những tình cảm gắn bó, khi xa ta cảm thấy bồi hồi nhớ nhung ...

Vì vậy, những ngôi nhà cổ ở đất Đồng Tháp tồn tại trên dưới một thế kỷ, là một quãng thời gian dài để các thế hệ trong mỗi gia đình sống và sinh hoạt gắn bó với từng thành viên trong gia đình và tộc họ. Tạo nên tình cảm gắn bó thương yêu đoàn kết: con cháu thương kính, hiếu thảo với ông bà cha mẹ; anh em, họ hàng khăng khít tương trợ lẫn nhau. Cùng nhau vun đắp tình thân tộc, huyết thống giúp đỡ nhau trong lao động, học tập để xây mái ấm gia đình bền vững, cũng cố hạt nhân xã hội vững chắc, làm nhân tố tích cực góp phần thúc đẩy xã hội phát triển, cho nên trong một bài nói chuyện tại Hội nghị dự thảo Luật hôn nhân gia đình, ngày 10/10/1959, Chủ tịch Hồ Chí Minh có nói:

“Xã hội tốt thì gia đình càng tốt.

Gia đình tốt thì xã hội mới tốt.

Hạt nhân của xã hội là gia đình”.⁸³

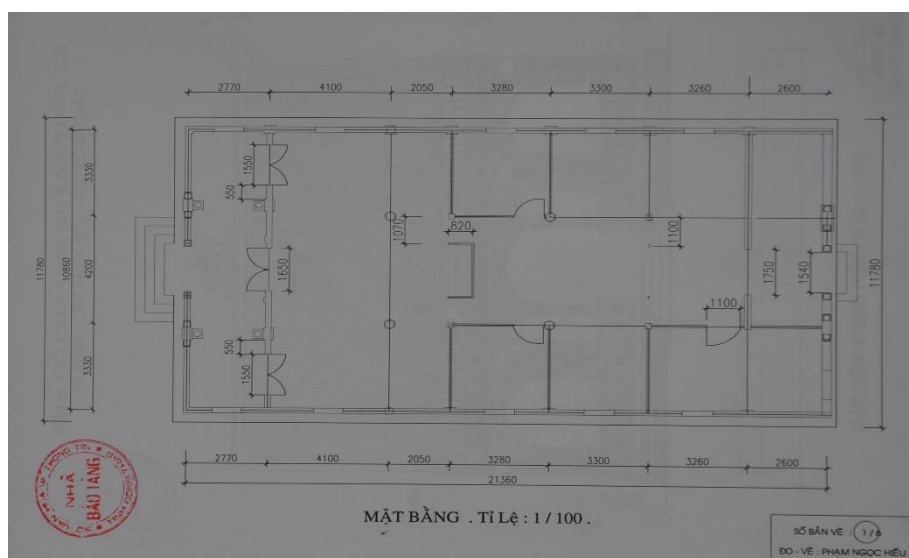
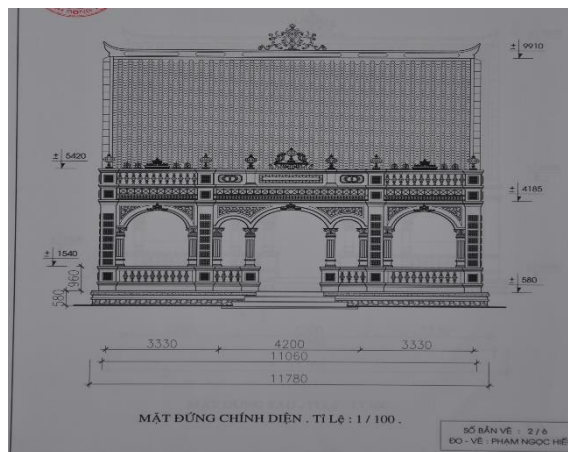
Ý thức bảo vệ, xây dựng gia đình của các thành viên trong gia đình còn thể hiện qua việc giữ gìn lễ thói, nề nếp gia phong, mỹ tục của gia đình làm nền tảng vững chắc bảo vệ các thành viên trong gia đình “Miễn dịch” trước những “Vi rút” cám dỗ mà trong quá trình phát triển xã hội bị các yếu tố ngoại lai xâm nhập qua từng giai đoạn lịch sử của quá khứ, hiện tại và tương lai.

Song hành với tinh thần bảo vệ, thực hiện những chuẩn mực đạo đức, định chế của gia đình và xã hội của các thành viên sống trong di sản nhà cổ Đồng Tháp nói riêng và cộng đồng dân cư nói chung, họ còn có trách nhiệm cùng nhau gìn giữ, tránh thất thoát những di sản vật chất của tiền nhân để lại. Đó là di sản nhà cổ và những vật dụng sinh hoạt hàng ngày trong gia đình; đồ thờ cúng ông bà tổ tiên và những tài sản khác mà trải qua năm tháng tồn tại đã trở thành cổ vật có giá trị lịch sử, văn hóa, nghệ thuật, mỹ thuật và kinh tế trước nạn săn lùng, mua bán cổ vật như hiện nay. Góp phần gìn giữ, di sản văn hóa thời kỳ khẩn hoang trên vùng đất Đồng Tháp vào kho tàng văn hóa của dân tộc.

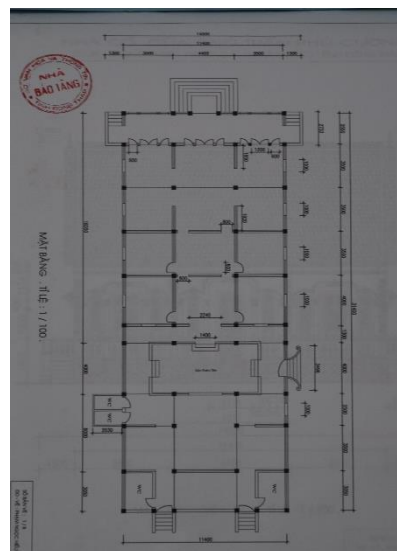
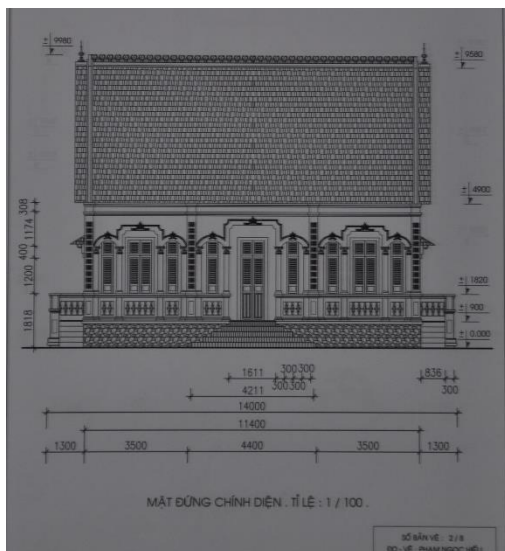
⁸³ Nguyễn Thế Long, 1999, Gia đình và Dân tộc, Nxb Lao động

PHỤ LỤC (Bản vẽ chính diện và mặt bằng tổng thể những kiểu nhà nêu trong nội dung đề tài)

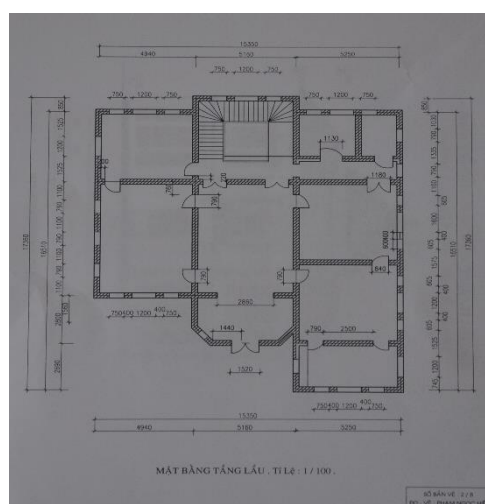
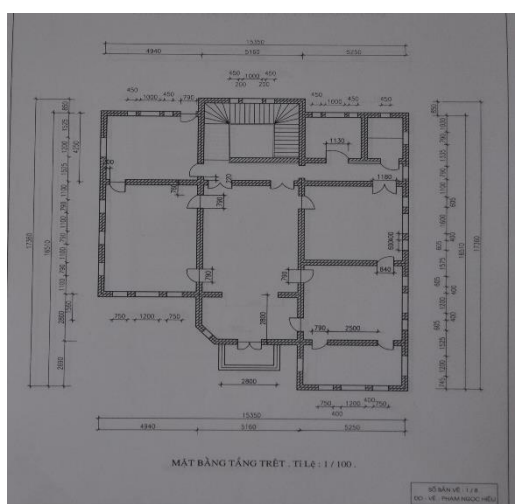
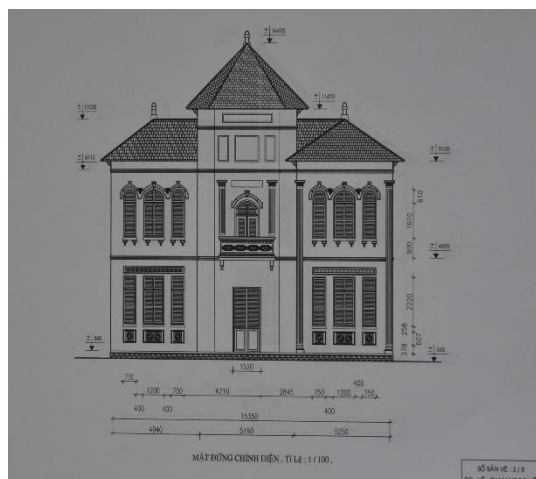
1. Bản vẽ nhà kiến trúc: Việt – Pháp – Hoa (Nhà cổ Huỳnh Thủy Lê – Sa Đéc)



2. Bản vẽ nhà Kiến trúc Pháp – Việt (nhà cổ Trần Phú Cương – Sa Đéc)

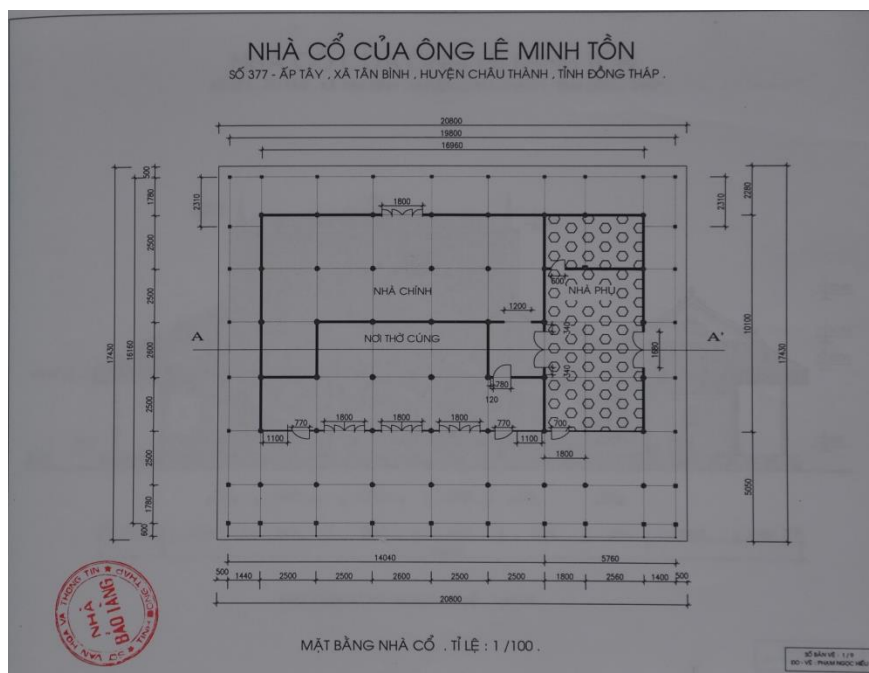


3. Bản vẽ kiểu nhà biệt thự của Pháp (nhà cổ Nguyễn Thành Giung Sa Đéc)

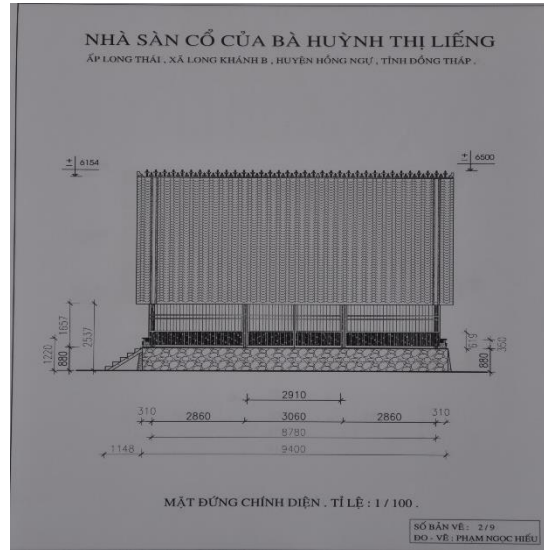
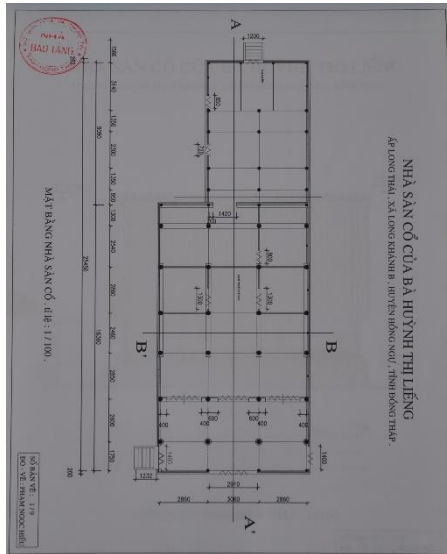


4. Bản vẽ nhà chữ đinh ba gian hai chái bát dần

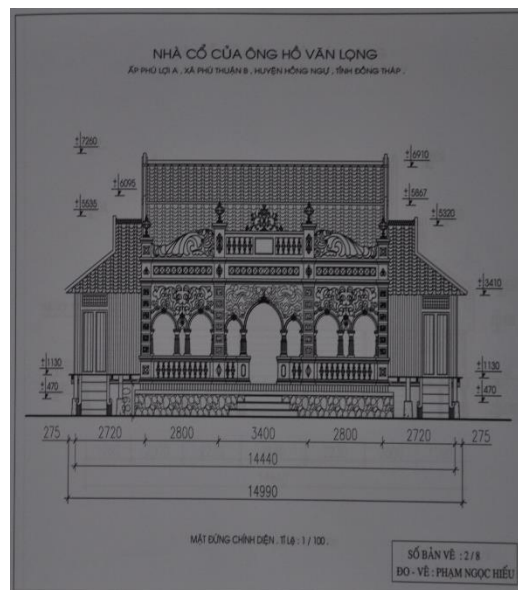
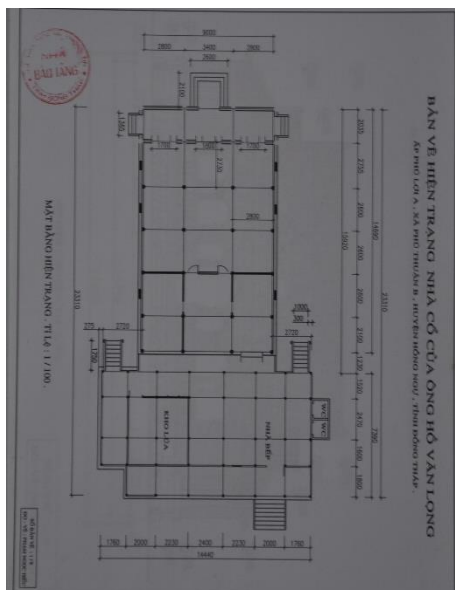
(Nhà cổ Lê Minh Tôn - Châu Thành)



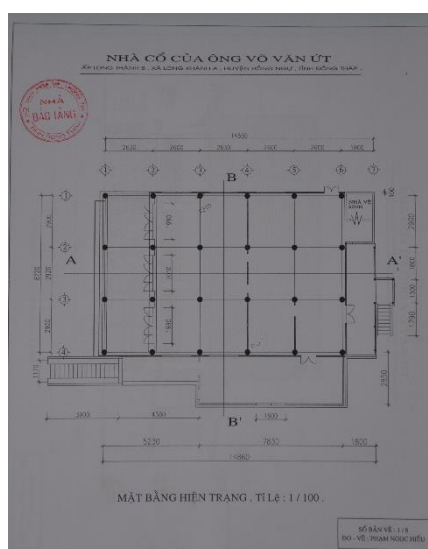
5. Nhà xuyên trính (nhà cổ Huỳnh Thị Liếng - huyện Hồng Ngự)



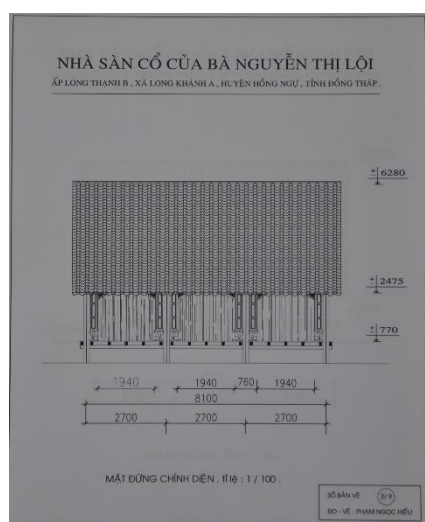
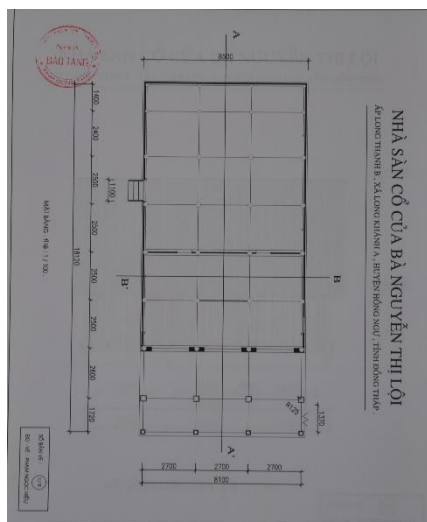
6. Nhà xếp đội (nhà cổ Hồ Văn Lọng – huyện Hồng Ngự)



7. Nhà sàn gỗ - nhà sàn cao (nhà cổ Võ Văn Út – Hồng Ngự)



8. Nhà sàn thấp (nhà cổ Nguyễn Thị Lợi – huyện Hồng Ngự)



NHÀ CỔ HUỲNH CẨM THUẬN - CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC, NGHỆ THUẬT QUỐC GIA ĐẶC SẮC THU HÚT NHIỀU DU KHÁCH QUỐC TẾ

Nhiều người đã biết đến ngôi nhà này vì sự nổi tiếng của nó, thông qua giá trị Kiến trúc và Tiểu thuyết nổi tiếng The Lover (Người Tình), năm 1984 - Tác phẩm của nữ văn sĩ người Pháp Marguerite Duras viết về mối tình khi mới 15 tuổi với chủ nhân ngôi nhà cổ này ông Huỳnh Thủy Lê. Tác phẩm này được đạo diễn người pháp Jacque Annaud chuyển thể thành phim L' Amant năm 1992. Không chỉ khách trong nước trong nước mà cả khách quốc tế đều biết đến, nhà cổ Huỳnh Thủy Lê hiện tọa lạc tại số 255A, khóm I, phường 2, thành phố Sa Đéc.

Ngôi nhà này do ông Huỳnh Cẩm Thuận đứng ra xây dựng, về sau ông Huỳnh Thủy Lê thừa kế, hiện nay thuộc quyền quản lý của Ủy Ban Nhân dân thành phố Sa Đéc và đưa vào phục vụ khách tham quan Du Lịch.

Ngôi nhà là điểm tham quan du lịch lý tưởng, giới thiệu về nhà cổ của nhiều tour khách tham quan, phần đông là khách nước ngoài, nhiều nhất là khách Pháp sau khi được xem Tiểu thuyết và phim Người Tình.

Về Lịch sử

Khi xưa, Sa Đéc có một vị trí địa lý rất đặc biệt bên bờ sông Tiền, là thủy lộ quan trọng đi đến Nam Vang, Miến Điện thời kỳ đó. Các thương nhân Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha khi đi tìm kiếm đối tác, thị trường đã từng đi qua và ghé Sa Đéc. Vì thế nên Chợ Sa Đéc rất sầm uất nhộn nhịp trên bến dưới thuyền.

Buôn bán là một nghề rất hợp với cá tính của người Hoa lúc bấy giờ. Trong số người Hoa định cư ở Sa Đéc làm nghề buôn bán có ông Huỳnh Diệu Vĩnh quê ở tỉnh Phúc Kiến - Trung Quốc làm ăn rất phát đạt. Ông Huỳnh Diệu Vĩnh có con là Huỳnh Thượng Thiết cũng nối tiếp nghề nghiệp của cha. Ông Huỳnh Thượng Thiết có người con trai là Huỳnh Cẩm Thuận, sinh năm 1862 tại làng Tân Phú Đông, ông là người Hoa thành đạt nhất trong công việc kinh doanh mua bán tại vùng đất Sa Đéc miệt vườn này.

Ngôi nhà của ông Huỳnh Cẩm Thuận ra đời đánh dấu sự thành đạt của những cư dân trong cộng đồng làng xã ở thời kỳ khai hoang lập ấp tại làng Tân Phú Đông, Tổng An Trung, huyện Vĩnh An, tỉnh An Giang. Đặc biệt ông là người gốc Hoa, hậu duệ của những người Hoa tỉnh Phúc Kiến – Trung Quốc đã lánh nạn sang Việt Nam trong thời kỳ kháng Thanh phục Minh rồi định cư lâu dài tại đây.

Trước đó, năm 1895, ông cất một ngôi nhà gỗ với kiến trúc đơn giản để ở, ngôi nhà có qui mô nhỏ, vách gỗ không có trang trí mỹ thuật gì nhiều.

Đến năm 1917 ông cho xây dựng lại ngôi nhà khang trang bề thế trên nền nhà cũ, dáng dấp còn đến nay. Toàn bộ nguyên vật liệu được mua từ Trung Quốc ,do các

thợ chính người Hoa thực hiện. Công trình được thực hiện rất tỉ mỉ công phu trong thời gian một năm.

Vị trí cất nhà là chọn đất được ông tuân thủ theo yếu tố phong thủy. Ngoài việc chọn hướng và chọn đất còn một yếu tố rất quan trọng là gần chợ búa, giao thông đi lại dễ dàng, để thuận lợi cho công việc kinh doanh mua bán đó là các yếu tố: nhất cận thị, nhị cận lân, tam cận giang, tứ cận lộ...

Ông Huỳnh Cẩm Thuận là Trưởng ban trị sự Bang Phúc Kiến. Bang, tập hợp những người đồng hương ở tỉnh Phúc Kiến – Trung Quốc, ông là người có công trong việc xây dựng Kiến An Cung – chùa Ông Quách từ năm 1924-1928, hiện là di tích Lịch sử Văn hoá cấp Quốc gia.

Con trai út của ông Huỳnh Cẩm Thuận là ông Huỳnh Thủy Lê du học ở Pháp, đã thừa kế gia sản của ông cũng như chức vụ Trưởng ban trị sự Bang Phúc Kiến, Chánh tổng lý Chùa Kiến An Cung khi ông qua đời.

Khi ông Thuận mất, ông để lại khối tài sản đất đai, phố xá ở Sa Đéc rất nhiều, con trai lớn là ông Huỳnh Thoại Ngọc quản lý về đất đai, con trai út là Huỳnh Thủy Lê quản lý về phố xá (3/4 phố xá ở Sa Đéc là của ông Huỳnh Cẩm Thuận).

Kiến trúc nhà



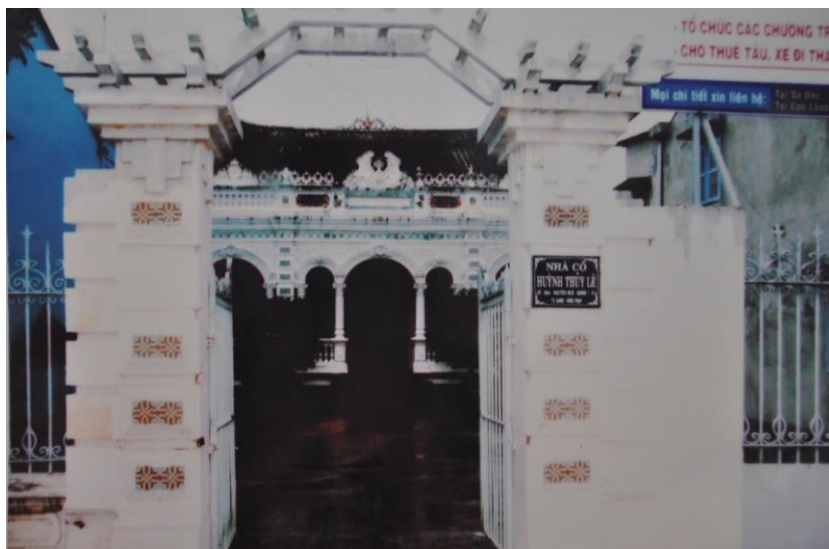
Nhà cổ Huỳnh Thủy Lê

Ngôi nhà được xây dựng trên diện tích đất 11,5 x 22,5m, cách bờ sông Sa Đéc 50m. Trước nhà có sân rộng trưng bày hoa kiểng, con lộ ngày xưa cặp bờ sông Sa Đéc nay là đường Nguyễn Huệ với bờ kè chắn sóng dọc theo sông.

Nhà được xây dựng theo kiến trúc Đông – Tây kết hợp, mặt tiền nhà xây dựng theo kiến trúc phương Tây là các kiến trúc cửa vòm, trụ cột hình vuông, các trụ cột cửa vòm hình tròn. Ngay chính giữa là lối ra vào có cửa vòm hình vòng cung lớn ở

giữa, hai bên là hình hai cửa vòng cung nhỏ, chỉ một lối đi ra vào rộng 1,77m ngay cửa vòm chính giữa sau khi bước lên bậc thềm tam cấp bằng đá.

Cửa vòm vòng cung theo kiểu La Mã, có hoa văn gạch bông làm phù điêu kiểu kiến trúc thời phục hưng vào thế kỷ XVII. Mặt trên của mặt tiền có ghép các mảnh sành, sứ, gạch bông và các khuôn bông để trang trí làm đẹp cho mặt tiền, mái nhà lợp ngói âm dương, trên nóc nhà, ở giữa hình tượng hai con rồng tranh trái châu gọi là lưỡng long tranh châu, ở hai đầu nóc nhà có hình hai đầu đao vuốt lên cao giống như hình con thuyền thể hiện đao ngọn sóng ngụ ý để vượt qua những thử thách.



Cổng nhà Huỳnh Thủy Lê

Kể lối ra vào là khoảng hàng ba, đi vào nhà có ba cửa lớn, ba khung cửa phụ bên trái và bên phải bằng gỗ, mỗi khung có hai cánh cửa lá sách kiểu Pháp, cửa chính ở giữa có khung bao là nguyên khối đá xanh lớn, hai cánh cửa bằng gỗ gõ mật, trước là khung song cửa làm bằng 15 đoạn gỗ tròn. Khung song này khi đóng lại thì gió bên ngoài thổi vào được làm cho nhà được mát mẽ, thông thoáng, cửa vẫn mở mà không sợ kẻ trộm chui vào nhà, hai cánh cửa chính làm bằng gỗ (gỗ mật) cẩn ốc xà cừ nhiều hoa văn đẹp, cánh cửa bên phải có hai chữ Hán là:

Cảm Tình

Cánh cửa bên trái cũng có hai chữ Hán là:

Thuận Ý

Ý của hai câu này là tình cảm tốt đẹp hay vừa lòng toại ý. Nói lên tình cảm của ông Huỳnh Thuận luôn luôn xứng ý, toại lòng với mọi người. Hai cánh cửa có năm cửa hình đầu trâu có khoen tròn bằng đồng dùng để mở và đóng cửa.

Phía trên cửa chính có bức hoành phi chạm trở hoa văn sơn son thếp vàng với ba chữ Hán là:

Huỳnh Cẩm Thuận

Là tên chủ nhân ngôi nhà.

Phía trên trần nhà chính giữa có hình con rồng và bốn góc có hình bốn con dơi, ý muốn nói lên quyền huy và phước thọ, phía bên phải và bên trái trần nhà có hai chữ song hỷ, ý muốn nói lên sự hạnh phúc của gia đình.

Bao lam giữa nhà chạm trổ sơn son thếp vàng, hoa cúc, chim loan, chim phụng giao nhau, ý muốn nói là loan phụng hoà minh, sắc cầm hảo hiệp. Phía trên bao lam thành vọng này là hoành phi sơn son thếp vàng với bốn chữ Hán:

“Trung Tây Giao Hòa”

Sự giao hoà ở đây về mặt kiến trúc giữa Trung Hoa và phương Tây.



Trang trí nóc mặt chính diện nhà cổ Huỳnh Thủy Lê

Hai bên là hai cây cột tròn bằng cây gỗ, có trên hai tấm liễn. Liễn bên phải với năm chữ:

“Cảm tâm Khôi Thế Nghiệp”

Liễn bên trái với năm chữ:

“Thuận Ý Cơ Cứu Nghĩa”

Hai câu trên có nghĩa là ông Huỳnh Cẩm Thuận luôn lo nghĩ trong tim mình bằng mọi cách để tạo dựng sự nghiệp to lớn với đời để vừa lòng vừa ý, muốn con cháu nối được sự nghiệp của ông cha. Ý của ông là có được sự nghiệp to lớn để truyền lại cho con cháu.

Ở mặt trước nhà này có tất cả ba bao lam thành vọng được chạm trổ công phu độc đáo sơn son thếp vàng hoa cúc, chim loan, chim phụng. Trên bao lam thành vọng phía bên phải có bốn chữ Hán đặt trong khung kính là:

“Vị Thiện Tồi Lạc”

Nghĩa là rất vui vẻ để làm việc thiện. Trên bao lam thành vọng phía bên trái cũng có bốn chữ Hán đặt trong khung kính là:

“TÍCH ĐỨC ĐANG ĐIỀN”

Nghĩa là việc đầu tiên là phải lo tích lũy công đức.

Ngay gian chính giữa nhà là bàn thờ Quan Công, bàn thờ Quan Công gồm có khánh thờ và bàn thờ. Khánh thờ được chạm trổ hoa cúc, chim công và rồng, phía trên có hai rồng hai bên tranh trái châu ở giữa, lưỡng long tranh châu. Bên trong có tranh chân dung Quan Công cao 1,63m; ngang 0,87m, với tư thế ngồi mặt đỏ, râu đen nghiêng về bên phải, tay trái đặt trên đùi, tay phải nâng đai ngọc. Hai bên có hai câu đối chữ Hán, bên phải có bảy chữ:

“Hương Yên Toại Lộ Tài Nguyên Tụ”

Nghĩa là hương khói nghi ngút biểu lộ tài nguyên tụ lại, bên trái có bảy chữ Hán là:

“Đăng Chúc Tường Huy Phúc Tấn Hưởng”

Nghĩa là đèn đuốc sáng toả có điềm lành phúc để tận hưởng. Ý nói của câu đối này là nhà cửa khói hương nghi ngút, đèn đuốc sáng trưng biểu hiện điềm lành trời ban tài lộc sẽ được tận hưởng.

Bàn thờ là một ghế nghi chân thẳng cao 1,07; ngang 1,19m; rộng 0,72m có chạm hoa văn hoa lá ở phía trước.

Đây là điểm khác biệt đối với các ngôi nhà thuần Việt của người Việt, ba gian hay ba gian hai chái bát dần, gian giữa là gian thờ cúng gia tiên, ông bà cha mẹ, gian giữa thờ Quan Công.

Hai bên vách có hai tấm gương lớn, khung có chạm khắc sơn son thếp vàng cao 1,95m; ngang 0,91m.

Sau bàn thờ có hai cửa phòng thông ra sau có bao lam sơn son thếp vàng, có một đi - văng gỗ xưa có cấn xà cừ cao 0,64m; dài 2,05m; ngang 1,70m. Ở hai bên là hai phòng ngủ, ba mặt là vách gỗ, cửa vào ở bìa đối diện với đi - văng, ba mặt đều có trang trí chạm trổ sơn son thếp vàng hoa mẫu đơn, hoa cúc, cây trúc, phong lan. Ý muốn nói gia chủ là người quân tử nhưng cũng rất đam mê các loài hoa đẹp.

Kế đến là hai cây cột tròn bằng gỗ và tiếp theo là hai cây cột vuông bằng gỗ. Tại không gian này cũng có bao lam thành vọng cũng chạm trổ sơn son thếp vàng,

hoa cúc, chim loan, chim phụng như các bao lam phía trước, kế đó là phòng ngủ của vợ chồng ông Huỳnh Thuỷ Lê ngày xưa, căn phòng đã được xây lại bằng gạch, lúc trước thì ba mặt bằng gỗ như hai phòng phía trước, đối diện với phòng ngủ vợ chồng ông Huỳnh Thuỷ Lê cũng là phòng ngủ nhưng bị tháo dỡ.

Phía sau là cửa cao 2,8m; ngang 1,7m cùng với các vòm cửa vòng cung xây bằng gạch.

Nền nhà được xây dựng bằng các khối đá xanh ghép liền kề với nhau tạo thành khung nền nhà. Nền nhà lát gạch bông, với độ men dày rất tốt và bóng láng (giống như nền gạch bông ở Cố Đô Huế).

Xung quanh vách nhà được xây tường (20cm) bao bọc, mỗi bên có năm khung cửa sổ bằng gỗ có khung bao, có song sắt, phía trên mỗi khung bao có mái che mưa nắng tạt vào.

Trần nhà phía trước đóng ván ép màu trắng có khung trang trí, phía sau đóng bằng ván gỗ sơn màu nâu.

Về kết cấu khác với các ngôi nhà truyền thống thuần Việt phương Đông, chịu lực theo chiều đứng là trọng lực ngôi nhà phân bổ đều vào các cột và dồn xuống các viên đá tảng kê chân cột, theo chiều ngang các cột được nối với nhau bằng các kẻ tạo nên các vì kèo. Theo chiều dọc các vì kèo được nối với nhau bằng các xà (từ xà nóc đến chân) tạo thành bộ khung, không cần đến móng, tường để chịu lực.

Ngôi nhà này về phân chịu lực được phân bổ đều ở các cột, vách, móng. Về phần mái, cùng với kết cấu lồng trính xuyên lòn ở trên để chịu lực mái nhà trên vách, các cột được nối với nhau bằng các thanh gỗ lớn để làm nền cho mái và làm móc để đóng và gắn trần nhà.

Ngôi nhà với lối kiến trúc Đông Tây kết hợp, loại nhà nền gạch, lại có 03 gian lợp ngói âm dương, mặt trước xây dựng theo kiến trúc La Mã với hệ thống các cửa vòm, bên trong nhà là các hoành phi, câu đối, bao lam thành vòm, bàn thờ Quan Công với sự bài trí hài hoà cân đối, các mảng chạm khắc độc đáo với vẻ đẹp sâu lắng đã làm cho ngôi nhà có vẻ trang nghiêm cổ kính. Đây là sự giao thoa về kiến trúc Á - Âu của người dân Sa Đéc vào đầu thế kỷ XX.

Các con ông Huỳnh Thuỷ Lê sinh ra và lớn lên tại ngôi nhà này, đến khi trưởng thành ông cho du học ở Pháp và Mỹ đều đã thành đạt.

Ông Huỳnh Thuỷ Lê mất năm 1972 các con của ông đều đang học tập và làm việc ở nước ngoài. Ngôi nhà giao lại cho ngành Du lịch quản lý cho đến nay.

Đài truyền hình Đồng Tháp đã phối hợp với Hội sử học Sa Đéc quay phim và giới thiệu ngôi nhà của ông Huỳnh Thuỷ Lê trên sóng truyền hình trong chuyên mục văn hoá xã hội hàng tuần. Vào tháng 5 năm 2007, Trung tâm truyền hình Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh đã phối hợp với Hội sử học thị xã Sa Đéc (nay là thành phố Sa

Đéc) đã quay ngôi nhà này để giới thiệu trên sóng truyền hình Việt Nam trong chuyên mục Việt Nam - Đất nước – Con người.

Giá trị văn hóa, nghệ thuật

Trong dòng hồi tưởng của mình, Manguerite Duras đã viết nên tiểu thuyết có tên là L'amant (Người Tình) để kể về cuộc tình trắc trở của mình.

Dựa trên tiểu thuyết L'amant đạo diễn Jean Jacques Annaud đã dàn dựng bộ phim Người Tình được quay vào năm 1990 do hãng phim Renn Production của Pháp, phim lấy bối cảnh Sa Đéc, Đồng Tháp Mười, Sài Gòn, Hà Tiên, sông lòng tàu và cả miền Đông những năm 1927... Nhà văn Sơn Nam được mời làm cố vấn đạo diễn về lịch sử và phong tục của phim này. Đây là bộ phim với chi phí tốn kém, công phu và mất nhiều thời gian để tái hiện lại thiên tình sử Thuý Lê – Duras tại mảnh đất Sa Đéc giàu đẹp này và nơi đây ông Huỳnh Thuý Lê đã an giấc nghìn thu sau chuyến đi Pháp cuối đời, mãn nguyện vì đã nói lời sau cùng với người yêu mấy mươi năm trước, cũng là tiếng nói ăn năn dù đã muộn. Bà Duras ở chốn trời Tây tuyết phủ, từng giờ từng phút theo dõi đoàn làm phim bằng trái tim xúc động thổn thức cho đến khi phim được trình chiếu rộng rãi ở Pháp, Việt Nam và một số nước khác, có lẽ bà đã mãn nguyện và thanh thản ra đi về với vĩnh hằng (03/3/1996).

Qua bộ phim này, ngôi nhà của ông Huỳnh Thuý Lê được nhiều khách trong nước và nước ngoài đến tham quan di tích với thiên tình sử Thuý Lê – Duras.

Nhà cổ Huỳnh cầm Thuận có giá trị nhiều mặt về lịch sử kiến trúc nhà Nam bộ vùng Sa Đéc xưa vào đầu thế kỷ XX, kiến trúc ngôi nhà là sự giao thoa của hai loại hình kiến trúc phương Đông và phương Tây. Mặt trước nhà là hệ thống cửa vòm vòng cung kiến trúc La Mã thời kỳ phục hưng, trên nóc nhà có hình hai con rồng tranh trái châu, hai đầu nóc mái hình đầu đao tượng trưng cho gợn sóng, mũi thuyền vùng sông nước của kiến trúc phương Đông. Ý nghĩa này tự nó đã đem lại cho ngôi nhà một vị trí quan trọng trong kho tàng văn hoá địa phương.

Kiến trúc ngôi nhà có qui mô và điển hình của ngôi nhà ba gian của người Việt gốc Hoa ở Nam Bộ, trong nhà với nhiều mảng chạm khắc độc đáo các hoành phi, bao lam thành vọng sơn son thếp vàng với các đề tài chim loan, chim phụng, hoa cúc, cây trúc.... Ý muốn nói đến người quân tử trong nho giáo, loan phụng hoà minh sắc cầm hảo hiệp của cặp vợ chồng hạnh phúc, khác với người Việt, gian giữa họ thờ Quan Công còn gọi là Quan Thánh Đế Quân, Quan Công Xích Đế, Đức Quan Đế, Quan Vân Trường hay Quan Vũ. Ông là một nhân vật lịch sử sống vào thời Tam quốc cuối đời nhà Hán, ông sinh năm 162 tại tỉnh Hà Đông (Trung Quốc) và mất năm 219. Dân gian người Hoa thờ ông vì cho rằng ông là tượng trưng cho danh dự, lòng chung thủy, sự hy sinh, độ lượng, can đảm tốt bụng, công minh chính trực, sự dũng cảm...

Ngoài ra cũng vì ông đã hiền thánh và ông “độ” cho giới đàn ông. Họ với sự thành kính trang nghiêm, đây là một nét văn hoá đặc biệt của người Hoa.

Chiếc khánh thờ Quan Công với những hình ảnh rồng phụng, trái châu óng ánh cùng với các đồ thờ đã tạo nên nét uy nghi cổ kính cho ngôi nhà, bộ đi – văng cổ càn xà cừ, chiếc giường lớn với khung viền chạm trổ, chiếc tủ đứng cao, chiếc bàn trang điểm sang trọng... đã phản ánh cuộc sống vương giả của gia đình người gốc Hoa giàu có này.

Phần quan trọng tôn kính nhất đẹp đẽ nhất trong nhà là gian thờ Quan Công và ông bà cha mẹ. Đây là thể hiện sự kính trọng với bậc tiền nhân mà mọi người Hoa đều thờ cúng và tin tưởng vào sự phù hộ, ông bà cha mẹ là người đã có công sinh thành nuôi dạy tạo lập gia sản cho họ thừa kế và phát triển. Người đã tìm đến vùng đất mới giúp họ có cuộc sống tốt đẹp giàu sang hạnh phúc, họ luôn nghĩ rằng Quan Thánh Đế Quân, ông bà cha mẹ đã khuất luôn luôn chứng kiến mọi hoạt động trong đời sống sinh hoạt của mọi thành viên trong gia đình và bảo vệ phù hộ độ trì con cháu trong gia đình được an khang thịnh vượng trong đời sống tâm linh của họ.

Kiến trúc ngôi nhà là kiến trúc phương Đông và phương Tây kết hợp. Nhìn bên ngoài ta sẽ thấy rõ sự giao thoa của hai loại hình kiến trúc, vào trong nhà với các hoành phi, câu đối, bao lam thành vọng với rồng, chim loan, chim phụng, hoa cúc, hoa mai, cây trúc sơn son thếp vàng rực rỡ đặc sắc thể hiện đậm nét dấu ấn, kiến trúc phương Đông. Đặc biệt ngôi nhà người Hoa có khác với các ngôi nhà thuần Việt là lối ra vào nhà từ cổng đi thẳng vào cửa nhà ngay gian giữa, gian giữa nhà thờ Quan Thánh Đế Quân, Ông Bà, Cha Mẹ thờ ở hai gian bìa. Ngôi nhà người Việt thì cổng vào không đi thẳng vào cửa nhà mà thường nằm ở phía trái, gian giữa nhà thờ gia tiên, ông bà, cha mẹ, không thờ Quan Công.

Ngôi nhà là niềm tự hào của con cháu, của dòng họ, của những người Việt gốc Hoa ở Sa Đéc về sự thành đạt của họ tại mảnh đất này. Là nơi giới thiệu phát huy truyền thống lao động cần cù sáng tạo của các người thợ xây dựng ngày xưa. Ngôi nhà một dấu xưa còn lại để góp phần quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy những giá trị truyền thống văn hoá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam ở từng địa phương.

Năm 2009, nhà cổ Huỳnh Cẩm Thuận được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xếp hạng là di tích lịch sử Quốc gia loại hình Kiến trúc Nghệ thuật.

Ngôi nhà ông Huỳnh Thủy Lê rất có giá trị về nhiều mặt lịch sử văn hoá, kiến trúc nghệ thuật của kiến trúc nhà ở của người Việt gốc Hoa ở Nam bộ đầu thế kỷ XX cần phải được bảo vệ nguyên trạng, nhằm góp phần tích cực vào việc khôi phục các giá trị truyền thống, thực hiện mục tiêu xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc văn hoá dân tộc.

NHÀ CỔ Ở HỒNG NGỰ

Cùng bối cảnh hình thành nên diện mạo lịch sử, văn hóa, vùng đất, con người ở Nam bộ nói chung và Đồng Tháp nói riêng. Trong đó, Hồng Ngự địa phương thuộc vùng đất biên giới phía Nam của Tổ quốc thuộc tỉnh Đồng Tháp. Lịch sử hình thành làng mạc ở Hồng Ngự chịu tác động chung trong bối cảnh đó. Nhà ở là một yếu tố quan trọng, quyết định sự định cư giúp con người có cuộc sống “an cư lạc nghiệp” tồn tại và phát triển ở mỗi địa phương.

Xưa kia với tên Hùng Ngự, về sau là Hồng Ngự - tên gọi chung của huyện Hồng Ngự và thị xã Hồng Ngự hiện nay. Đây là huyện biên giới của tỉnh Đồng Tháp giáp tỉnh Prâyveng, vương quốc Campuchia. Huyện Hồng Ngự có địa hình khá đặc biệt có cù lao nổi giữa sông Tiền, nơi có 05 đơn vị hành chính cấp xã: Phú Thuận A, Phú Thuận B, Long Thuận, Long Khánh A, Long Khánh B, ở đây còn gìn giữ được rất nhiều nhà cổ; các xã còn lại thuộc đất liền.

Những ngôi nhà cổ ở Hồng Ngự tồn tại đến ngày nay đó là di sản văn hoá của lớp người từ Đàng ngoài vào vùng đất Nam bộ khẩn hoang lập nghiệp (khoảng từ thế kỷ XVI-XVIII). Khi cuộc sống ổn định, kinh tế gia đình khá giả, họ hoặc con cháu của họ bắt tay vào xây nhà để ở, từ đó hình thành nên làng mạc trên vùng đất này, do đó kiểu dáng và kết cấu của nhà ở Hồng Ngự có nhiều đặc điểm cơ bản giống nhà ở của miền Trung và miền Bắc. Tuy nhiên, vẫn có sự biến đổi một số chi tiết, kết cấu để phù hợp với thời tiết, khí hậu và điều kiện sinh hoạt trên vùng đất mới. Những ngôi nhà được dựng lên thời kỳ đầu nay đã trở thành nhà cổ, là dấu ấn lịch sử, di sản của tiền nhân - những người đi khai hoang lập làng mở mang vùng đất phương Nam của Tổ quốc.

Địa hình tự nhiên ở Hồng Ngự nhiều sông rạch, cù lao cư dân sống chủ yếu tập trung theo những bờ sông, rạch để tiện việc sinh hoạt, canh tác ruộng vườn, nuôi trồng thủy sản, vận chuyển nông sản, đi lại bằng phương tiện thủy v.v. từ đó hình thành nên tính cách, nếp sinh hoạt mang phong cách đặc trưng chung của vùng sông nước miền Tây Nam bộ, bởi địa bàn cư trú ven đường, sông, rạch nên nhà ở thường phân bố ở những nơi chính như:

Cư trú ven đường

Đối với loại hình cư trú ven đường thường có sơ đồ cấu trúc như sau: Sân – nhà - vườn – ao cá. Đây là cấu trúc đa số, nhưng cũng có những trường hợp cá biệt. Mô hình cư trú này thường là những người sinh sống ở vùng ven đường, xa kinh rạch hoặc đôi khi là khu vực ở thị tứ gắn với nghề nghiệp kinh doanh, mua bán hay là công chức ăn lương, ít gắn với công việc đồng ruộng. Thời kỳ này, đất rộng người thưa, nên người sinh sống ở thành thị vẫn sở hữu diện tích đất rộng rãi để lập ao vườn, tạo môi trường sống thoáng đãng. Vườn ao của họ đôi khi chỉ để nuôi, trồng “văn nghệ” tạo cây xanh bóng mát, dự trữ thực phẩm sử dụng trong gia đình là chính

chứ ít chú trọng đến yếu tố thu nhập kinh tế. Vì mặt bằng sinh hoạt có “chất thành thị” nên sự giao thoa kiến trúc khá phổ biến. Sử dụng vật liệu xây dựng hiện đại nhiều hơn vật liệu truyền thống.

Cư trú ven sông rạch

Được cấu trúc theo hai dạng: Bên nước (sông) - sân – nhà ; Bên nước – sân – nhà - vườn (hoặc ruộng)

Nhìn vào hai cấu trúc mặt bằng cư trú này ta nhận thấy địa điểm sinh sống của những người theo mô hình này là ở nông thôn, gần với vườn ruộng. Thông thường họ làm nghề nông, tập trung theo triền những con sông, rạch.

Nếu sông, rạch ở phía trước nhà thì theo cấu trúc: Cầu bên (sông) – sân – nhà - vườn (hoặc ruộng) và ngược lại sông, rạch sau nhà thì theo cấu trúc Sân – Nhà - Cầu bên (sông).

Hai cấu trúc mặt bằng sinh hoạt trên phổ biến hầu khắp các địa phương nông thôn trong tỉnh Đồng Tháp nói chung và Hồng Ngự nói riêng.

Bên nước - cầu ao nơi có xuồng, ghe neo đậu, mảnh vườn, thửa ruộng đã trở thành hình ảnh thân quen, khắc sâu vào tiềm thức của từng người dân nơi đây. Nó trở thành kỷ niệm khó quên khi mỗi lần xa quê. Đây cũng là nét đặc trưng để hình thành nên tính cách mến khách, giàu tình cảm của người dân miền Tây Nam bộ.

Nhà ở nói chung, nhà cổ nói riêng của những người dân nông thôn sống trên địa bàn Hồng Ngự đa phần sử dụng vật liệu sẵn có ở địa phương để làm nhà (đối với những hộ trung nông và bình dân), nhưng cũng có những hộ khá giả phú hào, điền chủ... tài chánh dồi dào thì chọn mua vật liệu gỗ (ở Nam Vang - Cam pu chia), to, bền, chắc kết bè, đợi mùa nước đổ của nhánh sông Tiền (từ sau Mùng 5 tháng 5 đến khoảng giữa tháng 9 âm lịch) thả xuôi về hạ nguồn để chuẩn bị vật liệu sử dụng làm nhà. Ngói mua ở những nơi sản xuất nổi tiếng chuyên đến như: Sa Đéc Vĩnh Long, Biên Hòa. Đặc biệt, có nơi như ở Sa Đéc, nhiều gia chủ (ông Huỳnh Thủy Lê, ông Nguyễn Thành Giung) còn chọn vật liệu sản xuất từ Pháp quốc, Trung Hoa để làm nhà. Nhà xây gạch thường được kết lại bằng ô dước.

Từ thực tế cuộc sống, mặt bằng phân bố nhà ở của người dân Hồng Ngự - Đồng Tháp nói riêng và đồng bằng sông Cửu Long nói chung ít nặng về phong thủy, hướng phù hợp với tuổi tác gia chủ mà họ nhận thức rằng miễn cát nhà xoay mặt tiền ra đường lộ hoặc sông, rạch là hướng lý tưởng nhất, thuận tiện cho việc lưu thông buôn bán, làm ăn chứ không còn chỉ ưu tiên cho hướng Nam, hướng Đông.

Các kiểu nhà chính ở Hồng Ngự:

Theo hình dạng bên ngoài

- Nhà không có chái
- Nhà có chái
- Nhà sắp đôi (xếp đôi)

Nhà loại này gồm hai nhà: nhà trên (trước), nhà dưới (sau) xếp song song.

- Nhà Sắp Đội có sân trong (sân thiên tĩnh), nhà trên và nhà dưới cách nhau một khoảng sân nhỏ.

- Nhà Sắp Đội có nhà dưới nổi dài, nhà dưới dài hơn nhà trên, phần nổi dài trông ra sân trước.

- Nhà Chữ Đinh:

Nhà trên và nhà dưới thẳng góc với nhau, đầu hồi nhà dưới ăn liền với mái hiên nhà trên.

- Nhà Bát Dàn:

Nhà loại này thường có ba hoặc năm gian hai chái.

Theo kết cấu bên trong:

- Nhà Nọc Ngựa:

Loại nhà này có một hàng cột giữa (đây là hàng cột chịu lực).

- Nhà Đâm Trính (xuyên trính, chày cối v.v)

Đây là biến thể của loại “nhà rường” miền Trung còn gọi là nhà bát trụ.



Theo mặt bằng xây dựng:

- Nhà nền đất: Nền nhà đắp cao hơn mặt sân, vườn xung quanh.

- Nhà sàn: Nhà được cất trên cọc lốt sàn để sống trong điều kiện nước ngập sâu kéo dài trong nhiều tháng.

Nhà kết cấu xuyên trính, cất năm 1876 ở ấp Long Thạnh B, xã Long Khánh A, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Loại hình nhà sàn gỗ (sàn cao), để tránh mùa lũ nước dâng cao và tiện dụng trong sinh hoạt (không gian sàn cao có thể dùng để ở khi nước rút, hoặc làm kho chứa vật dụng của gia đình). Mô hình nhà sàn trên cọc rất phổ biến ở Hồng Ngự.

Vật liệu làm nhà:

Nhà được xây cất bằng vật liệu tại chỗ cột kèo, đòn tay, đồ, xuyên, ván sàn được dùng bằng các loại tre, tràm, gáo, xoài... lợp bằng lá dừa nước hoặc bằng (đưng). Những hộ dân sử dụng vật liệu sẵn có tại chỗ này chủ yếu là người có gia cảnh kinh tế trung bình, nên nhà của họ mau hư hỏng vài năm phải thay thế, nên nhà của họ không phải là những ngôi nhà cổ hiện hữu đến nay. Song bên cạnh đó, có nhiều hộ gia đình làm ăn khá giả, phát đạt, họ chăm chút xây cất cho ngôi nhà của mình thật chắc chắn, kiên cố vững chải, đẹp đẽ lộng lẫy v.v. Họ chọn vật liệu nhà làm bằng gỗ quý, mướn thợ chạm trổ công phu, mái lợp ngói âm dương hay ngói móc, sử dụng gạch Sa Đéc nổi tiếng từ lâu, do có đất sét tốt và kỹ thuật cao, đã được tặng Giấy khen tại cuộc đấu xảo năm 1923 tại Hà Nội. Nhà xây gạch thường được kết lại bằng vôi cát và ô dước.

Nhà cổ được coi là di sản đặc sắc của làng mạc xưa, thể hiện ý chí, thành quả lao động, cùng những chính sách khẩn hoang của triều Nguyễn về “cuộc mở cõi” phương Nam. Là một trong những di sản mang đậm dấu ấn thời khẩn hoang của vùng đất Nam bộ nói chung và Hồng Ngự - Đồng Tháp nói riêng, chứa đựng nhiều thông điệp của quá khứ, có giá trị lịch sử, kiến trúc, văn hóa, nghệ thuật. Phản ánh đời sống, điều kiện ăn ở, sinh hoạt, đi lại, sự phát triển xã hội qua từng thời kỳ ở mỗi địa phương.

Nhà cổ Hồng Ngự mang nét kiến trúc dân gian truyền thống từ miền Bắc, miền Trung. Được kế thừa, cải biến để thích nghi với môi trường mới, tạo thêm không gian sinh hoạt thoáng đãng và thoải mái. Song, đó còn có sự dung hợp và giao thoa kiến trúc của nhiều dân tộc (Hoa – Việt), quốc gia (Hoa – Pháp, Pháp - Việt, Việt – Pháp – Hoa), đánh dấu sự phát triển của lịch sử kiến trúc xây dựng nước nhà, thể hiện qua hình thức, kiểu dáng. Đặc biệt, mô típ phong cách kiến trúc phương Đông - Tây phát triển song hành cùng kiến trúc nhà truyền thống của người Việt ở hồng Ngự - Đồng Tháp nói chung và cả nước nói riêng. Những ngôi nhà cổ từ trên 100 năm còn khá nhiều. Kết cấu, kiểu dáng phong phú, đa dạng còn tương đối nguyên vẹn, gồm: nhà chữ đình, bát dền, xếp đội v.v theo kiến trúc và sự giao kiến trúc Việt, Hoa, Pháp.

Nhà cổ ở Hồng Ngự thường được cất dọc hai bên bờ lộ, theo kênh rạch, yếu tố tiện lợi trong sinh hoạt “Nhất cận thị, nhị cận giang, tam cận điền, tứ cận lộ” được chú trọng hơn yếu tố phong thủy. Đây là cách ứng xử linh hoạt của tiền nhân trong việc dựng nhà. Cất trên nền đất đắp cao hơn mặt vườn, ruộng xung quanh, nền xây gạch hoặc ốp đá chẻ. Đối với những vùng nước ngập thì cất trên cọc, sàn lót ván.

Nhà được cất theo hai dạng chính là: thứ nhất là, nhà gỗ cột tròn, vách ván bỗ kho hay vách xây tường chịu lực bằng gạch, ô dước. Khung gỗ, kết cấu vì kèo “ăn mộng” âm dương, chốt gỗ tiện lợi trong việc tháo dỡ (không sử dụng đinh kim loại), sử dụng các loại gỗ quý như: cẩm xe, cà chát, kiền kiền, dền dền v.v. mái lợp ngói âm dương, ngói móc.



Dạng thứ hai, đối với những gia đình giàu có sử dụng vật liệu hiện đại để xây cất. Vật liệu, gạch, ngói, ô dước, xi măng v.v

Kiểu nhà xếp đội, số 107, tổ 6, ấp Phú Lợi A, xã Phú Thuận B, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp (mặt dựng theo phong kiến trúc phương Tây, kết cấu bên trong: khung gỗ, mái ngói vảy cá và mặt bằng sinh hoạt theo nhà truyền thống của người Việt)

Ở nhà cổ, bên trong đều có trang trí liễn đối, bao lam, hoành phi v.v. theo nội dung nho giáo mỹ từ khuyến nhủ, giáo dục đức hạnh con người, nuôi dạy con cháu ngoan hiền, giữ gìn lễ giáo gia phong, học hành đỗ đạt... hướng đến những giá trị chân, thiện, mỹ của cuộc sống.

Các đồ án trang trí theo phong cách nghệ thuật thời Nguyễn (từ thế kỷ XVIII đến thế kỷ XX) với các đề tài tứ thời: mai, lan, cúc, trúc; tùng, lộc, uyên ương, hoa dây, doi, lựu, tứ linh: long, lân, qui, phượng... chạm trổ tinh xảo, đường nét mềm mại, uyển chuyển đạt trình độ nghệ thuật cao, được thực hiện bởi đôi tay tài hoa của những người nghệ sĩ điêu khắc dân gian xưa.

Nhà thường được chia hai khu vực chính, thể hiện sự ngăn nắp của người xưa.

Nhà trên: phần trước căn nhà là nơi tiếp khách và thờ phụng tổ tiên. Chính giữa là nơi đặt bàn thờ và bàn đọc, hai bên phía trước là bộ trường kỷ, hai bên trường kỷ là hai bộ ngựa (có nơi gọi là bộ ván, bộ phản) phía trước hàng ba hay thảo bặt là nơi tiếp khách hay uống trà hàng ngày. Phía sau nhà trên, sau vách bàn thờ là nơi để những đồ đạc có giá trị hay buồng ngủ của những phụ nữ trong nhà.

Nhà dưới: nơi diễn ra sinh hoạt hàng ngày của gia đình, nấu nướng, ăn uống, may vá, để nông cụ sản xuất v.v.

Theo số liệu khảo sát, số lượng nhà cổ ở Hồng Ngự còn trên 20 căn. Tập trung chủ yếu ở các xã cù lao: Long Khánh A: 05 căn, Long Khánh B: 02 căn, Long Thuận: 03 căn, Phú Thuận A: 06 căn, Phú Thuận B: 02 căn.

Các ngôi nhà ở đây, gồm các kiểu nhà chủ yếu: ba gian, ba gian hai chái, ba gian chữ nhị, ba gian hai chái chữ đình (còn gọi là nhà bát dần) v.v

Theo dòng thời gian, những ngôi nhà này đã nhuộm màu rêu phong, cổ kính, khi thoáng nhìn ta có cảm giác lâng lâng hoài niệm về những giá trị lịch sử văn hóa đã hằn trên mái ngói, tường rêu. Đó là thành quả lao động miệt mài, sang tạo của người xưa đã để lại cho hậu thế chúng ta những di sản quý báu.

Những ngôi nhà cổ nói chung, nhà cổ ở Hồng Ngự - tỉnh Đồng Tháp nói riêng còn tồn tại đến ngày nay là di sản văn hóa của tiền nhân thời khẩn hoang thực hiện ước vọng “An cư lạc nghiệp”. Nó là tổ ấm, nơi sinh hoạt và thờ cúng tổ tiên, ông bà qua nhiều thế hệ. Được kế thừa, gìn giữ, lưu truyền các giá trị về vật chất, tinh thần, kinh nghiệm lao động sản xuất, nuôi dạy con cái và nền nếp gia phong lễ giáo v.v. để giáo dục con cháu trở thành những công dân có ích cho xã hội.

Bởi do ảnh hưởng các yếu tố: môi trường tự nhiên, thời tiết nóng ẩm, lụt lội thường xuyên xảy ra, trong lịch sử chiến tranh triền miên với bọn ngoại xâm và tốc độ đô thị hóa nông thôn ngày nay v.v. đã làm hư hao, thất thoát nhiều ngôi nhà cổ nói chung và nhà cổ ở Hồng Ngự nói riêng. Nhưng với số lượng còn tồn tại đến ngày nay, dù không nhiều như xưa, cũng có thể cho ta cảm nhận được những giá trị lịch sử văn hóa, nghệ thuật chạm khắc, trang trí, kỹ thuật kinh nghiệm xưa trong việc dựng nhà cửa; điều kiện và môi trường sinh sống, lao động, học tập phát triển sự nghiệp, làng nghề, xây dựng gia đình, làng mạc nuôi dạy con cái; cùng với những tập tục lễ nghi, thực hiện phong tục tín ngưỡng, lễ nghi, thờ cúng ông bà tổ tiên trong căn nhà do họ tạo dựng, tốn nhiều tài lực và tâm huyết trên vùng đất mới, mang dấu ấn lịch của thời kỳ khai hoang lập ấp, mở làng của vùng đất Hồng Ngự - Đồng Tháp xưa và đó cũng là thông điệp quá khứ của cả vùng đất Nam bộ do ông cha để lại.

Trong quá trình tồn tại, nhà cổ ở Hồng Ngự - Đồng Tháp còn để lại những dấu ấn nhất định về lịch sử phát triển kiến trúc xây dựng trên địa bàn tỉnh cũng như trong cả nước. Đó là những tiếp biến kiểu dáng nhà truyền thống của miền Trung, miền Bắc như nhà rường, nhà nóc ngựa v.v. thành những kiểu nhà phù hợp với mặt bằng xây dựng, điều kiện sinh hoạt sản xuất, có không gian sinh hoạt rộng rãi nơi môi trường khí hậu tương đối ôn hòa và mát mẻ trên vùng đất Nam bộ.

Về hình thức kết cấu, vật liệu xây dựng, phong cách kiến trúc cũng được dung hợp hài hòa và phong phú. Cho nên, trong số nhà cổ ở Hồng Ngự - Đồng Tháp còn nhiều ngôi nhà có sự giao thoa kiến trúc theo phong cách Đông - Tây (Pháp - Việt, Pháp - Hoa, Việt - Pháp - Hoa) v.v. những ngôi nhà này kiểu dáng cũng đa dạng, được xây dựng trên nhiều địa hình sinh hoạt theo điều kiện sinh sống và sản xuất của chủ nhà. Những ngôi nhà cổ còn đến nay đều rất qui mô, dù thời gian tồn tại dài trên dưới trăm

năm nhưng vẫn còn tương đối chắc chắn, không gian rộng rãi, trang trí lộng lẫy đẹp mắt. Điều này chứng tỏ chủ nhân rất có trình độ thẩm mỹ, dành nhiều tài lực, tìm những nhóm thợ mộc, thợ nề có kinh nghiệm, tay nghề cao để xây dựng nên ngôi nhà theo sở thích và ý nguyện của mình.

Căn nhà là ước vọng về mái ấm gia đình, là thành quả của mỗi cá nhân trong quá trình lao động phấn đấu không mệt mỏi để thực hiện ước mong “An cư lạc nghiệp”. Do vậy, ngôi nhà rất đổi thân thương và gắn bó sâu thẳm trong tình cảm và đời sống con người. Xin mượn hai câu thơ của nữ thi nhân (Huyện Thanh Quan) để nói về sự gắn bó và cần thiết của ngôi nhà đối với mỗi cá nhân:

*“Gác mái ngư ông về viễn phố,
Gõ sừng mục tử lại cô thôn”*

Lão chài buổi chiều gác mái về nơi bến xa, chú chăn trâu gõ cái mõ bằng sừng giục trâu về xóm quạnh, bến dù xa, xóm dù quạnh vẫn là nơi họ có một mái nhà. Không vì xa, vì quạnh, vì nghèo mà dễ dàng bỏ nơi đó ra đi.

Thật vậy, trong đời sống con người ai cũng cần một mái ấm gia đình để trú ngụ, sống gần gũi bên người thân ruột thịt. Vì vậy, ngôi nhà rất cần thiết và có ý nghĩa không chỉ để che mưa tránh nắng, làm nơi sinh hoạt cho các thành viên trong gia đình, mà còn là những tình cảm gắn bó, khi xa ta cảm thấy bồi hồi nhớ nhung ...

Những ngôi nhà cổ ở đất Đồng Tháp nói chung, Hồng Ngự nói riêng tồn tại trên dưới một thế kỷ, là một quãng thời gian dài để các thế hệ trong mỗi gia đình sống và sinh hoạt gắn bó với từng thành viên trong gia đình và tộc họ. Tạo nên tình cảm gắn bó thương yêu đoàn kết: con cháu thương kính, hiếu thảo với ông bà cha mẹ; anh em, họ hàng khắng khít tương trợ lẫn nhau. Cùng nhau vun đắp tình thân tộc, huyết thống giúp đỡ nhau trong lao động, học tập để xây mái ấm gia đình bền vững, cũng có hạt nhân xã hội vững chắc, làm nhân tố tích cực góp phần thúc đẩy xã hội phát triển, cho nên trong một bài nói chuyện tại Hội nghị dự thảo Luật hôn nhân gia đình, ngày 10/10/1959, Chủ tịch Hồ Chí Minh có nói:

*“Xã hội tốt thì gia đình càng tốt.
Gia đình tốt thì xã hội mới tốt.
Hạt nhân của xã hội là gia đình”.*

Ý thức bảo vệ, xây dựng gia đình của các thành viên trong gia đình còn thể hiện qua việc giữ gìn lễ thói, nề nếp gia phong, mỹ tục của gia đình làm nền tảng vững chắc bảo vệ các thành viên trong gia đình “miễn dịch” trước những “vi rút” cám dỗ mà trong quá trình phát triển xã hội bị các yếu tố ngoại lai xâm nhập qua từng giai đoạn lịch sử của quá khứ, hiện tại và tương lai.

Song hành với tinh thần bảo vệ, thực hiện những chuẩn mực đạo đức, định chế của gia đình và xã hội của các thành viên sống trong di sản nhà cổ nói riêng và cộng đồng dân cư nói chung, họ còn có trách nhiệm cùng nhau gìn giữ, tránh thất thoát những di sản vật chất của tiền nhân để lại. Đó là di sản nhà cổ và những vật dụng sinh

hoạt hàng ngày trong gia đình; đồ thờ cúng ông bà tổ tiên và những tài sản khác mà trải qua năm tháng tồn tại đã trở thành cổ vật có giá trị lịch sử, văn hóa, nghệ thuật, mỹ thuật và kinh tế trước nạn săn lùng, mua bán cổ vật như hiện nay. Góp phần gìn giữ, di sản văn hóa thời kỳ khẩn hoang trên vùng đất Hồng Ngự - Đồng Tháp vào kho tàng văn hóa của dân tộc.

Có thể nói đến thời điểm này, Hồng Ngự là địa phương còn lưu giữ được số lượng nhà cổ nhiều nhất trong tỉnh Đồng Tháp, kiểu dáng phong phú, tập trung chủ yếu ở hai các xã thuộc cù lao, nằm giữa đôi bờ sông Tiền, khí hậu bốn mùa mát mẻ, ruộng vườn xanh tốt, trái cây, nông sản phong phú. Đặc biệt nơi đây, nghề khai thác thủy sản có truyền thống từ xưa lưu danh qua địa danh Sở Thượng, Sở Hạ - ghi dấu nơi đầu thâu khai thác thủy sản dưới thời nhà Nguyễn. Xưa kia, khai thác cá tự nhiên. Nay, kết hợp với nghề ương cá giống, nuôi cá thịt: da trơn: cá tra, ba sa v.v đã trở thành nguồn lợi kinh tế thế mạnh của Hồng Ngự. Đến với Hồng Ngự ta sẽ gặp các nhà bè nuôi cá cặp san sát các phía bãi cồn sông Tiền theo quy hoạch của địa phương, nên nghề nuôi cá lồng bè ở đây phát triển mạnh cung ứng nguồn con giống, thực phẩm thủy sản cho thị trường trong nước và xuất khẩu quan trọng của tỉnh Đồng Tháp.

Với nhiều lợi thế và số lượng nhà cổ phong phú nằm ở cù lao Hồng Ngự, di sản của tiền nhân để lại chứa đựng nhiều giá trị văn hóa lịch sử quý giá, bên cạnh các di tích lịch sử văn hóa (được xếp hạng quốc, cấp tỉnh) đình Long Khánh, Long Thuận, Long khương miếu, miếu Bà Chúa Xứ; đình Phú thuận, Quan Đế Miếu (chưa xếp hạng) và nhiều di sản khác; cùng với làng truyền thống nghề dệt khăn choàng có hàng trăm năm, nghề đan giỏ v.v sẽ là tài nguyên để phát triển kinh tế du lịch dịch vụ làng nghề với nhà cổ. Mở các tour , tuyến du lịch sinh thái về Hồng Ngự chúng ta sẽ đưa du khách về miền sông nước chan hòa, đắm thắm giữa cảnh vật thiên nhiên với con người hiền hòa mến khách; hòa quyện giữa thực tại và quá khứ cùng hiện hữu trên mảnh đất Hùng Ngự - tên phiên hiệu của một đạo quân trấn giữ biên cương và thu thuế dưới triều Nguyễn, đến nay trở thành địa danh Hồng Ngự.

NHÀ CỎ TRĂM CỘT Ở HUYỆN CHÂU THÀNH

Thực hiện Kế hoạch kiểm kê di sản văn hóa trên địa bàn Tỉnh, chúng tôi có dịp đến ngôi nhà cỏ của gia tộc họ Lê. Đó là ngôi nhà tọa lạc tại số 337, tổ 6, ấp Tây, xã Tân Bình, huyện Châu Thành. Chủ nhân là ông Lê Minh Tồn, sinh năm 1942, cháu đời thứ tư gọi ông Lê Văn Nhẫn (hay ông Cả Nhẫn, theo tục danh quen gọi của người dân nơi đây) là ông cố, người đứng ra xây cất ngôi nhà này.

Từ trung tâm thành phố Sa Đéc theo quốc lộ 80, đi về hướng Đông –Bắc khoảng 2km, rẽ phải theo đường đàng, hướng đến Ủy ban nhân dân xã Tân Bình đi 5,5 km thì đến địa điểm nhà cỏ. Ngôi nhà này hiện là phủ thờ của gia tộc họ Lê, Theo lời kể của con cháu trong gia tộc, ông bà họ là lưu dân Nam tiến từ miền Trung vào. Lúc đầu khai phá ở vùng đất Vũng Liêm, (thuộc tỉnh Vĩnh Long ngày nay) do điều kiện làm ăn không mấy thuận lợi, lần hồi chuyển sang khai phá vùng đất Châu Thành (thuộc tỉnh Đồng Tháp ngày nay). Ở đây đất đai phì nhiêu dễ canh tác, nguồn thủy sản phong phú, điều kiện sống thuận lợi nên họ ở lại đây, định cư lâu dài và cất lên ngôi nhà gỗ chữ đình ba gian, hai chái bát dần tồn tại đến ngày nay.

Ngoại thất:

Nhà nằm cách lộ nông thôn khoảng 40m, phía trước là rạch Cầu Xây thuộc ấp Tây, xã Tân Bình. Mặt chính quay về hướng Đông – Bắc, trước nhà có sân rộng lát gạch tàu dùng để phơi nông sản. Xung quanh có vườn trồng nhiều loại cây ăn quả tạo bóng mát và huê lợi tăng thêm thu nhập kinh tế gia đình, giúp cuộc sống thêm sung túc.

Ngôi nhà này được coi là một kiến trúc nghệ thuật đặc sắc về nhà ở “Miệt vườn” Nam bộ. Nó được dựng trong khung cảnh thiên nhiên thoáng đãng, hài hòa giữa môi trường tự nhiên và công trình nhân tạo. Từ hình dáng đến kết cấu, cách trang trí bên trong cũng được thực hiện công phu, tỉ mỉ, hài hòa, đẹp mắt.

Toàn bộ mái lợp ngói âm dương. Hàng hiên liền nhau suốt dọc nhà trên và nhà dưới tạo thành một mảng dài ở mặt chính. Nóc nhà trên và nhà dưới nằm vuông góc với nhau. Bờ nóc mái ngói xây bê tông gạch, trên có trang trí hoa văn tạo sự thanh thoát cho mái nhà, lại vừa có tác dụng giữ mái không bị tốc khi trời giông bão.

Mặt bằng nhà được chia thành hai bộ phận nhà trên và nhà dưới theo kiến trúc nhà chữ đình. Nhìn trực tiếp từ ngoài cổng vào mặt chính nhà, nhà trên theo chiều ngang, nhà dưới theo chiều dọc, liền kề nhau, hai đòn dông (thượng lương) của nhà thẳng góc với nhau tạo thành dạng chữ đình (J- ký tự chữ Hán). Cũng có thể chữ đình hiểu theo nghĩa là “Đứa” là “Dân”, là “Người dân đen”, nên chữ đình tức là loại nhà của thường dân. Đặc điểm của nhà chữ đình cửa cái ở nhà trên trở ở cạnh dài, còn cửa cái của nhà dưới trở ở cạnh ngắn (tức ở đầu hồi nhà) nên cửa của hai nhà mở ra cùng một hướng. trước hai nhà có mái hiên và hàng hiên chung liền chạy suốt từ nhà trên

đến nhà dưới tạo đồng nhất cho ngôi nhà và có lẽ nhằm hạn chế bớt sự cách biệt giữa nhà trên và nhà dưới. Vì nhà trên được xem quan trọng hơn, có chức năng thờ cúng tổ tiên, ông bà, nơi dành để tiếp khách quý.... Như vậy quan hệ xã hội của nhà chữ đình là thể hiện trật tự Phong kiến phương Đông. Nhà trên biểu hiện vị trí của ông chủ nhà, còn nhà dưới mới là chốn giành cho phụ nữ trong nhà.

Thoạt tiên đến ngôi nhà cổ này, khi đứng dưới mái hiên ta có cảm giác rất mát mẻ, bởi nội thất rộng rãi và mái ngói đồ sộ của nó đã che phủ cả một khoảng không gian rộng lớn. Những hàng cột tròn bóng lộn, đứng nối nhau xếp ngang, dọc thẳng tắp thật là một kỳ tích của tiền nhân khi dựng lên bộ khung ngôi nhà này. Bởi những thân cột to tròn này nặng hàng tấn, với phương tiện thô sơ ngày xưa mà tổ tiên nhân đã dựng lên thẳng tắp để làm thân chịu lực đỡ mái nhà. Đội ngũ thợ cất nhà này là nhóm thợ người miền Trung được chia ra làm nhiều tổ, tổ làm nh, tổ trang trí, mỗi tổ đảm nhiệm một phần việc, như tổ chế tác gỗ theo từng công năng: cột, kèo, rui mè..., tổ cưa đẽo, tổ làm khuôn, chạm lọng... tất cả các công đoạn đều làm bằng thủ công và thực hiện theo sự chỉ huy của một người thợ cả. Ngoài tiền công theo thỏa thuận giữa chủ nhà đã hợp đồng với người thợ, còn bao mọi chi tiêu ăn, ở... của nhóm thợ. Đó là luật bất thành văn của người xưa trong việc cất nhà. Theo ông Lê Minh Tồn chủ nhân ngôi nhà này cho biết: *kiểu nhà này dân gian gọi là nhà “Trăm cột”*. Vì có một trăm cây cột đỡ mái ngói.

Kết cấu bộ khung:

Các bộ phận liên kết khung nhà, các bao lam hoành phi, liễn đối trang trí, các vật dụng sinh hoạt như: tủ, bàn, ghế... là những tác phẩm trang trí kiến trúc dân gian độc đáo có giá trị nghệ thuật cao. Từ những đường nét chạm trổ đến kỹ thuật lắp ráp đều được thực hiện một cách tinh xảo theo cách thức “Ăn mộng” âm dương khít khao, chắc chắn, tỉ mỉ và rất dễ tháo dỡ khi cần thiết. Trên các bao lam, cửa, hoành phi, liễn đối trang trí những đồ án thể hiện nhiều nội dung đề tài như: tứ thời (xuân, hạ, thu, đông), chim muông, hoa lá, tích sử, cảnh vật trời mây hữu tình.... Lòng ghép những ý tưởng, ước muốn có cuộc sống an nhàn, hạnh phúc của cư dân nông nghiệp nó chung và của gia chủ nói riêng. Chỉ thoáng sơ qua kết cấu bộ khung, ta có thể đoán được nguồn lực kinh tế của chủ nhân khi tạo dựng nên ngôi nhà là người giàu có.

Nhà cổ Tân Bình là một kiến trúc mang phong cách kiến trúc nhà rường ở miền Trung. Nhà được xây cất bằng những loại gỗ quý như: Cẩm xe, cà chát, gõ... theo lối kết cấu vì kèo xuyên trính, một kiểu kiến trúc phổ biến của những người giàu có, phú hộ ở Nam bộ đầu thế kỷ XVII đến cuối thế kỷ XIX. Chủ nhân ngôi nhà đầu tư bằng cả tâm huyết, tốn nhiều vật lực và tài lực tạo nên một ngôi nhà chắc chắn, đạt tính thẩm mỹ cao vừa để cư ngụ ổn định và chiêm ngưỡng những tác phẩm điêu khắc trang trí, chạm lọng đầy tính nghệ thuật của ngôi nhà.

Dù thời gian sử dụng đã trên một trăm năm nhưng đến nay bộ khung vẫn còn vững chãi, một phần nhờ vào kỹ thuật ráp nối của người xưa, phần nữa nhờ vào ý thức bảo quản của các thế hệ chủ nhân ngôi nhà đã góp phần gìn giữ và kéo dài tuổi thọ di sản của tiền nhân để lại. Tất cả gần như được bảo vệ nguyên vẹn, từ tán kê chân cột đến bộ khung: cột, kèo, đòn tay, rui, mè... đều được sơn, lau chùi bóng loáng cẩn thận.

Bằng kỹ thuật tài hoa, người thợ xây cất xưa – Người nghệ sĩ dân gian đã để lại cho chúng ta một kiệt tác độc đáo về kiến trúc công trình nhà ở. Từ kỹ thuật lắp ráp đến những đường nét chạm trổ đều được thực hiện một cách tinh xảo, chắc chắn, tỉ mỉ. Các bộ phận đều được chế tác công phu: những thân cột được bào thon gọn ở hai đầu, vừa đảm bảo yếu tố chịu lực lại có nét thẩm mỹ cao. Thân kèo chế tác theo kiểu kèo tam đoạn (còn gọi là kèo vò đậu) tạo sự thanh thoát. Thân và bụng kèo có viền chỉ, khắc chìm, chạm nổi hoa văn dây leo uyển chuyển đẹp mắt. Ở mỗi đầu kèo là một đồ án trang trí, thể hiện nội dung đề tài khác nhau, đầu đoạn kèo dưới, ở mặt dưới có dạng mái chèo, phía trên vót lên như hình đầu chim phượng. Trên mỗi đồ án trang trí chạm nổi chim thú, hoa lá, cảnh vật trời mây hữu tình... qua đó lòng ghép những ước muốn cuộc sống an nhàn, hạnh phúc của cư dân nông nghiệp nói chung và gia chủ nói riêng.

Với bộ khung vững chãi, các cột được làm bằng gỗ căm xe thân tròn to khỏe, xếp hàng song song theo chiều dọc và chiều ngang đứng chịu lực, ráp mộng khít khao với thân kèo, đòn tay. Các cột còn liên kết với các thanh xuyên. Tất cả được bố trí dàn đều từ mái hiên lên đỉnh nóc. Đầu và thân thượng lương gói trên thân đầu trong tỳ lên thân đà dọc ở lòng căn giữa. Phía trên các đòn tay là lớp rui to bản, dày để giữ ngói. Trọng lượng của mái ngói tải ra toàn bộ diện tích ngôi nhà và tỳ lên các đầu cột chuyển lực xuống chân cột, được cố định bởi các tán kê, tạo thế chân trụ vững chãi nâng đỡ toàn bộ ngôi nhà và có thể chống đỡ với thời tiết giông bão.

Ngôi nhà này là một công trình hoàn hảo về công năng, giá trị thẩm mỹ và nghi thức. Các nghi lễ dân gian trong quá trình xây dựng cũng được chú trọng và thực hiện nghiêm túc. Vì rằng, trong tâm thức của gia chủ, khi họ dựng ngôi nhà chỉ là một phần quan trọng bước đầu, còn yếu tố tinh thần mới là quyết định. Họ mong sao mọi thành viên trong ngôi nhà được sống yên vui hòa thuận, hạnh phúc, làm ăn phát đạt, con cái học hành tấn tới đỗ đạt thì khi ấy ngôi nhà mới là “Tổ ấm” hoàn hảo.

Nội thất:

Qua bậc thềm ở mái hiên nhà, ta có thể quan sát khái quát nội thất bên trong. Nó có không gian rộng rãi thoáng mát, đem đến cảm giác dễ chịu cho người ở. Những mảng trang trí, dụng cụ sinh hoạt, đồ thờ đều là những vật dụng có giá trị về kinh tế, lịch sử và văn hóa. Tất cả đều được bố trí sắp xếp ngăn nắp, lau chùi sạch sẽ... điều đó thể hiện ý thức gìn giữ, bảo quản của gia chủ rất cao. Đây là tinh thần

hoài cổ rất đáng trân trọng và đáng biểu dương trong việc bảo quản tài sản (là cổ vật) của gia đình và của quốc gia.

Sự lộng lẫy và hiện vật phong phú bên trong nội thất của ngôi nhà này đã làm cho những ai có dịp đến đây đều phải cất tiếng trầm trồ... Vì vậy ngôi nhà này đã nhiều lần được các đạo diễn chọn làm cảnh quay trong một số vở nghệ thuật cải lương (trong số đó có nghệ sĩ Út Bạch Lan đã từng đến đây ghi hình và nghỉ qua đêm tại ngôi nhà này).

Trở lại với nội dung trang trí nội thất ngôi nhà này, đó là trình tự sắp xếp và bố trí các đồ dùng sinh hoạt từ ngoài vào trong. Đầu tiên là phần hiên nhà, khoảng giữa cột hàng ba gian bìa đặt hai bộ ngựa gỗ dày, gồm hai tấm ghép lại (dày 11cm x 303 cm x 192 cm). Đây là nơi nghỉ ngơi và chuyện trò của những thành viên nam trong gia đình hoặc là khách nam của gia đình, bởi theo tục lệ coi trong nam của thời xưa phụ nữ không được lên nhà trên và ngồi trên bộ ngựa này.

Trên trần ở gian giữa treo bức hoành phi bằng gỗ nền thép nhũ vàng chạm nổi chữ Hán theo dạng đại tự, phiên âm là: HOÀ DONG

Tạm dịch là:

Hoà hợp và khoan dung

Bên trái, phía trước nhà dưới đặt bộ trường kỷ để trà nước tiếp khách hàng ngày.

Bước qua ngạch cửa nối liền với phần hiên (từ cột hàng nhì trở vào) mặt tiền của nhà trên là nơi thờ cúng ông bà tổ tiên, nhà dưới dùng để bố trí phòng ngủ và vật dụng sinh hoạt của gia đình.

Mặt chính và cửa của nhà trên và nhà dưới được làm bằng gỗ, lắp đặt liền mí với nhau. Cửa có song hình con tiện, bản gỗ (thượng song hạ bản) viền ô chạm khắc hoa lá, dây leo, hoa quả... mang ý nghĩa sung túc và hạnh phúc.

Ở ngay mặt chính, mỗi khung cửa và bao lam bố trí ở từng gian có nội dung trang trí và hình thức thể hiện phong phú riêng biệt.

Về khung cửa, khung ở ba gian chính có kích thước lớn hơn cửa ở hai chái (cửa ở hai chái có hình vòm uốn cong), cửa hai gian bìa của nhà trên có đỉnh vòm khép góc cạnh xiên, khung bao gian giữa uốn cong lơi liên mạch. Các đề khung cửa và xung quanh chạm nổi khắc chìm chỉ chút các đề tài trang trí uốn lượn uyển chuyển tựa hồ như là những nét vẽ phóng bút điêu luyện của một nhà hội họa tài hoa... nội dung thể hiện trên các đề tài trang trí ở đây là những mảng về thiên nhiên gần gũi cuộc sống con người, những đề tài có tính trí lý của tư tưởng nho giáo và các nội dung tín ngưỡng dân gian khác như: cuốn thư, quạt vả, sách bút, long, lân, qui, phượng, mắt cửa, phúc đáo (dơi quay đầu xuống), đào, lựu, tùng lộc, mai, lan, cúc, trúc, liên đới...

Liên trên khung cửa là bao lam được lắp đặt từng mảng nối liên tục với nhau đến tận trần nhà. Hình thức trang trí bao lam được thể hiện công phu, cân đối, hài hoà... không chỉ trong nội dung từng mảng mà cả tổng thể của nội dung trang trí ở mặt chính diện. Các đề tài ở đây thể hiện dưới dạng đồ án trang trí ô học, sử dụng kỹ thuật viền nổi chạm thủng, chạm nổi, chạm hai lớp, ba lớp... rất tinh tế và điêu luyện... tất cả được thể hiện dưới đôi tay của người “Nghệ sĩ dân gian” trong xây cất và trang trí nhà ở, những “Tác phẩm nghệ thuật” này mang phong cách kiến trúc điêu khắc gỗ thời Nguyễn ở giai đoạn cuối thế kỷ XIX. Những đề tài về phong cảnh thiên nhiên hoa, lá, chim thú... được họ thể hiện một cách uyển chuyển sinh động làm say đắm lòng lữ khách có dịp đến đây chiêm ngưỡng. Đó là nét đặc sắc và tiêu biểu của nội dung trang trí ở ngôi nhà cổ này, nó không những có giá trị về nghệ thuật, mà còn phản phát chút ít tư tưởng tâm linh về đời sống tinh thần của người đi khai khẩn vùng đất phương Nam, mong cầu một cuộc sống yên bình và hạnh phúc trên vùng đất mới.

Tiếp đến, vào bên trong nội thất ngôi nhà, không gian mặt tiền (từ cột hàng nhất mặt hậu trở ra) là nơi trang trọng nhất, ở đây được trang hoàng long lẫy với việc sắp đặt bài trí các nơi thờ phượng, bàn ghế, tranh liễn, đèn trang trí đều có thể xếp vào dạng cổ vật, được chạm khắc cẩn ốc xà cừ tinh tế long lẫy... có giá trị mỹ thuật và kinh tế cao. Có thể nói ngôi nhà này là Từ đường của tộc họ với sự qui tụ thờ cúng nhiều thành viên của tộc họ, không gian thờ cúng ở đây được bài trí khít khao nhưng không kém phần ngăn nắp và tôn nghiêm. Tùy vào thứ bậc giai cấp trong tộc họ mà bố trí nơi thờ, các dụng cụ thờ tự cũng có sự trân trọng ở cấp độ khác nhau. Và sự sắp xếp đó được quan sát như sau: từ ngoài vào, đầu tiên là bộ bàn ghế đặt ở phía gian bìa trái, có lẽ đây là nơi để sắp lễ vật trước khi mang lên bàn thờ cúng.

(1) Phan thị Yến Tuyết – Nhà ở - trang phục, ăn uống, trang 42)

Ở sát 02 chân cột hàng nhất chính giữa, mỗi bên đặt 02 chiếc ghế (dạng cò) một là, ghế có dạng bành tượng (yên voi), hai bên tay chạm long chữ song hỷ, phía lưng tựa có hình dơi quay đầu xuống mang ý nghĩa mong những điều tốt lành sẽ đến. Hai là ghế day tay cuốn, mặt ghế tròn, lưng tựa hình rẽ quạt, toàn bộ cẩn ốc xà cừ rất đẹp và có giá trị thẩm mỹ. Và trên mỗi cột hàng nhất đều có tranh liễn cẩn ốc xà cừ về các tích truyện (Nhị Thập Tứ Hiếu), thi, hoạ, chim, thú... ở đây, trên trần nhà còn có treo hai chiếc đèn trang trí, một là đèn chùm của Châu Âu sản xuất, hai là đèn lồng rất đẹp, chúng sẽ được thắp sáng mỗi khi gia đình có dịp tổ chức lễ bái tiệc tùng...

Kế đến là vị trí sắp xếp các bàn thờ tộc họ (dụng cụ thờ tự mỗi người đã khuất đều có tử thờ và giường thờ, ở những bàn thờ của bậc trưởng thượng tôn kính còn có trang trí tranh sơn mài cẩn xà cừ về các đề tài tứ thời: xuân, hạ, thu, đông – mai, lan, cúc, trúc...). Sự bố trí này được miêu tả tính từ trái qua phải (hướng từ trong nhà nhìn ra). Các tử thờ này đa số thuộc vào loại tử cò (trừ một chiếc nằm ở góc phải) thân tử cẩn ốc xà cừ, có chiếc cẩn ở mặt chính, có chiếc cẩn cả 03 mặt, chân có dạng chân quỳ, hình thức trang trí trên thân tử theo dạng ô học, trình bày đối xứng, cân đối thể

hiện các đề tài hoa lá, chim thú, tứ linh, phúc đáo... trên mỗi bàn thờ bài trí các dụng cụ thờ tự (bộ ngũ sự) gồm lư, chân đèn, hạc, đèn (bằng kim loại đồng thau) bình hoa (gốm), mâm bông (gốm) tất cả đều thuộc loại cổ vật. Đặc biệt lư trong bộ ngũ sự ở mỗi bàn thờ có hình dáng khác nhau như: lư mắt tre, lư lục giác, lư tròn, lư hộp vuông.

Như vậy, qua việc bài trí không gian thờ cúng ở gian mặt tiền của ngôi nhà này thể hiện tính trân trọng của gia chủ đối với ông bà tổ tiên. Đó là sự biểu hiện đạo hiếu của người Việt – Do tâm mà thành. Thờ, trong ý niệm coi người đã khuất vẫn còn chung sống với gia đình con cháu để chú tâm tưởng nhớ, chăm sóc, kính thương và tri ân mãi mãi.

Tiếp tục quan sát nội dung trang trí nội thất của ngôi nhà này, qua khỏi gian thờ, đi ra gian mặt hậu bằng một lối đi ở gian bìa trái. Bên trong gian này là nơi cất chứa vật dụng tài sản của gia đình. Ở đây đặt một số tủ có dạng cổ chứa đựng đồ dùng sinh hoạt gia đình.

Sau cùng, là hàng hiên mặt hậu, nơi đây để các lu khạp chứa nước sinh hoạt hàng ngày của gia đình.

Như vậy, thông qua việc quan sát và nghiên cứu về nhà cổ giúp cho chúng ta nhận thức được một số nội dung về đời sống vật chất, tinh thần của chủ nhân sống trong ngôi nhà đó. Bên cạnh đó, nhà cổ này là một di sản của tiền nhân để lại. Nó là vật chứng chứa đựng nhiều thông tin có giá trị về kiến trúc, lịch sử, văn hoá, xã hội... đó là tài sản quý báu không chỉ của chủ nhân nó mà là của toàn xã hội. Vì vậy chúng ta cần chung tay góp sức bảo vệ nhà cổ tồn tại được lâu dài.

MỤC LỤC

PHẦN 1. LÀNG NGHỀ - ẨM THỰC	1
MÓN DÂN DẪ NAM BỘ: CƠM GÓI MO CAU, CHUỘT XÀO SẢ ỚT VÀ CÁ LÓC NƯỚNG TRUI.....	1
NGHỀ CÂU TÔM Ở ĐỒNG THÁP	6
NGHỀ DỆT CHIẾU ĐỊNH YÊN	13
SÂN PHÔI, LẪM LÚA TRONG NẾP NHÀ XƯA Ở NAM BỘ	57
SEN ĐỒNG THÁP MÙI TRONG HỒN SEN VIỆT	60
THẦN ẨM CHAY VÀ NHỮNG GIAI THOẠI Ở ĐÌNH TÂN AN.....	145
PHẦN 2. NHÀ CỔ.....	152
NHÀ CỔ ĐỒNG THÁP - DI SẢN VĂN HÓA THỜI KHẮN HOANG	152
NHÀ CỔ ĐỒNG THÁP VÀ NÉT SINH HOẠT TRUYỀN THỐNG.....	156
NHÀ CỔ HUỲNH CẨM THUẬN - CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC, NGHỆ THUẬT QUỐC GIA ĐẶC SẮC THU HÚT NHIỀU DU KHÁCH QUỐC TẾ	313
NHÀ CỔ Ở HỒNG NGỰ	321
NHÀ CỔ TRĂM CỘT Ở HUYỆN CHÂU THÀNH	329

Chủ biên

Trần Thị Mỹ Trinh

Nhóm biên tập

Dương Thị Kim Dung

Trần Thị Thanh Duyên

Lê Phát Huy

Hiệu đính

Dương Thị Kim Dung

Trình bày bìa

Lê Phát Huy

THƯ VIỆN TỈNH ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: 05, Phạm Hữu Lầu, Phường 4, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp

Điện thoại: 02773 971 588

Email: dongthaplibrary@thuviendongthap.com

Website: <http://www.thuviendongthap.vn>

Facebook: facebook.com/thuviendongthap